

THE NUMBER ONE BESTSELLER

JEFFREY ARCHER



LUẬT GIANG HỒ

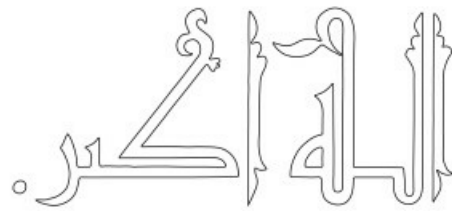
BẢN DỊCH BỔ GIANG

JEFFREY ARCHER

LUẬT GIANG HỒ

(HONOR AMONG THIEVES, 1993)

BỒ GIANG DỊCH



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC - 2004

epub©vctvegroup | 14-11-2017

GIỚI THIỆU

Câu chuyện xảy ra vào năm 1993. Địa điểm là Washington DC. Tổng thống Hoa Kỳ, Clinton thay thế George Bush. Ở London, Margaret Thatcher đã bị mất chức bởi đảng của chính bà. Ở Moscow, Gorbachev bị lật đổ bởi những thế lực mà ông không thể kìm chế.

Những đối thủ trong chiến tranh vùng Vịnh, người sống sót duy nhất là Saddam Hussein. Và Saddam đang mưu tính một cuộc trả thù khiến Hoa Kỳ không còn có thể làm gì khác hơn là trả đũa.

Với sự thông đồng của một trùm mafia, một tay làm giấy tờ giả giỏi nhất thế giới và một trong những phụ tá đặc biệt của Tổng thống Clinton, Saddam sắp đặt kế hoạch: âm thầm đánh tráo bản gốc Tuyên ngôn Độc Lập của Hoa Kỳ tại viện Bảo tàng lịch sử bằng một bản giả và dự định thiêu huỷ bản gốc tại Baghdad vào ngày Quốc khánh Mỹ, 4 tháng 7, với sự chứng kiến của các cơ quan truyền thông quốc tế. Mục đích là hạ nhục dân tộc Hoa Kỳ. Trong lúc âm mưu được tiến hành, chính phủ Hoa Kỳ không hề hay biết.

Một nhân vật hoàn toàn không thích hợp vô tình bị lôi cuốn vào tấn kịch này: Scott Bradley, một giáo sư trẻ tuổi của trường Đại học Luật Yale. được CIA giao một nhiệm vụ đơn giản là khám phá lý do một nữ nhân viên Mossad xinh đẹp được cài vào Ban lợi ích của Iraq trong toà Đại sứ Jordan ở Paris, và bất ngờ khởi sự lần ra manh mối của âm mưu phi thường này.

Một nhân viên Mossad và một giáo sư Yale có thể ngăn chặn được Saddam Hussein trước ngày Độc lập hay không? Câu hỏi này xin để Jeffrey Archer trả lời quý bạn đọc.

Một điều kỳ thú khác: cho đến nay, trong toàn bộ tác phẩm của Jeffrey

Archer bao gồm 11 cuốn tiểu thuyết, 5 tập truyện ngắn, 3 vở kịch và 2 hồi ký về nhà tù, đã có 9 cuốn tiểu thuyết và 3 tập truyện ngắn được xuất bản tại Việt Nam, tất cả đều được nhiệt liệt đón tiếp, nhất là cuốn “Hai Số Phận” đã được xuất bản, và cuốn cuối cùng “Song of Fortune” vừa mới được ấn hành trong năm 2003 và chắc chắn cũng sẽ được ra mắt ở nước ta trong nay mai.

Jeffrey Archer sinh năm 1940 và theo học tại trường trung học Wellington ở Somerset, rồi trường đại học Brasenose ở Oxford. Ông đã bắt đầu sự nghiệp văn chương từ năm 1974 với tác phẩm “Không Hơn Một Xu, Không Kém Một Xu”. Ông đã từng được đặc cử vào Hạ nghị viện Anh năm 1969, từ tháng 9 năm 1985 đến tháng 10 năm 1986 là Phó Chủ tịch đảng Bảo thủ. Ông có gia đình với hai người con.

Ngày 30 tháng 01 năm 2004.

BỒ GIANG N.N.T.

CHƯƠNG 1

New York

Ngày 15-2-1993

Antonio Cavalli chăm chú quan sát người Ả Rập, người mà y nghĩ là quá trẻ để có thể là một viên Phó Đại sứ.

— Một trăm triệu đô la, – Cavalli nói, phát âm từng từ một xách chậm rãi và thận trọng, khiến cho lời nói gần như có vẻ tôn kính.

Hamid Al Obaydi búng một hạt nhỏ^[1] qua mút ngón tay cái được cắt sửa móng cẩn thận, gây ra một tiếng động làm cho Cavalli khó chịu.

— Một trăm triệu là hoàn toàn có thể chấp nhận. – viên Phó Đại sứ đáp lại bằng một giọng tiếng Anh sắc gọn. Cavalli gật đầu. Điều duy nhất khiến y băn khoăn về dịch vụ này là Al Obaydi đã không hề mặc cả, nhất là về con số mà anh chàng người Mỹ đề xuất cao gấp đôi dự kiến y có thể đạt được. Cavalli đã có nhiều kinh nghiệm đau đớn là không nên tin tưởng bất cứ kẻ nào không mặc cả. Điều đó hiển nhiên có nghĩa là kẻ đó đã rắp tâm không trả tiền từ trước.

— Nếu con số đó đã được đồng ý, – y nói, – thì chỉ còn lại việc thảo luận tiền sẽ được trả như thế nào và lúc nào.

Viên Phó Đại sứ lại búng một cái hạt khác trước khi gật đầu.

— Mười triệu đô la sẽ được trả bằng tiền mặt ngay tức khắc, – Cavalli nói, – chín mươi triệu còn lại sẽ được gửi vào một tài khoản ngân hàng Thụy Sĩ ngay sau khi hợp đồng đã được thực hiện.

— Nhưng tôi được cái gì với mười triệu đầu tiên của tôi, – viên Phó Đại

sứ vừa hỏi vừa nhìn chăm chăm vào mặt người đàn ông mà lai lịch khó thể che dấu chẳng khác gì chính ông ta.

— Không có gì cả, – Cavalli trả lời, mặc dầu y thừa nhận người Ả Rập có quyền hỏi.

Xét cho cùng, nếu Cavalli không có cái vinh dự được mặc cả, thì viên Phó Đại sứ lại phải mất thêm tiền của chính phủ ông ta.

Al Obaydi lại búng một cái hạt, biết rằng mình đã có dịp lựa chọn – mới cách đây hai năm ông ta đã gặp gỡ Antonio Cavalli một lần. Cùng lúc đó, Tổng thống Clinton đã bước vào Nhà Trắng, trong lúc vị lãnh tụ của chính ông ta càng ngày càng nôn nóng phục hận. Nếu ông ta không chấp thuận điều kiện của Cavalli, Al Obaydi biết rằng khả năng tìm được một người nào khác có đủ sức thực hiện công việc trước ngày 4 tháng 7 chẳng khác gì con số không đang bò trên bàn ru lét chỉ còn một vòng quay.

Cavalli ngược mắt nhìn lên bức chân dung lớn ngự trên bức tường phía sau bàn của viên Phó Đại sứ. Cuộc tiếp xúc đầu tiên của y với Al Obaydi đã diễn ra chỉ mấy ngày sau khi cuộc chiến tranh kết thúc. Đúng thời gian người Mỹ từ chối thương lượng với người Ả Rập, vì ít có ai tin được rằng vị lãnh tụ của viên Phó Đại sứ vẫn còn sống trước khi một cuộc gặp gỡ sơ bộ được dàn xếp.

Tuy nhiên, trong lúc nhiều tháng tiếp tục trôi qua, Cavalli bắt đầu nhận thấy khách hàng đầy tiềm năng của y có thể tồn tại lâu hơn Tổng thống Bush. Thế là một cuộc gặp gỡ thăm dò đã được dàn xếp.

Nơi gặp gỡ được chọn là văn phòng của viên Phó Đại sứ ở New York, trên đường 79. Mặc dầu Cavalli vốn không thích một nơi quá đông đảo, nơi này vẫn có ưu điểm đầy đủ điều kiện đúng theo yêu cầu để sẵn sàng đầu tư một trăm triệu đô la cho một công việc táo bạo như thế.

— Ông muốn chúng tôi trả mười triệu đầu tiên như thế nào? – Al Obaydi hỏi, tựa hồ ông ta đang nói với một nhân viên địa ốc về việc đặt cọc tiền cho

một ngôi nhà nhỏ trong khu vực thấp kém của Brooklyn Bridge.

— Toàn bộ số tiền này phải được giao bằng giấy bạc một trăm đô la đã qua sử dụng, không đánh dấu và gửi vào các ngân hàng của chúng tôi ở Newark, New Jersey, – Cavalli nói, mắt nheo lại rồi tiếp. – Tôi không cần lưu ý ông rằng chúng tôi có cả một bộ máy kiểm tra.

— Ông khỏi phải lo ngại chúng tôi sẽ thất hứa trong vụ này, – Al Obaydi ngắt lời. – Số tiền đó, như người phương Tây các ông thường ví von, chỉ là một giọt nước giữa đại dương. Điều duy nhất tôi quan tâm là các ông có đủ khả năng thực hiện phần giao ước của mình hay không.

— Ông sẽ không đời nào hối thúc cuộc gặp gỡ ngày hôm nay nếu ông nghi ngờ chúng tôi không đảm đương nổi công việc này, – Cavalli vắn lại. – Nhưng tôi khó lòng tin tưởng ông có thể gom góp một số tiền mặt lớn đến thế trong một thời gian ngắn như thế.

— Tôi có thể cho ông biết, ông Cavalli, – viên Phó Đại sứ trả lời, – rằng số tiền này đã được gửi trong một tủ sắt dưới tầng hầm của trụ sở Liên Hiệp Quốc. Xét cho cùng, không một ai có thể nghĩ sẽ tìm thấy một số tiền lớn như vậy trong căn hầm của một tổ chức đã gần như khánh tận.

Nụ cười vẫn ở trên mặt của Al Obaydi chứng tỏ rằng viên Phó Đại sứ người Ả Rập rất thích thú với lời nói hóm hỉnh của mình, cho dù đôi môi của Cavalli vẫn không hề cử động.

— Trưa mai, mười triệu sẽ được chuyển vào ngân hàng của ông, – Al Obaydi nói tiếp trong lúc ông ta đứng lên để báo hiệu, đối với ông ta, cuộc gặp gỡ đã kết thúc.

Viên Phó Đại sứ đưa bàn tay ra và người khách miễn cưỡng bắt.

Cavalli lại ngược mắt lên nhìn bức chân dung của Saddam Hussein một lần nữa, trước khi quay người và nhanh bước đi ra.

Khi Scott Bradley bước vào phòng mọi người cùng im lặng với vẻ trông đợi.

Anh đặt tập giáo trình trên bàn trước mặt anh, mắt lướt qua giảng đường. Căn phòng đông nghẹt những sinh viên trẻ háo hức đang cầm bút mực và bút chì đang chờ sẵn trên tập giấy màu vàng đúng qui định.

— Tên tôi là Scott Bradley, – vị giáo sư trẻ nhất của trường luật nói, – và đây sẽ là bài đầu tiên trong số mười bốn bài giảng về luật Hiến pháp.

Bảy mươi bốn khuôn mặt cùng trở mắt nhìn người đàn ông cao lớn khá nhếch nhác hiển nhiên là không để ý thấy nút trên cùng của chiếc áo sơ mi quên cài và cũng không quyết định nên chải mái tóc về phía nào hồi sáng hôm nay.

— Tôi muốn bắt đầu bài giảng thứ nhất này với một lối trình bày của bản thân tôi, – anh thông báo, và trong lúc một số bút mực và bút chì vẫn còn bất động, anh bắt đầu. – Có nhiều lý do để thực thi pháp luật trong đất nước này, nhưng chỉ có một lý do thích hợp với các anh chị và chắc chắn chỉ có một lý do khiến tôi quan tâm. Nó ứng dụng với mọi khía cạnh của pháp luật mà có lẽ các anh chị đều thích theo đuổi và nó đã không bao giờ được diễn đạt chính xác hơn bản văn ghi chép trong *Tuyên ngôn Mười ba bang* của Hoa Kỳ: “*Chúng ta giữ vững các chân lý đó để tự tin rằng tất cả mọi người đều bình đẳng, đều được tạo hoá ban cho một số quyền lợi bất khả nhượng, trong đó có quyền sống, tự do, và tìm kiếm hạnh phúc*“. Chính câu đó là điều khiến cho Hoa Kỳ khác với bất kỳ quốc gia nào khác trên địa cầu.

Vị giáo sư trẻ vẫn chưa nhìn vào tập giáo trình trong lúc anh ta vừa nói tiếp vừa đi lên đi xuống làm giật mạnh các ve áo của chiếc jacket bằng vải tuột đã sờn nhiều chỗ.

— Về một số phương diện, đất nước chúng ta đã tiến bộ một cách mạnh mẽ kể từ năm 1776, trong lúc về một số phương diện khác chúng ta đã thụt lùi rất xa. Mỗi một người trong các anh chị tại giảng đường này sẽ là thành viên của thế hệ kế tiếp bao gồm những người làm ra pháp luật hoặc vi phạm pháp luật...

Anh ngừng lại một lát, thăm dò bầu không khí đang mỗi lúc một thêm im lặng rồi tiếp ngay:

— ... và các anh chị đã được ban cho món quà lớn hơn hết thầy giúp các anh chị có thể lựa chọn, đó là một trí tuệ xuất sắc. Khi các bạn đồng nghiệp của tôi và chính tôi đã hoàn tất việc giảng dạy cho các anh chị, nếu muốn các anh chị có thể bước vào đời sống thực sự và không cần biết tới bản Tuyên ngôn Độc lập tựa hồ nó có giá trị không hơn một văn bản đã được viết ra quá lâu nên đã lạc hậu và không còn thích hợp với thời kỳ hiện đại này nữa.

Anh lại dừng rồi nói tiếp:

— Hoặc là, các anh chị có thể lựa chọn con đường làm lợi cho xã hội bằng cách tăng cường pháp luật. Đó chính là con đường mà các luật sư tài giỏi đi theo. Còn các luật sư đồi bại, và tôi không có ý nói họ là những kẻ ngu xuẩn đâu nhé, thì lại bắt đầu uốn cong pháp luật, việc này theo tôi chỉ cách việc vi phạm pháp luật có một bước mà thôi. Đối với những người như các anh chị trong lớp học này thích đi theo một con đường như thế thì tôi phải thừa nhận rằng tôi không có gì để giảng dạy cho các anh chị đâu, bởi vì các anh chị không thể học hỏi gì được ở tôi. Các anh chị vẫn còn có quyền tham dự các buổi giảng bài của tôi, và “tham dự” là tất cả những gì các anh chị sẽ làm.

Căn phòng im lặng đến nỗi Scott phải ngược lên để kiểm tra tất cả sinh viên đã lên ra ngoài hay không. Rồi anh lại tiếp tục vừa nhìn vào các bộ mặt đang tỏ ra hết sức chú ý.

— Đó không phải là lời nói của tôi, mà của Dan Thomas W. Swan, người đã giảng dạy tại giảng đường này trong suốt hai mươi bảy năm của thế kỷ

này. Tôi thấy cần phải nhắc lại triết lý về cuộc sống của ông ấy mỗi lần tôi nói chuyện với một lớp học mới khai giảng của trường Đại học luật Yale.

Đến đây vị giáo sư mới bắt đầu mở tập giáo trình trước mặt và bắt đầu:

— Luận lý học là khoa học và nghệ thuật suy luận một cách chính xác. Không gì khác hơn là lẽ thường có người nói như thế. Và không gì khác thường như thế, Voltaire nhắc nhở chúng ta. Nhưng những kẻ kêu gào lẽ thường cũng chính là những người làm biếng rèn luyện trí tuệ. Oliver Wendell Homes đã có lần viết: *“Cuộc sống của pháp luật không phải là lý luận, mà là kinh nghiệm”*.

Những cây bút bắt đầu viết lia lịa trên những trang giấy vàng, và cứ tiếp tục như vậy suốt năm mươi phút sau khi Scott Bradley kết thúc bài giảng, anh gấp tập giáo trình lại, cầm lên tay và bước nhanh ra khỏi phòng. Anh không cần cho phép mình tự ở lại lâu hơn để nhận những tràng vỗ tay liên tục theo sau bài giảng của anh trong mười năm qua.

Hannah Kopec vẫn được xem như một người ngoài và cũng là một người đơn độc, mặc dầu được giới có quyền lực xem là kẻ đơn độc vẫn ưu thế hơn.

Hannah đã được nghe nói rằng cơ hội để cho nàng được tỏ ra có khả năng thật mỏng manh nhưng giờ đây nàng đã vượt qua phần khó khăn nhất là huấn luyện thể lực mười hai tháng, và mặc dầu nàng chưa từng giết chết một ai – sáu trong số tám ứng viên cuối cùng đã từng – giới quyền lực giờ đây tin chắc nàng có khả năng làm việc đó. Hannah biết mình có thể.

Trong lúc chiếc phi cơ cất cánh khỏi phi trường Ben Gorion ở Tel Aviv để bay đi Heathrow, một lần nữa Hannah lại suy nghĩ cái gì đã khiến cho một cô gái hai mươi lăm tuổi đang ở đỉnh cao của nghề người mẫu lại muốn nộp đơn

vào học viện tình báo và đặc vụ – được biết nhiều hơn với cái tên Mossad – trong khi nàng có khả năng lấy được chồng giàu ở hơn chục thủ đô trên khắp thế giới.

Ba mươi chín hoả tiễn Scud đã rơi xuống Tel Aviv và Haifa trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh. Mười ba người đã chết. Mặc dầu có nhiều cảnh tang tóc và căm phẫn, chính phủ Do Thái đã không đòi hỏi trả thù nhờ một cuộc thương lượng gay go của James Baker, ông này đã bảo đảm với họ rằng các lực lượng liên minh sẽ chấm dứt mọi việc. Ngoại trưởng Mỹ đã thất bại trong việc thực hiện lời hứa của ông. Thế nhưng, như Hannah thường suy nghĩ Baker đã không mất trọn gia đình trong một đêm.

Hôm nàng ra khỏi bệnh viện, Hannah đã lập tức xin gia nhập Mossad. Họ đã xoa dịu lời yêu cầu của nàng, đoán nàng sẽ lành vết thương sau một thời gian. Hannah đã đến trụ sở của Mossad mỗi ngày trong suốt hai tuần lễ kế tiếp, do vậy chính họ cũng phải thừa nhận rằng vết thương vẫn không hàn gắn lại được và quan trọng hơn, vẫn còn mưng mủ.

Trong tuần lễ thứ ba họ miễn cưỡng cho phép nàng tham dự một khoá huấn luyện, tin chắc rằng nàng sẽ không có hy vọng tồn tại trong vòng vài ngày, và lúc bấy giờ sẽ trở lại với nghề người mẫu của nàng. Họ lại sai lầm một lần thứ hai. Phục thù đối với Hannah là một thứ ma tuý có tác dụng mạnh hơn cả tham vọng. Trong mười hai tháng sau đó nàng làm việc nhiều giờ ròn rã bắt đầu trước khi mặt trời mọc và kết thúc rất lâu sau khi mặt trời lặn.

Nàng ăn một món mà thậm chí một kẻ vô gia cư cũng không thèm và quên hẳn cái cảm giác nằm ngủ trên một tấm nệm. Họ thử mọi thứ để bắt nàng phải suy sụp và thất bại. Thoạt tiên các huấn luyện viên đối xử với nàng một cách nhẹ nhàng, ngần ngại vì thân hình duyên dáng và vẻ mặt quyến rũ của nàng, cho đến lúc một người trong bọn họ bị gãy một chân. Anh ta không tin Hannah có thể cử động nhanh đến thế. Trong lớp học, trí thông minh sắc sảo của nàng lại càng gây một nỗi kinh ngạc cho các huấn luyện viên, mặc dầu

một lần nữa nàng đã cho họ một chút thời gian để nghỉ ngơi. Nhưng giờ đây thì họ đã bắt đầu hiểu rõ con người thực sự của nàng.

Ngay từ lúc còn bé, Hannah vẫn luôn luôn xem việc nàng có thể nói được nhiều ngoại ngữ là đương nhiên. Nàng ra đời ở Leningrad năm 1968 và sau khi cha nàng chết mười bốn năm, mẹ nàng lập tức nộp đơn xin phép di cư sang đất nước Do Thái. Ngọn gió mới đang thổi qua cái quốc gia vùng biển Baltic^[2] đã giúp cho bà có thể được toại nguyện.

Gia đình của Hannah không phải ở lâu trong một khu tập thể: mẹ nàng, vẫn còn là một người phụ nữ quyến rũ và hoạt bát, nên nhận được khá nhiều lời cầu hôn, một trong số đó xuất phát từ một người đàn ông goá vợ giàu có, bà đã nhận lời.

Khi Hannah, em gái của nàng là Ruth và em trai là David dọn về ngôi nhà mới của nàng trong một quận thanh lịch của thành phố Haifa, toàn bộ thế giới của họ đã thay đổi. Người bố dượng say mê bà mẹ của Hannah và tặng cho gia đình đủ thứ quà, việc mà ông chưa từng làm trước kia.

Sau khi Hannah tốt nghiệp trung học nàng nộp đơn ở nhiều trường đại học Mỹ và Anh để học sinh ngữ. Mẹ nàng không đồng ý, và vẫn thường gọi ý rằng với một dáng người như nàng, cùng mái tóc đen dài và khuôn mặt tuyệt đẹp khiến cho đám đàn ông từ mười bảy đến bảy mươi tuổi cũng phải ngoảnh đầu nhìn theo, nàng nên theo nghề người mẫu. Hannah bật cười to và giải thích rằng nàng có nhiều việc tốt đẹp hơn để làm trong cuộc đời của nàng.

Mấy tuần lễ sau đó, Hannah đã có một cuộc phỏng vấn tại Vasser, rồi nàng đến gặp gia đình nàng đang nghỉ hè ở Paris. Nàng cũng dự tính thăm Rome và London, nhưng nàng đã nhận được quá nhiều lời mời ân cần của những người dân Paris mãi đến khi ba tuần lễ trôi qua rồi nàng mới nhận thấy đã không có một lần nào rời khỏi thủ đô của nước Pháp. Đúng vào ngày thứ năm cuối cùng của cuộc nghỉ hè thì *Mode Rivoliagency* đã đề nghị nàng một hợp đồng mà không một bằng cấp đại học nào có thể mang lại cho nàng. Nàng trả tấm vé về Tel Aviv cho mẹ và ở lại Paris để làm công việc đầu tiên.

Trong thời gian nàng ổn định cuộc sống ở Paris, Ruth được gửi đến học năm cuối ở Zurich và David được nhận vào học ở trường đại học kinh tế London.

Tháng giêng năm 1991, tất cả ba chị em cùng trở về Do Thái để dự lễ sinh nhật lần thứ năm mươi của mẹ. Giờ đây Ruth là một sinh viên của trường đại học Mỹ thuật Slade, David đang học để thi PHD, và Hannah xuất hiện một lần nữa trên trang bìa của tạp chí *Elle*.

Trong thời gian đó quân đội Mỹ đang tập trung trên biên giới Kuwait, và nhiều người Do Thái bắt đầu lo lắng về một cuộc chiến tranh, ngôi nhà của họ ở trên phía Bắc của thành phố và do đó sẽ không bị ảnh hưởng đối với bất kỳ một cuộc tấn công nào.

Một tuần lễ sau, vào đêm sinh nhật thứ năm mươi của mẹ, tất cả mọi người đều ăn uống khá nhiều, rồi ngủ say. Cuối cùng khi Hannah tỉnh dậy, nàng nhận thấy mình lại bị buộc chặt trên một cái giường của bệnh viện. Nhiều ngày sau người ta mới nói cho nàng biết rằng mẹ nàng cùng cậu em trai và cô em gái đã chết ngay tại chỗ vì một hoả tiễn Scud đi lạc, và chỉ có ông bố dượng của nàng thoát chết.

Suốt mấy tuần Hannah nằm trên giường bệnh viện nghiền ngẫm cách trả thù. Cuối cùng khi nàng được xuất viện ông bố dượng của nàng bảo ông hy vọng rằng nàng sẽ quay lại với nghề người mẫu, tuy nhiên ông sẽ giúp đỡ nàng trong bất cứ việc gì nàng muốn làm. Hannah cho ông biết nàng sẽ gia nhập Mossad.

Thật trớ trêu vì giờ đây nàng ở trên chiếc phi cơ đi London mà đáng lẽ ra cậu em trai của nàng phải đáp để hoàn tất việc học ở LSE^[3]. Nàng là một trong số tám nhân viên thực tập được phái đến thủ đô nước Anh để tham dự một lớp học cao cấp tiếng Ả Rập. Giờ đây nàng có thể suy nghĩ bằng tiếng Ả Rập, cho dù nàng không luôn luôn suy nghĩ như một người Ả Rập.

Khi chiếc Boeing 757 đã xuyên qua những đám mây, Hannah chăm chú nhìn xuống con sông Thames lượn quanh xuyên qua khung cửa sổ nhỏ.

Trong thời gian nàng sống ở Paris nàng vẫn thường bay phía trên để đến làm việc ở Bond Street hoặc Chensee trong các buổi sáng, ở Ascot hoặc Wimbledon trong các buổi chiều, ở Covent Garden hoặc Babican trong các buổi tối. Nhưng trong lần này nàng không cảm thấy một chút thích thú nào khi trở lại một thành phố mà nàng đã biết quá rõ.

Giờ đây nàng chỉ quan tâm đến một phân khoa tầm thường của trường đại học London và một ngôi nhà có bậc thềm ở một nơi có tên là *Chalk Farm*.

CHƯƠNG 2

Trên đường trở về văn phòng cổ Wall Street, Antonio Cavalli bắt đầu suy nghĩ một cách nghiêm túc hơn về Al Obaydi và diễn biến cuộc gặp gỡ của hai người. Hồ sơ về người khách hàng mới của y do văn phòng London của bọn họ cung cấp, rồi lại được cô thư ký Debbie của y cập nhật, cho biết viên Phó Đại sứ mặc dầu ra đời ở Baghdad nhưng lại được giáo huấn luyện ở Anh.

Khi Cavalli ngả người ra phía sau, nhắm mắt và hồi tưởng lại giọng nói nuốt âm và cách phát biểu rõ ràng dứt khoát, y cảm thấy mình như đối diện với một viên sĩ quan quân đội Anh. Lời giải thích có thể được tìm thấy trong hồ sơ của Al Obaydi dưới mục học vấn: King's school Wimbledon, sau đó là ba năm ở đại học London ngành luật. Al Obaydi cũng đã từng ăn bữa tối nhiều lần ở Lincoln's inn với đủ thứ món. Trở về Baghdad, Al Obaydi được bộ ngoại giao tuyển dụng. Ông ta đã thăng tiến nhanh chóng, mặc dầu Saddam Hussein tự phong là tổng thống và Đảng Baath vẫn thường xuyên đưa các đảng viên vào những chức vụ mà hiển nhiên họ không đủ trình độ để đảm nhiệm.

Trong lúc Cavalli lật qua một trang khác của tập hồ sơ y càng nhận thấy rõ Al Obaydi là một con người có đầy đủ khả năng tự thích nghi với những tình huống bất thường. Công bằng mà nói đó cũng là điều Cavalli tự lấy làm kiêu hãnh. Giống như Al Obaydi, y đã học luật, nhưng tại trường đại học Columbia ở New York. Tới thời kỳ hàng năm các sinh viên tốt nghiệp làm đơn vào những công ty luật hàng đầu, Cavalli luôn được phía đối tác xếp vào bảng danh sách chung kết, căn cứ vào mức điểm của y, nhưng khi họ biết bố y là ai thì y không bao giờ được phỏng vấn.

Sau khi làm việc mười bốn giờ mỗi ngày suốt năm trong một công ty luật

không mấy uy tín ở Manhattan, Cavalli bắt đầu nhận thấy rằng tối thiểu phải mất mười lăm năm nữa y mới có thể hy vọng trông thấy tên mình khắc lên trên bảng hiệu của công ty mặc dầu y đã kết hôn được với con gái của một trong các nhân vật vai vế trong công ty. Xong Cavalli không cần lãng phí mười năm, nên y quyết định tự đứng ra làm ăn riêng và ly dị vợ.

Tháng giêng năm 1982, công ty Cavalli chính thức hoạt động, và mười năm sau, ngày 15 tháng 4 năm 1992, công ty tuyên bố đạt một số lợi tức 157.000 đô la, đóng thuế đầy đủ. Điều mà sổ sách kế toán công ty không tiết lộ là một chi nhánh cũng được thành lập năm 1982, nhưng không hoạt động một cách hợp pháp. Một hãng không khai báo thuế, và mặc dầu lợi tức tăng lên mỗi năm, vẫn không thể gọi công ty *Dun & Bradstreet* đến kiểm toán và lập một bảng báo cáo toàn bộ về công việc kinh doanh của các nhân vật quan trọng. Các chi nhánh này được một số người rất ít thuộc dạng tâm phúc biết dưới cái tên “kỹ năng” – một công ty chuyên môn giải quyết các vấn đề không thể nhờ đến cuốn niên giám điện thoại “Những trang vàng”.

Với những cuộc tiếp xúc của bố y, và tham vọng mãnh liệt của Cavalli, chẳng bao lâu tên công ty không có trong danh sách này đã tạo nên danh tiếng trong việc xử lý nhiều vấn đề mà khách hàng không được nêu tên trước đó đã xem như không giải quyết được. Trong số nhiệm vụ gần đây nhất của Cavalli có việc tìm lại được cuốn băng đàm thoại giữa Sinatra^[4] và Nancy Reagan dự định sẽ xuất bản trong tạp chí *Rolling Stone* và vụ trộm một bức tranh của Vermeere^[5] ở Ireland cho một người sưu tầm lập dị ở Nam Mỹ. Nhưng thành tích này được cấp một cách kín đáo với đám khách hàng tương lai.

Bản thân các khách hàng của họ phải được xem xét hồ sơ lý lịch một cách cẩn thận, tựa hồ họ đang nạp đơn xin gia nhập Câu lạc bộ Du thuyền New York bởi vì như ông bố của Tony vẫn thường nhấn mạnh, chỉ cần phạm một sai lầm là chắc chắn y sẽ phải sống quăng đời còn lại trong môi trường không sao dễ chịu bằng ở nhà số 23 đường 75 ở phía Đông, hoặc toà biệt thự của họ

ở Lyford Cay.

Hơn một thập niên vừa qua, Tony đã gây dựng nên một hệ thống đại diện tuy nhỏ nhưng rải đều trên khắp thế giới phụ trách cung ứng cho họ những khách hàng đang cần một sự giúp đỡ nhỏ với một đề nghị “giàu trí tưởng tượng” hơn. Chính đầu mối Lebanon của y đã chịu trách nhiệm về việc giới thiệu người khách ở Baghdad, mà đề nghị đúng ngay loại này không còn nghi ngờ gì nữa.

Ngay khi ông bố của Tony được báo cáo tổng quát về chiến dịch “yên tĩnh sa mạc” ông ta đã khuyên con trai đòi một số tiền thù lao một trăm triệu đô la để bù đắp cho việc toàn bộ Washington mở to mắt mặc tình nhân y hành động.

— Chỉ cần một sai sót, – ông già vừa liếm môi vừa cảnh cáo y, – là con sẽ nổi tiếng hơn cả việc Elvis^[6] tái sinh.

Rời khỏi giảng đường, Scott Bradley vội vã băng ngang qua nghĩa trang Grove Street, hi vọng rằng anh có thể về đến căn hộ của anh ở đường St. Ronan trước khi bị một sinh viên đuổi theo kịp và bắt chuyện. Anh quý mến tất cả bọn họ – phải, hầu như tất cả – và anh sẵn lòng cho phép những người nghiêm túc hơn trong bọn họ cùng thả bộ về phòng anh vào các buổi tối để uống một ly và nói chuyện cho tới khuya. Nhưng phải cho đến khi họ đã lên năm thứ hai.

Scott cố gắng tới cầu thang trước khi một luật sư tương lai nào bắt kịp ai. Tuy nhiên, ít có ai biết được rằng anh đã từng vượt qua bốn trăm mét trong 48,1 giây khi anh tham gia cuộc thi đấu chạy tiếp sức của trường đại học Georgetown. Tin tưởng mình không bị ai bắt kịp, phóng lên cầu thang, không hề ngừng chân cho đến khi tới căn hộ của anh trên tầng ba.

Anh đẩy tay mở cánh cửa không khoá. Cửa luôn luôn không khoá. Trong căn hộ của anh không có một thứ nào đáng lấy trộm – ngay cả chiếc tivi cũng không hoạt động.

Chỉ một tập hồ sơ có thể cho biết pháp luật không phải là lĩnh vực duy nhất mà anh là một chuyên gia, thì nó sẽ được cất giấu một cách cẩn thận trên kệ sách của anh khoảng giữa hai hồ sơ thuế và án xử sai. Anh quên chú ý tới mấy cuốn sách chõng chất khắp nơi hoặc tới việc anh có thể đã viết tên mình trên lớp bụi mặt tủ búp phê.

Scott đóng cửa lại và như thường lệ liếc nhìn bức ảnh của mẹ anh trên tủ búp phê. Anh bỏ tập giáo trình đang cầm trên tay bên cạnh bà và nhặt mấy phong thư ló ra phía dưới cánh cửa. Scott bước ngang qua phòng và ngồi xuống một ghế bành cũ bằng da và tự hỏi có bao nhiêu khuôn mặt sáng sủa trong đám sinh viên vẫn sẽ còn lắng nghe bài giảng của anh trong vòng hai năm nữa. Bốn mươi phần trăm có thể giỏi, ba mươi phần trăm thì có lý hơn. Đó là những người mà việc học mười bốn giờ mỗi ngày sẽ trở nên chuẩn mực, và sẽ không hợp lý trong tháng cuối cùng của kỳ thi. Và trong số họ sẽ có bao nhiêu đạt được các mức độ của Dan Thomas W. Swan. Năm phần trăm, nếu anh may mắn.

Vị giáo sư luật hiến pháp chuyển sự chú tâm vào tập thư của anh đang ở trên ghế. Một cái của American Express – một tờ quảng cáo với cả trăm món quà tặng xem ra rất dễ nhận được nhưng không chừng sẽ khiến anh mất nhiều tiền hơn nếu anh nhận bất cứ một món nào trong số đó.

Một giấy mời của Brown đến nghe Charles Avans Hughes thuyết trình về hiến pháp. Một bức thư của Carol nhắc nhở anh cô đã không gặp anh khá lâu. Một thông tư của một hãng buôn bán cổ phần không hứa hẹn gấp đôi số tiền của anh nhưng ... Và cuối cùng là một phong bì màu vàng trơn đóng dấu bưu điện Virginia^[7] với một dạng chữ anh nhận ra ngay lập tức.

Anh liền mở chiếc phong bì màu vàng và lấy ra một mảnh giấy nhắn gửi

anh những chỉ thị sau cùng.

Al Obaydi thả bộ đến Đại hội đồng và ngồi xuống một chiếc ghế ở ngay phía sau Trưởng phái bộ của ông ta. Vị Đại sứ đã mang máy nghe và đang giả vờ hết sức chú tâm vào một bài phát biểu của vị trưởng phái bộ Brazil. Ông sếp của Al Obaydi luôn luôn thích nói những câu chuyện tuyệt mật trong phòng họp của Đại hội đồng. Ông tin chắc rằng đây chính là căn phòng duy nhất trong toà nhà Liên Hiệp Quốc mà CIA không đặt máy nghe trộm.

Al Obaydi kiên nhẫn đợi cho đến lúc người đàn ông già hơn giật nhẹ một bên ống nghe và hơi ngả người ra phía sau.

— Bọn họ đã thoả thuận theo các điều kiện của chúng ta, – Al Obaydi khẽ nói, tựa hồ chính ông ta là người đã ra giá.

Vành môi của vị Đại sứ trề ra phía trên môi dưới, dấu hiệu mà các đồng nghiệp của ông đều biết rằng ông cần thêm chi tiết.

— Một trăm triệu, – Al Obaydi thì thào. – Mười triệu phải trả ngay. Chính chục cuối lúc giao hàng.

— Ngay? – Vị Đại sứ hỏi. – Ngay là thế nào?

— Trưa mai, – Al Obaydi vẫn thì thào.

— Tối thiểu Sayedi đã đoán trước việc này, – vị Đại sứ trầm ngâm bảo.

Al Obaydi khâm phục cái cách cấp chỉ huy của mình luôn luôn có thể khiến cho từ “ông chủ” có vẻ vừa tôn kính vừa xác láo.

— Tôi phải gửi một thông điệp về Baghdad để báo cho bộ trưởng ngoại giao biết rõ từng chi tiết thắng lợi của anh, – vị Đại sứ nói tiếp với một nụ cười.

Lẽ ra Al Obaydi cũng đã mỉm cười nhưng ông ta chợt nhận thấy vị Đại sứ sẽ không chấp nhận bất cứ một ai dính líu vào đề án trong lúc mọi việc vẫn còn ở giai đoạn hình thành. Chẳng nào ông còn dây dưa vào viên thuộc cấp tạm thời lúc này, vị Đại sứ vẫn có thể tiếp tục cuộc sống yên tĩnh ở New York cho tới ngày ông về hưu đúng ba năm sau. Nhờ theo một lối như thế ông đã tồn tại mười bốn năm dưới sự thống trị của Saddam Hussein trong lúc các đồng nghiệp của ông đã không thành công một cách nổi bật đến mức phải hưu non. Theo ông được biết thì một người đã bị bắn chết trước mặt gia đình, hai người bị treo cổ và nhiều người khác được ghi nhận là “mất tích”.

Vị Đại sứ Iraq mỉm cười trong lúc Đại sứ Anh bước qua phía trước ông, nhưng ông ta không đáp lại.

“Đồ hợm hĩnh,” vị Đại sứ Iraq nói thầm trong hơi thở. Ông kéo ống nghe trùm lên tai để báo hiệu ông đã nghe quá đủ từ nhân vật số hai của ông. Ông tiếp tục lắng nghe vấn đề cố bảo tồn lượng mưa nhiệt đới ở Brazil kèm theo một yêu cầu Liên Hiệp Quốc trợ cấp thêm một trăm triệu đô la.

Đó không phải là điều mà ông nghĩ Sayedi sẽ quan tâm đến.

Hannah định gõ lên cánh cửa trước của ngôi nhà nhỏ, nhưng cửa đã mở ra ngay cả trước khi nàng kịp đóng cánh cổng gậy ở cuối con đường mòn. Một người phụ nữ tóc đen hơi mập, trang điểm hơi quá với một nụ cười rạng rỡ rồi rít bước ra chào đón nàng. Hannah phỏng đoán bà ta bằng tuổi mẹ nàng, nếu mẹ nàng vẫn còn sống.

— Chào mừng cô đến nước Anh. Tôi là Elthel Rubin, – bà ta thông báo bằng giọng nói dồn dập. – Tôi lấy làm tiếc vì chồng tôi không có mặt ở đây để gặp cô, nhưng tôi không tin ông ấy sẽ trở về từ văn phòng của ông ấy trong vòng một tiếng đồng hồ nữa.

Hannah định nói thì Elthel tiếp ngang:

— Nhưng trước hết hãy để cho tôi thấy phòng của cô, rồi cô có thể kể cho tôi nghe các dự định của cô.

Bà ta xách túi của Hannah và dẫn nàng vào bên trong.

— Chắc là cô rất vui khi trông thấy London lần đầu, – bà ta nói trong lúc hai người đang lên cầu thang, – và sẽ có biết bao điều thú vị để cô làm trong thời gian sáu tháng sắp tới.

Từng câu một càng tuôn ra, Hannah càng nhận thức được rằng Elthel Rubin không có một ý niệm nào về lý do nàng đến London.

Sau khi mở van và tắm, Hannah đến gặp bà chủ nhà trong phòng khách. Bà Rubin lại tiếp tục nói đủ thứ chuyện, chỉ thỉnh thoảng mới lắng nghe vài câu trả lời của Hannah.

— Bà có biết phòng tập thể dục gần nhất ở đâu? – Hannah đã hỏi.

— Chồng tôi sắp về rồi, – bà Rubin trả lời. Nhưng trước khi bà ta kịp nói thêm một câu, cánh cửa trước chợt mở tung ra vì một người đàn ông cao chừng một mét rưỡi với mái tóc xoăn cứng màu đen và đôi mắt còn đen hơn nữa gần như chạy vào trong phòng. Khi Peter Rubin đã tự giới thiệu và hỏi chuyến bay của nàng như thế nào ông ta không lãng phí thêm một lời nào khác để gợi ý có lẽ Hannah đã đến London để thưởng thức đời sống xã hội của chốn thủ đô. Hannah nhanh chóng biết rằng Peter Rubin không hỏi bất cứ câu nào mà ông nghĩ nàng không thể trả lời một cách thành thực. Mặc dầu Hannah cảm thấy chắc chắn rằng ông Rubin không biết chi tiết nào về nhiệm vụ của nàng, rõ ràng ông hiểu nàng không đến London để tham quan.

Tuy nhiên, bà Rubin không để cho Hannah đi ngủ mãi tới quá nửa đêm, tới lúc đó thì bà ta đã mệt lử. Đầu vừa đặt lên gối nàng đã ngủ say, không hề hay biết. Peter Rubin đang giải thích với vợ ông trong bếp rằng trong thời gian tới người khách của họ cần phải được yên tĩnh.

CHƯƠNG 3

Người tài xế của viên Phó Đại sứ lái xe ra khỏi ga ra riêng của Liên Hiệp Quốc và trực chỉ phía Tây qua đoạn đường hầm Lincoln bên dưới sông Hudson về hướng New Jersey. Al Obaydi cũng như anh ta đều không nói gì trong lúc viên tài xế liên tục kiểm tra kính chiếu hậu. Khi họ tới cửa thu thuế New Jersey anh ta mới xác nhận không có ai theo dõi họ.

— Tốt.

Đó là tất cả những gì Al Obaydi nói. Lần đầu tiên trong ngày hôm ấy ông ta bắt đầu thả tâm trí và khởi sự tưởng tượng mình có thể làm gì nếu đột nhiên có được mười triệu đô la. Mới đây khi ngang qua một chi nhánh của Midlantic National Bank, ông ta tự hỏi hàng nghìn lần tại sao mình không ngừng ngay xe lại và gửi tiền với một cái tên giả. Tới sáng ngày mai thì ông ta đã có thể ở cách nơi này nửa vòng trái đất. Chắc chắn việc đó sẽ làm cho vị Đại sứ toát mồ hôi. Và chỉ cần một chút may mắn, Saddam sẽ chết trước khi họ chop được ông ta. Và lại lúc bấy giờ thì ai mà quan tâm đến?

Xét cho cùng, Al Obaydi không tin tưởng, dù chỉ trong giây lát, rằng mưu đồ độc đáo của vị đại lãnh tụ có khả năng thực hiện được. Ông ta đã từng hy vọng báo cáo trở lại Baghdad sau một thời gian hợp lý rằng không thể tìm ra một người nào đáng tin tưởng và đủ năng lực thực hiện một vụ táo bạo như vậy. Thế rồi có người ở Lebanon bay đến New York.

Có hai lý do khiến Al Obaydi biết mình không thể đụng tới một đô la của số tiền nhét trong cái túi đựng đồ đánh gôn nằm trên mặt ghế bên cạnh ông ta. Thứ nhất là mẹ và em gái ông ta đang sống đầy đủ tiện nghi ở Baghdad và nếu số tiền đột nhiên biến mất, họ sẽ bị bắt, bị hiếp dâm, bị tra tấn và bị treo cổ – cách giải thích duy nhất là họ đã cộng tác với một kẻ phản quốc. Saddam

vốn không cần một lý do nào để giết bất cứ một ai, nhất là một người bị tình nghi đã phản bội ông ta. Thứ hai là, Al Obaydi – người mỗi ngày vẫn quỳ gối năm lần, quay mặt về phương đông và cầu nguyện rằng cuối cùng Saddam sẽ chết với cái chết của một kẻ phản quốc – không thể nào không nhận thấy ngay cả Gorbachev, Thatcher và Bush cũng khó lòng bám lấy quyền lực vững chắc hơn vị Sayedi vĩ đại.

Al Obaydi đã thừa nhận, từ lúc vị Đại sứ giao tận tay nhiệm vụ này, rằng Saddam hiển nhiên sẽ chết một cách bình yên trên giường trong lúc cơ may sống còn của ông ta – Lời vị Đại sứ vẫn thích nói – thật là mỏng manh. Và một khi tiền đã được trả xong xuôi mà Antonio Cavalli lại thất bại trong việc thực hiện hợp đồng của y, thì chính Al Obaydi sẽ bị triệu hồi về Baghdad theo một viện cố ngoại giao nào đó để rồi bị bắt, được xét xử một cách qua loa và bị kết tội. Thế là tất cả những lời hoa mỹ mà vị giáo sư khoa luật của ông ta ở trường đại học London đã từng thốt ra sẽ biến thành cát bụi trong sa mạc.

Người tài xế lái xe chạy qua cửa thu thuế và hướng về trung tâm của Newark trong lúc tư tưởng của Al Obaydi lại quay về với cách sử dụng số tiền. Ý kiến có tất cả những biểu hiện đặc trưng của vị tổng thống. Nó thật là mới lạ, đòi hỏi táo bạo, can đảm, nghị lực và một mức độ may mắn khá cao. Al Obaydi còn cho rằng kế hoạch này có hơn một phần trăm cơ may chỉ tới được vạch xuất phát chứ đừng nói tới băng về đích. Nhưng rồi, một người nào đó trong bộ ngoại giao Mỹ đã cho Saddam Hussein một phần trăm cơ may thoát khỏi chiến dịch Bão sa mạc. Và nếu vị Sayedi vĩ đại có thể thoát được thì nước Mỹ sẽ trở thành một kho truyện cười và Saddam có thể đảm bảo cho mình một vị trí trong lịch sử bên cạnh Saladin^[8].

Mặc dù Al Obaydi đã kiểm tra vị trí chính xác của toà nhà, ông ta vẫn chỉ thị cho viên tài xế ngừng xe cách hai dãy phố ở phía tây của nơi đến cuối cùng. Một người Iraq bước ra khỏi một chiếc xe hơi sang trọng lớn màu đen ngay phía trước ngân hàng là đủ lý do cho Cavalli bỏ túi số tiền và huỷ hợp

đồng. Khi xe ngừng hẳn, Al Obaydi trèo qua cái túi đồ đánh gôn và bước xuống vệ đường phía khúc quanh. Mặc dầu ông ta chỉ cần đi qua vài trăm mét là tới ngân hàng, đây lại chính là phần duy nhất của cuộc hành trình mà ông ta xem là một sự mạo hiểm đã được tính toán. Ông ta kiểm tra cả hai ngã đường. Cảm thấy hài lòng, ông ta kéo cái túi đồ đánh gôn ra trên lề đường và xốc nó lên vai.

Viên Phó Đại sứ cảm thấy mình hẳn là có cái vẻ không thích hợp chút nào trong lúc ông ta bước dọc theo đường Martin Luther King với một bộ com lê của cửa hàng Sales ở đại lộ 5 và một cái túi đồ đánh gôn lủng lẳng trên vai.

Mặc dầu chỉ mất chưa đầy hai phút để đi qua đoạn đường tới ngân hàng, Al Obaydi đổ mồ hôi đầm đìa lúc ông ta tới cửa trước. Ông ta trèo lên cái bậc thềm mòn lẵn và bước qua cánh cửa xoay. Ông ta được chào đón bởi hai người đàn ông vũ trang trông giống đô vật sumô hơn là thư ký ngân hàng. Viên Phó Đại sứ nhanh chóng được dẫn vào một thang máy đang chờ sẵn và đóng cửa lại ngay lúc ông ta bước vào bên trong. Cánh cửa trượt mở ra khi ông ta tới tầng hầm. Lúc Al Obaydi bước ra ông ta đụng đầu với một người đàn ông khác, cao lớn hơn cả hai người vừa chào đón ông ta lúc đầu. Gã không lồ gật đầu và dẫn ông ta về phía cuối hành lang lót thảm. Trong lúc ông ta tới gần, cánh cửa chợt mở ra và Al Obaydi bước vào một căn phòng có mười hai người đàn ông đang chờ đợi một cách háo hức quanh một chiếc bàn tròn lớn. Mặc dầu ăn vận một cách vừa phải và cùng im lặng, nhưng một ai trong bọn họ có vẻ giống như những thân ngân viên. Cánh cửa đóng lại phía sau ông ta và ông ta nghe tiếng quay ổ khoá. Người đàn ông ở đầu bàn đứng lên và cất tiếng chào ông ta.

— Xin chào ông Al Obaydi. Tôi tin ông có ý định gửi một cái gì đó cho một khách hàng của chúng tôi.

Viên Phó Đại sứ gật đầu và đưa cái túi đồ đánh gôn ra mà không nói một lời nào. Người đàn ông không tỏ vẻ ngạc nhiên gì cả. Ông ta đã từng trông thấy nhiều món nữ trang được vận chuyên trong mọi thứ từ một con cá sấu

đến một cái bao cao su ngừa thai.

Tuy nhiên, ông ta ngạc nhiên vì trọng lượng của cái túi trong lúc ông ta xốc nó lên trên mặt bàn, trút tất cả ra và chia đều cho người này người kia. Đám thâu ngân bắt đầu đếm lia lịa, xếp ngay ngắn từng chồng mười nghìn. Không một ai mời Al Obaydi ngồi, vì vậy ông ta vẫn đứng trong suốt bốn mươi phút sau đó, không có việc gì để làm ngoại trừ quan sát họ làm việc.

Khi việc đếm tiền hoàn tất, viên trưởng thu ngân kiểm tra hai lần số chồng. Đúng một nghìn. Ông ta mỉm cười, một nụ cười không hướng về phía Al Obaydi mà về phía đồng tiền, rồi mới ngược lên nhìn về phía viên phó Đại sứ Ả Rập và gật đầu với ông ta một cách cộc lốc, thừa nhận người Baghdad đã trả xong phần tiền ứng trước.

Rồi cái túi đánh gôn được đưa trở lại cho Viên phó Đại sứ như thể nó không phải là một phần của dịch vụ. Al Obaydi cảm thấy mình hơi ngốc nghếch trong lúc ông ta lắc lư nó trên vai. Viên trưởng thâu ngân bấm một cái nút bên dưới mặt bàn và cánh cửa phía sau ông ta đã được mở khoá.

Một trong hai người đã gặp Al Obaydi lần đầu tiên khi ông ta đi vào ngân hàng đang đứng chờ hộ tống ông ta trở lên tầng trệt. Lúc vị Phó Đại sứ bước ra đường, gã dẫn đường đã biến mất.

Với một tiếng thở dài lớn nhẹ nhõm, Al Obaydi bắt đầu thả bộ trở qua hai dãy phố về chiếc xe hơi đang chờ đợi ông ta. Ông ta tự cho phép mình khẽ nở một nụ cười mãn nguyện với cách thức điệu nghệ mà ông ta đã hoàn thành toàn bộ công việc. Ông ta cảm thấy chắc chắn vị Đại sứ sẽ hài lòng khi được biết không có trục trặc gì xảy ra. Nhất định ông ta sẽ được đánh giá cao khi thông điệp được chuyển tiếp về Baghdad rằng “Chiến dịch yên tĩnh sa mạc” đã bắt đầu.

Al Obaydi ngã quỵ xuống bên vệ đường trước khi ông ta nhận thức được vật gì đã đụng phải mình: cái túi đánh gôn bị giật mạnh khỏi vai trước khi ông ta có thể phản ứng. Ông ta ngược lên để trông thấy hai gã thanh niên

đang chạy nhanh xuôi theo đường phố, một trong hai tên nắm chặt chiến lợi phẩm của chúng.

Vị Phó Đại sứ đang băn khoăn mình phải vứt bỏ nó bằng cách nào.

Tony gặp ông bố của y trong bữa điếm tâm vào lúc bảy giờ quá mấy phút trong buổi sáng ngày kế tiếp. Y đã trở về sống trong ngôi nhà của gia đình trên đường 75 ngay sau khi li dị với vợ. Kể từ lúc về hưu, ông bố của Tony dùng phần lớn thời gian vào việc tiếp tục sở thích trọn đời của ông ta là sưu tầm những cuốn sách hiếm, những bản thảo viết tay và những tài liệu lịch sử. Ông cũng đã bỏ ra nhiều tiếng đồng hồ truyền đạt cho con trai mọi điều ông ta đã học hỏi được với tư cách là một luật sư, tập trung vào phương cách tránh lãng phí quá nhiều năm trong một trại giam của bang.

Cà phê và bánh mì lát nướng đã được viên quản gia dọn ra khi hai người bàn luận công việc.

— Chín triệu đô la đã được gửi vào bốn mươi bảy ngân hàng khắp nước, – Tony nói với ông bố. – Một triệu đã được gửi vào một tài khoản trong ngân hàng Franchard tại Geneva, dưới tên Hamid Al Obaydi, – y vừa nói tiếp vừa phết bơ lên một lát bánh mì nướng.

Ông bố mỉm cười khi nghĩ con trai mình dùng một mảnh khốe mà ông ta đã chỉ dạy cho con nhiều năm trước.

— Nhưng con sẽ nói gì với Al Obaydi khi ông ta hỏi mười triệu của ông ta đã được tiêu như thế nào? – vị chủ tịch không chính thức của công ty kỹ năng hỏi.

Trong thời gian một giờ sau đó, Tony kể cho ông bố nghe từng chi tiết của “Chiến dịch yên tĩnh sa mạc”, chỉ thỉnh thoảng mới bị ngắt lời bởi một câu

hỏi hoặc góp ý của ông già.

— Anh chàng diễn viên có thể tin cậy được chứ? – ông ta hỏi trước khi uống một ngụm cà phê nữa.

— Lloyd Adams vẫn còn nợ chúng ta hơn ba chục nghìn đô la một chút, – Tony đáp. – Anh ta đã không được giao nhiều kịch bản trong thời gian gần đây – chỉ một vài màn quảng cáo...

— Tốt, – ông bố của Cavalli nói. – Nhưng còn Rex Butterworth thì sao?

— Đang ngồi trong Nhà Trắng chờ chỉ thị.

Ông bố của y gật đầu rồi lại hỏi:

— Nhưng tại sao chọn Columbus, Ohio?

— Phương tiện phẫu thuật ở đó đúng như chúng ta cần, và chủ nhiệm của trường y khoa là một con người có năng lực tuyệt vời. Văn phòng cũng như nhà riêng của ông ta đã được đặt máy nghe lén ở khắp mọi nơi.

— Còn cô con gái của ông ta?

— Chúng ta đã cho người theo dõi hai mươi bốn giờ. – Vị chủ tịch liếm môi.

— Thế thì bao giờ con bấm nút?

— Thứ ba tuần sau, khi viên chủ nhiệm sắp sửa đọc một bài diễn văn then chốt ở trường học của con gái ông ta.

Viên quản gia đi vào trong phòng và bắt đầu dọn dẹp bàn.

— Còn Dollar Bill thì sao? – ông bố của Cavalli hỏi tiếp.

— Angelo đang trên đường đi San Francisco để kiểm tra và thuyết phục anh ta. Nếu chúng ta muốn thành công chắc chắn trong vụ này chúng ta phải cần tới Dollar Bill. Anh ta giỏi hơn ai hết, quả thật không một ai khác theo kịp, – Cavalli nói thêm. – Chừng nào anh ta không say rượu.

Đó là tất cả những gì vị chủ tịch nói.

CHƯƠNG 4

Người đàn ông cao lớn lực lưỡng bước ra khỏi phi cơ đi vào phòng đón khách của hãng US Air ở phi trường quốc tế Washington. Anh chỉ mang hành lý xách tay, vì vậy anh không phải chờ ở băng chuyền, tại đó rất có thể anh bị ai nhận diện. Anh chỉ cần mỗi một người nhận diện anh – người tài xế đến đón anh. Thân hình cao hơn một mét tám, mái tóc vàng bù xù với nét mặt gần như thanh tú sắc sảo, mặc một quần Jean xanh nhạt, một sơ mi màu kem và một áo khoác xanh sẫm, anh khiến cho nhiều phụ nữ hy vọng anh có thể nhìn họ.

Cửa sau của một chiếc Ford đen vô danh bật mở ngay lúc anh vừa bước qua dây cửa tự động để đi ra ngoài nắng buổi sáng. Anh trèo lên phía sau chiếc xe không nói một tiếng và không trò chuyện trong suốt cuộc hành trình hai mươi lăm phút đưa anh đi về phía đối diện của thủ đô. Chuyến bay bốn mươi phút bao giờ cũng cho anh một cơ hội để kiểm soát lại tư tưởng và chuẩn bị cho con người mới của anh. Anh vẫn thực hiện cuộc hành trình như thế này mười hai lần mỗi năm.

Mọi việc đã bắt đầu khi Scott là một cậu bé trở về quê nhà ở Denver, và anh đã phát giác ra bố anh không phải là một vị luật sư khả kính mà là một phạm nhân trong một bộ com lê của cửa hàng Brooks Brothers, một người luôn luôn có thể tìm cách xoay chuyển pháp luật đúng giá. Mẹ của anh đã nhiều năm che giấu sự thật với đứa con trai duy nhất của mình, nhưng khi chồng bà bị bắt, bị buộc tội và cuối cùng bị kết án bảy năm tù, thì lời bào chữa cũ rích “chắc phải có một sự hiểu lầm nào đó” không còn sức thuyết phục chút nào nữa.

Bố của anh sống được ba năm trong tù thì qua đời vì một cơn đau tim theo

báo cáo của nhân viên điều tra, không có một lời giải thích nào về những vết bầm quanh cổ. Mấy tuần lễ sau đó, mẹ anh chết vì một cơn đau tim, trong lúc anh đang học gần cuối năm thứ ba ở trường luật Georgetown. Sau khi thi hài được hạ huyệt và những miếng đất được liệng lên nắp quan tài, anh rời khỏi nghĩa trang và không bao giờ nói đến gia đình anh nữa.

Khi những điểm thi cuối cùng được thông báo, Scott Bradley được xếp hạng nhất trong danh sách sinh viên tốt nghiệp, và nhiều trường đại học cũng như công ty luật tiếp xúc với anh để hỏi han về dự tính tương lai của anh. Trước sự ngạc nhiên của người đương thời, Scott nộp đơn vào một chân giáo sư tầm thường của trường đại học Beirut. Anh không giải thích với bất cứ một ai về việc anh đoạn tuyệt với quá khứ.

Nhưng chỉ vì trình độ thấp của các sinh viên ở trường đại học và chán ngán với đời sống xã hội, Scott bắt đầu giết thời gian bằng cách tham dự nhiều lớp học về đủ mọi điều từ đạo Hồi đến lịch sử Trung Đông. Ba năm sau khi trường đại học đề nghị anh giữ chức giáo sư luật Hoa Kỳ, anh biết đã đến lúc trở về Mỹ.

Một bức thư của chủ nhiệm khoa luật ở Georgetown gợi ý anh nộp đơn vào một chức giáo sư tại Yale. Ngày hôm sau anh viết đơn và thu xếp hành lý khi anh nhận phúc đáp của họ.

Khi anh đã nhận chức vụ mới, mỗi lần có ai hỏi anh: “Bố mẹ anh làm nghề gì?”, anh chỉ trả lời: “Họ đều đã qua đời và tôi là con một”. Có mỗi bọn con gái là thích thú với điều đó – họ nghĩ anh cần sự trù mến. Nhiều người trong số họ đã ân ái với anh, nhưng không một ai trở thành một phần của đời anh.

Nhưng anh không che giấu một chút gì đối với những người triệu tập anh đến gặp họ mười hai lần mỗi năm. Họ không thể chấp nhận bất kỳ một kiểu đối trá nào, và họ nghi ngờ về các động cơ thực sự của anh khi họ biết được hồ sơ hình sự của bố anh. Anh đã bảo họ một cách ngắn gọn rằng anh muốn chuộc lại lỗi lầm của bố anh và không chịu bình luận gì thêm về vấn đề này

nữa.

Thoạt tiên họ không tin anh. Sau một thời gian họ nhận anh theo các điều kiện của anh, nhưng phải mất nhiều năm sau họ mới tin tưởng anh với bất kỳ thông tin mật nào. Mãi tới khi anh khởi sự đạt được giải đáp cho nhiều vấn đề ở Trung Đông mà máy tính điện tử không thể nào xử lý, họ mới bắt đầu hết nghi ngờ các động cơ của anh. Khi chính quyền Clinton tuyên thệ, đội ngũ mới nồng nhiệt chào đón khả năng điều luyện đặc biệt của Scott.

Trong thời gian gần đây anh đã hai lần vào tận Bộ Ngoại giao để cố vấn cho Warren Christopher. Anh đã rất thích thú khi trông thấy ông Christopher gợi ý khi nghe bản tin chiều một giải pháp cho vấn đề phê chuẩn đột kích của Saddam mà ông đã báo trước với anh buổi chiều hôm.

Chiếc xe quẹo khỏi đường 123 và dừng lại bên ngoài hai cánh cổng thép thô kệch. Một người lính gác bước ra kiểm soát người khách trên xe. Mặc dầu hai người đã gặp nhau đều đặn trong chín năm qua, người anh gác vẫn yêu cầu anh xuất trình uỷ nhiệm thư.

— Chào mừng giáo sư trở về, – người lính nói trước khi đưa tay lên chào.

Người tài xế lái xe một đoạn đường và dừng lại bên ngoài một toà văn phòng không có bản chỉ dẫn. Người khách bước xuống xe và đi vào toà nhà. Giấy tờ của anh lại được kiểm tra một lần nữa, sau đó lại được chào. Anh bước dọc theo một hành lang dài giữa hai bức tường màu kem chỉ tới khi đến một cánh cửa bằng gỗ sồi không ghi gì trên đó. Anh gõ khẽ một tiếng và bước vào khi chờ trả lời.

Một cô nữ thư ký ngồi sau một cái bàn ở phía xa của căn phòng. Cô ta ngước lên và mỉm cười.

— Vào ngay đi, giáo sư Bradley, ông Phó giám đốc đang chờ giáo sư.

Trường trung học Columbus dành riêng cho nữ sinh ở thành phố Columbus, bang Ohio, là một trong những trường tự hào về kỷ luật và trình độ học tập. Bà Hiệu trưởng thường giải thích với phụ huynh rằng không thể nào có lần thứ hai mà không có lần đầu. Vi phạm nội quy của nhà trường, theo quan niệm của bà Hiệu trưởng, chỉ được xem là trường hợp rất hiếm hoi. Lời yêu cầu mà bà nhận được rơi đúng vào yêu cầu loại này.

Đêm hôm ấy, lớp sắp tốt nghiệp của năm 1993 được nghe một bài thuyết trình của một công dân đáng kính thành phố Columbus là T. Hamilton McKenzie. Chủ nhiệm khoa Y của trường đại học bang Ohio. Giải thưởng Nobel Y học của ông đã được trao tặng do những tiến bộ mà ông đã đạt trong lĩnh vực chất dẻo và phẫu thuật tái tạo. Công trình nghiên cứu của T. Hamilton McKenzie đối với các cựu chiến binh ở Việt Nam và vùng Vịnh đã được khắp mọi nơi trên thế giới ghi vào biên niên sử, và có rất nhiều người ở mọi thành phố nhờ thiên tài của ông đã có thể trở về cuộc sống bình thường. Một số người có tầm cỡ thấp hơn sau khi thực tập dưới sự chỉ dẫn của ông đã sử dụng kỹ năng của họ để giúp những phụ nữ luống tuổi trở nên xinh đẹp hơn so với dự tính ban đầu của chuyên gia thẩm mỹ.

Bà Hiệu trưởng của trường Columbus cảm thấy tin tưởng rằng các cô gái chỉ quan tâm đến công trình mà Hamilton đã thực hiện cho “những vị anh hùng dũng cảm thời chiến của chúng ta”, như bà đã nói với họ.

Nội quy của nhà trường mà bà Hiệu trưởng đã cho phép bỏ vào dịp này là quy định y phục. Bà đã chấp thuận cho Sally McKenzie, trưởng ban quản lý học sinh và đội trưởng môn lacrosse^[9] có thể về nhà sớm một tiếng đồng hồ của buổi học chiều và thay đổi quần áo vẫn là loại bình thường nhưng vẫn thơm tất hơn để đi theo bố cô khi ông phát biểu với lớp học buổi tối hôm ấy. Xét cho cùng, bà hiệu trưởng đã hay biết từ tuần trước rằng Sally đã được một học bổng cấp quốc gia để học ngành hoá ở Oberlin College.

Một chiếc công xa đã được chỉ thị đến đón Sally vào lúc bốn giờ. Cô sẽ mất một giờ học, nhưng người tài xế đã cam đoan sẽ đưa cô và bố cô trở lại

vào lúc sáu giờ.

Khi chuông nhà thờ đổ bốn tiếng, Sally ngược lên khỏi bàn học. Một giáo viên gật đầu ra hiệu và cô sinh viên sắp xếp các tập vở. Cô sắp chúng vào cặp, và rời khỏi nhà trường đi dọc xuống đoạn đường khá dài đi tìm chiếc xe. Lúc Sally đến cái cổng sắt cũ ở đầu đường, cô ngạc nhiên khi thấy chỉ có một chiếc xe Lincoln Continental dài thượt, thật sang trọng. Một người tài xế mặc một bộ đồng phục xám và đội một cái mũ đỉnh nhọn đứng bên cạnh cửa lái xe. Kiểu hoang phí như thế này, cô ta biết quá rõ, không phải của bố cô và chắc chắn cũng không phải là của bà hiệu trưởng.

Người đàn ông chạm bàn tay phải vào chóp mũ và lên tiếng hỏi:

— Cô McKenzie?

— Vâng. – Sally đáp.

Thất vọng vì đoạn đường cho xe chạy có hình vòng cung đã ngăn cản các bạn học của cô không quan sát được toàn bộ cảnh tượng này. Cánh cửa sau được mở ra cho cô. Sally trèo lên và ngồi lún người vào mặt nệm da lộng lẫy.

Người tài xế nhảy lên phía trước, bấm một cái nút và đóng cửa phân cách người ngồi phía sau với tài xế êm ái trượt lên. Sally thoáng nghe một tiếng bật chốt cửa.

Cô cho phép tâm trí mình suy nghĩ miên man trong lúc cô liếc mắt nhìn qua các các khung cửa lờ mờ có thể tưởng tượng rằng đây là lối sống mà cô có thể trông đợi một khi có đã rời khỏi Columbus.

Phải mất một thời gian cô gái mười bảy tuổi mới nhận thức được chiếc xe hơi thật sự không hướng về phía nhà cô.

Nếu vấn đề đã được trình bày dưới dạng sách giáo khoa, T. Hamilton McKenzie sẽ biết chính xác cách hành động cần phải theo. Xét cho cùng, ông sống “bằng sách”, như ông vẫn thường nói với các sinh viên của ông. Nhưng khi sự việc xảy đến trong đời sống thực tế, ông xử sự hoàn toàn không phù hợp với tính cách của mình.

Nếu ông hỏi ý kiến bất cứ một chuyên gia tâm thần học cao cấp nào ở trường đại học, họ cũng sẽ giải thích rằng nỗi lo lắng mà ông vẫn kèm giữ trong một thời gian dài đã bị ép ra bên ngoài.

Việc ông yêu quý người con độc nhất, Sally, là rõ ràng ai cũng thấy. Cũng như việc trong nhiều năm ông đã trở nên chán ngán, hoàn toàn không để mắt tới bà vợ của ông Joni. Nhưng việc khám phá ra rằng mình không chịu được tình trạng căng thẳng một khi ông ra ngoài phòng mổ – để quốc bé nhỏ của riêng ông – là một điều ông không bao giờ có thể chấp nhận.

T. Hamilton McKenzie thoát tiên là khó chịu, rồi bức bối và tức giận khi con gái ông không trở về nhà buổi chiều ngày thứ Ba hôm ấy. Sally chưa bao giờ trễ hẹn hoặc tối thiểu là đối với ông. Chuyến đi bằng xe hơi từ Columbus không thể mất hơn ba mươi phút, cho dù vào lúc giao thông nhộn nhịp. Đáng lẽ Joni đã đón Sally nếu bà không hẹn giờ làm tóc quá trễ. “Đó là thời gian duy nhất Julian có thể dành cho em”, bà giải thích. Bà luôn luôn để mọi việc tới phút cuối. Lúc 4 giờ 50 T. Hamilton McKenzie điện thoại cho Trường nữ Trung học Columbus để kiểm tra xem kế hoạch có lùi lại giờ hay không.

Trường Columbus không hề thay đổi kế hoạch, bà Hiệu trưởng thích thú được nói chuyện với người được giải Nobel. Nhưng một mực xác nhận rằng Sally đã rời khỏi trường lúc bốn giờ và công ty xe hơi đã điện thoại một tiếng đồng hồ trước để xác nhận rằng họ sẽ chờ cô bé ở cuối đường bên ngoài cổng trường.

Joni cứ nói đi nói lại bằng giọng miền Nam mà ông đã từng nhận thấy rất hấp dẫn:

— Nó sẽ về nhà, lát nữa thôi, anh hãy chờ một chút. Anh vẫn luôn luôn tin tưởng vào con Sally của chúng ta kia mà.

Một người đàn ông khác đang ngồi trong một phòng khách sạn ở đầu kia của thành phố, vừa lắng nghe từng lời họ nói với nhau vừa uống một lon bia.

Vào khoảng 5 giờ, T. Hamilton McKenzie đến bên cửa sổ phòng ngủ cứ chốc chốc lại nhìn ra ngoài, nhưng con đường dẫn tới cửa trước nhà họ vẫn vắng tanh. Ông đã hy vọng sẽ đi lúc 5 giờ 20, tự nghĩ sẽ đủ thì giờ đến trường còn thừa mười lăm phút. Nếu con gái của ông không về kịp, ông đành phải đi một mình. Ông báo cho vợ biết dù sao đi nữa ông sẽ đi lúc 5 giờ 20.

Đúng 5 giờ 20, T. Hamilton McKenzie đặt tập giấy ghi chú bài phát biểu của ông lên mặt bàn phòng ngoài trong lúc ông mong đợi vợ và con gái từ phía kia đi tới. Vào khoảng 5 giờ 25 phút, cả hai người vẫn biết tấm và bản tính nổi tiếng là “trầm tĩnh” của ông bắt đầu có dấu hiệu nóng nảy rõ rệt.

Joni đã lợi dụng một thời gian khá lâu để lựa chọn một bộ áo quần thích hợp cho dịp này và thất vọng khi bà xuất hiện trong phòng ngoài mà ông vẫn không hề tỏ vẻ chú ý tới.

— Chúng ta đành phải đi mà không có nó, – ông chỉ nói. – Nếu Sally hy vọng một ngày kia sẽ trở thành một bác sĩ thì nó phải biết rằng người ta có khả năng chết khi ta bắt họ chờ đợi mãi.

— Chúng ta không thể chờ con thêm một chút nữa hay sao? Anh yêu? – Joni hỏi.

— Không! – ông gào lên, rồi không thèm quay lại, và đi thẳng ra nhà xe.

Joni nhận thấy tập giấy của chồng trên bàn và đút vào túi xách trước khi đóng cửa lại và khoá hai vòng. Lúc bà ra tới đường, chồng bà đã ngồi chờ sẵn sau tay lái xe hơi, ngón tay nhịp liên tục trên cần số.

Họ lái xe đi trong im lặng về phía trường nữ trung học Columbus. T. Hamilton McKenzie kiểm tra từng chiếc xe chạy ngược chiều về phía Upper

Arlington để xem con gái ông có ngồi ở phía sau hay không.

Một nhóm người tiếp tân do bà Hiệu trưởng dẫn đầu đang chờ đợi họ ở chân các bậc thềm đá tại cổng chính của nhà trường. Bà Hiệu trưởng tiến tới thềm để bắt tay nhà phẫu thuật xuất chúng trong lúc ông bước ra khỏi xe hơi, theo sau là Joni McKenzie. Bà đưa mắt nhìn ra phía sau họ, dò tìm Sally và nhếch mày lên.

— Sally vẫn chưa về nhà. – Tiến sĩ McKenzie giải thích.

— Có lẽ cháu sẽ đến đây với chúng tôi trong chốc lát. Nếu cháu chưa có mặt tại đây. – Vợ ông nói thêm.

Bà Hiệu trưởng biết Sally không có mặt trong trường, nhưng không tiện đính chính với bà vợ của vị khách danh dự, nhất là khi bà vừa nhận được một cú điện thoại của công ty xe hơi đòi bà phải giải thích mọi việc.

Lúc sáu giờ kém mười bốn phút họ bước vào văn phòng của bà hiệu trưởng, nơi đây một cô gái trẻ tuổi của Sally mời khách chén rượu Sherry hay nước cam. McKenzie đột nhiên nhớ lại rằng trong lúc lo lắng chờ đợi con gái, ông đã bỏ quên tập giấy trên bàn phòng ngoài. Ông xem đồng hồ tay và nhận thấy không còn đủ thời gian để nhờ vợ trở về nhà lấy. Dù sao đi nữa ông không muốn thú nhận một sự sơ xuất như thế trước mặt đám người đặc biệt này. Chết tiệt thật. Ông nghĩ. Thiếu niên không bao giờ là một cử tọa dễ dãi và các cô gái luôn luôn tệ hại nhất. Ông cố gắng sắp xếp ý tưởng theo một trật tự nào đó.

Lúc sáu giờ kém ba mươi phút, mặc dầu vẫn chưa thấy tăm dáng của Sally, bà Hiệu trưởng gợi ý tất cả mọi người nên đến hội trường.

— Không thể bắt các học sinh chờ mãi. – Bà giải thích. – Như thế là tạo nên một gương xấu.

Đúng lúc họ rời phòng, Joni lấy tập giấy của chồng bà ra khỏi xách tay và đưa cho ông. Ông có vẻ thư thái lần đầu tiên kể từ 4 giờ 50.

Lúc sáu giờ kém một phút, bà Hiệu trưởng dẫn vị khách danh dự lên sân khấu. Ông quan sát bốn trăm nữ sinh đứng lên và vỗ tay chào mừng ông theo cách mà Hiệu trưởng mô tả là một thái độ “quý phái”.

Khi tiếng vỗ tay im dần, bà Hiệu trưởng đưa hai tay lên xuống để ra dấu cho các nữ sinh ngồi trở lại và tất cả nhẹ nhàng ngồi xuống. Kế đó bà bước tới bục giảng và phát biểu một bài ca ngợi không soạn trước về T. Hamilton McKenzie chắc sẽ gây ấn tượng đối với Ủy ban Nobel. Bà nói về Edward Xeir, người sáng lập khoa giải phẫu chất dẻo hiện đại, về J. R. Wolte và Wilhelm Krause và nhắc nhở các học sinh của bà rằng T. Hamilton McKenzie đã đi theo truyền thống vĩ đại của họ bằng cách thúc đẩy tiến bộ môn khoa học vẫn còn ở trong giai đoạn tăng trưởng. Bà không hề nói tới Sally và nhiều thành quả của cô trong thời gian học ở trường, mặc dầu điều này bà đã biên soạn sẵn. Vẫn còn khả năng bị phạt vì tội vi phạm nội quy nhà trường cho dù người đó đã được cấp học bổng quốc gia.

Khi bà Hiệu trưởng trở về chỗ của bà ở trung tâm sân khấu, T. Hamilton McKenzie mới tiến tới bục giảng. Ông nhìn xuống tập giấy, ho một tiếng rồi bắt đầu phát biểu:

— Tôi tin chắc rằng hầu hết các em trong hội trường này đều nghĩ giải phẫu chất dẻo là để giúp cho mũi ngay ngắn, cho cằm không còn chề ra và xoá các bọng phía dưới mắt. Những thứ đó tôi có thể cam đoan với các em, không phải là chất dẻo mà là giải phẫu thẩm mỹ.

Trước sự thất vọng của phần đông những người ngồi phía trước ông, đúng như vợ ông nghi ngờ, ông nói tiếp về giải phẫu chất dẻo trong bốn mươi phút về z-plasty, hormograting, dị dạng bẩm sinh và vết bỏng cấp ba mà không hề ngẩng đầu lên một lần nào.

Cuối cùng khi ông ngồi xuống, tiếng vỗ tay không vang lớn bằng lúc ông mới bước vào phòng. T. Hamilton Mckenzie nghĩ đó là vì bọng lộ những cảm xúc thực sự của họ thì sẽ bị xem là “không quý phái”. Trong lúc trở về văn

phòng của bà Hiệu trưởng, Joni hỏi người thư ký có tin tức gì về Sally hay không.

— Theo tôi biết thì không, – người thư ký trả lời. – Nhưng rất có thể cô ấy đã đến ngồi ngoài kia.

Trong thời gian thuyết trình, với các chi tiết mà Joni đã từng nghe cả trăm lần, bà lần lượt quan sát từng khuôn mặt trong hội trường và biết chắc con gái mình không có trong số đó.

Rượu sherry lại được rót mời khách và sau một khoảng thời gian thỏa đáng, T. Hamilton McKenzie thông báo họ phải ra về. Bà Hiệu trưởng gật đầu đồng ý và tiễn hai người khách ra xe. Bà cảm ơn nhà phẫu thuật về bài thuyết trình có nhiều điều sâu sắc đáng ghi nhớ và đứng chờ ở chót bậc thềm cho tới khi chiếc xe hơi mất dạng.

— Trong suốt đời tôi tôi chưa bao giờ biết một con người có tư cách như thế. – Bà tuyên bố với người thư ký. – Anh bảo cô McKenzie báo cáo cho tôi trước buổi lễ ở nhà nguyện ngày mai. Điều đầu tiên tôi muốn biết là tại sao cô bé lại xin ngồi chiếc xe hơi mà tôi đã sắp xếp đến đón cô.

Scott Bradley cũng có một bài thuyết trình buổi tối hôm ấy nhưng trong trường hợp này anh chỉ có mười sáu sinh viên tham dự và không một ai trong họ dưới tuổi ba mươi lăm. Mỗi người là một sĩ quan cấp tá có thâm niên của CIA, và khỏe như vâm chẳng khác bất kì một cầu thủ hậu vệ nào ở Mỹ. Khi họ nói về khoa luân lý học: việc ứng dụng còn thực tiễn hơn cả những gì Scott đã giảng dạy cho sinh viên của anh ở Yale.

Tất cả những người này đều đang hoạt động ở tiền tuyến tức trực khắp mọi nơi trên địa cầu. Thường thường giáo sư Bradley thúc ép họ kiểm tra kỹ

càng, từng chi tiết một, những quyết định mà họ đã ở trong tình thế bắt buộc và xem thử những quyết định đó có đạt được kết quả như họ đã hy vọng lúc đầu hay không.

Họ nhanh chóng thú nhận những sai lầm của mình. Không có vấn đề tự hào cá nhân, chỉ có tự hào trong công việc mới được xem là đáng hoan nghênh. Khi Scott nghe nói điều đó lần đầu tiên anh đã đề nghị họ chỉ nói theo thói quen. Nhưng sau chín năm làm việc với họ trong lớp học và trong phòng tập thể dục, anh đã nhận biết khác hẳn trong hơn một tiếng đồng hồ. Bradley dồn dập đưa cho họ nhiều tình huống thử nghiệm, đồng thời gợi ý nhiều lối suy nghĩ một cách hợp lý, luôn luôn cân nhắc những điều được biết với xét đoán chủ quan trước khi đi đến bất cứ một kết luận dứt khoát nào.

Hơn chín năm qua. Scott đã học được ở họ nhiều điều cũng như họ đã học ở anh, nhưng anh vẫn còn thích thú khi giúp họ ứng dụng hiểu biết của anh vào thực tế. Scott vẫn thường cảm thấy rất thích thú được thử nghiệm ngoài trận địa, chứ không phải chỉ trong giảng đường.

Khi buổi thuyết trình chấm dứt, Scott đến gặp họ trong phòng tập thể dục để tiếp tục rèn luyện thể chất. Anh leo dây, nâng tạ và đấu karate và họ không bao giờ dù chỉ một lần đối xử với anh khác với một thành viên của đội. Bất cứ ai tỏ thái độ kẻ cả với vị giáo sư từ Yale đến cuối cùng đều bị tổn thương lòng tự trọng.

Sau bữa ăn tối đêm hôm ấy, không rượu, chỉ có Quibel, Scott hỏi vị Phó giám đốc anh có thể được phép có thêm một kinh nghiệm chiến trường hay không.

— Anh thừa biết đây không phải là một vụ nghỉ hè, – Dexter Hutchins vừa trả lời vừa đốt một điếu xì gà. – Anh hãy bỏ Yale và đến làm việc hẳn với chúng tôi rồi có lẽ chúng tôi sẽ xem xét có đáng cho anh ra khỏi lớp học hay không.

— Tôi đáng được nghỉ phép một chuyến vào năm tới. – Bradley nhắc nhở

cấp trên của anh.

— Thế thì anh hãy đi một chuyến qua Ý mà anh vẫn tự hứa hẹn. Sau khi ăn tối với anh trong bảy năm qua, tôi nghĩ mình biết rõ về Bellini không kém khoa nghiên cứu về đường đạn.

— Tôi sẽ không bỏ ý muốn làm một công việc ngoài chiến tuyến, anh biết rõ mà, Dexter.

— Anh sẽ phải bỏ khi anh năm mươi tuổi, bởi vì đó là lúc chúng tôi cho anh về hưu.

— Nhưng tôi mới ba mươi sáu.

— Nhưng quá dễ bốc đồng nên không thể làm một sĩ quan cấp tá giỏi. – Vị Phó giám đốc vừa nói vừa bập bập điếu xì gà.

Khi T. Hamilton McKenzie mở cánh cửa trước nhà. Ông không nghe tiếng chuông điện thoại reo vì ông còn mãi gọi lớn:

— Sally? Sally?

Nhưng ông không nhận được tiếng trả lời nào. Cuối cùng ông chộp lấy ống nghe, đoán chắc hẳn là con gái ông.

— Sally? – Ông lại kêu lên.

— Tiến sĩ McKenzie? – Một giọng trầm tĩnh hơn hỏi.

— Vâng tôi đây. – Ông nói.

— Nếu ông đang thắc mắc con gái ông hiện ở đâu, tôi có thể cam đoan với ông rằng cô ấy vẫn bình an và mạnh khoẻ.

— Ai thế này? – McKenzie hỏi.

— Tôi sẽ gọi lại trong buổi tối hôm nay tiến sĩ McKenzie, khi ông đã có thời gian để bình tĩnh lại. – Giọng nói trầm tĩnh bảo. – Trong lúc chờ đợi, trong bất cứ tình huống nào, ông không nên liên lạc với cảnh sát hoặc thám tử tư. Nếu ông liên lạc, chúng tôi sẽ biết ngay lập tức và chúng tôi không thể làm gì khác hơn là gửi cô con gái đáng yêu của ông về nhà...

Giọng nói ngừng lại một lúc rồi tiếp:

— ... trong một chiếc quan tài.

Điện thoại im bật.

T. Hamilton McKenzie tái mét mặt và trong chốc lát người ướt đầm mồ hôi.

— Chuyện gì thế anh yêu? – Joni hỏi, khi bà trông thấy chồng ngả người lên ghế.

— Sally đã bị bắt cóc, – ông thảng thốt nói. – Chúng bảo không được liên lạc với cảnh sát. Chúng sẽ gọi lại trong buổi tối hôm nay.

Ông nhìn chăm chăm vào máy điện thoại.

— Sally đã bị bắt cóc? – Joni hỏi lại với vẻ không tin.

— Phải! – Chồng bà gằn giọng.

— Thế thì chúng ta phải báo ngay cho cảnh sát biết. – Joni vừa nói vừa nhảy chồm lên. – Dù sao họ được trả lương cho việc đó.

— Không, không được. Chúng báo chúng sẽ biết ngay lập tức nếu mình làm điều đó, và sẽ trả Sally về trong một chiếc quan tài.

— Một chiếc quan tài à? Anh nghe rõ chúng đã nói như thế chứ? – Joni trầm tĩnh hỏi.

— Mẹ kiếp, tất nhiên anh nghe rất rõ, nhưng chúng bảo Sally vẫn an toàn chừng nào mình không nói với cảnh sát. Anh không hiểu nổi. Mình đâu có giàu.

— Em vẫn nghĩ mình phải gọi cảnh sát. Dù sao cảnh sát trưởng Dixon là một người bạn của mình.

— Không! Không! – McKenzie hét lớn. – Em không chịu hiểu hay sao? Nếu mình làm việc đó chúng sẽ giết Sally!

— Em chỉ biết một điều. – Vợ ông trả lời. – Đó là anh chẳng hiểu gì cả và con gái chúng ta đang vô cùng nguy hiểm.

Bà ngừng lại một lúc rồi tiếp:

— Anh nên gọi cảnh sát trưởng Dixon ngay!

— Không! – Chồng bà lớn tiếng nhắc lại. – Chính em mới là người không hiểu gì cả.

— Em hiểu quá rõ là đằng khác. – Joni nói với một giọng hết sức bình tĩnh. – Anh định đóng vai cảnh sát trưởng của Columbus cũng như chủ nhiệm khoa y của trường đại học, bất chấp thực tế là anh hoàn toàn không đủ trình độ để làm việc đó. Anh sẽ phản ứng như thế nào nếu một cảnh sát viên bước vào phòng mổ của anh, cúi xuống phía trên một bệnh nhân của anh và đòi một con dao giải phẫu?

T. Hamilton McKenzie lạnh lùng nhìn vợ và đoán chính tinh thần căng thẳng đã khiến cho bà phản ứng một cách phi lý như vậy.

Hai người đàn ông đang lắng nghe cuộc đối thoại ở phía đằng kia của thành phố cùng liếc mắt nhìn nhau.

Người mang ống nghe bảo: “Tao vui mừng vì chính ông ta chứ không phải bà ta là người mình sắp phải đối phó.”

Khi chuông điện thoại lại reo một giờ sau đó, T. Hamilton McKenzie và vợ ông nhảy nhồm lên tựa hồ cả hai vừa chạm vào một sợi dây điện. McKenzie chờ chuông reo nhiều lần trong lúc ông cố trấn tĩnh lại. Rồi ông nhắc ống nghe lên.

— McKenzie. – Ông nói.

— Ông hãy nghe tôi thật kỹ. – Giọng nói trầm tĩnh bảo. – ... và đừng ngắt lời. Chỉ trả lời khi được yêu cầu. Hiểu rồi chứ?

— Hiểu. – McKenzie nói.

— Ông đã hành động đúng vì không liên lạc với cảnh sát theo lời vợ ông đề nghị. – Giọng nói trầm tĩnh tiếp tục. – Phán đoán của ông xác đáng hơn của vợ ông.

— Tôi muốn nói chuyện với con tôi. – McKenzie chặn lời.

— Ông xem quá nhiều phim buổi khuya, tiến sĩ McKenzie. Trong đời sống thực tế không có nữ anh hùng, cũng như anh hùng cho vấn đề đó đâu. Vì vậy ông nên luôn luôn nhớ như thế. Tôi nói ông nghe rõ chứ?

— Rõ. – McKenzie bảo.

— Ông đã làm mất thời giờ của tôi quá nhiều rồi đấy! – Giọng nói trầm tĩnh lại tiếp.

Rồi đường dây im bật. Hơn một tiếng đồng hồ sau chuông điện thoại mới lại reo, trong suốt thời gian đó Joni cố thuyết phục chồng bà một lần nữa rằng họ nên liên lạc với cảnh sát. Lần này, T. Hamilton McKenzie nhắc ống nghe lên không chờ đợi.

— Hello? Hello?

— Hãy bình tĩnh, tiến sĩ McKenzie. – Giọng nói bình tĩnh vang lên. – Và lần này ông nghe kỹ. Sáng ngày mai lúc 8 giờ 30 ông sẽ rời nhà và lái xe đến bệnh viện như thường lệ. Trên đường đi. Ông sẽ ngừng lại ở quán Olentangy và chọn một cái bàn nào còn trống trong góc tiệm cà phê. Chọn cái chỉ để cho hai người ngồi. Sau khi chúng tôi đã tin chắc không có một ai đi theo ông, một người đồng nghiệp của tôi sẽ đến gặp ông và đưa chỉ dẫn cho ông. Hiểu rồi chứ?

— Hiếu.

— Chỉ cần một hành động xằng bậy thôi, tiến sĩ, là ông sẽ không bao giờ gặp lại con gái của ông. Ông hãy cố nhớ, chính ông là người làm nghề kéo dài cuộc sống, còn chúng tôi làm nghề kết thúc cuộc sống.

Điện thoại lại im bật.

CHƯƠNG 5

Hannah tin chắc nàng có thể thành công trong vụ này. Xét cho cùng, nếu nàng không thể lừa gạt họ ở London thì có hy vọng gì nàng có thể hành động như thế ở Baghdad?

Nàng chọn buổi sáng thứ ba cho cuộc thí nghiệm, sau khi đã bỏ ra nhiều tiếng đồng hồ để thăm dò khu vực trong ngày hôm trước. Nàng quyết định không bàn tính kế hoạch của nàng với bất cứ một ai, sợ rằng một người trong đội Mossad có thể sinh ra nghi ngờ nếu nàng hỏi quá nhiều về một vấn đề.

Nàng soi người trong tấm gương ở phòng ngoài. Một cái T-shirt trắng tinh và một áo thun rộng lưng thùng, một quần jean sờn cũ, đôi giày đế bọc cao su, vớ ngắn và mái tóc của nàng trông có vẻ hơi bù xù.

Nàng xếp đồ vào chiếc vali nhỏ méo mó, tài sản gia đình duy nhất mà họ cho phép nàng giữ lại, và rời khỏi ngôi nhà có bậc thềm sau mười giờ một phút. Bà Rubin đã đi sớm hơn để làm công việc mà bà gọi là “mua sắm lớn” ở tiệm Sainsbury để tích trữ cho hai tuần lễ.

Hannah bước chậm dọc theo đường, biết rằng nếu nàng bị bắt gặp họ sẽ đưa nàng lên chuyến bay sắp tới để trở về nhà. Nàng đi vào ga tàu điện ngầm, đưa vé cho nhân viên gác cổng, xuống thang máy và bước về phía tận cùng của sân ga sáng trưng trong lúc đoàn tàu rầm rộ vào ga.

Ở Leicester Square, nàng đổi sang tuyến Piccadilly và khi đoàn tàu chạy về ngã South Kensington, Hannah ở trong số người đầu tiên tới cầu thang tự động. Nàng không chạy lên cái nấc thang theo ý định tự nhiên của mình, bởi vì chạy sẽ khiến cho người ta để ý. Nàng đứng yên trên cầu thang tự động, xem xét kỹ các hình ảnh quảng cáo trên tường như thể không một ai có thể

trông thấy mặt nàng. Chiếc Rover với bộ phận bơm xăng mới, rượu Whisky Johnnie Walker, một lời cảnh báo bệnh AIDS... Ngay sau khi xuất hiện ngoài trời nắng. Hannah nhanh nhẹn kiểm tra bên phải bên trái trước khi băng ngang đường Harrington và bước về phía khách sạn Norfolk, một loại nhà trọ ít bị ai để ý mà nàng đã cẩn thận lựa chọn. Nàng đã thanh toán mọi chi phí ngày hôm trước và có thể bước thẳng vào phòng vệ sinh nữ mà không cần hỏi đường.

Hannah đẩy cửa và sau khi nhanh chóng kiểm tra để biết chắc chắn có một mình nàng chọn căn phòng cuối, gài chốt cửa và mở nắp cái vali méo mó ra. Nàng bắt đầu quyết định thay đổi hình dạng.

Có tiếng chân của hai người bước vào và đi ra trong lúc nàng cời y phục. Trong thời gian đó, Hannah người khom xuống trên bồn cầu, chỉ tiếp tục khi biết chắc nàng còn một mình. Công việc đó làm nàng mất gần hai mươi phút. Khi nàng ra khỏi căn buồng nàng nhìn lại mình trong tấm gương và sửa chữa thêm một đôi chỗ, rồi nàng cầu nguyện, nhưng không phải với Thượng đế của họ.

Hannah rời khỏi phòng vệ sinh nữ và bước chân lên cầu thang, trở lại quầy tiếp tân của khách sạn. Nàng đưa chiếc vali nhỏ của nàng cho người gác phòng ngoài, bảo anh ta là nàng sẽ lấy lại trong vòng hai giờ sau. Nàng đẩy một đồng tiền một pound qua mặt quầy và nhận lại một tấm thẻ nhỏ màu đỏ. Nàng đi theo một toán khách du lịch qua cửa xoay và mấy giây sau trở ra ngoài lề đường. Nàng biết chắc mình sẽ đến đâu và mất bao lâu mới đến cửa trước, vì nàng đã đợi thử một lần ngày hôm trước.

Nàng chỉ hy vọng huấn luyện viên của nàng trong tổ chức Mossad biết rõ họa đồ bên trong toà nhà. Xét cho cùng từ trước đến nay chưa có nhân viên nào vào được trong đó cả.

Hannah bước chậm dọc theo lề đường về phía đường Brompton. Nàng biết mình không được phép do dự một khi nàng tới cửa trước. Với đoạn đường khoảng hai chục mét, nàng hầu như quyết định bước thẳng qua khỏi toà nhà.

Nhưng khi vừa tới bậc thềm nàng tự thấy mình bước lên đó và dùng cảm gõ lên cửa. Một lát sau cánh cửa được mở ra bởi một gã đàn ông như bò mộng cao hơn nàng tới một tấc rưỡi. Hannah bước vào và nàng nhẹ nhõm khi gã bảo vệ tránh sang một bên, nhìn về cả hai ngả đường rồi đóng sầm cửa lại.

Nàng bước xuôi theo hành lang về phía cầu thang lờ mờ sáng mà không hề nhìn lại sau. Khi đã đến cuối tấm thảm bạc màu, nàng chậm chậm lên cầu thang. Họ đã đảm bảo với nàng rằng đó là cửa thứ hai bên trái trên tầng nhất, và khi nàng lên tới đầu cầu thang, nàng trông thấy ngay một cánh cửa ở bên trái sơn màu nâu có một quả nắm bằng đồng đã không được đánh bóng từ nhiều tháng nay. Nàng từ từ xoay quả nắm và đẩy cánh cửa mở. Trong lúc nàng bước vào, tiếng nói chuyện xì xào bỗng ngừng lại. Tất cả những người trong phòng cùng quay nhìn nàng chòng chọc.

Làm sao họ có thể biết rằng Hannah chưa bao giờ đến đây khi tất cả những gì họ có thể thấy chỉ là đôi mắt của nàng.

Rồi một người trong bọn họ bắt đầu nói lại và Hannah yên lặng. Ngồi lên một chiếc ghế cùng với họ. Nàng lắng nghe một cách thận trọng và nhận thấy rằng ngay cả khi ba bốn người trong bọn họ nói cùng một lúc nàng vẫn có thể nghe được gần như từng từ một. Nhưng cuộc thử nghiệm khó khăn nhất là khi nàng quyết định tham gia cuộc nói chuyện. Nàng tự giới thiệu rằng tên nàng là Sheka và chồng nàng vừa mới đến London, nhưng chỉ được phép mang theo một người vợ. Họ gật đầu ra vẻ hiểu biết và tỏ ý hoài nghi về việc cơ quan di trú Anh không thể chấp nhận chế độ đa thê.

Trong giờ kế tiếp, nàng lắng nghe và cùng bình luận về các vấn đề của họ. Người Anh dơ dáy như thế nào, tất cả đang hấp hối vì bệnh AIDS. Họ không thể chờ đợi để về nhà và ăn uống các món thích hợp. Và trời có bao giờ ngừng mưa hay không? Không hề báo trước, một trong số phụ nữ mặc y phục đen chột đứng dậy và nói lời từ biệt các bạn. Khi một người thứ hai đứng lên để nổi gót. Hannah nhận thấy đây là dịp may để nàng đi. Nàng theo sau hai người đàn bà lặng lẽ xuống cầu thang, cố giữ một khoảng cách mấy bước. Gã

đàn ông lực lưỡng gác cửa mở cửa cho ba người đi ra ngoài. Hai người leo lên băng sau của một chiếc Mercedes lớn màu đen và chiếc xe lướt nhanh đi trong lúc Hannah quẹo sang hướng tây và bắt đầu theo đường cũ trở lại khách sạn Norfolk.

T. Hamilton McKenzie thức gần suốt đêm cố tìm hiểu thực chất gã đàn ông với giọng nói trầm tĩnh có thể muốn gì. Ông đã kiểm tra hồ sơ gửi và rút tiền của ông ở ngân hàng. Ông chỉ có 230.000 đô la trong tài khoản cùng một số chứng khoán. Và ngôi nhà có lẽ trị giá khoảng 250.000 nữa một khi đã trả góp xong toàn bộ, và loại này thì không phải là loại có thể bán nhanh, do đó có lẽ phải mất hàng tháng mới giải quyết được. Tất cả gom lại với nhau, ông chỉ có thể góp được nửa triệu đô la là cùng. Ông không tin tưởng ngân hàng sẽ ứng trước cho ông quá hơn con số đó dù chỉ một xu.

Tại sao bọn chúng lại chọn ông? Ở trường Columbus có không biết bao nhiêu ông bố giá trị gấp mười hoặc hai mươi lần ông, chẳng hạn Joe Ruggiero, người không bao giờ lớn nhất Columbus nhưng nhất định là một nhà đại triệu phú.

Có lúc McKenzie đã tự hỏi, phải chăng ông đang đối phó với một băng tội phạm đã chọn sai người, thậm chí chỉ là bọn nghiệp dư. Nhưng ông gạt bỏ ngay ý nghĩ đó khi ông xem xét cái cách bọn chúng thực hiện vụ bắt cóc và phần tiếp theo. Không, ông phải nhìn nhận rằng ông đang đối phó với những tên chuyên nghiệp biết chính xác những gì chúng cần.

Ông tuột xuống giường lúc quá sáu giờ một chút và nhìn ra ngoài cửa sổ, thấy không có dấu hiệu nào của mặt trời buổi sáng. Ông cố gắng hết sức giữ yên lặng, mặc dầu ông biết rằng bà vợ không nhúc nhích chắc hẳn đang thức, có lẽ bà đã không chớp mắt được suốt cả đêm. Ông tắm nóng, cạo râu và vì

nhiều lý do mà ông không sao tự giải thích, mặc một chiếc sơ mi mới tinh, bộ com lê ông chỉ dùng khi đi nhà thờ và một cà vạt hoa hiệu Liberty mà Sally đã tặng ông hai mùa Giáng sinh trước và ông chưa bao giờ có can đảm mang.

Đoạn ông đi xuống bếp và pha cà phê cho vợ lần đầu tiên trong mười lăm năm. Ông mang khay trở vào phòng ngủ trong lúc Joni đang ngồi thẳng người trong chiếc áo ngủ màu hồng tay dụi đôi mắt phờ phạc.

McKenzie ngồi lên cuối giường và họ uống cà phê đen với nhau trong im lặng. Suốt mười một giờ trước đó họ đã nói hết tất cả những gì cần phải nói.

Ông dọn dẹp khay và trở xuống cầu thang, cố kéo dài thời gian tối đa trong lúc rửa và sắp xếp gọn gàng trong bếp. Âm thanh kế tiếp mà ông nghe là tiếng bịch của xấp giấy rơi lên cống bên ngoài cửa trước. Ông liền buông tấm khăn lau chạy vội ra ngoài để lấy tờ *Dispatch* và nhanh nhẹn kiểm tra trang đầu, tự hỏi nó có thể bằng một cách nào đó nắm được câu chuyện hay không. Cái tên Clinton chiếm giữ các đầu đề lớn với sự xung đột ở Iraq lại bùng lên. Tổng thống hứa hẹn gửi thêm quân đội để bảo vệ biên giới Kuwait nếu xét thấy cần thiết.

— Đáng lẽ họ phải giải quyết mọi việc dứt điểm ngay từ lúc đầu, — McKenzie lẩm bẩm trong lúc ông đóng cửa trước. — Saddam không phải là hạng người hành động theo sách vở.

Ông cố nắm rõ các chi tiết của bài báo cáo nhưng không sao tập trung vào từng từ. Qua bài xã luận, ông biết được rằng tờ *Dispatch* nghĩ Clinton đang đương đầu với cuộc khủng hoảng thực sự đầu tiên. Tổng thống chưa thực sự biết khủng hoảng là gì cả, T. Hamilton McKenzie nghĩ. Xét cho cùng, con gái của ông ta đã ngủ an giấc trong Nhà Trắng đêm hôm trước.

Ông gần như vui hẳn lên khi chiếc đồng hồ ở phòng ngoài cuối cùng đánh tám tiếng. Joni hiện ra ở chân cầu thang, ăn mặc chỉnh tề. Bà kiểm tra cổ áo của ông và phui sạch một ít gàu bám trên vai ông, trong lúc ông chuẩn bị rời khỏi nhà cho một ngày làm việc bình thường ở trường đại học. Bà không có ý

kiến gì về việc ông chọn chiếc cà vạt:

— Anh về thẳng nhà nhé, – bà nói như thường lệ.

— Tất nhiên, – ông nói, hôn lên má vợ và rời khỏi nhà không thêm một lời nào.

Ngay khi cửa nhà xe vừa quay lên, ông đã trông thấy ánh đèn pha lập lòe và buông một tiếng chửi thề lớn. Ông đã quên tắt đèn xe đêm hôm trước khi ông quá giận dữ vì con gái của ông. Lần này ông hướng nổi tức giận vào chính bản thân ông và chửi thề một lần nữa.

Ông trèo lên phía sau tay lái, đút chìa khoá vào ổ công tắc và cầu nguyện. Ông tắt đèn và sau khi ngừng một lát, xoay chìa khoá. Thoạt tiên một cách nhanh chóng, rồi một cách từ từ, ông thử cho máy xe nổ, nhưng nó chỉ kêu lách cách trong lúc ông đạp chân ga liên tục.

— Hôm nay không được! – Ông vừa gào lên vừa đập mạnh lòng bàn tay lên tay lái.

Ông thử hai lần nữa rồi nhảy ra khỏi xe và chạy trở vào nhà. Ông không nhắc ngón tay khỏi nút chuông cho đến khi Joni mở cửa với bộ mặt dò hỏi.

— Ấc quy hết điện. Anh cần xe của em, nhanh lên, nhanh lên.

— Nó đang được sửa chữa. Anh đã bảo em từ mấy tuần trước rằng em phải đưa đến ga ra.

T. Hamilton McKenzie không có thời giờ để bày tỏ ý kiến. Ông xoay lưng về phía vợ, chạy ra đường và bắt đầu nhìn về hai phía đại lộ có hai hàng cây để tìm kiếm loại xe màu vàng quen thuộc với một bảng đề dãy số 444 4444 gắn trên nóc. Nhưng ông nhận thấy chỉ có cơ may một phần trăm tìm ra một chiếc taxi chạy quanh quần tìm một người khách vào lúc sáng sớm như thế này. Ông chỉ có thể trông thấy một chiếc xe bus đang hướng về phía ông. Ông biết trạm xe cách đây khoảng một trăm mét, vì vậy ông khởi sự chạy theo cùng hướng với chiếc xe bus. Mặc dầu ông còn tới hai ba chục mét khi

nó qua mặt ông, chiếc xe bus dừng lại ở trạm và chờ đợi.

McKenzie vừa trèo lên các nấc thang vừa thở hổn hển.

— Xin cảm ơn, – ông nói. – Chiếc xe bus này có chạy tới đường Olentangy River hay không?

— Rất gần nơi đó.

— Thế thì chúng ta đi. – T. Hamilton McKenzie nói.

Ông nhìn đồng hồ đeo tay. Lúc này là 8 giờ 17. Với một chút may mắn rất có thể ông vẫn kịp giờ hẹn... Ông bắt đầu tìm một chỗ ngồi.

— Giá cước là một đô la, – người tài xế vừa nói vừa nhìn theo ông.

T. Hamilton McKenzie lục lọi khắp bộ com lê.

— Ôi Chúa, ông thốt lên. Tôi đã bỏ quên...

— Đừng giở trò như vậy! – người tài xế bảo. – Không tiền không đi.

McKenzie quay lại nhìn mặt anh ta một lần nữa.

— Anh không hiểu, tôi có một cuộc hẹn quan trọng. Một vấn đề sinh tử.

— Cũng giống như giữ được việc tôi đang làm. Tôi chỉ biết làm việc theo nguyên tắc. Nếu ông không thể trả tiền, thì ông phải trở xuống bởi vì đó là quy định.

— Nhưng... – McKenzie lắp bắp.

— Tôi sẽ đưa cho ông một đô la để đổi lấy cái đồng hồ đó! – Một thanh niên ngồi ở hàng ghế thứ hai đang thưởng thức cuộc đối đầu.

T. Hamilton McKenzie nhìn chiếc Rolex bằng vàng mà ông đã được tặng sau hai mươi lăm năm phục vụ cho bệnh viện Đại học bang Ohio. Ông mở ngay nó ra khỏi cổ tay và đưa nó cho gã thanh niên.

— Đây phải là một vấn đề sinh tử, – gã thanh niên nói trong lúc anh ta đổi chiến lợi phẩm bằng một đô la...

Anh ta mang chiếc đồng hồ vào cổ tay. T. Hamilton McKenzie đưa đồng hồ la cho người tài xế.

— Ông không thể đổi chác ngon lành ở đây, – anh ta vừa nói vừa lắc đầu.
– Lẽ ra ông có thể sử dụng một chiếc xe du lịch hạng sang suốt cả một tuần để đổi lấy một cái Rolex.

— Nào, đi thôi! – McKenzie gào lên.

— Tôi đâu phải người dừng xe lại để ăn cướp, – người tài xế vừa nói vừa cho xe chậm chậm rời khỏi lề đường.

T. Hamilton McKenzie ngồi ở ghế trước ao ước chính ông là người lái xe. Ông nhìn đồng hồ tay. Nó không còn ở đó ông liền quay lại và hỏi gã thanh niên:

— Máy giờ rồi?

Gã thanh niên hãnh diện nhìn món đồ anh ta vừa mới kiếm được mà từ nãy giờ anh ta vẫn chưa hề rời mắt khỏi.

— Tám giờ hai mươi sáu phút hai mươi giây.

McKenzie nhìn đăm đăm ra ngoài cửa sổ, ước mong chiếc xe bus chạy nhanh hơn. Nó dừng lại bảy lần để cho hành khách lên xuống trước khi đến góc đường Independence, vào lúc người tài xế sợ rằng người đàn ông không mang đồng hồ sắp sửa lên cơn đau tim. Trong lúc T. Hamilton McKenzie nhảy vọt ra khỏi các nấc thang của chiếc xe bus, ông chợt nghe đồng hồ toà thị chính đổ 8 giờ 45.

— Ôi Chúa, xin để cho bọn chúng vẫn còn đó, – ông nói trong lúc chạy về phía quán Olentangy, hy vọng không có ai nhận ra ông. Ông chỉ ngừng chạy khi đã đến đoạn đường dẫn đến nơi tiếp khách. Ông cố trấn tĩnh lại dù rằng ông đang thở hụt hơi và toát mồ hôi từ đầu tới chân.

Ông đẩy cánh cửa xoay của tiệm cà phê và liếc quanh phòng, không có một ý niệm nào về người hoặc thứ gì mình đang tìm. Ông tưởng tượng tất cả

mọi người đang chăm chăm nhìn lại ông.

Quán có khoảng sáu mươi bàn loại hai và bốn ghế, và ông có thể đoán chừng một nửa số có khách ngồi. Hai trong số bàn trong góc đã có khách, vì vậy McKenzie đi về phía một bàn mà từ đó ông có thể thấy rõ cửa ra vào.

Ông ngồi xuống và chờ đợi, hy vọng bọn chúng đã không bỏ rơi ông.

Chính lúc Hannah trở lại giao lộ ở góc công viên Thurloe, lần đầu tiên nàng có cảm giác một kẻ nào đó đang theo dõi nàng. Cho đến lúc nàng đã tới lề đường về phía Nam Kensington, nàng mới chắc chắn như thế.

Một người đàn ông cao lớn, còn trẻ, không có kinh nghiệm nhiều trong việc theo dõi, thập thò khá rõ ràng ở các ô cửa. Có lẽ anh ta nghĩ nàng không phải là loại người có thể nghi ngờ. Hannah còn cách nơi nàng ở dự kiến khoảng 400 mét. Vào lúc Norfolk hiện ra, nàng biết chính xác việc cần phải làm. Nếu nàng có thể vào được trong toà nhà trước anh ta, nàng ước lượng mình chỉ cần khoảng ba mươi, có lẽ bốn mươi lăm giây là tối đa, trừ cả hai người gác gian đều bận. Nàng dừng lại ở ô kiếng phía trước hiệu thuốc và chăm chú nhìn cách trưng bày các loại mỹ phẩm đầy khắp các kệ. Nàng quay người nhìn về phía các ống son trong góc và trông thấy bóng anh ta trong ô kiếng được chùi sáng trưng. Anh ta đang đứng bên cạnh một quầy báo ở cửa ga tàu điện ngầm Nam Kensington. Anh ta lấy một tờ *Daily Mail*. “Nghịệp dư,” nàng nghĩ việc đó đã giúp nàng cơ hội băng qua đường trước khi anh ta kịp lấy lại tiền thối. Nàng đã tới cửa trước của khách sạn trong lúc anh ta đi qua hiệu thuốc. Hannah không chạy lên các bậc thềm, vì như thế là thừa nhận sự hiện hữu của anh ta, nhưng nàng đã sai lầm khi đẩy cánh cửa xoay quá mạnh đến nỗi nàng đã hất một bà cụ già bất ngờ ngã nhào lên lề đường sớm hơn bà cụ tưởng.

Hai người gác gian đang nói chuyện phiếm trong lúc nàng phóng như bay qua phòng ngoài. Tấm thẻ đỏ và một pound nữa đã nằm sẵn trong tay nàng trước khi nàng tới bàn gác gian. Hannah đập mạnh đồng tiền lên mặt quầy khiến cho người gác gian lớn tuổi lưu ý ngay tức khắc. Khi ông ta thấy đồng pound, ông ta nhanh chóng lấy tấm thẻ, tìm chiếc vali nhỏ của Hannah và trả lại cho nàng ngay lúc tên theo dõi nàng đang bước qua cửa xoay. Nàng đi thẳng về phía cầu thang ở cuối hành lang, ôm chặt vali nhỏ vào sát bụng như thể tên theo dõi nàng sẽ không biết nàng đang mang theo bất cứ vật gì. Khi nàng xuống tới nấc thang thứ hai nàng bắt đầu chạy vì không thấy một ai khác. Lúc đã xuống tới cuối cầu thang nàng băng qua hành lang và vào trong phòng vệ sinh nữ là nơi tương đối an toàn.

Lần này không phải chỉ có một mình nàng. Một phụ nữ trung niên đang cúi mình trên một lavabo để kiểm tra son môi. Bà ta không hề liếc nhìn Hannah khi nàng đi khuất vào trong một buồng vệ sinh. Hannah ngồi lên trên bồn cầu thu hai đầu gối lên dưới cằm, trong lúc nàng chờ đợi người phụ nữ hoàn tất công trình của bà ta. Hai ba phút sau bà ta mới bỏ đi. Sau khi nghe tiếng cửa đóng, nàng hạ chân lên nền nhà bằng đá hoa cương lạnh ngắt, mở chiếc vali méo mó ra để kiểm tra mọi thứ còn đủ hay không, vừa ý vì đúng như vậy, thay trở lại chiếc T-shirt, chiếc áo thun rộng lưng thùng và chiếc quần jeans, cố hết sức nhanh.

Nàng vừa mang xong vớ thì cánh cửa lại mở và nàng quan sát phần dưới của hai cái chân mang vớ dài bước qua nền nhà và đi vào một buồng bên cạnh nàng. Hannah liền phóng ra ngoài, cài nút quần jeans, trước khi kiểm tra lại mình một cách nhanh chóng trong tấm gương. Nàng làm cho tóc rối một chút rồi bắt đầu kiểm tra quanh phòng. Có một cái thùng lớn trong góc để đựng khăn dơ. Hannah gõ cái nắp nhựa, lấy ra tất cả khăn trong thùng và nhét chiếc vali nhỏ của nàng vào tận dưới đáy, rồi nhanh nhẹn phủ khăn lên trên và đập cái nắp lại như cũ. Nàng cố quên nàng đã mang cái túi từ Leningrad đến Tel Aviv đến London, nửa vòng trái đất. Nàng chửi thề bằng quốc ngữ

trước khi kiểm tra mái tóc trong gương một lần nữa. Rồi nàng ung dung ra khỏi phòng vệ sinh nữ, cố gắng tỏ vẻ bình tĩnh, thậm chí cầu thả.

Vật đầu tiên mà Hannah trông thấy khi nàng bước vào hành lang là gã thanh niên đang ngồi ở đằng kia đọc tờ *Daily Mail*. May ra anh ta sẽ không nghi ngờ gì về nàng.

Nàng vừa tới chân cầu thang thì anh ta ngược nhìn lên. Khá đẹp trai, nàng nghĩ, ngoái lại nhìn anh một lúc lâu.

Nàng quay người và bắt đầu lên cầu thang. Nàng đi xa, nàng đã thành công.

— Xin lỗi cô, – một giọng nói vang lên từ phía sau.

— Cô đừng sợ, đừng chạy, cứ hành động bình thường.

Nàng quay lại và mỉm cười. Anh ta mỉm cười lại, gần như tán tỉnh nàng, rồi đỏ bừng mặt.

— Cô có trông thấy một cô gái Ả Rập khi cô ở trong phòng vệ sinh?

— Vâng, tôi có thấy, – Hannah trả lời, rồi hỏi tiếp. – Nhưng tại sao anh hỏi?

Luôn luôn đặt kẻ thù vào thế phòng thủ bất cứ lúc nào có thể là nguyên tắc tiêu chuẩn.

— Ồ, điều đó không quan trọng. Xin lỗi đã quấy rầy cô, – anh ta nói rồi khuất dáng vào góc đường phía sau.

Hannah đi lên cầu thang, trở lại phòng ngoài và đi thẳng ra cửa xoay. Tội nghiệp, nàng nghĩ khi đã trở ra ngoài đường. Anh ta trông khá hấp dẫn. Nàng tự hỏi anh ta sẽ ngồi đó bao lâu, anh ta làm việc cho ai, và cuối cùng anh ta sẽ báo cáo với ai?

Hannah khởi sự bước trở về nhà, tiếc là không thể ghé vào tiệm Dino để ăn một đĩa mì Ý rồi xem phim mới nhất của Frank Marshall đang chiếu ở rạp

Cannon. Vẫn còn có nhiều lúc nàng khao khát mình chỉ là một người phụ nữ trẻ ở London. Rồi nàng nghĩ đến mẹ nàng, em trai nàng, em gái nàng và một lần nữa tự bảo tất cả những thứ đó cần phải chờ đợi.

Nàng ngồi một mình trong phần đầu của cuộc hành trình bằng tàu điện ngầm và bắt đầu tin rằng nếu họ gửi nàng đến Baghdad, miễn là không có một kẻ nào muốn lên giường với nàng – nàng chắc chắn có thể ngay bây giờ giả dạng thành một người Iraq.

Khi tàu dừng lại ở ga Green Park hai thanh niên nhảy lên. Hannah không chú ý tới họ. Nhưng lúc cửa đóng lại nàng mới nhận thấy không còn có một ai khác trong toa tàu.

Một lát sau, một người trong bọn lững thững đi về phía nàng và nhe răng cười một cách lơ đãng. Anh ta mặc một chiếc áo khoác ngắn màu đen với cổ áo phủ đầy những nút rời, và một chiếc quần Jean chật đến mức làm cho anh ta giống như một vũ công ba lê. Mái tóc đen lờm chờm của anh ta dựng đứng lên trông tựa hồ anh ta vừa được chữa bệnh tâm thần bằng điện. Hannah nghĩ anh ta có lẽ mới quá hai mươi tuổi. Nàng liếc xuống chân anh ta để thấy rằng anh ta mang một đôi giày ống quân đội loại kiên cố. Mặc dầu anh ta hơi mập, qua cử động của anh ta nàng tin chắc anh ta hết sức mạnh khỏe. Bạn anh ta đứng cách đó mấy bước, tựa người vào lan can gần cửa.

— Em nghĩ sao về đề nghị của bạn anh mời em đi một vòng? – Anh ta vừa hỏi vừa lấy một con dao bấm ra khỏi túi.

— Xéo đi! – Hannah thản nhiên đáp lại.

—Ồ, một thành viên của giới thượng lưu hả? – Anh ta nói, vẫn với miệng cười toe toét. – Muốn chơi với cả hai đứa anh cùng một lúc chứ gì?

— Muốn đập môi à? – Nàng phản công.

— Đừng nên láu cá với anh, tiểu thư, – anh ta nói trong lúc tàu dừng lại ở ga Piccadilly Circus.

Gã bạn của anh ta đứng ở khung cửa để cho bất cứ ai có ý định bước vào toa cuối sẽ nghĩ tốt hơn là không nên.

Đừng bao giờ gây sự chú ý, đừng bao giờ tạo ra một cảnh náo động: đó là nguyên tắc đã được chấp nhận nếu ta làm việc cho bất cứ một ngành nào của Sở mật vụ, nhất là khi ta hoạt động ở nước ngoài. Chỉ phá bỏ nguyên tắc trong những tình huống cùng cực.

— Thằng bạn Marvin của anh muốn em đấy. Em có biết không, Sloane?

Hannah mỉm cười với anh ta trong lúc nàng bắt đầu dự kiến con đường nàng phải dùng để thoát ra khỏi toa tàu một khi tàu dừng lại ở ga kế tiếp.

— Chính anh cũng rất thích em, anh ta nói tiếp. – Nhưng anh thích các em da đen hơn. Bọn họ chúa lẳng nhăng, làm cho anh muốn điên lên được.

— Vậy thì anh sẽ thích bạn anh, – Hannah nói, hồi hận đã nói mấy lời đó ngay lúc vừa thốt ra. Đừng bao giờ khiêu khích.

Nàng chợt nghe tiếng lách cách trong lúc lưỡi dao mỏng dài bung ra lóe lên trong toa tàu sáng ánh đèn.

— Bây giờ có hai cách để bắt đầu công việc này, Sloane – yên lặng hoặc ồn ào. Tùy ý em chọn. Nhưng nếu em không cảm thấy thích cộng tác, anh sẽ rạch vài đường trên khuôn mặt xinh đẹp của em.

Gã thanh niên bên cạnh cửa bắt đầu cười thành tiếng.

Hannah đứng lên và nhìn thẳng gã đang trêu ghẹo nàng. Nàng ngừng lại một chút trước khi từ từ mở nút trên cùng chiếc quần Jeans của nàng.

— Cô ta được dành riêng cho mày đấy, Marvin, – gã thanh niên vừa nói vừa quay lại nhìn thẳng bạn.

Anh ta không hề thấy cái chân bay xuyên qua không khí trong lúc Hannah quay 180 độ. Con dao bật ra khỏi bàn tay anh ta và phóng qua sàn tới tận nút toa tàu. Một cánh tay thẳng băng giáng xuống cổ anh ta và anh ta ngã quy lên

sàn một đồng trống giống một bao khoai tây. Nàng bước qua thân hình anh ta và đi về phía Marvin.

— Không, không thưa cô, không phải tôi. Owen luôn luôn là một kẻ gây rối. Tôi có làm gì đâu, không phải tôi, không có gì.

— Hãy cởi quần anh ra, Marvin!

— Cái gì?

Nàng duỗi thẳng ngón bàn tay phải.

— Bất cứ gì cô nói, thưa cô.

Marvin nhanh nhẹn mở dây kéo và cởi chiếc quần jeans của anh ta ra để lộ cái quần lót dơ bẩn kiểu hải quân và một vết xăm trên đùi với chữ “MẸ”.

— Tôi hy vọng mẹ anh không phải trông thấy anh như thế này, Marvin, – Hannah vừa nói vừa nhặt chiếc quần Jeans của anh ta. – Bây giờ tới quần lót.

— Cái gì?

— Anh nghe tôi nói rồi mà, Marvin.

Marvin từ từ cởi quần lót ra.

— Thật là chán nản, – Hannah nói khi tàu dừng lại ở Leicester Square.

Trong lúc cửa tàu soàn soạt đóng lại phía sau lưng nàng Hannah thoáng nghe mấy tiếng:

— Đồ chó cái thối tha, tao sẽ...

Trong lúc bước xuôi theo lối đi tới tuyến phương Bắc, Hannah không thể tìm ra một thùng rác để bỏ số y phục bẩn thỉu của Marvin. Chúng đã được dọn sạch một thời gian trước đó sau một loạt đặt bom bất ngờ của IRA^[10] trong hệ thống tàu điện ngầm London. Nàng đành phải mang chiếc quần Jeans và quần lót về tận Chalk Farm, nơi đây cuối cùng nàng đã bỏ chúng vào trong một thùng rác ở góc đường Adelaide rồi mới lạng lẽ thả bộ về nhà.

Trong lúc nàng mở cửa trước, một giọng nói vui vẻ vang lên từ phía bếp:

— Bữa ăn trưa đã dọn sẵn trên bàn, cô em.

Bà Rubin bước tới gặp Hannah và nói tiếp:

— Tôi đã có một buổi sáng đầy hấp dẫn. Cô không sao tin nổi những gì đã xảy đến với tôi ở Sainsbury.

— Ông dùng gì ạ? – Một nữ tiếp viên mặc váy màu đỏ và một tấm tạp dề đen hỏi với một tập giấy trên tay.

— Một cà phê đen thôi cô, – T. Hamilton McKenzie đáp.

— Có ngay, – cô ta vui vẻ nói.

Ông định xem giờ thì sực nhớ một lần nữa rằng chiếc đồng hồ tay của ông hiện ở trên cổ tay của một gã thanh niên – có lẽ lúc này đã ở xa ông mấy cây số. McKenzie liền ngẩng lên nhìn chiếc đồng hồ phía trên quầy. Tám giờ năm mươi sáu phút. Ông khởi sự kiểm tra mọi người khi qua cửa.

Một người đàn ông cao lớn ăn mặc lịch sự là người đầu tiên bước vào, và trong lúc anh ta lướt mắt qua căn phòng McKenzie hết sức hy vọng và ước mong anh ta sẽ nhìn về phía ông. Nhưng người đàn ông bước về phía quầy và ngồi lên một chiếc ghế đẩu, lưng quay về hướng nhà hàng. Cô nữ tiếp viên trở lại và đưa cho vị giáo sư bôn chôn một tách cà phê đen bốc khói.

Người kế tiếp bước vào phòng là một phụ nữ mang theo một cái túi mua hàng có một quai xách dài. Theo sau đó một lát nữa là một người đàn ông ăn mặc tề chỉnh khác cũng đưa mắt lục lọi khắp phòng. Một lần nữa, những hy vọng của T. Hamilton McKenzie lại nổi lên, chỉ chực lao tới khi một nụ cười tỏ ra nhận biết thoáng qua khuôn mặt của người đàn ông. Anh ta cũng đi về

phía bàn chiếm chiếc ghế đầu bên cạnh người vừa đến đó một lúc. Cô gái xách túi lặng lẽ ngồi vào ghế đối diện với ông.

— Ghế đó có người đặt, – T. Hamilton McKenzie nói, cất cao giọng từng từ một.

— Tôi biết, tiến sĩ McKenzie, – cô gái nói, – bởi vì chính tôi là người đã đặt sẵn.

T. Hamilton McKenzie bắt đầu toát mồ hôi.

— Cà phê nhé, cưng? – cô nữ tiếp viên xuất hiện bên cạnh hai người và hỏi.

— Vâng, đen, – cô ta chỉ nói có thể và không ngược mặt lên.

McKenzie nhìn cô gái một cách thận trọng hơn. Cô ta chắc hẳn khoảng ba mươi tuổi – vẫn còn ở vào độ tuổi mà cô ta không cần phải có những dịch vụ chuyên nghiệp. Qua giọng nói, cô ta rõ ràng là người gốc New York, mặc dầu với mái tóc đen, đôi mắt đen và nước da ô liu gia đình cô ta nhất định đã di cư từ miền Nam châu Âu. Cô ta mảnh khảnh, gần như yếu đuối và chiếc váy đầm bắt chước hiệu Laura Ashley một cách khéo léo với màu nâu kiểu mùa thu, có thể mua ở bất cứ một trong cả nghìn cửa tiệm khắp nước, khiến cho cô ta chắc chắn sẽ lẫn lộn trong mọi nơi đông đúc. Cô ta không hề đụng tới tách cà phê đã được đặt trước mặt.

McKenzie quyết định bắt đầu tấn công.

— Tôi muốn biết Sally như thế nào.

— Cô ta vẫn khỏe thôi, – cô gái trầm tĩnh bảo.

Cô ta cúi người xuống phía dưới và với một bàn tay mang găng lấy một mảnh giấy ra khỏi túi xách. Cô ta đưa qua cho ông. Ông mở mảnh giấy có vẻ hết sức bình thường:

Bố thân yêu!

Họ đang đối xử tốt với con nhưng xin bố chấp thuận những gì họ muốn.

Sal

Đúng là nét chữ của cô, nhưng cô không bao giờ ký tên bằng chữ “Sal”. Bức thư nhắn tin với ám hiệu đó chỉ khiến cho ông thêm lo lắng.

Cô gái nghiêng người qua và giật lại bức thư.

— Các người là một lũ độc ác. Các người sẽ không thoát khỏi đâu, – ông vừa nói vừa nhìn chăm chăm vào cô ta.

— Xin hãy trấn tĩnh lại, Tiến sĩ McKenzie. Không phải hăm dọa hoặc hùng biện thật nhiều là tác động đến chúng tôi đâu! Đây không phải là lần đầu tiên chúng tôi thực hiện công việc loại này. Vì thế nếu ông hy vọng gặp lại con gái của ông...

— Các người muốn tôi làm gì?

Cô nữ tiếp viên trở lại bàn với một bình cà phê mới, nhưng khi cô trông thấy rằng không có ai uống một hớp nào, cô ta nói: “Cà phê nguội rồi đó, các bạn”. Và cô ta bỏ đi

— Tôi chỉ có khoảng 200.000 đô la. Các người đã phạm sai lầm rồi.

— Chúng tôi không cần tới tiền của ông, tiến sĩ McKenzie.

— Thế thì các người cần cái gì? Tôi sẽ làm bất cứ gì để thấy lại con tôi an toàn.

— Công ty mà tôi đại diện chuyên gom góp kỹ năng, và một trong số khách hàng của chúng tôi đang cần tới khả năng chuyên môn đặc biệt của ông.

— Nhưng các người có thể điện thoại và yêu cầu một cuộc hẹn như bất cứ ai khác, – ông nói với vẻ không vui.

— Không phải là điều chúng tôi đang quan tâm. Và trong mọi trường hợp, chúng tôi còn có vấn đề thời gian, và chúng tôi nghĩ Sally có thể giúp chúng

tôi lên đầu danh sách sắp hàng.

— Tôi không hiểu?

— Chính vì thế mà tôi đến đây, – cô gái nói.

Hai mươi phút sau, khi cả hai tách cà phê đã nguội ngắt, T. Hamilton McKenzie mới hiểu một cách chính xác điều bọn chúng đang mong đợi ở ông. Ông im lặng trong một lúc trước khi nói:

— Tôi không chắc chắn tôi có thể làm được việc đó hay không. Trước hết, về mặt chuyên môn việc làm đó trái với đạo lý. Và cô có biết nó khó khăn tới mức nào...

Người đàn bà lại cúi xuống và lấy ra khỏi túi xách một món khác. Cô ta ném một chiếc hoa tai nhỏ bằng vàng sang phía bàn của ông và nói:

— Có lẽ cái này sẽ làm cho việc đó dễ dàng hơn đối với ông.

T. Hamilton McKenzie nhặt chiếc hoa tai của con gái lên.

— Ngày mai ông sẽ có chiếc hoa tai còn lại, – người đàn bà nói tiếp. – Ngày thứ sáu nhận vành tai thứ nhất. Ngày thứ bảy nhận vành tai còn lại. Nếu ông cứ tiếp tục lo ngại về đạo lý của ông, tiến sĩ McKenzie, thì con gái của ông sẽ không còn gì nhiều vào thời gian này của tuần sau.

— Các người không được...

— Ông cứ hỏi John Paul Getty xem thử chúng tôi có dám không.

T. Hamilton McKenzie chồm dậy và nghiêng người qua.

— Chúng tôi có thể tăng tốc quy trình này nếu đó là cái cách ông muốn. – Người đàn bà vẫn tiếp tục nói, không hề tỏ vẻ sợ hãi một chút nào.

McKenzie ngồi phịch trở lại trên ghế và cố trấn tĩnh.

— Tốt, – cô ta nói. – Như thế tốt hơn. Tối thiểu lúc này chúng ta dường như hiểu biết nhau.

— Thế thì chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo?

— Chúng tôi sẽ tiếp xúc lại với ông nội trong ngày hôm nay. Vì vậy ông không nên đi đâu cả. Bởi vì qua đó tôi mới tin tưởng ông đã chấp nhận đạo lý chuyên môn của ông.

McKenzie định phản đối thì người đàn bà đứng dậy, lấy một tờ năm đô la ra khỏi túi xách và đặt lên mặt bàn.

— Chúng tôi đâu có thể để cho nhà phẫu thuật hàng đầu của Columbus phải rửa bát đĩa trừ nợ, phải không.

Cô ta quay người bỏ đi và ra tới cửa McKenzie mới hiểu được rằng thậm chí bọn chúng biết cả việc ông đã quên ví tiền ở nhà. T. Hamilton McKenzie bắt đầu xem xét đề nghị của người đàn bà, không chắc chắn ông còn có cách lựa chọn nào khác hơn hay không. Nhưng ông chắc chắn về một điều. Nếu ông thực hiện yêu sách của bọn chúng, thì Tổng thống Clinton sẽ gặp phải một vấn đề còn nghiêm trọng hơn nữa.

CHƯƠNG 6

Scott nghe điện thoại reo vang khi anh ở chân cầu thang. Tâm trí anh còn đang rà xét lại bài giảng buổi sáng, nhưng anh vẫn nhảy lên từng ba nấc thang một, đẩy mở cánh cửa căn hộ của anh và chộp lấy máy điện thoại, hất tấm ảnh của mẹ anh xuống sàn nhà.

— Scott Bradley, – anh vừa nói vừa nhặt bức ảnh lên và đặt trở lại lên tủ búp phê.

— Tôi cần anh ở Washington ngày mai chín giờ đúng tại văn phòng của tôi.

Scott luôn luôn để ý đến cách Dexter Hutchins không bao giờ tự giới thiệu, và luôn luôn xem công việc anh làm cho CIA quan trọng hơn sự cống hiến của anh đối với Yale.

Phải mất gần trọn buổi chiều Scott mới thu xếp lại tiến độ giảng dạy của anh với hai người bạn đồng nghiệp thông cảm. Anh không thể lấy cớ không được khỏe, bởi vì tất cả mọi người trong khuôn viên trường đại học đều biết rằng anh đã không bỏ một ngày làm việc nào do đau yếu suốt chín năm vừa qua. Vì thế anh lại đành phải vin vào chuyện rắc rối với phụ nữ là lý do luôn luôn được các giáo sư lớn tuổi hơn thông cảm cho, nhưng không để cho họ hỏi han quá nhiều.

Dexter Hutchins không bao giờ cho biết bất kỳ chi tiết nào qua điện thoại về những gì Scott cần, nhưng khi tất cả nhật báo buổi sáng đăng những hình ảnh của Yitzhak Rabin đến Washington để gặp gỡ lần đầu tiên với Tổng thống Clinton, anh đã đoán ra mọi việc.

Scott lấy hồ sơ chèn giữa thuế và án xử sai và lấy ra tất cả những gì anh có

về vị Thủ tướng mới của Do Thái.

Chính sách của ông ta đối với Mỹ dường như không khác nhiều so với người tiền nhiệm. Ông ta có học vấn cao hơn Shamir, hoà hoãn và nhẹ nhàng hơn khi tiếp cận, nhưng Scott tin chắc rằng nếu xảy ra một cuộc đâm chém trong một quán rượu ở khu thương mại, Rubin là người sẽ thoát ra ngoài một cách kín đáo.

Anh ngả lưng vào ghế và bắt đầu nghĩ về một cô gái tóc vàng có tên là Susan Anderson đã hiện diện trong buổi họp vừa qua mà anh đã được yêu cầu tham dự với vị bộ trưởng ngoại giao mới. Nếu cô ta cũng có mặt lần này, thì chuyến đi đến Washington hẳn sẽ hết sức lý thú.

Một người đàn ông trầm lặng ngồi trên một chiếc ghế đầu ở phía cuối quán rượu đang uống cạn những giọt bia cuối cùng trong cốc của ông ta. Cái cốc đã gần như cạn sạch bia Guinness từ lâu, nhưng người đàn ông Ireland luôn luôn hy vọng rằng cử động đó sẽ gợi lên một sự thông cảm nào đó nơi anh tiếp viên, và rất có thể anh ta tử tế rót thêm một chút vào trong cái cốc đã cạn. Nhưng anh chàng tiếp viên đặc biệt này thì không trông mong gì.

— Đồ độc ác, – ông ta nói trong hơi thở. Bọn trẻ vẫn luôn luôn không có trái tim.

Anh tiếp viên không biết tên thực của người khách hàng. Về vấn đề đó, ít có người biết ngoại trừ FBI và sở cảnh sát San Francisco, hồ sơ ở Sở cảnh sát San Francisco cho biết tuổi William San O'Reilly là năm mươi hai. Một người bàng quan ngẫu nhiên, chắc chắn sẽ đoán y gần sáu mươi lăm không phải chỉ do bộ quần áo của y đã quá sờn, mà còn do những nếp nhăn trên trán, phía dưới mắt và chiếc bụng phệ của y. O'Reilly cho đó là vì ba phần tiền cấp dưỡng cho các bà vợ đã ly hôn, bốn bản án tù và lang bạt quá nhiều

nơi trong thời trai trẻ với tư cách một võ sĩ quyền anh nghiệp dư.

Vấn đề đã bắt đầu ở trường học khi O'Reilly hoàn toàn tình cờ khám phá ra rằng y có thể bắt chước chữ ký của các bạn cùng lớp khi họ ký tên vào giấy rút tiền túi từ ngân hàng của trường. Vào thời gian y học xong năm thứ nhất ở trường đại học Trinity, Dublin, y có thể giả mạo chữ ký của ông hiệu trưởng và người thủ quỹ giỏi đến nỗi thậm chí họ tưởng rằng họ đã thưởng cho y một học bổng.

Trong lúc ở trại St. Patrick dành riêng cho phạm nhân, Bill^[11] được Giam, một tên chuyên làm đồ giả, giới thiệu với tờ giấy bạc. Khi người ta mở cổng thả y ra, gã thiếu niên tập sự đã không còn gì đáng học ở người thầy nữa. Bill phát hiện ra rằng mẹ y không muốn cho y trở về trong sự bao bọc của gia đình, thế là y giả mạo chữ ký của Lãnh sự Mỹ tại Dublin và đi qua thế giới mới tốt đẹp hơn.

Tới tuổi ba mươi, y đã khắc được bản kẽm đô la đầu tiên. Công việc xuất sắc đến nỗi trong phiên tòa diễn ra sau khi y bị phát giác, FBI phải nhìn nhận rằng bản kẽm đó là cả một kiệt tác và sẽ không bao giờ bị khám phá nếu không nhờ một người chỉ điểm. O'Reilly bị kết án sáu năm và ban hình sự của tờ *San Francisco Chronicle* đặc biệt danh cho y là “Dollar Bill”.

Khi Dollar Bill được phóng thích khỏi nhà lao, y đi khắp mọi nơi từ tuổi thiếu niên, tới thanh niên, rồi ngũ tuần và các bản án của y cứ tăng dần theo tỷ lệ tuổi. Trong khoảng giữa các thời gian ở tù lấy vợ ba lần và ly dị ba lần. Một điều khác nữa mà mẹ y không đời nào chấp thuận.

Bà vợ thứ ba của y đã cố hết sức để giữ y sống một cách lương thiện và Bill đáp lại bằng cách chỉ làm một số giấy tờ giả mạo những lúc y không thể tìm được bất kỳ công việc nào khác – hộ chiếu, bằng lái xe, hoặc chứng từ bảo hiểm xã hội – không có gì đáng gọi là phạm pháp thực sự, y quả quyết với quan tòa. Nhưng quan tòa không đồng ý và lại đưa y trở lại nhà tù năm năm nữa.

Khi Dollar Bill được phóng thích lần này, không một ai thèm tiếp xúc với y, vì vậy y đành phải làm công việc xăm hình ở các khu hội chợ và lúc cùng đường thì vẽ tranh trên hè phố khi trời không mưa, cũng chỉ đủ cho y uống bia Guinness.

Bill nâng cái cốc đã cạn lên và chăm chú nhìn anh tiếp viên một lần nữa, nhưng anh ta vẫn nhìn trả lại với một vẻ dửng dưng. Y không để ý tới người thanh niên ăn mặc lịch sự ngồi trên chiếc ghế đầu bên cạnh y.

— Tôi có thể mời ông một ly chứ, ông O’Rielly? – Một giọng nói hoàn toàn xa lạ chọt vang lên.

Bill nhìn quanh với vẻ nghi ngại.

— Tôi nghĩ hưu rồi, – y tuyên bố, sợ rằng đây lại là một trong số thám tử mặc thường phục của Sở cảnh sát San Francisco đã không đạt chỉ tiêu câu lưu^[12] trong tháng.

— Thế thì ông không thèm uống một ly với một cựu tù nhân hay sao? – Gã thanh niên nói với giọng nhẹ của khu Bronx.

Bill do dự, nhưng cơn khát thắng thế.

— Một pint^[13] Guinness, – y nói với vẻ hy vọng.

Gã thanh niên giơ tay lên và lần này anh tiếp viên đáp ứng ngay tức khắc.

— Thế thì anh muốn gì? – Bill hỏi, sau khi y đã nốc một hơi và anh tiếp viên đã ra ngoài tầm nghe.

— Kỹ năng của ông.

— Nhưng tôi đã nghỉ hưu. Tôi đã nói với anh rồi.

— Và tôi đã nghe ông lần đầu. Nhưng điều tôi cần không có gì phạm pháp.

— Thế thì anh hy vọng tôi sẽ làm gì cho anh? Một bản sao của bức hoạ Mona Lisa^[14], hay là bản Maglla Casta^[15].

— Gần giống như thế, – gã thanh niên nói.

— Mua cho tôi một cốc khác, – Bill vừa nói vừa nhìn cái cốc đã cạn trên mặt quầy phía trước y. – Và tôi sẽ lắng nghe đề nghị của anh. Nhưng tôi báo anh trước tôi vẫn còn nghi hờu.

Sau khi anh tiếp viên đã rót đầy của Bill một lần thứ hai, gã thanh niên tự giới thiệu là Angelo Santoni và bắt đầu giải thích với Dollar Bill một cách chính xác ý định của anh ta. Angelo vui mừng vì lúc bốn giờ chiều không còn một ai khác chung quanh nghe được câu chuyện của họ.

— Nhưng hiện có hàng nghìn bản đang lưu hành, – Dollar Bill vẫn nói. – Anh có thể tìm thấy chúng ở khắp nơi này. Anh có thể mua một bản sao chụp thật tốt ở bất cứ cửa hàng du lịch đứng đắn nào.

— Có lẽ, nhưng không sao hoàn hảo được, – gã thanh niên khẳng khẳng.

Dollar Bill đặt cốc bia xuống và suy nghĩ về cách trình bày.

— Ai cần cái đó?

— Một khách hàng thích sưu tập các bản thảo hiếm, – Angelo nói. – Và người đó trả một giá rất hời.

“Không phải là một kiểu đối trá tồi, khi sự đối trá trót lọt”, Bill nghĩ. Y muốn một hớp Guinness nữa.

— Nhưng tôi phải mất nhiều tuần, – y nói gần như trong hơi thở. – Trong bất cứ trường hợp nào, tôi cần phải đến Washington.

— Chúng tôi đã tìm được một chỗ thích hợp cho ông ở Georgetown và tôi chắc chắn chúng tôi có thể sắp xếp mọi vật liệu mà ông cần.

Dollar Bill xem xét lời khẳng định này, trước khi uống thêm một hớp và tuyên bố:

— Bỏ đi, có vẻ như đây là một vụ khó xơi. Như tôi đã giải thích, tôi sẽ phải mất nhiều tuần lễ và tôi tệ hơn nữa, tôi phải ngừng uống.

Y đặt cái cốc đã cạn trở xuống quầy và nói tiếp:

— Anh phải hiểu, tôi là một người luôn đòi hỏi sự tuyệt đối.

— Chính vì vậy mà tôi đã đi suốt bề rộng của đất nước để tìm ông, – Angelo trầm tĩnh nói.

Dollar Bill do dự và nhìn gã thanh niên một cách thận trọng hơn.

— Tôi muốn 25.000 đô la ứng trước và 25.000 lúc hoàn tất với tất cả chi phí do phía anh trả, – người Ireland nói.

Gã thanh niên không thể tin mình may mắn đến thế. Cavalli đã cho phép anh ta chi 100.000 đô la nếu anh ta có thể đảm bảo xong việc. Nhưng rồi anh ta sực nhớ rằng cấp trên anh ta không bao giờ tin bất cứ ai không mặc cả.

— 10.000 đô la khi chúng ta đến Washington và thêm 20.000 lúc hoàn tất.

Dollar Bill táy máy với cái cốc đã cạn.

— 30.000 đô la lúc hoàn tất nếu anh không thể nói ra sự khác biệt giữa cái của tôi và bản gốc.

— Nhưng chúng tôi cần nói ra sự khác biệt, – Angelo nói, – ông sẽ được số tiền 30.000 nếu không một ai khác có thể.

Buổi sáng hôm sau một chiếc xe hơi sang trọng màu đen có cửa kính mờ dừng lại bên ngoài bệnh viện của trường Đại học bang Ohio. Người tài xế đậu trong chỗ dành riêng cho T. Hamilton McKenzie vì anh ta đã được chỉ thị như thế.

Mệnh lệnh duy nhất khác là đón một bệnh nhân lúc mười giờ và đưa người đó tới Trường Đại học Cincinnati và bệnh viện Homes. Lúc 10 giờ 10,

hai nhân viên tạp dịch mặc áo choàng trắng đẩy một người đàn ông cao lớn lực lưỡng trên một cái xe lăn qua cửa xoay và trông thấy chiếc xe hơi đậu ở chỗ của vị chủ nghiệm khoa, tiến hướng về phía đó. Người tài xế nhảy ra và nhanh nhẹn mở cửa sau. Tội nghiệp quá, anh ta nghĩ, đầu bệnh nhân bao bọc kín trong băng chỉ để hé hai môi và lỗ mũi. Anh ta tự hỏi phải chăng người này bị phồng.

Người đàn ông vạm vỡ trèo một cách khó khăn từ ghế lăn lên băng sau, ngồi lún sâu trong mặt nệm lộng lẫy và duỗi chân ra.

Người tài xế nói:

— Tôi sẽ gài đai ghế cho ông.

Và anh ta chỉ nhận được một cái gật đầu trả lời cộc lốc.

Anh ta trở về ghế của mình ở phía trước và hạ kính cửa sổ xuống để chào từ giã hai nhân viên phục vụ và một người đàn ông lớn tuổi hơn với vẻ khác lạ đứng phía sau họ. Người tài xế chưa bao giờ trông thấy một khuôn mặt kiệt quệ như thế.

Chiếc xe hơi sang trọng chạy đi với một tốc độ vừa phải. Người tài xế đã được căn dặn trong bất kỳ tình huống nào cũng không được vượt khỏi tốc độ giới hạn.

T. Hamilton McKenzie cảm thấy nhẹ nhõm trong lúc ông quan sát chiếc xe rời khỏi bệnh viện. Ông hy vọng cơn ác mộng rồi cuộc đang tới hồi kết thúc. Cuộc giải phẫu đã làm ông mất bảy tiếng đồng hồ, và đêm hôm trước là thời gian đầu tiên ông ngủ say nhất trong tuần vừa qua. Mệnh lệnh cuối cùng ông nhận được là trở về nhà và chờ Sally được thả ra.

Khi lời yêu cầu đã được chuyển tới ông qua người đàn bà bỏ lại năm đô la trên bàn ở quán Olentangy, ông đã nghĩ là không thể làm việc đó. Không phải như ông nói, về mặt đạo lý mà bởi vì ông không bao giờ có thể đạt tới một sự giống nhau thực sự. Ông đã muốn giải thích với cô ta về việc ghép tự động, biểu bì bên ngoài, mô liên kết bên trong và nó khác nhau như thế nào...

Nhưng khi ông trông thấy gã đàn ông vô danh trong văn phòng riêng của ông, ông hiểu ngay tại sao bọn chúng đã chọn ông. Ông gần như vừa đúng chiều cao, có lẽ thấp hơn một chút hai ba phân là cùng và chắc là ông nhẹ hơn hai đến năm ký. Nhưng chỉ cần một đôi giày gót cao và vài chiếc áo lót là sẽ giải quyết xong cả hai vấn đề.

Xương sọ và nét mặt đều xuất sắc và giống bản gốc một cách kỳ lạ. Thực ra cuối cùng chỉ cần độn chất dẻo vào mũi và ghép cho dày thêm. Kết quả là tốt, rất tốt. Nhà phẫu thuật cho là mái tóc đỏ của người đàn ông không thích hợp bởi vì người ta có thể cạo sạch đầu và dùng một bộ tóc giả. Với một hàm răng mới và hoá trang giỏi, chỉ người thân cận trong gia đình mới có thể nói ra sự khác biệt.

McKenzie đã có tới mấy đội làm việc với ông suốt bảy tiếng đồng hồ trong phòng mổ. Ông đã nói với họ ông cần những người trợ lực mỗi khi ông bắt đầu mệt. Không một ai từng đặt câu hỏi với T. Hamilton McKenzie trong bệnh viện và chỉ có ông trông thấy kết quả cuối cùng. Ông đã giữ đúng phần mình trong bản hợp đồng.

Cô ta đậu chiếc Ford Taurus – loại xe hơi thông dụng nhất của Mỹ – cách nhà một trăm mét, sau khi đã quẹo lui cho mũi xe hướng về phía cô ta sẽ đi.

Cô ta thay giày trong xe. Lần duy nhất cô ta suýt bị bắt là khi gót giày của cô ta lấm bùn và FBI đã lần theo dấu chân tới cách nơi cô ta ghé thăm vài ngày trước có mấy mét. Cô ta hất túi xách qua vai và bước xuống đường. Cô ta bắt đầu bước chậm chậm về phía ngôi nhà.

Bọn họ đã chọn nơi này rất tốt. Ngôi nhà theo kiểu nông dân cách toà cao ốc gần nhất mấy cây số, và đó chỉ là một ngôi nhà xấu xí bỏ hoang. Ở cuối một con đường mòn mà ngay cả những cặp tình nhân liều lĩnh cũng ngại

không dám mò đến.

Không có dấu hiệu của bất cứ ai trong nhà, nhưng cô ta biết là có người đang chờ đợi, đang quan sát từng cử động của cô ta. Cô ta mở cửa không cần gõ và ngay lập tức trông thấy một người ở phòng ngoài.

— Trên lầu, – gã vừa nói vừa chỉ.

Cô ta không trả lời trong lúc bước qua gã và bắt đầu lên cầu thang. Cô ta đi thẳng vào phòng ngủ và trông thấy người thiếu nữ đang ngồi đọc sách trên đầu giường. Sally ngoảnh lại và mỉm cười với người đàn bà có thân hình mảnh mai mặc chiếc áo đầm hiệu Laura Ashley màu xanh lục, hy vọng rằng cô ta sẽ mang về một cuốn sách nữa.

Người đàn bà đặt một bàn tay vào trong túi xách và mỉm cười một cách dè dặt, trước khi lấy ra một cuốn sách và đưa cho cô gái.

— Cảm ơn chị, – Sally nói, cầm lấy cuốn sách, xem qua bìa rồi lật qua trang tóm lược nội dung.

Trong lúc Sally bắt đầu bị cuốn hút vào câu chuyện đầy hứa hẹn, người đàn bà gỡ sợi dây bọc kim loại gắn ở hai bên cái túi mua hàng của cô ta.

Sally mở cuốn sách ở chương đầu, đã quyết định phải đọc thật chậm từng trang một. Xét cho cùng cô không thể biết chắc khi nào mới có thêm món quà nữa. Cử động nhanh đến nỗi thậm chí cô ta không kịp cảm thấy sợi dây choàng quanh cổ của mình. Đầu Sally giật mạnh ra sau và trong chớp nhoáng đến xương sống của cô đã bị bẻ gãy. Cầm cô gục xuống ngực.

Máu bắt đầu rỉ ra khỏi miệng cô, xuống cằm và trên bìa cuốn *A Time to Love and a Time to...*^[16]

Người tài xế của chiếc xe hơi sang trọng ngạc nhiên khi bị một cảnh sát giao thông ra hiệu ngừng lại trong lúc anh ta sắp sửa ra khỏi đoạn đường dốc để đi vào xa lộ. Anh ta tin chắc mình đã không hề vượt quá giới hạn tốc độ. Rồi anh ta để ý thấy chiếc xe cứu thương trong kính chiếu hậu, và tự hỏi phải chăng họ chỉ muốn qua mặt. Anh ta nhìn trở lại phía trước và trông thấy viên cảnh sát chạy mô tô đang quả quyết vẫy tay về phía làn đường đậu xe.

Anh ta vâng lệnh ngay tức khắc và cho xe ngừng hẳn lại, bối rối không biết chuyện gì sắp xảy ra. Chiếc xe cứu thương cũng ngừng lại phía sau anh ta. Viên cảnh sát xuống khỏi chiếc mô tô, bước tới cửa tài xế và vỗ nhẹ lên khung cửa kính. Người tài xế bấm một cái nút trên tay dựa và khung kính êm ái chạy xuống.

— Có vấn đề gì thế ông sĩ quan?

— Phải, chúng tôi được một nhiệm vụ khẩn cấp, – viên cảnh sát nói mà vẫn không giở kính che mắt lên. – Bệnh nhân của ông cần phải trở lại bệnh viện Đại học bang Ohio ngay tức khắc. Đã có những biến chứng không ngờ trước. Ông phải chuyển bệnh nhân sang xe cứu thương và tôi sẽ hộ tống ông trở về thành phố.

Người tài xế mở tròn mắt, gật đầu lia lịa và hỏi:

— Tôi cũng phải trở lại bệnh viện hay sao?

— Không, ông cứ tiếp tục đến Cincinnati và báo cáo cho văn phòng của ông.

Người tài xế quay đầu lại và trông thấy hai nhân viên y tế mặc áo choàng trắng đang đứng bên cạnh chiếc xe.

Viên cảnh sát gật đầu và một trong hai người mở cánh cửa sau, trong lúc người kia mở đai ghế để đỡ bệnh nhân ra khỏi xe.

Người tài xế liếc mắt lên kính chiếu hậu và quan sát hai nhân viên y tế đưa người đàn ông lực lưỡng về phía xe cứu thương. Tiếng còi của chiếc mô tô

lôi kéo sự chú ý của anh ta trở lại với viên cảnh sát lúc này đang chỉ dẫn cho chiếc xe cứu thương lên đoạn đường dốc để có thể qua cầu phía trên xa lộ và bắt đầu cuộc hành trình trở về thành phố.

Sự chuyển biến chỉ diễn ra chưa đầy năm phút, bỏ lại người tài xế trong chiếc xe sang trọng với cảm giác khá bàng hoàng. Sau đó anh ta mới làm việc. Đáng lẽ anh ta phải làm ngay lúc vừa trông thấy viên cảnh sát, đó là gọi cho văn phòng điều hành ở Cincinnati.

— Chúng tôi đang định gọi anh đây, – cô gái ở tổng đài điện thoại nói. – Người ta không cần xe của mình nữa, vì vậy anh có thể về thẳng công ty.

— Tốt thôi, – người tài xế nói, – Tôi chỉ hy vọng khách trả đủ tiền.

— Họ đã trả trước bằng tiền mặt ngày thứ năm vừa qua, – cô gái trả lời.

Người tài xế đặt máy điện thoại lên giá và bắt đầu cuộc hành trình đến Cincinnati. Nhưng có một điều gì đó vẫn còn lẩn khuất trong tâm trí của anh ta. Tại sao viên cảnh sát đứng quá gần cửa xe khiến anh ta không sao ra ngoài, và tại sao hẳn ta không chịu giở kính che mắt ở mũ an toàn lên? Anh ta cố xua đuổi những ý nghĩ như thế. “Chừng nào công ty vẫn còn trả lương thì điều đó đâu thành vấn đề”.

Anh ta lái xe trên xa lộ và không trông thấy chiếc xe cứu thương không thềm biết tới cột mốc chỉ đường về phía trung tâm thành phố và vẫn chạy theo dòng lưu thông hướng về phía ngược lại. Gã đàn ông ngồi sau tay lái cũng đang liên lạc với trụ sở chính.

— Mọi việc theo đúng kế hoạch, thưa sếp, – đó là tất cả những gì đã đáp lại câu hỏi thứ nhất.

— Tốt, – Cavalli trả lời.

— Còn tên tài xế?

— Đang trên đường trở về Cincinnati, không biết gì hơn.

— Tốt, – Cavalli lại nói, – Còn bệnh nhân?

— Theo tôi biết thì khỏe, – gã tài xế vừa nói vừa liếc vào kính chiếu hậu.

— Còn cảnh sát hộ tống?

— Mario đã queo vào một con đường phụ để thay bộ đồng phục *Federal Express*. Anh ta sẽ bắt kịp chúng tôi trong vòng một giờ.

— Giao lộ tới còn cách bao xa?

Gã tài xế xem đồng hồ cây số.

— Còn khoảng một trăm rưỡi cây số nữa, ngay sau khi băng qua ranh giới của bang.

— Rồi sao nữa?

— Bốn lần thay đổi nữa gần nơi đó và Big Apple. Tài xế mới và xe khác cho mỗi lần. Bệnh nhân sẽ tới chỗ hẹn khoảng nửa đêm ngày mai, mặc dù ông ta có lẽ phải ghé vào phòng vệ sinh một vài lần trên đường đi.

— Không cần phòng vệ sinh, – Cavalli nói. – Anh chỉ cần đưa hăn ra khỏi xa lộ và che kín hăn vào phía sau một gốc cây.

CHƯƠNG 7

Căn nhà mới của Dollar Bill hoá ra là tầng hầm của một ngôi nhà ở Georgetown, xưa kia là xưởng vẽ của một nghệ sĩ. Phòng làm việc được chiếu rất sáng nhưng không có ánh chói và theo lời yêu cầu của y, nhiệt độ được giữ ở mười chín độ với một độ ẩm không đổi.

Bill thử tập dượt mấy lần, nhưng y không thể bắt đầu công việc với tài liệu cuối cùng trước khi có tất cả những vật liệu cần thiết. “Phải là thứ tuyệt hảo mới được”, y một mực nhắc nhở Angelo. Y sẽ không để cho tên tuổi y dính dáng tới những gì sau đó bị tố giác là một thứ giả mạo. Xét cho cùng, y cần phải giữ gìn danh tiếng.

Trong nhiều ngày họ vẫn không sao tìm được đúng đầu bút. Dollar Bill gạt tất cả cho đến lúc y được cho xem một bức ảnh của một thứ trong một viện bảo tàng nhỏ ở Virginia. Y gật đầu đồng ý vì họ lấy được vào buổi chiều ngày hôm sau.

Bà quản thư viện bảo tàng nói với một phóng viên của tờ *Richmond Times Dispatch* rằng bà hết sức điên đầu và vụ trộm. Những cây bút không có một tầm quan trọng lịch sử nào hoặc một giá trị bằng tiền đáng kể nào cả. Trong lần trưng bày kế tiếp sẽ không thể tìm được thứ nào để thay thế.

— Tùy theo người cần chúng, – Dollar Bill nói khi được xem mẫu báo cáo cắt ra. Mực thì hơi dễ hơn sau khi Bill đã tìm được đúng ánh sáng. Khi mực lên trên mặt giấy chính xác phải kiểm tra độ nhờn bằng nhiệt độ và độ bốc hơi như thế nào để tạo nên ấn tượng cổ xưa. Y thử mấy bình mới thực hiện công việc.

Trong lúc nhiều người khác đang tìm kiếm những vật liệu mà y cần,

Dollar Bill đọc mấy cuốn sách của thư viện Library of Congress^[17] và dùng một ít thời giờ mỗi ngày trong Viện bảo tàng lịch sử Quốc gia^[18] cho đến khi y tìm ra sai lầm duy nhất mà y có khả năng phạm phải.

Nhưng yêu cầu gay go nhất chính là tấm giấy da, bởi vì Dollar Bill không phỉu xem xét bất cứ loại nào cũ chưa tới hai trăm năm. Y cố giải thích cho Angelo về cách xác định niên đại bằng cách đo độ phóng xạ của các bon.

Nhiều mẫu đã bay đến từ Paris, Amsterdam, Vienn, Montreal và Athens, nhưng Dollar Bill gạt bỏ tất cả. Mãi cho đến khi một gói đồ được gửi đến từ Bremen với một mẫu được tuyển chọn có từ năm 1781, Dollar Bill mới mở một nụ cười mà thông thường chỉ có bia Guinness mới khiến nó hiện trên môi của y.

Y sờ nó, vuốt ve và âu yếm tấm giấy da như một thanh niên đối với một người tình mới nhưng không như một người tình, y bóp, cuốn và trải tấm giấy ra với một sự quan tâm đặc biệt cho đến lúc y tin chắc nó sẵn sàng tiếp nhận mực. Rồi y chuẩn bị mười tấm có kích thước giống hệt nhau, biết rằng cuối cùng chỉ có một tấm được sử dụng.

Bill nghiên cứu mười tấm giấy da trong mấy giờ liền. Hai tấm bị loại ra trong một lúc và bốn tấm nữa vào lúc cuối ngày. Sử dụng một trong bốn tấm còn lại, gã chuyên gia thử phác thảo một bản sao mà Angelo khi trông thấy lần đầu tiên đã cho là hoàn hảo.

— Có thể hoàn hảo đối với con mắt nghiệp dư, – Bill nói, – nhưng một tay chuyên nghiệp sẽ nhận ra mười bảy điểm sai lầm. Tôi chỉ mới làm thử thôi. Huỷ nó đi.

Trong tuần lễ kế tiếp, ba bản sao của văn bản đã được thực hiện trong tầng hầm căn nhà mới của Dollar Bill ở Georgetown. Không một ai được phép vào phòng trong lúc y đang làm việc và cửa luôn luôn khoá lại mỗi lần y nghỉ ngơi. Y làm việc luân phiên hai giờ rồi nghỉ hai giờ. Những bữa ăn nhẹ được đưa đến cho y hai lần mỗi ngày và y chỉ uống nước, thậm chí cả trong buổi

tối. Ban đêm, một nhòai, y thường ngủ liền một giấc tám tiếng đồng hồ không cửa quậy.

Sau khi y đã hoàn tất ba bản sao của văn bản gồm bốn mươi sáu dòng, Dollar Bill tự tuyên bố hài lòng với hai bản. Bản thứ ba liền bị huỷ.

Angelo báo cáo lại với Cavalli. Cavalli có vẻ hài lòng với sự tiến bộ của Dollar Bill, mặc dầu không một ai trong bọn họ được phép trông thấy hai bản sao cuối cùng này.

— Bây giờ mới đến phần gay go, – Bill nói với Angelo, – năm mươi sáu chữ ký, mỗi chữ đòi hỏi một đầu bút khác, một sức ép khác một ánh mực khác và mỗi chữ chính là cả một công trình nghệ thuật.

Angelo thừa nhận phân tích này, nhưng gã mất hứng thú khi được biết rằng Dollar Bill nằng nặc nghỉ một ngày trước khi bắt đầu công việc về các chữ ký bởi vì y cần say tuý lúy một bữa.

Giáo sư Bradley bay đến Washington vào tối thứ ba và tự đặt phòng ở Ritz Carlton – khách sạn sang trọng duy nhất mà CIA cho phép vị giáo sư kiêm điệp viên không bình thường. Sau một bữa ăn tối nhẹ ở câu lạc bộ jockey chỉ mang theo một cuốn sách, Scott trở về phòng của anh trên tầng năm. Anh đổi băng tần từ một phim tời tệ sang một chương trình khác trước khi ngủ thiếp đi trong lúc đầu óc đang nghĩ đến Susan Anderson.

Anh tỉnh giấc lúc 6 giờ 30 sáng hôm sau, chồm dậy và đọc tờ *Washington Post* từ trang đầu đến trang cuối, tập trung vào các bài liên quan tới cuộc viếng thăm của Rabin.

Anh vừa mặc áo quần vừa xem bài tường thuật trên đài *CNN* về phát biểu của thủ tướng Do Thái trong một bữa ăn tối tại Nhà Trắng đã diễn ra tối hôm

trước. Rabin cam đoan với vị tân Tổng thống ông mong muốn mối quan hệ nồng thắm với Mỹ mà người tiền nhiệm của ông đã xây dựng được.

Sau một bữa điếm tâm nhẹ, Scott lững thững ra khỏi khách sạn để tìm một chiếc xe hơi của công ty đang chờ anh.

— Xin chào ông, – đó là những từ độc nhất mà người tài xế nói trong suốt cuộc hành trình. Đó là một cuộc dạo chơi trong thành phố khá thú vị vào buổi sáng thứ Tư hôm ấy, nhưng Scott chỉ mỉm cười một cách nhăn nhó trong lúc anh quan sát cảnh kẹt xe trên cả ba làn đường về hướng ngược lại.

Khi anh đến văn phòng của Dexter Hutchins mười phút trước giờ hẹn Tess, thư ký của vị Phó giám đốc, vẫy tay ra hiệu anh cứ đi thẳng vào.

Dexter chào đón Scott với một cái bắt tay thật chặt và một vẻ tỏ ý xin lỗi.

— Tôi rất tiếc phải vội vã lôi anh tới đây, – ông vừa nói vừa lấy mẫu xì gà ra khỏi miệng, – nhưng ông Ngoại trưởng muốn anh có mặt trong buổi họp bàn với ông Thủ tướng Do Thái. Họ sẽ dùng bữa trưa chính thức như thường lệ, vừa ăn thịt cừu vừa nói chuyện vặt và dự kiến sẽ bắt đầu đàm luận vào lúc ba giờ chiều.

— Nhưng tại sao Christopher lại muốn tôi ở đó? Scott hỏi.

— Người của ta ở Tel Aviv nói Rubin sẽ đến đây với một vấn đề nào đó không được chính thức ghi vào chương trình nghị sự. Đó là tất cả những gì anh ta có thể khám phá. Không có chi tiết nào cả. Anh biểu biết về Trung Đông chẳng khác bất cứ ai trong phòng, vì vậy Christopher muốn anh có mặt. Tôi đã yêu cầu Tess tập hợp các dữ kiện mới nhất để cho anh nắm được tình hình vào lúc chúng ta tham dự phiên họp buổi chiều hôm nay.

Dexter Hutchins lấy một chồng hồ sơ từ bàn viết của ông và đưa tất cả cho Scott. Trên mỗi hồ sơ đều có đóng dấu “Tối mật” mặc dù nhiều thông tin chứa đựng trong đó rất có thể được tìm thấy vung vãi khắp nơi trong Ban ngoại vụ của tờ *Washington Post*.

— Hồ sơ đầu tiên nói về bản thân người đàn ông và chính sách của Đảng lao động; các hồ sơ khác nói về PLO, Lebanon, Iran, Iraq, Saudi Arabia và Jordan, tất cả đều liên quan tới chính sách phòng thủ hiện hành của chúng ta. Nếu Rabin hy vọng lấy thêm tiền của chúng ta, ông ta có thể nghĩ lại, nhất là sau bài phát biểu của Clinton tuần trước về chính sách bên trong nước. Có một bản trong hồ sơ cuối cùng.

— Chắc là đóng dấu “Tối mật”, – Scott nói.

Dexter Hutchins nhếch mày trong lúc Scott gói ghém các tập hồ sơ lại và ra khỏi phòng mà không nói một lời nào khác. Tess mở khoá một cánh cửa dẫn tới một văn phòng bỏ không bên cạnh phòng cô.

— Tôi sẽ đảm bảo cho giáo sư không bị ai quấy rầy, – cô hứa.

Scott lật từng trang của hồ sơ đầu tiên, và bắt đầu nghiên cứu một bản báo cáo về những cuộc thảo luận bí mật đã diễn ra ở Na Uy giữa người Do Thái và PLO. Khi anh xem tới hồ sơ về cuộc xung đột Iraq–Iran có cả một đoạn chính anh đã viết cách đây mới hai tuần, đề xuất một cuộc không tập bất thân vào đại bản doanh của Mukhbarat ở Baghdad nếu đội thanh tra của Liên Hiệp Quốc cứ tiếp tục bị ngăn cản trong các nỗ lực kiểm soát những trang thiết bị phòng thủ của Iraq.

Lúc mười hai giờ trưa, Tess mang vào một đĩa sandwich và một cốc sữa trong lúc anh bắt đầu đọc các bản báo cáo về những vùng cấm bay phía bên kia và tuyến 36 và 32 ở Iraq. Khi anh đọc xong bài phát biểu của Tổng thống, Scott dùng một tiếng đồng hồ nữa vào việc cố đoán ra trong đầu của Thủ tướng Do Thái đang có chuyển hướng hoặc điều bất ngờ gì. Anh vẫn còn chìm trong suy nghĩ khi Dexter Hutchins thò đầu qua khe cửa và nói:

— Năm phút.

Trong xe hơi trên đường đến Bộ ngoại giao, Dexter hỏi Scott có giả thuyết nào về điều mà nhà lãnh đạo Do Thái sẽ có thể gây ngạc nhiên hay không.

— Một vài, nhưng tôi cần quan sát người hành động trước khi cố đoán ra. Xét cho cùng tôi chỉ trông thấy ông ta một lần trước kia, nhưng vào dịp đó ông ta vẫn còn nghĩ Bush có thể thắng trong cuộc bầu cử.

Khi họ đến lối vào Đường C, hai người của CIA phải mất khá lâu thời giờ mới tới được tầng bảy không kém lúc Scott vào được phía trong phòng làm việc riêng của Langley. 2 giờ 53 họ được dẫn vào phòng họp vẫn còn trống. Scott chọn một chiếc ghế sát tường, ngay phía sau chỗ Warren Christopher có thể ngồi nhưng hơi chếch bên trái như thế anh sẽ trông thấy rõ Thủ tướng Rabin bên kia bàn. Dexter ngồi bên phải Scott.

Lúc 3 giờ 01, năm nhân viên cao cấp bước vào phòng và Scott thích thú thấy Susan Anderson ở trong số đó. Mái tóc vàng hoe tuyệt đẹp của cô cuộn thành lọn khiến cô có vẻ hơi nghiêm nghị và cô mặc một bộ đồ màu xanh may rất vừa vặn làm tôn thêm dáng người thon thả của cô.

Chiếc áo khoác lấm chấm trắng với cái nơ bướm nhỏ ở cổ chắc đã khiến cho phần lớn bọn đàn ông phải cách xa, nhưng cái đó lại hấp dẫn đối với Scott.

— Xin chào giáo sư Bradley, – cô nói khi Scott đứng lên.

Nhưng cô ngồi xuống phía bên kia của Dexter Hutchins và thông báo với ông rằng vị ngoại trưởng giáo sư sẽ đến gặp họ trong giây lát.

— Đội Orioles ra sao rồi? – Scott vừa hỏi vừa cúi tới trước và nhìn thẳng qua Susan, cố không nhìn vào đôi chân thon thả đầy khêu gợi của cô Susan đang đở bưng mặt. Trong một hồ sơ nào đó, Scott đã nhớ lại rằng cô là một người hâm mộ bóng chày và khi cô không tháp tùng Ngoại trưởng ra nước ngoài, cô không bao giờ bỏ qua một trận đấu nào. Scott biết quá rõ ràng họ đã thua ba trận vừa qua.

— Cũng như đội Georgetown trong NCAA^[19], – cô ứng đáp ngay tức khắc.

Scott không sao nghĩ ra một câu trả lời thích đáng hơn. Đội Georgetown đã không lọt vào được trận đấu quốc gia lần đầu tiên trong nhiều năm.

— Mười lăm người tất cả, – Dexter nói, rõ ràng đang thích thú được ngồi ở hàng ghế cao trong đám.

Cánh cửa bỗng mở ra và Warren Christopher bước vào phòng cùng với Thủ tướng Do Thái và theo sau là các viên chức của cả hai nước. Họ tách ra hai phía bàn, ngồi xuống theo thứ tự chức vụ.

Khi Ngoại trưởng Mỹ tới chỗ ngồi của ông ở chính giữa bàn, phía trước quốc kỳ Mỹ, ông nhận thấy Scott lần đầu tiên và gật đầu tỏ vẻ biết sự hiện diện của anh.

Sau khi tất cả mọi người an vị, Ngoại trưởng Mỹ khai mạc phiên họp với một bài diễn văn chào mừng theo kiểu thông thường có thể đoán trước, phần lớn có thể đem dùng cho bất kỳ ai từ Yeltsin đến Mitterrand. Thủ tướng Do Thái đáp lễ theo đúng nghi thức.

Trong một tiếng đồng hồ kế đó họ thảo luận một bản phúc trình về cuộc gặp gỡ ở Na Uy giữa các đại diện của chính phủ Do Thái và tổ chức PLO. Rabin bày tỏ niềm tin tưởng một thỏa hiệp đang tiến triển một cách tốt đẹp, nhưng vấn đề nào sâu hơn đều phải tiếp tục trong bí mật hoàn toàn, bởi vì ông sợ rằng nếu các đối thủ chính trị của ông ở Jerusalem nghe được chuyện đó, họ vẫn có thể phá huỷ toàn bộ kế hoạch trước khi ông kịp thông báo với công chúng. Christopher gật đầu đồng ý và nói việc đó sẽ được Bộ Ngoại giao Mỹ đánh giá cao nếu bất cứ một lời thông báo nào như thế có thể thực hiện ở Washington. Rabin mỉm cười nhưng không nhượng bộ. Ván bài poker đã bắt đầu. Nếu ông phải giao cho người Mỹ một vụ giao tế như vậy, ông phải nhận lại một phần trọng đại không kém. Chỉ còn một tay nữa thôi cần phải được xử lý trước khi đội quân ở nhà khám phá ra cái phần đó là gì.

Chính trong một vụ việc khác, Rabin đã đưa vấn đề ra, không một ai đoán trước được. Vị thủ tướng nói vòng quanh vấn đề trong mấy phút, nhưng Scott

có thể trông thấy một cách chính xác ông hướng về đâu. Rõ ràng Christopher đã được cho cơ hội, nếu ông muốn điều đó, bác bỏ cuộc thảo luận cho nó chết ngắc trước khi Rabin đưa ra một cách chính thức.

Scott viết nhanh một bức thư ngắn trên một mảnh giấy và đưa cho Susan. Cô đọc mấy lời của anh, gật đầu cúi qua và đặt bức thư trên tấm đệm giấy thăm phía trước Ngoại trưởng Mỹ. Ông mở tờ giấy ra, liếc qua nội dung nhưng không tỏ một dấu hiệu ngạc nhiên nào cả. Scott phỏng đoán rằng Christopher đã tìm hiểu được mức độ của nỗi bàng hoàng sắp sửa được bùng xuống.

Vị thủ tướng chột chuyển cuộc thảo luận sang vai trò của Do Thái trong mối quan hệ với Iraq, và nhắc nhở vị ngoại trưởng ba lần rằng họ đã đồng ý chính sách của đồng minh về chiến dịch Bão sa mạc, khi chính Tel Aviv và Haifa lại bị bắn hoả tiễn Scud chứ không phải New York hoặc Little Rock. Có điều khiến cho anh vui thú là trong phiên họp cuối cùng Rabin đã nói: “New York hoặc Rennebunport”.

Ông tiếp tục nói ông đã có mọi lý do để tin rằng Saddam một lần nữa đang triển khai một vũ khí hạt nhân và Tel Aviv cùng Haifa vẫn còn là những ứng viên đầu tiên cho bất cứ đầu nổ nào.

— Ông Bộ trưởng cố đừng quên rằng chúng ta đã từng phải gỡ cái lò phản ứng hạt nhân của bọn họ một lần trong thập niên vừa qua, – vị thủ tướng nói. – Và nếu cần thiết chúng ta sẽ làm lại.

Christopher gật đầu nhưng không bình luận một lời nào.

— Và nếu người Do Thái thành công trong việc triển khai một vũ khí hạt nhân, – Rabin nói tiếp. – Chúng tôi sẽ không được bồi thường hay thông cảm trong lần này. Và tôi không muốn chấp nhận nguy cơ phải gánh hậu quả về những gì xảy đến cho người Do Thái trong lúc tôi làm thủ tướng.

Christopher vẫn không có ý kiến gì.

— Trong hơn hai năm kể từ khi cuộc Chiến tranh vùng Vịnh kết thúc,

chúng ta đã chờ đợi cuộc lật đổ Saddam Hussein, hoặc do bàn tay của chính nhân dân của ông ta hoặc ít ra do ảnh hưởng bên ngoài do ông khích lệ. Trong lúc mỗi tuần lễ trôi qua, dân chúng Do Thái càng thêm băn khoăn phải chăng chiến dịch Bão sa mạc đã từng là một sự chiến thắng.

Christopher vẫn không ngắt lời vị thủ tướng.

— Chính phủ Do Thái cảm thấy đã chờ đợi người khác chấm dứt công tác này quá lâu rồi. Vì thế chúng tôi đã chuẩn bị một kế hoạch để ám sát Saddam Hussein.

Ông ngừng lại một lúc để cho hàm ý mình nói thêm rõ ràng, rồi mới tiếp:

— Cuối cùng chúng tôi đã tìm được một cách chọc thủng hệ thống bảo vệ Saddam và rất có thể được mời vào ngay trong hầm trú ẩn của ông ta. Tuy vậy, đây vẫn sẽ là một chiến dịch còn khó khăn hơn cả những gì đã dẫn tới việc bắt giữ Eichmann và việc giải thoát các con tin ở Entebbe^[20].

Vị ngoại trưởng ngược nhìn lên.

— Và ông muốn chia sẻ điều này với chúng tôi chứ gì? – Ông trầm tĩnh hỏi.

Scott biết câu trả lời là như thế nào trước cả khi vị thủ tướng nói và anh tin chắc Christopher cũng thế.

— Không, thưa ông, tôi không muốn, – Rabin vừa đáp vừa nhìn xuống trang giấy trước mặt ông. – Tôi trình bày điều này chỉ với mục đích bảo đảm chúng tôi sẽ không đụng độ với các đồng nghiệp CIA của ông, bởi vì chúng tôi có thông tin cho biết chính họ cũng đang xem xét một kế hoạch như thế.

Dexter Hutchins đập đầu gối với một nắm tay siết chặt, Scott vội vàng viết một bức thư hai chữ và chuyển qua cho Susan. Cô lấy kính ra đọc thư và nhìn lại anh. Scott gật đầu một cách quả quyết, vì vậy cô lại cúi về phía trước một lần nữa và đặt bức thư trước vị ngoại trưởng. Ông liếc mấy chữ của Scott và lần này ông phản ứng ngay tức khắc.

— Chúng tôi không hề có kế hoạch như thế, – Christopher nói. – Tôi có thể cam đoan với ông thủ tướng rằng thông tin của ông không đúng.

Rabin có vẻ ngạc nhiên trong lúc vị ngoại trưởng nói tiếp:

— Và có lẽ tôi cần nói thêm rằng lẽ tất nhiên chúng tôi hy vọng chính ông sẽ không xem xét bất cứ một hành động nào như thế mà không thông báo đầy đủ chi tiết với Tổng thống Clinton.

Đó là lần đầu tiên tên của vị tổng thống được nêu lên và Scott khâm phục cách vị ngoại trưởng dùng sức ép mà không hề gợi ra một sự đe dọa nào.

— Tôi nghe yêu cầu của ông, – vị thủ tướng đáp lại, – nhưng tôi phải nói với ông rằng nếu Saddam được phép tiếp tục phát triển vũ khí hạt nhân của ông ta, tôi không thể yêu cầu dân chúng của tôi ngồi nhìn.

Christopher đã đạt được thoả hiệp ông cần, và có lẽ còn câu giờ thêm một chút. Trong hai mươi phút kế tiếp vị ngoại trưởng cố lái câu chuyện vào vùng thân hữu hơn, nhưng mọi người trong phòng đều biết rằng sau khi những người khách của họ rời khỏi chỉ có một vấn đề sẽ được thảo luận.

Khi cuộc thảo kết thúc vị ngoại trưởng chỉ thị nhân viên của ông chờ trong phòng họp trong lúc ông tiễn vị thủ tướng ra tận xe, mấy phút sau ông trở lại với chỉ một câu hỏi cho Scott:

— Làm sao anh có thể chắc chắn Rabin lừa bịp khi ông ta nghĩ chúng ta cũng đang chuẩn bị một kế hoạch loại bỏ Saddam? Tôi đã quan sát đôi mắt ông ta và ông ta đã không lộ ra một vẻ gì cả.

— Tôi thừa nhận điều đó, thưa ông, – Scott trả lời. – Nhưng đó là câu duy nhất ông ta nói ra trong hai tiếng đồng hồ mà ông ta đã đọc từng từ một. Tôi thậm chí nghĩ ông ta đã tự tay viết ra. Một cố vấn đã chuẩn bị bài phát biểu đó. Và, quan trọng hơn, Rabin đã không tin.

— Anh có tin người Do Thái có một kế hoạch ám sát Saddam Hussein?

— Vâng có, – Scott nói. – Và hơn thế nữa, mặc dầu Rabin bảo ông ta đang

kiềm chế dân chúng, tôi tin chắc ông ta là người đầu tiên có ý này. Tôi nghĩ ông ta biết chính xác từng chi tiết, kể cả ngày và nơi thích hợp.

— Anh có giả thiết nào về việc ông ta sẽ khởi sự như thế nào?

— Không, thưa ông, tôi không có, – Scott trả lời.

Christopher quay sang Susan.

— Tôi muốn có một cuộc hội thảo chính thức với Ed Djerjian và nhân viên cao cấp về Trung Đông của ông ấy tại phòng của tôi trong vòng một giờ nữa, và tôi muốn gặp Tổng thống trước khi ông ấy đi Houston.

Christopher quay đi, nhưng trước khi tới cửa, ông ngoảnh lại.

— Cảm ơn anh, Scott. Tôi vui mừng anh có thể rời khỏi Yale. Chắc là chúng tôi sẽ gặp anh thường xuyên hơn trong mấy tuần lễ sắp tới.

Vị ngoại trưởng ra khỏi phòng.

— Tôi cũng có thể nói thêm lời cảm ơn của tôi, – Susan vừa nói vừa gom góp giấy tờ và hối hả chạy theo Ngoại trưởng.

— Rất vui lòng, – Scott nói rồi tiếp lời. – Cô cố nhớ bữa ăn tối hôm nay với tôi nhé? Câu lạc bộ Jockey, tám giờ?

Susan dừng lại giữa đường.

— Ông cần phải nghiên cứu công việc kỹ hơn nữa, giáo sư Bradley. Tôi đang sống với cùng một người suốt sáu năm qua và

— Tôi nghe nói mọi việc không được tốt đẹp, trong thời gian gần đây, – Scott ngắt lời. – Dù sao đi nữa, ông ấy đang đi dự một hội nghị Seattle, phải không?

Cô viết nguệch ngoạc mấy chữ lên một mảnh giấy và đưa cho Dexter Hutchins. Dexter đọc mấy từ đó và bật cười trước khi đưa lại cho Scott: *Anh ấy lừa bịp.*

Khi hai người chỉ còn lại một mình, Dexter Hutchins cũng có một câu hỏi cần được giải đáp.

— Đâu có? – Scott nhìn nhận. – Nhưng tôi chắc chắn rằng người Do Thái không có bất cứ một tin tức nào để nghĩ chúng ta đang dự tính.

Dexter mỉm cười và nói:

— Cảm ơn anh đã từ Connecticut đến đây, Scott. Tôi sẽ liên lạc lại. Tôi có linh cảm chiếc máy bay đến Washington sẽ như một con thoi cho anh suốt mấy tháng sắp tới.

Scott gật đầu, cảm thấy nhẹ nhõm vì thời hạn sắp sửa hết và sẽ không có ai có thể trông mong thấy anh trong vài ba tuần lễ.

Scott lấy một chiếc taxi quay lại Ritz Carlton, trở về phòng và bắt đầu sắp xếp đồ đạc vào chiếc vali nhỏ. Trong năm qua anh đã xem xét cả trăm cách mà người Do Thái có thể toan tính để ám sát Saddam Hussein, nhưng tất cả đều có nhiều điểm thiếu sót bởi vì mỗi lần Tổng thống Iraq đi đâu cũng có một lực lượng bảo vệ hùng hậu vây quanh.

Scott cũng cảm thấy chắc chắn rằng Thủ tướng Rabin sẽ không bao giờ chuẩn y một chiến dịch như thế trừ phi có một cơ may lớn khiến cho các nhân viên mật vụ của ông ta có thể sống sót trở về. Do Thái không cần loại sỉ nhục đó thêm vào tất cả những vấn đề khác.

Scott bật tivi mục tin tức buổi tối. Tổng thống đang nên đường tới Houston để tiến hành một cuộc gây quỹ cho Thượng nghị sĩ Bob Krueger, người đang bảo vệ ghế của Lloyd Bentsen trong cuộc bầu cử đặc biệt trong tháng năm. Máy bay của ông đã cất cánh trễ ở Andrews. Không có một lời giải thích nào về lý do chương trình bị lùi lại – vị tân Tổng thống đang nhanh chóng đạt được tiếng tăm về cách làm việc theo thời gian “chuẩn Clinton”. Tất cả những gì thông tấn viên của Nhà Trắng muốn nói là Tổng thống đã thảo luận nhiều vấn đề với Ngoại trưởng trong vòng kín.

Scott tắt tivi và xem đồng hồ tay. Quá bảy giờ một chút, và chuyến bay của anh được sắp xếp lúc 9 giờ 40, vừa đủ thời giờ để ngoạm một món gì trước khi ra phi trường. Anh chỉ được cung cấp mấy cái sandwich và một cốc sữa cho cả ngày hôm nay, và nghĩ rằng CIA tối thiểu nợ anh một bữa ăn tươi mát.

Scott đi xuống cầu thang đến Câu lạc bộ jockey và được đưa tới một bàn trong góc. Một nghị sĩ quốc hội đang ba hoa với một cô gái tóc vàng bằng nửa tuổi ông ta rằng Tổng thống đã hội thảo trong phòng kín với Warren Christopher bởi vì “họ đang bàn luận về đề xuất sửa đổi ngân sách quốc phòng của tôi”. Cô gái tóc vàng có vẻ thán phục, mặc dầu cô hầu bàn vẫn đứng đưng.

Scott gọi món cá hồi hun khói, một miếng bít tết lưng và nửa chai Mouton Cadet trước khi xem xét lại một lần nữa mọi điều mà Thủ tướng Do Thái đã phát biểu trong cuộc hội thảo. Nhưng anh kết luận rằng nhà chính khách sắc sảo đã không để lộ ra một đầu mối nào cho biết bằng cách nào hoặc bao giờ – hoặc thậm chí có hay không – người Do Thái có thể thực hiện mối đe dọa của họ.

Theo lời khuyên của cô hầu bàn, anh đồng ý thử món đặc biệt của nhà hàng, bánh bông lan nướng với sôcôla. Anh tự thuyết phục rằng anh sẽ không được ăn uống như thế này nữa trong một thời gian và, dù sao đi nữa, anh sẽ cho tiêu tan tất cả trong phòng tập thể dục vào ngày hôm sau. Khi anh đã ăn xong miếng cuối cùng, Scott xem đồng hồ: tám giờ ba phút – vừa đủ thời gian cho một tách cà phê trước khi chộp một chiếc taxi ra phi trường.

Scott quyết định không uống thêm một tách thứ hai, giơ bàn tay lên và nguệch ngoạc trong không khí để cho biết anh muốn thanh toán tiền. Khi cô hầu bàn trở lại, anh đã cầm sẵn Master Card.

— Người khách của ông vừa mới đến, – người hầu bàn nói, không tỏ ra ngạc nhiên một chút nào.

— Người khách của tôi...? – Scott bỡ ngỡ hỏi lại.

— Hello, Scott. Em xin lỗi đã đến trễ một chút, nhưng Tổng thống cứ hỏi đi hỏi lại mãi.

Scott ngừng lên và bỏ tấm Master Card trở vào túi trước khi hôn lên má của Susan.

— Anh đã nói tám giờ, phải không? – cô hỏi.

— Phải, – Scott nói, tựa hồ anh đang chờ đợi cô.

Cô hầu bàn lại xuất hiện với hai tấm thực đơn lớn và đưa cho hai người khách.

— Tôi có thể đặt món cá hồi hun khói và bít tết, – cô nói thậm chí không hé môi mỉm cười.

— Không, như thế có vẻ hơi nhiều đối với tôi, – Susan nói. – Nhưng đừng để cho em ngăn cản anh, Scott.

— Không, Tổng thống Clinton không phải là người duy nhất ăn kiêng, – Scott nói. – Xúp thịt và xà lách rất phù hợp với tôi.

Scott nhìn Susan trong lúc cô nghiên cứu tấm thực đơn, cặp kính gác lên chóp mũi. Cô đã thay bộ đồ xanh thẫm cắt may rất khéo bằng một chiếc áo đầm dài màu hồng khiến cho thân hình thon thả của cô lại càng nổi bật hơn nữa. Mái tóc vàng của cô lúc này buông xoã trên hai bờ vai và lần đầu tiên trong ký ức của anh, cô sử dụng son môi. Cô chột nhìn lên và mỉm cười.

— Cô cho tôi crab cakes, – cô nói với người hầu bàn. – Họ vẫn còn đang nghe một cuộc báo cáo của Bộ ngoại giao. Không nhiều, – cô hạ giọng nói. – Ngoại trừ nếu Saddam phải bị ám sát, ông nghĩ rằng ông sẽ trở thành mục tiêu số một của người Iraq.

— Một sự đáp ứng tự nhiên mà thôi, – Scott nhận xét.

— Đừng nói chuyện chính trị nữa, – Susan bảo. – Hãy nói về những điều

lý thú hơn. Tại sao anh nghĩ Ciseri bị đánh giá thấp còn Bellini lại được đánh giá cao?

Nghe cô hỏi, Scott nhận thấy Susan chắc cũng đã đọc kỹ hồ sơ nội bộ của anh từng trang một.

— Thì ra đó là lý do cô đến đây. Cô đúng là một người hâm mộ nghệ thuật.

Trong giờ kế tiếp họ bàn luận về Bellini, Ciseri, Carravaggio, Florence và Venice, không còn để tâm đến việc gì khác cho đến lúc cô hầu bàn lại hiện ra bên cạnh họ. Cô ta khuyên họ dùng món bánh bông lan nướng với sôcôla và thất vọng vì cả hai đều từ chối ý kiến đó.

Trong lúc uống cà phê. Scott kể cho Susan nghe về cuộc sống của anh ở Yale và cô nhìn nhận rằng đôi khi cô hối tiếc đã không nhận lời mời dạy học ở Stanford, một trong năm trường đại học mà cô đã vinh dự được cấp học bổng.

— Nhưng không bao giờ ở Yale, giáo sư Bradley, – cô nói trước khi xếp khăn ăn lại.

Scott mỉm cười trong lúc cô nói tiếp khi cô hầu bàn mang hoá đơn lại.

— Cảm ơn anh về một buổi tối thú vị.

Scott ký hoá đơn thật nhanh, hy vọng cô không thể trông thấy rõ và phòng kế toán của CIA sẽ không chất vấn tại sao lại có một hoá đơn cho ba người.

Khi Susan đi tới phòng vệ sinh Scott xem đồng hồ: mười giờ hai mươi lăm. Chuyến máy bay cuối cùng đã cất cánh gần một giờ trước. Anh bước xuống quầy tiếp tân và hỏi họ có thể đặt phòng khách sạn cho anh một đêm nữa hay không. Nhân viên tiếp tân bấm một vài phím trên máy vi tính, xem kết quả và nói:

— Vâng, tất cả đều ổn, giáo sư Bradley. Điểm tâm châu Âu và *Washington Post* như thường lệ?

— Xin cảm ơn, – anh nói lúc Susan lại đến bên anh.

Cô khoác tay với anh trong lúc họ bước về phía những chiếc taxi đậu trên đoạn đường trải sỏi. Người gác cổng mở cửa sau cửa chiếc taxi đầu tiên trong lúc Scott hôn lên má Susan một lần nữa.

— Hy vọng sớm gặp lại cô.

— Điều đó tùy thuộc vào ông Ngoại trưởng, – Susan vừa nói vừa nhăn răng cười rồi bước vào ghế sau của chiếc taxi.

Người gác cổng đóng cửa lại và Scott vẫy tay chào trong lúc chiếc xe hơi chạy xuôi theo đại lộ Massachusetts.

Scott hít một hơi thật sâu không khí của Washington và cảm thấy rằng sau hai bữa ăn liền một buổi tối, một cuộc đi bộ quanh khu cao ốc này chắc sẽ không tác hại gì cho anh. Tâm trí anh cứ luân phiên nghĩ tới Saddam và Susan, cả hai người anh đều không sao đánh giá nổi.

Anh thả bộ trở về Rits Carlton khoảng hai mươi phút sau, nhưng trước khi đi lên phòng anh trở lại nhà hàng và đưa cho cô hầu bàn một tờ hai mươi đô la.

— Xin cảm ơn giáo sư, – cô ta nói. – Tôi hy vọng ông thưởng thức cả hai bữa ăn.

— Nếu bao giờ cô cần một công việc làm ban ngày, – Scott nói. – Tôi biết một cơ quan ở Virginia có thể sử dụng tới tài năng đặc biệt của cô.

Cô hầu bàn cúi đầu chào. Scott rời nhà hàng, lấy thang máy lên tầng năm và thong thả đi xuôi theo hành lang tới phòng 505.

Khi anh rút chìa khoá ra khỏi ổ và đẩy cánh cửa mở, anh ngạc nhiên phát hiện anh đã để đèn sáng. Anh cởi áo khoác và bước xuống hành lang vào phòng ngủ. Anh chợt dừng lại và nhìn sững cảnh tượng trước mắt anh. Susan đang ngồi thẳng người trên giường trong một chiếc áo ngủ mỏng tanh, đọc các lời ghi chép của anh về cuộc hội thảo buổi chiều, cặp kính của nàng tựa

trên chóp mũ. Cô ngược lên nhìn anh với một nụ cười thẳng thắn.

— Ông Ngoại trưởng bảo em rằng em phải tìm hiểu càng nhiều càng tốt về anh trước buổi hội thảo sắp tới.

— Bao giờ em sẽ hội thảo?

— Sáng mai, chín giờ đúng.

CHƯƠNG 8

Button Gwinnett^[21] quả là cả một vấn đề. Nét chữ vừa ngoằn ngoèo vừa nhỏ và chữ G nghiêng về phía trước. Phải mấy tiếng đồng hồ sau Dollar Bill mới sẵn sàng sao chép chữ ký trên hai tấm giấy da còn lại. Trong những ngày kế tiếp, y dùng tới năm mươi sáu ánh mực khác nhau và thay đổi sức ép từng chút một của các đầu bút bằng cách thử đi thử lại nhiều lần mới cảm thấy hài lòng với Lewis Morris, Abraham Clark, Richard Stockton và Caesar Rodney. Y cảm thấy kiệt tác của y rõ ràng là của John Hancock về kích thước mức chính xác, ánh mực. Gã Ireland đã hoàn tất hai bản sao của bản Tuyên ngôn Độc lập bốn mươi tám ngày sau khi y nhận lời mời của Angelo Santoni đi uống một chén ở một quán rượu khu thương mại của San Francisco.

— Một bản sao đúng là hoàn hảo, – y nói với Angelo, – còn bản kia có một thiếu sót rất nhỏ.

Angelo đứng nhìn kỹ hai bản sao một cách sững sờ, không sao nghĩ ra một lời nào để diễn tả một cách đúng mức sự khâm phục của gã.

— Khi William J. Stone được yêu cầu sao lại một bản vào năm 1820, ông ta đã mất gần ba năm trời, – Dollar Bill nói. – Và quan trọng hơn, ông ta được sự chấp thuận của Quốc hội.

— Ông có định nói cho tôi biết sự khác biệt duy nhất giữa bản sao cuối cùng ông chọn và bản gốc?

— Không, nhưng tôi sẽ nói cho anh biết chính William J. Stone đã chỉ cho tôi theo đúng hướng.

— Thế rồi sau đó? – Angelo hỏi.

— Hãy kiên nhẫn, – Dollar Bill nói, – bởi vì cái bánh bông lan của chúng ta cần thời gian để mở ra.

Angelo quan sát trong lúc Dollar Bill chuyển hai tấm giấy da một cách thận trọng lên một bàn ở trung tâm căn phòng mà y đã đặt sẵn một ngọn đèn Xenon làm nguội bằng nước.

— Cái này cho ta một ánh sáng như ban ngày, nhưng có cường độ lớn hơn nhiều, – y giải thích.

Y bật đèn và căn phòng sáng rực lên như một phim trường của đài truyền hình rồi nói tiếp.

— Tôi đã tính toán đúng, cái này sẽ giúp ta đạt được trong vòng ba mươi giờ hiệu quả mà thiên nhiên phải mất hai trăm năm mới gây nên cho bản gốc.

Y mỉm cười.

— Chắc chắn đủ thời gian để uống thật say.

— Chưa được, – Angelo do dự nói. – Ông Cavalli còn có một yêu cầu nữa.

— Yêu cầu đó là gì? – Dollar Bill hỏi bằng giọng Ireland nồng nhiệt.

Y lắng nghe ý muốn sau cùng của ông Cavalli với vẻ thích thú.

— Tôi cảm nghĩ tôi phải được trả gấp đôi trong tình huống này.

Đó là câu trả lời duy nhất của Dollar Bill.

— Ông Cavalli đã đồng ý trả thêm cho ông mười nghìn nữa, – Angelo nói.

Dollar Bill nhìn xuống hai bản sao, nhún vai và gật đầu.

Ba mươi sáu giờ sau, chủ tịch và giám đốc điều hành của Công ty Kỹ năng đáp máy bay đi Washington.

Họ có hai vấn đề cần xác định trước khi bay trở về New York. Nếu cả hai hội thảo của ban điều hành mà họ hy vọng sẽ thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên nếu kết quả không chắc chắn, Cavalli sẽ trở về Wall Street và gọi hai cú điện thoại. Một cú cho ông Al Obaydi, giải thích lý do không thể thực hiện yêu cầu của ông ta và cú thứ hai cho đầu mối của họ ở Lebanon để nói cho người đó hay rằng họ không thể giao dịch với một người đòi hỏi mình phần trăm số tiền phải được gửi vào một tài khoản ngân hàng Thụy Sĩ với tên của hắn ta.

Cavalli thậm chí sẽ cung cấp số tài khoản mà họ đã mở với tên của Al Obaydi ở Geneva và như vậy trách nhiệm về sự thất bại sẽ được di chuyển từ bố con Cavalli sang viên Phó Đại sứ từ Iraq.

Khi hai người bước ra khỏi phòng đón khách chính của phi trường, một chiếc xe hơi chờ để đưa họ vào Washington. Qua cầu đường 14 họ tiếp tục theo hướng Đông trên đại lộ Quốc gia, một toà nhà cả hai người chưa ai từng viếng thăm.

Sau khi đã ở bên trong cánh Đông, họ ngồi xuống trên tượng lớn của Calder^[22] và chờ đợi.

Chính tiếng vỗ tay lôi cuốn sự chú ý của họ trước khi họ ngược lên để xem chuyện gì gây huyên náo, họ quan sát trong lúc đám đông du khách đứng sang một bên, cố tạo ra một khoảng trống.

Khi họ trông thấy ông ta lần đầu tiên, bố con Cavalli tự động đứng lên. Một toán vệ sĩ, hai người trong bọn Antonio biết mặt, dẫn đường cho người đàn ông đi xuyên qua đám đông trong lúc ông ta bắt tay với càng nhiều người càng tốt.

Vị chủ tịch và viên giám đốc điều hành tiến mấy bước về phía trước để thấy rõ hơn cảnh tượng đang diễn ra.

Thật là phi thường, nụ cười, dáng đi, ngay cả cái quay đầu hết sức thoải mái. Khi ông ta dừng lại trước mặt họ và cúi xuống để nói chuyện với một cậu bé trong một lúc, nếu họ không biết sự thật có lẽ chính họ cũng phải tin.

Khi người đàn ông tới trước toà nhà, đám vệ sĩ dẫn đường cho ông ta về phía trước xe hơi sang trọng thứ ba trong một dãy sáu chiếc. Trong chốc lát, ông ta đã lướt đi, xuống còi nhỏ dần vào phía xa.

— Cuộc diễn tập này làm hao tổn tôi một trăm nghìn đô la, – Tony nói trong lúc họ quay trở lại lối vào.

Trong lúc y đẩy qua cánh cửa quay một cậu bé vừa chạy ào quay vừa rán cổ la to:

— Tôi vừa mới trông thấy Tổng thống! Tôi vừa mới trông thấy Tổng thống.

— Đáng giá từng xu, – bố Tony nói. – Bây giờ tất cả những gì ta cần biết là Dollar Bill có xứng đáng với tiếng tăm của anh ta hay không?

Hannah nhận một cú điện thoại khẩn yêu cầu nàng tham dự một cuộc hội thảo ở Toà Đại sứ khi lớp học của nàng còn bốn tháng nữa mới kết thúc. Nàng phỏng đoán mọi việc sẽ vô cùng tồi tệ.

Trong các kỳ thi được tổ chức vào mỗi ngày thứ Sáu khác, Hannah cứ liên tục đạt điểm cao hơn năm điệp viên thực tập khác vẫn còn ở London. Vào giai đoạn này nàng cương quyết không để cho thiên hạ bảo rằng nàng không đủ năng lực.

Cuộc hẹn ngoài chương trình với ông uỷ viên hội đồng đại diện cho Vụ Văn hoá, một chức vụ giả hiệu của Đại tá Kratz, nhân vật cao cấp nhất của

Mossad ở London, đã được định vào sáu giờ chiều hôm nay.

Trong cuộc thực tập buổi sáng của nàng, Hannah đã không sao tập trung vào các công trình của đảng Tiên tri Mohammed và trong suốt buổi chiều thậm chí nàng còn trải qua một thời gian gay go hơn với hoạt động và nhiệm vụ của nước Anh ở Iraq, 1917 – 1932. Nàng sung sướng thoát khỏi lúc năm giờ mà không bị giao thêm công việc gì.

Toà Đại sứ Do Thái trong hai năm vừa qua đã biến thành một khu cấm địa đối với tất cả các điệp viên thực tập trừ khi được đặc biệt mời đến. Nếu bạn được triệu tập bạn thừa biết đó chỉ là để thu hồi vé máy bay trở về: chúng tôi không cần dùng bạn nữa. “Xin chào” và nếu bạn may mắn: “Cám ơn bạn”. Hai thực tập viên đã đi theo con đường đó trong tháng vừa qua.

Hannah chỉ trông thấy Toà Đại sứ một lần, trong lúc nàng được đưa qua đó bằng xe hơi vào ngày đầu tiên nàng trở lại thủ đô. Nàng thậm chí không biết chắc vị trí của nó. Sau khi dò trên bản đồ toàn bộ thành phố London, nàng mới phát hiện nó ở Palace Green, Kensington, cách đường một quãng ngắn.

Hannah bước ra khỏi ga tàu điện ngầm South Kensington lúc sáu giờ kém vài phút. Nàng thả bộ ngược lên lề đường rộng vào Palace Green và đến tận Toà Đại sứ Philippines rồi mới quay trở lại để tới phái bộ Do Thái ngay trước giờ hẹn. Nàng mỉm cười với viên cảnh sát trong lúc nàng trèo lên bậc thềm đến cửa trước.

Hannah thông báo tên của nàng cho nhân viên tiếp tân, và giải thích nàng có một cuộc hẹn với uỷ viên Hội đồng đại diện cho Vụ Văn hoá.

— Tầng một, sau khi cô lên tới đầu cầu thang, cánh cửa màu xanh lá cây ở ngay trước mắt cô.

Hannah trèo lên cầu thang rộng một cách chậm chạp, cố gắng tập trung tư tưởng. Nàng cảm thấy một nỗi lo ập đến trong lúc nàng gõ lên cửa. Cánh cửa mở mạnh ra ngay lập tức

— Rất vui được gặp cô, Hannah, – một người đàn ông còn trẻ mà nàng chưa từng gặp nói. – Tên tôi là Kratz. Xin lỗi phải gọi cô đến gặp như thế này, nhưng chúng tôi đang gặp rắc rối. Xin mời cô ngồi, ông ta vừa nói tiếp vừa chỉ một chiếc ghế tựa êm ái ở phía bên kia của cái bàn lớn.

Không chỉ là một người có thói quen nói những vấn đề nhỏ, đó là kết luận đầu tiên của Hannah.

Hannah ngồi thẳng người trên ghế và chăm chú nhìn người đàn ông đối diện với nàng. Ông ta có vẻ quá trẻ đối với chức Ủy viên Hội đồng đại diện cho Vụ Văn hoá. Nhưng rồi nàng nhớ lại lý do thực sự về việc bố trí vị đại tá ở London. Kratz có một gương mặt nồng nhiệt, bộc trực và nếu ông ta không bị hói trán hơi sớm, thậm chí ông ta có thể được mô tả là đẹp trai. Hai bàn tay thô kệch của ông ta đặt trên bàn phía trước mặt trong lúc ông ta nhìn qua phía Hannah. Đôi mắt ông ta không hề rời khỏi nàng và nàng bắt đầu cảm thấy mất tự chủ vì sự tập trung đó.

Hannah siết chặt nắm tay. Nếu nàng phải bị đưa về nhà, tối thiểu nàng sẽ trình bày trường hợp của nàng mà nàng đã chuẩn bị và tập dượt.

Vị Ủy viên hội đồng tỏ vẻ do dự tựa hồ ông ta đang quyết định cách phát biểu điều cần nói. Hannah mong ước ông ta muốn nói gì cũng được. Như thế này thì còn tồi tệ hơn khi chờ đợi kết quả của một kỳ thi mà bạn đã biết là mình hỏng.

— Cô sống như thế nào với gia đình Rubins? – Kratz chợt hỏi.

— Rất tốt, cảm ơn ông, – Hannah nói.

Không cho biết một chi tiết nào, nàng quyết định không để cho ông ta giữ kín lâu mục đích thực sự của cuộc gặp gỡ này.

— Còn lớp học tiến hành như thế nào?

Hannah gật đầu và khẽ nhún vai.

— Và cô đang ước mong trở lại Do Thái phải không? – Kratz tiếp tục hỏi.

— Chỉ khi nào tôi đã làm được một công việc đáng giá mới trở về, – Hannah trả lời, bực mình vì nàng đã mất cảnh giác.

Nàng ước mong Kratz nhìn ra chỗ khác chỉ trong giây lát.

— Được rồi, rất có thể cô sẽ không trở về Do Thái, – Kratz nói.

Hannah đổi thế ngồi của nàng trên ghế.

— Tối thiểu, không phải ngay lúc này, – Kratz nói tiếp. – Có lẽ tôi phải giải thích rõ. Mặc dầu lớp huấn luyện của cô còn bốn tháng nữa mới kết thúc.

Ông ta mở một tập hồ sơ để trên bàn phía trước ông ta và tiếp tục:

— Giáo viên của cô đã thông báo với chúng tôi rằng cô có triển vọng đạt được kết quả các kỳ thi cuối cùng tốt hơn bất cứ người nào trong số năm điệp viên còn lại và tôi tin chắc cô biết như thế.

Đây là lần đầu tiên nàng được xem là một điệp viên.

— Chúng tôi đã quyết định cô sẽ tham gia vào đội cuối cùng. – Kratz nói, như thể đoán trước câu hỏi của nàng. – Nhưng cơ hội đã xuất hiện và chúng tôi nghĩ cô là người có đủ khả năng nhất để tận dụng ngay lúc này.

Hannah cúi người về phía trước trên ghế.

— Nhưng tôi tưởng tôi đang được huấn luyện để đi Baghdad.

— Đúng thế, và tới lúc thuận tiện cô sẽ đi Baghdad, nhưng giờ đây chúng tôi muốn đưa cô vào một khu vực thù địch khác. Không có cách nào tốt hơn cô phải tìm ra cách tự xoay sở trong tình trạng căng thẳng.

— Ông định nói nơi nào thế? – Hannah hỏi, không sao che giấu được nỗi thích thú.

— Paris.

— Paris? – Hannah nhắc lại với vẻ khó tin.

— Phải. Chúng tôi đã bắt được một nguồn tin cho hay người đứng của

Ban lợi ích Iraq đã yêu cầu chính phủ ông ta cung cấp cho ông ta một nữ thư ký phụ. Cô gái đã được chọn và sẽ rời Baghdad đi Paris trong thời gian mười ngày. Nếu sẵn sàng chiếm chỗ cô ta, cô ta sẽ không bao giờ đến được phi trường Charles de Gaulle.

— Nhưng họ sẽ biết tôi là người đội lốt trong vòng mấy phút.

— Không chắc đâu, – Kratz vừa nói vừa lấy một hồ sơ dày hơn ra khỏi một ngăn kéo của bàn ông ta và lật mấy trang.

— Cô gái này đã học ở trường Trung học Putney rồi vào Trường Đại học Durham để học Anh ngữ, trong cả hai thời gian đó đều nhờ vào tiền trợ cấp của chính phủ Iraq. Cô ta muốn ở lại Anh nhưng bị bắt buộc trở về Baghdad khi chiếu khán cho sinh viên đã bị huỷ bỏ vừa đúng hai năm trước đây.

— Nhưng gia đình cô ta...

— Bố chết trong chiến tranh với Iran và mẹ đã đi sống với cô em, ngay bên ngoài Karbala.

— Anh chị em?

— Một người em trai đang ở trong lực lượng Phòng vệ Cộng hoà, không có chị em gái. Đó là tất cả trong hồ sơ. Cô sẽ được dành mấy ngày để nghiên cứu các thông tin cần thiết trước khi cô phải quyết định. Tel Aviv tin chắc chúng ta có một dịp may để đưa cô vào thế chỗ cô ta. Kiến thức toàn diện của cô về Paris hiển nhiên là vô cùng hữu ích. Chúng tôi sẽ chỉ bỏ cô ở đó trong ba đến sáu tháng là nhiều nhất.

— Và sau đó?

— Trở về Do Thái để chuẩn bị đi Baghdad. Nếu cô quyết định phận nhiệm vụ này, ý định quan trọng nhất của chúng tôi là không sử dụng cô với tư cách một điệp viên. Chúng tôi đã có mấy điệp viên ở Paris. Chúng tôi chỉ cần cô tiếp thu mọi việc chung quanh cô và quen với lối sống của người Ả Rập, cách suy nghĩ giống như họ. Cô không được giữ bất cứ hồ sơ nào thậm

chỉ cả ghi chép. Chuyển tất cả mọi việc vào ký ức. Cô sẽ được phỏng vấn khi chúng tôi rút cô về. Cô đừng bao giờ quên rằng nhiệm vụ cuối cùng của cô vô cùng quan trọng đối với nước Do Thái, chưa bao giờ có gì quan trọng hơn.

Ông ta mỉm cười lần đầu tiên và nói tiếp:

— Có lẽ cô muốn suy nghĩ kỹ trong vài ngày.

— Không, cảm ơn ông, – Hannah nói.

Lần này chính Kratz tỏ vẻ lo lắng trong lúc nàng vẫn bình thường.

— Tôi vui mừng nhận công việc này nhưng tôi có một vấn đề?

— Vấn đề gì? – Kratz hỏi.

— Tôi không biết đánh máy, nhất là chữ Ả Rập.

Ông ta bật cười:

— Thế thì chúng tôi sẽ sắp xếp một lớp học cấp tốc cho cô. Cô nên rời khỏi nhà gia đình Rubins ngay tức khắc và tự di chuyển đến Toà Đại sứ vào đêm mai. Người ta sẽ không hỏi han cô gì hết và cũng không đề nghị gì. Trong lúc chờ đợi, cô hãy nghiên cứu cái này.

Ông ta đưa cho cô một bì đựng giấy tờ màu nâu với cái tên “Karima Sai” viết ở phía trên với những chữ cái đậm nét và nói tiếp:

— Trong vòng mười ngày cô phải thuộc lòng tập hồ sơ này. Những điều hiểu biết mà cô ghi nhớ được có thể cứu mạng cô.

Kratz đứng lên từ phía bên kia bàn và bước quanh để tiễn Hannah ra cửa.

— Chỉ còn một thứ nữa, – ông ta nói trong lúc mở cửa cho nàng. – Tôi tin cái này là của cô.

Vị Ủy viên Hội đồng đại diện cho Vụ văn hoá đưa cho Hannah một chiếc vali nhỏ méo mó.

Trong một chiếc xe hơi trên đường đi Georgetown, Cavalli giải thích cho ông bố của y rằng cách xa nhà trưng bày chừng một trăm mét tài xế không được nhấn còi và chiếc xe hơi đó sẽ tách khỏi đội hình như các chiếc xe khác lúc đến sáu giao lộ kế tiếp, mất dạng vào dòng xe lưu thông buổi sáng.

— Còn anh chàng diễn viên?

— Với đầu sói giả lấy ra và mang kính đen, sẽ không có một ai nhìn lại một Loyd Dam một lần thứ hai. Anh ta sẽ đi tàu điện ngầm trở về New York trong buổi chiều.

— Tài tình!

— Sau khi các tấm bảng số đã được thay đổi, sáu chiếc xe sẽ trở lại thành phố trong vài ngày sau với bảng số gốc New York.

— Con đã làm một công việc hết sức chuyên nghiệp, – bố y nói.

— Phải, nhưng đó chỉ là cuộc diễn tập của một cảnh mà thôi. Việc chúng ta đang dự kiến chuẩn bị trong thời gian bốn tuần là trình diễn một vở kịch ba hồi với toàn bộ Washington được mời làm khán giả.

— Con cố đừng quên rằng chúng ta đang được trả một trăm triệu để gây rối, – ông già nhắc con trai.

— Nếu chúng ta bỏ cuộc sẽ bị trả đũa một cách ra trò. – Cavalli nói trong lúc chiếc xe hơi chạy qua khách sạn Four Seasons.

Người tài xế quẹo trái xuôi theo một đường phụ và dừng lại bên ngoài một ngôi nhà gỗ cũ kỹ nhưng khá hấp dẫn. Angelo đang đứng chờ bên cạnh một cổng sắt trên đầu mấy bậc thềm bằng đá. Vị chủ tịch và viên dẫn đội điều hành ra khỏi xe và đi theo Angelo xuống các nấc thang với một tốc độ nhanh, không nói với nhau một lời nào.

Chính cửa sổ ở tận cùng đã mở sẵn. Khi họ đã ở bên trong, Angelo giới thiệu họ với Bill O'Reilly. Bill dẫn họ xuôi theo hành lang tới phòng của y. Khi y tới cánh cửa khoá y xoay chìa khoá như thể họ sắp sửa bước vào hang của Aladdin. Y mở cửa và ngừng lại chỉ trong một lát trước khi bật đèn, rồi dẫn mọi người tới trung tâm của căn phòng, nơi hai bản thảo đang chờ họ kiểm tra. Y giải thích với mấy người khách rằng chỉ có một bản giống y nguyên bản.

Bill đưa cho hai người một cái kính lúp rồi thụt lùi lại một bước để chờ ý kiến của họ. Tony và bố y hoàn toàn không biết phải bắt đầu từ đâu và khởi sự nghiên cứu cả hai bản trong mấy phút, không thốt lên một tiếng nào.

Tony bỏ thời giờ vào việc đọc kỹ chương mở đầu: "*When in the course of human events...*" trong lúc bố y mỗi lúc một thêm say mê các chữ ký của Francis Lightfoot và Carter Braxton, mà các đồng nghiệp ở Virginia đã để chỗ cho họ quá ít ở cuối tấm giấy da để ký tên.

Một lúc sau, ông bố của Tony đứng thẳng người lên, quay về phía người đàn ông Ireland nhỏ thó, đưa trả chiếc kính lúp và nói:

— Tuyệt, tôi chỉ có thể nói rằng William J. Stone chắc sẽ rất tự hào nếu biết được anh.

Dollar Bill cúi đầu, bày tỏ lòng cảm ơn trước lời khen tột bực đó.

— Nhưng bản nào thật sự hoàn hảo và bản nào có thiếu sót? – Cavalli hỏi.

— À, – Dollar Bill nói. – Cũng chính William J. Stone đã chỉ cho tôi phương hướng đúng để giải quyết vấn đề hóc búa nhỏ bé này.

Hai bố con Cavalli kiên nhẫn chờ đợi Dollar Bill tiếp tục giải thích.

— Các ông cũng biết, khi Timothy Matlock ghi chép nguyên bản vào năm 1776, ông ta đã phạm ba điểm thiếu sót, ông ta có thể sửa chữa được hai điểm chỉ bằng cách viết chèn thêm vào. – Dollar Bill chỉ vào từ "represtativ^e"^[23] nơi hai chữ cái e và a bị thiếu, rồi vào từ "only" mà mấy dòng phía dưới bị bỏ

trống. Cả hai nơi sửa chữa đều có chèn một dấu A.

— Nhưng, – Dollar Bill nói tiếp, – ông Matlock đã sai một lỗi chính tả mà ông ta đã không sửa chữa. Trên một trong hai bản sao các ông sẽ tìm thấy.

CHƯƠNG 9

Hannah đáp xuống phi trường Beirut đêm trước khi nàng dự định bay đi Paris. Không một người nào thuộc Mossad tiến đưa cô điệp viên mới, để tránh nguy cơ tai hại cho nàng. Bất cứ một người Do Thái nào bị phát hiện ở Lebanon đều tự động bị bắt giữ ngay lúc trông thấy.

Hannah phải mất hơn một tiếng đồng hồ mới hoàn tất thủ tục hải quan, mặc dù nàng xuất trình một hộ chiếu của Anh, túi sách tay vẫn bị lục soát cùng một ít tiền Lebanon.

Hai mươi phút sau nàng đặt một phòng ở phi trường Hilton. Nàng giải thích với nhân viên tiếp tân rằng nàng sẽ chỉ lưu lại một đêm và trả trước tiền phòng. Nàng đi thẳng lên phòng nàng ở tầng chín và buổi tối hôm ấy không mạo hiểm đi ra ngoài. Nàng chỉ nhận được một cú điện thoại lúc 7 giờ 20. Nghe câu hỏi của Kratz nàng chỉ trả lời: “Vâng” và cắt đường dây.

Nàng leo lên giường lúc 10 giờ 40, nhưng không sao ngủ được mỗi lần quá một tiếng đồng hồ. Thỉnh thoảng nàng lại bật truyền hình để xem phim cao bồi Ý lồng tiếng Lebanon một lát rồi lại cố ngủ một cách chập chờn. Nàng thức dậy lúc bảy giờ kém mười sáng hôm sau, ăn một thanh sôcôla mà nàng tìm thấy trong chiếc tủ lạnh nhỏ xíu, đánh răng và tắm nước lạnh.

Nàng mặc áo quần lấy từ trong túi xách loại mà hồ sơ cho biết Karima thích và ngồi trên góc giường nhìn ảnh mình trong tấm gương. Nàng không thích hình ảnh nàng trông thấy. Kratz đã khẳng khẳng bảo nàng cắt tóc ngắn, họ cũng yêu cầu nàng mang kính gọng thép, mặc dù hai tròng kính không có độ. Nàng đã mang kính suốt tuần lễ vừa qua nhưng vẫn chưa quen và thường quên đeo hoặc tệ hơn, để lạc.

Lúc 8 giờ 19 nàng nhận được một cú điện thoại thứ hai cho nàng biết phi cơ đã rời khỏi Amman với “món hàng” trên đó.

Khi Hannah nghe những nhân viên quét dọn trò chuyện ngoài hành lang sau đó một lát, nàng mở cửa và nhanh nhẹn lật tấm bảng móc ở quả nầm bên ngoài sang mặt: “Xin đừng quấy rầy”. Nàng sốt ruột chờ đợi trong phòng một cú điện thoại báo hoặc “hành lý của cô đã bị thất lạc”, như thế có nghĩa là nàng phải trở lại London bởi vì họ đã thất bại trong việc bắt cóc cô gái, hoặc là “hành lý của cô đã được thu hồi”, mật hiệu cho biết họ đã thành công. Nếu là trường hợp thứ hai nàng phải rời khách sạn ngay tức khắc, đáp chuyến xe bus nhỏ của khách sạn đi phi trường và đến tiệm sách ở tầng trệt, nơi đây nàng phải xem lướt qua cho tới khi nàng bắt được liên lạc. Lúc bấy giờ một người đưa tin sẽ đến bên cạnh Hannah và bỏ lại một gói nhỏ đựng hộ chiếu của Saib với tấm hình đã được thay đổi, vé máy bay mang tên Saib cùng với vé hành lý và các đồ dùng cá nhân đã tìm thấy của cô ta. Sau đó Hannah phải lên chuyến bay đi Paris càng nhanh càng tốt chỉ với một hành lý xách tay mà nàng đã mang theo mình từ London. Khi đã đến Charles de Gaulle nàng phải lấy hành lý của Karima Saib khỏi thang cuốn và tới bãi đậu xe VIP. Người tài xế của Đại sứ Iraq sẽ đến gặp nàng và đưa nàng tới Toà Đại sứ Jordan, tại đây Ban lợi ích Iraq hiện đặt văn phòng, Toà Đại sứ Iraq tại Paris đang chính thức đóng cửa. Kể từ lúc đó, Hannah chỉ còn lại một mình, và bất cứ lúc nào nàng cũng phải tuân theo các chỉ thị của văn phòng Đại sứ, đặc biệt nhớ rằng khác hẳn với đàn bà Do Thái, đàn bà Ả Rập phải phục tùng đàn ông.

Nàng không bao giờ được liên lạc với Toà Đại sứ Do Thái hoặc cố khám phá ai là điệp viên của Mossad ở Paris. Nếu cần thiết, anh ta sẽ tiếp xúc nàng.

— Tôi phải làm gì nếu áo quần của Saib không vừa vặn với tôi? – Nàng đã hỏi Kratz. – Chúng ta đã biết tôi cao hơn cô ta.

— Cô phải mang theo trong cái túi xách của cô vừa đủ cho mấy ngày đầu tiên, – ông ta đã bảo nàng. – Sau đó cô mang những gì cô sẽ cần trong sáu tháng ở Paris. Hai nghìn francs Pháp đã được cấp cho việc này.

— Chắc phải lâu lắm rồi ông không đi mua sắm ở Paris, – nàng đã nói với ông ta. – Như thế này chỉ vừa đủ cho một cái quần Jeans và hai cái T-shirt.

Kratz miễn cưỡng đưa thêm cho nàng năm trăm francs nữa. Lúc 9 giờ 27 chuông điện thoại reo.

Khi Tony Cavalli và ông bố của y bước vào phòng họp ban điều hành, họ ngồi xuống hai chiếc ghế còn lại ở hai đầu bàn, như bất cứ một vị chủ tịch và giám đốc điều hành của một công ty đang hoàng nào khác. Cavalli luôn luôn sử dụng căn phòng lát ván gỗ sồi trong tầng hầm ngôi nhà của bố y ở đường 75 cho những phiên họp như thế này, nhưng không một ai hiện diện tin họ đến đây để điều khiển một phiên họp bình thường của ban điều hành. Họ biết sẽ không có chương trình nghị sự cũng như không có biên bản phiên họp.

Trước mặt sáu uỷ viên điều hành ngồi là một tập giấy, một cây bút chì và một ly nước, như hàng nghìn phiên họp tương tự khắp nước Mỹ vào buổi sáng hôm ấy. Nhưng trong cuộc họp đặc biệt này, trước mặt mỗi một chỗ đều có hai chiếc phong bì, một chiếc mỏng và một chiếc dày cộm, không một ai biết ất giáp gì về vật chứa đựng bên trong.

Đôi mắt của Tony lướt qua các gương mặt của những người chung quanh bàn. Tất cả bọn họ có hai điểm giống nhau: họ đã lên tới đỉnh của nghề nghiệp và họ sẵn sàng vi phạm pháp luật. Hai người trong bọn họ đã từng ngồi tù, mặc dù mấy năm trước đây trong lúc ba người còn lại đáng lẽ cũng đã như thế nếu không có đủ tiền để thuê các luật sư xuất sắc nhất. Người thứ sáu bản thân là một luật sư.

— Thừa quý vị, – Cavalli bắt đầu. – Tôi đã mời quý vị đến gặp tôi buổi tối hôm nay đã thảo luận về một công việc có thể được mô tả là hơi khác thường.

Y dừng lại trong giây lát rồi nói tiếp:

— Chúng tôi đã được một tổ chức yêu cầu lấy trộm “Bản tuyên ngôn Độc lập” ra khỏi National Archives.

Tony lại ngừng một lúc khi tiếng xôn xao bật lên ngay lập tức và những người khách cố thi nhau phát biểu nhận xét của mình.

— Chỉ việc cuốn tròn nó lại và lấy đi.

— Tôi nghĩ chúng ta có thể đút lót mỗi nhân viên ở đó.

— Làm chấn động Nhà Trắng. Tối thiểu đó sẽ là một trò giải trí.

— Cứ viết thư bảo họ rằng ông đã thắng được trong một cuộc biểu diễn trò chơi.

Tony vui lòng chờ đợi các đồng nghiệp của mình tuôn ra những nhận xét lém lỉnh trước khi tiếp lời:

— Đầu tiên tôi cũng đã có phản ứng như thế khi chúng tôi mới bàn qua. Nhưng sau mấy tuần nghiên cứu và chuẩn bị, tôi hy vọng tối thiểu các ông hãy cho tôi một cơ hội trình bày vụ này.

Họ nhanh chóng trở nên trật tự và bắt đầu tập trung vào mỗi lời của Tony, mặc dầu vẻ “hoài nghi” lộ rõ trên mặt họ.

— Trong những tuần lễ vừa qua, bố tôi và tôi đã liên tục nghiên cứu một kế hoạch sơ bộ để lấy trộm Bản tuyên ngôn Độc lập. Bây giờ chúng tôi đã sẵn sàng san sẻ tất cả điều đó với quý vị, bởi vì tôi phải nhìn nhận rằng chúng tôi đã đến lúc không thể tiến tới thêm nữa trong đề án này mà không có các khả năng chuyên môn của mỗi một vị ngồi quanh bàn này. Tôi xin đảm bảo với quý vị rằng việc lựa chọn quý vị không phải là ngẫu nhiên đâu. Nhưng trước hết tôi muốn quý vị xem Bản Tuyên ngôn Độc lập.

Tony bấm một nút phía dưới bàn và cánh cửa phía sau y bật mở. Viên quản gia bước vào phòng mang theo hai tấm kính mỏng kẹp ở giữa một

miếng giấy da. Anh ta đặt khung kính ở chính giữa bàn. Sáu kẻ hoài nghi cùng nghiêng mình tới trước để nghiên cứu tuyệt tác. Phải mất một hồi lâu mới có người phát biểu ý kiến.

— Theo tôi đoán, đây là công trình của Bill O'reilly, – Frank Piemonte, viên luật sư nói trong lúc ông ta nghiêng mình qua để chiêm ngưỡng chi tiết tuyệt hảo của những chữ ký phía dưới bản văn. – Ông ta đã có lần trả tiền giả cho tôi và chắc là tôi đã nhận nếu tôi không quên mặt ông ta.

Tony gật đầu và sau khi tất cả mọi người bỏ thêm một chút thời giờ nghiên cứu tấm giấy da, y nói tiếp:

— Tôi xin nói vắn tắt lại những gì đã trình bày. Chúng tôi không hẳn là đặt kế hoạch lấy trộm Bản tuyên ngôn Độc lập mà là thay thế bản gốc bằng bản sao này.

Một nụ cười hiện ra trên môi của hai trong số khách trước kia đã hoài nghi.

— Bây giờ các ông sẽ biết, – Tony lại nói tiếp, – về số tiền chuẩn bị đã dùng vào công việc này cho tới lúc này, và thật sự số chi phí mà bố tôi và tôi đã bỏ ra. Nhưng lý do khiến chúng tôi vẫn tiếp tục là vì chúng tôi cảm thấy phần thưởng nếu chúng tôi thành công quan trọng hơn rất nhiều mối hiểm nguy đang lâm phải. Nếu quý vị mở chiếc phong bì mỏng trước mặt quý vị, tôi tin tưởng điều chứa đựng trong đó sẽ làm rõ hơn ý kiến của tôi. Bên trong mỗi phong bì quý vị sẽ tìm thấy một mảnh giấy trên đó đã được biết số tiền mà quý vị sẽ nhận được nếu quý vị quyết định trở thành một thành viên của đội điều hành.

Trong lúc sáu người xé chiếc phong bì mỏng trong số hai chiếc của họ, Tony vẫn nói tiếp:

— Khi biết được số tiền liên hệ, nếu quý vị cảm thấy rằng phần thưởng không đáng với mọi hiểm nguy, thì xin rời khỏi đây ngay. Tôi hy vọng rằng những người trong chúng ta chịu ở lại có thể tin chắc vào sự thận trọng của

mình bởi vì như quý vị cũng đều nhận thức được, sinh mạng của chúng tôi sẽ nằm trong bàn tay của quý vị.

— Và của họ trong của chúng ta, – vị chủ tịch lần đầu tiên lên tiếng.

Một chuỗi tiếng cười nổi lên quanh bàn trong lúc mỗi một trong số sáu người nhìn đăm đũa tấm chi phiếu chưa ký tên trước mặt.

— Con số đó, – Tony nói, – Sẽ được trả cho quý vị nếu chúng tôi thất bại. Nếu chúng tôi thành công, tổng số sẽ nhân lên ba lần.

— Như thế chúng tôi sẽ bị án tù nếu bị bắt, – Bruno Morelli lên tiếng lần đầu tiên.

— Nói tóm lại, thưa quý vị, – Cavalli nói, không biết tới lời bình luận kia, – nếu quý vị quyết định tham dự đội điều hành, quý vị sẽ nhận mười phần trăm ứng trước của số tiền để khi quý vị ra về đêm nay và số còn lại trong vòng bảy ngày sau khi hoàn tất hợp đồng. Tiền có thể được trả vào bất cứ ngân hàng nào ở bất cứ nước nào tùy theo quý vị chọn. Trước khi quý vị quyết định, còn có thêm một món tôi muốn tất cả quý vị cùng trông thấy.

Một lần nữa Tony bấm một nút bên dưới bàn và lần này cửa mở ra ở phía xa của căn phòng. Cảnh tượng đón chào họ đã khiến cho hai người trong số khách đứng bật lên, một người há hốc miệng ra và ba người còn lại chỉ nhìn sững với vẻ không tin nổi.

— Thưa quý vị, tôi vui mừng vì quý vị có thể đến gặp tôi ngày hôm nay. Tôi muốn đảm bảo với tất cả quý vị về lời cam kết của tôi cho dự án này và tôi hy vọng quý vị sẽ cảm thấy có thể tham dự vào đội điều hành. Bây giờ tôi phải đi, thưa quý vị, – người đàn ông đứng bên cạnh vị chủ tịch nói bằng giọng vùng núi Ozark đã trở nên quen thuộc với dân chúng Mỹ trong mấy tháng vừa qua, – để cho quý vị có thể nghiên cứu đề nghị của ông Cavalli một cách tường tận hơn. Quý vị có thể tin tưởng rằng tôi sẽ làm mọi điều tôi có thể để giúp đỡ thực hiện sự đổi thay mà đất nước này đang thiếu. Nhưng lúc này, tôi có một vài cuộc hẹn khẩn cấp. Tôi nghĩ chắc là quý vị sẽ thông

cảm.

Anh chàng diễn viên mỉm cười và bắt tay một cách nồng nhiệt với mọi người quanh bàn trước khi ung dung ra khỏi phòng họp ban điều hành.

Tiếng vỗ tay tự nhiên vang lên sau khi cánh cửa đóng lại sau lưng anh ta. Cavalli tự cho phép một nụ cười mãn nguyện.

— Thưa quý vị, bây giờ bố tôi và tôi ra ngoài mấy phút để cho quý vị xem xét quyết định của mình.

Vị chủ tịch và viên giám đốc điều hành đứng lên không nói một lời nào khác nữa và rời khỏi phòng.

— Bố nghĩ sao? – Tony hỏi trong lúc y rót cho bố một ly Whisky pha nước lấy từ tủ trong văn phòng của y.

— Nhiều nước, – ông ta trả lời. – Bố có cảm nghĩ có lẽ chúng ta phải ở đây suốt đêm.

— Nhưng họ chấp nhận chứ?

— Không thể chắc chắn được, – ông già trả lời. – Bố đã quan sát gương mặt của họ trong lúc con trình bày vấn đề và chắc như đinh đóng cột họ không hề nghi ngờ công việc con đã đề nghị. Tất cả bọn họ đều thán phục tấm giấy da và màn trình diễn của Lloyd Adams, nhưng ngoại trừ Bruno và Frank họ không chịu nói gì nhiều.

— Ta hãy bắt đầu với Frank, – Tony nói.

— Thoạt tiên nói vào rồi lại nói ra, như bản tính của Frank, nhưng ông ta rất thích tiền nên khó lòng bỏ qua một đề nghị ngon lành như thế này.

— Bố tin thế sao? – Tony hỏi.

— Không phải vì tiền, – bố y trả lời. – Frank đâu có cần đến đó ngay hôm nay? Thế thì ông ta sẽ lấy phần mình bất kể chuyện gì xảy ra. Bố chưa bao giờ gặp một luật sư nào muốn làm một sĩ quan giỏi. Bọn họ đã quá quen được

trả tiền dù họ thắng hay bại.

— Nếu bố nói đúng, Al Calabrese có thể trở nên một vấn đề rắc rối. Ông ta là người mất mát nhiều nhất.

— Với tư cách lãnh đạo công đoàn của chúng ta, ông ta nhất định sẽ phải có mặt ở ngoài đó giữa sân khấu gần như suốt ngày, nhưng bố tin chắc ông ta sẽ không thể nào chịu đựng nổi sự thách thức.

— Còn Bruno thì sao? Nếu...

Viên giám đốc điều hành đang nói đã phải ngừng ngay lại khi cửa lại mở tung ra và Al Calabrese bước vào phòng.

— Chúng tôi vừa nói về ông đây, Al, – Tony nói tiếp.

— Tôi hy vọng không quá lễ độ.

— Điều đó còn tùy...

— Tùy theo tôi có nhập cuộc hay không chứ gì?

— Hay là ra ngoài, – vị chủ tịch nói.

— Tôi đang nhập cuộc đến tận cổ, đó là câu trả lời, – Al mỉm cười nói. – Như vậy, ông nên có một kế hoạch rõ ràng để giới thiệu với chúng tôi.

Ông ta quay người để nhìn thẳng vào mặt Tony và nói tiếp:

— Bởi vì tôi không muốn sống quãng đời còn lại của mình trên đầu bảng truy nã của nước Mỹ.

— Còn những người khác? – Vị chủ tịch hỏi trong lúc Bruno đi lướt qua họ, thậm chí không nói một lời chào từ biệt.

CHƯƠNG 10

Hannah hồi hộp nắm lấy máy điện thoại đang reo chuông.

— Thưa cô, đây là tiếp tân. Chúng tôi chỉ muốn biết cô có định trả phòng trước mười hai giờ trưa hay là cô cần giữ phòng thêm một đêm nữa.

— Không, cảm ơn. – Hannah nói. – Tôi sẽ đi lúc mười hai giờ trưa.

Hai phút sau, điện thoại lại reo. Lần này là Đại tá Kratz.

— Ai vừa nói chuyện với cô thế?

— Tiếp tân hỏi tôi lúc nào tôi trả phòng.

— Tôi hiểu, – Kratz nói. – Hành lý của cô đã được thu hồi.

Hannah đặt điện thoại xuống và đứng lên. Nàng cảm thấy một niềm hưng phấn chạy suốt cơ thể trong lúc nàng chuẩn bị cho cuộc thử nghiệm thực sự đầu tiên của mình.

Nàng nhấc cái túi du lịch nhỏ lên tay và rời khỏi phòng, lật tấm bảng hiệu trên cửa sang mặt “Xin dọn phòng cho tôi”.

Lúc đã đến phòng chờ, nàng chỉ phải đợi ít phút trước khi chiếc bus nhỏ của khách sạn trở về từ phi trường theo lộ trình quay vòng. Nàng ngồi một mình ở phía sau trong đoạn đường ngắn tới khu vực khởi hành, rồi đi thẳng tới tiệm sách như đã được chỉ dẫn. Nàng bắt đầu xem lướt qua các cuốn sách bìa cứng, ngạc nhiên vì người Lebanon đọc quá nhiều tác giả Mỹ và Anh.

— Cô có biết tôi có thể đổi tiền lẻ ở đâu không, thưa cô?

Hannah quay lại, trông thấy một mục sư đang vừa mỉm cười với nàng vừa nói tiếng Ả Rập bằng một giọng nhẹ thuộc vùng Trung Đại tây dương.

Hannah liền xin lỗi và trả lời bằng tiếng Ả Rập rằng nàng không biết đổi tiền lẻ ở đâu nhưng có lẽ cô gái ở quầy tiếp tân có thể giúp ông ta.

Lúc nàng quay trở lại, Hannah nhận thấy một người khác đang đứng bên cạnh nàng. Ông ta lấy một cuốn *A Suitable Boy* khỏi kệ và thay vào đó một gói nhỏ.

— Chúc may mắn, – ông ta khẽ nói và bỏ đi trước cả khi nàng kịp trông thấy mặt ông ta.

Hannah lấy gói đồ khỏi kệ và thông thả đi ra khỏi tiệm sách. Nàng bắt đầu tìm quầy ghi tên máy bay đi Paris. Hoá ra đó lại là nơi sắp hàng dài nhất.

Khi tới phía trước, Hannah yêu cầu một chỗ không hút thuốc. Cô gái đằng sau quầy kiểm tra vé của nàng, rồi bắt đầu gõ lên bàn phím máy vi tính.

— Cô có khó chịu vì phải ngồi ở ghế đã được sắp xếp trước cho cô, cô Saib? – Cô ta hỏi với vẻ bối rối.

— Không, tốt thôi, – Hannah nói tự nguyện rửa mình đã phạm phải một sai lầm đơn giản như thế. – Xin lỗi đã làm phiền cô.

— Chuyến bay sẽ lên tàu ở cổng 17 trong vòng mười lăm phút, – cô gái nói thêm với một nụ cười.

Một người đàn ông đang giả vờ đọc cuốn tiểu thuyết của Vikram Seth mà ông ta vừa mới mua ở quầy sách trong lúc máy bay cất cánh. HÀi lòng vì đã thực hiện các chỉ thị, ông ta đi đến buồng điện thoại gần nhất và gọi đầu tiên cho Paris rồi cho Đại tá Kratz để xác nhận rằng “con chim đã bay”.

Người đàn ông mặc chiếc áo thun mục sư cũng quan sát cô Saib lên máy bay và cũng gọi một cú điện thoại, nhưng không phải tới Paris hoặc London, mà tới Dexter Hutchins ở Langley, Virginia.

Cavalli và bố y bước trở về phòng và một lần nữa giành lấy hai chỗ ngồi ở hai đầu bàn. Một chiếc ghế không có người ngồi.

— Bruno thật quá tệ, – vị chủ tịch liếm môi nói. – Chúng ta chỉ cần tìm một người khác để gây chiến.

Cavalli mở một trong sáu hồ sơ trước mặt y. Hồ sơ được đánh dấu “vận chuyển”. Y đưa một bản sao cho Al Calabrese.

— Ta hãy bắt đầu với đoàn xe hộ tống Tổng thống, Al. Tôi sẽ cần tối thiểu sáu chiếc xe hơi loại sang trọng, sáu cảnh sát viên đi mô tô, hai hoặc ba xe tham mưu, hai chiếc xe tải với máy quay phim giám sát và một đội phân công trong một chiếc Chevy Suburban màu đen, tất cả bọn họ đều có thể lọt qua mọi con mắt tinh nhất. Tôi cũng sẽ cần thêm một chiếc xe tải sẽ đưa Nhà Trắng lên khắp mạng truyền thông đại chúng. Đừng quên đoàn xe hộ tống sẽ được kiểm tra cẩn thận hơn xe tuần lễ trước, khi chúng ta chỉ cần nhấn còi vào lúc cuối rồi cứ tiếp tục trong mấy giây đồng hồ. Phải có một người nào đó trong đám đông hoặc là làm việc trong chính phủ hoặc là một người hâm mộ Nhà Trắng. Thường thường chính bọn trẻ con phát hiện những sai lầm sơ đẳng nhất rồi kể lại với cha mẹ chúng.

Al Calabrese mở tập hồ sơ và thấy mấy chục tấm hình chụp đoàn xe hộ tống của Tổng thống đang rời khỏi Nhà Trắng để chạy đến Quốc hội. Kèm theo tập hình là nhiều trang ghi chú.

— Bao lâu ông mới sắp xếp xong mọi việc? – Cavalli hỏi.

— Ba tuần, có lẽ bốn. Tôi đã có sẵn hai chiếc xe lớn đủ điều kiện và một chiếc chống đạn mà chính phủ vẫn thường mượn khi các ông lớn thuộc loại thứ yếu viếng thủ đô. Tôi nghĩ tiêu ngữ cuối cùng mà chúng tôi đã sơn lên cửa là Urugllay và ông khách đáng thương đó thậm chí không hề được gặp Tổng thống. Rốt cuộc chỉ được Warren Christopher tiếp trong hai mươi lăm phút.

— Nhưng bây giờ là phần gay go, Al. Tôi cần sáu vệ sỹ lái mô tô cảnh sát,

và tất cả đều mắc đồng phục đúng mức.

— Như thế thì phải lâu hơn.

— Không được lâu hơn nữa, Al. Một tháng là tối đa cho tất cả chúng ta.

— Không dễ như vậy đâu, Tony, Chắc chắn tôi không thể đăng một mục quảng cáo trên Washington Post để nhờ cảnh sát...

— Có thể chứ, Al. Lát nữa tất cả quý vị sẽ thấy tại sao. Hầu hết quý vị quanh bàn này chắc là đang thắc mắc tại sao được vinh dự gặp mặt Johnny Scasiatore, một người được đề cử giải Oscar về đạo diễn phim *Người luật sư trung thực*.

Điều mà Cavalli không nói thêm là vì cảnh sát đã bắt gặp Johnny ở trên giường với một cô bé mười hai tuổi, cho nên các phim trường đã không còn liên lạc thường xuyên như trước nữa.

— Tôi đang bắt đầu thắc mắc đây, – Johnny nhìn nhận.

Viên giám đốc điều hành mỉm cười.

— Sự thật là ông chính là lý do giúp chúng tôi có thể thực hiện thành công toàn bộ kế hoạch này. Bởi vì ông sẽ điều khiển mọi việc.

— Các ông định lấy trộm bản Tuyên ngôn Độc lập đồng thời quay một cuốn phim? – Johnny hỏi với vẻ không tin.

Cavalli chờ cho tiếng cười rộ lên quanh bàn lắng xuống mới trả lời:

— Không hẳn như vậy. Nhưng mọi người ở Washington ngày hôm ấy sẽ tin rằng ông đang làm một cuốn phim, không phải về việc chúng tôi lấy trộm bản Tuyên ngôn Độc lập mà về việc Tổng thống thăm Quốc hội. Sự việc ông ta ghé vào Viện Bảo tàng lịch sử Quốc gia trên đường đi điện Capitol là một điều họ sẽ không cần biết.

— Tôi nghe không kịp, – Frank Piemonte, viên luật sư của đội nói. – Ông có thể chậm hơn một chút được không?

— Được chứ, Frank, bởi vì đây là phần việc của ông. Tôi cần một giấy phép của thành phố ngừng lưu thông giữa Nhà Trắng và Quốc hội trong một tiếng đồng hồ vào bất cứ ngày nào tôi sẽ chọn vào tuần sau trong tháng năm. Ông cứ thương lượng với phòng quay phim và truyền hình của thành phố.

— Tôi sẽ viện lý do gì? – Piemonte hỏi.

— Lý do Johnny Scasiatore, nhà đạo diễn xuất chúng muốn quay phim Tổng thống Mỹ trên đường đến Thượng viện để đọc diễn văn trước một phiên họp chung của Quốc hội.

Piemonte có vẻ nghi ngờ trong lúc Cavalli nói tiếp:

— Năm ngoái Clint Eastwood đã làm việc đó, vì vậy không có lý do gì ông không làm được.

— Thế thì ông nên bỏ ra 250.000 đô la cho Hội Thân hữu cảnh sát, trụ sở 1, – Piemonte gợi ý. – Và ông Thị trưởng có lẽ sẽ đòi hỏi một số tiền tương đương cho quỹ tái bầu cử.

— Ông có thể dứt lốt bất cứ viên chức nào của thành phố mà ông quen biết, – Tony nói tiếp. – Và tôi cũng muốn mọi thành viên thuộc lực lượng cảnh sát thành phố do chúng ta tuyển chọn đều được hối lộ cho ngày hôm ấy. Tất cả bọn họ đều phải tin tưởng rằng chúng ta đang quay một phim về vụ tấn công Tổng thống.

— Ông có một khái niệm nào về chi phí cho một việc như thế này? – Johnny Scasiatore hỏi.

— Có chứ, tôi đã xem kỹ ngân sách cuốn phim cuối cùng của ông và đã lập bản kê khai cho vụ đầu tư của tôi, – Tony trả lời rồi quay sang viên cựu thủ lĩnh Nghiệp đoàn xe tải nặng và nói với ông ta. – A này, Al, sáu mươi cảnh sát viên trong quận Columbia sẽ về hưu vào tháng tư. Ông có thể tận dụng họ càng nhiều càng tốt theo yêu cầu của ông. Cứ bảo họ đây là một cảnh cần đông người và trả họ gấp đôi.

Al Calabrese ghi chú thêm vào tập hồ sơ của ông ta.

— Bây giờ, mấu chốt cho sự thành công của công việc này, – Tony lại nói tiếp, – là sự tắc nghẽn giao thông một phần từ ngã tư đường 7 và đại lộ Pennsylvania đến Viện Bảo tàng lịch sử quốc gia.

Y mở một tấm hoạ đồ lớn của Washington và đặt ở giữa bàn rồi lướt ngón tay dọc theo đại lộ Constitution và nói với viên đạo diễn:

— Sau khi họ rời khỏi ông, Johnny, đó là chuyện nghiêm túc đấy.

— Nhưng tôi vào và ra khỏi Viện bảo tàng lịch sử bằng cách nào?

— Đó không phải là việc của ông, Johnny. Sự đóng góp của ông kết thúc khi sáu chiếc mô tô và đoàn xe hộ tống Tổng thống quẹo phải vào đường 7. Từ đó trở đi là việc của Gino.

Cho tới lúc đó, Gino Sartori, một cựu thủy quân lục chiến đang điều hành tổ chức làm tiền bằng cách bảo kê tốt nhất ở phía tây, không hề nói gì. Luật sư của ông ta đã bảo ông ta nhiều lần: “Đừng nói trừ khi tôi bảo ông nói.” Luật sư của ông ta không có mặt, vì thế ông ta không mở miệng...

— Gino, ông sẽ cung cấp cho tôi dữ kiện nặng. Tôi cần tám nhân viên mật vụ hành động như một đội phản công, tốt nhất là do chính phủ huấn luyện và có trình độ cao. Tôi chỉ dự tính ở trong toà nhà khoảng hai mươi phút, nhưng chúng ta sẽ phải tính toán thật kỹ từng giây của thời gian đó. Debbie sẽ tiếp tục hoạt động với vai trò của một nữ thư ký và Angelo sẽ mặc đồng phục hải quân và xách một vali nhỏ màu đen. Tôi sẽ ở đó với tư cách phụ tá của Tổng thống, cùng với Dollar Bill với tư cách bác sĩ của Tổng thống.

Bố y ngược lên, cau mày.

— Con sẽ ở bên trong toà nhà Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia khi diễn ra vụ đánh tráo hay sao?

— Vâng, – Tony trả lời một cách quả quyết. – Con sẽ là người duy nhất biết từng phần của kế hoạch và chắc chắn con sẽ không quan sát một vụ từ

via hè.

— Tôi xin hỏi một câu, – Gino nói. – Nếu tôi chỉ nói giả sử tôi có thể cung cấp khoảng hai chục người mà ông cần, xin cho tôi biết điều này, khi chúng tôi tới Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, có phải họ sẽ ra mở cửa, mời chúng tôi vào, rồi trao cho tôi bản Tuyên ngôn Độc lập.

— Đại loại như thế, – Cavalli đáp. – BỐ tôi vẫn dạy tôi rằng kết thúc thành công của bất cứ công việc nào cũng luôn luôn do chuẩn bị tốt. Tôi còn một điều ngạc nhiên nữa dành cho ông.

Một lần nữa mọi người đều quan tâm đến y trong lúc y nói tiếp:

— Chúng tôi có trợ lý đặc biệt cho Tổng thống trong Nhà Trắng. Tên ông ta là Rex Butterworth và ông ta được Bộ Thương mại giao nhiệm vụ tạm thời trong sáu tháng. Ông ta trở về với công việc cũ khi người do Clinton chỉ định đã hoàn tất hợp đồng ở Little Rock và đến làm việc ở văn phòng Tổng thống. Đó là một lý do khác khiến chúng ta phải hành động trong tháng năm.

— Thuận tiện, – Frank nói.

— Không hẳn thế, – Cavalli nói. – Hoá ra là Tổng thống có tới bốn mươi sáu trợ lý đặc biệt cùng một lúc và khi Clinton bày tỏ mối quan tâm trong lĩnh vực thương mại, Butterworth tình nguyện làm việc đó. Ông ta đã cung cấp cho chúng tôi một số thông tin trong thời gian qua, và đây sẽ là vụ lớn nhất ông ta từng làm được cho chúng tôi. Vì nhiều lý do hiển nhiên, đây cũng sẽ là nhiệm vụ cuối cùng của ông ta.

— Có thể tin ông ta chứ? – Frank hỏi.

— Ông ta có tên trong bảng lương mười lăm năm nay và bà vợ thứ ba của ông ta có vẻ hơi cao giá.

— Hãy chỉ cho tôi một người không cao giá.

— Butterworth đang cần một món tiền lớn để giúp ông ta thoát khỏi cơn rắc rối và đây là cơ hội. Và cũng nhờ vậy mà tôi gặp được ông, ông Vicente

với tư cách một người bạn thân của bố tôi và một trong những người điều hành du lịch lớn nhất ở Manhattan.

— Đó là mặt hợp pháp trong hoạt động kinh doanh của tôi, – Người đàn ông đứng tuổi ngồi bên phải vị chủ tịch nói.

— Tôi không có ý nghĩ đó đâu. – Tony hứa. – Sau khi chúng tôi đã lấy được bản Tuyên ngôn, chúng tôi cần phải giấu kỹ trong vài ngày rồi chuyển lậu ra nước ngoài.

— Chừng nào mà không có một ai nhận ra nó đã bị lấy đi và tôi được cho biết trước ông muốn đưa nó đi đâu, thì công việc đó sẽ đơn giản thôi.

— Ông sẽ được một tuần, – Cavalli nói.

— Tôi cần hai tuần thì tốt hơn, – Vicente nhếch mày nói.

— Không Nick, ông chỉ được một tuần, – viên giám đốc điều hành nhắc lại.

— Ông có thể cho tôi biết nó sẽ chu du bao xa? Mấy nghìn cây số? Và đối với ông đó là COD^[24] đấy bởi vì nếu ông không giao hàng được thì không một ai trong chúng ta được trả tiền.

— Điều đó dễ hiểu thôi. Nhưng tôi còn cần biết nó phải được vận chuyển như thế nào. Trước hết tôi sẽ phải giữ bản Tuyên ngôn giữa hai tấm kính trong suốt thời gian.

— Chính tôi cũng còn chưa biết, – Cavalli đáp. – Tôi hy vọng ông có thể cuốn tròn nó lại và bỏ vào trong một cái ống thuộc loại nào đó: Tôi có sẵn một cái được chế tạo cho việc này.

— Có phải điều đó giải thích tại sao tôi có mấy tờ giấy trắng trong hồ sơ của tôi? – Nick hỏi.

— Phải, Tony nói. Trừ việc mấy tờ đó không phải là giấy thường mà là giấy da, mỗi một tờ trong số đó có hai chiều là 743 ly và 616 ly, kích thước

chính xác của bản Tuyên ngôn Độc lập.

— Như thế giờ đây tất cả những gì tôi phải hy vọng là mỗi nhân viên hải quan và đội tuần tra bờ biển sẽ không truy lùng nó.

— Tôi muốn ông phỏng đoán cả thế giới sẽ truy lùng nó, – Cavalli trả lời. – Ông không bao giờ được trả nhiều tiền như thế này để làm một việc mà tôi có thể giải quyết bằng một cú điện thoại cho hàng Federal Express.

— Tôi đã nghĩ ông có thể nói như thế. – Nick bảo. – Tuy nhiên tôi cũng đã gặp vấn đề tương tự khi ông muốn lấy trộm bức *Vermeer of Russborough* và hải quan Ireland vẫn còn chưa thể giải nghĩa được tôi đã đưa bức tranh ra khỏi nước bằng cách nào.

Cavalli mỉm cười.

— Thế là giờ đây tất cả chúng ta đều biết điều gì được trông đợi từ phía chúng ta. Và tôi nghĩ trong tương lai chúng ta cần gặp nhau tối thiểu hai lần mỗi tuần trong giai đoạn đầu vào mỗi Chủ nhật lúc ba giờ và mỗi thứ Năm lúc sáu giờ, để biết chắc không một ai trong chúng ta không thực hiện đúng chương trình. Chỉ cần một người không đồng bộ là không một người nào khác có thể cứ động.

Cavalli ngược lên và được chào mừng bởi những cái gì gật đầu đồng ý. Điều khiến cho y luôn luôn bị mê hoặc là tội ác có tổ chức cũng cần phải được điều hành một cách có hiệu quả như bất cứ một công ty thông thường nào nếu hy vọng có lãi cổ phần.

— Như vậy chúng ta sẽ họp lại vào thứ Năm sắp tới lúc sáu giờ.

Tất cả năm người cùng gật đầu và ghi vào sổ tay.

— Bây giờ quý vị có thể mở phong bì thứ hai của quý vị.

Một lần nữa, năm người xé mở chiếc phong bì của họ và mỗi người rút ra một tập dày gồm những giấy bạc một nghìn đô la.

Viên luật sư bắt đầu đếm từng tờ.

— Tiền ứng trước, – Tony giải thích. – Các khoản chi phí sẽ được thanh toán cuối mỗi tuần, kèm theo biên nhận nếu có thể.

Tony chợt quay sang viên đạo diễn.

— Và Johnny, đây không phải là phim *Công Thiên Đường* mà chúng tôi đang cấp vốn.

Scasiatore cố nở một nụ cười.

— Xin cảm ơn quý vị, – Tony vừa nói vừa đứng lên. – Tôi ước mong gặp lại tất cả quý vị vào ngày thứ Năm sắp tới lúc sáu giờ.

Năm người đứng lên và đi ra cửa, từng người một dừng chân để bắt tay với ông bố của Tony trước khi rời khỏi phòng họp. Tony tiễn họ ra tận xe. Khi người cuối cùng đã lái xe đi, y trở lại gặp bố y và qua văn phòng, xoay ly Whisky trên tay trong lúc ngắm nghía bản sao hoàn hảo của bản Tuyên ngôn mà Dollar Bill đã định huỷ bỏ.

CHƯƠNG 11

— Tôi muốn gặp ông Calder Marshall?

— Rất tiếc lúc này không được. Ông viện trưởng đang họp. Xin cho tôi biết ông là ai?

— Tôi là Rex Butterworth, trợ lý đặc biệt của Tổng thống. Có lẽ ông Viện trưởng sẽ vui lòng gọi lại tôi khi ông ấy họp xong. Ông ấy sẽ tìm tôi ở Nhà Trắng.

Rex Butterworth đặt máy điện thoại xuống mà không chờ nghe những gì vẫn thường xảy ra mỗi khi người ta được biết cú điện thoại gọi từ Nhà Trắng: “Ồ tôi chắc là có thể gọi ông ấy ra khỏi phòng họp, thưa ông Butterworth. Ông vui lòng chờ một chút?” Nhưng đó không phải là điều Butterworth muốn.

Không, ông trợ lý đặc biệt cần Calder Marshall đích thân gọi lại, bởi vì một khi ông ta gọi qua tổng đài điện thoại của Nhà Trắng, Marshall sẽ bị dính. Butterworth cũng nhận thức rằng với tư cách một trong bốn mươi sáu trợ lý đặc biệt của Tổng thống và trong trường hợp của ông ta chỉ mang một nhiệm vụ tạm thời, tổng đài thậm chí có thể không nhận rõ tên ông ta. Một chuyến viếng thăm chớp nhoáng đến căn phòng nhỏ nơi tá túc của các nhân viên tổng đài Nhà Trắng đã giải quyết vấn đề đó.

Ông ta nhip ngón tay lên bàn và nhìn chăm chăm với vẻ mãn nguyện xuống tập hồ sơ trước mặt. Một trong hai nhân viên phụ trách việc sắp đặt chương trình của Tổng thống đã có thể cung cấp cho ông ta thông tin cần thiết. Tập hồ sơ tiết lộ ông Viện trưởng đã mời ba Tổng thống vừa qua – Bush, Reagan và Carter – đến thăm Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, nhưng

do “đang có quá nhiều công việc khẩn cấp” không một ai trong ba vị đó tìm được thời giờ.

Butterworth biết rất rõ ràng Tổng thống nhận bình quân 1.700 lời thỉnh cầu mỗi tuần liên quan đến một chức năng nào đó. Bức thư sau cùng của ông Marshall, đề ngày 22 tháng 1 năm 1993, đã được phúc đáp rằng mặc dầu Tổng thống không thể chấp nhận lời mời ân cần của ông ta vào lúc này, ông Clinton hy vọng sẽ có cơ hội thực hiện việc đó vào một ngày nào đó trong tương lai – kiểu phúc đáp tiêu chuẩn mà khoảng 1.699 lời thỉnh cầu trong túi đựng thư hàng tuần có thể nhận được.

Nhưng vào dịp này, điều mong muốn của ông Marshall sắp sửa được chấp thuận. Butterworth tiếp tục gõ nhịp ngón tay trên bàn trong lúc ông ta tự hỏi bao lâu sau Marshall mới sẽ gọi lại. Theo ông ta đoán thì có lẽ chưa đầy hai phút. Ông ta cho phép tâm trí mình nghĩ lại các sự kiện của tuần trước.

Khi Cavalli mới nói qua ý kiến với Butterworth, ông ta đã bật cười lớn hơn bất cứ ai trong số sáu người đã tụ họp quanh bàn trong tòa nhà ở đường 75, nhưng sau khi nghiên cứu tấm giấy da trong hơn một tiếng đồng hồ mà vẫn không sao nhận thấy điểm sai sót, rồi sau đó gặp Lloyd Adams, ông ta bắt đầu tin, như những người hoài nghi khác rằng việc thay đổi Bản tuyên ngôn rất có khả năng thực hiện được.

Trong lúc ông ta nằm thức đêm hôm ấy nghĩ về lời đề nghị, ông ta cũng đi tới kết luận rằng Cavalli không thể tiến thêm bước kế tiếp nếu không có ông ta, và quan trọng hơn nữa vai trò của ông ta trong việc lừa gạt có lẽ sẽ rất dễ thấy trong vòng mấy phút sau khi vụ trộm bị phát giác và nếu thế ông ta có thể kết thúc đoạn đời còn lại trong Leavenworth^[25]. Ngược lại khả năng đó ông ta phải cân nhắc thực trạng ông ta đã năm mươi bảy tuổi, chỉ còn ba năm nữa là tới hưu trí và bà vợ thứ ba đang yêu cầu cuộc ly hôn mà ông ta không thể có đủ điều kiện để giải quyết.

Butterworth không còn mơ ước thăng tiến được nữa. Giờ đây ông ta chỉ cố gắng chấp nhận sự kiện có lẽ ông ta sẽ phải trải qua quãng đời còn lại một

mình, ráng sống qua ngày bằng số tiền trợ cấp ít ỏi của chính phủ.

Cavalli cũng biết rõ các sự việc đó và đề nghị một triệu đô la – một trăm nghìn ngay khi ông ta ký tên gia nhập, chín trăm nghìn còn lại vào ngày diễn ra vụ đánh tráo và một tấm vé hạng nhất đến bất cứ quốc gia nào trên trái đất, hầu như để thuyết phục Butterworth nên chấp nhận đề nghị của Cavalli.

Nhưng chính Maria là người đã làm nghiêng cán cân về phía Cavalli. Trong một hội nghị thương mại ở Brazil năm ngoái, Butterworth đã gặp một cô gái địa phương trả lời hầu hết các câu hỏi của ông ta trong ngày hôm ấy và phần còn lại trong đêm. Ông ta đã gọi điện thoại cho cô buổi sáng sau lần tiếp cận đầu tiên của Cavalli. Maria có vẻ thích thú khi nhận cú điện thoại của ông ta, một niềm thích thú trở nên tượng thanh hơn khi cô được biết rằng ông ta sắp sửa rời bỏ công tác do được hưởng một gia tài vừa phải, và đang nghĩ tới việc ra nước ngoài sinh sống.

Viên trợ lý đặc biệt của Tổng thống tham gia đội ngày hôm sau. Ông ta đã tiêu gần hết một trăm nghìn đô la vào cuối tuần, trang trải nợ nần và thanh toán tiền cấp dưỡng cho hai bà vợ đầu. Với số tiền còn lại chỉ có vài trăm nghìn, giờ đây ông ta không có gì để làm ngoại trừ tự hứa hết lòng với kế hoạch. Ông ta không có một phút giây nào nghĩ tới việc đổi ý bởi vì ông ta biết mình không bao giờ có thể hy vọng trả lại số tiền đó. Ông ta không quên rằng người mà ông ta thay thế trên bảng lương của Cavalli đã một lần không trả lại đủ số tiền sau khi cam kết. Một lần là đủ. Ông bố của Cavalli đã cho chôn vùi gã dưới Trung tâm Thương mại Thế giới, khi gã thất bại trong việc lấy cho bằng được hợp đồng xây dựng. Một cuộc ra đi tương tự không hấp dẫn với Butterworth một chút nào.

Suốt nhiều năm qua, Butterworth đã phục vụ tốt cho gia đình Cavalli. Những cuộc hội thảo với các chính trị gia đã được dàn xếp trong một thời gian ngắn, những lời nói đã được cho lọt vào tai các viên chức thương mại do một người có vị trí cao tại Washington, và mẫu tin nội bộ kỳ cục đã được truyền tai nhau, bảo đảm rằng của chính ông ta về giá trị thực của mình.

Chuông điện thoại reo trên bàn của Butterworth, như ông ta đã tiên đoán, trong gần hai phút nhưng ông ta cứ để cho nó tiếp tục reo một lúc lâu mới nhắc máy lên. Thư ký tạm thời của ông ta thông báo rằng có một ông Marshall đang ở trên đường dây và xin được nói chuyện với ông ta.

— Được thôi, cảm ơn cô Daniels.

— Ông Butterworth? – một giọng nói hỏi.

— Vâng.

— Tôi là Calder Marshall ở viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia. Tôi được biết ông đã điện thoại cho tôi trong lúc tôi đang họp. Tôi xin lỗi và đã không gặp được ông lúc đó.

— Không sao, ông Marshall. Tôi chỉ muốn hỏi ông có thể ghé qua Nhà Trắng hay không. Có một vấn đề riêng tư tôi muốn bàn luận với ông.

— Tất nhiên, ông Butterworth. Lúc nào thuận tiện cho ông?

— Tôi rất bận cho tới cuối tuần này, – Butterworth vừa nói vừa nhìn xuống những trang giấy trắng trong cuốn sổ tay. – Nhưng Tổng thống đi vắng vào đầu tuần tới vì thế có lẽ chúng ta có thể sắp xếp gặp nhau vào lúc đó?

Cả hai người cùng dừng lại một lát và Butterworth phỏng đoán Marshall đang kiểm tra lại sổ tay.

— Thứ Ba 10 giờ sáng, được không ạ? – Cuối cùng vị Viện trưởng hỏi.

— Để tôi xem lại sổ tay của tôi, – Butterworth vừa nói vừa nhìn vào khoảng không. – Vâng tốt lắm. Tôi có một cuộc hẹn khác lúc 10 giờ 30, nhưng tôi tin chắc chúng tôi sẽ sắp xếp mọi việc cần thiết để tiếp chuyện với ông vào lúc đó. Có lẽ xin ông vui lòng đến lối vào văn phòng điều hành cũ ở đại lộ Pennsylvania. Sẽ có một người ở đó để gặp ông và sau khi ông đã được kiểm tra an ninh người ta sẽ đưa ông lên văn phòng của tôi.

— Lối vào ở đại lộ Pennsylvania, – Marshall nói. – Tất nhiên.

— Xin cảm ơn ông Marshall. Tôi ước mong được gặp ông vào ngày thứ Ba sắp tới lúc mười giờ. – Butterworth nói trước khi đặt ống nghe xuống.

Viên trợ lý đặc biệt của Tổng thống mỉm cười trong lúc quay số điện thoại riêng của Cavalli.

Scott hứa với Dexter Hutchins anh sẽ ở gần đây khi cậu con trai của Dexter đến Yale để dự cuộc phỏng vấn nhập học.

— Nó đồng ý tôi đi cùng, – Dexter nói. – Như thế tôi sẽ có dịp cho anh biết thông tin mới nhất về vấn đề chúng ta đang quan tâm liên quan tới người Do Thái. Và tôi còn có thể phát hiện ra một điều khiến anh phải say mê.

— Dexter, nếu anh đang hy vọng rằng tôi có thể đưa con trai của anh vào Yale để đổi lấy một công việc trên chiến địa, tôi nghĩ tôi cần phải cho anh hay tôi hoàn toàn không có ảnh hưởng nào đến với phòng thu nhận sinh viên.

Tiếng cười của Dexter khua vang điện thoại trong lúc Scott nói tiếp:

— Nhưng tôi sẽ rất vui mừng giới thiệu nơi này cho cả hai bố con anh và hết lòng giúp đỡ cậu bé nếu được.

Dexter Jr. hoá ra không thể giống ông bố hơn: cao 1 mét 75, thân hình vạm vỡ, râu lún phún, và cũng có thói quen gọi bất cứ vật gì chuyển tông bằng “ông”. Sau một tiếng đồng hồ tản bộ quanh vùng, khi cậu bé hỏi bố để tham dự cuộc phỏng vấn với ông trưởng phòng thu nhận, vị giáo sư Luật hiến pháp đưa vị Phó giám đốc CIA trở lại phòng của anh. Cánh cửa chưa kịp khép lại, Dexter đã đốt một điếu xì gà. Sau khi hút vài hơi ông nói:

— Anh đã có thể hiểu được bản tin mã hoá do nhân viên của chúng tôi ở Beirut chuyển tới chứ?

— Tôi chỉ hiểu rằng mỗi người tham gia cộng đồng tình báo đều có một lý do riêng kỳ lạ để muốn làm việc đó. Trong trường hợp của tôi, đó là vì bố tôi và tính cả quyết của một hướng đạo sinh muốn cân đối sổ sách kế toán một cách có đạo đức. Trong trường hợp của Hannah Kopec, Saddam Hussein đã giết sạch gia đình cô ta, và với một động cơ mãnh liệt như thế, tôi không muốn gặp phải cô ta một chút nào.

— Nhưng đó lại chính là việc tôi đang hy vọng anh sẽ làm, – Dexter nói. – Anh vẫn luôn luôn bảo anh muốn được thử nghiệm trên chiến địa. Thế thì đây có lẽ là cơ hội tốt cho anh.

— Ông đang nói một cách đúng đắn đấy chứ?

— Học kỳ mùa xuân của Yale sắp sửa kết thúc, phải không?

— Vâng. Nhưng như thế không có nghĩa là tôi không có nhiều việc để làm.

— Tôi hiểu mà. Mười hai lần một năm anh làm một nhà nghiệp dư hạnh phúc mỗi khi có việc gì phù hợp với anh. Nhưng cũng có lúc anh phải nhúng tay vào bùn dơ...

— Tôi không có ý nói như thế.

— Thế thì, anh hãy nghe tôi nói đây. Trước hết, chúng tôi biết Hannah Kopec là một trong tám cô gái được chọn lọc từ một trăm người để đến London học tiếng Ả Rập trong sáu tháng. Trước đó là một khoá học tập trung về thể lực kéo dài một năm tại Herzliyah, nơi đây các học viên được huấn luyện đủ các môn tự vệ thông thường, tránh né và công việc giám sát. Các bản báo cáo về cô ta đều xuất sắc. Thứ hai, nhờ tán gẫu với bà vợ của ông chủ nhà trọ trong tiệm Sarisbury ở Camden, toán chúng tôi mới khám phá ra cô ta đã bất thành tình bỏ đi, mặc dầu cô ta gần như chắc chắn có ý định trở về Do Thái cùng với đồng đội đang hoạt động về việc ám sát Saddam. Đó là lúc chúng tôi mất dạng cô ta. Rồi chúng tôi có được một cơ may thường chỉ do công việc trinh thám giỏi. Một trong số nhân viên của

chúng tôi làm việc ở phi trường Heathrow đã nhìn thấy cô ta trong cửa hàng miễn thuế, khi cô ta đang mua một chai nước hoa rẻ tiền. Sau khi cô ta đáp máy bay đi Lebanon anh ta liền điện thoại cho người của chúng ta ở Beirut và người này theo dõi cô ta từ lúc cô ta đến. Không dễ đâu, tôi có thể nói thêm. Chúng tôi đã thất lạc cô ta trong nhiều tiếng đồng hồ. Rồi, như từ trên trời rơi xuống, cô ta lại xuất hiện, nhưng lần này với tên Karima Saib, người mà Baghdad cứ đinh ninh là đang trên đường đi Paris với tư cách thư ký phụ của Đại sứ. Trong thời gian đó, cô Saib chính hiệu đã bị bắt cóc ở phi trường Beirut và giờ đây đang được cầm giữ ở một ngôi nhà an toàn tại một nơi nào đó bên kia biên giới trong vùng ngoại ô của Tel Aviv.

— Tất cả câu chuyện này sẽ đưa tới đâu, Dexter?

— Hãy kiên nhẫn, giáo sư, – ông ta vừa nói vừa đốt lại mẩu xì gà đã không cháy sáng trong mấy phút. – Không phải tất cả chúng tôi đã sinh ra đời với sự sắc bén uyên bác như anh.

— Ông muốn nói sao cũng được, – Scott mỉm cười nói. – Bởi vì sự sắc bén uyên bác của tôi chưa thể hiện hết khả năng.

— Bây giờ tôi nói tới một mẩu tin sẽ khiến cho anh thích thú. Hannah Kopec được gài vào Ban lợi ích Iraq của Toà Đại sứ Jordan tại Paris để do thám.

— Thế thì tại sao phải mất công đưa vấn đề của cô ta lên hàng đầu. Dù sao đi nữa, ông làm sao biết chắc? – Scott hỏi.

— Bởi vì nhân viên của Mossad ở Paris, tôi biết nói thế nào đây? Bí mật hợp tác với chúng tôi trong một công việc nhỏ và anh ta thậm chí không được thông báo về sự hiện hữu của cô ta.

Scott cau có:

— Thế thì tại sao cô gái được gài vào Toà Đại sứ?

— Chúng tôi không biết, nhưng chắc chắn chúng tôi sẽ khám phá ra.

Chúng tôi nghĩ Rabin không thể cho phép tấn công Saddam trong lúc Kopec vẫn còn ở bên Pháp, vì vậy điều tối thiểu chúng tôi cần biết là bao giờ cô ta dự kiến trở về Do Thái. Và đó là nơi anh nhập cuộc.

— Nhưng chúng ta chắc đã có một người ở Paris.

— Hiện nay có tới mấy người, nhưng mỗi người trong bọn họ đều bị Mossad nhận ra ở cách một trăm bước, và tôi tin chắc ngay cả bọn Iraq cũng nhận ra ở cách mười bước. Vì thế, nếu Hannah Kopec ở Paris mà người Mossad không hay biết thì tôi muốn anh đến Paris mà người của chúng ta không hay biết. Tức là nếu anh cảm thấy có thể dành thời gian cách xa Susan Anderson.

— Cô ta đã bỏ tôi từ hôm ông bạn của cô ta đi hội nghị về. Tôi không biết mình làm nên trò trống gì đối với phụ nữ. Tuần trước cô ta đã gọi điện thoại cho tôi để báo tin họ sẽ thành hôn vào tháng tới.

— Lại càng có thêm lý do để anh đi Paris.

— Đi săn ngỗng trời.

— Con ngỗng này rất có thể sẽ đẻ cho chúng ta một quả trứng bằng vàng và trong bất cứ trường hợp nào đi nữa, tôi không muốn đọc tin một vụ độc đáo khác của Do Thái trên trang nhất của tờ *New York Times* rồi sau đó phải giải thích với Tổng thống tại sao CIA không biết gì về việc đó.

— Nhưng tôi sẽ bắt đầu từ đâu?

— Trong lúc rảnh rỗi, anh hãy tìm cách làm quen với cô ta. Anh cứ bảo với cô ta anh là nhân viên Mossad ở Paris.

— Nhưng cô ta sẽ không bao giờ tin....

— Tại sao không? Cô ta đâu có biết ai là nhân viên đó mà chỉ biết là có một người. Scott, tôi cần biết...

Cánh cửa chọt mở ra và Dexter Jr. bước vào.

— Công việc như thế nào? – Bố cậu bé hỏi.

Cậu bước qua phòng và ngồi phịch xuống một chiếc ghế bành, nhưng không thốt lên một tiếng nào.

— Hồngбет rồi, phải không con à?

— Ông Marshall, rất vui mừng được gặp ông, – Butterworth vừa nói vừa đưa bàn tay ra để chào đón Viện trưởng viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.

— Tôi cũng rất vui mừng được gặp ông, ông Butterworth! – Calder Marshall trả lời với vẻ bồn chồn.

— Hay lắm, thế là ông đã thu xếp được thời giờ để đến đây, – Butterworth nói, – Mời ông ngồi.

Butterworth đã đăng ký phòng Roosevelt ở cánh Tây cho cuộc gặp gỡ của họ. Ông ta đã phải mất nhiều công sức mới thuyết phục được một cô thư ký rất hách dịch vốn đã biết quá rõ địa vị xã hội của ông Butterworth. Cô ta miễn cưỡng chấp thuận ông ta sử dụng căn phòng trong ba mươi phút chỉ vì ông ta tiếp Viện trưởng Viện bảo tàng Lịch sử của nước Mỹ. Cô ta cũng chấp thuận yêu cầu thứ hai của ông ta. Viên trợ lý đặc biệt đã tự sắp xếp chỗ ngồi của mình ở đầu một chiếc bàn bình thường có hai mươi bốn người ngồi và ra hiệu cho ông Marshall ngồi bên phải ông ta, đối diện với bức tranh *Theodore Roosevelt on Horseback*^[26] của Tade Stykal.

Vị Viện trưởng có thân hình cao hơn một mét tám mươi và mảnh mai như hầu hết phụ nữ có tuổi bằng một nửa ông ta vẫn thường thích. Ông ta gần như trọc lóc ngoại trừ một vành tóc hoa râm ở phía dưới đầu. Ông ta mặc một bộ com lê không phù hợp dường như chỉ được dùng cho các cuộc đi dạo mỗi sáng Chủ nhật. Căn cứ theo hồ sơ, Butterworth biết vị Viện trưởng ít tuổi hơn

ông ta, nhưng ông ta tự cảm thấy rằng nếu người ta trông thấy hai người ở bên nhau thì không một ai tin được điều đó.

Chắc hẳn ông ta sinh ra đời đã ở tuổi trung niên, Butterworth nghĩ, nhưng viên trợ lý đặc biệt không hề có những ý nghĩa rẻ rúng như thế về giá trị tinh thần của ông Viện trưởng. Sau khi tốt nghiệp Đại học Duke vào loại giỏi, Marshall đã viết một cuốn sách về lịch sử Đạo luật Nhân quyền mà ngày nay được xem là văn bản tiêu chuẩn cho mọi sinh viên đại học nghiên cứu lịch sử nước Mỹ. Cuốn sách đó đã mang lại cho ông ta một số tiền khá lớn – không như người ta có thể phỏng đoán theo cách ăn mặc của ông ta, Butterworth nghĩ. Trên bàn trước mặt ông ta là một hồ sơ đóng dấu “mật” và phía trên đó là cái tên “Calder Marshall” bằng chữ đậm nét. Mặc dầu ông Viện trưởng mang một cặp kính gọng sừng trông dày cộm, Butterworth có cảm tưởng ông ta có thể hầu như không cần tới.

Butterworth thường ngừng lại một lát trước khi bắt đầu một bài diễn văn mà ông ta đã chuẩn bị, cũng cần mẫn như Tổng thống chuẩn bị bài phát biểu lúc nhậm chức.

Marshall ngồi, ngón tay đan vào nhau, nôn nóng chờ đợi Butterworth tiếp tục.

— Hơn mười sáu năm qua, – viên trợ lý đặc biệt bắt đầu, – ông đã nhiều lần mời Tổng thống viếng thăm Viện bảo tàng Lịch sử Quốc gia.

Butterworth thích thú nhận thấy Marshall có vẻ hy vọng trong lúc ông ta nói tiếp:

— Và quả nhiên, lần này tân Tổng thống có ý muốn nhận lời mời của ông.

Nụ cười của Marshall mở rộng trong lúc ông ta tiếp tục lắng nghe.

— Vì thế, trong phiên họp hàng tuần của chúng tôi. Tổng thống Clinton đã yêu cầu tôi chuyển một thông điệp riêng cho ông mà Tổng thống hy vọng ông hiểu là giữ bí mật tuyệt đối.

— Bí mật tuyệt đối. Tất nhiên.

— Tổng thống cảm thấy chắc chắn có thể tin tưởng vào sự điều khiển của ông, ông Marshall. Vì vậy tôi có thể cho ông biết rằng chúng tôi đang cố gắng thu xếp một thời gian trong tuần lễ cuối của tháng này để cho Tổng thống viếng thăm Viện Bảo tàng Lịch sử, nhưng mọi việc vẫn chưa được sắp vào chương trình.

— Mọi việc vẫn chưa được sắp vào chương trình. Tất nhiên.

— Tổng thống Clinton cũng đã yêu cầu rằng đây là một cuộc viếng thăm hoàn toàn riêng tư, không được thông báo cho báo chí.

— Không được thông báo cho báo chí. Tất nhiên.

— Sau vụ nổ ở Trung tâm Thương mại Thế giới, người ta không thể không thận trọng.

— Không thể không thận trọng. Tất nhiên.

— Và tôi sẽ rất cảm ơn ông nếu ông không bàn luận bất cứ khía cạnh nào của cuộc viếng thăm với nhân viên của ông, cho dù là cấp cao, cho tới khi chúng tôi có thể xác nhận một ngày hẹn rõ ràng. Những việc như thế này thường bị tiết lộ và nếu thế thì vì những lý do an ninh cuộc viếng thăm chắc chắn phải bị huỷ bỏ.

— Phải bị huỷ bỏ. Tất nhiên. Nhưng nếu đây là một cuộc viếng thăm riêng tư, – ông Viện trưởng nói. – Phải chăng Tổng thống muốn trông thấy một thứ gì đặc biệt, hay đây chỉ là một chuyến tham quan như thông lệ?

— Tôi vui mừng vì ông đã đặt câu hỏi đó, – Butterworth vừa nói vừa mở hồ sơ trước mặt ông ta. – Tổng thống đã có một yêu cầu đặc biệt, do chính ông phụ trách.

— Do chính tôi phụ trách. Tất nhiên.

— Ông ấy muốn xem bản Tuyên ngôn Độc lập.

— Bản Tuyên ngôn Độc lập? Điều đó dễ thôi.

— Đó không phải là yêu cầu của ông ấy, – Butterworth nói.

— Không phải là yêu cầu?

— Không. Tổng thống muốn xem bản Tuyên ngôn, nhưng không như ông ấy đã trông thấy khi ông ấy là một sinh viên năm thứ nhất ở Georgetown, dưới một tấm kính dày. Ông ấy muốn khung được tháo ra để cho ông ấy có thể nghiên cứu chính tấm giấy da. Ông ấy hy vọng ông sẽ chấp thuận yêu cầu này, chỉ trong một lúc thôi.

Lần này vị Viện trưởng không nói ngay “tất nhiên”. Thay vì vậy ông ta nói:

— Rất đặc biệt. Hy vọng tôi có thể chấp thuận yêu cầu này, chỉ trong một lúc thôi.

Ông ta ngừng lại một lần rồi nói tiếp:

— Tôi chắc việc đó có thể làm được, tất nhiên.

— Cảm ơn ông, – Butterworth nói, cố gắng không có vẻ khoan khoái. – Tôi biết Tổng thống sẽ hết sức cảm ơn ông. Tôi xin nhấn mạnh với ông một lần nữa không nói ra một lời nào cho đến khi chúng tôi có thể xác nhận ngày.

Butterworth đứng lên và liếc nhìn chiếc đồng hồ hộp dài ở cuối phòng. Cuộc gặp gỡ chỉ mất hai mươi hai phút. Ông ta sẽ còn có thể trốn khỏi phòng họp trước khi bị ném ra ngoài bởi người đàn bà hách dịch trong ban sắp xếp chương trình.

Viên trợ lý đặc biệt của Tổng thống dẫn khách đi ra cửa.

— Tổng thống muốn biết ông có thích xem văn phòng Bầu Dục trong lúc ông ở đây?

— Văn phòng Bầu Dục. Tất nhiên, tất nhiên.

CHƯƠNG 12

Hamid Al Obaydi bị bỏ lại một mình ở giữa phòng. Sau khi hai trong số bốn vệ binh đã lột trần ông ta, hai người còn lại kiểm tra một cách thành thạo từng mũi may áo quần ông ta để tìm bất cứ cái gì có thể gây nguy hiểm cho tính mạng của Tổng thống họ.

Ngay sau một cái gật đầu của một người có vẻ là cấp chỉ huy vệ binh, một cánh cửa bên mở ra và một viên bác sĩ bước vào phòng, theo sau là một nhân viên phục vụ, tay xách một chiếc ghế và tay kia cầm một găng cao su. Chiếc ghế đã được đặt phía sau Al Obaydi và ông ta được mời ngồi xuống. Ông ta liền làm theo. Viên bác sĩ thoạt tiên kiểm tra móng tay và lỗ tai của ông ta trước khi yêu cầu ông ta mở miệng thật rộng trong lúc viên bác sĩ gõ lên từng cái răng với một cây đũa lưỡi. Rồi ông ta đặt một cái kẹp trong hàm để cho miệng lại càng mở rộng hơn nữa, giúp cho ông ta từ từ kiểm tra từng khe hở. Hài lòng rồi, ông ta mới lấy cái kẹp ra. Kế đó ông ta yêu cầu Al Obaydi đứng dậy, xoay người lại, vừa dang hai chân thẳng và rộng ra, vừa cúi mình xuống cho tới khi hai bàn tay chạm vào mặt ghế. Al Obaydi nghe tiếng găng cao su được mang vào bàn tay của viên bác sĩ và bất thần cảm thấy đau đớn khi hai ngón tay thọc vào hậu môn ông ta. Ông ta kêu lên và mấy gã vệ binh phía trước ông ta bật cười to. Các ngón tay giật mạnh ra, lại tạo nên một cơn đau đớn.

— Cảm ơn, ông Phó Đại sứ, – viên bác sĩ nói, tựa hồ ông ta chỉ vừa kiểm tra nhiệt độ của Al Obaydi để cho một liều thuốc cúm nhẹ. – Bây giờ ông có thể mặc áo quần.

Al Obaydi quy xuống và nhặt chiếc quần lên trong lúc vị bác sĩ và người phục vụ rời khỏi phòng.

Trong lúc mặc áo quần, Al Obaydi không thể không thắc mắc có phải chẳng mỗi thành viên của Hội đồng An ninh đều phải thông qua nỗi nhục như thế mỗi lần Saddam triệu tập một phiên họp của Hội đồng Chỉ huy Cách mạng.

Lệnh trở về Baghdad để báo cáo cho vị Sayedi những tin tức mới nhất về công việc gần đây, như vị Đại sứ tại Liên Hiệp Quốc đã mô tả chỉ thị khiến lòng Al Obaydi tràn đầy lo sợ cho dù sau cuộc gặp gỡ cùng với Cavalli. Ông ta đã cảm thấy mình thừa sức trả lời bất kỳ câu hỏi nào mà vị Tổng thống có thể đặt ra cho ông ta.

Có lần Al Obaydi đã đến Baghdad sau một cuộc hành trình tưởng chừng không bao giờ chấm dứt xuyên qua Jordan – những chuyến bay trực tiếp bị đình chỉ như là một phần trừng phạt của Liên Hiệp Quốc – ông ta đã không được phép nghỉ ngơi hoặc thậm chí thay đổi áo quần. Ông ta đã được đưa thẳng tới đại bản doanh Baath trong một chiếc Mercedes màu đen.

Khi Al Obaydi mặc xong áo quần, ông ta soi lại mình trong một tấm gương nhỏ trên tường. Y phục của ông ta trong dịp này khá khiêm tốn so với những bộ ông ta đã bỏ lại trong căn hộ ở New York: com lê Sabs ở đại lộ 5, áo thu Valentino, giày Church và một đồng hồ tay Cartier bằng vàng khối. Tất cả những thứ đó bị gạt ra để ủng hộ cho một bộ y phục Ả Rập rẻ tiền mà ông ta đã giữ lại tận dưới đáy ngăn kéo tủ áo của ông ta tại Manhattan.

Sau khi Al Obaydi soi gương xong, một gã vệ binh ra hiệu cho ông ta đi theo trong lúc cánh cửa ở cuối phòng mở ra lần đầu tiên. Sự tương phản với cảnh tượng trợ trụ không khác gì một trại lính của phòng kiểm tra khiến ông ta hết sức ngạc nhiên. Một hành lang trải thảm dày sơn lòn lòn được soi sáng trưng bởi nhiều ngọn đèn treo chỉ cách nhau mấy bước.

Viên Phó Đại sứ đi theo gã vệ binh trong hành lang, cứ thêm mỗi bước lại thấy rõ hơn cánh cửa đồ sơn vàng lù lù ở phía trước ông ta. Nhưng khi ông ta chỉ còn cách mấy bước, gã vệ binh chợt mở một cánh cửa bên và dẫn ông

ta vào trong một tiền sảnh cũng sang trọng không kém hành lang.

Al Obaydi bị bỏ lại một mình trong phòng, nhưng ông ta chỉ vừa ngồi xuống trên chiếc trường kỷ lớn thì cánh cửa lại mở ra. Al Obaydi đứng bật dậy nhưng chỉ có một cô gái bước vào bưng một cái khay, ở giữa là một tách cà phê Thổ Nhĩ Kỳ nhỏ. Cô ta đặt tách cà phê lên một cái bàn bên cạnh trường kỷ, cúi đầu chào và lặng lẽ bỏ đi cũng như khi đến. Al Obaydi xoay trở chiếc tách biết rằng mình đã quen với món cà phê sữa kiểu Tây phương. Ông ta uống một thứ nước đen như bùn chỉ vì nôn nóng muốn làm một việc gì đó.

Một tiếng đồng hồ trôi qua một cách chậm chạp, ông ta mỗi lúc một thêm bồn chồn trong một căn phòng không có gì để đọc ngoại trừ một bức chân dung khổng lồ của Saddam Hussein để nhìn. Al Obaydi dùng thời gian này để rà soát lại từng chi tiết những điều Cavalli đã nói với ông ta, ước ao mình có thể tham khảo hồ sơ trong chiếc cặp nhỏ mà bọn vệ binh đã lấy đi từ lúc ông ta còn chưa đến phòng kiểm tra.

Trong tiếng đồng hồ thứ hai, lòng tự tin của ông ta bắt đầu mệt dần. Trong tiếng thứ ba, ông ta khởi sự tự hỏi mình có thể ra khỏi toà nhà này mà vẫn còn sống hay không.

Rời bất thình lình cánh cửa mở ra và Al Obaydi nhận ra ánh sáng lấp lánh đỏ vàng trên bộ đồng phục của một vệ binh của Tổng thống Saddam có tên là Hemaya.

— Tổng thống sẽ gặp ông bây giờ. — Viên sĩ quan trẻ chỉ nói có thế và Al Obaydi đứng lên, lặng lẽ bước nhanh theo anh ta trong hành lang về phía cánh cửa sơn vàng.

Viên sĩ quan gõ mở cánh cửa đồ sộ và đứng sang một bên để cho viên Phó Đại sứ tham dự một phiên họp đầy đủ của Hội đồng Lãnh đạo Cách mạng.

Al Obaydi đứng và chờ, như một tù nhân trên ghế bị cáo hy vọng được vị quan toà bảo rằng tối thiểu y có thể được phép ngồi. Ông ta cứ đứng như thế,

thừa biết rằng chưa từng có một ai bắt tay với Tổng thống, trừ phi được mời làm việc đó. Ông ta nhìn quanh hội đồng mười hai người, nhận thấy chỉ có hai thành viên, Thủ tướng Tarlq Aziz và Biện lý chính phủ Nakir Farrar, mặc com lê. Mười thành viên khác đều mặc quân phục nhưng không mang vũ khí ở thắt lưng. Khẩu súng lục duy nhất, khác với loại của Đại tướng Hamil, Chỉ huy trưởng của đội Vệ binh Tổng thống, và hai quân nhân vũ trang ở ngay phía sau Saddam, được đặt trên mặt bàn trước mặt Tổng thống, ngay chỗ đặt tập giấy của các vị đầu não quốc gia khác.

Al Obaydi ý thức một cách sâu sắc rằng đôi mắt của Tổng thống đã không hề rời khỏi ông ta kể từ lúc ông ta bắt đầu bước vào phòng. Saddam vẫy điều xì gà Coheba ra hiệu cho Al Obaydi ngồi vào chiếc ghế trống ở đầu mút bàn.

Vị Bộ trưởng Ngoại giao nhìn về phía Tổng thống. Thấy Tổng thống gật đầu, ông ta hướng sự chú ý về phía người đang bồn chồn ngồi đằng xa.

— Thừa Tổng thống, như ngài biết, đây là Hamid Al Obaydi, Phó Đại sứ của chúng ta tại Liên Hiệp Quốc, người mà ngài đã ban cho một niềm vinh dự thực hiện mệnh lệnh lấy trộm bản Tuyên ngôn Độc lập của bọn Mỹ ngoại đạo. Theo chỉ thị của ngài, ông ta đã trở về Baghdad để đích thân báo cáo với ngài về những tiến bộ mà ông ta đã đạt được. Tôi đã không có cơ hội nào để nói chuyện với ông ta. Vì thế xin Tổng thống tha thứ cho tôi nếu tôi có mặt nơi đây cùng với ngài, để làm một kẻ tìm kiếm tin tức.

Saddam lại vẫy điều xì gà ra dấu cho Bộ trưởng Ngoại giao tiếp tục.

— Có lẽ ông có thể bắt đầu, ông Phó Đại sứ, bằng cách yêu cầu ông giới thiệu với tất cả chúng tôi các sự kiện mới nhất liên quan đến kế hoạch đầy sáng tạo của Tổng thống.

— Tôi xin cảm ơn ông Bộ trưởng Ngoại giao, – Al Obaydi trả lời, như thể ông ta chưa bao giờ gặp vị Bộ trưởng.

Đoạn ông ta quay lại với Saddam mà đôi mắt đen vẫn dán chặt vào ông ta và nói tiếp:

— Thưa Tổng thống, tôi xin bắt đầu bằng cách bày tỏ niềm vinh dự của tôi khi được giao phó công việc này, nhất là nhớ rằng ý kiến đã xuất phát từ chính ngài.

Mọi thành viên của Hội đồng giờ đây đều tập trung sự chú ý vào viên Phó Đại sứ, nhưng Al Obaydi nhận thấy rằng thỉnh thoảng mọi người lại liếc mắt về phía Saddam để xem Tổng thống phản ứng như thế nào.

— Tôi rất sung sướng có thể báo cáo rằng toàn đội được chế tạo bởi ông Antonio Cavalli.

Saddam đưa một bàn tay lên và nhìn về phía viên Biện lý Chính phủ đang ngồi trước một tập hồ sơ đã mở sẵn.

Viên Biện lý Chính phủ Nakir Farrar là người mà dân chúng khiếp sợ đứng hàng thứ hai sau Saddam trong chế độ của Iraq. Mọi người đều biết tiếng ông ta. Một sinh viên đỗ hạng ưu về khoa pháp luật tại Oxford, Chủ tịch Nghiệp đoàn và là một thành viên của Lincolns Inn^[27]. Đó chính là nơi lần đầu tiên Al Obaydi đã tình cờ gặp ông ta. Dù Farrar không hề thừa nhận sự tồn tại của mình, ông ta đã được xem như người Iraq đầu tiên nhận chức cố vấn của Hoàng gia Anh. Nhưng rồi xảy ra việc xâm lăng tình thứ Mười chín và người Anh trục xuất con người đầy hoài bão đó, mặc dù có nhiều kháng nghị của một số người ở cấp cao.

Farrar trở về một thành phố mà ông ta đã bỏ đi ở tuổi mười một và lập tức dâng hiến tài năng xuất sắc của mình cho cá nhân Saddam Hussein. Trong vòng một năm, Saddam đã bổ nhiệm ông ta làm Biện lý Chính phủ, một chức vụ, theo người ta đồn đại, do chính ông ta lựa chọn cho mình.

— Thưa Tổng thống, Cavalli là một tội phạm ở New York. Bởi vì y có một bằng cấp luật khoa và đứng đầu một văn phòng luật sư tư nhân, y tạo nên một bề ngoài hợp pháp cho một hoạt động như thế.

Saddam gật đầu và hướng sự chú ý trở lại Al Obaydi.

— Ông Cavalli đã hoàn tất giai đoạn chuẩn bị và đội điều hành của ông ta

đang sẵn sàng thực hiện các mệnh lệnh của Tổng thống.

— Chúng ta đã xác định ngày chưa? – Farrar hỏi.

— Đã, thưa ông Biện lý Chính phủ. Ngày 22 tháng 5, Clinton có một chương trình làm việc trọn ngày ở Nhà Trắng với các chuyên viên soạn thảo diễn văn trong buổi sáng, và tổ công tác về chính sách y tế trong buổi chiều, và vì vậy ông ta – vị Đại sứ Iraq tại Liên Hiệp Quốc đã cảnh báo Al Obaydi chớ bao giờ nhắc đến Clinton với tư cách “Tổng thống” – sẽ không hiện diện trước công chúng ngày hôm ấy khiến cho công việc của chúng ta trở nên bất khả thi.

— Ông Phó Đại sứ hãy nói cho tôi biết, – viên Biện lý Chính phủ nói, – có phải luật sư của ông Cavalli đã thành công trong việc xin giấy phép chặn đường giữa Nhà Trắng với Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia trong khoảng thời gian Clinton bận rộn với những phiên họp nội bộ đó?

— Không, thưa ông Biện lý Chính phủ. Ông ta không làm việc đó, – Al Obaydi trả lời. – Tuy nhiên, văn phòng Thị trưởng đã cấp một giấy phép quay phim trên đại Pennsylvania từ đường 18 ở phía Đông. Nhưng đường chỉ chặn trong bốn mươi lăm phút. Dường như viên Thị trưởng này không dễ khắc phục như người tiền nhiệm của ông ta.

Một vài thành viên của Hội đồng có vẻ không hiểu.

— Không dễ khắc phục? – Vị Bộ trưởng Ngoại giao hỏi.

— Có lẽ “thuyết phục” là từ đúng hơn.

— Và việc thuyết phục theo dạng nghĩa nào? – Đại tướng Hamil hỏi, ông ta ngồi phía bên phải Tổng thống và chỉ biết một dạng thuyết phục.

— Một số tiền đóng góp 250.000 đô la cho quỹ tái bầu cử của ông ta.

Saddam bắt đầu cười to. Thế là những người khác chung quanh bàn bắt chước theo.

— Còn vị Viện trưởng vẫn tin chính Clinton sẽ viếng thăm ông ta chứ? – viên Biện lý Chính phủ hỏi.

— Vâng, – Al Obaydi nói. – Ngay trước khi tôi bay về, Cavalli đã cho tám người của ông ta quản lý toàn bộ tòa nhà, giả làm một đội trinh sát sơ khởi thuộc Sở Mật vụ. Vị Viện trưởng hết lòng cộng tác và Cavalli đã được cho đủ thời gian để kiểm tra mọi việc. Cuộc luyện tập đó sẽ khiến cho việc đánh tráo bản Tuyên ngôn vào ngày 25 tháng 5 dễ dàng hơn đối với ông ta.

— Nhưng tôi chỉ nói nếu, bọn họ thành công trong việc lấy bản gốc ra ngoài, họ đã sắp xếp mọi việc để chuyển bản tài liệu qua tay ông? – viên Biện lý Chính phủ hỏi.

— Vâng, – Al Obaydi trả lời một cách tự tin. – Tôi hiểu rằng Tổng thống muốn tài liệu sẽ được giao cho Barazan Al-Tikriti, vị Đại sứ đáng kính của chúng ta tại Liên Hiệp Quốc ở Geneva. Khi ông ấy đã nhận được tấm giấy da, và chỉ khi đó, tôi mới được phép trả phần tiền còn lại.

Tổng thống gật đầu chấp thuận. Xét cho cùng, viên Đại sứ đáng kính ở Geneva là anh em cùng cha khác mẹ của ông.

Viên Biện lý Chính phủ tiếp tục chất vấn:

— Nhưng chúng ta làm sao có thể chắc chắn cái được giao cho chúng ta sẽ là bản gốc, chứ không phải chỉ là một bản sao tinh xảo? – ông ta hỏi. – Điều gì ngăn cản họ làm trò bằng cách đi vào rồi lại đi ra khỏi Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, mà thực ra không hề đánh tráo bản Tuyên ngôn đó?

Một nụ cười xuất hiện trên đôi môi của Al Obaydi lần đầu tiên, trong lúc ông ta trả lời:

— Thưa ông Biện lý Chính phủ, tôi đã đề phòng đòi bằng chứng đó. Khi bản giả thay thế bản gốc, nó sẽ được tiếp tục trưng bày để cho công chúng xem. Ông có thể an tâm vì tôi sẽ có mặt trong công chúng đó.

— Nhưng ông chưa trả lời câu hỏi của tôi, – viên Biện lý Chính phủ gay

gắt nói. Làm sao ông biết được cái của chúng ta là bản gốc?

— Bởi vì trên bản gốc do Timothy Matlock viết có một lỗi chính tả nhỏ và lỗi này đã được sửa lại trong bản sao do Bill O'Reilly thực hiện.

Viên Biện lý Chính phủ miễn cưỡng ngồi trở xuống ghế khi vị thủ tướng của ông ta đưa một bàn tay lên.

— Một tội phạm khác, thưa ngài, – vị Bộ trưởng Ngoại giao giải thích. – Lần này là một kẻ làm giả có trách nhiệm làm bản sao tài liệu.

— Như thế, – viên Biện lý Chính phủ vừa nói vừa nghiêng mình về phía trước một lần nữa, – nếu lỗi chính tả chưa được sửa vẫn còn trên tài liệu trưng bày ở Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia vào ngày 25 tháng 5, ông sẽ biết chúng ta có một bản giả và sẽ không trả thêm một xu nào nữa. Có phải như thế không.

— Phải, thưa ông Biện lý Chính phủ, – Al Obaydi nói.

— Từ nào trên bản gốc đã sai lỗi chính tả? – viên Biện lý Chính phủ lại hỏi. Khi ông Phó Đại sứ đã nói cho ông ta nghe, Nakir Farrar chỉ bảo: “Hay lắm.”

Đoạn ông ta gập hồ sơ trước mặt lại.

— Tuy nhiên, tôi còn cần phải trả tiền tận tay, – Al Obaydi nói tiếp, – nếu tôi bằng lòng với phần việc họ đã làm theo thoả thuận, và chúng ta đã nắm trong tay bản Tuyên ngôn gốc.

Vị Bộ trưởng Ngoại giao nhìn về phía Saddam và Saddam lại gật đầu.

— Mọi việc sẽ đâu vào đó ngày 25 tháng 5, – vị Bộ trưởng Ngoại giao nói. – Tôi thích có cơ hội rà soát lại một số chi tiết trước khi ông Phó Đại sứ trở lại New York với điều kiện Tổng thống chấp thuận.

Saddam vẩy một bàn tay để ra hiệu một thỉnh cầu như thế không quan trọng đối với ông ta. Đôi mắt của ông vẫn còn chăm chú nhìn Al Obaydi.

Viên Phó Đại sứ không biết rõ ông ta có nên đi hay là chờ chất vấn thêm nữa. Ông ta nghĩ thận trọng thì hơn và vẫn ngồi im lặng.

Một lúc sau Saddam nói.

— Hamid, chắc hẳn ông muốn biết vì sao tôi đặt một tầm quan trọng như thế vào mảnh giấy da vô dụng này...

Vì viên Phó Đại sứ chưa bao giờ được gặp Tổng thống, ông ta ngạc nhiên vì được gọi bằng cái tên đó.

— Tôi không được quyền hỏi tới lý luận của ngài, – Al Obaydi trả lời.

— Tuy nhiên, – Saddam nói tiếp, – đã là con người thì ông nên tự hỏi tại sao tôi sẵn sàng bỏ ra một trăm triệu đô la và đồng thời có nguy cơ bị mất mặt trên thế giới nếu ông thất bại.

Al Obaydi cảm thấy không thoải mái với từ “ông”.

— Thưa Sayedi, tôi sẽ rất sung sướng nếu biết được ngài có thể tin cậy một con người vô tài bất tướng hay không.

Mười hai thành viên của Hội đồng cùng nhìn về phía Tổng thống để đo lường phản ứng của ông đối với lời nói của viên Phó Đại sứ. Al Obaydi cảm thấy ngay lập tức rằng mình đã đi quá xa. Ông ta ngồi kinh hãi trong sự im lặng tưởng chừng dài nhất trong đời mình.

— Thế thì tôi sẽ thổ lộ điều bí mật của tôi cho ông nghe, Hamid, – Saddam nói với đôi mắt xoáy vào viên Phó Đại sứ. – Khi tôi chiếm lấy tình thứ Mười chín cho nhân dân yêu quý, tôi tự nhận thấy không phải đang gây chiến với những kẻ phản bội chúng ta đang xâm lấn mà với sức mạnh kết hợp của thế giới phương Tây – và điều đó, bất kể một bản thoả ước đã đạt được trước đó với Đại sứ Mỹ. “Tại sao?” Tôi đã phải hỏi khi mọi người đều biết rằng Kuwait được lèo lái bởi một số ít gia đình thối nát rất ít quan tâm tới hạnh phúc nhân dân của chính họ. Tôi sẽ nói cho ông biết tại sao. Chỉ một từ: Dầu mỏ. Nếu tình thứ Mười chín chỉ xuất khẩu cà phê hạt, ông sẽ không bao

giờ trông thấy, dù chỉ một chiếc xuồng chèo của Mỹ trang bị một cái máy bắn đá đi vào vùng Vịnh.

Vị Bộ trưởng Ngoại giao mỉm cười và gật đầu.

— Và ai là những nhà lãnh đạo hòa nhàu để chống lại tôi? Thatcher, Gorbachev và Bush. Điều đó đã bắt đầu từ gần ba năm trước. Và chuyện gì đã xảy đến với họ từ lúc ấy? Thatcher đã bị loại bỏ bởi một vụ do chính những người đã từng ủng hộ bà ta tổ chức; Gorbachev thì bị truất phế bởi một người mà chính ông ta đã sa thải chỉ một năm trước đó và giờ đây địa vị chính người này cũng có vẻ tròn trành; Bush thì trải qua một thất bại nhục nhã bởi nhân dân Mỹ. Trong lúc tôi vẫn là nhà lãnh đạo tối cao và Tổng thống của đất nước tôi.

Tiếp theo đó là một tràng vỗ tay, và tắt ngay khi Saddam bắt đầu nói tiếp:

— Đó tất nhiên là phần thưởng rất lớn cho đại đa số nhân dân, nhưng không phải cho tôi đâu, Hamid. Bởi vì vị trí của Bush đã được thay thế bởi Clinton, là người không học hỏi được gì từ những lỗi lầm của người tiền nhiệm của ông ta và hiện nay cũng muốn xoá bỏ quyền lực tối cao của tôi. Nhưng lần này chính tôi cũng có ý định hạ nhục ông ta cùng với bọn ngoại đạo Mỹ trước khi bọn họ có cơ hội làm việc đó. Và tôi sẽ thực hiện vụ này theo một cách sẽ khiến cho Clinton không thể nào hồi phục bất kỳ một sự tín nhiệm nào trong suốt đời ông ta. Tôi quyết tâm làm cho Clinton và nhân dân Mỹ trở thành kho truyện cười của thế giới.

Những chiếc đầu liên tiếp gật gù.

— Ông đã chứng kiến khả năng của tôi biến lòng tham của chính nhân dân họ thành một ý nguyện lấy trộm tài liệu lịch sử triu mến nhất trong lịch sử của chính đất nước họ. Và ông, Hamid, là con tàu được chọn để đảm bảo cho thiên tài của tôi sẽ được công nhận.

Al Obaydi cúi đầu trong lúc Saddam vẫn nói tiếp:

— Một khi tôi đã lấy được bản Tuyên ngôn Độc lập, tôi sẽ kiên nhẫn chờ

đợi cho tới ngày 4 tháng 7, khi toàn thế nước Mỹ sẽ bỏ ra một ngày Chủ nhật hoà bình để làm lễ kỷ niệm Ngày Độc lập.

Không một ai trong phòng thốt ra một lời trong lúc Tổng thống của họ chột ngừng lại một lúc rồi mới lại nói tiếp:

— Tôi cũng sẽ làm lễ kỷ niệm Ngày Độc lập, không phải ở Washington hoặc New York mà ở Quảng trường Tahrir, bao quanh bởi nhân dân yêu quý của tôi, Lúc bấy giờ, tôi, Saddam Hussein, Tổng thống Iraq, sẽ đứng trước ống kính trực tiếp truyền hình đi khắp thế giới, đốt thành tro bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ.

Hannah nằm thao thức trên giường trong căn phòng kiểu trại lính, nàng cảm thấy không khác cô bé mười ba năm về trước, khi nàng trải qua đêm đầu tiên ở trường nội trú. Nàng đã đến lấy những chiếc vali của Karima Saib ở thang cuốn tại phi trường Charles de Gaulle, lo sợ những gì nàng có thể tìm thấy trong đó.

Một người tài xế đã đón nàng như ước hẹn, nhưng vì nàng đã không thích bắt chuyện nên nàng biết sự việc sẽ ra sao khi xe dừng lại bên ngoài Toà Đại sứ Joran. Hannah ngạc nhiên vì tầm cỡ của nó. Ngôi nhà cổ xinh đẹp nằm thụt sâu tên đại lộ Maurice Barrès xưa kia là nhà của Aga Khan. Khu vực của Iraq được dành riêng trọn hai tầng, bằng chứng hiển nhiên tỏ ra người Jordan không muốn làm trái ý Saddam.

Trong lúc đi vào khu Iraq, người đầu tiên nàng gặp là Abdul Kanuk, Trưởng phòng Hành chính. Anh ta tất nhiên không có vẻ như một nhà ngoại giao, và khi anh ta mở miệng, nàng nhận thấy ngay điều đó. Kanuk thông báo với nàng rằng vị Đại sứ và cô thư ký chính của ông ta là Muna Ahmed đang bận nhiều cuộc họp cho nên nàng cứ sắp xếp đặt đồ đạc và chờ trong phòng

cho tới lúc được gọi lại.

Chỗ ở chật chội chỉ vừa đủ cho một cái giường và hai cái vali, và rất có thể, nàng nghĩ, vốn là một phòng chứa đồ trước khi đoàn Iraq dọn đến. Cuối cùng, khi nàng mở được chiếc vali của Karima Saib, nàng nhanh chóng khám phá ra rằng những món duy nhất vừa khít trong đó là đôi giày của cô ta. Hannah không biết có nên thoải mái vì sở thích của Saib hay là lo lắng về việc nàng đã mang theo quá ít đồ dùng.

Muna Ahmed, cô thư ký chính, gặp nàng trong bếp vào bữa ăn tối hôm ấy. Dường như các cô thư ký trong Toà Đại sứ được đối xử chẳng khác gì đám nhân viên phục vụ.

Hannah tìm cách thuyết phục Muna rằng mọi việc đã khá hơn nàng tưởng, nhất là vì họ chỉ có thể sử dụng khu nhà phụ của Toà Đại sứ Jordan. Muna giải thích rằng đối với Ngoại giao đoàn Pháp, Đại sứ Iraq chỉ được đối xử với tư cách một Trưởng ban Lợi ích, mặc dù họ luôn nói với ông ta bằng cái từ “Thưa ngài” hoặc “Thưa ông Đại sứ”.

Trong mấy ngày đầu tiên với công việc mới, Hannah ngồi trong phòng kế cận phòng Đại sứ về phía bên kia bàn của Muna. Nàng dùng phần lớn thời gian của mình vào việc chăm sóc ngón tay. Hannah nhanh chóng khám phá ra rằng không có ai quan tâm nhiều tới điều này, nếu nàng hoàn tất bất kỳ công việc nào mà viên Đại sứ đã giao lại cho nàng trên máy đọc của ông ta. Quả thực đó chính là vấn đề quan trọng nhất của Hannah, vì nàng phải làm việc chậm lại để khiến cho Muna có vẻ đầy năng lực hơn. Điều duy nhất Hannah không được quên là luôn luôn mang cặp kính không độ.

Trong những buổi tối, vừa ăn trong bếp, Hannah vừa học được từ Muna mọi điều mà một phụ nữ Iraq ở nước ngoài cần phải biết, kể cả làm cách nào để tránh né những cuộc tán tỉnh của Abdul Kanuk, viên Trưởng phòng Hành chính. Qua tuần thứ hai, việc học tập của nàng đã chậm lại và dần dần Hannah nhận thấy viên Đại sứ đang tin tưởng vào kỹ năng của nàng. Nàng cố không bộc lộ quá rõ khả năng.

Mỗi khi đã hoàn tất công việc, Hannah và Muna thường ở trong phòng và không được phép rời khỏi nhà vào ban đêm, trừ phi cùng đi với viên Trưởng phòng Hành chính, một triển vọng mà cả hai người đều không lấy làm hứng thú. Vì Muna không quan tâm đến âm nhạc, kịch nghệ, cũng như đi đến quán ăn, cô ta thích thú được ở trong phòng đọc các bài diễn văn của Saddam Hussein.

Trong lúc những ngày chậm chậm trôi qua, Hannah bắt đầu hy vọng một trong nhân viên Mossad ở Paris sẽ tiếp xúc với nàng. Như vậy nàng có thể được rút lui, và đưa trở về Do Thái để chuẩn bị cho nhiệm vụ của nàng – mặc dù nàng không có một manh mối về nhân viên Mossad. Nàng tự hỏi phải chăng họ có một người nào đó trong Toà Đại sứ. Một mình trong phòng, nàng thường suy đoán. Người tài xế chẳng? Quá chậm chạp. Người làm vườn chẳng? Quá đần độn. Cô đầu bếp chẳng? Có thể lắm – thức ăn khá dở để tin cậy đây là công việc thứ yếu của cô ta. Hay là Abdul Kanuk, viên Trưởng phòng Hành chính? Không có lý. Bởi vì anh ta xuất hiện tối thiểu ba lần mỗi ngày, anh ta lại còn là một người em họ của Barazan Ai Tikriti, anh em cùng cha khác mẹ với Saddam Hussein và Đại sứ tại Liên Hiệp Quốc ở Geneva. Kanuk cũng là người ngồi lê đôi mách số một ở Toà Đại sứ, và cung cấp thông tin cho Hannah về Saddam Hussein và những người tùy tùng trong đêm nhiều hơn viên Đại sứ trong một tuần. Quả thực, viên Đại sứ ít khi nói đến vị Sayedi trước mặt nàng, và khi nói, ông ta luôn luôn thận trọng và tôn kính.

Trong tuần lễ thứ hai, Hannah được giới thiệu với bà vợ của viên Đại sứ. Hannah nhanh chóng khám phá ra rằng bà ta hết sức riêng biệt, một phần bởi vì bà ta có một nửa giòng máu Thổ Nhĩ Kỳ và không nghĩ rằng nhiệm vụ của bà ta bắt buộc bà ta luôn luôn ở trong khuôn viên Toà Đại sứ. Bà ta làm nhiều điều được xem là cực đoan theo các tiêu chuẩn của Iraq, như đi cùng chồng bà ta đến các bữa tiệc cocktail, và thậm chí người ta còn biết rằng bà ta tự rót rượu cho mình mà không chờ được yêu cầu. Bà ta cũng đi bơi – điều quan

trọng hơn đối với Hannah – hai lần một tuần tại nhà tắm gần như công cộng ở Đại lộ Lannes. Viên Đại sứ đã đồng ý, sau một cuộc thuyết phục nhỏ, rằng cô thư ký mới có thể đi cùng với vợ ông ta.

Scott đến Paris vào một ngày Chủ nhật. Người ta đã đưa cho anh một chìa khoá của một căn hộ nhỏ trên đại lộ Messine và mở một tài khoản cho anh ở Societé Général trên đại lộ Haussmann với cái tên Simon Rosenthal.

Anh phải điện thoại hoặc fax cho Langley chỉ sau khi anh đã xác định được vị trí của nhân viên Mossad. Không một nhân viên nào khác được thông báo về sự hiện hữu của anh, và anh đã được dặn dò không tiếp xúc với bất kỳ nhân viên khu vực nào mà anh đã từng cộng tác trong quá khứ và hiện nay đang được điều động đến châu Âu.

Scott dùng hai ngày đầu tiên vào việc khám phá chín nơi mà từ đó anh có thể quan sát cửa trước của Toà Đại sứ Jordan và không ai ở đó có thể trông thấy anh.

Tới cuối một tuần lễ, anh bắt đầu hiểu ra lần đầu tiên các nhân viên thực sự ngụ ý với cụm từ “những giờ phút cô đơn”. Anh thậm chí khởi sự quên một số sinh viên của anh.

Anh triển khai một công việc hàng ngày. Mỗi buổi sáng, trước bữa điểm tâm, anh chạy tám cây số trong công viên Monceau trước khi anh bắt đầu ca sáng. Mỗi buổi tối, anh bỏ ra hai tiếng đồng hồ trong một phòng tập thể dục ở đường Berne trước khi nấu bữa tối và anh ăn một mình trong căn hộ của anh.

Scott bắt đầu thất vọng về nhân viên Mossad chưa hề rời khỏi khuôn viên Toà Đại sứ và tự hỏi phải chăng cô Kopec thậm chí không có ở đó. Bà vợ của viên Đại sứ dường như là người phụ nữ duy nhất tự do ra vào.

Thế rồi, không hề báo trước, vào ngày thứ ba của tuần lễ thứ hai, một người khác ra khỏi toà nhà cùng với bà vợ của viên Đại sứ. Phải chăng đó là Hannah Kopec? Anh chỉ trông thấy thoáng qua trong lúc chiếc xe hơi phóng đi.

Anh theo sau chiếc Mercedes có tài xế lái và luôn luôn giữ cách một góc đường, như thế sẽ khiến cho tài xế của viên Đại sứ khó phát hiện anh trong kính chiếu hậu của anh ta.

Hai người phụ nữ xuống xe ở bên ngoài hồ bơi trên đại lộ Lannes. Anh quan sát họ ra khỏi xe. Trong tấm hình người ta đưa cho anh xem ở Langley, Hannah Kopec có mái tóc đen dài. Mái tóc bây giờ được cắt ngắn, nhưng rõ ràng là của nàng.

Scott lái xe thêm một trăm mét, quẹo phải và đậu lại. Anh đi bộ trở lui, bước vào toà nhà và mua một vé tham quan với giá hai franc. Anh thông thả bước ra bao lơn trông xuống hồ nước. Lúc anh đã chọn được một chỗ ngồi trong bóng tối của dãy hành lang thì cô nhân viên Mossad đang bơi tới lui trong hồ. Scott chỉ mất một lát để nhận thấy nàng mạnh khỏe như thế nào, cho dù bộ áo tắm của Iraq không bộc lộ hết vẻ quyến rũ của nàng. Tốc độ của nàng chỉ chậm lại khi bà vợ của viên Đại sứ xuất hiện ở mép hồ bơi, sau đó Kopec chỉ thỉnh thoảng bơi chóc từ đầu này sang phía kia.

Khoảng bốn mươi phút sau khi bà vợ viên Đại sứ rời khỏi hồ bơi, Kopec lập tức tăng tốc độ, bơi suốt chiều dọc của hồ chưa tới một phút. Khi nàng đã bơi mười lần như vậy, nàng mới lên khỏi hồ và biến mất về phía phòng thay quần áo.

Scott trở lại xe của anh và khi hai người phụ nữ xuất hiện lại, anh để cho chiếc Mercedes qua mặt anh rồi mới theo sau họ trở về Toà Đại sứ. Đêm hôm ấy, anh fax cho Dexter Hutchins ở Langley để báo cho ông ta biết anh đã trông thấy nàng và giờ đây đang cố tìm cách tiếp xúc. Sáng hôm sau, anh mua một chiếc quần tắm.

Vào ngày thứ năm, Hannah chú ý đến anh lần đầu tiên. Anh bơi sải với một tốc độ đều, mỗi chiều dài của hồ bơi trong khoảng bốn mươi giây và trông như anh giống như một vận động viên tài ba. Nàng cố theo kịp tốc độ của anh nhưng chỉ có thể thực hiện được năm vòng thì anh bứt lên trước. Nàng quan sát anh bước lên khỏi hồ bơi sau mười hai vòng nữa và đi về phía phòng thay áo quần nam.

Vào buổi sáng thứ Hai của tuần lễ kế tiếp, bà vợ của viên Đại sứ báo cho Hannah biết rằng bà ta sẽ không thể đi bơi với nàng như thường lệ vào ngày hôm sau vì bà ta sẽ đi theo viên Đại sứ trong chuyến viếng thăm người em cùng cha khác mẹ của Saddam Hussein ở Geneva. Hannah đã nghe viên Trưởng phòng Hành chính nói về chuyến đi đó thậm chí từng chi tiết nhỏ nhất.

— Tôi cũng không biết tại sao cô lại không được mời đi cùng với ông Đại sứ, – cô đầu bếp nói tối hôm ấy.

Viên Trưởng phòng Hành chính lặng thinh trong gần hai phút cho tới lúc Muna rời khỏi bếp để về phòng riêng. Rồi anh ta tiết lộ một mẫu tin khiến cho Hannah lo lắng.

Ngày hôm sau, Hannah được phép đi bơi một mình. Nàng vui mừng vì có được một cái cớ để đi khỏi toà nhà, nhất là khi Kanuk phụ trách phái đoàn trong thời gian viên Đại sứ đi vắng. Anh ta đã dành riêng chiếc Mercedes, vì thế nàng tự đi đến đại lộ Lannes bằng xe điện ngầm.

Nàng thất vọng không thấy người đàn ông bơi giỏi ở đâu cả khi nàng đã bơi ba mươi lần chiều dài. Sau khi đã hoàn tất phần tập luyện, nàng bám vào bờ, mệt mỏi và hơi thở hơi nhanh. Đột nhiên, nàng nhận thấy anh đang bơi về phía nàng trong đường bên ngoài. Khi anh chạm tay vào cuối đường, anh trở lại một cách êm xuôi và nói rất rõ:

— Đừng cứ động, Hannah. Tôi sẽ trở lại.

Hannah phỏng đoán anh hẳn là một người nào đó đã nhớ nàng từ thời nàng còn là một người mẫu, và phản ứng ngay lập tức của nàng là chạy trốn. Nhưng nàng vẫn tiếp tục bơi trong lúc nàng chờ anh trở lại, với ý nghĩ có lẽ anh là nhân viên Mossad mà Kratz đã đề cập tới.

Nàng quan sát anh bơi về phía nàng, và mỗi lúc một trở nên lo lắng hơn với từng kiểu bơi. Khi anh chạm tay vào mép bờ hồ, anh đột ngột ngừng lại và hỏi:

— Có phải cô chỉ có một mình.

— Vâng, – nàng đáp.

— Tôi đã tưởng tôi không thể trông thấy bà vợ của viên Đại sứ. Bà ta thường đập tung tóe nước mà chẳng tiến tới được bao nhiêu. À, tôi là Simon Rosenthal. Đại tá Kratz đã yêu cầu tôi tiếp xúc. Tôi có một thông điệp cho cô.

Hannah cảm thấy ngốc nghếch khi bắt tay với người đàn ông trong lúc cả hai đang bám vào mép hồ bơi.

— Cô có biết đại lộ Bugeaud?

— Vâng, – nàng trả lời.

— Tốt, sẽ gặp cô tại quán rượu Porte Dauphine trong vòng mười lăm phút nữa.

Anh nhún người lên khỏi hồ và mất dạng về phía phòng thay áo quần nam trước khi nàng kịp trả lời.

Hai mươi lăm phút sau, Hannah bước vào quán rượu Porte Dauphine. Nàng tìm kiếm quanh phòng và suýt không trông thấy anh ngồi vắt vẻo phía sau một trong những chiếc ghế lưng cao ngay phía dưới một bức bích họa lớn sắc sỡ. Anh đứng lên để chào đón nàng rồi gọi một tách cà phê khác. Anh báo trước với nàng rằng họ chỉ ở cạnh nhau vài ba phút mà thôi, bởi vì nàng phải

trở về Toà Đại sứ không chậm trễ. Trong lúc nàng nhấm nháp ngum cà phê chính hiệu đầu tiên mà nàng chưa uống nhiều tuần nay.

Hannah nhìn anh gần hơn, và bắt đầu hồi tưởng lại cảm nghĩ của mình như thế nào khi được uống một cốc rượu với một người nào gây thích thú cho mình. Câu thứ hai của anh đánh bật nàng quay về với thực tại:

— Kratz dự kiến đưa cô đi khỏi Paris trong nay mai.

— Có lý do gì đặc biệt không? – nàng hỏi.

— Ngày hành động của Baghdad đã được xác định.

— Cảm ơn Chúa, – Hannah nói.

— Tại sao cô nói như thế? – Scott hỏi câu đầu tiên.

— Viên Đại sứ tin tưởng sẽ được triệu tập về Baghdad và nhận một chức vụ mới. Ông ta có ý định yêu cầu tôi đi theo ông ta, – Hannah trả lời. – Đó là điều viên Trưởng phòng Hành chính đang nói với tất cả mọi người, trừ Muna.

— Tôi sẽ báo tin cho Kratz.

— Này, Simon. Tôi đã nhận được vài ba mẩu tin rất có thể hữu ích đối với Kratz.

Anh gật đầu và lắng nghe trong lúc Hannah bắt đầu cho anh biết nhiều chi tiết về tổ chức nội bộ của Toà Đại sứ, và những cuộc đến và đi của nhiều chính trị gia cũng như thương nhân công khai nói ra những lời chống đối Saddam Hussein trong lúc vẫn cố gắng ký kết nhiều hợp đồng với ông ta. Một phút sau, anh ta chặn lời nàng và nói:

— Bây giờ cô nên đi. Họ có thể bắt đầu để ý đến sự vắng mặt của cô đấy. Tôi sẽ cố gắng sắp xếp một cuộc gặp khác khi nào có thể.

Nàng mỉm cười, đứng lên khỏi bàn và bỏ đi không nhìn trở lại.

Tối hôm ấy, Scott gửi một bức mật mã cho Dexter Hutchins ở Virginia để báo cho ông biết rằng anh đã tiếp xúc được với Hannah Kopec.

Một giờ sau, bức fax được chuyển đến với chỉ một chỉ thị.

CHƯƠNG 13

Ngày 25 tháng 5 năm 1993, mặt trời mọc trên điện Capitol lúc hơn năm giờ một chút. Những tia nắng bò dọc theo bãi cỏ của Nhà Trắng và mấy phút sau thấm vào văn phòng Bầu Dục lúc nào không hay. Ở cách đó mấy trăm mét, Cavalli đang chấp tay sau lưng.

Cavalli dùng cả ngày hôm trước ở Washington vào việc kiểm tra các chi tiết tỉ mỉ hơn hầu như tới lần thứ một trăm. Y phải phỏng đoán rằng sẽ có một điều gì đó bất ổn và cho dù sự việc sẽ diễn tiến như thế nào, y sẽ tự động chịu trách nhiệm tất cả.

Johnny Scasiatore bước tới và đưa cho Cavalli một ca cà phê nóng bốc hơi.

— Tôi không hề có ý nghĩ trời có thể lạnh đến thế này ở Washington, – Cavalli nói với Johnny, ông ta đang mặc một cái áo khoác da cừu.

— Vào lúc sáng sớm như thế này, hầu như trời lạnh khắp mọi nơi trên thế giới, – Johnny trả lời, – ông hãy hỏi bất cứ đạo diễn phim nào.

— Và anh thực sự cần tới sáu giờ đồng hồ để chuẩn bị cho ba phút quay phim hay sao? – Cavalli hỏi với vẻ ngờ vực.

— Hai giờ chuẩn bị cho một phút làm việc là nguyên tắc tiêu chuẩn. Và xin ông chớ quên, chúng tôi sẽ phải chạy hai lần qua hiện trường đặc biệt này, trong những tình huống không bình thường một chút nào.

Cavalli đứng ở góc đường 13 và đại lộ Pennsylvania và quan sát khoảng năm chục người đến đây theo sự hướng dẫn của Johnny. Một vài người đang chuẩn bị một lộ trình dọc theo lề đường để cho một máy quay phim có thể

theo dõi sáu chiếc xe hơi trong lúc chúng chạy từ từ theo đại lộ Pennsylvania. Nhiều người khác đang điều chỉnh những ngọn đèn khổng lồ hình vành cung dọc theo chiều dài bảy trăm mét sẽ được cấp điện bởi một máy phát điện 200KW đã được đưa đến trung tâm thủ đô hồi bốn giờ sáng. Thiết bị âm thanh đang được thử lại để chắc chắn nó sẽ thu mọi loại tiếng động – tiếng chân trên lề đường, tiếng cửa xe hơi đóng, tiếng xe điện ngầm chạy, cả tiếng chuông của chiếc đồng hồ trên tháp Bưu điện cũ.

— Tất cả những chi phí này đều thực sự cần thiết hay sao? – Cavalli hỏi.

— Nếu ông muốn mọi người, ngoại trừ chúng tôi tin họ đang tham dự vào một phim ảnh, ông không thể tiết kiệm quá đáng. Tôi sẽ quay một cuốn phim mà bất cứ ai quan sát chúng tôi, dù là chuyên nghiệp hay nghiệp dư, cũng có thể trông mong một ngày kia sẽ xem trong một rạp xi nê. Tôi thậm chí trả đủ mức lương cho tất cả những người đóng vai phụ đó.

— Cảm ơn Chúa vì trong bọn chúng tôi không có hiệp hội, – Cavalli nói.

Lúc này, mặt trời đã soi lên tận mặt y, hai mươi phút sau khi Tổng thống thường thức tia nắng ấm trong bữa điểm tâm trong Nhà Trắng.

Cavalli nhìn xuống bản liệt kê trên bìa kẹp giấy của y. Al Calabrese đã có tất cả mười hai chiếc xe đậu bên lề đường lát đá, và những người tài xế đang đứng tụm năm tụm ba uống cà phê, núp gió sau một bức tường của Quảng trường Freedom. Sáu chiếc xe hơi loại sang lấp lánh trong ánh nắng buổi sáng, trong lúc nhiều khách bộ hành, những người làm công tác vệ sinh hoặc canh gác rời văn phòng và những người đi vé tháng bước lên khỏi ga xe điện ngầm Federal Triangle, đều bước chậm lại để ngắm quang cảnh đặc biệt này. Một người thợ sơn đang tô điểm lại biểu tượng Tổng thống trên chiếc xe thứ ba, trong lúc một cô gái đang cầm một ngọn cờ trên cái chắn bùn bên phải. Cavalli quay người để trông thấy một chiếc xe tải cảnh sát, cốp sau hạ xuống, đậu trước District Building. Những rào cản đang được giở ra và đưa lên lề đường để cho chắc chắn những người khách bộ hành không đại dột đi lang thang vào nơi hành sự trong ba phút hệ trọng đó khi việc quay phim đang

diễn ra.

Lloyd Adams đã dùng ngày hôm trước vào việc kiểm tra lại những lời đối thoại một lần cuối và đọc lướt qua một cuốn sách khác về lịch sử của bản Tuyên ngôn Độc lập. Đêm hôm ấy, ông ta ngồi trên giường xem đi xem lại một đoạn video với cảnh Clinton bước trên đại lộ Georgia, ghi nhớ cái đầu nghiêng qua một bên, cái cách ông căn môi dưới trong tiềm thức. Thứ Hai tuần trước, Adams đã mua một bộ com lê giống hệt như bộ Tổng thống đang dùng để chào đón Thủ tướng Anh trong tháng Hai – lấy ngay từ giá để hàng của siêu thị Dillard. Ông chọn một chiếc cà vạt đỏ trắng và xanh, bắt chước kiểu của Clinton trên trang bìa của số tạp chí *Vanity Fair* tháng 3. Một chiếc Timex Ironman, là thứ cuối cùng thêm vào tủ áo của ông ta. Trong tuần lễ cuối cùng một bộ tác giả đã được làm ra, lần này hơi hoa râm hơn và Adams cảm thấy dễ chịu hơn. Viên đạo diễn và Cavalli đã hướng dẫn ông ta qua một cuộc diễn tập vào buổi tối hôm trước: thuộc lòng – mặc dù Johnny đã bình luận rằng sự thất bại của ông ta ở cuối cảnh là một trường hợp diễn xuất quá trớn không cần thiết. Cavalli có cảm tưởng Viện trường viện Bảo tàng sẽ quá tất bật nên không thể nhận thấy.

Cavalli yêu cầu Al Calabrese xem xét lại sự thất bại của nhân viên ông ta một lần nữa. Al cố không tỏ vẻ tức giận, trong lúc ông ta xem xét lại từng chi tiết trong ba phiên họp cuối cùng của đội điều hành. Ông ta nhắc lại một cách lạnh lợi:

— Mười hai tài xế, sáu vệ sĩ chạy mô tô. Bốn người trong bọn họ là cựu cảnh sát dân sự hoặc quân sự: và tất cả đều đã làm việc với tôi trước đây. Nhưng vì không có một ai trong bọn họ sẽ đi vào Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia – họ đã được cho biết chỉ tham dự vào một cuốn phim. Chỉ những người làm việc trực tiếp với Gino Sartori mới biết chúng ta thực sự đang làm gì.

— Nhưng họ được hướng dẫn đầy đủ về điều gì chờ đợi họ khi họ đã đến Viện bảo tàng chứ?

— Ông có thể tin tưởng hoàn toàn, – Al trả lời. – Chúng tôi đã kiểm sát lại ít nhất là sáu lần vào ngày hôm qua, đầu tiên trên một tấm bản đồ trong văn phòng của tôi, rồi chúng tôi đến đây vào buổi chiều và đi suốt lộ trình. Họ đã lái xe trên đại lộ Pennsylvania với tốc độ mười lăm cây số mỗi giờ, trong lúc họ được quay phim và tiếp tục chạy về hướng Đông cho đến khi gặp đường 7. Sau đó họ quẹo phải khi đã khuất khỏi tầm nhìn của mọi người tham dự vào vụ quay phim, không kể cảnh sát. Rồi họ quẹo phải một lần nữa ở cổng giao nhận của Viện bảo tàng, nơi đây họ sẽ dừng lại phía trước bục để xe tải lên xuống hàng. Angelo, Dollar Bill, Debbie, ông và đội phân công rời khỏi xe để đi theo diễn viên vào trong toà nhà, nơi họ sẽ được gặp Calder Marshall. Khi toán của ông đã vào toà nhà, đoàn xe sẽ trở lại đoạn đường dốc và quẹo phải sang đường 7, quẹo phải một lần nữa sang đại lộ Constitution rồi lại quẹo phải sang đường 14 trước khi quay về nơi đang bắt đầu quay phim. Lúc bấy giờ, Johnny sẽ chuẩn bị một cảnh quay thứ hai. Khi trông thấy dấu hiệu của ông cho biết bản Tuyên ngôn Độc lập đã được thay thế bởi một bản giả, cảnh quay thứ hai sẽ lập tức bắt đầu, ngoại trừ thời gian này, chúng tôi sẽ thu hồi mười ba nhân viên mà chúng tôi đã thả xuống bên ngoài Viện Bảo tàng.

— Và nếu tất cả mọi việc theo đúng kế hoạch, cũng như bản Tuyên ngôn Độc lập, thì chuyện gì xảy ra? – Cavalli hỏi, muốn biết chắc không có gì thay đổi kể từ phiên họp của đội điều hành lần cuối ở New York.

— Những chiếc xe hơi rời khỏi Washington theo các lộ trình khác nhau, – Al nói tiếp. – Ba chiếc trong số đó sẽ trở về thủ đô trong buổi chiều, sau khi đã đổi bằng số xe; hai chiếc khác tiếp tục đến New York và một chiếc khác chạy tới một nơi chỉ một mình ông biết, đó là chiếc mang theo bản Tuyên ngôn.

— Nếu mọi việc trôi chảy như thế, Al, ông sẽ được hưởng phần tiền của ông. Nhưng chỉ sau khi chúng tôi đã thực sự biết rõ ông đã hoàn thành công việc tốt đẹp.

Cavalli gật đầu trong lúc Al cầm lấy ca cà phê và trở lại với đám nhân viên của ông ta.

Y xem đồng hồ, 7 giờ 22. Khi ngẩng lên, y trông thấy Johnny đang đi về phía y, mặt đỏ bừng. Cảm ơn Chúa vì mình không phải làm việc ở Hollywood, y nghĩ.

— Tôi đang gặp rắc rối với viên cảnh sát vì anh ta bảo tôi chỉ có thể bật thiết bị chiếu sáng trên lề đường sau 9 giờ 30. Như thế có nghĩa là tôi chỉ có thể bắt đầu quay phim sau 10 giờ, và nếu tôi chỉ có bốn mươi lăm phút để bắt đầu...

— Bình tĩnh lại, Johnny, – Cavalli nói, và kiểm tra danh sách nhân viên của y.

Y ngẩng lên và bắt đầu dò xét đám đông công nhân đang tuôn ra Quảng trường Freedom trên lề đường. Y chợt thấy người đàn ông y cần.

— Ông có thấy anh chàng cao lớn với mái tóc hoa râm đang tán tỉnh Dobbie? – y vừa nói vừa chỉ tay.

— Có! – Johnny nói.

— Đó là Tom Newbolt, cựu Phó cảnh sát trưởng của DCPD^[28], bây giờ là một cố vấn an ninh. Chúng tôi đã thuê anh ta suốt ngày hôm nay. Vậy anh hãy tới nói với anh ta vấn đề của anh là gì, rồi chúng ta sẽ thấy rõ anh ta có xứng đáng với năm nghìn đô la mà công ty đã trả cho anh ta.

Cavalli mỉm cười, trong lúc Johnny phóng về phía Newbolt.

Angelo quan sát thân hình đang ngủ ngon lành. Gã cúi xuống, nắm lấy vai Dollar Bill và lay mạnh ông ta.

Người đàn ông Ireland nhỏ thó đang phun ra một tiếng ngáy giống như một chiếc máy cũ hơn là một con người. Angelo cúi sát hơn, chỉ để nhận thấy Dollar Bill bốc mùi tựa hồ ông ta đã trải qua một đêm trong một nhà máy bia địa phương.

Angelo nhận thức rằng đáng lẽ gã đừng bao giờ bỏ mặc Bill tối qua, dù chỉ một lúc. Nếu gã không đưa ông già mắc dịch này đến Viện Bảo tàng kịp giờ, Cavalli sẽ giết chết cả hai người. Gã còn biết ai là người thực hiện công việc và phương pháp cô ta sẽ dùng. Gã tiếp tục lay, nhưng đôi mắt của Dollar Bill vẫn kiên quyết nhắm.

Lúc tám giờ, một tiếng còi xe vang lên và đoàn làm phim nghỉ giải lao để ăn điểm tâm.

— Ba mươi phút. Luật nghiệp đoàn, — Johnny giải thích khi Cavalli có vẻ tức giận.

Đoàn làm phim vây quanh một chiếc xe thùng — một loại hàng nhập khẩu khác — đậu trên lề đường, nơi đông người đang bán trứng, giảm bông và khoai tây chiên. Cavalli phải nhìn nhận rằng những đám đông tụ tập phía sau rào cản của cảnh sát và những khách bộ hành la cà trên lề đường dường như không có vẻ nghi ngờ đoàn làm phim đang chuẩn bị quay.

Cavalli quyết định sử dụng thời gian giải lao ba mươi phút và việc tự kiểm tra lại rằng, khi đoàn xe đã quẹo phải sang đường 7 rồi thì sẽ không có một ai trong đoàn làm phim trên đại lộ Pennsylvania được nhìn thấy nữa.

Y sai bước rời khỏi cảnh huyên náo và khi đến gốc đường 7, y quẹo phải. Mọi việc tựa hồ như y đã đi vào một thế giới khác. Y gặp một nhóm người hoàn toàn không hay biết chuyện gì đang diễn ra cách đó chưa đầy tám trăm

mét. Mọi việc giống như Washington trong một buổi sáng thứ Tư bình thường. Y thích thú nhận ra Andy Borzello đang ngồi trên chiếc ghế băng trong trạm chờ xe bus, gần lối và bực lên xuống hàng chờ của Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, đọc tờ *Washington Post*.

Lúc Cavalli trở lại, đoàn làm phim đang bắt đầu thụt lùi lại và chuẩn bị việc kiểm tra cuối cùng; không một ai muốn mình là người chịu trách nhiệm về việc phải quay lại.

Đám đông ở rào chắn đang đông dần hơn từng phút và cảnh sát phải mất nhiều thời gian giải thích rằng đó là một cảnh phim sắp quay, nhưng ít nhất cũng phải sau hai giờ nữa. Một số người tỏ vẻ thất vọng với lời thông báo này và bỏ đi, chỉ khiến cho nhiều người khác chiếm lấy chỗ vừa bị bỏ trống. Máy điện thoại di động của Cavalli chọt reo lên. Y bấm nút nói và được chào hỏi bởi tiếng nói của bố y với các nguyên âm vùng Brooklyn. Vị chủ tịch có vẻ thận trọng qua máy điện thoại và chỉ hỏi có vấn đề gì hay không.

— Một vài vấn đề, – Tony nhìn nhận. – Nhưng không có gì đi quá xa với dự đoán hoặc không thể khắc phục.

— Con đừng quên, hãy huỷ bỏ toàn bộ kế hoạch nếu con không bằng lòng với câu trả lời cho cú điện thoại lúc chín giờ của con. Dù sao đi nữa, nhất thiết không để cho hản trở về Nhà Trắng.

Đường dây im bật. Cavalli biết rằng bố y có lý về cả hai cách tính toán. Cavalli xem đồng hồ tay của y một lần nữa. 8 giờ 43. Y thả bộ tới chỗ Johnny.

— Tôi sẽ đi qua tới Willard. Chắc là không lâu lắm đâu vì vậy ông cứ điều hành mọi việc. À, tôi thấy ông đã có đủ mọi thiết bị của ông trên lễ đường.

— Nhất định rồi, – Johnny nói. – Sau khi Newbolt nói chuyện với viên cảnh sát, anh ta còn giúp chúng tôi khiêng đồ đạc.

Cavalli mỉm cười và bắt đầu bước về phía nhà hát Quốc gia trên đường đến khách sạn Willard. Gino Sartori đang đến theo chiều ngược lại.

— Gino, – Cavalli vừa nói vừa dùng chân để nhìn thẳng vào viên cựu hải quân. – Tất cả người của ông đã sẵn sàng rồi chứ?

— Từng người một.

— Và ông có thể bảo đảm sự im lặng của họ?

— Chắc như hến. Tức là, nếu họ không muốn tự đào mồ chôn mình.

— Vậy thì lúc này họ ở đâu?

— Đang đến từ tám hướng khác nhau. Tất cả bọn họ sẽ trình diện tôi lúc chín giờ rưỡi. Com lê sẵn chỉnh tề, cà vạt đứng đắn và bao súng ngắn không lộ rõ.

— Ông hãy cho tôi biết lúc tất cả bọn họ đến.

— Vâng, – Gino nói.

Cavalli tiếp tục cuộc hành trình đến khách sạn Willard, và sau khi xem đồng hồ tay một lần nữa, y bắt đầu sải bước dài. Y ung dung đi vào phòng đợi và thấy Rex Butterworth đang bồn chồn bước quanh ở giữa căn phòng lớn, tựa hồ mục đích duy nhất trong đời của ông ta là mài mòn tấm thảm hai màu xanh và vàng. Ông ta tỏ vẻ nhẹ nhõm khi trông thấy Cavalli, và đến gặp y trong lúc y vẫn sải bước về phía thang máy.

— Tôi đã nói ông hãy ngồi chờ trong góc, đừng diễu hành qua lại trước mặt mọi nhà báo tự do đang tìm kiếm một đề tài.

Butterworth ấp úng một lời xin lỗi trong lúc họ bước vào trong thang máy và Cavalli bấm số 11. Không một ai trong bọn họ nói gì cho đến khi họ an toàn bên trong phòng 1117, nơi Cavalli đã trải qua đêm hôm trước.

Cavalli nhìn Rex Butterworth một cách chăm chú hơn khi họ chỉ có một mình. Ông ta đổ mồ hôi như thể vừa mới hoàn tất một cuộc chạy bộ tám cây số, không đi lên tầng 11 bằng thang máy.

— Ông hãy bình tĩnh lại đi, – Cavalli nói. – Cho tới lúc này, ông đã đóng

vai của ông rất tốt. Chỉ còn một cú điện thoại nữa thôi là ông hoàn tất mọi việc. Ông sẽ ngồi trên máy bay đi Rio trước cả khi vệ sĩ mô tô đầu tiên chạy tới Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia. Bây giờ, ông đã thông suốt những gì ông phải nói với Marshall rồi chứ?

Butterworth lấy ra một tập ghi chép viết tay, đọc lên một vài từ rồi nói:

— Vâng, tôi đã thông suốt và đang sẵn sàng.

Ông ta run lấy bầy.

Cavalli quay số điện thoại riêng của văn phòng Viện trưởng cách đây chừng tám trăm mét, và khi y nghe tiếng chuông đầu tiên, chuyển ống nghe cho Butterworth. Cả hai người cùng lắng nghe tiếng chuông tiếp tục reo. Họ sẽ phải thử lại một lần nữa sau một thời gian vài phút. Bỗng có một tiếng “cách” và một giọng nói:

— Calder Marshall đây.

Cavalli đi vào phòng tắm và nhắc máy phụ lên.

— Chào ông Marshall. Tôi là Rex Butterworth ở Nhà Trắng, chỉ kiểm tra lại mọi việc đã sắp xếp đâu vào đấy và sẵn sàng chưa.

— Chắc chắn lắm rồi, ông Butterworth. Mỗi nhân viên trong văn phòng của tôi đã được chỉ dẫn để có mặt tại bàn làm việc lúc chín giờ đúng. Thật ra, tôi đã trông thấy họ sẵn sàng cả rồi, nhưng chỉ viên phó của tôi và trưởng ban bảo vệ biết lý do thực khiến tôi yêu cầu tất cả không được đến trễ sáng hôm nay.

— Tốt lắm, – Butterworth nói. – Tổng thống luôn luôn làm việc đúng giờ giấc và chúng tôi dự đoán ông ấy sẽ đến với ông khoảng mười giờ, nhưng tôi e rằng ông ấy phải trở về Nhà trước lúc mười một giờ.

— Lúc mười một giờ, tất nhiên, – vị Viện trưởng nói. – Tôi chỉ hy vọng chúng tôi có thể đưa ông ấy đi tham quan toà nhà trong năm mươi phút, bởi vì tôi nghĩ có nhiều nhân viên của tôi ước mong được gặp Tổng thống.

— Chúng tôi phải hy vọng năm mươi phút đó là thời gian đủ cho tất cả mọi người, – Butterworth nói. – Phải chăng tôi có thể nghĩ rằng không còn có vấn đề nào với yêu cầu riêng của Tổng thống?

— Theo tôi biết thì không có, – Marshall nói. – Viên trưởng ban bảo vệ rất sẵn lòng tháo tấm kính ra để cho Tổng thống có thể nghiên cứu tấm giấy da với hình thể nguyên thủy của nó. Chúng tôi sẽ giữ bản Tuyên ngôn trong tầng hầm ngầm cho tới khi Tổng thống rời khỏi viện. Tôi hy vọng mấy phút sau đó sẽ trả tài liệu này về chỗ cũ để cho công chúng thưởng thức.

— Tôi thấy dường như ông nắm vững tất cả mọi việc, ông Marshall, – Butterworth nói, mồ hôi vẫn tiếp tục rườm ra trên trán. – Tôi đi gặp Tổng thống ngay bây giờ, vì vậy tôi e là tôi sẽ không liên lạc được trong thời gian còn lại của buổi sáng, nhưng chúng ta có thể nói chuyện lại trong buổi chiều và ông có thể kể cho tôi nghe mọi việc tiến hành ra sao.

Cavalli đặt máy điện thoại bên cạnh bồn tắm, phóng trở lại phòng ngủ, dừng lại trước mặt viên Trợ lý đặc biệt của Tổng thống. Butterworth có vẻ kính hãi. Cavalli lắc đầu lia lịa.

— Thật sự, sau khi xem lại chương trình, ông Marshall, tôi mới thấy ông không thể liên lạc với tôi hôm nay bởi vì đã hứa với vợ tôi rằng, tôi sẽ rời văn phòng hơi sớm hơn thường lệ để chuẩn bị cho cuộc nghỉ phép năm bắt đầu vào ngày mai.

—Ồ, ông sẽ đi đâu thế? – Marshall ngây thơ hỏi.

— Đi thăm mẹ tôi ở Charleston. Nhưng tôi chắc chắn cuộc viếng thăm của Tổng thống đến Viện Bảo tàng sẽ rất thành công. Tại sao chúng ta không lặp lại ngay lúc tôi trở về.

— Tôi sẽ rất vui mừng, – Marshall nói. – Và tôi hy vọng ông có được một kỳ nghỉ thú vị ở South Carolina, hoa đỗ quỳên chắc vẫn còn đang nở.

— Vâng, tôi đoán thế, – Butterworth nói trong lúc ông ta nhìn Cavalli đưa

một ngón tay qua cổ. – Máy điện thoại kia của tôi đang reo, – Ông ta tiếp, và không thêm một lời nào khác, đặt máy xuống.

— Ông nói quá nhiều đấy. Chúng tôi đâu có cần ông ta tìm cách liên lạc lại với ông.

Butterworth có vẻ lo lắng.

— Bao lâu sau Nhà Trắng mới thức mắc ông đang ở đâu? – Cavalli hỏi.

— Tối thiểu một tuần, – Butterworth đáp. – Tôi quả thực đã đến hạn nghỉ phép năm, và thậm chí ông sếp của tôi nghĩ tôi đang đi Charleston.

— Tốt, điều đó ông đã nghĩ đúng, – Cavalli nói trong lúc y đưa cho Butterworth một tấm vé chuyển đi Rio de Janeiro và một thư xác nhận rằng số tiền chín trăm ngàn đô la đã được gửi vào Banco de Brazil.

— Tôi phải trở về nơi quay phim, – Cavalli nói – Ông ở lại đây mười phút rồi gọi một chiếc taxi tới phi trường Dulles. Và khi ông đến Brazil đừng nên tiêu trọn số tiền cho một cô gái. Và Rex, ông đừng bao giờ nghĩ đến chuyện trở về. Nếu ông trở về, tức khắc Cảnh sát liên bang sẽ chờ đợi ông tại phi trường.

Angelo bằng cách nào đó đã tìm được cách dựng Dollar Bill dậy, nhưng ông ta vẫn sặc mùi bia Guinness, và chắc chắn ông ta không có vẻ như bác sĩ riêng của Tổng thống – hoặc bác sĩ của một bất cứ một người nào khác về điều đó.

— Xin lỗi anh bạn, xin lỗi anh bạn, – Bill cứ nhắc đi nhắc lại. – Tôi hy vọng sẽ không gây rắc rối cho anh.

— Sẽ rắc rối nếu ông không tỉnh táo kịp thời để đóng vai trò của ông và

trông thấy tấm giấy da được chuyển vào trong cái hộp đặc biệt. Bởi vì nếu Cavalli phát giác ra tôi đã không ở bên cạnh ông đêm hôm qua, ông sẽ chết, và quan trọng hơn, tôi cũng thế.

— Hãy yên tâm đi, anh bạn, và pha cho tôi một ly Blondy Mary. Hai phần trăm nước cà chua và một phần Vodka. Chỉ một loáng là tôi khỏe re ngay mà, anh sẽ thấy.

Angelo tỏ vẻ ngờ vực trong lúc đầu của người đàn ông nhỏ thó lại rơi lên gối.

Trong lúc Cavalli đóng cửa phòng 1117, một người đàn bà đẩy một giỏ đồ giặt đi ngang qua y trong hành lang.

Y đi thang máy xuống tầng trệt và bước thẳng ra ngoài khách sạn. Cảnh tượng đầu tiên mà y thấy trong lúc y rời khỏi Willard và băng qua Quảng trường phân chia khách sạn với đại lộ Pennsylvania là luồng xe cộ lưu thông buổi sáng bị đẩy lùi lại cách đường 15 khoảng tám trăm mét.

Al và Johnny đang chạy về phía y từ hai hướng khác nhau.

— Chuyện gì vậy? – Cavalli hỏi ngay.

— Lưu thông buổi sáng bình thường từ Virginia đến đây, cảnh sát cam đoan với chúng ta; ngoại trừ chúng ta đang làm tắc nghẽn một làn rưỡi đường cùng với mười hai chiếc xe hơi và sáu vệ sĩ chạy mô tô của chúng ta.

— Mẹ kiếp, lỗi của tôi, – Cavalli nói. – Đáng lẽ tôi phải dự đoán chuyện đó. Vậy anh đề nghị gì, Al?

— Tôi gửi nhân viên đến gara Atlantic ở đường 13 và chờ tới khi cảnh sát giải toả lưu thông trở lại, và lúc bảy giờ đưa họ trở về trước giờ khởi sự.

— Quá sức mạo hiểm, – Johnny nói. – Giấy phép đó chỉ cho tôi được quay phim trong bốn mươi lăm phút, và họ sẽ không chịu kéo dài thêm, dù chỉ một giây.

— Nhưng nếu mấy chiếc xe của tôi bị kẹt cứng thì ông không bao giờ có thể quay được gì, – Al nói.

— Được rồi, Al, ông khởi động đi, nhưng phải chắc chắn ông sẽ trở về vạch xuất phát lúc 9 giờ 50, – Cavalli xem đồng hồ. – Tức là còn hai mươi bảy phút nữa.

Al bắt đầu chạy về phía mấy chiếc xe đậu. Cavalli quay sự chú ý sang viên đạo diễn.

— Lúc nào thì ông đưa diễn viên ra ngoài?

— Chín giờ năm mươi, hoặc lúc chiếc xe hơi cuối cùng trở về đúng chỗ. Anh ta đang được hoá trang trong chiếc xe thùng đằng kia, – Johnny vừa nói vừa chỉ tay.

Cavalli nhìn chiếc xe hơi thứ sáu chạy đi, và nhẹ nhõm khi thấy xe cộ lại lưu thông đều đặn.

— Còn đám nhân viên mật vụ của Gino, họ làm gì khi những chiếc xe đã chạy đi?

— Phần đông đi lang thang vì họ chỉ đóng vai phụ, nhưng họ không có vẻ dễ tin đâu.

Máy điện thoại của Cavalli bắt đầu reo.

— Tôi phải trở lại, nếu không ông sẽ chẳng có cuốn phim đâu, – Johnny nói.

Cavalli gật đầu nói: “Được” vào ống nghe trong lúc viên đạo diễn hối hả chạy đi. Một cái gì đó đập vào mắt Cavalli trong lúc y cố tập trung vào giọng nói ở đầu kia đường dây.

— Chiếc trực thăng đã được chuẩn bị để bay lên lúc 10 giờ đúng, thưa sếp, nhưng nó mất chỗ vì trễ bảy phút. Đám cảnh sát giao thông sau đó không chịu để cho nó bay lên, tuy nhiên, ông đã cho Hội Huynh đệ cảnh sát nhiều tiền lắm mà.

— Chúng ta vẫn còn đang chạy theo chương trình, mặc dầu có một số vấn đề, – Cavalli nói, – vì vậy anh sẽ cho nó lên lúc mười giờ và chỉ việc dừng lại trên không. Marshall và nhân viên ông ta nhất định sẽ trông thấy và nghe tiếng anh khi chúng ta đến Viện Bảo tàng. Tôi chỉ cần có thế.

— Được rồi, thưa sếp. Tôi hiểu rồi!

Cavalli xem đồng hồ một lần nữa. Lúc này là 9 giờ 36 và sự lưu thông đang diễn ra một cách êm xuôi. Y bước tới nhân viên điều phối việc quay phim cho phòng điện ảnh và truyền hình của thành phố.

— Ông đừng lo, – viên trung úy nói trước cả khi Cavalli kịp mở miệng. – Lưu thông sẽ được ngừng lại và các bảng hiệu chỉ đường sẽ đặt vào vị trí lúc 9 giờ 59. Chúng tôi sẽ giúp các ông làm việc đúng giờ, tôi xin hứa.

— Cảm ơn, ông sĩ quan, – Cavalli nói và nhanh chóng quay số của Al.

— Tôi nghĩ ông nên bắt đầu rút người của ông về...

— Số một đã đi với hai vệ sĩ chạy mô tô. Số hai sắp sửa đi; sau đó, họ cứ đi cách nhau hai mươi giây.

— Ông phải là một tướng lĩnh trong quân đội, – Cavalli nói.

— Ông có thể quy trách nhiệm cho Chính phủ về việc đó. Chỉ vì tôi đã không học đúng ngành.

Đột nhiên, đại lộ Pennsylvania sáng rực ánh đèn. Cavalli, cũng như mọi người khác, che mắt lại rồi cũng đột nhiên, các ngọn đèn đều tắt, làm cho mặt trời buổi sáng như một bóng đèn mờ.

— Các đèn chiếu rất tốt, – Cavalli nghe viên đạo diễn la lớn. – Tôi chỉ

thấy một cái không sáng. Cái thứ bảy bên phải.

Cavalli dừng trên lề và nhìn về phía góc đường 13, nơi đó y có thể trông thấy chiếc đầu tiên trong số xe hơi của Al với hai vệ sĩ chạy mô tô đang di chuyển một cách chậm chạp xuyên qua luồng giao thông. Hình ảnh chiếc xe hơi sang trọng màu đen bóng loáng khiến y cảm thấy bồn chồn lần đầu tiên.

Một người đàn ông cao lớn, vạm vỡ, đầu hói mang kính đen, mặc com lê xanh sẫm, áo sơ mi trắng và một chiếc cà vạt sọc đỏ trắng xanh đang bước về phía y. Ông ta dừng lại bên cạnh Cavalli trong lúc vệ sĩ chạy mô tô đầu tiên và chiếc xe cảnh sát dẫn đầu ghé vào lề.

— Ông cảm thấy thế nào? – Cavalli hỏi.

— Như tất cả những đêm đầu tiên, – Lloyd Adams đáp. – Tôi chỉ thấy dễ chịu một khi bức màn được kéo lên.

— Đêm hôm qua ông đã học thuộc lòng lời đối thoại rồi chứ?

— Lời đối thoại của tôi không thành vấn đề, – người diễn viên nói. – Chính lời đối thoại của ông Marshall mới làm cho tôi lo lắng.

— Ông ngụ ý gì thế? – Cavalli hỏi.

— Ông ta đã không thể tham dự bất cứ một cuộc diễn tập nào của chúng ta, phải không? – Adams đáp. – Vì thế ông ta đâu có biết cách ăn nhip.

Chiếc xe thứ hai đậu nổi đuôi, được hộ tống bởi hai vệ sĩ chạy xe mô tô, trong lúc Al Calabrese chạy đến ngang qua đường và Lloyd Adams sải bước về phía xe thùng.

— Ông vẫn còn có thể hoàn thành công việc trong chín phút chứ? – Cavalli vừa hỏi vừa nhìn đồng hồ.

— Với điều kiện sếp Thomas không làm rối tung tất cả mọi việc lên như họ đã từng làm mỗi buổi sáng khác, – Al nói.

Ông ta đi về phía mấy chiếc xe hơi và lập tức bắt đầu tổ chức việc cầm cờ

Tổng thống lên mui chiếc xe thứ ba trước khi mọi vết bẩn có thể dính trên thân xe sau một cuộc chạy vòng quanh khu phố.

Chiếc xe tải chỉ huy chạy vào hàng. Scasiatore xoay quanh người trên chiếc ghế đầu cao và qua một loa phóng thanh, nói với diễn viên, thư ký, trung úy và bác sĩ hãy sẵn sàng lên chiếc xe hơi số hai và số bốn.

Khi viên đạo diễn hỏi viên trung úy và người bác sĩ, Cavalli bỗng nhận ra rằng y đã không trông thấy Dollar Bill hoặc Angelo suốt buổi sáng. Có lẽ họ đang chờ đợi trong chiếc xe thùng. Chiếc xe hơi thứ tư đậu lại trong lúc đôi mắt của Cavalli nhìn lướt về phía xe tìm kiếm Angelo.

Tiếng còi lại vang lên trong mấy giây, lần này để nhắc nhở đội làm phim rằng họ chỉ còn mười phút nữa là tới lúc quay phim. Tiếng động hầu như ngăn cản Cavalli nghe tiếng chuông điện thoại.

— Andy báo cáo đây, thưa sếp. Tôi vẫn còn đang ở bên ngoài Viện Bảo tàng. Chỉ để cho ông biết không có ai bận hơn khi ông kiểm tra cách đây một giờ.

— Tối thiểu có một người còn thức, – Cavalli nói.

— Không thể có hơn hai mươi hoặc ba mươi người ở quanh đây lúc này.

— Tôi vui mừng nghe nói như thế. Nhưng đừng gọi lại tôi trừ phi có điều gì bất ổn.

Cavalli tắt máy điện thoại và cố nhớ lại điều gì khiến cho y lo lắng trước khi chuông reo. Giờ đây đã có mười một chiếc xe hơi và sáu vệ sĩ chạy mô tô đậu vào chỗ. Vẫn còn thiếu một chiếc xe. Nhưng một điều gì khác cứ lẩn cấn trong tận cùng tâm trí Cavalli. Y trở nên xao lãng khi một viên sĩ quan đứng giữa đại lộ Pennsylvania bắt đầu cố hết sức hét lớn rằng anh ta sẵn sàng chặn xe cộ lại bất cứ lúc nào viên đạo diễn lên tiếng. Johnny đứng trên một cái ghế và chỉ tay lia lịa về phía chiếc xe hơi thứ mười hai vẫn còn ươm ngạnh kẹt lại trong dòng lưu thông cách xa vài trăm mét.

— Nếu ông đổi hướng giao thông lúc này, Johnny la lớn, – thì chiếc xe ấy không bao giờ đến được đoàn xe hộ tống.

Viên sĩ quan vẫn đứng giữa đường và vẫy tay cho dòng lưu thông qua thật nhanh với hy vọng chiếc xe hơi đang bị kẹt kia có thể di chuyển nhanh hơn, nhưng vẫn không gây nên sự khác biệt nào đáng kể.

— Diễn viên phụ lên đường! – Johnny la lớn.

Mấy người mà Cavalli vẫn tưởng là dân chúng tản bộ trên lề đường liền bắt đầu bước qua lại một cách thiện nghệ. Johnny lại đứng lên chiếc ghế và lần này quay mặt về phía đám đông tụ tập phía sau rào chắn. Một người phụ tá đưa cho ông một loa phóng thanh để ông có thể nói chuyện với họ.

— Thưa quý ông quý bà, – Ông ta mở lời. – Đây là một đoạn ngắn cho một cuốn phim về việc Tổng thống đi đến The Hill để đọc diễn văn tại một phiên họp của Lưỡng viện Quốc hội. Tôi sẽ rất biết ơn nếu quý vị có thể vẫy tay, vỗ tay và hoan hô như thế đây là Tổng thống thực vậy. Xin cảm ơn quý vị!

Tiếng vỗ tay tự nguyện vang lên, khiến cho Cavalli bật cười lần đầu tiên trong buổi sáng hôm ấy. Y không nhận thấy viên Phó cảnh sát trưởng đã lặng lẽ đến phía sau y trong lúc viên đạo diễn vẫn nói chuyện. Anh ta thì thầm vào tai y:

— Việc này sẽ làm cho ông mất nhiều tiền nếu ông không kéo nó ra khỏi đây ngay.

Cavalli quay lại để nhìn thẳng vào mặt viên cựu cảnh sát và cố không tỏ rõ y đang lo lắng như thế nào.

— Tôi muốn nói mọi việc hoãn lại. Nếu ông không quay phim được trong buổi sáng hôm nay, những người có thẩm quyền sẽ không cho phép ông tái diễn trò chơi này trong một thời gian rất dài.

— Tôi không cần ai nhắc nhở điều đó, – Cavalli gằn giọng.

Y quay sự chú ý trở lại Johnny lúc đó đã leo xuống khỏi ghế và đang bước tới, ngồi lên giàn đỡ máy thu hình di động, sẵn sàng phát động ngay lúc chiếc xe hơi thứ mười hai vào đúng vị trí. Một lần nữa, viên phụ tá chuyển loa phóng thanh cho Johnny.

— Đây là một cuộc kiểm tra cuối cùng. Xin hãy kiểm tra vị trí của mỗi người. Đây là một cuộc kiểm tra cuối cùng. Mọi người đã sẵn sàng trong xe số một chưa?

Một tiếng còi xe vang lên để trả lời.

— Xe số hai?

Một tiếng còi khác.

— Xe số ba?

Một tiếng còi khác nữa do tài xế chiếc xe của Lloyd Admas.

Cavalli nhìn chăm chú qua khung cửa trong lúc người diễn viên đầu hói mở nắp hộp tóc giả.

— Xe số bốn?

Không có một tiếng nào từ chiếc xe số bốn.

— Những người đi xe số bốn đã lên xe đủ chưa? – Viên đạo diễn hét lớn.

Mãi tới lúc đó, Cavalli mới sực nhớ ra điều gì đã lẩn cấn trong tâm trí y suốt buổi sáng. Y vẫn chưa hề trông thấy Angelo và Dollar Bill. Lẽ ra y phải kiểm tra sớm hơn. Y vội vàng tiến về phía viên đạo diễn trong lúc một viên trung úy hải quân nhảy ra khỏi một chiếc xe mà anh ta đã bị mắc kẹt ở giữa đường. Anh ta cao chừng một mét tám mươi, có mái tóc cắt ngắn, mặc một bộ đồng phục trắng với một cây kiếm lung lẳng bên hông và nhiều tấm huy chương vì đã phục vụ tốt ở Panama và vùng Vịnh gần trên ngực, bàn tay phải anh ta cầm một chiếc hộp màu đen.

Một viên cảnh sát bắt đầu đuổi theo anh ta, trong lúc Dollar Bill mang một

túi da nhỏ, theo sau cách vài ba mét với một tốc độ chậm hơn. Khi Cavalli trông thấy chuyện gì đã xảy ra, y liền đổi hướng, điềm tĩnh bước ra giữa đường và viên sĩ quan hải quân dừng lại bên cạnh y.

— Anh nghĩ anh đang chơi trò gì thế? – Cavalli gay gắt hơn.

— Chúng tôi đã bị kẹt xe, – Angelo đáp một cách yếu ớt.

— Nếu toàn bộ công việc này thất bại chỉ vì anh...

Angelo thay đổi bộ đồng phục màu khác trong lúc anh ta nghĩ về chuyện đã xảy đến với Bruno Morelli.

— Còn cây kiếm? – Cavalli gằn giọng.

— Hết sức thích hợp.

— Còn ông bác sĩ của chúng ta. Ông ta có thích hợp không?

— Ông ấy sẽ có thể làm việc được, tôi xin hứa với ông, – Angelo vừa nói vừa nhìn qua phía trên vai.

— Hai người ngồi trên xe nào?

— Xe số bốn. Ngay phía sau Tổng thống.

— Vậy thì lên đó đi, ngay bây giờ.

— Xin lỗi, xin lỗi, – Dollar Bill nói trong lúc vừa bước tới vừa thở hổn hển. – Lỗi của tôi, chứ không phải của Angelo. Xin lỗi, xin lỗi...

Ông ta cứ liên tục xin lỗi, trong lúc cánh cửa sau của xe số bốn được giữ lại để cho ông ta vào bởi viên trung úy đang nắm cây kiếm. Khi Dollar Bill đã an toàn trong xe, Angelo mới theo viên bác sĩ giả hiệu và đóng mạnh cánh cửa.

Viên cảnh sát đuổi theo Angelo lấy cuốn sổ tay ra, trong lúc Cavalli xoay người tìm Tom Newbolt. Tom đang chạy băng qua đường.

— Anh để người đó cho tôi, – anh ta nói.

Chiếc xe tải thứ hai chở các máy quay phim giám sát đỗ xích lại ở cuối dãy xe. Cửa sổ phía trước ken két kéo xuống.

— Xin lỗi, xin lỗi, – người tài xế nói. – Một tên ngốc đã bỏ mặc chiếc xe của hắn ngay phía trước tôi.

Chiếc đồng hồ trên tháp Bưu điện cũ đổ mười tiếng. Đúng lúc đó, theo dấu hiệu của một viên sĩ quan phối hợp, nhiều cảnh sát viên bước ra giữa đường. Một số người ngăn chặn dòng lưu thông đang đổ xuống đại lộ Pennsylvania, trong lúc những người khác đặt nhiều bảng hiệu đổi tuyến đường để chỉ dẫn cho xe cộ tránh khỏi khu vực quay phim.

Cavalli chuyển sự chú ý sang phía đại lộ Pennsylvania, chỉ cách xa chừng ba trăm mét. Một lần nữa, dòng xe cộ lại chậm chạp di chuyển nối đuôi nhau.

— Tiến lên, tiến lên, – y vừa la lớn vừa xem đồng hồ và sốt ruột đợi cho đường trống.

— Một lúc thôi mà, – viên sĩ quan lớn tiếng trả lời, anh ta đang đứng giữa đường.

Cavalli ngược lên để trông thấy chiếc trực thăng cảnh sát xanh trắng đang âm ỉ lảng vảng trên đầu.

Cả y lẫn viên sĩ quan đều không nói gì cho tới vài phút sau khi họ nghe một tiếng còi rít lên ba lần từ phía xa của đại lộ Pennsylvania. Cavalli xem đồng hồ. Họ đã mất sáu phút quý giá.

— Tôi sẽ giết Angelo, – y nói. Nếu...

— Đường trống rồi! – viên sĩ quan phối hợp la lớn.

Anh ta quay lại nhìn thẳng vào mặt Cavalli, và Cavalli giơ ngón tay cái lên ra hiệu cho viên đạo diễn.

— Các ông còn được ba mươi chín phút, – viên sĩ quan rống lên. – Chừng đó cũng thừa sức quay phim hai lần.

Nhưng Cavalli không nghe thấy tiếng sau cùng trong lúc y chạy tới chiếc xe số hai, mở cửa và nhảy vào ghế bên cạnh tài xế. Và lúc đó, một ý nghĩ lẩn tránh bật ra khỏi tâm trí y. Nhìn ra ngoài khung cửa sổ bên hông, Cavalli bắt đầu lướt qua đám đông một lần nữa.

— Ánh sáng! – viên đạo diễn gào lên, và đại lộ Pennsylvania sáng lên như đêm trước lễ Giáng sinh ở cửa hàng Mary. – Được rồi, tất cả mọi người, chúng ta sẽ quay phim trong sáu mươi giây nữa.

Những chiếc xe hơi và mô tô nổ máy đã bắt đầu rú ga mạnh. Đám diễn viên phụ thả bộ qua lại trong lúc cảnh sát tiếp tục xua những khách bộ hành ra xa nơi quay phim.

Viên đạo diễn ngửa người ra phía sau lưng ghế để kiểm tra ánh sáng và xem thử ngọn đèn số bảy đã hoạt động hay chưa.

— Ba mươi giây, – Johnny nhìn người tài xế của chiếc xe số một và nói qua loa phóng thanh. – Đừng quên tỏ ra thoải mái. Giàn đỡ máy của tôi chỉ có thể chạy thật lù lừ mười sáu cây số mỗi giờ. Và người đi bộ, – viên đạo diễn kiểm tra tới lui bên lề đường, – Xin cứ làm ra vẻ như thể đang đi, chứ không phải đang thử diễn vở Hamlet.

Viên đạo diễn quay sự chú ý sang đám đông.

— Nào, xin đừng bỏ rơi tôi phía sau rào cản. Hãy vỗ tay, hoan hô và vẫy tay, và xin nhớ chúng tôi sẽ diễn tập lại toàn bộ trong khoảng hai mươi phút, vì vậy hãy đứng nguyên tại chỗ nếu có thể.

— Mười hai giây, – viên đạo diễn nói trong lúc ông ta quay người lại để nhìn thẳng vào chiếc xe hơi số một trong hàng. – Xin chúc mọi người may mắn.

Tony nhìn Scasiatore, muốn ông ta cứ tiếp tục. Lúc này họ đã trễ mất tám phút – điều đó cùng với cá tính đặc biệt của vị Tổng thống này, y phải nhìn nhận lại khiến cho toàn bộ sự việc có vẻ xác thực.

— Mười giây. Quay. Chín, tám, bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai, một. Hành động!

Người phụ nữ đẩy chiếc giỏ đồ giặt dọc theo hành lang, không thèm để ý dấu hiệu “Xin miễn quấy rầy” ở cửa phòng 1137 và bước thẳng vào trong.

Một người đàn ông hơi mập, ướt đẫm mồ hôi, ngồi trên mép giường. Ông ta đang loay hoay với mấy con số điện thoại, khi ông ta nhìn quanh và chợt trông thấy cô ta.

— Ra ngoài đi, đồ chó cái, – ông ta nói và quay lại, chú tâm vào việc quay số.

Im lặng tiến tới ba bước, cô ta đã ở phía sau người đàn ông. Ông ta quay người lại một lần thứ hai ngay lúc người đàn bà cúi xuống, nắm sợi dây điện thoại trong cả hai bàn tay và kéo sợi dây vòng quanh cổ ông ta. Người đàn ông giơ một cánh tay lên để phản đối trong lúc cô ta giật mạnh cổ tay. Ông ta cúi người về phía trước và ngã khỏi giường, tuột xuống tấm thảm, đúng ngay lúc có tiếng nói trong máy điện thoại:

— Xin cảm ơn vì đã dùng AT&T^[29].

Cô ta nhận ra mình không nên sử dụng sợi dây điện thoại. Hầu như không chuyên nghiệp – nhưng chưa từng có ai gọi cô ta là chó cái.

Cô ta đặt ống nghe trở lên giá và cúi xuống, khéo léo nâng viên trợ lý đặc biệt của Tổng thống lên vai. Cô ta thả cái áo vào giỏ đồ giặt. Không một ai có thể tin một người phụ nữ éo lá như thế lại có thể nâng một trọng lượng nặng như thế. Thực ra công dụng duy nhất mà cô ta đã rút được từ một bằng cấp vật lý học là ứng dụng nguyên tắc điểm tựa trục và đòn bẩy vào cái nghề cô ta đã lựa chọn.

Cô ta mở cửa và kiểm tra hành lang. Vào giờ này, không có nhiều người lảng vảng nơi đây. Cô ta đẩy chiếc giỏ dọc theo hành lang cho tới thang máy dành riêng cho nhân viên phục vụ, quay mặt vào tường và kiên nhẫn chờ. Khi thang máy đến, cô ta bấm nút đưa cô ta xuống tận hầm đậu xe. Khi thang máy dừng lại trên tầng hầm, cô ta đẩy chiếc giỏ ra và đi tới phía sau một chiếc Honda Accord, loại xe hơi gần như phổ biến hàng thứ hai ở Mỹ.

Được che khuất sau một cây cột, cô ta nhanh nhẹn chuyển viên trợ lý đặc biệt từ chiếc giỏ sang cốp xe. Đoạn cô ta đẩy chiếc giỏ trở lại thang máy, cởi bộ đồng phục đen lụng thụng ra, bỏ vào giỏ đồ giặt, lấy cái túi xách với sợi dây quai dài và chuyển chiếc giỏ đồ giặt lên tầng hai mươi lăm.

Cô ta vuốt lại cho thẳng chiếc áo đầm nhãn hiệu *Laura Ashley* trước khi bước lên chiếc xe hơi và đặt cái túi xách lên ghế trước. Cô ta lái xe ra khỏi bãi đậu, tới đại lộ Pennsylvania và chỉ được một đoạn ngắn thì bị một cảnh sát giao thông chặn lại. Cô ta liền kéo cửa xuống.

— Cô hãy đi theo dấu hiệu đổi tuyến đường, – gã nói mà thậm chí không nhìn cô.

Cô ta liếc xem đồng hồ trên bảng điều khiển. Lúc đó là 10 giờ 07.

CHƯƠNG 14

Trong lúc chiếc xe cảnh sát dẫn đầu từ từ di chuyển ra khỏi lề đường, giàn đỡ máy quay phim của đạo diễn bắt đầu chạy thụt lùi cùng một tốc độ theo đường ray của nó. Những đám đông đứng sau phía rào cản bắt đầu hoan hô và vỗ tay. Nếu họ đang quay một cuốn phim thực thì đạo diễn đã lên tiếng bảo “Cắt” sau hai mươi giây bởi vì viên sĩ quan phối hợp ngu ngốc vẫn còn đứng giữa đường, tay chống nạnh, rõ ràng anh ta không phải là vai chính trong cuốn phim.

Cavalli không để ý tới viên sĩ quan trong lúc y chú tâm vào con đường trước mặt. Y gọi điện thoại cho Andy, mà y biết vẫn còn ngồi trên ghế dài ở đường 7, đọc tờ *Washington Post*.

— Đầu này không có việc gì nhiều, thưa sếp. Chỉ ở dưới cùng một đoạn đường dốc là hơi hoạt động một chút. Mọi việc phía ông suôn sẻ chứ, ông đang trễ đấy?

— Vâng, tôi biết. Nhưng chúng tôi sẽ đến chỗ anh trong vòng sáu mươi giây, – Cavalli nói trong lúc viên đạo diễn tới cuối đường ray riêng và đưa một ngón tay cái lên không để ra hiệu cho những chiếc xe hơi giờ đây có thể tăng tốc độ lên bốn mươi cây số giờ. Johnny nhảy ra khỏi giàn đỡ máy và bước chân chậm trở lại đại lộ Pennsylvania để có thể chuẩn bị cho việc quay phim lần hai.

Cavalli tắt máy điện thoại và hít vào một hơi thở sâu, trong lúc đoàn xe hộ tống qua đường 9; y chăm chú nhìn đài tưởng niệm FDR^[30] được đặt trên một bãi cỏ phía trước lối vào Viện Bảo tàng. Chiếc xe hơi thứ nhất quẹo vào đường 7, chỉ còn lại một nửa khối nhà trước khi họ tới đoạn đường dẫn vào bục lên xuống hàng. Những chiếc mô tô dẫn đầu tăng tốc độ và khi đối diện

với Andy đang đứng trên lề đường, chúng quẹo phải và chạy xuống đoạn đường dốc. Phần còn lại của đoàn xe hạ tổng tạo thành một hàng dọc, đối diện ngay với công giao hàng, trong lúc chiếc thứ ba chạy xuống đoạn dốc tới tận bục giao hàng.

Đội phân công là những người đầu tiên toả ra trên đường phố, và tám người trong bọn họ nhanh chóng lập thành một vòng tròn vây quay mặt ra ngoài chung quanh chiếc xe thứ ba.

Sau khi tám người quan sát mọi hướng trong mấy giây, Cavalli nhảy ra khỏi chiếc xe thứ hai, chạy qua gặp họ và mở cửa sau của chiếc xe thứ ba để cho Lloyd Adams có thể bước ra.

Calder Marshall đang chờ đợi ở bục lên hàng và bước tới trước để chào Tổng thống.

— Rất vui mừng được gặp ông, ông Marshall, – người diễn viên vừa nói vừa đưa tay ra. – Tôi đã trông mong cơ hội này trong một thời gian.

— Chúng tôi cũng thế, thưa ngài Tổng thống. Tôi xin thay mặt toàn thể nhân viên chào mừng ngài đến Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia của nước Mỹ. Xin mời ngài theo tôi.

Lloyd Adams và đoàn tùy tùng của ông ta rầm rập đi theo Marshall thẳng vào thang máy xuềnh xoàng dành riêng cho việc đưa hàng. Trong lúc một số nhân viên mật vụ giữ ngón tay trên nút “mở”, Cavalli ra lệnh cho đoàn xe hộ tống trở về điểm khởi hành. Sáu chiếc mô tô và mười hai chiếc xe hơi chạy đi và bắt đầu lộ trình về gặp lại viên đạo diễn và chuẩn bị cho lần quay thứ hai.

Toàn bộ công việc đưa người diễn viên vào trong toà nhà và đoàn xe hộ tống lên đường trở về mất chưa đầy hai phút, nhưng Cavalli mất tinh thần khi thấy một đám đông nhỏ đã tụ tập ở phía xa của con đường bên cạnh Ủy ban Thương mại Liên bang, rõ ràng có cảm giác một chuyện gì đó quan trọng đang diễn ra. Y chỉ hy vọng Andy có thể giải quyết vấn đề.

Cavalli nhanh nhẹn lên vào thang máy, chen vào phía sau Adams.

Marshall đã bắt đầu nói một lịch sử ngắn về cách bản Tuyên ngôn Độc lập đã đến được Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.

— Nhiều người biết rằng John Adams và Thomas Jefferson^[31] đã soạn thảo bản Tuyên ngôn và bản Tuyên ngôn này đã được Quốc hội chấp thuận ngày 4 tháng 7 năm 1776. Tuy nhiên, ít người biết được rằng, các vị Tổng thống thứ hai và thứ ba đã chết cùng một ngày, ngày 4 tháng 7 năm 1826 – năm mươi năm sau ngày ký chính thức...

Cửa thang máy mở ra trên tầng trệt và Marshall bước vào một hành lang bằng đá hoa cương, dẫn tất cả đoàn về phía văn phòng của ông.

— Bản Tuyên ngôn đã trải qua một cuộc hành trình dài và xáo động trước khi an toàn đến toà nhà này...

Khi họ đến tầng năm phía bên trái, Marshall dẫn Tổng thống và đoàn tùy tùng vào trong văn phòng của ông, nơi đó đã có sẵn cà phê. Hai người trong số nhân viên Sở Mật vụ bước vào, trong lúc sáu người khác ở lại ngoài hành lang.

Lloyd Adams nhấm nháp tách cà phê của ông ta trong lúc Marshall không để ý tới tách của mình và tiếp tục bài học lịch sử:

— Sau lễ ký, vào ngày 2 tháng 8 năm 1776, bản Tuyên ngôn được cất giữ tại Philadelphia, nhưng vì có nguy cơ bị người Anh chiếm lấy, tấm giấy da đầy lời cuốn được đưa đến Baltimore trong một chiếc xe ngựa được bảo vệ.

— Hấp dẫn. – Adams nói với giọng kéo dài. – Nhưng dù nó có bị bộ binh Anh chiếm lấy thì vẫn còn có nhiều bản sao kia mà.

— Chắc chắn như vậy, thưa ngài Tổng thống. Quả thực, chúng tôi có một bản sao rất tốt trong toà nhà này do William J. Stone vẽ. Tuy nhiên, bản gốc được giữ ở Baltimore cho tới năm 1777 thì lại được đưa trở về Philadelphia, lúc bấy giờ đã tương đối an ninh.

— Trong một chiếc xe ngựa khác? – Tổng thống hỏi.

— Đúng thế, – Marshall đáp, không nhận thấy người khách của ông nói đùa. – Chúng tôi còn biết cả tên người lái xe, một ông Samuel Smith. Rồi, trong năm 1800, theo chỉ đạo của Tổng thống Adams, bản Tuyên ngôn được chuyển đến Washington, nơi đây lần đầu tiên nó tìm được chỗ cất giữ trong Bộ Ngân khố, nhưng khoảng giữa năm 1800 và 1814, nó đã được chuyển đi khắp nước, cuối cùng đến toà nhà của Bộ Chiến tranh trên đường 17.

— Và tất nhiên, chúng ta vẫn đang có chiến tranh với người Anh vào lúc đó, – người diễn viên nói.

Cavalli khâm phục cái cách Adams chẳng những học thuộc các lời đối thoại mà còn nghiên cứu hết sức tỉ mỉ.

— Đúng thế, thưa ngài Tổng thống, – vị Viện trưởng nói. – Và khi hạm đội Anh xuất hiện trong vịnh Chesapeake, ngoại trưởng James Monroe đã ra lệnh di chuyển bản Tuyên ngôn một lần nữa. Bởi vì, như tôi tin chắc Tổng thống đã bắt chính Ngoại trưởng chịu trách nhiệm về sự an toàn của bản Tuyên ngôn, chứ không phải Tổng thống.

Lloyd Adams biết nhưng không chắc chắn có phải là Tổng thống hay không, vì vậy ông ta quyết định cẩn thận là hơn.

— Thật thế sao, ông Marshall? Như vậy thì có lẽ Warren Christopher mới là người đến đây hôm nay để xem bản Tuyên ngôn, chứ không phải tôi.

— Ông Ngoại trưởng đã ân cần đến thăm ngay sau khi nhận nhiệm vụ. – Marshall đáp.

— Nhưng ông ấy đã không muốn di chuyển bản Tuyên ngôn lần nữa, – người diễn viên nói.

Cavalli, viên trung úy và viên bác sĩ cùng bật cười trước khi vị Viện trưởng nói tiếp:

— Monroe đã phát hiện quân đội Anh đang tiến về Washington liền gửi bản Tuyên ngôn ngược sông Potomac tới Leesburg ở Virginia.

— Ngày 24 tháng 8, – Adams nói. – Khi bọn chúng san bằng Nhà Trắng thành bình địa.

— Rất đúng, – Marshall nói. – Ngài biết rất cặn kẽ.

— Công bằng mà nói, – người diễn viên bảo, – tôi đã được ông trợ lý đặc biệt của tôi là Rex Butterworth báo cáo đầy đủ.

Marshall tỏ vẻ biết cái tên đó, nhưng Cavalli tự hỏi anh chàng diễn viên có hơi quá thông minh hay không.

— Đêm hôm ấy, – Marshall nói tiếp, – trong lúc Nhà Trắng rục rịch, nhờ sự lo xa của Monroe, bản Tuyên ngôn được cất giữ an toàn ở Leesburg.

— Thế thì khi nào người ta mới mang bản Tuyên ngôn trở lại Washington? – Adams hỏi, mặc dầu ông ta có thể nói với vị Viện trưởng ngày tháng chính xác.

— Phải mấy tuần sau đó, thưa ngài. Đúng ra là ngày 17 tháng 9 năm 1814. Tuy nhiên, nó đã được cất giữ trong Fort Knox suốt thế chiến thứ II và sau đó được lưu trữ tại thủ đô.

— Nhưng không phải ở trong toà nhà này? – Adams nói.

— Không, thưa ngài Tổng thống, ngài lại nói đúng. Nó đã có vài ba nơi cất giữ khác trước khi đi đến nơi này, tệ nhất là ở Sở Sáng chế. Tại đây người ta treo nó đối diện với khung cửa sổ và suốt nhiều năm trời bị phơi bày ra ánh nắng khiến cho bản Tuyên ngôn bị tổn hại không sao phục hồi được.

Bill O'Reilly đứng trong góc, nghĩ đến bao nhiêu giờ miệt mài làm việc và bao nhiêu bản sao ông ta đã phải huỷ bỏ trong giai đoạn chuẩn bị chỉ vì cái bản Tuyên ngôn quái ác kia. Ông ta nguyện rửa những người đã từng làm việc trong Sở Sáng chế.

— Nó đã được treo ở đó trong bao lâu? – Adams hỏi.

— Trong ba mươi lăm năm, – Marshall nói, với một tiếng thở dài chứng

tỏ ông ta cũng bức tức không khác Dollar Bill rằng những người tiền nhiệm của ông ta đã hết sức vô trách nhiệm. – Trong năm 1977, bản Tuyên ngôn đã được chuyển tới thư viện Bộ Ngoại giao, nhưng thời đó việc hút thuốc phổ biến mà trong phòng còn có một lò sưởi. Và tôi có thể nói thêm, toà nhà đó đã bị hoả hoạn thiêu huỷ chỉ mấy tháng sau khi bản Tuyên ngôn được di chuyển.

— Đó là một toà nhà thân thuộc, – Adams nói.

— Sau khi chiến tranh kết liễu, – Marshall tiếp tục, – bản Tuyên ngôn đã được lấy ra khỏi Fort Knox và đưa trở về Washington trong một toa xe lửa Pullman^[32] trước khi được cất giữ trong thư viện của Quốc hội.

— Tôi hy vọng nó không bị phơi bày ra ánh sáng một lần nữa, – Adams nói trong lúc chuông điện thoại của Cavalli reo vang.

Cavalli liền bước nhanh vào trong góc và lắng nghe vị đạo diễn nói với y.

— Chúng tôi đã trở về làn khởi hành, sẵn sàng đi bất cứ khi nào ông cần.

— Tôi sẽ gọi khi tôi cần ông.

Cavalli chỉ nói như thế rồi tắt máy điện thoại và trở lại lắng nghe bản luận văn công phu của vị Viện trưởng Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.

— Trong một cái hộp Thermopane được trang bị một bộ lọc để loại trừ tất cả tia cực tím gây tổn hại.

— Hấp dẫn. Nhưng lúc nào thì bản Tuyên ngôn cuối cùng đến toà nhà này? – Adams hỏi.

— Vào ngày 13 tháng 12 năm 1952. Nó được chuyển từ thư viện của Quốc hội đến Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia trong một chiếc xe tăng dưới sự hộ tống vũ trang của Quân đoàn Thủy quân Lục chiến Mỹ.

— Đầu tiên là một chiếc xe ngựa được bảo vệ và cuối cùng là một chiếc xe tăng, – người diễn viên nói và nhận thấy Cavalli cứ liên tục xem đồng hồ.

– Có lẽ đã đến lúc tôi muốn xem bản Tuyên ngôn với tất cả vinh quang của nó.

— Tất nhiên, thưa ngài Tổng thống, – vị Viện trưởng nói.

Marshall liền dẫn đường đi trở ra hành lang, theo sau là người diễn viên và đoàn tùy tùng.

— Thường thường, bản Tuyên ngôn chỉ được cho công chúng xem trong căn phòng có mái tròn trên tầng trệt, nhưng chúng ta sẽ quan sát nó trong tầng hầm, nơi nó được cất giữ ban đêm.

Khi mọi người đến cuối hành lang, vị Viện trưởng dẫn Tổng thống xuống một dãy cầu thang, trong lúc Cavalli liên tục kiểm tra lộ trình có thể cho phép họ thoát ra nhanh chóng nếu có chuyện rắc rối xảy ra. Y khoan khoái nhận thấy rằng vị Viện trưởng đã theo đúng các chỉ dẫn và giữ cho các hành lang không có bóng dáng một nhân viên nào.

Ở cuối cầu thang, họ dừng lại bên ngoài một cánh cửa rộng lớn bằng thép. Tại đó, một người đàn ông lớn tuổi mặc một chiếc áo khoác dài màu trắng đang đứng chờ. Đôi mắt ông ta sáng lên khi trông thấy người diễn viên.

— Đây là ông Mendelssohn, – Marshall nói. – Ông Mendelssohn là chuyên viên bảo vệ cao cấp và tôi thú thật, một chuyên gia thực sự về bất cứ điều gì liên quan tới bản Tuyên ngôn. Ông ấy sẽ là người hướng dẫn ngài trong mấy phút sắp tới trước khi chúng ta kết thúc phần còn lại của toà nhà.

Người diễn viên bước về phía trước, và một lần nữa giơ bàn tay ra:

— Vui mừng được gặp ông, ông Mendelssohn.

Người đàn ông lớn tuổi cúi đầu, bắt tay người diễn viên và đẩy cánh cửa thép ra.

— Xin ngài Tổng thống đi theo tôi, – Ông ta nói bằng một giọng Trung Âu.

Khi đã vào bên trong tầng hầm nhỏ xíu, Cavalli quan sát đám nhân viên của y dàn trải ra thành một vòng tròn nhỏ, mắt họ kiểm tra mọi thứ; ngoại trừ Tổng thống. Bill O'Reilly, Angelo và Debbie cũng đứng vào chỗ của họ như đã diễn tập tối hôm trước. Cavalli liếc nhanh Dollar Bill, trông ông ta có vẻ như chính ông ta đang cần một vị bác sĩ.

Mendelssohn dẫn người diễn viên về phía một khối bê tông đồ sộ, chiếm một mảng lớn của bức tường đằng xa. Ông ta vỗ nhẹ phiến đá bê tông và giải thích rằng bức tường bảo vệ đã được xây dựng vào một lúc mà mối lo sợ lớn nhất của đất nước là một cuộc tấn công hạt nhân.

— Bản Tuyên ngôn được bảo vệ trong năm tấm lá kim loại gài vào nhau, cắm sâu trong năm mươi lăm tấm bê tông và căn hầm thép mà ngài trông thấy trước mặt.

Mendelssohn ngừng lại một lát và nói tiếp:

— Tôi có thể đảm bảo với ngài Tổng thống, cho dù Washington có bị san bằng thành bình địa đi chăng nữa, bản Tuyên ngôn Độc lập vẫn còn nguyên vẹn.

— Thật kiên cố. – Adams nói, – vô cùng kiên cố.

Cavalli xem đồng hồ; lúc đó là 10 giờ 24 và họ đã ở bên trong toà nhà được mười bảy phút. Mặc dầu những chiếc xe hơi đang đợi, y không có cách nào khác hơn là để cho viên chuyên gia bảo vệ tiếp tục theo nhịp độ của chính ông ta. Xét cho cùng, các vị chủ nhà đều biết thời gian có giới hạn của Tổng thống; nếu họ vẫn còn hy vọng giới thiệu với Tổng thống phần còn lại của toà nhà.

— Thưa ngài Tổng thống, – viên chuyên gia bảo vệ tiếp tục một cách say sưa, – toàn bộ hệ thống được điều hành bằng điện tử. Khi nhấn một cái nút, bản Tuyên ngôn luôn luôn được trưng bày và lưu trữ, với vị trí thẳng đứng, di chuyển khỏi vị trí này qua nhiều cánh cửa ăn khớp với nhau mở ra trước khi bản Tuyên ngôn đến nằm trong một cái hộp bằng đồng đặc, được bảo vệ bằng

kính chống đạn và một lớp chất dẻo. Chất lọc tia tử ngoại trong lớp chất dẻo này khiến cho nó có một màu lục nhạt.

Người diễn viên có vẻ bối rối, nhưng Mendelssohn vẫn nói tiếp, không hề quan tâm:

— Ngay lúc này, chúng ta đang đứng khoảng tám mét, bên dưới phòng trưng bày, và bởi vì cả cơ cấu có thể điều hành bằng tay, tôi có thể ngừng bộ máy lại bất cứ lúc nào.

— Xin phép ông Marshall.

Vị Viện trưởng gạt đầu và viên chuyên gia bảo vệ bấm một cái nút mà cả người diễn viên cũng như Cavalli đã không nhận thấy cho đến lúc này. Những tấm lá kim loại nặng năm tấn tách ra phía trên đầu họ, và một tiếng vù vù cùng tiếng loảng xoảng bỗng vang lên, trong lúc cái khung bằng đồng đặc bọc bản Tuyên ngôn bắt đầu lộ trình hàng ngày lên phía trên. Khi cái khung tới độ cao của bàn viết, Mendelssohn bấm một nút thứ hai và tiếng vù vù ngừng ngay. Đoạn ông ta xòe một bàn tay ra về phía cái khung.

Lloy Adams tiến tới một bước và nhìn chăm chú tài liệu lịch sử.

— Bây giờ, nhớ đến mong muốn riêng của ngài Tổng thống, chúng tôi có một đề nghị nhỏ đối với ngài.

Người diễn viên dường như không chắc chắn về lời đối thoại mà ông ta phải nói và liếc mắt về phía Cavalli.

— Đề nghị đó là gì, – Cavalli vội vàng lên tiếng, lo ngại bất cứ sự thay đổi kế hoạch nào tại giai đoạn trẻ này.

— Chỉ là, – Mendelssohn nói, – trong lúc ông Viện trưởng và tôi tháo cái khung bên ngoài của bản Tuyên ngôn, các nhân viên của ngài hãy quay lưng lại, mắt nhìn vào tường.

Cavalli do dự, biết rằng Sở Mật vụ sẽ không bao giờ cho phép xảy ra một tình thế mà họ không thể trông thấy Tổng thống trong mọi lúc.

— Để tôi làm cho sự việc dễ dàng hơn đối với ông, ông Mendelssohn, – Adams nói, – tôi sẽ là người đầu tiên theo đề nghị của ông.

Người diễn viên liền quay lưng về phía bản Tuyên ngôn. Và tất cả những người còn lại rậm rập làm theo.

Trong quãng thời gian ngắn, mọi người không thể trông thấy chuyện gì đang tiếp diễn phía sau họ, Cavalli nghe mười hai tiếng lách cách khác biệt và tiếng thở hổn hển của hai người đàn ông không quen di chuyển các vật nặng.

— Xin cảm ơn ngài Tổng thống, – Calder Marshall nói. – Tôi hy vọng điều đó không khiến ngài quá khó chịu.

Mười ba người xâm nhập quay lại để nhìn thẳng vào cái khung to lớn. Cái khung bằng đồng đã được nhắc lên để lại ấn tượng một cuốn sách mở ra.

Lloyd Adams với Cavalli và Dollar Bill ở phía sau một bước, tiến tới trước để ngắm nghía bản gốc, trong lúc Marshall và viên chuyên gia bảo vệ tiếp tục nhìn chăm chú vào miếng giấy da cũ. Đột nhiên, không hề báo trước, người diễn viên lão đảo về phía sau, ôm chặt cổ họng và ngã quy xuống đất. Bốn người trong số nhân viên Sở Mật vụ lập tức vây quanh Adams trong lúc bốn người khác tổng cổ vị Viện trưởng và chuyên gia bảo vệ khỏi căn hầm ra ngoài hành lang trước khi họ có thể thốt lên được một tiếng nào. Tony phải nhìn nhận Johnny đã nói đúng – đây là một trường hợp diễn xuất quá trớn rất tồi.

Khi cánh cửa đã đóng lại, Cavalli quay lại và trông thấy Dollar Bill đã nhìn sững vào tấm giấy da, mặt sáng lên vì kích thích, viên trung úy ở bên cạnh ông ta.

— Đã tới lúc chúng ta hành động, Angelo, – người Ireland nói.

Ông ta duỗi thẳng ngón tay ra. Viên trung úy lấy một cặp găng tay bằng cao su mỏng ra khỏi túi xách của viên bác sĩ và mang vào tay ông ta. Dollar

Bill ngo ngoạ ngón tay như một người chơi dương cầm hoà tấu sắp sửa bắt đầu một buổi hoà nhạc. Khi đã mang găng tay xong, Angelo lại cúi xuống và lấy lên một con dao mỏng dài từ trong túi xách, đặt cái cán một cách vững chắc trong bàn tay phải của Dollar Bill.

Trong lúc những việc chuẩn bị đó được thực hiện, mắt của Dollar Bill vẫn không hề rời khỏi bản Tuyên ngôn dù chỉ một lần. Những người còn ở trong phòng im lặng đến nỗi căn phòng có cảm giác như một hầm mộ trong lúc Dollar Bill cúi mình về phía tấm giấy da và khẽ đặt lưỡi dao phía dưới góc bên phải. Nó từ từ tróc ra một cách ngon lành. Dollar Bill trả con dao cho Angelo trước khi ông ta bắt đầu cuộn tròn tấm giấy da lại một cách từ từ và cố hết sức chặt mà vẫn không làm tổn hại nó.

Cùng lúc đó, Angelo bật cán kiếm ra phía sau và đưa vỏ kiếm ra phía trước. Cavalli liền tiến tới một bước và từ từ rút bản giả của Dollar Bill ra khỏi ruột vỏ kiếm đã được chế tạo một cách đặc biệt, nơi mà bình thường lưỡi kiếm đút vào.

Cavalli và Angelo trao đổi chiến lợi phẩm, và đảo ngược các quy trình. Trong lúc Cavalli đút bản Tuyên ngôn thật từng phần một vào bao kiếm, Dollar Bill bắt đầu thận trọng trải bản giả ra trên mặt sau của tấm kính, hỗn hợp hoá chất hơi ướt giúp cho tấm giấy da ở yên chỗ. Dollar Bill khịt mũi lớn tiếng, vì mùi thymol nồng nặc xông vào mũi nhạy cảm của ông ta. Ông ta nhìn một hồi lâu vào bản sao của mình, xem lại chỗ sửa lỗi chính tả rồi thụt lùi một bước, miễn cưỡng bỏ lại kiệt tác của mình cho sự chăm sóc dịu dàng của viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia và ngục thất bê tông của nó.

Khi đã hoàn tất công việc của mình, Dollar bước nhanh tới bên cạnh Lloyd Adams. Debbie đã mở cổ áo ông ta, tháo cà vạt và thoa một lớp kem xanh nhạt trên mặt ông ta. Dollar Bill quỳ xuống, tháo găng tay cao su ra và ném vào trong một cái túi bác sĩ đầy đồ mỹ phẩm; trong lúc Cavalli quay một số trên máy điện thoại di động của y.

Có tiếng trả lời ngay cả trước lúc y nghe chuông reo, nhưng Cavalli chỉ có

thể phân biệt được một giọng nói yếu ớt.

— Lấy hai, – Cavalli cương quyết nói và tắt máy trước khi chỉ tay vào cánh cửa.

Hai người trong số nhân viên Sở Mật vụ mở cánh cửa thép và Cavalli thận trọng quan sát trong lúc Mendelssohn phóng người qua khe cửa và chạy tới khung đồng, còn Marshall thì tái mét và run rẩy, đến ngay bên cạnh Tổng thống.

Cavalli nhẹ nhõm khi trông thấy một nụ cười hiện ra trên môi viên chuyên gia bảo vệ, trong lúc ông ta cúi xuống bản Tuyên ngôn giả. Với sự giúp đỡ của Angelo, ông ta kéo khung đồng qua và nhìn tấm giấy da một cách trù mẩn trước khi gấn nắp trở lại chỗ cũ, rồi nhanh chóng bóp chặt mười hai ổ khoá chung quanh bên ngoài khung. Ông ta ấn một trong mấy cái nút và tiếng vù vù cùng tiếng loảng xoảng lại bắt đầu trong lúc cái khung đồng đồ sộ từ từ biến mất vào trong nền.

Cavalli quay sự chú ý sang người diễn viên và quan sát trong lúc hai nhân viên Sở Mật vụ đỡ ông ta đứng lên, và Dollar Bill đóng cái túi bác sĩ của ông ta.

— Hoá chất gì bảo vệ tấm giấy da? – Dollar Bill hỏi.

— Thymol, – vị Viện trưởng đáp.

— Tất nhiên, đáng lẽ tôi phải đoán ra. Với vấn đề dị ứng của Tổng thống, lẽ ra tôi phải biết trước phản ứng này. Nhưng ông đừng sợ. Nếu chúng ta đưa được ông ấy ra ngoài trời càng sớm càng tốt, thì ông ấy sẽ trở lại bình thường ngay thôi.

— Cảm tạ Chúa về điều đó, – Marshall nói, vẫn không thể ngừng run rẩy.

— Amen, – Dollar Bill nói trong lúc người diễn viên được đỡ về phía cửa.

Marshall xông tới trước và dẫn họ trở lên cầu thang với các nhân viên Sở Mật vụ theo sát phía sau.

Cavalli bỏ Lloyd Adams chệch choạng phía sau, đuổi theo vị Viện trưởng.

— Không một ai, tôi nhắc lại, không một ai được nghe về biến cố này, – y vừa nói vừa chạy bên cạnh Marshall. – Không một điều gì có thể tai hại hơn cho Tổng thống khi ông ấy chỉ ở trong văn phòng trong một thời gian ngắn như thế, nhất là nhớ lại chuyện gì ông Bush đã trải qua sau chuyến đi Nhật của ông ấy.

— Sau chuyến đi Nhật của ông ấy. Tất nhiên, tất nhiên.

— Nếu bất kỳ ai trong số nhân viên của ông hỏi tại sao Tổng thống không thực hiện toàn bộ cuộc viếng thăm Viện Bảo tàng, thì ông hãy cho họ hay rằng ông ấy đã được triệu hồi về Nhà Trắng vì có việc khẩn cấp.

— Được triệu hồi vì có việc khẩn cấp. Tất nhiên. – Marshall nói, mặt còn xanh hơn cả người diễn viên.

Cavalli nhẹ nhõm khi thấy những mệnh lệnh trước đó của y về việc không có một nhân viên nào được phép lai vãng trong hành lang bên dưới trong lúc Tổng thống còn ở trong toà nhà vẫn còn có hiệu lực.

Khi họ đến thang máy chở hàng và tất cả đã vào bên trong, họ xuống ngang với bục lên hàng, Cavalli chạy nhanh ra ngoài, dẫn đầu đoàn đi lên đoạn dốc tới đường 7.

Y khó chịu khi thấy vẫn còn một đám đông nhỏ trên lề đường bên kia, và không thấy dấu hiệu nào của đội xe hộ tống. Y lo lắng nhìn sang bên phải, nơi Andy đang đứng trên chiếc ghế dài, chỉ tay về phía đại lộ Pennsylvania. Cavalli quay lại nhìn theo hướng đó và trông thấy chiếc mô tô hộ tống đầu tiên quẹo phải vào đường 7.

Y chạy trở xuống đoạn đường dốc và thấy Lloyd Adams bên cạnh một thùng thư Federal Express^[33], đang được hai nhân viên Sở Mật vụ đỡ.

— Nhanh lên đi. – Cavalli nói. – Có một đám đông nhỏ đằng kia và họ đang bắt đầu thắc mắc có chuyện gì đang xảy ra.

Y quay lại nhìn thẳng vào mặt vị Viện trưởng đang đứng bên cạnh viên chuyên gia bảo vệ trên bệ lên hàng.

— Các ông hãy nhớ. Tổng thống được triệu hồi về Nhà Trắng vì công việc khẩn cấp.

Cả hai người đều gật đầu lia lịa trong lúc Cavalli chạy trở lên đoạn đường dốc. Bốn nhân viên Sở Mật vụ đổ xô về phía trước, đứng ngay lúc chiếc xe hơi thứ ba ghé vào bực lên hàng ở cuối đoạn đường dốc.

Cavalli liền mở cửa xe và rồi ít vẫy tay ra hiệu cho người diễn viên bước vào. Những vệ sĩ chạy mô tô dẫn đầu liền chặn luồng giao thông lại trong lúc chiếc xe cuối cùng đậu vào giữa cổng giao hàng. Trong lúc Lloyd Adams được dìu vào xe hơi, đám đông nhỏ ở bên kia đường bắt đầu chỉ trỏ và vỗ tay.

Một nhân viên Sở Mật vụ gật đầu ngược về phía toà nhà, Angelo nhảy lên chiếc xe thứ hai, vẫn còn toong teng cây kiếm, còn Dollar Bill và cô thư ký thì phóng đại vào chiếc thứ tư. Trong thời gian Cavalli nhập bọn với Angelo trong băng sau của chiếc xe thứ hai, thì đội vệ sĩ mô tô đã ở giữa đường 7, chặn dòng lưu thông lại để cho đoàn xe hộ tống tiến về phía đại lộ Constitution.

Trong lúc những tiếng còi vang lên và những chiếc xe hơi bắt đầu lộ trình dọc theo đường 7, Cavalli nhìn lui và nhẹ người khi không thấy bóng dáng của Marshall và Mendelssohn đâu nữa.

Y nhanh chóng hướng sự chú ý sang phía Đông của đường 7, nơi Andy đang giải thích cho đám đông rằng đó không phải là Tổng thống mà chỉ là cuộc diễn tập cho một bộ phim, không có gì khác hơn. Hầu hết khách bàng quan tỏ ra thất vọng rõ rệt và nhanh chóng tản ra. Rồi y nghĩ y lại trông thấy ông ta.

Trong lúc chiếc xe của Cavalli chạy nhanh trên đại lộ Constitution, chiếc xe cảnh sát dẫn đầu đã quẹo phải vào đường 14, theo sau là hai vệ sĩ chạy xe mô tô. Tiếng còi xe đã tắt và phần còn lại của đội xe hộ tống chạy nối đuôi

nhau trong lúc chúng đến các giao lộ được phân công.

Chiếc xe thứ nhất quẹo phải sang đường 9 và lại quẹo phải quay về đại lộ Pennsylvania trước khi hướng về phía Capitol. Chiếc thứ ba tiếp tục chạy trên đại lộ Constitution, giữ làn giữa, trong lúc chiếc thứ tư quẹo trái sang đường 12 và chiếc thứ sáu quẹo phải ở đường 13. Chiếc thứ năm quẹo trái sang đường 23, qua cầu Memorial và theo các dấu hiệu tới khu phố cổ; trong lúc chiếc xe thứ hai quẹo trái ở đường 14 và hướng về phía Đài kỷ niệm Jefferson rồi tới đại lộ George Washington^[34]. Cavalli ngồi chiếc băng sau của chiếc xe hơi thứ hai, quay số viên đạo diễn. Khi Johnny trả lời điện thoại, mấy từ duy nhất mà ông ta nghe là:

— Mọi việc thành công.

CHƯƠNG 15

Scott cầu nguyện cho bà vợ viên Đại sứ sẽ không thể đi vào ngày thứ Năm, hoặc vẫn còn ở Geneva.

Anh nhớ Dexter Hutchins từng nói: “Kiên nhẫn là một đức tính khi anh làm việc cho CIA, đó là chín phần mười của công việc”.

Khi anh ngừng lại ở cuối hồ bơi, Hannah cho anh hay là bà vợ của viên Đại sứ vẫn chưa trở về từ Thụy Sĩ. Họ không bận tâm tới việc bơi thêm một chiều dài hồ nữa mà đồng ý gặp nhau sau đó tại công viên giải trí trong rừng Vincennes.

Lúc anh trông thấy nàng bước qua đường, anh chỉ muốn chạm vào người nàng. Không có một chỉ dẫn trong bất kỳ một cuốn cẩm nang nào của CIA về cách xử trí với một tình thế như vậy, và không một nhân viên nào từng nêu vấn đề đó ra với anh trong chín năm qua.

Hannah thông báo cho anh mọi việc đang xảy ra tại Toà Đại sứ, kể cả “một sự việc lớn lao” đang diễn ra ở Geneva mà nàng vẫn còn chưa biết chi tiết. Scott cho nàng hay, để đáp lại vấn đề của nàng, anh đã báo cáo lại với Kratz, và không còn bao lâu nữa, nàng sẽ được rút đi. Nàng có vẻ vui lòng. Khi họ bắt đầu nói sang chuyện khác, kinh nghiệm của Scott cảnh giác anh phải yêu cầu nàng quay về Toà Đại sứ.

Nhưng lần này anh để cho Hannah tự quyết định khi nào nàng nên đi. Nàng có vẻ thư thái lần đầu tiên, và thậm chí bật cười khi nghe Scott kể chuyện về những người Paris đầy nam tính mà anh đã bắt gặp trong phòng tập thể dục mỗi buổi tối trong lúc họ tản bộ quanh công viên giải trí. Scott khám phá ra chính Hannah là người đã đoạt những con gấu nhồi bông ở

phòng tập bắn và đã không cảm thấy khó chịu lúc uống một ly rượu lớn trước khi lặn.

— Tại sao cô mua kẹo bông gòn? – anh hỏi.

— Bởi vì như thế sẽ không có ai nghĩ mình là điệp viên, – nàng trả lời. – Họ sẽ tưởng chúng ta là một cặp tình nhân.

Khi họ chia tay hai giờ sau đó, anh hôn lên má nàng. Hai kẻ chuyên nghiệp xử sự như những tay nghiệp dư. Anh xin lỗi. Nàng bật cười và bỏ đi.

Sau mười giờ một chút, Hamid Al Obaydi gia nhập vào một đám đông nhỏ đã tụ tập lại trên lề đường đối diện với một cổng bên của Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia. Ông ta phải đợi hai mươi phút trước khi cửa mở lại và Cavalli chạy lên đoạn đường dốc ngay lúc đoàn xe hộ tống lại hiện ra ở góc đường 7. Cavalli ra hiệu và tất cả bọn họ vội vã tới nhưng chiếc xe hơi đang chờ đợi. Al Obaydi không thể tin tưởng mắt mình. Sự dối trá hoàn toàn lừa gạt đám đông nhỏ đang bắt đầu vỗ tay và hoan hô.

Trong lúc chiếc xe hơi thứ nhất biến mất quanh góc đường, một người đàn ông đã đứng đó suốt từ đầu giải thích rằng đó không phải là Tổng thống mà chỉ là cuộc diễn tập cho một bộ phim.

Al Obaydi mỉm cười với sự dối trá hai lần liên tiếp trong lúc đám đông chán nản lần lượt bỏ đi. Ông ta băng qua đường 7 và đứng vào một hàng dọc dài gồm những du khách, học sinh và những kẻ hiếu kỳ đã sắp hàng để xem bản Tuyên ngôn Độc lập.

Ba mươi chín bậc thang của Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia phải mất nhiều phút mới lên hết và lúc viên Phó Đại sứ bước vào bên trong toà nhà, dòng người đã trở nên thưa thớt như một con sông chảy qua gian tiền sảnh lát

đá hoa cương tới một đường đi lên từng người với chín bậc thang nữa, cuối cùng là một khoảng nhỏ với ánh mắt của Thomas Jefferson và John Hancock^[35] nhìn xuống. Phía trước ông ta là cái khung đồ sộ bằng đồng đóng khung bản Tuyên ngôn Độc lập.

Al Obaydi nhận thấy rằng khi một người tới trước tấm giấy da, người đó chỉ có thể nhìn vào bản tài liệu lịch sử đó trong giây lát. Lúc chân ông ta chạm vào nấc thang đầu tiên, tim ông ta bắt đầu đập nhanh hơn, nhưng vì một lý do khác hẳn với mọi người khác đang sắp hàng chờ đợi.

Ông ta lấy từ trong túi ra một cặp kính mà mặt kính có thể phóng đại nét chữ nhỏ nhất lên bốn lần. Viên Phó Đại sứ bước tới giữa nấc thang trên cùng và chăm chú nhìn vào bản Tuyên ngôn Độc lập. Phản ứng lập tức của ông ta là một nỗi khùng khiếp. Tấm giấy da hoàn hảo đến mức chắc chắn đây là bản gốc. Cavalli đã lừa gạt ông ta. Tồi tệ hơn nữa, y đã thành công trong việc cuồn mất mười triệu đô la bằng một sự dối trá khéo léo. Al Obaydi kiểm tra thấy những người bảo vệ ở cả hai bên cái khung tỏ ra không hề để ý tới ông ta trước khi mang kính.

Ông ta cúi xuống cho mũi mình chỉ cách mặt kính vài phân, trong lúc ông ta tìm một chữ đã được sửa lại đúng chính tả nếu họ trông mong được trả thêm một xu nữa.

Đôi mắt của ông ta mở lớn ra với vẻ hoài nghi khi ông ta đọc tới câu: “*Nor have we been wanting in attentions to our British brethren*”.

Bà vợ của viên Đại sứ trở về từ Geneva với chồng bà ta vào ngày thứ Sáu. Hannah và Scott đã thu xếp để lén lút gặp nhau mấy giờ buổi sáng hôm ấy.

Đã gần ba tuần lễ, kể từ khi anh trông thấy nàng lần đầu tiên trong nhà

tầm công cộng ở đại lộ Lennes. Chỉ mới hơn nửa tháng trước, kể từ buổi gặp gỡ được thu xếp một cách vội vã ở quán ăn trên đại lộ Bugeaud. Đó là lúc những lời nói dối bắt đầu, thoát tiên chỉ là những chuyện nhỏ nhặt, rồi mỗi lúc một to lớn hơn cho đến lúc họ đã thêu dệt với nhau thành một màn lường gạt phức tạp. Giờ đây Scott ước ao nói hết sự thật với nàng, nhưng mỗi ngày trôi qua, việc đó lại càng trở nên khó khăn hơn.

Langley đã thích thú với những bản tin mã hoá và Dexter đã chúc mừng anh vừa làm được một công việc xuất sắc như thế. “Giỏi như một sĩ quan cấp úy ngoài tiền tuyến mà tôi có thể nhớ”, Dexter công nhận. Nhưng Scott đã không tìm được một cách nào để cho vị Phó giám đốc biết là anh đang yêu.

Anh đã đọc hồ sơ của Hannah từ đầu đến cuối, nhưng vẫn không thấy manh mối nào về tính cách của nàng. Cái cách nàng cười – nụ cười khiến cho người khác phải cười theo, dù đang buồn rầu hay thức giận. Một tâm hồn luôn luôn quyến rũ và được quyến rũ bởi những gì đang xảy ra quanh nàng. Nhưng tuyệt nhất là một mối tình vừa nồng nhiệt, vừa dịu dàng khiến cho quãng thời gian hai người xa cách tưởng chừng như dài vô tận. Và mỗi lần anh ở bên cạnh nàng, anh lại đột nhiên không còn trưởng thành, chẳng khác gì các sinh viên của anh. Những buổi gặp gỡ bí mật của họ ít khi kéo dài quá một giờ, có lẽ hai, nhưng mỗi lần lại cuồng nhiệt hơn.

Nàng tiếp tục kể cho anh nghe mọi điều về bản thân nàng với một sự thành thực và thẳng thắn tin vào sự lừa gạt của anh, trong lúc anh chẳng nói gì với nàng khác hơn một chuỗi dối trá về việc anh là một nhân viên Mossad mà bề ngoài, trong thời gian anh ở Paris là viết một cuốn sách, một cuốn sách sẽ không bao giờ được xuất bản. Đó là sự rắc rối của những lời dối trá – mỗi lời lại tạo ra lời kế tiếp trong một đường xoắn ốc vô tận. Và đó cũng là sự rắc rối của niềm tin; nàng tin tưởng lời nói của anh.

Khi anh trở về nhà buổi tối hôm ấy, anh đã ra một quyết định mà anh biết Langley sẽ không đồng ý.

Trong lúc chiếc xe hơi di chuyển một cách chậm chạp qua làn đường nên ngoài của đại lộ Washington Memorial về phía phi trường, viên tài xế kiểm tra kính chiếu hậu và xác nhận không có ai theo dõi họ. Cavalli thở ra một hơi dài nhẹ nhõm, mặc dầu y đã vạch ra hai phương án nếu họ bị bắt với bản Tuyên ngôn. Y đã nhận thức từ lúc đầu rằng cần phải tránh xa nơi gây án càng nhanh càng tốt. Phần quan trọng của kế hoạch là y phải chuyển giao bản Tuyên ngôn cho Nick Vicente trong vòng hai giờ, sau khi rời khỏi Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.

— Ta hãy tiếp tục công việc đi, – Tony nói, hướng sự chú ý sang Angelo đang ngồi đối diện với y.

Angelo liền tháo cây kiếm ra khỏi thắt lưng. Hai người nhìn vào mặt nhau như những lực sĩ đấu vật sumo Nhật Bản, mỗi người chờ đợi người kia có cử động đầu tiên.

Angelo kẹp chặt cây kiếm giữa hai chân, cán chỉ về phía ông chủ. Cavalli cúi xuống, bật phần trên ra phía sau. Rồi với móng ngón tay cái và ngón trỏ, y bắt đầu lôi cái ống bằng nhựa đen ra khỏi vỏ kiếm. Angelo ấn cái cán trở về chỗ cũ và đeo cây kiếm vào thắt lưng.

Cavalli giữ cái ống nhỏ dài sáu mươi lăm phân bằng nhựa trong cả hai tay.

— Nó đáng cho ta xem một cái, – Angelo nói.

— Có bao nhiêu việc quan trọng hơn cần phải làm vào lúc này, – Cavalli vừa nói vừa đặt cái ống lên chỗ ngồi bên cạnh y.

Y nhắc máy điện thoại trong xe lên, chỉ bấm một chữ số rồi nút “Send”, và đợi trả lời.

— Vâng? – một giọng nói quen thuộc vang lên.

— Tôi đang trên đường đi và tôi sẽ có một món cần xuất khẩu khi tôi đến.

Im lặng một lúc lâu và Cavalli tự hỏi có phải y đã mất liên lạc.

— Ông làm tốt lắm, – cuối cùng tiếng nói trả lời. – Nhưng ông đang theo đúng thời biểu đấy chứ?

Cavalli nhìn ra khung cửa sổ. Bảng hiệu rẽ sang đường 395 phía Nam lóe sáng chạy qua.

— Chúng tôi đang cách phi trường chừng hai phút. Miễn là chúng tôi kiếm được chỗ đậu xe, tôi vẫn còn hy vọng sẽ đến gặp ông khoảng một giờ.

— Tốt, thế thì tôi sẽ gọi Nick gặp chúng ta để cho hợp đồng có thể thanh toán và gửi tiếp cho khách hàng của chúng ta. Chúng tôi sẽ chờ ông khoảng một giờ.

Cavalli đặt điện thoại xuống và tức cười khi nhận thấy Angelo chỉ mặc một chiếc áo vét và quần lót. Y mỉm cười và định có ý kiến thì chuông điện thoại reo. Cavalli nhấc máy lên.

— Vâng, – y nói.

— Andy đây. Tôi nghĩ ông muốn biết nó lại được trưng bày cho công chúng xem và người ta lại sắp hàng dài dằng dặc như thường lệ. Nhân đây, tôi xin cho ông biết, một người Ả Rập đã đứng quanh quần trong đám đông suốt thời gian ông ở trong Viện Bảo tàng, rồi ông ta nhập bọn với những người muốn xem bản Tuyên ngôn.

— Tốt lắm, Andy. Anh hãy trở về New York và có thể kể chi tiết cho tôi nghe ngày mai.

Cavalli đặt máy điện thoại xuống và xem xét mẫu tin mới của Andy, trong lúc Angelo vừa thắt xong một cái nút trên chiếc cà vạt mà không một viên trung uý nào từ chối. Anh ta vẫn còn chưa mặc quần dài.

Tấm kính mờ giữa tài xế và hành khách chợt trượt xuống.

— Chúng ta sắp sửa đến phi trường, thưa ông. Không có ai theo dõi chúng ta suốt thời gian qua.

— Tốt, – Cavalli nói trong lúc Angelo vội vàng mặc quần. – Sau khi đổi bảng số xe, anh hãy lái trở lại New York.

Viên tài xế gật đầu trong lúc chiếc xe hơi dừng lại bên ngoài Signature Flight Support. Cavalli chộp lấy cái ống nhựa, nhảy ra khỏi xe, chạy qua phòng đón khách và ra thẳng phi đạo. Mắt y liếc tìm chiếc Learjet. Rồi y trông thấy nó. Một cánh cửa mở ra và các nấc thang được thả xuống tận mặt đất. Cavalli chạy về phía đó trong lúc Angelo vừa theo sau vừa cố mặc chiếc áo vét trong cơn gió mạnh.

Viên trưởng phi hành đoàn đang chờ họ ở bậc thang trên cùng.

— Các ông vừa đến kịp để chúng tôi giữ được chỗ, – viên trưởng phi hành đoàn nói.

Cavalli mỉm cười, và khi hai người đã buộc dây an toàn, viên trưởng phi hành đoàn ấn một nút để cho các nấc thang cuộn trở lại vào vị trí.

Máy bay cất cánh mười bảy phút sau đó, nghiêng cánh phía trên trung tâm Kennedy, trước khi cô chiêu đãi viên mời mỗi người một cốc sâm banh. Cavalli từ chối ly thứ hai trong lúc y tập trung vào việc y cần phải làm trước khi y có thể xem vai trò của mình trong vụ này đã chấm dứt. Tư tưởng của y hướng về Al Obaydi một lần nữa và y bắt đầu tự hỏi phải chăng mình đã đánh giá thấp ông ta. Khi chiếc Learjet đáp xuống La Guardia năm mươi bảy phút sau đó, viên tài xế của Cavalli đang chờ đợi bên cạnh xe, sẵn sàng đưa họ vào thành phố.

Trong lúc viên tài xế liên tục đổi làn đường và đổi hướng trên xa lộ cuối cùng chở họ về phía Tây, qua cầu Triborough. Cavalli xem đồng hồ. Lúc này họ đã lạc vào một biển xe cộ hướng về Manhattan, chỉ tám mươi bảy phút, sau khi rời khỏi Calder Marshall bên ngoài cổng giao hàng của Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia. Khoảng chừng thời gian một chủ ngân hàng ở Wall Street

mất cho một bữa ăn trưa, Cavalli nghĩ.

Cavalli được thả xuống bên ngoài ngôi nhà của bố y ở đường 75 lúc chưa đầy một giờ, để Angelo đi tiếp đến văn phòng ở Wall Street và kiểm tra các cú điện thoại trong lúc mỗi thành viên của đội điều hành nộp báo cáo.

Viên quản gia giữ cho cửa trước số 23 mở, trong lúc Tony bước ra khỏi xe.

— Tôi có thể cầm cái đó cho ông, thưa ông? – Anh ta vừa hỏi vừa chăm chú nhìn cái ống nhựa.

— Không, cảm ơn anh, Martin, – Tony nói. – Tôi sẽ giữ nó trong lúc này. Bố tôi ở đâu?

— Ông cụ đang ở trong phòng tắm với ông Vicent vừa mới đến cách đây mấy phút.

Tony chạy xuống cầu thang dẫn tới tầng hầm và tiếp tục băng qua hành lang. Y sai bước vào phòng họp ban điều hành và trông thấy bố y đang ngồi ở đầu bàn, mãi mê trò chuyện với Nick Vicente. Vị chủ tịch đứng lên để chào đón con trai và Tony đưa cho ông cái ống nhựa.

— Hoan hô anh hùng chiến thắng! – Đó là những lời đầu tiên của bố y. – Nếu con thành công như thế đối với George IV^[36], ông ta sẽ phong con làm hầu tước. “Xin mời ngài Antonio đứng lên”. Nhưng theo tình hình này thì con sẽ phải hài lòng với số tiền đền bù một trăm triệu đô la. Một ông già có được phép xem qua bản gốc trước khi Nick đưa đi hay không?

Cavalli bật cười và mở nắp trên đầu ống nhựa trước khi từ từ kéo tấm giấy da ra và nhẹ nhàng đặt lên bàn phòng họp. Đoạn y trải hai trăm năm lịch sử ra. Ba người chăm chú nhìn xuống bản Tuyên ngôn Độc lập và nhanh chóng kiểm tra lỗi chính tả của chữ “Brittish”.

— Tuyệt diệu! – Ông bố của Tony chỉ biết nói như thế trong lúc ông bắt đầu liếm môi.

— Đáng chú ý nhất là mấy chữ ký ở phía cuối sao mà quá sát vào nhau như vậy? – Nick Vicent nhận xét sau khi nghiên cứu tấm tài liệu trong mấy phút.

— Nếu tất cả bọn họ ký tên lớn như John Hancock, thì chắc là bản Tuyên ngôn phải dài gấp đôi, – vị chủ tịch nói thêm trong lúc máy điện thoại trong phòng họp bắt đầu đổ chuông.

Vị chủ tịch bặt một nút tên tổng đài liên lạc.

— Gì thế Martin?

— Có một ông Al Obaydi trên đường dây nóng muốn được nói chuyện với Tony.

— Cảm ơn anh Martin, – vị chủ tịch nói, trong lúc Tony cúi xuống để nhắc ống nghe lên. – Sao con không lấy máy trong văn phòng của ba, để cho ba nghe bằng máy phụ.

Tony gạt đầu và rời khỏi phòng để đi tới cửa bên cạnh, y cầm lấy ống nghe trên bàn viết của bố y.

— Antonio Cavalli đây, – y nói.

— Tôi là Hamid Al Obaydi. Bố ông đề nghị tôi gọi lại vào giờ này.

— Chúng tôi đang giữ bản tài liệu mà ông cần, – Cavalli chỉ nói như thế.

— Tôi xin chúc mừng ông, ông Cavalli.

— Ông sẵn sàng trả hết số tiền còn lại như đã thoả thuận chứ?

— Tất cả vào lúc thích hợp, nhưng phải chờ cho tới khi ông đã giao bản tài liệu tới chỗ chúng tôi chọn. Ông Cavalli, chắc ông vẫn còn nhớ đó cũng là một phần của sự thoả thuận.

— Và chỗ đó là ở đâu? – Cavalli hỏi.

— Tôi sẽ đến văn phòng của ông lúc mười hai giờ trưa mai, khi đó ông sẽ

nhận được các chỉ dẫn.

Ông Phó đại sự ngừng lại một lát rồi nói tiếp:

— Trong số những sự việc khác.

Đường dây im bật.

Cavalli đặt điện thoại xuống và cố nghĩ Al Obaydi có thể ngụ ý gì qua mấy từ “Trong số những sự việc khác”. Y chầm chậm bước trở lại phòng họp và trông thấy bố y cùng với Nick đang mài mê nghiên cứu bản Tuyên ngôn. Tony lưu ý tấm giấy da đã được phục chế.

— Bố ơi, ông ta ngụ ý gì với câu “Trong số những sự việc khác”? – Tony hỏi.

— Bố không có ý kiến, – bố y trả lời trong lúc ông ta nhìn tấm giấy da một lần cuối rồi bắt đầu từ từ cuốn lại.

— Rất có khả năng con sẽ hiểu ra vào ngày mai, – Tony nói trong lúc vị chủ tịch đưa bản tài liệu cho con trai và Tony lại đút vào trong ống nhựa.

— Như vậy nó sẽ được đưa tới đâu? – Nick hỏi.

— Tôi sẽ được cho biết các chi tiết lúc mười hai giờ trưa mai, – Tony nói, hơi ngạc nhiên vì bố y không kể lại cuộc nói chuyện bằng điện thoại với Al Obaydi cho người bạn lâu đời nhất của ông.

CHƯƠNG 16

Anh nắm quan sát nàng, đầu đỡ trong lòng bàn tay, trong lúc ánh nắng đầu tiên của ban mai bò vào phòng. Nàng động đậy nhưng chưa thức giấc trong lúc Scott rà một ngón tay dọc theo sống lưng của nàng. Anh không thể chờ đợi, nàng mở mắt và hồi tưởng lại những ký ức về đêm hôm trước.

Vào những ngày đầu tiên, khi Scott quan sát Hannah bước ra khỏi Tòa Đại sứ Jordan trong bộ y phục tẻ nhạt, rõ ràng đã được chọn lựa theo sở thích của Karima Saib, anh nghĩ nàng vẫn có dáng vẻ tuyệt vời. Một số món đồ, khi ta mở lớp giấy bọc lòn lẹt ra, thường không giống như ta mong ước. Khi Hannah lần đầu cởi bộ áo quần tồi tàn nàng đã mặc trong ngày hôm ấy, anh đã đứng đó không tin rằng có mấy ai có thể đẹp như thế.

Anh kéo tấm chăn đơn che người xuống và ngắm nhìn hình ảnh đã khiến cho anh muốn tắt thở đêm hôm trước. Mái tóc cắt ngắn của nàng; anh ta tự hỏi những lọn tóc dài của nàng có dáng vẻ như thế nào khi nàng xoã chúng lên vai. Cái gáy của nàng, làn da mịn màu ô-liu của lưng nàng và đôi chân thon dài đầy quyến rũ.

Hai bàn tay của anh như một cậu bé đã mở một chiếc bút tất dài đựng đầy quà và muốn sờ mó tất cả mọi thứ cùng một lúc. Anh lướt những ngón tay từ đôi vai xuống vòng cung của lưng nàng, hy vọng nàng sẽ quay người lại. Anh xích lại gần hơn một chút, cúi xuống và rà một ngón tay quanh chiếc vú rắn chắc của nàng. Các vòng tròn cứ nhỏ dần cho tới khi tới cái núm vú mềm mại của nàng. Anh nghe nàng thở dài, và lần này nàng quay người và lọt vào vòng tay của anh, các ngón tay của nàng bám chặt lấy vai anh trong lúc anh kéo nàng tới gần hơn.

— Như thế này là không công bằng, anh đang lợi dụng em, – nàng nói với

giọng vẫn còn ngái ngủ trong lúc bàn tay của anh di chuyển vào bên trong đùi nàng.

— Anh xin lỗi vậy, – anh vừa nói vừa lấy tay ra và hôn lên má nàng.

— Không phải xin lỗi. Lạy Chúa, Simon, em lại muốn anh cứ lợi dụng em, – nàng vừa nói vừa kéo thân hình anh sát vào người nàng hơn.

Anh tiếp tục vuốt ve làn da của nàng, không ngừng khám phá những châu báu mới. Khi anh vùi trong người nàng, nàng lại thở dài một tiếng khác, tiếng thở dài của tình yêu ban mai, yên tĩnh hơn, dịu dàng hơn những đòi hỏi của ban đêm, nhưng từng chút một đều thú vị như nhau. Đối với Scott đây là một kinh nghiệm mới lạ. Mặc dù anh đã làm tình nhiều lần mà anh không nhớ hết, chưa bao giờ anh cảm thấy thích thú như lần này.

Khi họ thôi làm tình, nàng kê đầu trên vai anh và vuốt một lọn tóc khỏi má nàng, cầu nguyện cho giờ kế tiếp sẽ trôi qua thật chậm. Anh không muốn nghĩ đến việc nàng trở về Toà Đại sứ sáng hôm ấy trong lúc anh biết nàng cuối cùng phải như vậy. Anh không muốn san sẻ nàng bất cứ một ai.

Căn phòng lúc này ngập tràn ánh nắng buổi sáng, chỉ khiến cho anh băn khoăn khi nào anh mới lại trải qua trọn một đêm với nàng.

Viên Trưởng ban Lợi ích đã được gọi thẳng trở về Geneva vì công việc khẩn cấp và chỉ mang theo một cô thư ký, bỏ Hannah ở lại Paris một mình trong thời gian cuối tuần. Nàng chỉ ước mong có thể nói với Simon về tất cả việc đó để cho anh có thể chuyển tin cho Kratz. Nàng đã khoá chặt cửa phòng và rời khỏi khuôn viên Toà Đại sứ bằng thang máy cứu hoả. Hannah nói với anh rằng đã có cảm tưởng như một cô nữ sinh rón rén trốn khỏi ký túc xá để đến dự một bữa tiệc giữa đêm khuya.

— Ngon hơn bất cứ một bữa tiệc nào mà anh có thể nhớ, – đó là lời cuối cùng của anh trước khi họ ôm nhau ngủ.

Ngày đã bắt đầu khi họ đi mua sắm cùng nhau trên đại lộ Saint–Michel và mua một số áo quần mà nàng không thể mặc cùng một chiếc cà vạt mà anh

không bao giờ nghĩ tới trước khi anh gặp nàng. Họ dùng bữa trưa trong một quán ăn ở góc đường và dùng tới hai tiếng đồng hồ để ăn một đĩa xà lách và uống một chai rượu vang. Họ tản bộ dọc theo đại lộ Champs–Elysées, tay trong tay như bao cặp tình nhân, trước khi sắp hàng xem triển lãm Claudion ở Louvre. Một dịp để giảng giải cho nàng một điều mà anh nghĩ mình biết rõ, chỉ để nhận thấy chính anh là người làm công việc giảng giải. Anh mua cho nàng một cái nón mềm kiểu du lịch trong cửa hàng nhỏ ở chân tháp Eiffel và lại thêm một lần thấy nàng bao giờ cũng tuyệt vời bất kể nàng mang cái gì bên người. Họ dùng bữa tối tại nhà hàng Maxim nhưng chỉ ăn một mạch, vì cả hai đều biết rằng lúc này thực ra họ chỉ muốn nhanh chóng trở về căn hộ nhỏ của anh ở tả ngạn sông Seine.

Anh nhớ lại anh đã đứng ngây người như bị mê hoặc trong lúc Hannah cởi từng món y phục cho tới lúc nàng quá bối rối đến nỗi nàng bắt đầu cởi áo quần của anh. Mọi việc tựa hồ như anh không muốn làm tình với nàng, bởi vì anh hy vọng màn dạo đầu đó sẽ tiếp diễn mãi mãi.

Trong số tất cả những người đàn bà, kể cả các nữ sinh viên lãng nhãng mà anh đã trải qua đêm hết sức bình thường, thậm chí đôi khi anh đã tưởng là tình yêu, anh chưa bao giờ biết tới bất cứ cái gì giống như thế này. Và xét cho cùng, anh khám phá ra một điều khác mà từ trước tới giờ anh chưa hề nếm mùi: nỗi sung sướng hoàn toàn khi nằm trong vòng tay của nàng, mà từng chút một vẫn vui thú không khác khi làm tình.

Ngón tay của anh lướt dọc theo gáy nàng.

— Lúc nào em phải trở về? – anh hỏi gần như tiếng thì là thằm.

— Một phút trước viên Đại sứ.

— Và lúc nào ông ta sẽ về tới?

— Chuyến bay của ông ta rời Geneva lúc 11 giờ 20. Như vậy em phải có mặt ở bàn giấy trước mười hai giờ.

— Thế thì chúng ta còn đủ thời gian để yêu nhau một lần nữa, – anh vừa

nói vừa đặt một ngón tay lên môi nàng.

Nàng cắn nhẹ ngón tay của anh.

— Ôi! – anh vờ kêu lên.

— Chỉ một lần thôi sao? – nàng đáp lại.

Debbie đưa viên Phó Đại sứ vào tận văn phòng của Cavalli lúc 12 giờ 20. Cả hai người đều không có ý kiến gì về việc Al Obaydi đến trễ. Tony chỉ một chiếc ghế ở phía bên kia bàn và chờ đợi cho người khách ngồi xuống. Lần đầu tiên, y cảm thấy khó chịu một cách kỳ lạ về người Ả Rập.

— Như tôi đã nói ngày hôm qua, – Cavalli mở lời, – hiện giờ chúng tôi đã nắm trong tay bản tài liệu mà ông cần. Chúng tôi sẵn sàng trao đổi nó với số tiền đã thoả thuận.

— À, phải, chín mươi triệu đô la, – người Iraq vừa nói vừa đặt đầu ngón tay chêm vào nhau ngay phía dưới cằm trong lúc ông ta nghiền ngẫm câu kế tiếp. – Tiền mặt lúc giao hàng, nếu tôi nhớ đúng.

— Ông nhớ đúng đấy, – Cavalli nói. – Vì vậy bây giờ chúng tôi chỉ cần biết nơi nào và bao giờ.

— Chúng tôi yêu cầu bản tài liệu phải được giao ở Geneva lúc mười hai giờ ngày thứ Ba sắp tới. Người nhận sẽ là ông Pierre Dummond, thuộc ngân hàng Dummond.

— Nhưng thế thì tôi chỉ có sáu ngày để tìm một con đường an toàn ra khỏi nước và...

— Chúa Trời của ông đã tạo ra thế giới trong thời gian đó nếu tôi nhớ đúng về sách Sáng Thế^[37]. Một câu chuyện ngốc nghếch đến nỗi, – Al

Obaydi nói tiếp. – Tôi không hơi đâu mà để ý đến Exodus^[38].

— Bản Tuyên ngôn sẽ đến Geneva vào trưa thứ Ba, – Cavalli nói.

— Tốt, – Al Obaydi nói. – Và nếu ông Dummond công nhận bản tài liệu là thật, ông ta đã nhận được những chỉ dẫn và việc xuất số tiền chín mươi triệu đô la bằng điện tín chuyển tới bất cứ ngân hàng nào mà ông chọn trên thế giới. Nếu trái lại, ông không giao hàng được, hoặc bản tài liệu được xác minh là một bản giả, chúng tôi sẽ mất mười triệu đô la mà không cần phải có chứng minh gì, ngoại trừ một cuốn phim dài ba phút được thực hiện bởi một đạo diễn lừng danh thế giới. Trong trường hợp đó, một gói đồ tương tự cái này sẽ được gửi bằng bưu điện đến Giám đốc cơ quan FBI và Ủy viên tổ chức IRA.

Al Obaydi lấy ra một phong bì dày từ túi áo bên trong và liệng lên mặt bàn. Vẻ mặt của Cavalli vẫn không thay đổi trong lúc viên Phó Đại sứ đứng lên, cúi chào và bước ra khỏi phòng, không nói thêm một lời nào nữa.

Cavalli có cảm giác chắc chắn y sắp sửa khám phá ra ý nghĩa của mảng từ “Trong số những sự việc khác”. Xé chiếc phong bì màu vàng dày cộm và đổ những gì đựng bên trong lên bàn. Nhiều tấm hình, có tới mấy tá và nhiều tài liệu ghi lại số thứ tự của giấy bạc. Y liếc qua mấy tấm hình của chính y đang mãi mê trò chuyện với Al Calabrese trên lề đường, phía trước quán ăn National; một tấm khác của y với Gino Sartori ở giữa Quảng trường Freedom và còn có một tấm khác với viên đạo diễn trên dàn đỡ máy quay phim trong lúc họ nói chuyện với viên cựu cảnh sát quận Columbia. Al Obaydi lại còn chụp một tấm hình của Rex Butterworth đang bước vào khách sạn Willard và cả anh chàng diễn viên đầu hói, đang ngồi trên chiếc xe hơi thứ ba, và sau đó bước vào xe bên ngoài bực lên hàng của viện Bảo tàng Lịch sử.

Cavalli bắt đầu nhip ngón tay trên bàn. Bây giờ y mới nhớ lại mối nghi ngờ lẩn khuất trong đáy tâm trí y. Chính Al Obaydi là kẻ đã trông thấy trong đám đông ngày hôm trước. Y đã đánh giá thấp viên Phó Đại sứ Iraq. Có lẽ đã đến lúc gọi điện thoại cho người của bọn họ ở Lebanon và thông báo cho anh

ta về tài khoản ngân hàng Thụy Sĩ mà y đã mở với tên của viên Phó Đại sứ.

— Em sẽ làm gì, Simon, nếu ông ta giao việc cho em.

Scott do dự. Anh không biết Mossad muốn nàng làm việc gì. Anh chỉ biết chắc anh muốn nàng làm gì. Đặt vấn đề với Dexter Hutchins ở Virginia cũng vô ích, bởi vì họ sẽ không do dự bảo anh cứ tiếp tục lợi dụng Hannah cho mục đích riêng của họ.

Hannah quay người lại nhìn về phía mà Scott khôi hài xem là bếp và gợi ý khi anh không trả lời:

— Có lẽ anh nên hỏi Đại tá Kratz những gì em cần làm. Anh cứ giải thích với ông ta rằng viên Đại sứ muốn em thay thế Muna, nhưng một vấn đề khác đã nảy sinh.

— Vấn đề gì thế? – Scott lo lắng hỏi.

— Nhiệm vụ của viên Đại sứ sẽ chấm dứt vào đầu tháng tới. Rất có thể ông ta sẽ được yêu cầu ở lại Paris, nhưng viên Trưởng phòng Hành chính nói với mọi người rằng ông ta sắp được triệu hồi về Baghdad và được đề bạt làm Thứ trưởng Bộ ngoại giao.

Scott vẫn không bày tỏ ý kiến.

— Chuyện gì vậy, Simon? Có phải anh không thể lấy một quyết định vào lúc này trong buổi sáng?

Scott vẫn không nói gì.

— Anh đúng là xúc động trong lúc đứng cũng như lúc anh nằm trên giường, – nàng trêu ghẹo.

Scott đã quyết định đã đến lúc nói tất cả với nàng.

— Anh sẽ không chờ đợi thêm một phút nào nữa. – Anh bước ra khỏi bếp, ôm nàng vào lòng và vuốt tóc nàng. – Hannah, anh cần phải...

Anh vừa lên tiếng thì chuông điện thoại reo. Anh buông nàng ra để trả lời điện thoại. Anh lắng nghe vài phút rồi nói với Dexter Hutchins:

— Vâng, chắc chắn. Tôi sẽ gọi lại ngay lúc tôi đã có thời giờ suy nghĩ về việc đó.

Ông ta tính toán cái gì vào giữa đêm khuya như thế này, Scott tự hỏi trong lúc anh đặt ống nghe xuống.

— Một người nào khác, phải không? – Hannah hỏi với một nụ cười.

— Nhà xuất bản muốn biết khi nào bản thảo của anh sẽ hoàn tất. Đã quá hạn rồi.

— Và anh sẽ trả lời như thế nào?

— Hiện nay anh không tập trung được.

— Chỉ hiện nay thôi sao? – nàng vừa nói vừa dí ngón tay lên mũi của anh.

— Có thể phải nói thường xuyên, – anh nhìn nhận.

Nàng hôn nhẹ lên má anh và thì thầm:

— Em phải quay về Toà Đại sứ, Simon. Anh đừng đi xuống với em. Nguy hiểm lắm.

Anh giữ nàng trong vòng tay và muốn phản đối nhưng lại đồng ý.

— Khi nào anh sẽ gặp lại em?

— Mỗi khi bà vợ của viên Đại sứ cảm thấy cần bơi, – Hannah vừa nói vừa dang ra. – Nhưng em sẽ liên tục nhắc nhở bà ta việc đó sẽ tốt cho dáng người của bà ta như thế nào, và có lẽ bà ta nên tập luyện nhiều hơn nữa.

Scott đứng bên cửa sổ, chờ nàng lại hiện ra. Anh không thích thực trạng chỉ có gọi điện thoại, viết thư hoặc tiếp xúc với nàng mỗi khi cảm thấy thích

mà cũng không thể. Anh ước ao được gửi hoa, thư, thiệp cho nàng để cho nàng biết anh yêu nàng nhiều như thế nào.

Hannah chạy ra lề đường với một nụ cười trên mặt. Nàng nhìn lên và gửi cho Scott một cái hôn gió trước khi biến mất ở góc đường.

Một người đàn ông khác, lạnh lẽo và mệt mỏi vì nhiều tiếng đồng hồ chờ đợi, cũng nhìn theo nàng, không phải từ một khung cửa sổ trong một căn phòng ấm áp mà từ một vòm cổng ở bên kia đường.

Lúc Hannah khuất dạng, người đàn ông bước ra khỏi bóng tối và đi theo cô thư ký phụ của viên Đại sứ trở về khuôn viên Toà Đại sứ.

CHƯƠNG 17

— Tôi không tin ông, – nàng nói.

— Tôi sợ rằng sự thực của vấn đề là cô không muốn tin tôi, – Kratz nói, ông đã từ London bay đến sáng hôm đó.

— Nhưng anh ấy không thể hoạt động cho bất kỳ kẻ thù nào của Do Thái.

— Nếu thế, có lẽ cô có thể giải thích tại sao anh ta đã giả dạng một nhân viên Mossad?

Trong hai tiếng đồng hồ vừa qua, Hannah đã cố nghĩ ra một lý do thích đáng tại sao Simon lại lừa gạt nàng; nhưng phải nhìn nhận rằng nàng đã không thể tìm được một lời giải đáp có tính thuyết phục.

— Cô đã kể cho anh ta nghe tất cả những gì về chúng ta? – Kratz hỏi.

— Vâng, – nàng nói, đột nhiên cảm thấy xấu hổ. – Nhưng ông đã kiểm tra lại với tất cả các cơ quan thân hữu rồi chứ?

— Tất nhiên, chúng tôi đã kiểm tra, – Kratz nói. – Không một ai ở Paris từng nghe nói về gã đàn ông đó. Không phải người Pháp, không phải người Anh, và nhất định không phải CIA. Trưởng trạm của họ ở đây đích thân nói với tôi rằng họ chưa bao giờ có một ai trong danh sách của họ mang tên Simon Rosenthal.

— Thế thì chuyện gì sẽ xảy đến với tôi bây giờ? – Hannah hỏi.

— Cô có muốn tiếp tục phục vụ cho đất nước không?

— Ông biết tôi rất muốn, – nàng vừa nói vừa nhìn chăm chăm vào ông.

— Và cô vẫn còn hy vọng trà trộn vào hàng ngũ của Baghdad hay không?

— Vâng, tất nhiên tôi vẫn còn hy vọng. Tại sao tôi phải chịu đựng tất cả mọi thứ như thế này nếu tôi không muốn tham dự vào phần cuối của chiến dịch?

— Thế thì cô cũng sẽ muốn giữ lời tuyên thệ mà cô đã thề trước sự hiện diện của các bạn đồng nghiệp ở Herzliyah.

— Không có gì khiến tôi có thể xoá bỏ lời tuyên thệ đó. Ông thừa biết mà. Ông chỉ cần nói “tôi làm gì”.

— Tôi muốn cô giết Rosenthal.

Scott vui sướng khi nghe Hannah xác nhận vào chiều thứ Năm rằng nàng sẽ đi ăn với anh trong buổi sáng thứ Sáu và thậm chí có thể ở lại đêm. Đường như viên Đại sứ lại được gọi sang Geneva. Một chuyện lớn lao nào đó đang xảy ra, nhưng nàng vẫn chưa biết chính xác là chuyện gì. Scott quyết định rằng ba việc sẽ diễn ra. Đầu tiên, anh sẽ đích thân nấu nướng, bất kể lời phê phán của Hannah về cái bếp không tương xứng của anh. Thứ hai, anh sẽ kể cho nàng nghe sự thực về bản thân anh, bất kể những cản trở đã xảy đến. Và thứ ba...

Scott cảm thấy thư thái hơn hẳn mấy tuần qua sau khi anh đã quyết định “thú thật”, như mẹ anh vẫn thường bảo mỗi lần anh “lấy cắp một món gì”. Anh biết anh sẽ bị gọi về Mỹ sau khi anh đã thông báo cho Dexter về những gì đã xảy ra và vài tuần sau đó anh sẽ bị sa thải một cách lặng lẽ. Nhưng điều đó không còn có ý nghĩa gì nữa, bởi vì thứ ba, việc quan trọng hơn hết thảy, anh sẽ yêu cầu Hannah trở về Mỹ với anh để làm vợ anh.

Scott sử dụng cả buổi chiều vào việc đi chợ để mua bánh mì mới nướng, nấm hoang loại cao cấp nhất, sườn cừu non tươi ngon và cam vừa chín tới.

Anh trở về nhà để chuẩn bị một bữa đại tiệc mà anh hy vọng nàng sẽ không bao giờ quên. Anh cũng đã chuẩn bị một bài phát biểu mà anh tin tưởng sớm hay muộn nàng sẽ nhận thấy có thể tha thứ.

Suốt buổi tối, Scott tự nhận thấy anh cứ nhìn lên chiếc đồng hồ trên bếp liên tục. Anh có cảm tưởng bị cướp đoạt nếu nàng chỉ đến trễ vài ba phút. Nàng đã không thể đến được chỗ hẹn lần trước, mặc dầu anh chấp nhận nàng không có cách nào báo cho anh biết khi có chuyện gì bất ngờ xảy đến. Anh nhẹ nhõm khi thấy nàng bước qua cửa sổ ngay sau khi đồng hồ đánh tám tiếng.

Anh mỉm cười khi thấy Hannah cởi áo khoác và anh thấy nàng mặc chiếc áo đầm anh đã chọn cho nàng hôm họ đi mua sắm cùng nhau lần đầu tiên. Một chiếc áo đầm dài màu xanh thả lỏng hai bên vai khiến cho nàng có vẻ vừa thanh lịch, vừa gợi cảm.

Anh ôm nàng vào lòng và ngạc nhiên về phản ứng của nàng. Nàng có vẻ xa cách, hầu như lạnh nhạt. Hay là anh quá nhạy cảm? Hannah dang ra và nhìn chăm chăm vào cái bàn được xếp đặt cho hai người với khăn bàn ca-rô đỏ trắng và hai bộ dao, nĩa, muỗng không tương hợp.

Scott rót cho nàng một ly rượu vang trắng mà anh đã lựa chọn để dùng kèm với món thứ nhất trước khi biến vào bếp để thêm thắt các chi tiết cuối cùng cho tài nghệ của anh, biết rằng anh và Hannah luôn luôn có quá ít thời giờ được ở bên nhau.

— Anh nấu gì thêm? – nàng hỏi với một giọng tẻ ngắt.

— Em cứ chờ xem, – anh đáp. – Nhưng anh có thể nói với em món khởi đầu là món anh đã học được khi...

Anh ngừng lại một giây rồi nói tiếp một cách hơi yếu ớt:

— ... cách đây nhiều năm.

Anh không trông thấy vẻ mặt nhăn nhó của nàng khi anh thất bại với đoạn

cuối câu nói đầu tiên của anh.

Scott quay ra gặp nàng một lát sau đó, mang hai đĩa nấm nóng hổi với một lát bánh mì sốt tỏi.

— Nhưng không nhiều tỏi lắm đâu, – anh hứa với nàng. – Vì nhiều lý do dễ hiểu.

Không có một câu trả lời dí dỏm hoặc gay gắt nào đáp lại, và anh tự hỏi phải chăng nàng không thể ở lại qua đêm. Đáng lẽ anh đã hỏi han nàng nhiều hơn nếu anh không tập trung vào bữa ăn tối cũng như muốn nói cho xong bài phát biểu.

— Anh muốn mình có thể đi khỏi Paris và viếng thăm Versailles, như những người bình thường, – Scott nói trong lúc anh cắm chiếc nĩa vào một miếng nấm.

— Thế thì thú vị quá, – nàng nói.

— Và còn tuyệt hơn nữa...

Nàng ngước lên và nhìn chòng chọc vào anh.

— Một kỳ cuối tuần ở Colmendor. Anh đã tự hứa với mình từ lâu lắm rồi khi lần đầu tiên anh đọc cuộc đời của Matisse^[39] ở....

Anh do dự một lần nữa và nàng cúi đầu trong lúc anh nói tiếp, cố giữ bình tĩnh:

— Và đó chỉ là Pháp. Chúng ta có thể sống một thời gian ở Ý. Họ có cả trăm Colmendor.

Anh nhìn về phía nàng với vẻ đầy hy vọng, nhưng đôi mắt nàng vẫn nhìn chăm chăm vào đĩa thức ăn chỉ còn một nửa.

Anh đã làm gì không phải? Hay là nàng đang e ngại phải nói với anh một điều gì đó, hay lo sợ với ý nghĩ sẽ nghe nàng cho hay nàng sắp đi Baghdad khi tất cả những gì anh muốn làm là đưa nàng đến Venice, Florence và

Rome. Nếu chính Baghdad là điều khiến nàng băn khoăn, anh sẽ làm bất cứ gì trong khả năng của anh để thay đổi ý định của nàng.

Scott dọn dẹp đĩa và một lát sau trở lại với món cừ non Prevençal:

— Món bà chủ thích nhất đây, nếu tôi nhớ đúng.

Nhưng anh chỉ được thưởng công bằng một nụ cười yếu.

— Có gì thế Hannah? – anh hỏi trong lúc ngồi xuống chiếc ghế đối diện với nàng.

Anh cúi người để đụng nhẹ bản tay nàng, nhưng nàng thụt nhanh lại.

— Em chỉ hơi mệt một chút, – nàng trả lời không có gì đáng thuyết phục.
– Suốt cả một tuần dài dằng dặc.

Scott thử bàn luận về công việc của nàng, về sân khấu, về cuộc triển lãm Claudion tại Louvre và cả những nỗ lực của Clinton để đưa ba người còn sống trong nhóm Beatles lại với nhau, nhưng với mỗi cố gắng mới của anh chỉ nhận được một phản ứng tẻ nhạt. Họ tiếp tục ăn trong sự im lặng cho tới khi đĩa của anh hết thức ăn.

— Và bây giờ chúng ta sẽ kết thúc với *Pièce de résistance*^[40] của anh.

Anh trông mong được trừng trị theo kiểu đùa giỡn về tài làm bếp của anh, nhưng anh chỉ đón nhận được một nụ cười mơ hồ và một cái nhìn từ đôi mắt đen xinh đẹp của nàng. Anh biến vào bếp và trở ra ngay, bưng một tô cạn cắt lát hoà một chút rượu Cointreau. Anh đặt một tô trước mặt nàng, hy vọng nó sẽ thay đổi tâm trạng của nàng. Nhưng trong khi Scott tiếp tục cuộc độc thoại, Hannah vẫn là một khán giả dửng dưng.

Anh dọn dẹp hai tô, tô của anh đã cạn, còn tô của nàng hầu như không được đụng tới và một lát sau trở lại với cà phê, cốc của nàng như nàng vẫn thích, đen với một chút kem trên mặt và không đường. Cốc của anh đen, nóng bốc hơi với đường rất nhiều.

Ngay lúc ngồi xuống đối diện với nàng, quyết định đây là lúc nói thật với nàng thì nàng lại hỏi xin đường. Scott nhồm dậ, hơi ngạc nhiên, trở vào bếp trút đường vào một cái chén, lấy một muỗng cà phê và quay ra vừa kịp trông thấy nàng đóng cái ví tay nhỏ của nàng.

Sau khi anh đã ngồi xuống và để đường lên bàn, anh mỉm cười với nàng. Từ trước đến nay, anh chưa bao giờ trông thấy một nỗi buồn như thế trong mắt nàng. Anh rót cho họ hai ly Brandy, xoay tròn ly của anh, uống một ngụm cà phê và, nhìn thẳng vào mặt nàng. Nàng không hề đụng tới cốc cà phê hoặc ly Brandy của mình và cốc đường mà nàng yêu cầu vẫn nằm ở giữa bàn, vun lên nguyên vẹn.

— Hannah, – Scott dịu dàng lên tiếng, – anh có một điều quan trọng muốn nói với em, và anh đã muốn nói với em từ lâu lắm rồi.

Anh nhìn lên và trông thấy nàng sắp sửa khóc. Đáng lẽ anh phải hỏi nàng lý do, nhưng lại e ngại rằng nếu anh cho nàng đổi đề tài, anh có thể sẽ không bao giờ nói thật được với nàng.

— Tên anh không phải là Simon Rosenthal, – anh điềm tĩnh nói.

Hannah có vẻ ngạc nhiên, nhưng không phải theo cách anh đã tưởng – lo âu hơn là hiếu kỳ. Anh nhấp một ngụm cà phê nữa rồi nói tiếp:

— Anh đã nói dối với em ngay từ lúc chúng ta gặp nhau và anh càng yêu em sâu đậm hơn, anh lại càng nói dối nhiều hơn.

Nàng không nói gì, như thế anh càng mừng, bởi vì nhân cơ hội này, như những lần anh giảng bài. anh cần tiếp tục không bị ngắt lời. Cổ họng anh bắt đầu có cảm giác hơi khô, do đó anh lại uống một ngụm cà phê.

— Tên anh là Scott Bradley. Anh là một người Mỹ, nhưng không phải ở Chicago như anh đã nói với em hôm chúng ta gặp nhau lần đầu. Anh ở Denver.

Vẻ bối rối hiện ra trong mắt Hannah, nhưng nàng vẫn không ngắt lời anh.

Scott quả quyết nói tiếp:

— Anh không phải là nhân viên Mossad ở Paris đang viết một cuốn sách về du lịch. Hoàn toàn không phải, mặc dầu anh thú nhận sự thực còn kỳ lạ hơn cả điều tưởng tượng.

Anh nắm tay nàng và lần này nàng không cố gỡ ra.

— Xin em để cho anh được giải thích, rồi có lẽ em sẽ nghĩ lại mà tha thứ cho anh.

Cổ họng anh đột nhiên có cảm giác khô hơn. Anh uống cạn cốc cà phê và nhanh nhẹn rót cho mình một cốc khác, lấy thêm muống đường. Nàng vẫn chưa đụng tới cốc của nàng.

— Anh sinh ra tại Denver, bắt đầu đi học ở đó. Ba anh là một luật sư, kết thúc cuộc đời trong nhà tù vì tội lường gạt. Anh quá xấu hổ đến nỗi khi mẹ anh qua đời, anh đến nhận một chức vụ ở trường Đại học Beirut, bởi vì anh không thể nhìn mặt bất cứ một người quen nào nữa.

Hannah nhìn lên và đôi mắt của nàng bắt đầu tỏ vẻ thông cảm. Điều đó khiến Scott vững lòng nói tiếp:

— Anh không làm việc cho Mossad trong bất kỳ một nhiệm vụ gì, cũng chưa từng làm việc đó.

Đôi môi của nàng mím lại thành một đường thẳng.

— Công việc thực sự của anh hoàn toàn không giống như anh mơ tưởng. Sau Beirut, anh trở về Mỹ trở thành một giáo sư đại học.

Nàng có vẻ hoang mang, rồi sắc mặt nàng đột nhiên biến thành lo lắng.

—Ồ phải, – anh nói với giọng bắt đầu hơi lú lịm, – lần này anh nói thực đấy. Anh giảng dạy môn Luật Hiến pháp ở Yale. Chúng ta phải thừa nhận rằng, không một ai có thể bịa đặt ra một câu chuyện như thế.

Anh cố cười và uống thêm cà phê. Nó bớt đắng hơn cốc thứ nhất.

— Nhưng anh cũng là người mà trong giới Tình báo gọi là điệp viên bán thời gian và vì thế không phải là một điệp viên giỏi. Mặc dầu trong nhiều năm anh đã từng huấn luyện và giảng dạy cho nhiều người khác về khía cạnh làm công việc đó.

Anh ngừng lại một lát.

— Nhưng đó chỉ là chuyện trong một lớp học.

Nàng có vẻ lo lắng hơn.

— Em đừng sợ. – Anh nói, cố trấn an nàng. – Anh chỉ làm việc đó cho phe tốt, mặc dầu anh vẫn nghĩ rằng điều đó tùy thuộc người ta nhìn từ đâu. Anh hiện là một sĩ quan cấp tá tạm thời của CIA.

— CIA à? – nàng lấp bắp với vẻ nghi ngờ. – Nhưng họ đã nói với em...

— Họ đã nói gì với em? – Anh nhanh nhẹn hỏi.

— Không có gì, – nàng nói và lại cúi đầu xuống.

Phải chăng nàng đã biết rõ mọi điều cần thiết về anh, hoặc có lẽ đã đoán được câu chuyện đặc biệt của anh không cần phải nói thêm? Anh bất cần. Tất cả những gì anh muốn làm là kể cho người phụ nữ anh thương yêu mọi điều về bản thân anh. Không còn dối trá, Không còn lừa gạt. Không còn bí mật.

— Bởi vì anh đang thú tội, anh phải không được phóng đại. – Anh nói tiếp. – Anh đến Virginia mười hai lần mỗi năm để thảo luận với các điệp viên về các vấn đề họ đã gặp phải trong lúc hoạt động ngoài chiến địa. Anh có rất nhiều ý kiến để giúp đỡ họ trong sự yên tĩnh và thoải mái của Langley, nhưng giờ đây anh sẽ đối xử họ với lòng tôn trọng hơn trước, sau khi đã trải qua một số vấn đề mà họ đã từng gặp, đặc biệt là sau khi anh đã tự gây nên một mớ bòng bong.

— Không thể như thế được, – nàng bỗng nói – Anh cứ bảo thẳng với em anh đang bịa đặt tất cả.

— Anh không thể nói như vậy, Hannah. Lần này đó là tất cả sự thực. Em phải tin anh. Anh đã đến được Paris sau nhiều năm yêu cầu được thử nghiệm ngoài chiến trận, bởi vì với tất cả kiến thức lý thuyết của anh, anh đã đoán rằng mình sẽ là một chuyên gia tài giỏi nếu người ta cho anh một cơ hội tự chứng minh. Scott Bradley, Giáo sư Luật Hiến pháp. Cực kỳ chính xác trong con mắt các sinh viên quý mến của anh ở Yale và các điệp viên cao cấp của CIA ở Langley. Sẽ không có một tiếng hoan hô nào sau thành tích này, đó là điều mà cả hai chúng ta có thể tin chắc.

Hannah đứng lên và nhìn xuống anh.

— Anh hãy nói với em đó không phải là sự thực, Simon, – nàng nói. – Đó nhất định không phải là sự thực. Tại sao chọn em? Tại sao lại là em?

Anh cũng đứng lên và ôm nàng vào lòng.

— Anh đâu có chọn em, anh yêu em. Họ đã chọn anh. Đồng bào của anh... đồng bào của anh cần biết tại sao Mossad đã đưa em... đưa em vào Tòa Đại sứ Jordan làm việc cho Ban Lợi ích Iraq.

Anh nhận thấy khó giữ mạch lạc, và không thể hiểu vì sao anh cảm thấy hết sức buồn ngủ.

— Nhưng tại sao lại là anh? – nàng vừa hỏi vừa tiếp tục ôm chặt anh lần đầu tiên trong buổi hôm ấy. – Tại sao không phải là một nhân viên chính quy của CIA?

— Bởi vì... bởi vì họ muốn đưa một người vào... một người không thể bị nhận diện bởi một bất cứ một kẻ chuyên nghiệp nào.

— Ôi lạy Chúa, người để cho em tin tưởng, – nàng vừa nói vừa dang ra và nhìn chòng chọc vào anh một cách bất lực.

— Em có thể tin tưởng anh, bởi vì anh sẽ chứng minh...

— Chứng minh tất cả những điều anh vừa nói là sự thực.

Scott bắt đầu rời khỏi bàn, anh cảm thấy loạng choạng trong lúc anh bước chậm chạp tới tủ bút phê, cúi người xuống để mở ngăn kéo dưới cùng và sau một lúc sờ soạng, lấy ra một chiếc vali nhỏ bằng da với hai chữ cái S.B in bằng vàng ở góc trái phía trên. Anh nở một nụ cười đắc thắng và quay lại. Anh cố đứng vững bằng cách tựa một bàn tay lên trên tủ bút phê. Anh nhìn về phía dáng người mập mờ của người phụ nữ anh thương yêu, nhưng không còn có thể trông thấy vẻ tuyệt vọng trên mặt nàng. Anh cố gắng nhớ lại mình đã nói những gì với nàng và nàng còn cần biết những gì.

— Ôi anh yêu, em đã làm gì thế này? – nàng nói, đôi mắt lúc này đầy vẻ van lơn.

— Có gì đâu tất cả là lỗi của anh, – Scott nói. – Nhưng chúng ta sẽ có phần còn lại của cuộc đời để cười về chuyện đó à, đây là một đề nghị. Yếu ớt, anh đồng ý, nhưng anh không thể yêu em nhiều hơn anh đang yêu. Nhất định em phải nhận được điều đó.

Anh cố bước một bước về phía nàng. Nàng đứng nhìn sững anh một cách bất lực. Trong lúc anh lao đảo về phía trước, trước khi cố bước thêm một bước thứ hai. Rồi anh lại ráng, nhưng lần này anh chệnh choáng và ngã vật lên bàn, rồi cuối cùng lăn xuống đất bên cạnh chân nàng.

— Anh không thể trách em nếu em không có cùng cảm nghĩ như...

Đó là những từ cuối cùng của anh, trong lúc chiếc vali da bung ra, đổ tất cả những gì đựng trong đó quanh thân hình bỗng nhiên bất động.

Hannah liền quỳ xuống và nâng đầu anh lên trong hai bàn tay của nàng. Nàng bắt đầu khóc nức nở không sao kìm chế được.

— Em yêu anh, lẽ dĩ nhiên, em yêu anh, Simon. Nhưng tại sao anh không tin em đủ để nói hết sự thực với em?

Mắt nàng dừng lại trên một tấm ảnh nhỏ kẹp giữa mấy ngón tay của anh. Nàng giật nó ra khỏi tay anh. Trên mặt sau có mấy chữ: “Katherine Bradley –

Mùa hạ 66”. Đây chắc hẳn là mẹ anh. Nàng vồ lấy sổ hộ chiếu nằm bên cạnh đầu anh và nhanh nhẹn lật ra từng trang, cố đọc qua nước mắt: *Nam. Ngày sinh: 11.7.56. Nghề nghiệp: Giáo sư Đại học.* Nàng lật qua một trang khác và một bức hình cắt từ tờ *Paris Match* rơi ra. Nàng nhìn sửng. Chính nàng đang mặc một bộ y phục Ungaro từ loạt thời trang mùa Xuân làm 1990.

— Không, không. Xin đừng để cho đây là sự thật. – Hannah nói trong lúc nàng nhắc anh trở vào vòng tay của nàng. – Xin để cho đây là những điều gian dối khác.

Thế rồi mắt nàng ngừng lại trên chiếc phong bì chỉ đề tên “Hannah”. Nàng đặt nhẹ anh lên nền nhà, nhặt chiếc phong bì và mở ra.

Hannah yêu quý, Anh đã cố suy nghĩ hàng trăm cách để bắt đầu bức thư này. Chỉ có mỗi một cách. Anh yêu em. Và, quan trọng không kém trước đây anh chưa bao giờ yêu và giờ đây anh biết anh không bao giờ có thể yêu bất cứ một ai như thế này nữa.

— Không, không! – Nàng gào lên, gần như không thể đọc những lời của anh qua màn lệ.

Em không những là người yêu của anh mà còn là người bạn thân nhất của anh. Anh sẽ không bao giờ muốn hoặc cần bất cứ một ai khác nữa. Anh sung sướng với ý nghĩ phần còn lại của cuộc đời anh cùng với em, và cứ tự hỏi làm sao mà anh đáng được may mắn đến thế.

— Cầu xin Chúa, không, – nàng vừa khóc vừa nói trong lúc đầu nàng gục lên ngực anh. – Em cũng yêu anh, Simon. Em yêu anh nhiều lắm.

Anh muốn có ba con gái và hai con trai và anh cần phải báo trước với em rằng anh sẽ không chấp nhận ít hơn đâu. Bao nhiêu cháu, chúng ta sẽ bàn sau. Anh sợ anh sẽ có tính nóng và rắc rối lúc về già, nhưng anh sẽ không bao giờ ngừng yêu em. Chúng ta đừng chờ đợi...

— Không, không, không..., – Hannah vẫn khóc trong lúc nàng cúi xuống để hôn anh.

Đột nhiên, nàng chồm dậy và chạy vội đến máy điện thoại. Nàng vừa quay số 17, vừa kêu gào.

— Lạy Chúa, xin để một viên không đủ. Trả lời đi, trả lời đi!, – nàng rít vào máy điện thoại trong lúc cánh cửa căn hộ của Scott mở toang ra. Hannah quay lại, trông thấy Kratz và một gã đàn ông khác mà nàng không biết mặt cùng xông vào.

— Ông độc ác, ông độc ác! – nàng gào lên. – Ông đã bắt tôi giết người độc nhất tôi thực sự yêu! Tôi cầu mong cho ông mục xương dưới địa ngục.

Nàng vừa nói, vừa đâm vào mặt ông ta.

Gã đàn ông lạ mặt liền nhanh nhẹn chạy qua và ném Hannah sang một bên, trước khi cả hai người nhấc thân hình mềm nhũn của Scott lên và mang ra khỏi phòng.

Hannah nằm khóc trong góc.

Một tiếng đồng hồ trôi qua, có lẽ hai, trước khi nàng chậm chạp trở lại bàn, mở ví và lấy viên thuốc thứ hai.

CHƯƠNG 18

— Đây là Nhà Trắng.

— Xin cho gặp ông Butterworth.

Im lặng một lúc lâu mới có người đáp:

— Tôi không biết bất cứ ai có tên đó, thưa ông. Xin chờ một chút, tôi sẽ chuyển qua phòng Nhân viên.

Vị Viện trưởng Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia kiên nhẫn chờ, cứ mỗi giây trôi qua lại càng nhận thấy hệ thống điện thoại mới do bộ Hành chính của Clinton đặt mua rõ ràng là quá chậm.

— Đây là phòng Nhân viên, – một giọng phụ nữ nói. – Tôi có thể giúp gì ông?

— Tôi muốn gặp ông Rex Butterworth, trợ lý đặc biệt của Tổng thống.

— Ai đang gọi đây?

— Marshall. Calder Marshall, viện trưởng Viện Bảo tàng.

— Của...?

— Của nước Mỹ.

Lại im lặng một lúc lâu.

— Tôi không sao nhớ ra cái tên Butterworth, thưa ông, nhưng tôi tin chắc ông biết có tới hơn bốn mươi trợ lý đặc biệt cho Tổng thống.

— Không, tôi không biết, – Marshall nhìn nhận.

Sau đó im lặng một lúc lâu nữa.

— Theo hồ sơ lưu trữ của chúng tôi, – giọng phụ nữ nói, – hình như ông ta đã trở về Bộ Thương mại. Ông ta thuộc danh mục A, chỉ có nhiệm vụ tạm thời ở đây.

— Cô có biết một số nào giúp tôi gọi được ông ấy?

— Không, tôi không biết. Nhưng nếu ông gọi điện thoại đến Bộ Thương mại tôi tin chắc họ sẽ tìm ra ông ta cho ông.

— Cảm ơn cô đã giúp đỡ.

— Tôi rất vui mừng được giúp ông.

Hannah có thể không bao giờ nhớ lại nàng đã nằm co quắp bao lâu trong góc phòng của Simon. Nàng không thể nghĩ đến anh với tên Scott, nàng sẽ luôn luôn nghĩ đến anh với tên Simon. Một tiếng đồng hồ, rất có thể hai. Thời gian không còn thực chất nào đối với nàng nữa. Nàng có thể nhớ đã bò trở lại giữa phòng, tránh những chiếc ghế và bàn bị lật đổ giống như trong một hộp đêm vừa mới trải qua một cuộc ẩu đả giữa bọn người say rượu.

Nàng lấy viên thuốc ra khỏi ví và xả trôi theo nước trong bồn cầu, việc làm tự động của bất cứ một điệp viên nào đã được huấn luyện kỹ. Rồi nàng bắt đầu lục lọi trong cảnh đổ nát để tìm các bức hình, và tất nhiên, bức thư đề tên “Hannah”. Nàng nhét mấy vật kỷ niệm mới đó vào trong ví và với sự giúp đỡ của một chiếc ghế đổ, nàng đứng dậy.

Đêm hôm ấy, nàng nằm trên giường ở Toà Đại sứ nhìn chăm chăm lên trần nhà trắng tinh, không thể nhớ lại cuộc trở về, lộ trình nàng đã đi qua hoặc thậm chí nàng đã trèo thang cứu hoả hay là vào bằng cửa trước. Nàng tự hỏi bao nhiêu đêm nữa nàng đi ngủ được mấy phút liền một lúc. Thời gian sẽ trôi qua bao nhiêu lần trước khi anh không còn là từng ý nghĩ của nàng.

Nàng biết Mossad sẽ muốn đưa nàng ra, che giấu nàng, bảo vệ nàng – vì họ đã thấy chuyện đó – cho tới khi cảnh sát Pháp hoàn tất cuộc điều tra của họ. Nhiều Chính phủ sẽ có những vũ khí ngoại giao phát huy hết sức mạnh. Người Mỹ sẽ trả đũa mạnh mẽ về vụ giết chết một điệp viên của họ, nhưng cuối cùng mọi việc sẽ được dàn xếp ổn thoả. Hannah Kopec, Simon Rosenthal và giáo sư Scott Bradley sẽ biến thành những hồ sơ xếp. Đối với tất cả bọn họ, cả ba người chỉ là những con số, có thể hoán đổi, không thiết yếu và tất nhiên, có thể thay thế được.

Nàng băn khoăn họ sẽ làm gì với thể xác của anh, thể xác của người đàn ông mà nàng thương yêu. Một năm mồ đáng kính nhưng vô danh, nàng tin chắc như vậy. Họ sẽ bảo rằng việc phải thế vì lợi ích của chính nghĩa. Bất kể họ chôn anh ở đâu, nàng biết họ sẽ không bao giờ cho phép nàng tìm được nấm mồ của anh.

Chắc hẳn nàng đã không bỏ viên thuốc vào cà phê lúc đầu nếu Kratz đã không nói đi nói lại về ba mươi chín hỏa tiễn Scud giáng lên đầu nhân dân Do Thái, và đặc biệt một trong số đó đã giết chết mẹ nàng, em trai nàng và em gái nàng. Thậm chí rất có thể nàng đã rút lui vào lúc cuối nếu họ đã không đe dọa họ sẽ tự tay làm việc đó, nếu nàng từ chối. Họ hứa với nàng nếu chính là trường hợp này, cái chết sẽ vô cùng đau đớn.

Ngay lúc Hannah sắp sửa lấy viên thuốc ra khỏi ví, nàng đã hỏi xin Simon một chút đường, một giây an toàn cuối cùng. Tại sao anh đã không chộp lấy nó. Tại sao anh không đặt vấn đề, trêu ghẹo nàng về trọng lượng của nàng, làm bất cứ điều gì có thể khiến nàng đổi ý? Nhưng rồi tại sao, tại sao anh đã chờ quá lâu mới nói thực với nàng?

Ước gì anh nhận thức rằng nàng cũng có nhiều điều để nói với anh. Viên Đại sứ đã được triệu hồi về Iraq – một sự thăng chức, ông ta giải thích. Như Kanuk đang nói với tất cả mọi người, ông ta sẽ lên chức Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, điều đó có thể là khi vắng mặt Muhammed Saeed Al Zahiaf, ông ta sẽ làm việc trực tiếp với Saddam Hussein. Vị trí của ông ta ở Toà Đại sứ sẽ

được giao cho một người tên Hamid Al Obaydi, nhân vật số hai tại Liên Hiệp Quốc, người gần đây đã giúp cho Iraq một việc quan trọng mà cuối cùng nàng sẽ hay biết. Viên Đại sứ đã cho phép nàng chọn hoặc ở lại Paris để phục vụ dưới quyền Al Obaydi, hoặc trở về Iraq để tiếp tục làm việc với ông ta. Chỉ mấy ngày trước, chắc hẳn Mossad đã nghĩ một đề nghị như thế là một cơ hội quá hấp dẫn.

Hannah hết sức mong muốn nói với Simon rằng nàng không còn quan tâm đến Saddam nữa, rằng anh đã khiến cho nàng có thể vượt qua lòng thù hận đối với hoả tiễn Scud, thậm chí khiến cho cái chết của gia đình nàng trở thành một vết thương rất có thể đã đến lúc lành lặn. Nàng biết mình không còn có thể giết chết bất cứ ai được nữa, chùng nào nàng có một người để mãi mãi yêu thương. Nhưng giờ đây, Simon đã chết, nỗi khao khát trả thù còn mạnh hơn cả trước đây.

— Đây là Bộ Thương mại.

— Xin cho gặp Rex Butterworth.

— Cơ quan nào?

— Tôi không chắc tôi biết, – vị Viện trưởng Viện Bảo tàng nói.

— Ông Butterworth làm ở cơ quan nào? – nhân viên tổng đài hỏi, đọc từng từ một cách chậm rãi, tựa hồ cô ta đang nói chuyện với một cậu bé bốn tuổi.

— Tôi không rõ, – vị Viện trưởng nhìn nhận.

— Chúng tôi không biết bất cứ ai có tên đó.

— Nhưng Nhà Trắng đã nói với tôi...

— Tôi không cần biết Nhà Trắng đã nói gì với ông. Nếu ông không biết cơ quan nào...

— Tôi có thể gặp phòng Nhân viên?

— Xin chờ một phút.

Hoá ra lâu hơn một phút rất nhiều.

— Đây là phòng Nhân viên.

— Tôi là Calder Marshall, Viện trưởng Viện Bảo tàng Lịch sử của nước Mỹ. Tôi có thể nói chuyện với ông Giám đốc?

— Tôi rất tiếc, ông ấy không rảnh. Ông có muốn nói chuyện với phụ tá điều hành của ông ấy?

— Vâng, như thế cũng tốt, – Marshall nói.

— Cô ấy không đến sở hôm nay. Ông có thể gọi lại vào ngày mai?

— Vâng, – Marshall nói với một tiếng thở dài.

— Rất vui mừng được giúp ông.

Khi chiếc xe hơi của Kratz rít lên ngừng lại bên ngoài Trung tâm Tim mạch trong rừng Gilbert, có ba bác sĩ, hai nhân viên tạp dịch và một nữ y tá đang chờ họ trên bậc thềm bệnh viện. Toà Đại sứ chắc phải dốc hết sức.

Hai nhân viên tạp dịch chạy về phía trước và nhấc cái xác lên một cách nhẹ nhàng nhưng vững chắc ra khỏi băng sau của xe hơi, mang nhanh Scott lên các bậc thềm trước khi đặt anh trên một cái bàn nhỏ có bánh xe đang đợi sẵn.

Ngay cả lúc cái bàn lăn xuôi theo hành lang, ba viên bác sĩ và nữ y tá vẫn

vây quanh cái xác và bắt đầu cuộc khám nghiệm. Người nữ y tá nhanh chóng cởi sơ mi và quần dài của Scott trong lúc viên bác sĩ thứ nhất mở miệng anh để kiểm tra hơi thở. Người thứ hai, một bác sĩ cổ vấn chuyên môn, cúi tai lên ngực của Scott và cố lắng nghe một nhịp tim, trong lúc người thứ ba kiểm tra áp lực máu của anh, không một người nào có vẻ hy vọng.

Viên bác sĩ cổ vấn quay về phía nhà lãnh đạo Mossad và quả quyết bảo:

— Khởi cần phải nói dối vô ích. Chuyện xảy ra như thế nào?

— Chúng tôi đã đầu độc hẳn ta, nhưng hoá ra hẳn ta không...

— Tôi không quan tâm, – Ông ta nói. – Các ông đã dùng thuốc độc gì?

— *Ergot alkaloid*, – Kratz nói.

Viên bác sĩ chuyển sự chú ý sang một trong hai phụ tá của ông.

— Anh hãy gọi bệnh viện Widal và hỏi cho tôi các chi tiết về tác dụng của nó và thuốc giải độc chính xác, nhanh lên, – Ông ta nói trong lúc các nhân viên tạp dịch xô hai cánh cửa cao su chạy vào một phòng mổ riêng.

Viên bác sĩ thứ nhất đã tìm cách giữ cho miệng Scott vẫn mở trong suốt cuộc hành trình ngắn và tạo ra một lỗ thông hơi. Ông ta đã ấn lưỡi xuống để giữ một đường thông thương tới thanh quản. Sau khi chiếc bàn lăn đã ngừng lại trong phòng mổ, ông ta đặt một ống thông hơi bằng nhựa dài khoảng mười hai phân để bảo đảm lưỡi không bị suốt vào cổ họng.

Lúc bấy giờ, cô y tá mới đặt một chiếc mặt nạ trên mũi và miệng của Scott nối với một nguồn cung cấp dưỡng khí trên tường. Gắn vào một bên mặt nạ là một cái bọc bằng cao su mà cô ta bắt đầu bơm đều đặn từng ba bốn giây một với bàn tay trái, trong lúc cô ta giữ vững đầu anh bằng tay phải. Buồng phổi của Scott lập tức đầy dưỡng khí.

Viên bác sĩ cổ vấn lại kê tai lên ngực Scott. Ông ta vẫn không thể nghe thấy gì. Ông ta liền ngẩng đầu lên, gật đầu với một nhân viên tạp dịch và người này bắt đầu chà bột dẻo lên nhiều phần của ngực Scott. Một nữ y tá

khác tiếp theo đặt nhiều các đĩa điện tử nhỏ trên các dấu bột dẻo. Những sợi dây từ đĩa được nối với một máy đo tim đặt trên một cái bàn bên cạnh bàn lẫn. Đường thẳng nhỏ chạy qua máy và ghi cường độ của nhịp tim chọt phát lên một dấu hiệu yếu ớt.

Viên bác sĩ cố vắn mỉm cười phía sau mạng che mặt, trong lúc cô y tá tiếp tục bơm dưỡng khí vào trong miệng và mũi bệnh nhân.

Đột nhiên, không báo trước, máy đo tim phát ra một âm thanh chói tai. Tất cả mọi người trong phòng bỗng cùng quay lại, nhìn thẳng vào máy đo lúc này đang cho thấy một đường thẳng bằng nhỏ chạy từ bên này sang bên kia màn hình.

— Tim ngừng đập! – viên bác sĩ cố vắn la lớn.

Ông ta nhảy tới trước và đặt thân bàn tay trên xương ức của Scott và với tất cả hai cánh tay siết chặt. Ông ta bắt đầu lắc tới lắc lui trong lúc cố đẩy một khối lượng máu từ quả tim để làm hồi tỉnh bệnh nhân. Như một vận động viên cử tạ tài giỏi, ông ta có thể dùng hai cánh tay để bơm với tốc độ năm mươi lần mỗi phút.

Một bác sĩ thực tập đẩy máy Derlbrillator^[41] tới. Viên bác sĩ cố vắn liền đặt hai cái kẹp điện lớn lên phía trước và một bên ngực của Scott.

— Hai trăm joule, – viên bác sĩ cố vắn nói. – Đứng dang ra.

Tất cả mọi người thụt lùi một bước trong lúc một chấn động được truyền từ máy phóng điện và chạy qua cơ thể của Scott.

Họ chăm chú nhìn vào máy đo tim trong lúc viên bác sĩ cố vắn lại nhảy tới trước và tiếp tục bơm ngực của Scott với hai lòng bàn tay, nhưng đường thẳng màu xanh lá cây vẫn không phản ứng.

— Hai trăm joule, đứng dang ra, – Ông ta kiên quyết nhắc lại.

Và tất cả mọi người thụt lùi để quan sát hiệu quả của chấn động điện. Nhưng đường biểu diễn vẫn thẳng bằng một cách bướng bỉnh. Viên bác sĩ

nhanh nhẹn trở lại để bơm ngực Scott với hai bàn tay.

— Ba trăm sáu mươi joule, đứng dang ra, – viên bác sĩ cố vấn nói trong tình trạng khẩn cấp, nhưng cô ý tá tăng số trên mặt đồng hồ biết chắc bệnh nhân đã chết.

Viên bác sĩ bấm một cái nút, và tất cả mọi người quan sát chấn động mạnh nhất được phép chạy qua cơ thể của Scott phỏng đoán thế là xong. Họ cùng chú tâm vào máy đo tim.

— Chúng ta đã mất anh ấy.

Lời nói đó còn ở trên môi của viên bác sĩ cố vấn, thì họ kinh ngạc thấy đường biểu đồ chọt bắt đầu có một dấu hiệu giật nhẹ. Ông ta liền nhảy tới trước và bắt đầu bơm với hai lòng bàn tay trong lúc chuyển động giật giật tiếp tục cho thấy cơn co thắt đều đặn của cơ tim.

— Ba trăm sáu mươi joule, đứng dang ra, – Ông ta lại nói một lần nữa.

Cái nút lại được bấm xuống và mọi người chú ý nhìn máy đo tim. Cơn co thắt trở lại nhịp bình thường. Viên bác sĩ trẻ nhất mừng rỡ reo lên.

Viên bác sĩ cố vấn nhanh chóng định vị một mạch máu trong cánh tay trái của Scott và thọc một mũi kim thẳng vào đó, nối vào một ống thông rồi gắn đầu kia vào một bình nước biển.

Một viên bác sĩ khác chạy vào phòng, nhìn thẳng vào cấp trên và nói:

— Thuốc giải độc là GTN.

Một cô ý tá liền đi thẳng tới tủ độc được và lấy ra một chai nhỏ *glycerine trinitrate*, đưa cho viên bác sĩ cố vấn, trong lúc ông ta đã cầm sẵn một ống tiêm. Ông ta rút chất lỏng màu xanh từ trong chai, phun một chút lên không để chắc chắn không còn không khí, rồi bơm chất giải độc vào một van của bình nước biển. Ông ta quay người để quan sát máy đo tim. Chuyển động giật giữ một nhịp không đổi.

Viên bác sĩ quay sang cô ý tá lớn tuổi và hỏi:

— Cô có tin vào phép lạ không?

— Không, cô ta trả lời. – Tôi là một người Do Thái. Phép lạ chỉ dành riêng cho những người theo đạo Cơ đốc.

Hannah bắt đầu lập một kế hoạch, một kế hoạch không để cho Kratz can thiệp vào. Nàng đã quyết định nhận làm thư ký chính cho viên Đại sứ, và theo ông ta về Iraq.

Trong lúc nhiều tiếng đồng hồ trôi qua, kế hoạch nàng bắt đầu hình thành. Không phải từ phía Iraq, mà từ dân tộc của chính nàng. Hannah biết rằng nàng sẽ phải lẩn tránh mọi cố gắng của Mossad để rút nàng ra, điều đó có nghĩa là nàng có thể không bao giờ rời khỏi Toà Đại sứ, thậm chí chỉ một lúc, cho đến khi viên Đại sứ trở về Iraq. Nàng sẽ sử dụng tất cả những phương pháp chuyên môn mà họ đã giảng dạy cho nàng trong hai năm vừa qua để đánh bại họ.

Khi nàng đến Iraq, Hannah sẽ tự làm cho mình trở nên rất cần thiết cho viên Đại sứ, chờ cơ hội thuận tiện và, một khi đã đạt được mục tiêu, nàng sẽ sung sướng chết như một kẻ tử vì đạo.

Nàng chỉ còn mỗi một mục đích trong cuộc sống sau khi Simon đã chết: ám sát Saddam Hussein.

— Đây là Bộ Thương mại.

— Xin cho tôi gặp cô Alex Wagner, – vị viện trưởng Viện Bảo tàng nói.

— Ai?

— Cô Alex Wagner, phòng Nhân viên.

— Xin chờ một phút.

Lại thêm một phút kéo dài.

— Phòng nhân viên đây.

— Tôi là Calder Marshall, Viện trưởng Viện Bảo tàng Lịch sử Mỹ. Ngày hôm qua tôi đã gọi cô Wagler và cô đã bảo tôi gọi lại ngày hôm nay.

— Tôi không ở đây hôm qua, thưa ông.

— Thế thì chắc một bạn đồng nghiệp của cô. Cô Wagler có rảnh không?

— Xin chờ một phút.

Lần này vị Viện trưởng chờ tới mấy phút.

— Tôi là Alex Wagler đây, – một giọng phụ nữ nhanh nhẩu nói.

— Cô Wagler, tên tôi là Calder Marshall. Tôi là Viện trưởng Viện Bảo tàng Lịch sử Mỹ và tôi có chuyện vô cùng quan trọng cần phải tiếp xúc với ông Rex Butterworth gần đây đã được Bộ Thương mại phân công đến Nhà Trắng.

— Ông có phải là một người chủ cũ của ông Butterworth? – giọng nói nhanh nhẩu hỏi.

— Không, không phải, – Marshall đáp.

— Ông là một người bà con?

— Không.

— Thế thì tôi e rằng tôi không thể giúp ông, ông Marshall.

— Tại sao vậy? – vị Viện trưởng hỏi.

— Bởi vì “đạo luật Đồi tư” ngăn cấm chúng tôi loan báo bất cứ thông tin nào về viên chức chính phủ.

— Cô có thể cho tôi biết tên của ông Giám đốc Thương mại, hay việc đó cũng đã được bao trùm trong đạo luật Đồi tư? – vị Viện trưởng hỏi.

— Dick Fielding, – giọng nói trở nên cộc cằn.

— Cảm ơn sự giúp đỡ của cô, – vị Viện trưởng nói.

Điện thoại chợt im bật.

Khi Scott tỉnh dậy, ký ức đầu tiên của anh là Hannah. Rồi anh ngủ thiếp đi.

Khi anh tỉnh dậy lần thứ hai, anh chỉ có thể trông thấy những bóng người lơ mờ xuất hiện cúi xuống phía trên anh. Rồi anh lại ngủ.

Khi anh tỉnh dậy một lần nữa, những hình ảnh lơ mờ bắt đầu rõ hơn. Phần lớn bọn họ hình như mặc y phục trắng. Rồi anh lại ngủ.

Khi anh tỉnh dậy lần kế tiếp thì trời đã tối và anh chỉ có một mình. Anh cảm thấy hết sức yếu đuối, toàn thân mềm nhũn, trong lúc anh cố nhớ lại chuyện gì đã xảy ra.

Rồi anh lại ngủ.

Anh tỉnh dậy lại, họ đã đỡ anh lên giường. Họ đang cố đút cho anh một chất lỏng ấm, không có mùi vị qua một ống nhựa. Rồi anh lại ngủ.

Khi anh tỉnh dậy, một người đàn ông mặc áo choàng trắng với một ống nghe và một nụ cười nồng nhiệt, đang hỏi bằng một giọng rõ ràng:

— Anh có thể nghe tôi?

Anh cố gật đầu nhưng ngủ thiếp đi.

Khi anh tỉnh dậy, một viên bác sĩ khác – lần này anh có thể trông thấy ông ta một cách rõ ràng – đang chăm chú lắng nghe trong lúc Scott cố nói những từ đầu tiên:

— Hannah, Hannah.

Anh chỉ nói có thể. Rồi anh lại ngủ.

Anh lại tỉnh dậy, và một người phụ nữ quynh rũ với một mái tóc đen ngắn và một nụ cười ân cần đang nghiêng xuống phía trên anh. Anh mỉm cười lại với cô ta và hỏi giờ. Điều đó chắc hẳn có vẻ kỳ lạ đối với cô ta, nhưng anh muốn biết.

— Quá ba giờ sáng một chút, – cô y tá nói với anh.

— Tôi đã ở đây bao lâu? – anh cố hỏi.

— Mới hơn một tuần, nhưng ông gần như đã chết rồi. Nếu những người bạn của ông...

Rồi anh lại ngủ.

Khi anh tỉnh dậy, viên bác sĩ nói với Scott rằng khi anh mới đến đây, họ đều nghĩ đã quá muộn, và hai lần anh đã được công bố chết về phương diện kỹ thuật.

— Thuốc giải độc và kích thích điện vào tim, kết hợp với một quyết tâm sống phi thường và lý thuyết của một cô y tá bảo rằng rất có thể ông là một người Do Thái, đã thách thức công bố kỹ thuật. – Ông ta nói với một nụ cười.

Scott hỏi có một người nào tên Hannah đến thăm anh hay không? Viên bác sĩ kiểm tra bằng ở chân giường của anh. Chỉ có hai người đã đến thăm anh, cả hai đều là đàn ông. Họ đến mỗi ngày. Rồi Scott lại ngủ.

Khi anh tỉnh dậy, hai người đàn ông mà viên bác sĩ nói tới đang đứng, mỗi người một bên giường anh. Scott mỉm cười với Dexter Hutchins trong lúc

ông đang cố nín khóc. Người lớn không khóc, anh muốn nói, nhất là khi họ làm việc cho CIA. Anh quay sang người đàn ông kia. Anh chưa bao giờ trông thấy một người đầy vẻ ngượng ngùng đến thế, nhăn nhó và bứt rứt đến thế, hoặc đôi mắt đỏ đến thế vì mất ngủ. Scott cố hỏi chuyện gì đã gây cho anh nỗi bất hạnh như thế này. Rồi anh lại ngủ.

Khi anh tỉnh dậy, cả hai người đàn ông vẫn còn ở đó, lúc này đang ngồi nghỉ trên hai chiếc ghế không lấy gì làm thoải mái, ngủ gà ngủ gật.

— Dexter, – anh khẽ gọi, và cả hai đã tỉnh dậy ngay tức khắc. – Hannah ở đâu?

Người đàn ông kia mà Scott để ý thấy một con mắt bầm và một cái mũi gãy đang hồi phục, chần chừ một lúc mới trả lời câu hỏi của anh. Scott lại ngủ, không bao giờ muốn tỉnh dậy nữa.

CHƯƠNG 19

— Tôi xin bắt đầu với lời cảm ơn ông đã đến dự buổi họp này chỉ một thời gian ngắn sau khi được thông báo, – vị ngoại trưởng nói. – Và cả Scott Bradley, chỉ vừa mới hồi phục sau...

Christopher do dự một lúc rồi nói tiếp:

— Một tai nạn suýt táng mạng. Tôi biết tất cả chúng ta đều vui mừng vì tốc độ bình phục của anh ấy. Tôi cũng muốn chào đón Đại tá Kratz, đại diện cho chính phủ Do Thái, và Dexter Hutchins, Phó giám đốc CIA. Hôm nay chỉ có hai nhân viên của tôi ở đây: Jack Leigh, trợ lý điều hành của tôi, và Susan Anderson, một trong những cố vấn cao cấp về Trung Đông của tôi. Lý do về số người hạn chế trong dịp này sẽ trở nên quá rõ ràng đối với tất cả quý vị. Vấn đề chúng ta sắp thảo luận hết sức nhạy cảm đến nỗi càng có ít người biết bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu. Trong vụ này, nói im lặng là vàng tức là không biết giá trị của vàng. Có lẽ trong giai đoạn đặc biệt này, tôi có thể yêu cầu ông Phó giám đốc CIA nói rõ tình hình gần đây nhất, Dexter.

Dexter Hutchins mở khoá chiếc cặp của ông và lấy ra một tập hồ sơ ghi hàng chữ “Chỉ Giám đốc được quyền xem”. Ông đặt tập hồ sơ trên bàn trước mặt ông và lật tờ bìa.

— Cách đây hai ngày, ông Marshall, Viện trưởng Viện Bảo tàng Lịch sử Mỹ báo cáo với ông Ngoại trưởng rằng bản Tuyên ngôn Độc lập đã bị đánh cắp khỏi Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, hoặc, nói chính xác hơn, đã bị đánh tráo bằng một bản sao vô cùng xuất sắc, không những thoát khỏi sự xem xét kỹ lưỡng của ông Marshall mà còn qua mắt chuyên viên bảo vệ cao cấp, ông Mendelssohn. Chỉ khi ông Marshall cố tiếp xúc lại một người tên Rex Butterworth, đã được tạm thời bổ nhiệm đến Nhà Trắng với chức cố vấn đặc

biệt của Tổng thống, ông mới trở nên lo lắng.

— Tôi xin phép được ngắt lời, ông Hutchins, – Jack Leigh lên tiếng. – Và nói rõ rằng mặc dầu ông Butterworth là một cựu nhân viên của Bộ Thương mại, nếu báo chí có nắm được vụ này, ông có thể chắc chắn rằng họ chỉ sẽ nhắc tới ông ta với chức vụ “Trợ lý đặc biệt của Tổng thống”.

Warren Christopher gật đầu chấp thuận.

— Khi Calder Marshall khám phá ra rằng Butterworth đã không trở về sau vụ nghỉ phép, – Dexter Hutchins nói tiếp, – và ông ta cũng đã bỏ đi mà không để lại địa chỉ mới, lẽ tất nhiên ông trở nên nghi ngờ. Vì lẽ đó, ông đã nghĩ nên cẩn thận yêu cầu ông Mendelssohn kiểm tra và xem thử bản Tuyên ngôn có bị hề hấn gì hay không. Sau khi cho tấm giấy da qua nhiều cuộc thử nghiệm sơ bộ – một biên bản riêng đã được gửi cho tất cả các công về việc này, ông Marshall đã đi đến một kết luận rằng họ vẫn nắm trong tay bản tài liệu gốc. Nhưng ông Marshall vốn là một người thận trọng, vẫn còn hoài nghi, và đã có tiếp xúc với nhân viên lập chương trình của Tổng thống, cô Patty Watson – nhiều chi tiết cũng được đính kèm. Ngay sau vụ nói chuyện đó, ông đã yêu cầu chuyên viên bảo vệ tiến hành một cuộc xem xét tỉ mỉ hơn. Ông Mendelssohn đã mất mấy tiếng đồng hồ trong buổi tối hôm ấy để rà soát lại tấm giấy da từng từ một với một kính lúp. Mãi đến lúc ông ta xem tới câu “Nor have We been wanting in attentions to our British brethren”, chuyên viên bảo vệ mới nhận thấy từ “British” đã được viết đúng chính tả, tức không có hai chữ “i” như trong bản Tuyên ngôn gốc do Timothy Matlock viết. Khi mẫu tin này được thông báo với ông Marshall, ông lập tức gửi đơn từ chức lên ông Ngoại trưởng, mà tất cả các ông đều có một bản sao.

— Nếu tôi có thể đến đây, Dexter, – Ngoại trưởng Christopher nói, – chỉ để nghe báo cáo, Tổng thống và tôi đã gặp ông Marshall trong văn phòng Bầu dục ngày hôm qua. Ông ta không thể cộng tác hơn được nữa. Ông ta cam đoan với chúng tôi rằng, ông ta và bạn đồng nghiệp của ông ta, ông Mendelssohn sẽ không nói và làm gì trong tương lai. Tuy nhiên. Ông ta lại

nói thêm cảm nghĩ ghê tởm khi vẫn tiếp tục trưng bày một bản Tuyên ngôn giả mạo cho công chúng xem. Ông ta đã khiến cho hai chúng tôi tức Tổng thống và bản thân tôi, phải đồng ý rằng nếu chúng ta thất bại trong việc tìm lại bản tài liệu gốc trước khi sự biến mất của nó được nhiều người biết. Chúng tôi sẽ xác nhận rằng ông ta đã xin từ chức ngày 25 tháng 5 năm 1993 và được chính phủ chấp nhận là người chăm sóc bản Tuyên ngôn. Ông ta mong muốn sự việc đó được xác nhận bằng văn bản trạng, ông ta đã không thể làm ngơ để lừa dối đất nước mà ông ta đang phục vụ. “Tôi không phải là hạng người quen lừa dối”, đó là những lời cuối cùng của ông ta trước khi rời khỏi văn phòng Bầu dục.

Christopher ngừng một lát rồi nói tiếp:

— Nếu một nhân viên Chính phủ có thể khiến cho Tổng thống và Ngoại trưởng tự cảm thấy mình thấp kém hơn về mặt đạo đức, thì ông Marshall đã đạt được điều đó với phẩm cách đáng kể. Tuy nhiên điều đó vẫn không làm thay đổi sự kiện, nếu chúng ta không thu hồi được bản Tuyên ngôn gốc trước khi vụ trộm được đông đảo quần chúng biết, giới truyền thông đại chúng sẽ nướng Tổng thống và bản thân tôi một cách từ từ như nướng một xiên thịt. Ngoài ra, còn có một điều chắc chắn: những người Cộng hoà, dẫn đầu bởi Doyle, sẽ sung sướng xoa tay cùng nhau trước công chúng. Tiếp tục đi, Dexter.

— Theo chỉ thị của Ngoại trưởng, chúng tôi đã lập tức thành lập một lực lượng đặc nhiệm nhỏ ở Langley để phác hoạ tầng góc cạnh của vấn đề chúng ta đang đương đầu. Nhưng chúng tôi đã nhanh chóng khám phá ra rằng chúng tôi đang làm việc trong một số giới hạn nhiều khê. Trước hết, vì sự nhạy cảm của vấn đề và có nhiều người dính líu, chúng tôi sẽ không thể làm những gì mà chúng tôi vẫn tự động làm trong những tình huống bình thường – Đó là hỏi ý kiến FBI và liên lạc với Sở Cảnh sát DC. Điều đó, tôi đã cảm thấy chắc chắn sẽ đưa chúng ta lên trang nhất của tờ *Washington Post*, có lẽ chỉ vào sáng hôm sau. Chúng ta không được quên rằng FBI vẫn còn đang đau đầu với

cuộc bao vây Waco và họ sẽ không thích gì hơn là CIA thay thế họ trên trang nhất của các tờ báo. Vấn đề tiếp theo chúng ta đang đương đầu là phải rón rén, quanh co với những người mà chúng ta vẫn thường bắt giữ để thẩm vấn, vì sợ rằng họ rất có thể khám phá ra mục đích thực sự của chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta đã có thể tìm ra một vài manh mối mà không cần phải nói chuyện với bất cứ thành viên nào của công chúng. Tiếp theo sau một cuộc kiểm tra thường ngày về các hồ sơ giấy phép ở DCPD, chúng ta đã khám phá ra rằng một cuộn phim đã được thực hiện ở Washington cùng ngày với vụ trộm bản Tuyên ngôn. Viên đạo diễn cuộn phim đó là Johnny Scasiatore, người bị kết tội đòi phong bại tục đang được tự do sau khi đóng tiền bảo lãnh. Ba người khác tham gia vào cuộn phim hoá ra là đã có hồ sơ hình sự. Và một số trong bọn họ phù hợp với những lời mô tả mà ông Marshall và ông Mendelssohn đã cung cấp cho chúng ta về nhóm đến Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia giả làm đoàn tùy tùng của Tổng thống. Trong bọn họ có cả một người tên Bill O'Reilly, một kẻ làm đồ giả nổi tiếng đã từng hơn một lần trải qua trong các trại giam liên bang của chúng ta, và một diễn viên đóng vai Tổng thống một cách đầy thuyết phục đến nỗi cả hai ông Marshall và Mendelssohn đều cho đó là Tổng thống và không hỏi han gì cả.

— Chắc chắn chúng ta có thể khám phá ra hắn là ai, – Christopher nói.

— Chúng tôi đã khám phá ra. Tên hắn là Lloyd Admas. Nhưng tôi chưa dám cho bắt hắn ta.

— Các ông làm sao tìm được hắn ta, – Leigh hỏi. – Xét cho cùng, không có mấy diễn viên có thể tìm được cách khá giống với Clinton.

— Đồng ý, – vị Phó giám đốc nói, – nhưng chỉ có một người đã được giải phẫu bởi nhà phẫu thuật chất dẻo hàng đầu của nước Mỹ. Trong vòng vài tháng qua, chúng tôi có lý do để tin rằng tên cầm đầu đã giết chết nhà phẫu thuật và cô con gái của ông ta. Đó là lý do bà vợ của ông ta đã báo cáo mọi sự việc mà bà ta đã biết với Cảnh sát trưởng địa phương.

— Tuy nhiên, toàn bộ vụ trộm sẽ không bao giờ thành công bước đầu nếu

không có sự giúp đỡ bên trong của ông Rex Butterworth, mà người ta đã trông thấy lần cuối vào buổi sáng ngày 25 tháng 5, và từ đó đã biến mất khỏi bề mặt của trái đất. Ông ta đã đặt một vé máy bay đi Brazil, nhưng ông ta không bao giờ lộ diện. Chúng tôi đã phái nhân viên đi khắp thế giới để truy tìm ông ta.

— Việc đó không có bất kỳ một tầm quan trọng nào nếu chúng ta không tiến gần hơn để khám phá bản Tuyên ngôn gốc hiện giờ đang ở đâu, và ai giữ nó? – Christopher nói.

— Đó chính là bản tin xấu, – Dexter nói. – Các nhân viên của chúng tôi mất hàng tiếng đồng hồ vào những cuộc điều tra thường ngày mà nhiều công dân Mỹ xem là một sự lãng phí tiền của những người bị đánh thuế, nhưng chỉ thỉnh thoảng họ mới trả đủ.

— Tất cả chúng tôi đang nghe đây, – Christopher nói.

— CIA vẫn thường xuyên theo dõi một số nhà ngoại giao nước ngoài đang làm việc tại Liên Hiệp Quốc. Lẽ tất nhiên, họ sẽ bị xúc phạm nếu bất cứ một ai trong bọn họ có thể chứng minh những gì chúng tôi đã làm, và nếu chúng tôi nghĩ họ đã phát hiện ra chúng tôi thì chúng tôi phải lập tức rút lui. Trong trường hợp những người Iraq ở Liên Hiệp Quốc, chúng tôi có người bám sát họ suốt ngày đêm. Vấn đề của chúng tôi là chúng tôi không thể hoạt động trong phạm vi tổ chức Liên Hiệp Quốc, bởi vì nếu chúng tôi bị bắt bên trong toà nhà đó, sự cố này sẽ gây nên một sự phản đối kịch liệt mang tầm cỡ quốc tế. Do vậy, thỉnh thoảng các đại diện của họ bắt buộc lột khỏi màn lưới của chúng tôi. Nhưng chúng tôi tin tưởng rằng không phải là một sự trùng hợp khi viên Phó Đại sứ của Iraq ở Liên Hiệp Quốc, một người tên Hamid Al Obaydi, đã có mặt ở Washington đúng vào ngày bản Tuyên ngôn bị đánh tráo và còn chụp một số bức hình về vụ quay phim giả tạo đang diễn ra. Nhân viên phụ trách việc theo dõi Al Obaydi vào lúc bảy giờ cũng đã báo cáo rằng, lúc 10 giờ 37, sau khi bản Tuyên ngôn lại được trình bày trong Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia. Al Obaydi đã sắp hàng theo mọi người khác, chờ hơn một

tiếng đồng hồ để xem tấm giấy da. Nhưng đây mới là điều đáng kể nhất. Ông ta đã xem xét kỹ bản tài liệu một lần, rồi lại chăm chú nhìn một lần thứ hai với cả kính.

— Có lẽ ông ta bị cận thị, – Susan nói.

— Nhân viên của chúng tôi báo cáo rằng trước đây và sau đó không hề thấy ông ta mang bất cứ loại kính nào cả, – Dexter Hutchins trả lời, dừng lại một lát rồi nói tiếp. – Bây giờ mới thực sự là tin xấu.

— Đó chưa phải hay sao? – Christopher hỏi.

— Chưa phải, thưa ông. Al Obaydi đã bay tiếp đến Geneva một tuần sau và đã bị nhân viên của chúng tôi tại đây phát hiện rời khỏi một ngân hàng, – Dexter xem lại sổ tay. – Công ty Franchard. Ông ta cầm một cái ống bằng nhựa có chiều dài hơn sáu tấc một chút và đường kính chừng năm phân.

— Ai sẽ thuật lại cho Tổng thống? – Christopher vừa nói vừa đặt hai bàn tay lên mắt.

— Ông ta cầm một cái ống theo xe hơi vào thang toà nhà Liên Hiệp Quốc và từ đó không còn được trông thấy nữa.

— Và Barazan Al-Tikriti, người em trai cùng cha khác mẹ của Saddam, là Đại sứ Iraq tại Liên Hiệp Quốc ở Geneva, – Susan nói.

— Cô không cần phải nhắc nhở tôi, – Christopher nói. – Nhưng điều tôi muốn biết là tại cái quái gì mà nhân viên của ông đã không tấn công ngay Al Obaydi khi hiển nhiên đó là vật ông ta đang cầm. Nếu thế thì tôi đã tìm ra một cách để bắt liên lạc với Thụy Sĩ.

— Chúng tôi chắc chắn đã làm việc đó nếu chúng tôi biết vật ông ta đang cầm là gì, nhưng ở vào thời điểm đó, chúng tôi thậm chí chưa hay biết bản Tuyên ngôn đã bị lấy trộm, và sự theo dõi của chúng tôi chỉ là công việc hàng ngày.

— Như vậy điều ông đang kể chúng tôi nghe, ông Hutchins, là bản Tuyên

ngôn giờ đây rất có thể đã ở Baghdad, – Leigh nói. – Bởi vì nếu nó được gửi qua đường ngoại giao, thì người Thụy Sĩ sẽ không để cho chúng ta tiếp cận ở bất cứ nơi nào.

Không một ai nói gì trong một hồi lâu.

Cuối cùng, vị ngoại trưởng nói:

— Chúng ta hãy tiến hành theo kịch bản có tình huống tồi tệ nhất. Bản Tuyên ngôn đã nằm trong tay Saddam.

— Thế thì hành động kế tiếp của ông ta là gì? Scott, anh là người giàu lý luận của chúng tôi. Anh có thể đoán đúng hơn điều gì ông ta sẽ làm hay không?

— Không, thưa ông. Saddam không phải là hạng người mà bất cứ ai có thể đoán đúng ý. Nhất là sau khi ông ta đã thất bại trong vụ ám sát George Bush trong chuyến viếng thăm của ông ấy đến Kuwait hồi tháng Tư. Mặc dầu cả thế giới đều buộc tội ông ta chính là kẻ chủ mưu. Ông ta đã phản ứng lại như thế nào? Không phải bằng cách lớn tiếng kêu gào với giọng hiếu chiến như thường lệ về những lời lẽ dối trá của bọn đế quốc Mỹ, mà bằng một bài phát biểu đầy lý luận mạch lạc của viên Đại sứ tại Liên Hiệp Quốc bác bỏ bất kỳ bằng chứng sự dính líu cá nhân nào. Tại sao? Giới báo chí nói với chúng ta đó là vì Saddam đang hy vọng dần dà Clinton sẽ ôn hoà hơn Bush. Tôi không tin điều đó. Tôi chắc chắn Saddam nhận thức rằng tư thế của Clinton không khác nhiều so với người tiền nhiệm. Tôi không nghĩ đó là lập luận của ông ta một chút nào cả. Không, tôi chắc chắn với bản Tuyên ngôn trong tay, ông ta có một vũ khí mạnh mẽ đến nỗi ông ta có thể làm nhục nước Mỹ, đặc biệt là đối với vị Tổng thống mới, chỉ khi nào ông ta muốn.

— Bao giờ và bằng cách nào, Scott? Nếu chúng ta đã biết rằng...

— Tôi có hai giả thuyết về điều đó, thưa ông, – Scott trả lời.

— Anh hãy cho chúng tôi nghe cả hai.

— Giả thuyết nào cũng sẽ không khiến cho ông vui vẻ hơn, thưa ông Ngoại trưởng.

— Tuy nhiên...

— Thứ nhất, ông ta tổ chức một cuộc họp báo, mời giới truyền thông đại chúng của cả thế giới đến tham dự. Ông ta lựa chọn một chỗ công cộng nào đó ở Baghdad, nơi mà ông ta được nhân dân mình bao bọc một cách an toàn, rồi ông ta xé bỏ, đốt cháy, huỷ hoại, làm bất cứ gì mà ông ta thích đối với bản Tuyên ngôn. Tôi có một cảm nghĩ đó sẽ là màn truyền hình cổ kim chưa từng có.

— Nhưng chúng ta sẽ oanh tạc Baghdad nếu ông ta cố làm việc đó, – Dexter Hutchins nói.

— Tôi không tin như thế, – Scott nói. – Những người đồng minh của chúng ta, người Anh, người Pháp, không kể các nước Ả Rập thân thiện khác sẽ phản ứng lại như thế nào về việc chúng ta oanh tạc xuống đầu những người dân vô tội bởi vì Saddam đã lấy trộm bản Tuyên ngôn Độc lập ngay trước mắt chúng ta?

— Anh có lý, Scott, – Warren Christopher nói. – Tổng thống sẽ bị sỉ nhục như một kẻ man rợ nếu ông trả đũa bằng cách oanh tạc những người Iraq vô tội sau việc rất nhiều nước trên thế giới chỉ quan tâm đến những công tác giao tế, mặc dầu tôi phải nói với anh, trong vòng bí mật nghiêm ngặt nhất, rằng chúng tôi đang có kế hoạch oanh tạc Baghdad nếu Saddam vẫn tiếp tục làm suy giảm những cố gắng của đoàn thanh tra Liên Hiệp Quốc trong việc giám sát những cơ sở hạt nhân của Iraq.

— Đã quyết định ngày nào chưa? – Scott hỏi.

Christopher do dự một lát rồi mới nói:

— Ngày Chủ nhật, 27 tháng 6.

— Việc xác định thời gian này rất có thể hoá thành không may cho chúng

ta! – Scott nói.

— Tại sao? Anh có thể đoán được khi nào thì Saddam có thể hành động?
– Christopher hỏi.

— Điều đó không dễ trả lời, thưa ông, – Scott đáp, – bởi vì ông phải nghĩ theo cách của ông ta nghĩ. Điều khiến cho việc đó không thể làm được là ông ta có thể đổi ý từng giờ một. Nhưng nếu ông ta suy nghĩ cặn kẽ một cách hợp lý, tôi phỏng đoán rằng ông ta sẽ xem xét một trong hai khả năng có thể xảy ra. Hoặc là vào một ngày tượng trưng nào đó kết hợp với cuộc chiến tranh vùng Vịnh, hoặc là...

— Hoặc là... – Christopher nhắc lại.

— Hoặc là ông ta có ý định tiếp tục giữ bản Tuyên ngôn làm một vật thương lượng để chiếm lại các mỏ dầu ở Kuwait.

— Bất cứ kịch bản nào cũng quá kinh khủng đến mức không thể nghĩ tới, – vị ngoại trưởng nói, rồi quay sang vị Phó giám đốc, ông hỏi. – Ông đã bắt đầu lập kế hoạch thu hồi bản tài liệu về chưa?

— Lúc này thì chưa, thưa ông, – Dexter Hutchins trả lời. – Bởi vì tôi chắc chắn tấm giấy da sẽ được bảo vệ chặt chẽ chẳng khác gì bản thân Saddam và thành thực mà nói, chúng tôi chỉ hay biết nơi nó có thể được đưa đến đêm hôm qua.

— Đại tá Kratz, – Christopher vừa nói vừa quay sự chú ý sang nhân vật Mossad, người này giờ chưa thốt lên tiếng nào. – Thủ tướng của ông đã thông báo với chúng tôi cách đây vài tuần rằng ông ấy đang xem xét một kế hoạch để hạ bệ Saddam vào một lúc nào đó trong tương lai gần.

— Vâng, thưa ông, nhưng ông ấy nhìn nhận thế tiến thoái lưỡng nan hiện giờ của ông, và tất cả hoạt động của chúng tôi đều được hoãn lại cho tới lúc vấn đề bản Tuyên ngôn được giải quyết xong, bằng cách này hoặc cách khác.

— Tôi đã thông báo với ông Rabin là tôi đánh giá cao như thế nào về sự

ủng hộ của ông ấy, đặc biệt là trong lúc ông ấy thậm chí không thể cho Nội các của chính mình biết lý do thực sự của việc thay đổi ý đồ quan trọng như thế.

— Nhưng chúng tôi cũng có những khó khăn riêng, thưa ông, – vị đại tá Do Thái nói.

— May cho tôi quá, Đại tá.

Tiếng cười vang sau đó đã giúp cho bầu không khí bớt căng thẳng trong một lúc – nhưng chỉ trong một lúc.

— Chúng tôi đang huấn luyện một nhân viên để tham gia vào đội có công tác cuối cùng là loại trừ Saddam, một cô gái tên Hannah Kopec.

— Cô gái đã... – Christopher vừa nói vừa khẽ liếc về phía Scott.

— Vâng thưa ông. Cô ta hoàn toàn không có lỗi. Nhưng đó không phải là vấn đề. Sau khi cô ta trở về Toà Đại sứ Iraq tối hôm ấy, chúng tôi không thể nào tiếp cận được cô Kopec bất cứ nơi đâu để cho cô ta biết chuyện vừa xảy ra, bởi vì trong suốt mấy ngày kế tiếp, cô ta không bao giờ ra toà nhà lấy một lần, đêm cũng như ngày. Từ đó, cô ta và viên Đại sứ Iraq đã trở về Baghdad với hàng rào bảo vệ dày đặc. Tuy nhiên, nhân viên Kopec vẫn còn hiểu lầm rằng cô ta đã giết chết Scott Bradley, và chúng tôi tin chắc mỗi quan tâm nhất giờ đây của cô ta là lo loại trừ Saddam.

— Cô ta sẽ không bao giờ tiếp cận Scott ở bất cứ đâu.

— Tôi ước mong tôi đã tin như thế, – Scott nói một cách nhẹ nhàng.

— Cô ta là một thiếu nữ dũng cảm, giàu tưởng tượng và giỏi xoay xở, – Kratz nói. – Và tôi tệ hơn, cô ta chính là vũ khí ám sát kinh khủng nhất.

— Đó là...? – Christopher nói.

— Cô ta không còn quan tâm đến sự sống sót của chính mình nữa.

— Điều này có thể khiến cho tình thế tồi tệ hơn chứ gì? – Christopher hỏi.

— Vâng, thưa ông. Cô ta không biết gì về sự biến mất của bản Tuyên ngôn, và chúng tôi không có cách nào để cho cô ta biết.

Vị ngoại trưởng trầm ngâm một lúc, tựa hồ ông đang đi đến gần một quyết định.

— Đại tá Kratz, tôi muốn đề nghị một điều có thể trải rộng lòng trung thành của bản thân ông.

— Vâng, thưa ông Ngoại trưởng, – Kratz nói.

— Kế hoạch ám sát Saddam đó. Các ông đã tiến hành bao lâu rồi?

— Chín tháng đến một năm, – Kratz trả lời.

— Và hiển nhiên việc đó đã đòi hỏi ông đưa một người hoặc nhiều người vào trong cung điện hoặc hầm trú ẩn của Saddam?

Kratz do dự.

— Ông chỉ cần cho biết có hay không, – Christopher nói.

— Có, thưa ông.

— Câu hỏi của tôi vô cùng đơn giản, Đại tá à. Vì thế, chúng tôi có thể tận dụng việc chuẩn bị trong một năm mà các ông đã thực hiện và tôi xin mạo muội đề nghị: lấy trộm kế hoạch của các ông được không?

— Tôi sẽ phải tham khảo ý kiến của Chính phủ tôi trước khi tôi trả lời...

Christopher lấy một chiếc phong bì từ trong túi của ông.

— Tôi sẽ vui mừng cho ông xem bức thư của ông Rabin gửi cho tôi về vấn đề này, nhưng trước hết hãy cho phép tôi đọc nó cho ông nghe.

Vị ngoại trưởng mở phong bì và rút bức thư ra. Ông nâng kính lên đầu mũi và trải mảnh giấy.

Người gửi: Thủ tướng

Ông Ngoại trưởng kính mến, ông rất chính xác khi nghĩ rằng Thủ tướng chính phủ Do Thái là Bộ trưởng có quyền cao nhất và là Bộ trưởng Quốc phòng trong lúc đồng thời lãnh trách nhiệm toàn bộ cho Mossad.

Tuy nhiên, tôi thú nhận rằng khi có bất cứ ý kiến nào mà chúng tôi có thể xem xét cho những mối quan hệ trong tương lai với Saddam, tôi chỉ được cung cấp những dữ kiện chính. Tôi chưa được báo cáo một cách đầy đủ về những chi tiết tinh tế hơn.

Nếu ông tin chắc rằng tin tức mà chúng tôi đang nắm có thể tạo ra sự khác biệt giữa thành công và thất bại đối với những khó khăn hiện giờ của tôi, tôi sẽ chỉ thị cho Đại tá Kratz tường trình cho ông đầy đủ và không dè dặt.

Thân kính,

Yitzhak Rabin

Christopher xoay ngược lá thư và đẩy qua mặt bàn.

— Đại tá Kratz, xin để cho tôi nhân danh chính phủ Mỹ cam đoan với ông rằng tin tức mà ông đang nắm giữ có thể tạo ra sự khác biệt giữa thành công và thất bại.

CHƯƠNG 20

Bản Tuyên ngôn Độc lập được đóng đinh ở bức tường phía sau ông ta. Saddam tiếp tục hút xì gà trong lúc ông ngửa người vào lưng ghế. Tất cả mọi người ngồi chung quanh bàn, chờ ông ta lên tiếng. Ông liếc mắt sang phải.

— Em trai của tôi, chúng tôi tự hào về cậu. Cậu đã phục vụ đất nước chúng ta và đảng Baath với lòng danh dự, và khi tới lúc nhân dân ta được thông báo về những hành động dũng cảm của cậu, tên tuổi cậu sẽ được ghi vào lịch sử của đất nước chúng ta với tư cách một trong những vị anh hùng vĩ đại.

Al Obaydi ngồi ở đầu bàn đằng kia, lắng nghe những lời nói của vị lãnh tụ. Hai nắm tay của ông ta giấu bên dưới bàn, siết chặt lại để tự ngăn chặn cơn run. Mấy lần trên đường trở về Baghdad, ông ta biết mình bị theo dõi. Họ đã lục soát hành lý của ông ta hầu như ở từng chặng, nhưng họ đã không tìm thấy gì, bởi vì không có gì để tìm. Ông em cùng mẹ khác cha của Saddam đã bảo đảm điều đó. Sau khi Bản tuyên ngôn đã đến nơi an toàn ở Geneva, ông ta vẫn không được phép chuyển nó đến tận tay vị Đại sứ. Con đường được bảo đảm của nó theo lối ngoại giao khiến nó không thể bị ngăn cản ngay cả với những cố gắng kết hợp của người Mỹ và người Do Thái.

Người em trai cùng cha khác mẹ của Saddam lúc này ngồi phía bên phải Tổng thống, tận hưởng lời khen ngợi của vị lãnh tụ.

Saddam từ từ xoay người lại và nhìn chăm chăm xuống đầu bàn đằng kia.

— Và tôi cũng chấp nhận. – Ông nói tiếp. – Vai trò đã do Hamid Al Obaydi đóng, người mà tôi đã bổ nhiệm làm Đại sứ ở Paris. Tuy nhiên, tên của ông ta không được kết hợp vào vụ này, để đừng gây tác hại cho những

khả năng đại diện cho chúng ta trên đất nước ngoài.

Và như vậy những lời nói đó đã trở thành sắc lệnh. Người em trai cùng cha khác mẹ của Saddam phải được nhìn nhận là kiến trúc sư của chiến thắng này; trong lúc Al Obaydi phải làm phần phụ chú trên một trang giấy, được lật qua một cách nhanh chóng. Nếu Al Obaydi thất bại, người em trai cùng cha khác mẹ của Saddam sẽ được xem là không hay biết gì về cả ý niệm ban đầu, và đồng xương của Al Obaydi thậm chí giờ đây đang mục rữa trong một nấm mồ không ai biết đến. Từ khi Saddam cất tiếng, không một ai quanh bàn, ngoại trừ vị Biện lý Chính phủ để mắt tới Al Obaydi. Mọi con mắt khác và các nụ cười đều dán vào người em trai cùng cha khác mẹ của Saddam.

Chính lúc đó, ngay giữa phiên họp của Hội đồng Lãnh đạo Cách mạng, Al Obaydi đã đi đến một quyết định.

Dollar Bill ngồi uể oải trên một chiếc ghế đẩu, tựa người vào quầy rượu trong giờ không thích hợp, sung sướng nhắm nháp chất nước y thích nhất. Y là người khách hàng duy nhất của tiệm rượu, không kể một người đàn bà ngồi im lặng ở trong góc. Nhân viên phục vụ phỏng đoán cô ta say rượu, trong lúc cô ta không hề có một cử động nhỏ suốt tiếng đồng hồ vừa qua.

Thoạt tiên Dollar Bill không hay biết gì về người đàn ông chệnh choạng bước qua cánh cửa xoay, và chắc đã không để mắt đến gã, nếu gã không tự đến ngồi bên cạnh y. Người khách mới gọi một ly gin pha tonic. Dollar Bill vốn có ác cảm với bất cứ ai uống gin pha tonic, nhất là nếu kẻ đó ngồi bên cạnh y trong khi phần còn lại của quầy rượu vẫn còn trống. Y nghĩ đến việc bỏ đi nhưng lại quyết định không cần phải làm việc đó.

— Thế nào, ông bạn kỳ cựu? – giọng nói bên cạnh hỏi.

Dollar Bill không hề nghĩ mình là một dân “kỳ cựu” và không thèm trả lời người khách lạ.

— Làm sao thế, không có lười trong đầu hay sao? – Người đàn ông lại hỏi, giọng líu lại.

Nhân viên phục vụ quay lại nhìn thẳng vào họ khi anh ta nghe giọng nói cất cao, rồi quay lại với việc lau khô những chiếc ly còn lại sau bữa trưa đông đúc.

— Có chứ, thưa ông, loại lịch sự đấy. – Dollar Bill trả lời nhưng vẫn không hề liếc nhìn người hỏi.

— Loại Ireland. Tôi đã biết ngay từ đầu. Một đất, nước đầy những kẻ say sưa, ngu đần, dốt nát.

— Tôi xin nhắc cho ông biết, – Dollar Bill nói, – rằng Ireland là đất nước của Yeats, Shaw, Wilde, O’Casey và Joyce.^[42]

Rồi y nâng ly lên để tưởng nhớ tới họ.

— Tôi chưa bao giờ nghe bất cứ một cái tên nào trong số đó! Bạn nhậu của ông, phải không?

Lúc này thì nhân viên phục vụ bỏ khăn lau xuống và bắt đầu chú ý hơn.

— Tôi chưa bao giờ được cái vinh dự đó, – Dollar Bill trả lời, – nhưng này ông bạn, sự việc ông đã không nghe nói về họ, chưa kể tới việc đọc các tác phẩm của họ, là phần mất mát của ông, chớ không phải của tôi.

— Ông đang buộc tội tôi ngu dốt phải không? – Gã khách lạ vừa nói vừa đặt một bàn tay thô bạo lên vai Dollar Bill.

Dollar Bill liền quay lại để nhìn thẳng vào mặt gã, nhưng ngay cả ở khoảng cách gần như thế, y vẫn không thể điều tiết một cách rõ ràng qua màn sương mù tạo nên bởi số rượu y đã uống suốt hai tuần lễ vừa qua. Tuy nhiên, y vẫn nhận thấy được rằng, mặc dầu gã hiện ra như là một phần của màn

sương rượu đó, gã khách lạ hơi lớn con hơn chính y. Một sự xem xét như thế không bao giờ làm cho Dollar Bill lo ngại trong quá khứ.

— Không, thưa ông. Không cần phải buộc tội ông ngu dốt. Bởi vì ông đã bị kết tội bởi chính lời phát biểu của ông.

— Không ai được nói với tao bằng cái giọng đó, đồ Ireland say xỉn.

Vẫn để tay tên vai Dollar Bill, gã xoay người y lại và giáng một quả đấm vào hàm y. Dollar Bill lão đảo người ra phía sau khỏi chiếc ghế đầu cao, té xuống sàn nhà thành một đống.

Gã khách lạ chờ một lúc cho Dollar Bill đứng lên, mới tống một quả thứ hai vào bụng. Một lần nữa, Dollar Bill ngã quy lên sàn nhà.

Nhân viên phục vụ sau quầy đã bắt đầu quay số điện thoại mà chủ tiệm đã căn dặn anh ta phải gọi nếu một tình huống tương tự như thế xảy đến. Anh ta chỉ hy vọng người ta sẽ đến nhanh trong lúc anh ta quan sát người đàn ông Ireland không hiểu sao vẫn đứng dậy được. Lần này đến phiên y nhắm một quả đấm vào mũi người khách lạ, một quả đấm làm bật tung vai bên phải của kẻ tấn công ông ta lên không. Một quả đấm khác bay vào cổ họng của Dollar Bill. Ngã xuống một lần thứ ba, thời y còn là một võ sĩ quyền Anh nghiệp dư thì sẽ bị xem là bị đo ván về mặt kỹ thuật; nhưng bởi vì lúc này không có trọng tài nào để chủ tọa, y lại đứng lên một lần nữa.

Nhân viên phục vụ cảm thấy nhẹ nhõm khi nghe tiếng còi ở đằng xa, và đang ước mong cho họ không phải trên đường chạy đến một nơi gọi khác thì bỗng hiện bốn cảnh sát viên phóng mình qua cánh cửa xoay.

Người thứ nhất chộp lấy Dollar Bill, ngay trước khi y chạm đất lần thứ tư; trong lúc hai người kia tóm chặt gã khách lạ, vặn téo hai cánh ta gã ra phía sau và còng tay gã lại. Cả hai người đàn ông bị đẩy ra khỏi tiệm rượu và ném vào bên trong phía sau chiếc xe thùng của cảnh sát đang chờ sẵn. Tiếng còi vẫn tiếp tục lanh lảnh vang lên trong lúc hai kẻ say rượu được đưa đi.

Nhân viên phục vụ vui mừng vì sự nhanh nhẹn mà Sở cảnh sát San

Francisco đã đến giúp anh ta. Chỉ sau đêm hôm ấy, anh ta mới sức nhớ anh ta đã không cho họ địa chỉ khi gọi.

Cả hai người vẫn im lặng cho tới khi David Kratz kết thúc kế hoạch phác thảo của ông.

Dexter là người đầu tiên mở lời:.

— Tôi phải nhìn nhận ông Đại tá hết sức có lý. Việc có thể tiến hành ngay.

Scott gật đầu đồng ý, rồi quay sang người lãnh đạo Mossad chỉ mấy tuần trước đã ra lệnh cho Hannah rằng anh cần phải bị giết chết. Một phần tội lỗi đã tan biến từ khi họ làm việc hết sức kè cậ với nhau, nhưng những nếp nhăn trên trán và mái tóc hoa râm sớm của nhà lãnh đạo Do Thái vẫn còn mãi mãi nhắc nhở anh về những gì anh đã trải qua. Trong thời gian họ ở bên cạnh nhau, Scott đã phải khâm phục kỹ năng chuyên môn hoàn thiện của con người đã bỏ nhiệm vụ trách chiến dịch.

— Tôi còn cần được trả lời cho một vài câu hỏi, – Scott nói, – và cần được giải thích mấy việc khác.

Vị Ủy viên Do Thái về các Vấn đề Văn hoá trong Court of St. James^[43] gật đầu.

— Ông có chắc chắn rằng họ dự kiến đặt tủ sắt trong trụ sở chính của đảng Baath?

— Chắc chắn thì không. Tự tin thì có. – Kratz nói. – Một công ty Hà Lan đã hoàn tất một công trình xây dựng dưới tầng hầm của trụ sở chính cách đây gần ba năm và trong số các hoạ đồ cuối cùng của họ có một cấu trúc bằng gạch mà kích thước vừa khớp chiếc tủ sắt.

— Và chiếc tủ sắt này có phải vẫn còn ở Karmal?^[44]

— Nó đã ở đó cách đây ba tuần, – Kratz trả lời, – khi một nhân viên của tôi thực hiện một cuộc kiểm tra thường lệ.

— Và nó thuộc quyền chính phủ Iraq phải không? – Dexter Hutchins hỏi.

— Phải, nó đã được trả đủ tiền, và giờ đây một cách hợp pháp nó là tài sản của người Iraq.

— Một cách hợp pháp đó có lẽ là tư thế, nhưng kể từ cuộc chiến tranh vùng Vịnh. Liên Hiệp Quốc đã áp đặt một loại trừng phạt mới, – Scott lưu ý ông.

— Làm sao một chiếc tủ sắt có thể được xem là một thiết bị quân sự? – Dexter hỏi.

— Chính là luận điệu của người Iraq, – Kratz trả lời. – Nhưng không may cho họ, khi họ đặt hàng ban đầu với người Thụy Điển, trong số những quy cách kỹ thuật rõ ràng có điều kiện yêu cầu rằng chiếc tủ sắt có thể chịu đựng được một cuộc tấn công hạt nhân. Từ “hạt nhân” là tất cả những gì cần thiết để bắt đầu rung chuông ở Liên Hiệp Quốc.

— Thế thì ông tìm cách nào để giải quyết vấn đề đó? – Scott hỏi.

— Bất cứ khi nào chính phủ Iraq đệ trình một bản danh sách mới về các khoản mà họ xem là không vi phạm Nghị quyết 661 của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, chiếc tủ sắt luôn luôn bao gồm trong đó. Nếu người Mỹ, người Anh và người Pháp không đưa ra lời phản đối nào, nó có thể lọt qua một cách êm thấm.

— Còn chính phủ Do Thái?

— Chúng tôi sẽ phản đối một cách kịch liệt trước mặt phái đoàn Iraq, nhưng không phải bên sau những cánh cửa đóng với bè bạn của chúng ta.

— Thế thì chúng ta hãy tưởng tượng trong một lúc rằng chúng ta đang

nằm giữ một chiếc tủ sắt khổng lồ có thể chịu đựng một cuộc tấn công hạt nhân. Như thế thì có lợi gì cho chúng ta? – Scott hỏi.

— Một người nào đó phải chịu trách nhiệm việc đưa chiếc tủ sắt đó từ Thụy Điển về Baghdad. Một người nào đó phải lắp đặt nó khi họ đã đưa nó về chỗ đó, và một người nào đó phải giải thích với thuộc hạ của Saddam cách vận hành nó. – Kratz nói.

— Và ông có một người nào đó cao một mét tám, chuyên gia karate và nói lưu loát tiếng Ả Rập chứ gì?

— Chúng tôi đã có, nhưng cô ta chỉ cao một mét bảy mươi lăm.

Hai người nhìn chăm chăm vào nhau. Scott vẫn giữ im lặng.

— Và ông đề nghị làm cách nào để ám sát Saddam? – Dexter hỏi nhanh. – Nhất ông ta vào chiếc tủ sắt và hy vọng ông ta chết ngộp phải không?

Kratz chợt nhận thấy cuộc bàn cãi đã khiến cho Scott không nghĩ đến Hannah, vì thế ông ta đáp ứng lại:

— Không, chúng tôi đã khám phá ra đó là kế hoạch của CIA và đã bác bỏ. Chúng tôi đã nghĩ ra một kế hoạch tinh vi hơn.

— Đó là...? – Scott hỏi.

— Một thiết bị hạt nhân rất nhỏ đặt vào bên trong chiếc tủ sắt.

— Và chiếc tủ sắt sẽ ở trong hành lang bên cạnh nơi Hội đồng lãnh đạo Cách mạng họp. Không tồi. – Dexter nói.

— Và thiết bị sẽ được cài nổ bởi một cô gái Do Thái biết tiếng Ả Rập cao một mét bảy mươi lăm phải không? – Scott hỏi.

Kratz gật đầu.

Cách đây đã nhiều năm trời, Dollar Bill từng trông thấy bên trong của một nhà tù, nhưng vẫn chưa đủ lâu để quên được nỗi chán ghét khi phải chung đụng với bọn buôn lậu ma túy, ma cô và trấn lột.

Mặc dù vậy, lần sau cùng y đã ngu ngốc đến nỗi tự đâm đầu vào một cuộc ẩu đả trong tiệm rượu mà y đã gây sự trước. Thường thì ông ta sẽ thu xếp xong với năm mươi đô la một cách tốt đẹp. Dollar Bill cảm thấy tin tưởng rằng bất cứ vị quan toà nào cũng biết các nhà tù đã quá chật ních nên khó lòng tuyên bố một bản án cưỡng bách ba mươi ngày đối với những trường hợp như thế này. Quả thực y đã cố đưa năm mươi đô la cho một trong số cảnh sát viên lái chiếc xe thùng. Thông thường, họ vui vẻ nhận tiền, mở cửa sau của chiếc xe thùng và tổng cổ kê vừa bị bắt ra ngoài. Y không thể mừng rỡ tượng cảnh sát San Francisco đang giở trò gì. Chắc chắn với tất cả bọn trấn lột và nghiện ma túy khắp nơi họ có nhiều việc quan trọng hơn để đối phó so với mấy gã trung niên say sưa trong tiệm rượu vào lúc xế chiều này.

Trong lúc Dollar Bill bắt đầu tỉnh táo, mùi hôi nồng nặc xông vào mũi và y hy vọng rằng mình sẽ ở trong số đầu tiên sẽ bị đưa ra phiên toà đêm. Nhưng trong nhiều tiếng đồng hồ trôi qua và y trở nên tỉnh táo hơn và mùi hôi cũng nồng nặc hơn, y bắt đầu tự hỏi phải chăng họ sẽ giữ y suốt đêm.

— William O'Reilly, – viên trung sĩ cảnh sát gọi lớn trong lúc anh ta nhìn xuống danh sách trên bìa kẹp giấy.

— Tôi đây, – Bill vừa nói vừa đưa bàn tay lên.

— Đi theo tôi, O'Reilly! – Viên cảnh sát gằn giọng trong lúc cánh cửa xà lim loảng xoảng mở và người đàn ông Ireland bị nắm chặt nơi khuỷu tay.

Y bị dắt đi dọc theo một hành lang dẫn vào phía sau của một phòng xét xử. Y quan sát mấy kẻ vô thừa nhận và phạm nhân không quan trọng đang sắp hàng chờ tới phiên mình đến trước vị quan toà. Y không chú ý một người đàn bà ở cách y chừng vài bước, đang nắm chặt cái quai tròn của một túi du lịch.

— Có tội. Năm mươi đô la.

— Tôi không trả nổi.

— Ba ngày tù. Người kế tiếp.

Sau khi ba bốn vụ đã được xét xử theo cách qua quít này, Dollar Bill quan sát người đàn ông đã tỏ ra không tôn trọng chuẩn mực văn chương Ireland ngồi vào chỗ ở trước vị quan toà.

— Có tội, thưa ngài.

— Không tiền án chứ?

— Không, – viên trung sĩ nói.

— Năm mươi đô la, – vị quan toà phán.

Dollar Bill lấy làm lạ vì đối phương của mình không bị kết án lần nào, và cũng có thể trả tiền phạt ngay lập tức.

Khi đến phiên Dollar Bill ra bào chữa, trong lúc ngược nhìn lên vị quan toà, y không thể không nghĩ rằng vị quan toà quá sức trẻ đối với chức vụ. Có lẽ giờ đây y quả thực là một kẻ “kỳ cựu”.

— William O’Reilly, thưa ngài, – viên trung sĩ vừa nói vừa nhìn xuống hồ sơ tội trạng. – Say rượu gây mất trật tự, xáo trộn yên tĩnh.

— Ông bào chữa như thế nào?

— Có tội, thưa ngài, – Dollar Bill vừa nói vừa sờ ngón tay vào cuộn giấy bạc nhỏ trong túi, trong lúc y cố nhớ lại nơi gần nhất có quán rượu bán bia Guinness.

— Ba mươi ngày, – vị quan toà nói, không hề ngẩng đầu lên. – Người kế tiếp.

Hai người còn lại chờ trong phòng xét xử sừng sốt trước quyết định của vị quan toà. Một người trong bọn miễn cưỡng nới lỏng nắm tay trên chiếc quai

tròn của túi du lịch của cô ta, trong lúc người kia lắp bắp:

— Xin được trả tiền bảo lãnh, thưa ngài.

— Không chấp nhận.

CHƯƠNG 21

Trong lúc Hannah ngồi một mình ở phía sau chiếc phi cơ đi Amman^[45], nàng bắt đầu xem xét công việc nàng đã tự đặt ra cho mình.

Sau khi đoàn tùy tùng của viên Đại sứ rời khỏi Paris, nàng đã trở về với vai trò truyền thống của một phụ nữ Ả Rập. Nàng mặc y phục từ đầu đến chân trong một tấm mạng màu đen, và ngoại trừ đôi mắt, khuôn mặt của nàng được bao phủ bởi một chiếc mặt nạ nhỏ. Nàng chỉ lên tiếng khi được hỏi trực tiếp một câu, và không bao giờ tự đặt ra một câu hỏi. Nàng cảm thấy bà mẹ Do Thái của nàng chắc sẽ không sống nổi trong một chế độ như thế này vài tiếng đồng hồ.

Thời gian giải lao duy nhất của Hannah đã đến khi bà vợ của viên Đại sứ hỏi nơi nàng định ở đâu sau khi đã trở về Baghdad. Hannah giải thích rằng nàng đã không tính trước ngay lúc này bởi vì mẹ và em gái của nàng đang sống ở Karbala, và nàng cũng không thể ở với họ nếu nàng hy vọng tiếp tục giữ công việc của nàng với viên Đại sứ.

Hannah hầu như chưa nói hết câu thứ hai thì bà vợ của viên Đại sứ khẳng khái bảo nàng hãy đến sống với họ.

— Ngôi nhà của chúng tôi quá lớn, – bà ta giải thích, – ngay cả với một tá nhân viên giúp việc.

Khi phi cơ đáp xuống phi trường Queen Alia, Hannah nhìn qua khung cửa sổ nhỏ xíu để quan sát một chiếc xe hơi lớn màu đen lộng lẫy trông có vẻ giống ở New York hơn là ở Amman đang chạy về phía họ. Chiếc xe đậu lại bên cạnh phi cơ và một người tài xế mặc một bộ đồ xanh chỉnh tề và mang một cặp kính đen nhảy ra.

Hannah đến gặp viên Đại sứ và bà vợ của ông ta trong băng sau của chiếc xe hơi và họ chạy nhanh ra khỏi phi trường về hướng biên giới với Iraq. Khi xe hơi đến trạm hải quan, họ được cúi đầu chào và vẫy tay chạy thẳng, tựa hồ biên giới không có thực. Họ chạy khoảng một nghìn năm trăm mét nữa và qua một trạm hải quan thứ hai về phía Iraq. Nơi đây họ cũng được đối xử theo cung cách tương tự lúc đầu, trước khi gặp xa lộ sáu làn xe đi Baghdad.

Trong cuộc hành trình dài đến thủ đô, đồng hồ tốc độ rất ít khi xuống dưới một trăm mười cây số giờ. Không bao lâu Hannah trở nên chán ngán với mặt trời liên tục giáng xuống và cảnh tượng hết cây số cát này đến cây số cát khác trải dài tới chân trời và cả bên kia chân trời, chỉ thỉnh thoảng mới có mấy cụm cây cọ phá vỡ sự đơn điệu. Tư tưởng của nàng chợt trở về với Simon và chuyện gì đâu có thể...

Hannah ngủ gà ngủ gật trong lúc chiếc xe hơi có máy điều hoà không khí êm ả lướt dọc theo xa lộ. Tâm trí nàng lan man từ Simon qua mẹ nàng, qua Saddam, rồi trở lại với Simon.

Nàng giật mình tỉnh dậy và nhận thấy họ đang vào vùng ngoại ô của Baghdad.

— Ba mươi ngày? Tôi đã làm gì mà phải lãnh án ba mươi ngày, đó là điều tôi muốn biết?

Nhưng không một ai thèm nghe trong lúc Dollar Bill bị thúc ép ra khỏi phòng xét xử, dọc theo hành lang rồi ra ngoài qua một khung cửa ở phía sau cửa toà nhà, trước khi bị đẩy trở vào băng sau của một chiếc xe hơi không có bảng số. Ba người đàn ông có mái tóc cắt theo kiểu quân nhân, mang kính Ray-ban, và tai gắn ống nghe nhỏ có dây buông lòng thòng phía sau cổ áo đi cùng y.

— Tại sao tôi không được đóng tiền bảo lãnh? Nếu tôi kháng án thì sao? Tôi có quyền mượn một luật sư mà. Nhưng chúng ta đi đâu thế này?

Cho dù y hỏi nhiều câu như thế, Dollar Bill vẫn không nhận được một câu trả lời nào. Mặc dầu y không thể trông thấy bất cứ gì bên ngoài các khung cửa kính mờ bên hông xe, Dollar Bill có thể biết bằng cách nhìn qua phía trên vai của tài xế khi đến cầu Golden Gate. Trong lúc họ tiếp tục chạy dọc đường 101, đồng hồ tốc độ lên tới con số chín mươi lần đầu tiên, nhưng người tài xế không hề vượt khỏi tốc độ giới hạn một lần nào cả.

Hai mươi phút sau khi chiếc xe hơi quẹo khỏi xa lộ tại lối ra Belvedere, Dollar Bill vẫn không biết mình đang ở đâu. Người tài xế tiếp tục chạy lên một con đường nhỏ quanh co, cho đến khi chiếc xe giảm tốc độ, trong lúc một bộ cổng sắt đồ sộ hiện ra lù lù phía trước mắt họ. Người tài xế nháy đèn hai lần và cổng mở ra để cho chiếc xe hơi tiếp tục cuộc hành trình theo một đoạn đường rải sỏi dài và thẳng. Ba bốn phút nữa trôi qua trước khi họ dừng lại trước một ngôi nhà lớn kiểu nông thôn nhắc nhở Dollar Bill nhớ lại thời thơ ấu của mình ở quận Kerry, lúc bấy giờ mẹ y là một bà giúp việc bếp núc ở điền trang.

Một trong số người đi kèm với Dollar Bill nhảy ra khỏi xe và mở cửa cho y. Một người khác chạy ra phía trước lên thềm và bấm một nút chuông, trong lúc chiếc xe hơi chạy qua bãi sỏi.

Cánh cửa đồ sộ bằng gỗ sồi mở ra cho thấy một viên quản gia mặc một áo khoác dài màu đen và mang một nơ bướm màu trắng.

— Chào ông O'Reilly, – anh ta nói một cách nghiêm túc với một giọng Anh ngay cả trước khi Dollar Bill lên tới bậc thềm trên cùng. – Tôi tên là Charles. Phòng của ông đã được chuẩn bị sẵn sàng. Có lẽ xin ông vui lòng đi theo tôi.

Dollar Bill theo anh ta vào trong nhà và lên cầu thang rộng không thốt ra một tiếng nào. Đáng lẽ y đã thử hỏi một vài câu về Charles, nhưng bởi vì anh

ta là người Anh, Dollar Bill không thể trông mong một câu trả lời thành thực. Viên quản gia dẫn y vào trong một phòng ngủ được trang bị một cách sang trọng trên tầng một.

— Tôi hy vọng ông sẽ nhận thấy áo quần vừa khít, thưa ông, – Charles nói, – và mọi thứ khác đều hợp với ý thích của ông. Bữa ăn tối sẽ được dọn trong vòng nửa giờ.

Dollar Bill cúi đầu chào và mất mấy phút sau đó để xem quanh căn phòng. Y kiểm tra buồng tắm. Xà phòng sáp, dao cạo râu và khăn lông xốp trắng; thậm chí cả một bàn chải đánh răng và kem đánh răng loại y ưa thích. Y trở ra phòng ngủ và khảo sát chiếc giường đôi. Y không sao nhớ được mình đã ngủ lần cuối trên bất cứ món gì êm ái như thế này vào lúc nào. Rồi y kiểm tra tủ áo và tìm thấy ba quần dài và ba áo vét, không giống như những loại y đã mua mấy ngày vừa qua sau khi trở về từ Washington. Y làm sao mà biết được?

Y nhìn vào các ngăn kéo: sáu sơ mi, sáu quần lót và sáu đôi vớ. Họ đã nghĩ tới tất cả mọi thứ, cho dù y không quan tâm nhiều về việc họ lựa chọn cà vạt.

Dollar Bill quyết định tham gia trò chơi. Y tắm, cạo râu và thay quần áo người ta đã cung cấp. Mọi thứ, như Charles đã hứa hẹn, đều vừa khít.

Y chợt nghe một tiếng chuông vang lên ở dưới lầu và y xem đó là dấu hiệu mời gọi. Y liền mở cửa và bước ra hành lang, tiếp tục đi xuống cầu thang rộng và trông thấy viên quản gia đang đứng chờ trong tiền sảnh.

— Ông Hutchins đang đợi ông. Ông sẽ tìm thấy ông ấy trong phòng khách, thưa ông.

— Vâng, tất nhiên, – Dollar Bill nói, và đi theo Charles vào trong một căn phòng rộng. Nơi đây một người đàn ông cao lớn, lực lưỡng đang đứng bên cạnh lò sưởi, mẩu xì gà ngậm trong khóe miệng.

— Chào ông O'Reilly, – người đàn ông nói. – Tên tôi là Dexter Hutchins.

Chúng ta chưa hề gặp nhau trước đây, nhưng từ lâu tôi vẫn là người khâm phục tài nghệ của ông.

— Đó là kiểu của ông, ông Hutchins, nhưng tôi không có cùng lợi thế như ông để biết ông làm gì trong suốt giờ vừa qua.

— Tôi thành thực xin lỗi vậy. Tôi là Phó giám đốc CIA.

— Sau biết bao nhiêu năm trường, tôi mới được dùng bữa tối trong một ngôi dã thự với vị Phó giám đốc của CIA chỉ vì tôi đã dính líu vào một vụ ẩu đả trong quán rượu. Tôi ước ao được hỏi ông sắp đặt những gì cho bọn giết người hàng loạt?

— Tôi phải thú thực, ông O'Reilly, rằng chính một người trong bọn chúng tôi đã tung quả đấm đầu tiên. Nhưng trước khi đi xa hơn, tôi muốn hỏi ông uống gì?

— Tôi không nghĩ Charles có thứ bia tôi ưa thích. – Dollar Bill vừa nói vừa quay sang nhìn vào mặt viên quản gia.

— Tôi e Guinness chỉ có loại đóng hộp chứ không có loại đóng thùng, thưa ông. Nếu đã được thông báo đầy đủ hơn.

Dollar Bill lại cúi đầu chào và viên quản gia biến mất.

— Ông không nghĩ tôi được quyền biết về tất cả câu chuyện này chứ, ông Hutchins? Xét cho cùng...

— Quả thực ông có quyền, ông O'Reilly. Sự thực là Chính phủ cần sự giúp đỡ của ông, cũng như khả năng chuyên môn của ông.

— Tôi đã không nhận thức được những người ủng hộ Clinton lại tận dụng việc làm đồ giả để giúp cho việc cân bằng thiếu hụt ngân sách. – Dollar Bill nói trong lúc viên quản gia trở lại với một ly Guinness lớn.

— Không đến nỗi quyết liệt như thế đâu, nhưng mỗi chút một cần thiết, – Hutchins nói. – Nhưng có lẽ chúng ta nên dùng một bữa ăn tối nhẹ trước khi

đi vào các chi tiết. Tôi e hôm nay là một ngày dài đối với ông.

Dollar Bill gật đầu và đi theo vị Phó giám đốc vào một căn phòng nhỏ, nơi đây bàn đã được dọn cho hai người.

Viên quản gia kéo một chiếc ghế lui cho Dollar Bill và hỏi sau khi y đã ngồi xuống một cách thoải mái:

— Ông thích bít tết như thế nào, thưa ông?

— Thịt lưng hay thịt sườn? – Dollar Bill hỏi.

— Thịt lưng.

— Nếu thịt đã vừa đủ chín, xin nói với đầu bếp hãy dí một ngọn đèn cầy bên dưới, nhưng chỉ trong một lát thôi.

— Vâng, thưa ông. Còn của ông, ông Hutchins. Tôi đoán cần phải thật chín phải không ạ?

Dexter Hutchins gật đầu, cảm thấy hiệp một đã rõ ràng nghiêng về phía Dollar Bill.

— Tôi hết sức thích thú trò chơi đố chữ này, – Dollar Bill nói sau khi uống một ngụm Guinness. – Nhưng tôi muốn biết phần thưởng là gì nếu tôi đủ may mắn để thắng cuộc.

— Chắc ông cũng muốn biết phần phạt là gì nếu ông đủ bất hạnh để thua cuộc.

— Đáng lẽ tôi phải nhận thấy việc này càng kéo dài càng thú vị.

— Trước hết, cho phép chúng tôi cung cấp cho ông một chút thông tin cần thiết, – Dexter Hutchins nói trong lúc một miếng bít tết nướng vừa phải được đặt phía trước người khách của ông. – Ngày 25 tháng 5 năm nay, một nhóm tội phạm có tổ chức tinh vi đã đến Washington và thực hiện một trong những vụ án tài tình nhất trong lịch sử của đất nước này.

— Bít tết ngon tuyệt, – Dollar Bill nói. – Anh phải cho tôi gửi lời khen

ngợi người đầu bếp.

— Tôi sẽ chuyển lời, thưa ông, – Charles đang chực sẵn phía sau ghế liền đáp lại.

— Vụ án này bao gồm việc lấy trộm khỏi Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia ngay giữa ban ngày. Bản Tuyên ngôn Độc lập và thay thế vào đó một bản sao xuất sắc.

Dollar Bill tỏ vẻ quan tâm một cách vừa phải, nhưng cảm thấy không khôn ngoan nếu có lời bình luận vào lúc này.

— Chúng tôi có tên của nhiều người dính líu vào vụ án này, nhưng chúng tôi không thể bắt giữ một ai vì sợ làm cho những kẻ khác đang nắm giữ bản Tuyên ngôn biết rằng chúng tôi đang săn đuổi bọn chúng.

— Và chuyện này ăn nhập gì tới tôi? – Dollar Billy hỏi trong lúc ông ta ngẫu nhiên một miếng thịt ngon lành khác.

— Chúng tôi đã nghĩ có lẽ ông muốn biết ai là kẻ đã tài trợ cho toàn bộ chiến dịch, và giờ đây đang nắm giữ bản Tuyên ngôn Độc lập?

Cho đến lúc đó, Dollar Bill không nghe điều gì mới từ những người đã từ lâu mong muốn biết cuối cùng bản tài liệu ở đâu. Y không bao giờ tin cậy chuyện của Angelo về một nhà sưu tập kỳ quặc. Y liền đặt dao và nĩa xuống, và dăm dăm nhìn vị Phó giám đốc CIA ở bên kia bàn, cuối cùng đã khiến cho người này nhận thấy sự quan tâm của y.

— Chúng tôi có lý do để tin rằng bản Tuyên ngôn Độc lập hiện đang ở Baghdad, do chính Saddam Hussein nắm giữ.

Miệng của Dollar Bill há hốc ra, mặc dù y vẫn giữ im lặng trong một thời gian đáng kể.

— Không còn có danh dự kẻ cướp nữa hay sao? – Cuối cùng y nói.

— Có thể vẫn còn. – Hutchins nói. – Bởi vì hy vọng duy nhất của chúng

tôi trong việc đưa bản Tuyên ngôn Độc lập trở về nơi chính đáng của nó vẫn còn nằm trong tay của một nhóm; người sẵn sàng hy sinh tính mạng của họ bằng cách đánh tráo tài liệu này, theo cách y hệt như bọn tội phạm đã làm trước đây.

— Nếu tôi đã biết... – Dollar Bill chột dừng lại một lát rồi khẽ hỏi tiếp. – Tôi có thể giúp đỡ bằng cách nào?

— Ngay lúc này, chúng tôi cần có một bản sao hoàn hảo của bản gốc. Và chúng tôi tin tưởng ông là người duy nhất có thể làm được việc đó.

Dollar Bill biết chính xác nơi có một bản sao hoàn hảo, treo trên một bức tường ở New York, nhưng không thể thú nhận như vậy mà không tự chuốc vào thân cơn thịnh nộ lớn hơn khả năng của ông Hutchins.

— Ông đã đề cập một phần thưởng, – Dollar Bill nói.

— Và một phiên phúc, – Dexter Hutchins nói. – Phần thưởng là ông vẫn ở lại đây, trong một ngôi nhà an toàn ở bờ Tây của chúng tôi, nơi mà tôi nghĩ ông sẽ nhìn nhận là môi trường dễ chịu. Trong lúc ông ở với chúng tôi, ông sẽ tạo ra một bản Tuyên ngôn giả sẽ qua được mắt kẻ thành thạo nhất. Nếu ông hoàn thành việc đó, ông sẽ được tự do ra đi, không bị buộc một tội danh nào cả.

— Và phần phạt?

— Sau khi dùng xong cà phê, ông sẽ được thả ra và được phép rời khỏi đây bất cứ lúc nào ông muốn.

— Được thả ra, – Dollar nhắc lại với vẻ hoài nghi, – và được phép rời khỏi đây bất cứ lúc nào tôi muốn?

— Phải. – Vị Phó giám đốc nói.

— Thế thì tại sao tôi lại không thể thưởng thức phần còn lại của bữa ăn tối tuyệt vời này và trở về cơ sở tâm thường của tôi ở Fairmount và quên chúng ta đã gặp nhau?

Vị Phó giám đốc lấy ra một phong bì từ một túi bên trong. Ông rút bốn tấm ảnh và đẩy chúng qua mặt bàn.

Dollar Bill xem kỹ từng tấm một. Tấm thứ nhất là một cô gái khoảng mười bảy tuổi nằm trên một phiến đá trong một nhà xác. Tấm thứ hai là một người đàn ông trung niên cuộn tròn như một bào thai trong khoang hành lý của một chiếc xe hơi. Tấm thứ ba là một người đàn ông bị vứt bỏ bên lề một con đường. Và tấm thứ tư là một người đàn ông lớn tuổi có vẻ cao sang. Một cái cổ bị gãy là đặc điểm chung cho tất cả bốn người. Dollar Bill đẩy mấy tấm ảnh trở lại qua mặt bàn.

— Bốn xác chết, nhiều thế à?

— Sally McKenzie, Rex Butterworth, Bruno Morelli và tiến sĩ Hamilton McKenzie. Và chúng tôi có mọi lý do để tin tưởng một kẻ nào đó ở ngoài kia đang chuẩn bị một kết thúc cuộc đời tốt đẹp tương tự đối với ông.

Dollar Bill xiên hạt đậu cuối cùng còn lại trên đĩa của y và nốc cạn giọt Guinness cuối cùng. Y dừng lại một lát như thể đang tìm kiếm nguồn cảm hứng.

— Tôi sẽ cần giấy của Bremen, bút của một viện bảo tàng ở Richmond, Virginia và chín loại mực đen có màu sắc khác nhau mà tôi có thể đặt pha chế bởi một hãng ở Cannon Street, London ECA.

— Còn gì khác nữa? – Dexter Hutchins hỏi sau khi đã viết xong danh sách mua hàng của Dollar Bill trên một mặt sau của chiếc phong bì.

— Tôi không biết Charles có thể vui lòng cho tôi thêm một ly Guinness thật lớn nữa hay không. Tôi có cảm tưởng đây có lẽ là ly cuối cùng cho một thời gian đáng kể.

CHƯƠNG 22

Pertil Pedersson, kỹ sư trưởng của Svenhalte AC, đứng tại cổng nhà máy Kalmar để chào đón ông Riffat và ông Bernstrom khi hai người đến buổi sáng hôm ấy. Ông ta đã nhận được một bức fax từ Liên Hiệp Quốc ngày hôm trước xác nhận thời gian bay của họ đến Stockholm, và đã kiểm tra lại với quây đến ở phi trường để được thông báo rằng máy bay của họ đã hạ cánh trễ ít phút.

Trong lúc họ bước ra khỏi xe hơi, ông Pedersson tiến tới trước bắt tay với cả hai người và tự giới thiệu.

— Chúng tôi vui mừng đã gặp được ông, ông Pedersson, – người đàn ông thấp nói, – và cảm ơn ông vì đã thu xếp thời giờ để tiếp chúng tôi trong một thời hạn ngắn như thế.

— Thành thực mà nói, ông Riffat, chúng tôi vô cùng ngạc nhiên khi Liên Hợp Quốc giải toả hạn chế đối với bà Bertha.

— Bà Bertha?

— Vâng, đó là cách chúng tôi nói chiếc tủ sắt ở nhà máy. Tôi xin hứa với quý ông rằng mặc dù quý ông không để ý, “bà ta” không khác gì một cô gái tuyệt đẹp. Nhiều người đã đến đây để ngưỡng mộ “bà ta,” nhưng không một ai sờ mó được.

Ông Pedersson bật cười rồi nói tiếp:

— Nhưng tôi cảm thấy chắc chắn rằng sau một cuộc hành trình dài như vậy ông Riffat sẽ muốn tận mắt trông thấy nó.

Người đàn ông thấp có mái tóc đen gật đầu, và cả hai cùng đi theo ông

Pedersson trong lúc ông ta dẫn họ qua khoảng sân.

— Ông phản ứng hết sức nhanh với sự đổi ý bất ngờ của Liên Hiệp Quốc. Ông Riffat.

— Vâng, vị lãnh tụ của chúng tôi đã ra lệnh chiếc tủ sắt phải được giao tới Baghdad ngay lúc việc cấm vận được giải toả.

Pedersson lại bật cười và nói sau khi họ đã đến phía bên kia sân:

— Tôi e việc đó không thể dễ dàng như thế. Bà Bertha không thuộc loại chế tạo nhanh, như ông sắp sửa nhận thấy.

Ba người tiếp tục đi về phía một toà nhà lớn trông bề ngoài có vẻ vô chủ và Pedersson sải bước qua một khoảng hở chắc hẳn trước kia là một khung cửa. Bên trong tối đến nỗi hai người khách lạ không thể nào trông thấy rõ xa hơn vài mét phía trước họ. Pedersson bật một bóng đèn đơn độc, tiếp theo đó là một tiếng động nhẹ nghe như một tiếng thở dài của một người tình không được đáp lại.

— Ông Riffat, ông Bernstrom, xin cho phép tôi giới thiệu quý ông với bà Bertha.

Hai người nhìn chăm chăm vào cấu trúc đồ sộ đứng một cách uy nghi chính giữa nền nhà kho cũ.

— Trước khi tôi trình bày một lời giới thiệu trang trọng, – Pedersson nói tiếp, – trước hết xin để cho tôi kể với quý ông về những con số thống kê tối quan trọng của bà Bertha. Bà ta cao hai mét bảy mươi lăm, rộng hai mét mười lăm và dài hai mét bốn mươi lăm. Bà ta cũng có da dày như bất kỳ một chính trị gia nào, khoảng mười lăm phân bằng một loại thép đặc biệt và cân nặng trên năm tấn. Bà ta được chế tạo bởi một nhà thiết kế chuyên nghiệp, ba người thợ lành nghề và tám kỹ sư. Thời gian thai nghén của bà ta từ lúc tính toán tới lúc giao hàng là mười tám tháng.

Ông ta chột hạ thấp giọng trong lúc vẫn tiếp tục nói:

— Nhưng, công bằng mà nói, bà ta gần như có kích thước của một con voi. Tôi phải hạ thấp giọng xuống chỉ vì bà ta có thể nghe mọi lời tôi nói và tôi không muốn chọc giận bà ta.

Ông Pedersson không trông thấy vẻ bối rối hiện ra trên khuôn mặt của hai người khách.

— Nhưng, quý ông chỉ vừa mới thấy bên ngoài của bà ta và tôi có thể hứa với quý ông rằng bà ta không phải chỉ có bên ngoài. Trước hết, tôi phải nói với quý ông rằng “bà Bertha” sẽ không cho phép bất cứ ai vào bên trong nếu người đó không được phép giới thiệu rõ về bản thân. Quý ông nên biết bà ta không phải là một phụ nữ lãng nhãng, mặc dù quý ông có thể đã được nghe nói về người Thụy Điển. Bà ta đòi hỏi biết ba điều trước khi xem xét việc tiết lộ những phần trong cùng của mình.

Mặc dù hai người khách vẫn còn hoang mang về những gì ông ta ngụ ý, họ không ngắt lời đều đều của ông Pedersson.

— Đầu tiên quý ông cần phải nghiên cứu ngực của Bertha. Quý ông sẽ nhìn kỹ ba bóng đèn màu đỏ phía trên ba mặt số nhỏ. Biết được tất cả mã số trên ba mặt số, quý ông có thể bật các bóng đèn từ đỏ sang xanh lá cây. Xin được phép tôi trình bày tường tận: Tất cả ba mặt số đều có một mã số gồm sáu con số. Con số đầu tiên bên phải, thứ hai bên trái, thứ ba bên phải, thứ tư bên trái, thứ năm bên phải, thứ sáu bên trái. Con số đầu tiên cho mặt số đầu tiên là 2, thứ hai là 8, thứ ba là 0, thứ tư là 4 thứ năm là 3 và thứ sáu là 7. 2–8–0–4–3–7.

— Ngày sinh của Sayedi, – người khách cao có mái tóc vàng hoe nói.

— Vâng, tôi đã tìm được mã số đó, ông Bernstrom, – ông Pedersson nói, rồi quay sự chú ý sang mặt số ở giữa rồi nói tiếp. – Mã số thứ hai là 1–6–0–7–7–9. Ông ta quay con số cuối cùng sang bên trái.

— Ngày Sayedi trở thành Tổng thống.

— Chúng tôi cũng đã tìm ra mã số đó, ông Riffat. Nhưng tôi thú nhận tiến trình thứ ba đã làm cho chúng tôi hoàn toàn điên đầu. Chắc chắn các ông biết khách hàng của chúng tôi đã chuẩn bị điều gì cho cái ngày đặc biệt đó.

Ông Pedersson bắt đầu xoay mặt số thứ ba: 0-4-0-7-9-3. Ông ta nhìn vui vẻ hy vọng về phía ông Bernstrom.

— Tôi không biết, – Bernstrom nhún vai nói dối.

— Bây giờ quý ông sẽ lưu ý rằng sau khi cho cả con số đúng vào cả ba mặt số, chỉ có một trong ba bóng đèn của bà Bertha chuyển sang màu xanh lá cây, trong lúc hai bóng còn lại vẫn giữ màu đỏ. Nhưng lúc này sau khi quý ông đã khám phá ra ba mã số của bà ta, bà ta sẽ xem xét một mối liên hệ riêng tư hơn. Quý ông sẽ nhận thấy ở bên dưới ba mặt số có một hình vuông nhỏ sơn trắng có kích thước bằng bàn tay. Quý ông hãy quan sát thật kỹ.

Pedersson tiến tới một bước và đặt bàn tay phải một cách cương quyết lên hình vuông màu trắng. Ông ta để bàn tay tại đó trong mấy giây, cho tới lúc bóng đèn thứ hai chuyển sang màu xanh lá cây.

— Ngay khi bà ta biết dấu lòng bàn tay của ông, bà ta vẫn chưa chịu tâm sự, cho tới lúc ông đã nói chuyện với bà ta. Nếu quý ông nhìn kỹ hơn nữa, quý ông sẽ thấy rằng hình vuông màu trắng che đậy một tấm lưới mỏng chứa một bộ phận hoạt hoá tiếng nói.

Cả hai người bước tới trước để nhìn.

— Vào lúc này, Bertha được lập chương trình để chỉ phản ứng lại dây thanh đới của tôi. Bất kể tôi nói gì, và khi bà ta nhận ra giọng nói, bóng đèn thứ ba sẽ chuyển sang màu xanh lá cây. Nhưng bà ta thậm chí sẽ không thèm nghe tôi trừ phi bóng đèn thứ nhất và thứ hai đã chuyển sang màu xanh lá cây.

Pedersson bước tới trước đặt môi đối diện với tấm lưới.

— Hai vị đã đến từ Mỹ để thăm bà và muốn biết bên trong như thế nào.

Ngay cả trước khi ông ta nói xong câu đó, bóng đèn đỏ thứ ba đã biến thành xanh lá cây, và mọi người có thể nghe một âm thanh chổi tai.

— Bây giờ, thưa quý ông, chúng ta đến phần trình bày mà chúng tôi đặc biệt hãnh diện. Cánh cửa nặng quá một tấn, tuy nhiên lại có thể được mở ra bởi một đứa bé con. Công ty của chúng tôi đã triển khai một hệ thống bạc đạn bằng hợp kim phốt pho đồng trước lúc nó ra đời cả một thập niên. Xin mời ông Riffat, tại sao ông không đích thân thử xem.

Người đàn ông thấp liền bước tới trước, nắm chặt quai tủ sắt và kéo. Tất cả ba bóng đèn lập tức chuyển sang màu đỏ và một tiếng động chổi tai lại vang lên.

Pedersson cười mỉm.

— Ông thấy đó, ông Riffat, trừ phi bà Bertha biết rõ cá nhân ông, nếu không bà ta sẽ đóng sầm cửa lại và trả ông trở về khu vực đèn đỏ.

Ông ta bật cười thành tiếng với một câu nói đùa mà các vị khách của ông ta tin chắc ông ta đã thốt lên nhiều lần trước kia, rồi tiếp lời:

— Bàn tay mở tủ sắt phải chính là bàn tay đã trải qua cuộc thử nghiệm dấu tay. Một thiết bị an toàn tốt, tôi nghĩ quý ông sẽ đồng ý.

Cả hai người gật đầu khâm phục trong lúc Pedersson nhanh nhẹn xoay trở với ba mặt số, đặt bàn tay lên khung vuông rồi nói với bà Bertha. Từng cái một, ba bóng đèn rậm rập chuyển sang màu xanh lá cây.

— Bây giờ bà ta đã sẵn sàng để cho tôi, và chỉ một mình tôi mở toang ra. Vì thế xin quý ông quan sát thật kỹ. Như tôi đã nói, mặc dù cánh cửa nặng tới một tấn, nó vẫn có thể mở ra được một cách hết sức nhẹ nhàng, như thế này.

Pedersson kéo lui khối thép đồ sộ nặng một tấn chẳng khác khi ông ta mở cánh cửa trước nhà ông ta. Ông ta nhảy vào bên trong chiếc tủ sắt và bắt đầu bước vòng quanh, thoát tiên với hai cánh tay duỗi ra để cho thấy ông ta không thể chạm vào hai bên trong lúc đứng ở chính giữa, rồi với hai bàn tay

phía trên đầu, cho thấy ông ta không sao đựng tới nóc.

— Xin quý ông vào đây, – ông ta gọi lớn từ bên trong.

Hai người liền nhẹ nhàng bước lên gặp ông ta.

— Trong trường hợp này, ba người không phải là đồng, – Pedersson lại vừa cười vừa nói, – và quý ông sẽ thích thú khám phá ra rằng tôi không thể tự làm cho mình bị khoá lại ở bên trong.

Đoạn ông ta nắm quai tủ ở phía trong và kéo cánh cửa đóng lại. Hai trong số người ở bên trong cảm thấy phần thí nghiệm này không hấp dẫn một chút nào.

— Quý ông thấy đó, – Pedersson nói tiếp, không thể che giấu vẻ mãn nguyện trong giọng nói của mình, – Bertha không thể tự khoá lại trừ phi chính bàn tay của tôi đặt lên quai bên ngoài.

Với một cái đẩy nhẹ, cánh cửa đã mở và Pedersson bước ra, theo sát sau là hai vị khách hàng của ông ta.

— Tôi đã có lần ở bên trong suốt một buổi tối trước khi hệ thống được hoàn thành một cách tuyệt hảo – một loại tình tự đó mà, quý ông có thể bảo như thế. – Pedersson nói.

Ông ta còn cười to hơn trong lúc đẩy cánh cửa trở lại như cũ, rồi quay sang nhìn thẳng vào mặt họ và nói tiếp:

— Quý ông đã được giới thiệu với bà Bertha rồi đấy. Bây giờ, nếu quý ông vui lòng đi cùng tôi trở về văn phòng của tôi, tôi sẽ đưa cho quý ông một phiếu giao hàng và quan trọng hơn, cuốn *thánh thư* của Bertha.

Trong lúc họ trở qua sân, Pedersson giải thích với hai vị khách của ông ta rằng cuốn sách chỉ dẫn đã được công ty xem là tối mật. Họ đã sản xuất một cuốn bằng tiếng Thụy Điển mà công ty lưu trữ trong một tủ sắt nặng, và một cuốn khác bằng tiếng Ả Rập mà Pedersson nói ông ta sẽ vui lòng giao cho họ.

— Cuốn thánh thư dài 108 trang, nhưng đủ đơn giản để hiểu nếu ông là một kỹ sư có bằng cấp loại xuất sắc.

Ông ta lại cười rồi nói tiếp:

— Người Thụy Điển chúng tôi là một chủng tộc hoàn chỉnh.

Không một người nào cảm thấy có thể không tán thành với ông ta.

— Quý ông có ai cần hộ tống bà Bertha trên đường đi hay không? – Pedersson hỏi, đôi mắt tỏ vẻ hy vọng.

— Không, cảm ơn, – câu trả lời lập tức đáp lại. – Tôi nghĩ chúng tôi có thể giải quyết vấn đề vận chuyển.

— Thế thì chúng tôi chỉ còn hỏi quý ông một câu, – Pedersson nói trong lúc ông ta bước vào văn phòng của mình. – Bao giờ các ông sẽ lấy tủ đi?

— Chúng tôi đã hy vọng đến lấy chiếc tủ trong buổi chiều hôm nay. Chúng tôi đã hiểu qua bản fax mà ông đã gửi đến Liên Hiệp Quốc rằng công ty của ông có một cần cầu có thể phù hợp với chiếc tủ, và một xe kéo hàng có thể chở nó tới một chỗ khác.

— Ông rất đúng khi nghĩ chúng tôi có một cần cầu phù hợp, và một xe kéo hàng đã được đặc biệt thiết kế để đưa bà Bertha đi trên các đoạn đường ngắn. Tôi cũng tin chắc tôi có thể chuẩn bị mọi việc cho ông trong buổi chiều hôm nay. Nhưng việc đó không bao gồm vấn đề vận chuyển.

— Chúng tôi đã có xe riêng đang đậu trong Stockholm.

— Tuyệt, thế là mọi việc đã được giải quyết, – Ông Pedersson nói. – Tất cả những gì tôi cần phải làm trong lúc quý ông vắng mặt là xoá chương trình về bàn tay và giọng nói của tôi để bà Bertha có thể chấp nhận bất cứ ai quý ông chọn để thế chỗ tôi.

Pedersson lại có vẻ hy vọng hão huyền một lần thứ hai trong lúc nói tiếp:

— Tôi ước mong gặp lại quý ông chiều hôm nay.

— Tôi sẽ đích thân trở lại đây, – Riffat nói. – Ông Bernstrom sắp trở về Mỹ.

Pedersson gật đầu và nhìn theo hai người trèo lên xe hơi của họ trước khi ông ta chậm bước trở về văn phòng của mình. Điện thoại trên bàn của ông ta đang reo chuông, ông nhắc ống nghe lên và nói: “Bertil Pedersson đây”. Sau khi lắng nghe lời yêu cầu của người gọi, ông ta đặt ống nghe lên bàn và chạy tới khung cửa sổ, nhưng chiếc xe hơi đã khuất dạng. Quay trở lại máy điện thoại, ông ta nói tiếp:

— Tôi rất lấy làm tiếc, ông Al Obaydi, hai vị đến xem chiếc tủ sắt vừa mới rời khỏi đây, nhưng ông Riffat sẽ quay lại trong buổi chiều hôm nay để lấy chiếc tủ đi. Tôi sẽ cho ông ấy biết ông đã gọi chứ?

Al Obaydi đặt chiếc điện thoại xuống ở Baghdad, và bắt đầu xem xét một cuộc điện thoại bình thường có thể làm nảy sinh những hàm ý gì. Với tư cách Phó Đại sứ ở Liên Hiệp Quốc, ông ta có nhiệm vụ cập nhật hoá danh sách các biện pháp chế tài. Ông ta đã hy vọng chuyển hồ sơ trong vòng một tuần cho người kế nhiệm còn chưa được đề bạt.

Trong hai năm vừa qua, bất chấp nhiều cú điện thoại không liên lạc được và nhiều công chức không bao giờ ngồi tại bàn – và thậm chí khi họ ngồi họ cũng quá sợ hãi đến nỗi không trả lời được những câu hỏi cơ bản nhất – ông ta hầu như ở trong tư thế có thể hoàn tất bản thảo đầu tiên cho báo cáo của mình.

Các phạm vi hoạt động có khó khăn là: máy móc nông nghiệp, phân nửa bị uỷ ban chế tài Liên Hiệp Quốc xem là thiết bị quân sự dưới một cái tên khác, đồ dùng trong bệnh viện, kể cả dược phẩm, về loại này Liên Hiệp Quốc chấp nhận phần lớn yêu cầu của họ; và lương thực, loại này thì họ được phép

mua – mặc dù phần lớn sản phẩm qua khỏi biên giới đường như xuất hiện trên chợ đen rất lâu trước khi tới được các bà nội trợ ở Baghdad.

Một danh sách thứ tư có đầu đề “Linh tinh”, trong đó bao gồm một chiếc tủ sắt lớn mà khi Al Obaydi kiểm tra lại kích thước, thì hoá ra gần như bằng căn phòng ông ta hiện đang ngồi làm việc. Chiếc tủ sắt, theo một báo cáo nội bộ xác nhận, đã được chế tạo ở Thụy Điển trước cuộc giải phóng dự kiến tính thứ Mười chín, và lúc này đang được đặt trong một nhà kho ở Kalmar, chờ đợi được lấy đi. Cấp chỉ huy của Al Obaydi ở Liên Hiệp Quốc đã thú thật một cách kín đáo rằng ông ta đã ngạc nhiên vì uỷ ban chế tài đã giải toả cấm vận đối với chiếc tủ sắt nhưng điều này vẫn không ngăn cản ông ta cam đoan với vị Bộ trưởng Ngoại giao rằng họ đã làm như vậy là do kết quả cuộc thương lượng thận trọng đầy khéo léo của ông ta.

Al Obaydi ngồi ở chiếc bàn chất đầy hồ sơ của ông ta, xem xét hành động kế tiếp của mình sẽ là gì. Ông ta viết một danh sách ngắn các đề mục trên tập giấy trước mặt:

1. *Bộ Công nghiệp.*
2. *An ninh Quốc gia.*
3. *Thứ trưởng Ngoại giao.*
4. *Kalmar.*

Al Obaydi nhìn lướt qua đề mục thứ nhất. Bộ Công nghiệp. Ông ta đã giữ liên lạc với một người bạn sinh viên trường Đại học London, kể từ lúc người này thăng chức.

Al Obaydi có cảm tưởng ông bạn cũ của mình sẽ có thể cung cấp thông tin yêu cầu mà không nghi ngờ động cơ thực của ông ta.

Ông ta quay số điện thoại riêng của Bí thư thường trực và vui mừng nhận thấy có người ở bàn làm việc.

— Nadhim, Hamid Al Obaydi đây.

— Hamid, tôi nghe nói anh đã rời khỏi New York. Có tin đồn rằng anh đã được ở lại Toà Đại sứ của chúng ta ở Paris. Nhưng người ta không bao giờ có thể tin chắc các tin đồn trong đất nước này.

— Lần này họ đồn chính xác đấy, – Al Obaydi nói với bạn.

— Xin chúc mừng. Thế thì tôi có thể làm gì cho ngài đây thưa ngài?

Al Obaydi thích thú khi Nadhim là người đầu tiên nói với ông ta bằng cái kiểu mới đó, cho dù ông bạn đang mĩa mai.

— Các biện pháp chế tài của Liên Hiệp Quốc.

— Và anh khai là bạn của tôi?

— Không, đó chỉ là một việc kiểm tra thường lệ. Tôi đã phải buộc chặt các đầu mối lỏng lẻo cho người kế nhiệm của tôi. Theo tôi biết thì mọi việc đều ổn, ngoại trừ tôi không thể tìm hiểu gì nhiều về cái tủ sắt khổng lồ đã được chế tạo cho chúng ta ở Thụy Điển. Tôi biết chúng ta đã thanh toán đủ tiền, nhưng tôi không thể khám phá ra chuyện gì đang xảy đến về vấn đề giao hàng.

— Không phải bộ này, Hamid. Trách nhiệm đã được lấy khỏi tay chúng tôi cách đây một năm sau khi hồ sơ được ghi dấu “Chỉ huy cao cấp”, điều đó thông thường có nghĩa là cho Tổng thống sử dụng riêng.

— Nhưng một người nào đó phải chịu trách nhiệm xin một lệnh điều động từ Kalmar đến Baghdad, – Al Obaydi nói.

— Tôi chỉ biết một điều là tôi được chỉ thị chuyển hồ sơ tiếp tục đến văn phòng Liên Hiệp Quốc ở Geneva. Tôi lấy làm lạ vì anh lại không biết điều đó, Hamid. Tôi vẫn tưởng Bộ của anh hơn Bộ của tôi chứ?

— Thế thì tôi phải bắt liên lạc với Geneva để tìm hiểu xem họ đang làm gì về việc đó! – Al Obaydi không giải thích thêm rằng New York và Geneva rất ít khi thông báo cho nhau bất cứ việc gì họ đã làm. – Cảm ơn về sự giúp đỡ của anh, Nadhim.

— Luôn luôn sẵn lòng. Chúc may mắn ở Paris. Hamid. Tôi nghe nói phụ nữ ở đó rất tuyệt vời, và bất kể anh nghe gì thì họ thích người Ả Rập lắm đấy.

Al Obaydi đặt máy điện thoại xuống và chăm chú nhìn bản danh sách trên tập giấy. Thậm chí ông ta mất một thời gian lâu hơn trước khi quyết định nên gọi cú điện thoại thứ hai hay không.

Tiến trình chính xác của sự việc với thông tin mà ông ta hiện nắm trong tay sẽ là liên lạc với Geneva, báo động vị Đại sứ về những mối nghi ngờ của ông ta và một lần nữa để cho người em trai cùng cha khác mẹ của Saddam bày tỏ lời khen ngợi về điều ông ta đã đích thân khởi đầu... Ông ta xem đồng hồ. Lúc này là mười hai giờ trưa ở Thụy Sĩ.

Ông ta yêu cầu cô thư ký liên lạc với Barazan Al Tikriti qua điện thoại, biết rằng cô ta sẽ có cách gọi. Ông ta chờ mấy phút mới nghe một giọng nói trên đường dây.

— Tôi có thể nói chuyện với ông Đại sứ? – Ông ta hỏi một cách lễ độ.

— Ông ấy đang họp, thưa ông, – câu trả lời quen thuộc vang lên. – Tôi sẽ không quấy rầy ông ấy nhé?

— Không, không, đừng làm phiền. Nhưng xin cô cho ông ấy biết rằng Hamid Al Obaydi đã gọi từ Baghdad, và hỏi ông ấy có thể vui lòng gọi lại cho tôi hay không.

— Vâng thưa ông, – giọng nói đáp lại, và Al Obaydi đặt máy điện thoại xuống.

Ông ta đã thực hiện đúng thủ tục. Ông ta mở hồ sơ chế tài trên bàn làm việc và hy vọng viết lên cuối bản phúc trình của mình: *Bộ Công nghiệp đã gửi hồ sơ liên quan tới món hàng này tới thẳng Geneva. Tôi đã gọi điện thoại cho Đại sứ ở đó nhưng không thể bắt liên lạc với ông ấy. Vì vậy tôi không thể đạt được bất kỳ tiến bộ nào ở đầu dây bên này cho tới khi được gọi lại. Hamid Al Obaydi.*

Al Obaydi xem xét động tác kế tiếp của mình một cách vô cùng thận trọng. Nếu ông ta quyết định làm bất cứ điều gì, các hành vi của ông ta phải một lần nữa mang một bộ mặt bình thường và hoàn toàn trong khuôn khổ đã được chấp thuận. Chỉ cần sai lệch một chút khỏi quy tắc trong một thành phố gây nên tin đồn và nghi ngờ, thì chính ông ta sẽ chấm dứt cuộc đời với một sợi dây treo cổ, chứ không phải là người em trai cùng cha khác mẹ của Saddam.

Al Obaydi nhìn xuống đề mục thứ hai trên tập giấy. Ông ta bấm chuông gọi cô thư ký và yêu cầu liên lạc với Đại tướng Saba Awi Al-Hassan, Chỉ huy trưởng An ninh Quốc gia qua điện thoại, chức vụ này là một vị trí công tác đã được giữ bởi ba người khác nhau trong bảy tháng vừa qua. Đại tướng có ngay trên đường dây. Trong chế độ của Iraq, số lượng Đại tướng nhiều hơn Đại sứ.

— Chào ông Đại sứ, tôi đang định gọi ông. Chúng ta phải có một cuộc thảo luận trước khi ông nhận nhiệm vụ mới ở Paris.

— Chỉ là suy nghĩ của tôi thôi mà, – Al Obaydi nói. – Tôi không biết ai là người vẫn còn đang đại diện cho chúng ta ở châu Âu. Đã từ lâu lắm rồi tôi không còn phục vụ ở vùng đất đó của thế giới.

— Thành thực mà nói, chúng ta hơi khan hiếm. Hầu hết những người xuất sắc nhất của chúng ta đã bị trục xuất, kể cả những người được gọi là sinh viên mà chúng ta vẫn luôn luôn tin cậy vào trong quá khứ. Tuy nhiên, đây không phải là một vấn đề thảo luận qua điện thoại. Ông muốn lúc nào tôi đến thăm ông?

— Ông có rảnh trong khoảng từ bốn đến năm giờ chiều nay?

Viên Đại tướng ngừng một lát mới đáp:

— Tôi sẽ đến với ông vào khoảng bốn giờ nhưng phải quay về văn phòng lúc năm giờ. Ông có nghĩ như thế sẽ đủ thời gian cho chúng ta?

— Tôi nghĩ chắc chắn Đại tướng sẽ có thể hướng dẫn giúp tôi một cách đầy đủ trong quãng thời gian đó.

Al Obaydi đặt máy điện thoại xuống để tiếp tục gọi một cách bình thường khác. Ông ta nhìn vào tên thứ ba trên bản danh sách, người mà ông e ngại có thể hơi khó hù dọa hơn. Ông ta bỏ ra mấy phút để nghiên ngẫm lại các câu hỏi trước khi quay một số nội bộ. Một cô Saib nào đó trả lời điện thoại.

— Ông có một vấn đề đặc biệt cần nêu lên với ông Thứ trưởng Ngoại giao phải không ạ? – Cô ta hỏi.

— Không, – Al Obaydi đáp. – Tôi gọi theo yêu cầu cụ thể của ông ấy. Tôi sắp sửa đi vào cuối tuần, và ông Thứ trưởng đã quả quyết ông ấy muốn nói chuyện với tôi trước khi tôi đến nhận nhiệm vụ mới ở Paris.

— Tôi sẽ liên lạc trở lại với ông ngay sau khi tôi có cơ hội báo cáo yêu cầu của ông với ông Thứ trưởng. – Cô Saib hứa.

Al Obaydi đặt máy điện thoại xuống. Không thể nêu lên bất cứ một nghi ngờ nào. Ông ta nhìn trở lại tập giấy rồi thêm một dấu hỏi và một từ khác vào bản danh sách.

Kalmar – ? – Geneva.

Một lúc nào đó trong bốn mươi tám tiếng đồng hồ sắp tới, ông ta sẽ phải quyết định đi theo hướng nào.

Câu hỏi đầu tiên Kratz đặt cho Scott trong cuộc hành trình từ Kalmar đến Stockholm là ý nghĩa của các chữ số 0–4–0–7–9–3. Scott chợt bừng tỉnh khỏi một cơn mơ mộng trong đó anh đang giải thoát Hannah trên một con bạch mã, và trở về với thế giới thực sự có vẻ không mấy hứa hẹn.

— Ngày 4 tháng 7, – anh trả lời. – Còn ngày nào tốt hơn mà Saddam có thể chọn lựa để làm nhục dân chúng Mỹ, không kể vị Tổng thống.

Thế là giờ đây tối thiểu chúng ta biết hạn cuối cùng, – Kratz nói.

— Phải, và chúng ta chỉ còn lại mười một ngày, – Scott nói. – Cách này hay cách khác.

— Tuy nhiên, chúng ta đã có được bà Bertha, – Kratz nói, cố làm cho tâm trạng mọi người bớt căng thẳng.

— Đúng, – Scott nói. – Và ông định đưa “bà ta” đi đâu trong ngày đầu tiên?

— Suốt hành trình. – Kratz nói. – Jordan, nói rõ ra đây là nơi tôi đang trông đợi anh cộng tác với chúng tôi một lần nữa. Thực ra, toàn đội của tôi đang ở Stockholm chờ lấy bà Bertha trước khi họ bắt đầu cuộc hành trình đến Baghdad. Mọi thủ tục, giấy tờ đã được Langley thu xếp đâu vào đấy cho chúng ta, như vậy ông sẽ không có ách tắc giữa đường. Vấn đề đầu tiên của chúng ta sẽ là băng qua biên giới Jordan, nhưng bởi vì chúng ta có mọi tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Liên Hiệp Quốc, một số ít đô la phụ phí trả cho thuế quan sẽ bảo đảm anh ta đóng dấu đúng trang trong hộ chiếu của tất cả chúng ta.

— Ông đã chỉ định bao nhiêu thời gian cho cuộc hành trình đến Jodan? – Scott hỏi, nhớ lại thời biểu khít khao của chính mình.

— Sáu hoặc bảy ngày, tối đa là tám. Tôi đã lập một đội gồm sáu người tất cả đều có nhiều kinh nghiệm chiến trường không một ai trong bọn họ được phép lái xe quá bốn tiếng đồng hồ liền mà không được nghỉ ngơi mười sáu tiếng. Theo cách đó, sẽ không ngừng lại ở bất cứ điểm nào, ngoại trừ lúc đổ xăng.

Họ vượt qua một bảng hiệu cho biết còn mười cây số nữa thì đến Stockholm.

— Thế thì tôi có một tuần. – Scott nói.

— Phải, và chúng tôi phải hy vọng rằng đó là thời gian đủ cho Bill O'Reilly hoàn tất một bản sao hoàn hảo mới của Bản Tuyên ngôn. – Kratz nói.

— Nhất định lần thứ hai sẽ dễ hơn nhiều đối với ông ta, – Scott nói. – Nhất là khi mọi yêu cầu của ông ta được giải quyết trong vòng mấy tiếng đồng hồ sau khi ông ta đòi hỏi. Thậm chí người ta còn chở chín sắc mực đen từ London bằng máy bay Concorde vào buổi sáng kế tiếp.

— Tôi ước mong có thể đặt bà Bertha trên Concorde.

Scott bật cười.

— Xin hãy cho tôi biết thêm về đội hỗ trợ của ông.

— Giỏi nhất mà tôi đã từng có, – Kratz nói. – Tất cả bọn họ đều có kinh nghiệm tiền tuyến trong nhiều cuộc chiến tranh chính thức hoặc không chính thức. Năm người Do Thái và một người Kurd.

Scott nhếch mày.

— Ít người biết được rằng, – Kratz nói tiếp, – Mossad có một ban Ả Rập không lớn về số lượng, nhưng một khi chúng tôi đã huấn luyện họ, chỉ có dân tộc Gurkha^[46] mới giỏi hơn trong khoa giết người. Cuộc thử nghiệm sẽ cho biết anh có thể nhận ra được hay không.

— Bao nhiêu người sẽ cùng qua biên giới với chúng ta?

— Chỉ hai người. Chúng ta không thể làm như có một đội quân. Một kỹ sư và một tài xế. Tối thiểu đó là những gì họ sẽ được mô tả trên bản kê khai, nhưng họ chỉ có một bản mô tả công việc đối với tôi, và đó là đưa anh lọt vào Baghdad rồi quay về với bản Tuyên ngôn trong thời gian ngắn nhất.

Scott nhìn thẳng về phía trước.

— Còn Hannah? – anh hỏi một cách đơn giản.

— Đó sẽ là một món quà, nếu chúng ta gặp may, nhưng không bao gồm trong công việc của tôi. Tôi cho rằng khả năng anh chỉ trông thấy cô ta thôi cũng hết sức xa vời, – ông nói khi họ vượt qua một tấm bảng “Chào mừng đến Stockholm”.

Scott bắt đầu đập cuốn *thánh thư* của Bertha liên tục trên đầu gối.

— Anh hãy cẩn thận với nó, – Kratz nói. – Nó còn cần được dịch ra, nếu không anh sẽ không biết cách khởi sự làm quen với bà Bertha. Xét cho cùng, chỉ có lòng bàn tay và giọng nói của anh mới khiến bà ta mở cửa.

Scott liếc xuống tập sách 108 trang và tự hỏi anh phải mất bao lâu để nắm được các bí quyết của nó, thậm chí sau khi nó đã được dịch ra tiếng Anh.

Kratz đột nhiên quẹo phải không báo trước và lái xe dọc theo một đường phố vắng vẻ chạy song song với một đường xe lửa không còn dùng tới. Scott chỉ có thể trông thấy ở phía trước mặt anh là một đường hầm dường như dẫn tới cõi hư vô. Khi còn cách lối vào khoảng một trăm mét, Kratz kiểm tra kính chiếu hậu để xem thử có ai theo dõi họ hay không. Mãn nguyện vì họ chỉ có một mình, ông bật đèn pha ba lần. Một giây sau, từ phía đằng kia của một cái lỗ đen, ông nhận được đáp ứng tương tự. Ông cho xe chạy chậm lại và lái vào trong đường hầm mà không bật đèn lên. Bây giờ thì Scott chỉ có thể trông thấy một ngọn đèn điện loại xách tay chỉ cho họ nơi cần đến. Kratz theo ánh đèn và ngừng lại phía trước một vật vừa hiện ra là một chiếc xe hơi cũ. Nó đậu ngay ở trong đầu kia của đường hầm.

Ông nhảy ra khỏi xe và Scott nhanh nhẹn theo sau, cố làm quen với thứ ánh sáng lờ mờ. Rồi anh trông thấy ở mỗi bên chiếc xe tải có ba người đàn ông đang đứng. Người gần họ nhất đứng nghiêm và giơ cao tay lên ngang đầu:

— Chào Đại tá, – anh ta nói.

— Hãy cho người của anh ở tư thế nghỉ, Fieldman, và đến gặp giáo sư Bradley, – Kratz nói.

Scott suýt bật cười khi học vị của anh được sử dụng trong đám người này, nhưng không có một nụ cười nào trên gương mặt của sáu quân nhân đang tiến tới trước để gặp anh.

Sau khi bắt tay với từng người một, anh đi vòng quanh chiếc xe tải.

— Ông thực sự tin cái đồng sắt cũ này có thể chở bà Bertha đến Baghdad hay sao? – anh nghi ngờ hỏi Kratz.

— Trung sĩ Cohen.

— Có tôi thưa ông, – một tiếng nói trong bóng tối vang lên.

— Anh là thợ máy đã được huấn luyện. Tại sao anh không báo cáo sơ lược cho giáo sư Bradley biết.

— Vâng, thưa ông.

Một bóng người khác hiện ra trong ánh sáng lờ mờ. Scott không thể trông rõ nét mặt của anh ta, vì anh ta đầy dầu mỡ, nhưng qua giọng nói của anh ta, Scott phỏng đoán anh ta đã trải qua phần lớn cuộc đời ở London.

— Chiếc Heavy Expanded Mobile Tactical Truck này, gọi tắt là HEMTT, được chế tạo ở Wisconsin. Nó có năm số, bốn tới, một lui. Nó có thể được sử dụng trên mọi địa hình trong hầu hết điều kiện thời tiết, ở gần như bất kỳ quốc gia nào. Nó nặng hai mươi tấn và có thể chở đến mười tấn, nhưng trọng lượng đó chất trên xe ông không thể mạo hiểm lái trên năm mươi cây số giờ. Trên tốc độ này nó sẽ không thể ngừng lại được, cho dù nếu nhấn thêm ga có thể lên tới gần hai trăm cây số giờ.

— Cảm ơn anh, Cohen. Một trang bị hữu ích, tôi nghĩ anh sẽ đồng ý. – Kratz vừa nói vừa nhìn trở lại Scott. – Chúng tôi đã muốn có được một chiếc xe như thế này từ mấy năm nay, rồi đột nhiên anh xuất đầu lộ diện và chú Sam đưa ngay cho chúng tôi mẫu đầu tiên này. Tuy nhiên với cái giá gần một triệu đô la tiền đóng thuế, anh phải nghĩ người Mỹ sẽ kén chọn người họ cho mượn.

— Giáo sư có vui lòng ăn trưa với chúng tôi? – người được giới thiệu là Fieldman hỏi.

— Xin đừng nói với tôi chiếc HEMTT cũng biết nấu nướng. – Scott đùa.

— Không, thưa giáo sư, chúng tôi phải nhờ anh bạn người Kurd làm việc đó. Sở trường của Aziz là hamburger và các món chiên của Pháp. Nếu giáo sư chưa bao giờ dùng qua, rất có thể ngon lắm đấy.

Cả tám người ngồi xếp bằng trên mặt đất, dùng mặt trái của bàn cờ làm bàn ăn. Scott không thể nhớ đã từng thưởng thức món hamburger cháy nào ngon hơn. Anh cũng vui mừng vì có dịp trò chuyện với những người sẽ cùng chung công tác. Kratz bắt đầu bàn bạc tỉ mỉ về những kế hoạch đề phòng khi bất trắc mà họ sẽ phải xem xét một khi đã đến biên giới Jordan – Iraq. Chỉ cần mấy phút cũng đủ cho anh nhận thức những con người này chuyên nghiệp như thế nào, hoặc trông thấy nỗi khát khao của họ khi được tham gia vào đội chung kết này. Scott mỗi lúc một thêm tin tưởng rằng mọi việc đang được giao cho những bàn tay xuất sắc, và đội của Kratz không phải được chọn lựa một cách ngẫu nhiên.

Sau chiếc hamburger thứ ba, anh lấy làm tiếc khi vị Đại tá Mossad nhắc nhở anh phải đáp một chuyến bay.

Anh liền đứng lên và cảm ơn người đầu bếp về món ăn đáng nhớ.

— Sẽ gặp giáo sư ở Jordan, – trung sĩ Cohen nói.

— Sẽ gặp Trung sĩ ở Jordan, – Scott nói.

Trong lúc Scott được đưa tới phi trường, anh hỏi Kratz:

— Ông sẽ lựa chọn người chung kết như thế nào?

— Họ sẽ tự quyết định với nhau. Việc đó không liên quan tới tôi. Tôi chỉ là sĩ quan chỉ huy của họ.

— Ông muốn nói gì thế?

— Họ sẽ đánh cờ backgamman trên đường đi Jordan. Hai người thắng sẽ được một chuyến du lịch một ngày đến Baghdad, hoàn toàn miễn phí.

— Còn những người thua?

— Được một tấm bưu thiếp với dòng chữ: “Ước mong anh đã ở đây”.

CHƯƠNG 23

Hannah gom tất cả hồ sơ mà viên Thứ trưởng Ngoại giao sẽ cần tới trong phiên họp với Hội đồng Lãnh đạo Cách mạng.

Bằng cách làm việc nhiều tiếng đồng hồ mà không một người nào khác đã từng làm, và hoàn thành nhiều công việc mà viên Thứ trưởng chưa bao giờ nghĩ có thể làm xong, Hannah đã nhanh chóng trở nên thiết yếu. Bất cứ lúc nào viên Thứ trưởng cần việc gì, việc đó đã có sẵn trên bàn: nàng có thể đoán trước từng việc ông ta cần, và không bao giờ tỏ ý muốn được khen ngợi về điều đó. Mặc dù vậy, nàng rất ít khi rời khỏi văn phòng vào ban ngày hoặc ra khỏi nhà vào ban đêm, và tất nhiên không có vẻ tới gần hơn để tiếp xúc với Saddam. Bà vợ của viên Đại sứ đã dũng cảm cố giúp đỡ về mặt xã hội, và trong một cơ hội, nàng thậm chí đã mời một quân nhân trẻ đến dùng bữa tối. Anh ta khá đẹp trai, Hannah nghĩ, và có vẻ dễ chịu, mặc dù anh ta hầu như không mở miệng suốt buổi tối và đột nhiên ra về không nói một lời nào. Có lẽ nàng không thể che giấu sự thực là nàng không còn quan tâm đến đàn ông nữa.

Hannah đã ngồi trong nhiều phiên họp với từng Bộ trưởng, thậm chí thành viên của Hội đồng Lãnh đạo, kể cả người em trai cùng cha khác mẹ của Saddam – Đại sứ Iraq tại Liên Hiệp Quốc ở Geneva, nhưng nàng vẫn không cảm thấy gần Saddam hơn khi nàng sống trong một ngõ cụt ở Chalk Farm. Nàng dần dần trở nên thoái chí, và bắt đầu lo sợ rằng sự chán nản của nàng sẽ quá rõ đến nỗi ai ai cũng phải trông thấy. Như một liều thuốc giải buồn, nàng hướng mọi sức lực vào việc lập các báo cáo chỉ tiêu liên bộ, và một hệ thống sắp xếp các hồ sơ sẽ khiến cho các quan chức ở Whitehall^[47] phải nổi lòng ganh tỵ. Nhưng một trong nhiều điều Mossad đã truyền đạt cho nàng trong

những ngày huấn luyện gian khổ của nàng là luôn luôn kiên nhẫn và sẵn sàng, bởi vì tới lúc một khe hở sẽ xuất hiện.

Vào lúc sáng sớm ngày thứ Năm, khi hầu hết nhân viên của Bộ Ngoại giao bắt đầu kỳ nghỉ cuối tuần, thì khe hở đầu tiên hiện ra. Hannah đang đánh máy lại biên bản một phiên họp của viên Thứ trưởng vào ngày hôm trước với Trưởng ban Lợi ích mới được bổ nhiệm ở Paris tên là Al Obaydi, thì cú điện thoại được chuyển đến. Muhammed Saeed Al Zahiaf, Bộ trưởng Ngoại giao, muốn nói chuyện với viên Thứ trưởng.

Mặc dù văn phòng của Bộ trưởng Ngoại giao chỉ ở cuối hành lang, từ trước đến giờ Hannah chưa lần nào đến đó. Khi nàng đi theo viên Thứ trưởng vào trong phòng, nàng ngạc nhiên nhận thấy văn phòng hiện đại và chán ngắt như thế nào, chỉ có quang cảnh bao quát trên sông Tigris bù lại.

Vị Bộ trưởng Ngoại giao không thềm ngược lên, nhưng lại vội vã chỉ chỗ cho thuộc cấp ngồi vào một chiếc ghế ở phía đối diện với bàn ông, giải thích rằng Tổng thống đã yêu cầu một bản phúc trình về vấn đề họ đã thảo luận ở Hội đồng Cách mạng buổi tối hôm trước. Ông tiếp tục giải thích rằng cô thư ký riêng của ông đã về nhà nghỉ cuối tuần, vì thế cô Saib sẽ phải ghi lại biên bản phiên họp của họ.

Hannah không thể tin được cuộc thảo luận tiếp theo. Nếu nàng không nhận thức đang lắng nghe hai vị Bộ trưởng là các thành viên trung kiên của Hội đồng Lãnh đạo Cách mạng, chắc nàng đã bỏ qua câu chuyện của họ như một lời tuyên truyền độc đáo. Người em trai cùng cha khác mẹ của Tổng thống rõ ràng đã thành công trong việc lấy trộm bản Tuyên ngôn Độc lập của Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia ở Washington, và tài liệu này giờ đây được đóng đinh vào một bức tường phòng họp của Hội đồng.

Cuộc thảo luận tập trung vào cách cái tin chiến thắng này phải được loan báo cho tất cả thế giới kinh ngạc, và ngày tháng đã được lựa chọn để bảo đảm vụ tường thuật lớn lao nhất trong hệ thống truyền thông đại chúng. Nhiều chi tiết cũng được thảo luận như tại quảng trường nào trong thủ đô. Tổng thống

sẽ đọc bài diễn văn trước khi ông công khai thiêu huỷ bản tài liệu, và Peter Arnett hoặc Bernard Shaw của đài *CNN* sẽ được phép đặc biệt tiếp cận để quay phim cảnh Tổng thống đứng bên cạnh tấm giấy da trước khi buổi lễ thiêu huỷ được tiến hành.

Sau hai tiếng đồng hồ phiên họp chấm dứt và Hannah cùng viên Thứ trưởng trở về văn phòng của ông ta. Không để mắt tới nàng, ông ra lệnh nàng chép lại hàng loạt các vấn đề đã được quyết định trong buổi sáng hôm ấy.

Hannah dành phần còn lại của buổi sáng để soạn một bản nháp đầu tiên mà viên Thứ trưởng đọc kỹ lại ngay tức khắc. Sau khi sửa đổi một vài chỗ, ông ta bảo nàng soạn một bản sau cùng để chuyển cho vị Bộ trưởng Ngoại giao với một lời đề nghị rằng nếu ông đồng ý thì sẽ gửi lên Tổng thống.

Trong lúc nàng thả bộ về nhà qua các đường phố của Baghdad buổi tối hôm ấy, Hannah cảm thấy không nơi nương tựa. Nàng tự hỏi có thể làm được gì để báo trước cho người Mỹ. Nhất định họ đang dự kiến một số biện pháp đối phó để cố gắng giành lại bản Tuyên ngôn, hoặc tối thiểu sẽ chuẩn bị một dạng trả đũa nào đó một khi họ biết rõ ngày đã được lựa chọn cho việc thiêu huỷ công khai. Nhưng họ đã biết nơi sẽ xảy ra việc đó hay chưa? Phải chăng Kratz đã được thông báo? Phải chăng Mossad đã được yêu cầu tham dự để cố vấn cho người Mỹ về chiến dịch mà bản thân họ đã sắp đặt kế hoạch suốt năm vừa qua? Giờ đây họ có tìm cách tiếp xúc với nàng hay không? Simon sẽ trông đợi nàng làm gì?

Nàng dừng lại ở một quầy thuốc lá và mua ba tấm bưu thiếp có hình Saddam Hussein đang đọc diễn văn tại Hội đồng Lãnh đạo Cách mạng.

Sau đó trong sự an toàn của phòng ngủ, nàng viết cùng một bức thông điệp cho Elthel Rubin. David Kratz và Giáo sư khoa Ả Rập ở trường Đại học London. Nàng hy vọng một trong ba người sẽ tìm hiểu được ý nghĩa của ngày tháng ở góc phải trên cùng và ô vuông bút bi đầy những ngôi sao mà nàng đã vẽ trên bức tường bên cạnh đầu của Saddam.

— Chuyển bay đi Stockholm dự kiến cất cánh vào lúc nào? – Al Obaydi hỏi.

— Chắc không còn bao lâu, – cô gái phía sau quầy SAS ở phi trường Charles de Gaulle nói. – Tôi e máy bay chỉ mới đáp xuống, vì thế tôi khó biết chính xác hơn.

Một cơ hội khác để quay lại, Al Obaydi nghĩ. Nhưng tiếp theo cuộc gặp gỡ của ông ta với Chỉ huy trưởng An ninh Quốc gia vào buổi sáng hôm sau, và với vị Thứ trưởng Ngoại giao, ông ta cảm thấy tin tưởng rằng cả hai đều xem lời ông ta nói với họ không hơn chuyện bình thường. Trong cuộc nói chuyện, Al Obaydi đã cho họ hiểu rằng ông ta đến kỳ nghỉ phép trước khi nhận chức vụ mới ở Paris.

Sau khi lấy hành lý ở thang cuốn, ông ta ký gửi tất cả các vali lớn vào một kho chứa, chỉ giữ lại cái cặp dày cộm. Đoạn ông ta ngồi một chỗ trong góc của phòng đợi và suy nghĩ về những hành động của mình trong mấy ngày vừa qua.

Viên Chỉ huy trưởng An ninh Quốc gia đã không đề nghị gì nhiều. Sự thật – không phải là điều ông ta sắp phải nhìn nhận – chính là ông ta đã có khá nhiều vấn đề khó khăn trong nước nên không cần phải lo lắng về những việc sẽ xảy đến ở nước ngoài. Ông ta đã cung cấp cho Al Obaydi một cuốn sách chỉ dẫn lạc hậu về những cách phòng ngừa mà mọi công dân Iraq sẽ cần tới khi đến châu Âu, kể cả việc không đi mua sắm ở Marks và Spencers, hoặc không giao tiếp với người ngoại quốc, và một tập ảnh lạc hậu của các nhân viên Mossad và CIA hoạt động ở châu Âu. Sau khi xem kỹ các bức ảnh, Al Obaydi đã không ngạc nhiên nhận thấy hầu hết bọn họ đã nghỉ hưu từ lâu, và một số thậm chí đã qua đời một cách yên lành trên giường.

Ngày hôm sau, viên Thứ trưởng Ngoại giao khá lịch sự nhưng không thân

thiện. Ông đã cho Al Obaydi một số tin tức hữu ích về cách ứng xử ở Paris, kể cả Toà Đại sứ nào sẽ vui lòng quan hệ với ông ta bất kể vị thế chính thức của họ, và Toà Đại sứ nào không chịu. Khi nói đến chính Toà Đại sứ Jordan và bộ phận của Iraq, ông tóm tắt cho Al Obaydi biết về số nhân viên thường trú. Ông đã bỏ cô Muna ở đó để đảm bảo một sự liên lạc. Ông mô tả cô ta là có thiện ý và chu đáo, người đầu bếp là kinh khủng nhưng tốt bụng, còn anh tài xế thì đần độn nhưng dũng cảm. Vấn đề duy nhất cần phải cảnh giác là luôn luôn đề phòng Abdu Kanuk, viên Trưởng phòng Hành chính, một chức danh tuyệt vời không diễn tả vị trí thực sự của anh ta, năng lực duy nhất của anh ta chính là anh ta là một người em họ xa của Tổng thống. Viên Thứ trưởng Ngoại giao cẩn thận không bày tỏ một ý kiến cá nhân nào, nhưng đôi mắt của ông đã nói với Al Obaydi mọi điều ông ta cần biết. Khi ông ta từ giã, thư ký của viên Thứ trưởng, cô Saib, đã đưa cho ông ta một tập hồ sơ khác. Tập hồ sơ này hoá ra đầy những thông tin hữu ích về cách sống ở Paris mà không cần phải có nhiều bạn bè. Những nơi ông ta sẽ được đón tiếp nồng hậu và những nơi khác nên tránh xa. Có lẽ cô Saib phải đưa Thụy Điển vào danh sách những nơi cần tránh.

Al Obaydi cảm thấy hơi lo lắng về chuyến đi, trong lúc ông ta không hề có ý định ở lại Thụy Điển lâu hơn vài ba tiếng đồng hồ. Ông ta đã liên lạc với viên kỹ sư trưởng của Svenhalte AC, người này đã bảo đảm không hề nhắc nhở tới cú điện thoại trước đó của ông ta với ông Riffat khi ông này trở lại vào buổi chiều hôm ấy. Ông ta cũng có thể xác nhận rằng bà Bertha, như ông ta vẫn gọi chiếc tủ sắt, chắc chắn đang trên đường tới Baghdad.

“Các hành khách đi Stockholm...”

Al Obaydi đi xuyên qua phòng đợi tới cửa ra, và sau khi thẻ lên máy bay được kiểm tra, ông ta ngồi vào một ghế cạnh cửa sổ loại rẻ tiền nhất. Phần hành trình này sẽ không được xem xét để hoàn lại chi phí.

Trên chuyến bay ngang qua miền Bắc châu Âu, tâm trí của Al Obaydi liên miên từ công việc ở Baghdad trở lại kỳ nghỉ cuối tuần mà ông ta đã trải qua

với mẹ và em gái. Chính họ đã giúp ông ta đưa ra quyết định cuối cùng. Mẹ ông ta đã không thích thú với việc rời bỏ ngôi nhà nhỏ nhưng tiện nghi của họ ở vùng ngoại ô ở Baghdad, và càng không muốn di chuyển qua Paris. Do đó giờ đây Al Obaydi chấp nhận rằng ông ta không bao giờ có thể hy vọng đào tẩu; tương lai duy nhất của ông ta đặt vào việc cố gắng tạo nên một vị trí quyền lực vững chắc trong phạm vi Bộ Ngoại giao. Giờ đây, ông ta luôn tin rằng ông ta có thể thực hiện một công việc cho Tổng thống sẽ giúp ông ta trở nên thiết yếu trong con mắt của Saddam; thậm chí điều đó có thể tạo cơ hội cho ông ta trở thành Bộ trưởng Ngoại giao kế tiếp. Xét cho cùng, viên Thứ trưởng sắp tới tuổi hưu trong vài năm nữa, và việc đề bạt đột ngột không bao giờ làm cho bất cứ ai ngạc nhiên ở Baghdad.

Khi phi cơ hạ cánh ở Stockholm, Al Obaydi xuống máy bay, sử dụng đường ngoại giao để lẩn tránh nhanh. Cuộc hành trình bằng taxi đến Kalmar mất hơn ba tiếng đồng hồ, và viên Đại sứ mới được bổ nhiệm dùng phần lớn thời giờ nhìn băng quơ ra khung cửa sổ lấm lem, suy ngẫm cảnh tượng xa lạ với những đồi cỏ xanh và những nền trời xám. Cuối cùng khi taxi ngừng lại bên ngoài cổng nhà máy Svenhalte AC, Al Obaydi trông thấy một người đàn ông mặc một chiếc áo khoác dài màu nâu dường như đã đứng đó từ lâu lắm rồi.

— Rất vui mừng được gặp ông, ông Al Obaydi, – viên kỹ sư trưởng nói bằng tiếng Anh hết sức thoải mái. – Tên tôi là Pedersson. Xin mời ông vào văn phòng của tôi.

Sau khi Pedersson gọi cà phê – được thưởng thức lại cà phê sữa Ý thật là thú vị, Al Obaydi nghĩ – câu hỏi đầu tiên của ông ta chứng tỏ ông ta lo lắng như thế nào.

— Tôi hy vọng chúng ta không làm gì sai chứ?

— Không, không, – Al Obaydi nói, trong lúc ông ta tự cảm thấy dễ chịu vì những lời nói dồn dập và có vẻ lo lắng rõ rệt của viên kỹ sư trưởng. – Tôi cam đoan với ông đây chỉ là một sự kiểm tra thông thường.

— Ông Riffat đã có đủ mọi tài liệu phù hợp, từ cả hai phía Liên Hợp Quốc và Chính phủ của ông.

Al Obaydi mỗi lúc một nhận thức một cách sâu sắc rằng mình đang đối phó với một nhóm chuyên nghiệp đã được huấn luyện cao cấp.

— Ông nói họ đã rời khỏi đây vào chiều thứ Tư? – Al Obaydi hỏi, cố làm ra vẻ bình thường.

— Vâng, đúng thế.

— Ông nghĩ họ sẽ mất bao lâu mới đến được Baghdad?

— Tối thiểu một tuần, có lẽ mười ngày với chiếc xe cũ rích đó, nếu họ đến được.

Al Obaydi có vẻ bối rối.

— Một chiếc xe cũ?

— Phải, họ đón lấy bà Bertha với một chiếc xe tải cũ. Mặc dù tôi phải thú nhận, máy nổ rất êm. Tôi đã chụp mấy tấm ảnh làm kỷ niệm. Ông có muốn xem qua không?

— Ảnh chiếc xe à? – Al Obaydi hỏi lại.

— Phải, chụp từ cửa sổ của tôi, với ông Riffat đứng bên cạnh. Họ đã không để ý thấy.

Pedersson liền mở ngăn kéo bàn làm việc của ông ta và lấy ra mấy bức hình. Ông ta đẩy tất cả qua mặt bàn với cái vẻ tự hào của một người cho một kẻ không quen biết xem ảnh của gia đình mình.

Al Obaydi xem xét các tấm ảnh một cách cẩn thận. Mấy tấm chụp cảnh bà Bertha được hạ xuống trên chiếc xe tải cũ.

— Có vấn đề gì không? – Pedersson hỏi.

— Không, không, – Al Obaydi nói, rồi tiếp. – Các bức ảnh ấy có được in

thêm tấm nào không?

— Có chứ, xin ông cứ giữ lấy, tôi có nhiều tấm, – viên kỹ sư trưởng vừa nói vừa chỉ ngón kéo mở.

Al Obaydi liền lấy chiếc cặp, mở ra và bỏ các tấm ảnh vào một ngăn phụ ở phía trước, trước khi lấy ra mấy tấm ảnh của chính ông ta.

— Trong lúc tôi ở đây, có lẽ ông có thể giúp tôi một vấn đề nhỏ nữa.

— Bất cứ việc gì, – Pedersson nói.

— Tôi có mấy tấm ảnh của một số cựu viên chức Chính phủ, xin ông xem thử có nhớ ai trong bọn họ ở trong số người đã đến đây lấy Bà Bertha.

Một lần nữa, Pedersson có vẻ phân vân, nhưng ông ta vẫn lấy những tấm ảnh và xem xét đầy đủ từng tấm một. Ông ta liên tục nói “không, không, không” nhiều lần, cho tới khi cầm lấy một tấm mà ông ta xem kỹ hơn. Al Obaydi nghiêng mình về phía trước.

— Phải rồi, – cuối cùng Pedersson bảo. – Mặc dù tấm ảnh này chắc đã chụp mấy năm trước. Đây là ông Riffat. Ông ta vẫn không mập thêm chút nào, nhưng trông già hơn và tóc đã hoa râm. Một con người rất kỹ lưỡng. – Ông Pedersson nói thêm.

— Phải, – Al Obaydi nói. – Ông Riffat là một con người rất kỹ lưỡng, – Ông ta nhắc lại trong lúc xem các chi tiết bằng chữ Ả Rập ghi trên mặt sau của tấm ảnh “Chính phủ của tôi hết sức an tâm khi biết rằng ông Riffat phụ trách công việc đặc biệt này”.

Pedersson mỉm cười lần đầu tiên trong lúc Al Obaydi nốc cạn giọt cà phê cuối cùng.

— Ông đã giúp chúng tôi rất nhiều, – viên Đại sứ nói, rồi đứng lên nói tiếp. – Tôi cảm thấy chắc chắn Chính phủ của tôi sẽ lại cần tới sự giúp đỡ của ông trong tương lai, nhưng tôi sẽ rất biết ơn nếu ông không đề cập đến cuộc gặp gỡ này với bất cứ một ai.

— Tôi sẽ giữ đúng theo ý muốn của ông, – Pedersson nói trong lúc họ đi trở xuống sân.

Nụ cười vẫn còn lại trên mặt ông ta trong lúc ông ta quan sát chiếc taxi chạy ra khỏi cổng nhà máy, mang theo người khách hàng sang trọng của mình.

Nhưng tư tưởng của Pedersson không phù hợp với sắc mặt của ông ta.

— Tất cả không ổn, – ông ta lẩm bẩm với mình. – Mình không tin ông ta cảm thấy bà Bertha đang ở trong tình trạng an toàn, và mình chắc chắn ông ta không phải là bạn của ông Riffat.

Scott ngạc nhiên nhận thấy anh có cảm tình với Dollar Bill ngay từ lúc gặp ông ta. Do đó khi đã trông thấy một mẫu công trình của ông ta, anh không hề ngạc nhiên về mình còn kính trọng ông ta nữa.

Scott đến San Francisco mười bảy tiếng đồng hồ sau khi anh rời khỏi Stockholm. CIA có sẵn một chiếc xe hơi chờ anh ở phi trường. Anh được nhanh chóng đưa vào quận Marin và xuống xe bên ngoài ngôi nhà bí mật trong vòng một giờ.

Sau khi tranh thủ ngủ một giấc, Scott thức dậy để ăn trưa, hy vọng gặp Dollar Bill ngay lập tức, nhưng anh thất vọng vì không ai trông thấy ông ta ở đâu cả.

— Ông O'Reilly dùng điếm tâm lúc bảy giờ và không xuất hiện lại trước bữa ăn tối, thưa ông. – Viên quản gia giải thích.

— Và ông ta lấy gì để bồi dưỡng trong khoảng thời gian đó? – Scott hỏi.

— Lúc mười hai giờ tôi mang đến cho ông ấy một thanh sôcôla và một

phần ba lít nước, và lúc sáu giờ một phần ba lít Guinness.

Sau bữa ăn trưa, Scott đọc một bản tin tức mới nhất về những gì đã xảy ra tại Bộ Ngoại giao trong thời gian anh vắng mặt, rồi dùng phần còn lại của buổi chiều trong phòng tập thể dục ở tầng hầm. Anh loạng choạng ra khỏi phòng tập vào khoảng năm giờ, khắp người đau như dần vì tập quá nhiều lại thêm một hai vết bầm tím do huấn luyện viên nhu đạo.

— Không tồi đối với tuổi ba mươi sáu, – vị huấn luyện viên hạ cổ nói với anh mặc dù ông ta có vẻ còn trẻ hơn một chút.

Scott ngồi trong một bồn nước ấm cố làm dịu cơn đau nhức trong lúc anh lật từng trang trong cuốn *thánh thư* của bà Bertha. Tập tài liệu đã được dịch ra bởi sáu sinh viên tiếng Ả Rập của sáu trường đại học trong vòng tám mươi cây số cách nơi anh đang xét xà phòng. Mỗi người chỉ được đưa hai chương không kế tiếp nhau. Dexter Hutchins đã không nhận rồi kể từ lúc ông trở về.

Khi Scott xuống ăn tối, vẫn còn cảm thấy khó xoay chuyển, anh nhận thấy Dollar Bill đang đứng quay lưng về phía lò sưởi trong phòng khách, nhắm nháp một ly nước.

— Ông muốn uống gì, giáo sư? – Viên quản gia hỏi.

— Một cốc nước chanh pha rất ít bia. – Scott trả lời trước khi tự giới thiệu với Dollar Bill.

— Giáo sư ở đây hoàn toàn tự nguyện hay chỉ vì bị bắt do lái xe trong lúc say rượu?

Đó là câu hỏi đầu tiên của Dollar Bill. Rõ ràng ông ta đã quyết định cho Scott một thời gian gặt gao không khác huấn luyện viên nhu đạo.

— Tự nguyện, tôi e như thế, – Scott đáp lại với một nụ cười.

— Từ một câu trả lời như thế, – Dollar Bill nói, – tôi chỉ có thể suy ra ông giảng dạy một môn tế nhạt hoặc không có ích cho người sống.

— Tôi giảng Luật Hiến pháp, – Scott đáp lại, – nhưng tôi chuyên về Luận lý học.

— Thế là ông thành đạt trong cả hai lĩnh vực cùng một lúc, – Dollar nói trong lúc Dexter Hutchins bước vào phòng.

— Cho tôi một ly gin pha tonic, Charles, – Dexter nói trong lúc ông ta bắt tay Scott một cách nồng nhiệt. – Tôi lấy làm tiếc đã không theo kịp anh sớm hơn, nhưng các anh chàng ở Bộ Ngoại giao đã không chịu buông máy điện thoại suốt cả buổi chiều.

— Có nhiều lý do để cảnh giác những ông bạn thuộc hạ của ông, – Dollar Bill bày tỏ ý kiến, – và bằng cách gọi một ly gin pha tonic, ông Hutchins chỉ biểu hiện hai người trong số đó.

Một lát sau Charles trở lại với một ly nước chanh pha bia và một ly gin pha tonic trên một khay bạc và đưa mời Scott và vị Phó giám đốc.

— Trong những ngày tôi ở trường đại học, không có môn Luận lý học. – Dollar Bill nói sau khi Dexter Hutchins đã đề nghị họ qua phòng ăn để dùng bữa tối. – Trường Cao đẳng Trinity ở Dublin không quan tâm đến môn học đó.

— Tôi không thể nghĩ ra một lần nào trong lịch sử Ireland có một đồng bào nào của tôi đã từng dựa vào Luận lý học.

— Đó là những gì ông đã học được hay sao? – Scott hỏi.

— Khá nhiều về Fleming, một ít về Joyce, với một đôi lúc nhiệt tình với Plato và Aristote^[48], nhưng tôi e không đủ để lôi cuốn sự chú ý của bất kỳ một thành viên nào trong ban giám khảo.

— Còn bản Tuyên ngôn tiến triển như thế nào? – Dexter hỏi, tựa hồ không theo dõi cuộc nói chuyện.

— Ông Hutchins của chúng ta là một con người luôn đòi hỏi đạo lý trong công việc, giáo sư thấy đó, – Dollar Bill nói trong lúc một bát súp được đặt

trước mặt ông ta. – Tôi xin lưu ý ông, ông ấy là một người dựa vào lý luận để giúp ông ấy qua cơn khó khăn. Tuy nhiên, bởi vì trên đời không có chuyện một bữa ăn miễn phí, tôi sẽ cố gắng trả lời câu hỏi người quản ngục của tôi. Hôm nay, tôi đã hoàn tất bản văn như vị phụ tá Bí thư Quốc hội Timothy Matlock đã viết ban đầu. Ông biết hồi ấy ông ta đã mất mười bảy tiếng đồng hồ. Tôi sợ phải lâu hơn một chút.

— Và ông nghĩ ông sẽ mất bao lâu mới xong phần tên? – Dexter thúc ép.

— Ông còn tệ hơn cả Đức Giáo hoàng Julius II, cứ dai dẳng hỏi Michelangelo^[49] bao lâu mới xong trần của Nhà nguyện Sistine^[50], – Dollar Bill nói trong lúc viên quản gia lấy các bát súp đi.

— Phần tên, – Dexter đòi hỏi. – Phần tên.

— Ồ, con người nôn nóng và thiếu tế nhị.

— Shaw.^[51] – Scott nói.

— Cứ mỗi phút tôi lại quý mến ông thêm, – Dollar Bill nói.

— Phần tên, – Dexter nhắc lại trong lúc Charles đặt một món hầm Ireland lên bàn và Dollar Bill lập tức tự phục vụ cho mình.

— Bây giờ tôi mới biết tại sao ông là Phó giám đốc, – Dollar Bill nói. – Phải chăng ông không biết có tới năm mươi sáu tên trên bản tài liệu gốc, mỗi một cái tên là cả một công trình nghệ thuật? Hãy để tôi chứng minh cho ông thấy, nếu tôi có thể. Xin cho tôi giấy, Charles. Tôi cần giấy!

Viên quản gia liền lấy một tập giấy để bên máy điện thoại và đặt bên cạnh O'Reilly. Dollar Bill lấy một cây bút từ túi trong của ông ta và bắt đầu hí hoáy viết: “*Ông O'Reilly có thể sử dụng không hạn chế chiếc trực thăng của đoàn bất cứ khi nào ông muốn.*” Rồi đưa cho Dexter xem.

— Điều đó chứng minh được gì? – Dexter hỏi.

— Xin hãy kiên nhẫn, ông Hutchins, xin hãy kiên nhẫn, – Dollar Bill nói

trong lúc ông ta lấy hai tờ giấy và thoạt tiên ký tên của Dexter Hutchins, rồi đặt bút viết: “*Scott Bradley*”.

Một lần nữa, ông ta cho họ xem công sức của mình.

— Nhưng làm sao...? – Scott hỏi.

— Trong trường hợp của ông giáo sư thì dễ thôi. Tôi cần xem sổ tên khách.

— Nhưng tôi đâu có ký vào sổ. – Dexter nói.

— Tôi thú thực việc ông làm thật là kỳ lạ khi ông là Phó giám đốc, – Dollar Bill nói. – Nhưng, ở vào cảnh ngộ của ông sẽ không có gì làm cho tôi ngạc nhiên cả. Tuy nhiên, ông Hutchins, ông có thói quen ký tên vung vít và đề ngày vào bìa trong của bất cứ cuốn sách nào ông đã mua trong thời gian gần đây. Tôi tin chắc trong trường hợp những bản in lần thứ nhất đó sẽ là thứ mật thiết nhất ông gửi cho thế hệ mai sau.

Ông ta dừng lại một lát rồi nói tiếp:

— Thôi, nói đùa vô tích sự như thế là đủ lắm rồi. Cả hai ông có thể đích thân xem công việc tôi đang phải đương đầu!

Không hề báo trước, Dollar Bill chột xếp khăn ăn lại, đứng lên khỏi bàn bỏ dở món hầm của ông ta, và bước ra khỏi phòng. Hai người cùng bàn với ông ta nhồm dậy và nhanh nhẹn đi theo ông ta qua cánh cửa không nói một tiếng nào khác. Sau khi họ leo lên một cầu thang nhỏ bằng đá họ vào trong phòng làm việc tạm của Dollar Bill.

Trên một bàn vẽ của kiến trúc sư phía dưới một ngọn đèn sáng là tấm giấy da. Cả hai người bước qua phòng, nhìn lên mặt bàn vẽ và xem xét kỹ văn bản đã được viết xong. Nó đã được khắc phía trên một khoảng trống lớn được bao phủ với nhiều gạch chéo nhỏ bằng bút chì sẵn sàng chờ đợi năm mươi sáu chữ ký.

Scott trở mắt nhìn công trình với vẻ khâm phục.

— Nhưng tại sao ông không...

— Làm một công việc đúng đắn? – Dollar Bill nói, biết trước câu hỏi. – Và kết cuộc làm một thầy giáo ở Wexford, hoặc có lẽ đã trèo lên các độ cao đến chóng mặt để trở thành một uỷ viên hội đồng ở Dublin? Không, thưa ông, thà tôi làm một phần việc kỳ cục trong nhà tù còn hơn bị các bạn bè của tôi xem là kẻ tầm thường.

— Còn bao nhiêu ngày nữa anh phải rời khỏi chúng tôi, anh bạn trẻ? – Dexter Hutchins hỏi Scott.

— Kratz vừa điện thoại hồi chiều, – Scott vừa đáp vừa quay sang nhìn vị Phó giám đốc. – Ông ta nói họ đã đáp kịp chuyến phà Trelleborg–Sassnitz đêm hôm qua. Giờ đây họ đang đi về phía Nam, hy vọng băng qua eo biển Bosphorus vào sáng thứ Hai.

— Điều đó có nghĩa là họ sẽ đến biên giới Iraq vào thứ Tư tuần tới.

— Thời gian lý tưởng trong năm để đáp tàu qua Bosphorus, – Dollar Bill nói. – Đặc biệt nếu ông hy vọng gặp một cô gái khá xuất sắc khi ông đến phà bên kia.

Nhìn lên Scot, ông ta nói tiếp:

— Vậy là tốt hơn tôi nên hoàn tất bản Tuyên ngôn vào ngày thứ Hai, phải không giáo sư?

— Chậm nhất, – Hutchins nói, trong lúc Scott chăm chú nhìn người đàn ông Ireland nhỏ bé.

CHƯƠNG 24

Khi Al Obaydi về đến Paris, ông ta lấy hành lý khỏi kho chứa hai mươi bốn giờ, rồi sắp hàng đón taxi. Ông ta đưa cho tài xế một địa chỉ mà không nói đó là nhà phụ của Iraq ở Toà Đại sứ Jordan – một mẹo vặt trong “những điều nên làm và không nên làm” của cô Saib ở Paris. Ông ta đã không báo trước cho nhân viên Toà Đại sứ biết ông ta sẽ đến ngày hôm nay. Ông ta không được phép hẹn gặp ai trong hai tuần sắp tới và có thể tiếp tục đi thẳng đến Jordan tối hôm nay nếu có một chuyến bay chuyển tiếp. Ngay khi ông ta đã nhận ra ông Riffat là ai, ông ta biết mình phải trở về Baghdad càng nhanh càng tốt. Bằng cách báo cáo thẳng với Bộ trưởng Ngoại giao, ông ta sẽ thông qua đúng nguồn. Việc này sẽ bảo vệ vị thế của ông ta, trong lúc đồng thời đảm bảo cho Tổng thống biết một cách chính xác ai có trách nhiệm về việc báo động một mưu đồ ám hại tính mạng ông, và vị Đại sứ nào – tuy có quan hệ mật thiết – đã không cố gắng hết sức.

Chiếc taxi bỏ Al Obaydi xuống ở bên ngoài nhà phụ của Toà Đại sứ ở Neuilly. Ông ta lôi vali ra khỏi phía sau mà không cần giúp đỡ nào của viên tài xế vẫn cứ ngồi ở tay lái. Cửa trước của Toà Đại sứ hé ra vài ba phân rồi mở rộng, và một người đàn ông khoảng bốn mươi tuổi chạy xuống các bậc thềm về phía ông ta, theo sau là hai cô gái và một thanh niên.

— Thưa ngài, thưa ngài, – người đàn ông thốt lên. – Tôi rất lấy làm tiếc, ngài phải tha thứ cho tôi, chúng tôi không hề hay biết ngài sẽ đến.

Gã thanh niên vồ lấy hai chiếc vali lớn và hai cô gái lấy ba món hành lý còn lại.

Al Obaydi không ngạc nhiên khi biết rằng người đàn ông chạy xuống thềm chính là Abdul Kanuk.

— Chúng tôi đã nghe nói ngài sẽ đến trong thời gian hai tuần. Chúng tôi tưởng ngài vẫn còn ở Baghdad. Tôi hy vọng ngài sẽ không cho là chúng tôi đã thất lễ.

Al Obaydi không hề tìm cách ngăn chặn những lời nói nịnh bợ cứ tuôn ra không ngớt, nghĩ rằng rốt cuộc anh ta cũng sẽ cạn nguồn. Dù sao đi nữa, Kanuk không phải là một con người dễ làm phật lòng ngay đầu tiên ông ta đến đây.

— Ngài có muốn đi dạo một vòng quanh đây trong khi chúng tôi dọn dẹp phòng riêng cho ngài?

Bởi vì có nhiều câu hỏi mà Al Obaydi cảm thấy chỉ có người đàn ông này mới trả lời được, ông ta liền lợi dụng ngay lời đề nghị đó. Chẳng những ông ta được viên Trưởng phòng Hành chính dẫn đi, mà ông ta còn phải nghe một chuỗi câu chuyện tầm phào bất tận. Chỉ mấy phút sau, ông ta không còn nghe nữa, vì trong tâm trí đầy ắp những điều quan trọng hơn rất nhiều. Chẳng bao lâu ông ta ước mong được dẫn đến phòng riêng và ở lại đó một mình để có thời giờ suy nghĩ. Chuyến bay đầu tiên đi Jordan mãi tới sáng hôm sau mới có, và ông ta cần chuẩn bị trong đầu ông ta sẽ trình bày điều khám phá của mình như thế nào với vị Bộ trưởng Ngoại giao.

Chính trong lúc ông ta được dẫn đi xem qua nơi chẳng bao lâu nữa sẽ là văn phòng của ông ta trông xuống một thành phố Paris đang chuyển từ ánh sáng lờ mờ của hoàng hôn sang ánh đèn nhân tạo của đêm tối, viên Trưởng phòng Hành chính đã nói một điều gì đó mà Al Obaydi không nghe rõ. Ông ta cảm thấy mình cần phải chú ý cẩn thận hơn.

— Tôi lấy làm tiếc phải cho ngài hay cô thư ký của ngài hiện đang nghỉ phép. Như tất cả chúng tôi, cô Ahmed tưởng ngài chỉ đến đây sau hai tuần. Tôi biết cô ta đã dự định trở về Paris trước ngài một tuần để cho sẵn sàng mọi việc lúc ngài đến.

— Không thành vấn đề, – Al Obaydi nói.

— Tất nhiên, ngài sẽ biết cô Saib, thư ký của ông Thứ trưởng Ngoại giao?

— Tôi đã gặp cô Saib khi tôi ở Baghdad. – Al Obaydi đáp.

Viên Trưởng phòng Hành chính gật đầu và có vẻ do dự trong một lúc.

— Tôi nghĩ tôi cần nghỉ ngơi một lát trước khi ăn tối. – Viên Đại sứ nói, lợi dụng lúc anh ta tạm ngừng trong một chuỗi câu chuyện thao thao khác.

— Tôi sẽ cho đem một món nào đó lên phòng ngài. Tám giờ có được không ạ?

— Cảm ơn anh, – Al Obaydi nói, chủ tâm chấm dứt cuộc trò chuyện.

— Tôi sẽ để hộ chiếu và vé máy bay của ngài trong tủ sắt như tôi vẫn làm đối với vị Đại sứ trước?

— Hay lắm, – Al Obaydi nói, khoan khoái vì cuối cùng đã tìm được một cách để tống khứ viên Trưởng phòng Hành chính.

Scott đặt máy điện thoại xuống và quay sang nhìn thẳng vào Dexter Hutchins đang ngửa người trong chiếc ghế da lớn ở bàn ông, hai bàn tay siết chặt phía sau đầu với một vẻ nghi ngờ trên mặt.

— Thế là họ ở đâu? – Dexter hỏi.

— Kratz không chịu cho tôi biết địa điểm chính xác vì những ý do hiển nhiên, nhưng theo tốc độ tiến triển hiện nay của ông ta, ông ta tin chắc họ sẽ đến biên giới Jordan trong vòng ba ngày tới.

— Thế thì chúng ta hãy cầu nguyện cho Bộ Công nghiệp Iraq kém hiệu quả như các chuyên gia của chúng ta cứ liên tục thuật lại cho chúng ta. Nếu vậy, lợi thế sẽ về phía chúng ta tối thiểu trong mấy ngày. Xét cho cùng,

chúng ta đã hành động ngay lúc biện pháp chế tài được bãi bỏ, và cho tới lúc anh ta xuất đầu lộ diện ở Kalmar, Pedersson đã không hề nghe thấy bất cứ một ai xuất hiện trong hai năm vừa qua.

— Tôi nhìn nhận. Nhưng tôi lo ngại rằng Pedersson có thể là mắt xích yếu duy nhất trong chuỗi mắt xích của Kratz.

— Nếu anh định liệu như thế thì không một kế hoạch nào có thể hoàn toàn chặt chẽ.

Scott gật đầu.

— Và nếu Kratz đã đến được biên giới ít hơn ba ngày, anh sẽ phải đáp một chuyến bay đi Amman vào đêm thứ hai, giả sử rằng ông O'Reilly lúc đó đã hoàn tất các chữ ký.

— Tôi không nghĩ đó là một vấn đề nữa, – Scott nói.

— Tại sao? Ông ta vẫn còn nhiều chữ ký cần phải sao chép khi tôi xem tấm giấy da lần cuối.

— Không thể nhiều như thế, – Scott nói, – bởi vì ông Mendelssohn đã bay đến Washington sáng hôm nay để cho biết nhận xét, và đó dường như là điều duy nhất mà Bill quan tâm.

— Thế thì chúng ta hãy tận mắt xem sao, – Dexter nói trong lúc ông xoay người đứng lên khỏi ghế.

Trong lúc họ rời văn phòng và đi dọc theo hành lang, Dexter hỏi:

— Còn cuốn *thánh thư* của Bertha thì sao? Tôi đã lật qua mấy trang phần mở đầu sáng hôm nay nhưng không thể hiểu được tại sao các bóng đèn chuyển từ đỏ sang xanh.

— Chỉ có một người quen biết bà Bertha thân thiết hơn tôi và lúc này người đó đang chết lần chết mòn ở Scandivania, – Scott nói trong lúc họ trên lên các nấc thang bằng đá tới phòng riêng của Dollar Bill.

— Tôi cũng nghe Charles đã dành riêng một cái quần đặc biệt cho anh, – Dexter nói.

— Và cái quần hết sức vừa vặn, – Scott đáp lại với một nụ cười.

Khi họ tới nấc thang trên cùng, Dexter định xô cửa, thì Scott đặt tay lên vai ông.

— Có lẽ chúng ta nên gõ cửa. Rất có thể ông ta..

— Sau đó chắc là anh sẽ muốn tôi gọi ông ta là ngài?

Scott nhe răng cười trong lúc Dexter gõ nhẹ, và khi không có ai trả lời, khẽ đẩy cửa mở ra. Ông rón rén bước vào và trông thấy Mendelssohn đang khom người trên tấm giấy da, với chiếc kính lúp trên tay.

— Benjamin Franklin, John Morton và George Clymer, – viên chuyên gia lẩm bẩm.

— Tôi đã gặp nhiều rắc rối với Clymer, – Dollar Bill vừa nói vừa nhìn qua cửa sổ về phía bãi đậu xe. – Nét chữ quá láu mà tôi phải viết liền lại. Ông có thể thấy cả hai trăm chữ trong giỏ rác.

— Chúng tôi có thể đến gần cái ghế chú? – Dexter hỏi.

Dollar Bill quay lại và vẫy vẫy tay ra dấu cho họ vào.

— Chào ông Mendelssohn. Tôi là Dexter Hutchins, Phó Giám đốc CIA.

— Ông có thể là gì khác hay sao? – Dollar Bill hỏi.

Dexter không để ý tới lời nói đó và hỏi Mendelssohn:

— Ông có nhận xét gì, thưa ông?

Dollar Bill tiếp tục nhìn qua cửa sổ.

— Nó hoàn toàn giống bản chúng tôi đang trưng bày ở Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.

— Ông rất rộng lượng, thưa ông, – Dollar Bill vừa nói vừa quay người nhìn thẳng vào mắt họ.

— Nhưng tôi không hiểu tại sao ông lại viết từ “british” đúng chính tả, chứ không phải có hai chữ “i” như trong bản gốc, – Mendelssohn nói, chú ý lại bản tài liệu.

— Có hai lý do cho điều đó, – Dollar Bill nói trong lúc sáu con mắt nghi ngờ nhìn lại ông ta. – Thứ nhất, nếu việc trao đổi được thực hiện thành công, Saddam Hussein sẽ không thể tự cho ông ta vẫn còn giữ bản gốc trong tay.

— Thông minh. – Scott nói.

— Còn thứ hai? – Dexter hỏi, vẫn còn nghi ngờ động lực của người đàn ông Ireland nhỏ bé.

— Nó sẽ ngăn cản ông giáo sư mang bản sao này về và tìm cách giả vờ đó là bản gốc.

Scott bật cười, nói:

— Ông luôn luôn suy nghĩ như một tội phạm.

— Và tốt hơn ông nên suy nghĩ những gì cần thiết cho ông trong mấy ngày sắp tới nếu ông quyết định chiến thắng Saddam Hussein. – Dollar Bill nói trong lúc Charles vào phòng, mang một ly Guinness trên một khay bạc.

Dollar Bills cảm ơn Charles, lấy phần thưởng khỏi khay và bước tới đầu kia phòng trước khi hớp ngụm đầu tiên.

— Tôi có thể hỏi...? – Scott lên tiếng.

— Tôi đã một lần làm đổ “nước thánh” lên một bản khắc axít với giá một trăm đô la mà tôi đã mất ba tháng chuẩn bị.

— Thế lúc đó ông đã làm gì? – Scott hỏi.

— Tôi e rằng tôi đành chấp nhận hạng nhì, việc đó đã khiến tôi phải lãnh thêm năm năm nữa.

Ngay cả Dexter cũng cười theo trong lúc Dollar Bill nói tiếp:

— Tuy nhiên, trong dịp này, tôi nâng ly với Matthew Thornton, người ký tên cuối cùng trên bản tài liệu. Tôi ước mong cho ông ta mạnh khoẻ dù ông ta đang ở bất cứ nơi nào, cho dù chữ “ts” của ông ta thật là quý giá.

— Thế thì tôi có thể lấy kiệt tác này ngay bây giờ? – Scott hỏi.

— Chưa được đâu, ông bạn trẻ, – Dollar Bill nói. – Tôi e ông phải làm bạn với tôi một buổi tối nữa, – ông ta đặt cái ly trên bệ cửa sổ rồi nói tiếp. – Ông nên biết tôi còn phải chiến đấu với thời gian. Theo nhận xét của ông Mendelssohn, tấm giấy da phải có vẽ cũ vào khoảng 1830. Tôi nói có đúng không, thưa ông?

Viên chuyên gia bảo vệ gập đầu và giơ hai tay lên tựa hồ xin lỗi vì đã dám nêu lên một khuyết điểm nhỏ bé như thế.

— Thế thì làm gì được bây giờ? – Dexter Hutchins hỏi.

Dollar Bill liền bật một công tắc và các ngọn đèn xenon phía trên bàn chiếu xuống trên tấm giấy da làm cho căn phòng tràn đầy ánh sáng như đang chuẩn bị để quay phim.

— Tới chín giờ sáng ngày mai tấm giấy da sẽ như ra đời từ khoảng 1776. Mặc dù ông đã không cho tôi đủ thời gian, khiến tôi mất chính xác mấy năm, tôi vẫn tin chắc rằng sẽ không một ai ở Iraq có thể phát hiện sự khác biệt, trừ phi họ có một máy xác định niên đại bằng các bon 14, và biết cách sử dụng.

— Thế thì chúng ta có thể hy vọng bản gốc chưa bị huỷ hoại. – Dexter Hutchins nói.

— Không thể được. – Scott nói.

— Điều gì khiến anh tin tưởng như thế? – Dexter hỏi.

— Ngày Saddam huỷ hoại tấm giấy da đó. Ông ta muốn cả thế giới chứng kiến. Điều đó thì tôi chắc chắn.

— Thế thì tôi nghĩ có thể uống một chén rượu mừng, – người đàn ông Ireland nói. – Tất nhiên, với sự cho phép của ông chủ nhà hào hiệp của tôi.

— Uống mừng sao, Bill? – vị Phó giám đốc nói, có vẻ ngạc nhiên, rồi hỏi tiếp với giọng nghi ngờ. – Ông đang nghĩ đến ai đấy?

— Mừng Hannah, – người đàn ông Ireland nhỏ bé nói, – bất kỳ cô đang ở đâu.

— Ông làm sao biết được? – Scott hỏi. – Tôi có bao giờ nhắc đến tên cô ấy đâu.

— Không cần phải thế, khi ông viết tên cô ấy trên tất cả mọi thứ từ mặt sau các phong bì cho đến các ô cửa sổ phủ hơi nước. Cô ấy phải là một tiểu thư rất đặc biệt, phải không giáo sư?

Ông ta nâng ly lên và nhắc lại:

— Mừng Hannah.

Viên Trưởng phòng Hành chính ngồi chờ một cách kiên nhẫn cho tới khi người hầu gái dọn khay đựng bữa ăn tối của vợ. Rồi anh ta đóng cánh cửa ở đầu kia của hành lang.

Anh ta chờ thêm hai tiếng đồng hồ nữa, cho tới khi anh ta cảm thấy chắc chắn tất cả nhân viên Toà Đại sứ đã đi ngủ. Tin tưởng mình là người duy nhất vẫn còn thức, anh ta rón rén trở xuống văn phòng và tìm một số điện thoại ở Geneva. Anh ta quay mã số một cách từ từ và kỹ càng. Chuông reo một hồi lâu mới có người trả lời.

— Tôi cần nói chuyện với ông Đại sứ, – anh ta thì thào.

— Ngài Đại sứ đã đi ngủ khá lâu rồi, – một tiếng nói đáp lại. – Ông phải

gọi lại sáng mai.

— Hãy đánh thức ông ấy dậy. Nói với ông ấy tôi là Abdul Kanuk ở Paris.

— Nếu ông nhất quyết.

— Tôi nhất quyết mà.

Viên Trưởng phòng Hành chính chờ một lúc và cuối cùng một giọng nói ngái ngủ vang lên từ đầu dây:

— Như thế này tốt hơn. Abdul.

— Al Obaydi đã đến Paris không báo trước, và sớm hai tuần so với dự tính.

— Anh đánh thức tôi dậy giữa đêm khuya để nói với tôi điều này à?

— Nhưng ông ấy đã không đến thẳng từ Baghdad, thưa ngài. Ông ấy đi theo một con đường vòng.

— Anh làm sao có thể chắc chắn như thế? – giọng nói có vẻ hơi tỉnh táo hơn.

— Bởi vì tôi đang giữ hộ chiếu của ông ấy.

— Nhưng ông ta đang nghỉ phép, anh ngốc!

— Tôi biết. Nhưng tại sao lại trải qua một ngày trong một thành phố không có một du khách nào biết tới?

— Anh đang nói toàn những câu khó hiểu. Nếu anh có điều gì cần nói với tôi thì hãy nói đi.

— Sáng sớm hôm nay, Đại sứ Al Obaydi đã ghé Stockholm, căn cứ theo con dấu trong hộ chiếu, nhưng ông ấy đã trở về Paris buổi tối cùng ngày. Tôi không nghĩ ông ấy đi nghỉ phép.

— Stockholm... Stockholm... Stockholm... – giọng nói ở đầu dây bên kia nhắc đi nhắc lại, tựa hồ cố ghi nhớ ý nghĩa của nó, rồi ngừng lại một lát và

tiếp. – Chiếc tủ sắt. Tất nhiên. Chắc hẳn ông ta đã đến Kalmar để kiểm tra chiếc tủ sắt của Sayedi. Ông ta đã phát hiện ra điều gì mà lại nghĩ là đáng để giấu tôi, và Baghdad có biết ông ta có thể làm gì hay không?

— Tôi không biết, thưa ngài. – Viên trưởng phòng Hành chính nói. – Nhưng tôi biết ông ấy sẽ bay trở về Baghdad ngày mai.

— Nhưng nếu ông ta đang nghỉ phép thì tại sao ông ta lại trở về Baghdad nhanh như thế?

— Có lẽ làm Trưởng ban Lợi ích ở Paris không phải là sự tưởng thưởng xứng đáng đối với ông ấy, thưa ngài. Rất có thể ông ấy đang để mắt tới một phần thưởng nào đó lớn hơn?

Cuộc nói chuyện ngừng lại một lúc trước khi giọng nói ở Geneva tiếp tục:

— Anh đã làm tốt đấy, Abdul. Anh đã làm đúng khi đánh thức tôi. Tôi sẽ điện thoại cho Kalmar, việc đầu tiên sáng mai. Việc đầu tiên.

— Ngài đã hứa hẹn, thưa ngài, nếu tôi cố gắng... Một lần nữa lưu ý ngài...

Tony Cavalli tóm lược mọi việc cho bố y sau khi quản gia Martin đã rót rượu cho cả hai người.

— Bị bắt trong một cuộc ẩu đả ở quán rượu. – Ông bố nói sau khi lắng nghe báo cáo của con trai.

— Phải, – Cavalli vừa nói vừa đặt một hồ sơ lên bàn bên cạnh y, – và tệ hơn nữa, ông ta đã bị kết án ba mươi ngày tù.

— Ba mươi ngày? – Bố y nói với vẻ nghi ngờ. dừng lại một lát rồi hỏi tiếp. – Con đã giao chỉ thị gì cho Laura?

— Con đã yêu cầu cô ta bám chặt cho tới ngày 15 tháng 7, khi Dollar Bill được phóng thích. – Tony trả lời.

— Thế thì họ nhốt ông ta ở đâu trong thời gian này?

— Nhà tù của quận?

— Không. Không có hồ sơ lưu trữ tại toà án quận ở Fairmount. Họ đã tống ông ta trở lại trại giam tiểu bang.

— Vì đã dính líu vào một cuộc ẩu đả trong quán rượu? – Ông già nói. – Nghe vô lý quá!

Ông ta chăm chú nhìn bản Tuyên ngôn Độc lập trên bức tường phía sau bàn và không nói gì trong một hồi lâu.

— Ai làm nội gián cho chúng ta?

Cavalli liền mở hồ sơ trên bàn bên cạnh y và lấy ra một tờ giấy duy nhất.

— Một sĩ quan cao cấp và sáu người cùng đơn vị. – Y vừa nói vừa đưa tờ giấy qua, thích thú vì đã đoán trước được câu hỏi của bố y.

Ông già nghiên cứu kỹ bản danh sách trong một lúc trước khi bắt đầu liếm môi.

— Eduardo Bellati, chắc hẳn là một cách tốt nhất của chúng ta, – Ông ta vừa nói vừa ngược nhìn con trai. – Nếu bố nhớ đúng, hẳn ta đã bị bắt và kết án chín năm tù vì đã giết chết một viên quan toà đã có lần dám cản đường hẳn.

— Đúng, và hơn thế nữa, hẳn ta luôn luôn vui sướng giết chết bất cứ ai chỉ vì một gói thuốc lá. – Tony nói. – Như vậy, nếu hẳn ta giải quyết Dollar Bill trước ngày 15 tháng 7, chúng ta sẽ tiết kiệm được một phần tư triệu đô la.

— Có một điều gì đó không ổn lắm, – bố y nói trong lúc ông ta đưa tay với một ly Whisky mà ông đã không đụng tới.

Một lúc sau mới tiếp, gần như đang nói với chính mình.

— Có lẽ tới lúc nên đào sâu hơn một chút.

Rồi ông ta kiểm tra lại bản danh sách một lần nữa.

Al Obaydi thức dậy sáng sớm hôm sau, nóng lòng trở về Baghdad để cho ông ta có thể báo cáo với vị Bộ trưởng Ngoại giao về một điều mà ông đã biết được. Ngay sau khi trở lại Iraq, ông ta sẽ soạn ra một bản phúc trình đầy đủ.

Ông ta rà soát đi rà soát lại những điều chính trong đầu. Trước hết ông ta sẽ giải thích với vị Bộ trưởng Ngoại giao rằng trong lúc ông ta thực hiện một cuộc kiểm tra thường lệ về các biện pháp chế tài, ông ta đã biết được rằng chiếc tủ sắt do Tổng thống đặt hàng đã lên đường đi Baghdad. Khi khám phá ra điều này, ông ta đã nghi ngờ một kẻ thù của đất nước có lẽ đã dính líu vào một âm mưu ám sát Tổng thống. Không chắc ai là người đáng tin cậy, ông ta đã sử dụng khả năng tự lực, thậm chí thời gian và tiền bạc của mình để khám phá ra ai là kẻ chủ mưu. Ông ta chỉ cần báo cáo các chi tiết cho vị Bộ trưởng Ngoại giao một lúc là chắc chắn Tổng thống sẽ phát hiện được ai chịu trách nhiệm về chiếc tủ sắt và quan trọng hơn, ai đã không hoàn thành việc chăm sóc cho hạnh phúc của Tổng thống.

Một tiếng gõ cửa ngăn chặn luồng suy nghĩ của ông ta.

— Cứ vào đi. – Ông ta nói và một người hầu gái mang vào một khay điểm tâm gồm hai lát bánh mì nướng cháy và một tách cà phê Thổ Nhĩ Kỳ đặc quánh. Ngay sau khi cô ta đóng cửa lại, Al Obaydi chồm dậy, tắm nước lạnh – không phải do lựa chọn – và mặc áo quần một cách nhanh chóng. Rồi ông ta đổ cà phê vào lavabo và không để ý tới bánh mì nướng.

Viên Đại sứ rời khỏi phòng và bước xuống một dãy cầu thang tới văn phòng, nơi đây ông ta bắt gặp viên Trưởng phòng Hành chính đang đứng

phía sau bàn làm việc. Trước đó anh ta có ngồi trên ghế hay không?

— Kính chào ngài, – anh ta nói. – Tôi hy vọng ngài đã trải qua một đêm thoải mái.

Al Obaydi sắp sửa mất bình tĩnh thì câu hỏi của Kanuk khiến ông ta kinh ngạc:

— Ngài đã được báo cáo về các vụ oanh tạc ở Baghdad rồi chứ, thưa Ngài?

— Các vụ oanh tạc nào? – Al Obaydi hỏi, không thích bị đánh lừa.

— Dường như lúc hai giờ sáng hôm nay bọn Mỹ đã phóng mấy hoả tiễn Tomahawk vào đại bản doanh Mukhbarat ở trung tâm thành phố.

— Và kết quả như thế nào?

— Mấy thường dân bị chết, – viên Trưởng phòng Hành chính trả lời một cách tỉnh bơ, – nhưng ngài sẽ vui mừng biết rằng vị lãnh tụ yêu quý của chúng ta đã không ở trong thành phố vào thời gian ấy.

— Quả thực là tin tốt lành. – Al Obaydi nói. – Nhưng việc đó lại càng khiến cho tôi phải trở về Baghdad ngay lập tức.

Kanuk gật đầu.

— Tôi đã xác nhận vé máy bay cho ngài.

— Cảm ơn anh, – Al Obaydi vừa nói vừa chăm chú nhìn qua cửa sổ.

Kanuk cúi đầu thấp để tỏ lòng tôn kính.

— Tôi sẽ sắp xếp để đón ngài ở phi trường khi ngài trở về, và lần này mọi việc sẽ được chuẩn bị đầy đủ lúc ngài trở lại. Trong lúc chờ đợi, tôi sẽ đi lấy hộ chiếu cho ngài. Xin phép ngài.

Al Obaydi ngồi xuống phía sau bàn làm việc. Ông ta tự hỏi mình sẽ chỉ làm Trưởng ban Lợi ích ở Paris bao lâu ngay sau khi Saddam biết được ai là

người đã cứu mạng ông ta.

Tony quay số điện thoại trên đường dây riêng của y.

Máy điện thoại ở đầu bên kia được nhắc lên bởi viên phó quản nghe. Anh ta trả lời câu hỏi đầu tiên của Cavalli bằng cách xác nhận anh ta đang ở một mình. Anh ta lắng nghe câu hỏi thứ hai của Cavalli một cách thận trọng trước khi trả lời.

— Nếu Dollar Bill được tìm thấy ở bất cứ nơi đâu trong nhà tù này thì hẳn ta được che giấu còn giỏi hơn cả bản kê khai lợi tức để đánh thuế của Leono Helmsley.

— Nhưng hồ sơ lưu trữ của toà án quận cho biết hẳn ta đã gửi đơn khiếu nại với anh vào đêm 16 tháng 6.

— Hẳn ta có thể gửi đơn khiếu nại với chúng tôi nhưng chắc chắn hẳn ta chưa bao giờ xuất hiện, – giọng nói ở đầu dây bên kia vang lên. – Và không cần phải mất tám ngày đi từ toà án quận San Francisco đến đây, trừ phi họ quay lại thời xa xưa: xiềng tội phạm lại và bắt hẳn đi bộ suốt quãng đường đó.

Anh ta vừa cười vừa nói tiếp.

— Cái đó không phải là một ý kiến tồi.

Cavalli không cười:

— Chỉ cần anh phải khép kín miệng và giồng tai lên, và cho tôi biết ngay lúc anh nghe bất cứ điều gì.

Đó là tất cả lời ông ta nói trước khi đặt máy điện thoại xuống.

Cavalli vẫn ngồi tại bàn một tiếng đồng hồ sau khi cô thư ký của ông ta

rời khỏi phòng để chuẩn bị những gì cần phải làm sau đó.

CHƯƠNG 25

Phiên họp khẩn cấp thứ hai, giữa Bộ trưởng Ngoại giao và viên Thứ trưởng diễn ra vào sáng thứ Ba, cũng chỉ được báo trước trong một thời gian ngắn. Lần này là một cú điện thoại trực tiếp hết sức bất ngờ từ Tổng thống khiến cho cả hai viên Bộ trưởng và Thứ trưởng phải chạy ngay tới dinh.

Tất cả những gì Hannah có thể tìm hiểu được qua mấy cú điện thoại gọi tới gọi lui trong buổi sáng hôm ấy là vào một lúc nào đó người em trai cùng cha khác mẹ của Saddam đã gọi về từ Geneva, và kể từ lúc đó, viên Thứ trưởng Ngoại giao dường như quên băng bản phúc trình mà ông ta đang chuẩn bị về vụ Mỹ oanh tạc đại bản doanh của Mukhbarat. Ông ta hoảng hốt chạy ra khỏi phòng, bỏ mặc những giấy tờ mật vung vãi khắp mặt bàn làm việc. Hannah vẫn ngồi ở bàn của nàng với hy vọng nàng sẽ thu lượm thêm một thông tin nào đó. Trong lúc cả hai viên Bộ, Thứ trưởng ở trong dinh, nàng tiếp tục kiểm tra kỹ các hồ sơ lưu trữ cũ, biết rằng giờ đây nàng đã có đủ tài liệu để chất đầy mấy tủ hồ sơ ở đại bản doanh Mossad, nhưng không có ai để cho nàng chuyển giao.

Hai viên Bộ, Thứ trưởng từ dinh trở về vào cuối buổi chiều, và viên Thứ trưởng Ngoại giao có vẻ nhẹ nhõm khi thấy cô Saib vẫn còn ngồi ở bàn làm việc.

— Tôi cần lập một bản phúc trình về việc đã được thoả thuận trong phiên họp sáng hôm nay với Tổng thống, – ông ta nói, – và tôi không cần phải nhấn mạnh tầm quan trọng về sự bí mật trong vấn đề này. Sẽ không quá đáng chút nào khi tôi bảo cô rằng nếu bất cứ điều gì mà tôi kể cho cô sẽ bị tiết lộ ra ngoài công chúng, thì cả hai chúng ta sẽ chấm dứt cuộc đời trong nhà tù, hoặc tồi tệ hơn thế nữa.

Hannah nói trong lúc nàng mang kính trở lại:

— Tôi hy vọng trong suốt thời gian qua đã không bao giờ khiến cho ông Thứ trưởng phải lo ngại.

Viên Thứ trưởng chăm chú nhìn nàng và bắt đầu đọc cho nàng viết với tốc độ nhanh:

— *Tổng thống đã mời Bộ trưởng Ngoại giao và tôi đến dự một phiên họp mật ở dinh sáng nay – cô đề đúng ngày hôm nay. Barazan Al-Tikriti, vị Đại sứ tin cậy của chúng ta ở Geneva, đã tiếp xúc Tổng thống đêm vừa qua để báo cho Tổng thống rằng, sau nhiều tuần lễ kiên trì theo dõi, ông ta đã khám phá ra một âm mưu do một nhóm Do Thái muốn ấy trộm chiếc tủ sắt khỏi Thụy Điển và sử dụng làm phương tiện xâm nhập bất hợp pháp vào Iraq. Chiếc tủ sắt sắp sửa được giao tới Baghdad ngay sau khi bãi bỏ lệnh cấm vận theo nghị quyết 661 của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc. Tổng thống đã ra lệnh giao cho Đại tướng Hamil trách nhiệm thương lượng với bọn khủng bố. – Hannah cảm nghĩ là mình trông thấy viên Thứ trưởng đang rùng mình – Trong lúc ông Bộ trưởng Ngoại giao được yêu cầu xem xét kỹ vai trò do một nhân viên chính của ông đóng trong âm mưu đặc biệt này, đó là Hamid Al Obaydi.*

Đại sứ của chúng ta ở Geneva đã khám phá ra rằng Al Obaydi vừa viếng thăm hãng cơ khí Svenhalte AC ở Kalmar, Thụy Điển, vào ngày thứ Hai, 28 tháng 6, mà không được bất cứ thượng cấp nào của ông ta chỉ đạo làm việc đó. Trong cuộc viếng thăm đó, ông ta đã được thông báo về vụ chiếc tủ sắt bị lấy trộm và đang được chở đến Baghdad. Sau chuyến đi đến Kalmar, Al Obaydi ở lại qua đêm tại Ban Lợi ích ở Paris, khi ông ta có mọi cơ hội để thông báo Geneva hoặc Baghdad về âm mưu của bọn Do Thái, nhưng ông ta đã không hề cố gắng làm việc đó.

Al Obaydi rời khỏi Paris sáng hôm sau và, mặc dù chúng ta biết ông ta đã đáp một chuyến bay đi Jordan, ông ta vẫn chưa xuất hiện ở biên giới. Tổng

thống đã ra lệnh rằng nếu Al Obaydi qua bất cứ một biên giới quốc gia nào của chúng ta, ông ta phải bị bắt và được đưa thẳng đến Đại tướng Hamil ở đại bản doanh của Hội đồng Lãnh đạo Cách mạng.

Cây bút chì của Hannah lướt qua các trang sổ tốc ký, trong lúc nàng cố gắng theo kịp viên Thứ trưởng.

— Chiếc tù sắt, – viên Thứ trưởng Ngoại giao nói tiếp, – hiện nay đang được chở trên chiếc xe nhà binh cũ, và theo dự kiến nó sẽ đến biên giới Jordan trong vòng bốn mươi tám tiếng đồng hồ sắp tới.

Tất cả các viên chức hải quan đã nhận được một chỉ thị nhằm để nhận biết chiếc tù sắt là tài sản riêng của Tổng thống, và vì vậy khi nó đến biên giới, nó phải được ưu tiên tiếp tục cuộc hành trình tới Baghdad.

Đại sứ của chúng ta ở Geneva, sau một cuộc nói chuyện khá dài với ông... – viên Thứ trưởng xem lại sổ tay, – Pedersson, đã tin chắc rằng nhóm người hộ tống chiếc tù sắt là nhân viên CIA, Mossad, và rất có thể cả ASA của Anh. Cũng như Tổng thống, Đại sứ nghĩ rằng lợi ích duy nhất của bọn xâm nhập là giành lại bản Tuyên ngôn Độc lập. Tổng thống đã ra lệnh rằng tài liệu đó không được rời khỏi chỗ của nó trên bức tường của phòng Hội đồng, bởi vì việc này có thể báo động cho bất cứ nhân viên nội gián nào thông tin cho nhóm khủng bố vào nước.

Hai mươi người trong đội phòng vệ đặc biệt của Tổng thống đã lên đường đến biên giới Jordan. Họ sẽ chịu trách nhiệm liên tục theo dõi quá trình vận chuyển của chiếc tù sắt và sẽ báo cáo trực tiếp cho Đại tướng Hamil.

Ngay sau khi bọn điệp viên phương Tây đã bị bắt và tống vào nhà giam, báo chí thế giới sẽ được thông tin rằng mục đích của bọn chúng là ám sát Tổng thống. Tổng thống sẽ lập tức xuất hiện trước công chúng và trên vô tuyến truyền hình, và sẽ đọc một bài diễn văn tố cáo bọn hiếu chiến Mỹ và Do Thái. Sayedi tin rằng cả bọn Mỹ lẫn bọn Do Thái đều sẽ không đời nào nhìn nhận mục đích thực sự của vụ tập kích này, nhưng bọn chúng sẽ không

thế nào bác bỏ lời khẳng định của Tổng thống. Sayedi nghĩ toàn bộ tình tiết này có thể biến thành một thắng lợi về mặt quốc tế bởi vì nếu vụ mưu sát được loan báo vào cùng một ngày mà Tổng thống công khai đốt bản Tuyên ngôn Độc lập, thì bọn Mỹ lại càng khó trả đũa hơn.

Bắt đầu từ ngày mai, Tổng thống yêu cầu một bản cập nhật tình hình mỗi cuối buổi sáng lúc chín giờ và mỗi buổi chiều lúc sáu giờ. Cả Bộ trưởng Ngoại giao lẫn bản thân tôi phải báo cáo trực tiếp cho Tổng thống. Nếu Al Obaydi bị tóm, Tổng thống cần phải được thông báo ngay tức khắc, bất cứ giờ giấc nào, đêm hoặc ngày.

Cây bút chì của Hannah đã không ngừng nguệch ngoạc trên các trang giấy trong gần hai mươi phút. Cuối cùng khi viên Thứ trưởng kết thúc, nàng cố gắng hiểu hết ý nghĩa của thông tin mà giờ đây nàng có được.

— Tôi cần một bản dự thảo của phúc trình này càng nhanh càng tốt, không được đánh thêm bản khác, không được ghi âm gì cả và tất cả các ghi chép bằng tốc ký của cô phải được xé nhỏ ngay sau khi bản phúc trình được giao cho tôi.

Hannah gật đầu trong lúc viên Thứ trưởng Ngoại giao nhắc máy điện thoại lên và quay số nội bộ của cấp trên ông ta.

Nàng trở về phòng và bắt đầu đánh máy lại một cách từ từ những gì nàng đã chép vào sổ, và đồng thời cố gắng ghi nhớ những điểm chính yếu. Bốn mươi lăm phút sau, nàng đặt một bản phúc trình độc nhất trên bàn của viên Thứ trưởng.

Ông ta đọc bản dự thảo một cách cẩn thận, thỉnh thoảng tự tay ghi thêm một vài từ. Khi ông ta đã hài lòng nhận thấy bản phúc trình bao hàm đầy đủ phiên họp vừa diễn ra sáng hôm nay. Ông ta đi ra hành lang và gặp vị Bộ trưởng Ngoại giao.

Hannah trở về bàn, biết rằng nhóm người mang chiếc tủ sắt khỏi Thụy Điển đang tiến dần vào cái bẫy của Saddam, và nếu họ đã nhận được tấm bưu

thiếp của nàng...

Khi Al Obaydi đến Jordan. Ông ta không thể không cảm thấy một niềm vui chiến thắng.

Ngay sau khi hoàn tất thủ tục hải quan ở phi trường Queen Alia và bước ra ngoài đường, ông ta chọn chiếc taxi hiện đại nhất có thể tìm thấy được. Chiếc Chevy cũ kỹ từ hồi thập niên bảy mươi không có máy điều hoà không khí và đồng hồ chỉ con số 187.000 dặm. Ông ta yêu cầu người tài xế đưa ông ta đến biên giới Iraq càng nhanh càng tốt.

Chiếc xe hơi không bao giờ rời khỏi làn đường chính trong cuộc hành trình sáu tiếng đồng hồ đến biên giới, và do tình trạng của các con đường, ông ta không thể nào ngủ yên một giấc quá vài ba phút liền. Cuối cùng khi viên tài xế tới xa lộ, anh ta vẫn không thể chạy nhanh hơn vì dầu vung vãi khắp mọi nơi từ những chiếc xe tải chở những món mà đám con buôn đã mua một cách phi pháp ở Basra để đem đến bán ở Amman với giá gấp bốn lần, những món mà Al Obaydi đã cam đoan không biết bao nhiêu lần với Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc rằng đó là điều không có, mà do sự tưởng tượng của thế giới phương Tây. Ông ta cũng nhận thấy nhiều chiếc xe tải chạy theo hướng ngược lại, chất đầy những thực phẩm mà ông ta biết sẽ được bán cho con buôn chợ đen, rất lâu trước khi bất cứ một thứ nào trong số đó tới Baghdad.

Al Obaydi xem đồng hồ. Nếu viên tài xế cứ tiếp tục với tốc độ này, ông ta sẽ không đến được biên giới trước khi trạm hải quan đóng cửa lúc nửa đêm.

Khi Scott hạ cánh xuống phi trường Queen Alia ngày hôm ấy và bước lên mặt đường rải nhựa, điều đầu tiên giáng vào anh là một nhiệt độ 95 độ F^[52]. Dù mặc một sơ mi hở cổ, quần jean và mang giày vải, anh vẫn có cảm giác bị nướng trong lò trước khi đến được nhà đón khách của phi trường. Ngay sau lúc anh vào trong toà nhà, anh khoan khoái nhận thấy có máy điều hoà không khí và cái túi duy nhất của anh xuất hiện trên băng chuyền nhanh không khác ở Mỹ. Anh xem đồng hồ và chỉnh theo giờ Trung Đông.

Viên sĩ quan di trú từ trước đến nay không thấy nhiều hộ chiếu Thụy Điển, nhưng vì bố anh ta vốn là một kỹ sư, anh ta chúc ông Bernstrom một chuyến đi thành đạt.

Trong lúc Scott bước qua “vùng xanh”, một nhân viên hải quan miệng nhai tóp tép chặn anh lại. Anh ta ra lệnh cho Scott mở cái túi căng phồng bằng vải bạt. Sau khi lục lọi bên trong, vật duy nhất anh ta tỏ vẻ quan tâm là một cái ống nhỏ dài bằng các tông được chèn dọc theo đáy túi xách. Scott liền mở cái nắp ở đầu ống, lấy vật đựng bên trong ra và trải rộng thành tấm áp phích khiến nhân viên hải quan ngạc nhiên đến mức ngừng nhai trong một lát. Rồi anh ta vẫy tay cho Scott đi qua.

Ngay sau khi Scott rời khỏi đám đông, anh bước ra ngoài đường tìm một chiếc taxi. Anh quan sát kỹ những chiếc xe tấp nham đậu bên lề đường. Chúng khiến cho những chiếc taxi vàng ở New York có vẻ như thuộc loại xe lộng lẫy. Anh yêu cầu người tài xế ở đầu dãy xe đưa anh đến nhà hát La Mã ở trung tâm thành phố. Cuộc hành trình mười tám cây số đến Amman mất bốn mươi phút, và khi Scott xuống xe ở bên ngoài nhà hát thế kỷ thứ ba, anh đưa cho người tài xế hai giấy bạc mười dinar – vừa đủ cho đoạn đường này, theo lời các chuyên gia ở Langley đã nói với anh. Người tài xế bỏ tiền vào túi nhưng không mỉm cười.

Scott xem đồng hồ, anh vẫn còn kịp giờ cho một cuộc họp đã được dự tính. Anh bước thẳng qua đài kỷ niệm cổ mà theo cuốn sách hướng dẫn của anh là một nơi rất đáng viếng thăm. Như Kratz đã chỉ thị, sau đó anh tiếp tục

đi về phía tây qua ba khối nhà thỉnh thoảng bước ra khỏi lề đường, xuống lòng đường để tránh các đám đông đang hối hả. Khi đến một trạm xăng Shell, anh quẹo phải, bỏ lại sau lưng đám người mua sắm. Rồi anh quẹo lần thứ hai sang trái, và sau đó lại quẹo phải. Những con đường càng lúc càng thưa thớt hơn, chỉ có dân địa phương, và đầy những ổ gà với những bước đi của anh. Lại quẹo trái, sau đó lại quẹo phải, và nhận thấy mình đang vào ngõ cụt như đã chỉ dẫn. Ở cuối con đường, khi anh không thể đi thêm được nữa, anh dừng lại bên ngoài một bãi phế liệu. Anh mỉm cười với cảnh tượng đang chào đón anh.

Lúc Al Obaydi tới biên giới, trời đã tối đen như mực. Tất cả ba làn đường dẫn tới trạm hải quan đều đầy những chiếc xe tải nối đuôi nhau chờ đợi, phủ vải dầu để chạy qua đêm. Người tài xế ngừng lại ở rào cản và giải thích với vị hành khách rằng ông ta phải thuê một chiếc xe khác của Iraq sau khi đã qua phía bên kia. Al Obaydi cảm ơn người tài xế và cho anh ta một số tiền thưởng hậu hĩnh trước khi đi tới hàng người bên ngoài trạm hải quan. Một nhân viên có vẻ mệt mỏi, uể oải nhìn ông ta và cho ông ta hay biên giới đóng cửa ban đêm. Al Obaydi liền xuất trình hộ chiếu ngoại giao và nhân viên hải quan đóng dấu thị thực một cách nhanh chóng rồi ra dấu cho ông ta đi qua, vì biết rõ là không có mấy chữ ghi chú bằng mực đỏ trong một giấy tờ như thế.

Al Obaydi thấy hết sức phấn chấn trong lúc ông ta thả bộ hơn một nghìn năm trăm mét giữa hai trạm hải quan. Ông ta bước tới một hàng người khác, xuất trình hộ chiếu một lần nữa, và nhận thêm một nụ cười của viên sĩ quan hải quan.

— Có một chiếc xe đang chờ Đại sứ. — Viên sĩ quan vừa nói vừa chỉ chiếc xe loại sang trọng đậu gần xa lộ.

Một viên tài xế tươi cười đứng chờ. Anh ta đưa tay lên chào và mở cửa xe phía sau.

Al Obaydi mỉm cười. Viên Trưởng phòng Hành chính chắc hẳn đã thông báo cho họ biết rằng ông ta sẽ đến biên giới khá muộn trong đêm nay. Ông ta cảm ơn nhân viên hải quan, bước về phía xa lộ và ngồi vào phía sau của chiếc xe. Một người khác đã ngồi sẵn trong đó, cũng có vẻ đang chờ đợi ông ta. Obaydi lại bắt đầu mỉm cười, thì đột nhiên một cánh tay lướt qua cổ họng ông ta và quật ông ta xuống sàn xe. Hai bàn tay ông ta bị ghì chặt phía sau lưng, và một cặp còng khoá lại.

— Sao anh dám...? – Al Obaydi hét lớn. – Tôi là một Đại sứ! – Ông ta gào lên trong lúc bị lôi trở lại ghế. – Anh không biết tôi là ai hay sao?

— Tôi biết chứ, – người kia trả lời. – Và ông đã bị bắt về tội phản quốc.

Scott phải nhìn nhận rằng chiếc HEMTT chở bà Bertha trông giống hệt loại xe tải cũ rích ở Mỹ chồng chất lên nhau ở những bãi phế liệu. Anh chạy qua và trèo lên ngồi vào ghế bên cạnh tài xế. Anh bắt tay với Kratz và ông ta có vẻ nhẹ nhõm khi gặp anh. Lúc Scott trông thấy người ngồi phía sau tay lái, anh nói:

— Rất vui mừng gặp lại trung sĩ Cohen. Tôi có cần phải thừa nhận anh chơi một ván cờ Backgamman thật xuất sắc?

— Hai cặp đánh đôi trong bảng ghì chặt nhau đã giúp tôi vào ván chung kết, thừa giáo sư, mặc dù chỉ có Chúa biết anh chàng người Kurd đã lọt vào bán kết như thế nào. – Cohen vừa nói vừa khởi động máy, – và bởi vì anh ta là bạn của tôi, tất cả những người khác đều yêu cầu tôi xác định sức sắc.

— Thế hiện Aziz ở đâu? – Scott hỏi.

— Ở đằng sau với bà Bertha, – viên trung sĩ nói. – Chỗ tốt nhất cho anh ta, giáo sư nên nhớ, anh ta biết mọi ngõ ngách của Baghdad như tôi biết các tiệm rượu ở Brixton, vì vậy anh ta rất hữu ích.

— Và phần còn lại của đội? – Scott hỏi.

— Fieldman và những người khác đã lên qua biên giới trong đêm, – Kratz nói. – Có lẽ giờ đây họ đang chờ chúng ta ở Baghdad.

— Thế thì tốt hơn họ nên ẩn nấp thật kỹ. – Scott nói. – Bởi vì sau vụ oanh tạc thứ Bảy tuần vừa qua, tôi tin chắc họ sẽ rất dễ nguy hiểm đến tính mạng.

Kratz không có ý kiến gì trong lúc trung sĩ Cohen cho chiếc xe tải nặng nề từ từ lăn bánh trên đường phố, lần này các con đường trở nên rộng hơn mỗi lần anh ta quẹo vào một con đường khác.

— Chúng ta vẫn theo đúng kế hoạch đã được chấp thuận ở Stockholm chứ? – Scott hỏi.

— Với hai điểm cải thiện. – Kratz nói. – Tôi đã điện thoại cho Baghdad suốt buổi sáng hôm qua. Sau bảy lần gọi, tôi đã nói chuyện với được một người ở Bộ Công nghiệp biết rõ về chiếc tủ sắt, nhưng đó là vấn đề lâu đời với người Ả Rập; nếu không trông thấy cái đồ chết tiệt đó ngay trước mặt, họ không tin nó hiện hữu đâu.

— Như thế trạm đầu tiên của chúng ta sẽ phải là Bộ Công nghiệp? – Scott hỏi.

— Dường như là vậy, – Kratz trả lời. – Nhưng tối thiểu chúng ta đã có được thứ bọn họ cần. Điều đó làm tôi nhớ lại anh có mang theo thứ bọn họ cần không?

Scott mở dây kéo của túi xách và lấy ra các ống các tông.

— Trông không đáng cho anh phải liều mạng một chút nào, – Kratz nói trong lúc Scott chuôi các ống trở vào túi.

— Và điều cải thiện thứ hai? – Scott hỏi.

Kratz lấy một tấm bưu thiếp từ túi trong và đưa cho Scott.

Một bức ảnh Saddam Hussein đang phát biểu trước Hội đồng Lãnh đạo Cách mạng. Một hình vuông nhỏ đầy những ngôi sao được vẽ bằng bút bi bên cạnh đầu ông ta. Scott lật tấm thiếp qua mặt sau và xem xét cẩn thận nét chữ không thể nhầm lẫn của nàng: “*Ước mong anh ở đây*”.

Scott không nói gì một hồi lâu.

— Anh có để ý thấy ngày tháng không?

Scott nhìn lên tận cùng góc bên phải: 4-7-93.

— Thế là giờ đây chúng ta biết được nơi đó ở đâu, và cô ấy cũng đã xác nhận khi nào Saddam dự định cho phần còn lại của thế giới biết bí mật của ông ta.

— Elthel Rubin là ai? – Scott hỏi. – Và làm sao ông có được tấm bưu thiếp này?

— Cô ta đã từng tạm trú ở London. Chồng cô ta là đại diện pháp lý của Mossad ở Anh. Anh ta đã đưa tấm bưu thiếp đến thẳng Toà Đại sứ ngay sau khi nhận được và họ đã gửi qua đêm bằng đường ngoại giao. Nó đã đến Toà Đại sứ của chúng tôi ở Amman sáng hôm nay.

Ngay sau khi họ đến vùng ngoại ô của thành phố, Scott bắt đầu nghiên cứu địa hình căn cỗi trong lúc chiếc xe tải tiếp tục chạy trên những đoạn đường đầy những dâu và ổ gà.

— Tôi lấy làm tiếc phải chạy quá chậm, thưa giáo sư, – Cohen nói, – nhưng nếu tôi chạy nhanh trên con đường tồi tệ này thì phải thắng lại. Bà Bertha sẽ tuột té cả trăm mét trước khi xe dừng.

Kratz rà xét lại mọi điều bất ngờ mà ông có thể nghĩ ra trong lúc Cohen im lặng lái xe về phía biên giới. Nhà lãnh đạo Mossad kết thúc bằng cách mô tả

sơ đồ bố trí của đại bản doanh Baath một lần nữa.

— Còn hệ thống báo động? – Scott hỏi khi ông nói xong.

— Tất cả những gì anh cần phải nhớ là những nút đỏ bên cạnh công tắc khởi động hệ thống báo động, cũng đồng thời đóng tất cả các lối ra.

Scott gật đầu, nhưng một lúc sau anh mới hỏi câu kế tiếp:

— Còn Hannah?

— Không có gì thay đổi. Công việc đầu tiên của tôi là đưa anh vào và trở ra với bản tài liệu gốc. Cô ta vẫn còn là một phần thưởng không chắc mặc dù rõ ràng là cô ta biết chuyện gì đang xảy ra.

Không ai nói thêm tiếng nào cho tới khi trung sĩ Cohen lái xe rời khỏi xa lộ chạy vào một khoảng rộng trải sỏi có nhiều xe tải đậu. Anh ta đậu xe theo một góc xéo để chỉ cho người nào tò mò nhất mới có thể giám sát thấy họ đang chở cái gì, rồi nhảy ra khỏi buồng lái, đu mình qua tấm chắn hậu và nhả răng cười với anh chàng người Kurd đang uể oải tựa lưng vào chiếc tủ sắt. Họ giở tấm vải dầu bao phủ cấu trúc đồ sộ trong lúc Scott và Kratz trèo lên gặp họ phía sau chiếc xe tải.

— Giáo sư nghĩ sao? – Aziz hỏi.

— Bà ta không bị gãy bớt một chút nào, đó là điều chắc chắn. – Scott nói trong lúc anh cố nhớ lại việc sắp xếp hàng đêm mà anh đã làm để chuẩn bị cho kỳ thi đơn độc này.

Anh duỗi các ngón tay ra và mỉm cười. Tất cả ba bóng đèn phía trên ô vuông màu trắng đều có màu đỏ. Trước hết, anh quay tất cả ba mặt số theo một mã số mà chỉ có anh và một người ở Thụy Điển mới biết rõ. Rồi anh đặt bàn tay phải lên ô vuông màu trắng, và giữ yên trong mấy giây.

Anh cúi tới trước, đặt môi sát ô vuông và nói một cách hoà nhã:

— Tôi tên là Andreas Bernstrom. Khi “bà” nghe giọng nói này, và chỉ

giọng nói này, “bà” sẽ mở khoá cửa.

Scott chờ đợi trong lúc ba người kia tiếp tục im lặng nhìn với vẻ bối rối. Tất cả ba bóng đèn vẫn giữ màu đỏ.

— Bây giờ chúng ta phải thử xem tôi có hiểu các lời chỉ dẫn hay không, – Scott nói.

Anh căn môi và tiến lại phía trước. Một lần nữa anh xoay các mặt số, nhưng lần này theo các con số Saddam đã lựa chọn: 0–4–0–7–9–3. Bóng đèn thứ nhất chuyển từ đỏ sang xanh. Aziz mỉm cười. Scott đặt lòng bàn tay lên ô vuông màu trắng và để yên trong nhiều giây. Bóng đèn thứ hai chuyển sang xanh.

Scott nghe Kratz thở dài trong lúc anh bước tới phía trước. Anh đặt môi lên ô vuông màu trắng chạm vào tấm lưới kim loại mỏng và nói:

— Tên tôi là Andress Bernstrom. Bây giờ là lúc chiếc tủ sắt....

Bóng đèn thứ ba chuyển sang màu xanh trước cả khi anh nói hết câu. Cohen khẽ lên tiếng hoan hô.

Scott nắm cái quai và kéo ra. Cả tấm thép nhẹ nhàng mở ra.

— Hay lắm! – Cohen nói, – giáo sư có thể làm lại một lần nữa không?

— Dừng trung sĩ làm người thí nghiệm, – Scott nói. – Tại sao trung sĩ không thử đóng tủ sắt lại?

Cohen liền tiến một bước về phía trước và với cả hai bàn tay xô cánh cửa đóng tủ. Ba bóng đèn lập tức lóe đỏ.

— Đúng là dễ một khi mình đã biết cách sử dụng, – anh ta nói.

Scott mỉm cười kéo cánh cửa mở ra trở lại với ngón tay út. Cohen há hốc mồm nhìn sững trước khi các bóng đèn trở lại màu xanh.

— Các bóng đèn có thể chớp đỏ, – Scott nói, – nhưng Bertha chỉ có thể hoạt động một lúc với một người. Hiện giờ không một ai khác ngoài tôi có

thể mở hoặc đóng chiếc tủ sắt.

— Và tôi hy vọng đó là vì nó là dân Do Thái, – Aziz nói.

Scott mỉm cười vừa đóng cửa tủ sắt, quay các mặt số cho tới khi các bóng đèn đổi màu đỏ.

— Thôi, ta đi. – Kratz nói.

Scott cảm thấy ông có vẻ hơi bực tức, – hay đó chỉ là dấu hiệu đầu tiên của tâm trạng căng thẳng? Aziz trùm tấm vải dầu lên bà Bertha trở lại trong lúc mấy người bạn đồng nghiệp của anh ta nhảy qua hông xe và trở lên buồng lái.

Không một ai nói gì trong lúc họ tiếp tục cuộc hành trình về phía biên giới cho tới lúc Cohen thốt lên mấy tiếng tán thán khi anh ta nhận thấy hàng xe tải phía trước họ.

— Chúng ta sẽ phải ở đây suốt đêm. – Anh ta nói.

— Và không chừng gồm cả buổi sáng ngày mai, – Kratz nói. – Vì vậy tốt hơn chúng ta tập làm quen đi.

Họ dừng lại phía sau chiếc xe tải cuối cùng.

— Tại sao mình không chạy đại lên trước và thử xoay sở? – Cohen nói. – Một vài đô la cũng có thể...

— Không, – Kratz nói. – Chúng ta không được lơ là cuốn sự chú ý quá đáng bất cứ lúc nào kể từ đây cho đến khi chúng ta trở qua biên giới này.

Suốt một tiếng đồng hồ sau đó trong lúc chiếc xe tải chỉ di chuyển về phía trước vài trăm mét, Kratz rà xét lại các kế hoạch của ông một lần nữa, bao gồm bất cứ tình thế nào có thể nảy sinh khi họ đã đến Baghdad.

Một tiếng đồng hồ nữa trôi qua, và Scott cảm ơn ngọn gió đêm hiu hiu thổi giúp anh ngủ gà ngủ gật, mặc dù anh nhận thức rằng chẳng bao lâu sau anh sẽ phải quay kính cửa sổ lên nếu anh muốn khỏi bị đóng băng. Anh bắt

đầu trôi giạt vào một giấc ngủ chập chờn, tâm trí anh chuyển đổi giữa Hannah và bản Tuyên ngôn, và nếu được phép lựa chọn, anh sẽ mang thứ nào về nhà. Anh nhận thức rằng Kratz rõ ràng là biết lý do khiến anh đã tình nguyện tham gia vào đội khi cơ may sống sót hết sức mỏng manh.

— Trò đùa này rồi sẽ làm nên trò trống gì? – Cohen khẽ hỏi.

Scott chợt tỉnh giấc và nhanh chóng tập trung vào một nhân viên mặc đồng phục đang nói chuyện với người tài xế của chiếc xe tải ở trước họ.

— Đó là một nhân viên hải quan, – Kratz nói. – Anh ta chỉ kiểm tra xem các tài xế có đủ giấy tờ hợp lệ để qua biên giới hay không.

— Phần đông đám này chỉ có hai mảnh giấy màu đỏ dài khoảng mười hai phân, rộng tám phân, – Cohen nói.

— Anh ta đến đây rồi, – Kratz nói. – Hãy cố làm bộ chán ngán như anh ta vậy.

Viên hải quan thông thả bước tới buồng lái và thậm chí không nhìn Cohen trong lúc anh ta chìa một bàn tay qua khung cửa sổ mở.

Cohen đưa các thứ giấy tờ mà các chuyên gia ở Langley cung cấp. Viên hải quan xem xét kỹ rồi từ từ bước quanh chiếc xe tải. Khi anh ta trở lại phía tài xế, anh ta lớn tiếng ra lệnh cho Cohen mà không ai hiểu nổi.

Cohen nhìn về phía Kratz, nhưng một giọng nói từ phía sau cứu thoát họ.

— Anh ta nói mình phải lên phía trước hàng xe.

— Tại sao? – Kratz nghi ngờ hỏi.

Aziz liền lập lại câu nói của viên hải quan:

— Chúng ta đã được quyền ưu tiên nhờ bức thư do Saddam ký.

— Và chúng ta phải cảm ơn ai về việc đó? – Kratz hỏi vẫn chưa hết nghi ngờ.

— Bill O'Reilly, – Scott nói. – Ông ta đã rất lấy làm tiếc không thể theo chúng ta trong chuyến đi này. Nhưng tôi đã cho ông ta biết không thể kiếm được bia Guinness trong thùng ở bất cứ nơi nào trong đất nước Iraq.

Kratz gạt đầu, và trung sĩ Cohen thi hành chỉ thị của viên hải quan, tự cho phép mình lấn sang đường dành riêng cho xe chạy ngược lại trong lúc anh ta bắt đầu cuộc hành trình gập ghềnh dài hơn ba cây số tới phía trước hàng xe. Nhiều chiếc xe được phép chạy về hướng Amman trên phía bên kia đường đã phải ngoặt gấp lên trên lề bằng xà bần nếu không muốn đụng đầu với bà Bertha.

Trong lúc Cohen chạy mấy mét cuối cùng đến trạm gác qua biên giới, một nhân viên vừa giận dữ chạy ra khỏi trạm vừa huơ nắm tay. Một lần nữa Aziz cứu thoát họ bằng cách đề nghị Kratz cho anh ta xem bức thư.

Sau khi nhìn qua chữ ký, quả nắm nhanh chóng thành một cái chào.

— Hộ chiếu, – anh ta chỉ thốt lên một cách vắn tắt.

Kratz liền đưa ba hộ chiếu Thụy Điển và một hộ chiếu Iraq với hai mảnh giấy đỏ dính vào trang đầu tiên của mỗi hộ chiếu.

— Đừng bao giờ trả quá lệ phí chính thức, – Ông đã báo trước cho mọi người. – Như thế chỉ khiến cho bọn họ nghi ngờ.

Bốn cuốn hộ chiếu được nhân viên hải quan mang vào một căn phòng nhỏ, xem xét kỹ, đóng dấu và hoàn trả. Thậm chí anh ta còn tặng họ một nụ cười. Rào chắn phía Jordan được giở lên và chiếc xe tải bắt đầu cuộc hành trình hơn một nghìn năm trăm mét về phía trạm kiểm soát của Iraq.

CHƯƠNG 26

Hamid Al Obaydi bị lôi vào phòng Hội đồng bởi hai người trong đội Vệ binh của Tổng thống rồi bị xô lên một chiếc ghế cách xa cái bàn dài mấy mét.

Ông ta ngẩng đầu lên và lần lượt nhìn mười hai người lập thành Hội đồng Lãnh đạo Cách mạng. Không một ai trong bọn họ để mắt tới ông ta, ngoại trừ vị Biện lý Chính phủ.

Ông ta đã làm gì khiến cho những người này quyết định bắt ông ta ở biên giới, còng tay ông ta tống ông ta vào tù, bỏ ông ta ngủ trên nền đá và thậm chí không cho ông ta vào phòng vệ sinh? Vẫn còn mặc bộ com lê như lúc qua biên giới, lúc này ông ta đang ngồi lên phân của chính mình.

Saddam đưa một bàn tay lên, và vị Biện lý Chính phủ mỉm cười.

Nhưng Al Obaydi không sợ Nakir Farrar. Chẳng những ông ta vô tội đối với bất cứ sự vu cáo nào, ông ta còn có thông tin họ đang cần. Vị Biện lý Chính phủ từ từ đứng lên khỏi chỗ ngồi.

— Tên ông là Hamid Al Obaydi?

— Vâng, – Al Obaydi vừa trả lời vừa nhìn thẳng vào vị Biện lý Chính phủ.

— Ông bị buộc tội phản quốc và lấy trộm tài sản quốc gia. Ông bào chữa như thế nào?

— Tôi vô tội, và Allah sẽ làm chứng cho tôi...

— Nếu Allah phải làm chứng cho ông, tôi chắc chắn Ngài sẽ sẵn lòng yêu cầu tôi hỏi ông vài câu đơn giản.

— Tôi sẽ hết sức vui lòng trả lời bất cứ điều gì.

— Khi ông từ New York trở về hồi đầu tháng, ông đã tiếp tục làm việc ở Bộ Ngoại giao. Có phải thế không? Và có phải một trong những trách nhiệm của ông là kiểm tra tình trạng mới nhất của Chính phủ liên quan đến những biện pháp chế tài của Liên Hiệp Quốc?

— Vâng. Đó là một phần công việc của tôi với tư cách Phó Đại sứ ở Liên Hiệp Quốc.

— Đúng như thế. Và khi ông thực hiện các kiểm tra đó, ông đã biết một số món đã được bãi bỏ lệnh cấm vận. Tôi nói có đúng không?

— Vâng, ông nói rất đúng, – Al Obaydi quả quyết.

— Có phải một trong những món đó là cái tủ sắt?

— Phải, – Al Obaydi nói.

— Khi ông biết việc này, ông đã làm gì?

— Tôi đã điện thoại cho công ty Thụy Điển chế tạo chiếc tủ sắt để biết chắc tình trạng mới nhất như thế nào, nhờ đó tôi có thể đưa sự việc vào bản phúc trình.

— Và ông đã khám phá ra điều gì?

Al Obaydi chột do dự, không rõ vị Biện lý Chính phủ biết đến mức độ nào.

— Ông đã khám phá ra điều gì? – Farrar hỏi lại.

— Chiếc tủ sắt đã được một người tên Riffat lấy đi.

— Ông có biết người có tên Riffat này không?

— Không, tôi không biết.

— Rồi ông đã làm gì sau đó?

— Tôi gọi điện thoại cho Bộ Công nghiệp, vì tôi định ninh rằng họ chịu trách nhiệm về chiếc tủ sắt.

— Và họ đã nói gì với ông?

— Họ nói trách nhiệm đó không còn thuộc về họ nữa.

— Có phải họ cũng nói với ông trách nhiệm đã được giao cho ai? – Vị Biện lý Chính phủ hỏi.

— Tôi không nhớ rõ.

— Thế thì để cho tôi thứ nhắc ông nhớ lại, hay là tôi sẽ gọi ông Bí thư thường trực là người ông đã nói chuyện điện thoại sáng hôm ấy.

— Tôi nghĩ có lẽ ông ta đã nói nó không còn thuộc trách nhiệm của họ nữa.

— Ông ta có nói trách nhiệm thuộc về ai hay không? – Vị Biện lý nhắc lại.

— Tôi nghĩ ông ta đã nói hồ sơ đã được gửi đến Geneva.

— Ông nên biết ông Bí thư đã viết báo cáo xác nhận điều đó

Al Obaydi cúi đầu.

— Thế rồi, ngay sau khi ông biết hồ sơ được gửi đến Geneva, ông đã làm gì sau đó?

— Tôi đã gọi điện thoại cho Geneva và được cho biết ông Đại sứ không rảnh. Tôi liền nhắc là tôi đã gọi và xin ông ấy gọi lại. – Al Obaydi nói một cách tự tin.

— Ông thực sự tin ông Đại sứ sẽ gọi lại hay sao?

— Tôi đoán ông ấy sẽ gọi.

— Ông đoán ông ấy sẽ gọi. Thế là ông đã viết trong bản báo cáo, trong hồ sơ chế tài?

— Hồ sơ? – Al Obaydi hỏi.

— Phải. Ông đã lập một báo cáo cho người kế nhiệm. Ông đã chuyển lại thông tin gì?

— Tôi không nhớ. – Al Obaydi nói.

— Thế thì tôi cho phép nhắc nhở ông một lần nữa, – vị Biện lý vừa nói vừa nhắc một tập hồ sơ mỏng màu nâu lên khỏi mặt bàn. “Bộ Công nghiệp đã gửi hồ sơ liên quan đến món này thẳng tới Geneva. Tôi đã điện thoại cho Đại sứ của chúng ta ở đó, nhưng không thể liên lạc được với ông ấy. Vì vậy tôi không thể biết gì hơn từ đầu này cho tới lúc ông ấy gọi điện thoại lại cho tôi. Hamid Al Obaydi”. Có phải ông đã viết như thế không?

— Tôi không thể nhớ.

— Ông không thể nhớ những gì ông Bí thư Thường trực đã nói với ông, ông không thể nhớ những gì ông đã viết trong bản báo cáo của chính mình khi tài sản quốc gia có thể đã bị lấy trộm, hoặc tệ hơn nữa... Nhưng tôi sẽ nói tới vấn đề đó sau này. Có lẽ ông muốn kiểm tra nét chữ của chính ông? – vị Biện lý nói trong lúc ông ta bước khỏi bàn và gí tờ giấy vào trước mặt Al Obaydi. – Đây có phải là nét chữ của ông?

— Vâng, nhưng tôi có thể giải thích.

— Và đây có phải là chữ ký của ông ở cuối trang giấy?

Al Obaydi cúi tới trước, xem xét kỹ chữ ký và gật đầu.

— Phải hay không? – vị Biện lý gằn giọng.

— Phải, – Al Obaydi nhẹ nhàng nói.

— Có phải buổi chiều hôm ấy, ông đã đến gặp Đại tướng Al-Hassan, Chỉ huy trưởng An ninh Quốc gia?

— Không, ông ấy đến gặp tôi.

— A, tôi đã nhầm lẫn. Chính ông ấy đã đến gặp ông.

— Vâng, – Al Obaydi nói.

— Ông định báo động cho ông ấy về việc một điệp viên thù địch rất có thể đang nhắm vào Iraq, đã tìm được cách qua biên giới, với ý định ám sát lãnh tụ của chúng ta?

— Tôi không thể biết được điều đó.

— Nhưng chắc hẳn ông đã nghi ngờ một điều gì đó không bình thường đang xảy ra?

— Tôi không chắc chắn vào lúc đó.

— Ông đã cho Đại tướng Al-Hassan biết về tình trạng không chắc chắn của ông?

— Không.

— Có phải vì ông không tin ông ấy?

— Tôi không quen biết ông ấy. Đó là lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau. Trước...

Al Obaydi hối tiếc đã nói như thế.

— Ông định nói gì? – vị Biện lý hỏi.

— Không có gì.

— Thế thì chúng ta hãy chuyển sang ngày kế tiếp, khi ông đi gặp ông Thứ trưởng Ngoại giao, bởi vì tôi có cảm tưởng chắc chắn ông ấy đã không đến gặp ông...

Câu nói đó khiến một số nhân vật quanh bàn mỉm cười, nhưng Al Obaydi không trông thấy họ.

— Vâng, một cú điện thoại bình thường để thảo luận việc bổ nhiệm của tôi đến Paris. Xét cho cùng, ông ấy là vị Đại sứ tiền nhiệm.

— Đúng. Nhưng ông ấy không phải là thượng cấp trực tiếp của ông?

— Vâng, – Al Obaydi nói.

— Thế là ông đã nói với ông ấy về những điều nghi ngờ của ông?

— Tôi không biết chắc là đã nói bất cứ chuyện gì với ông ấy.

— Ông đã nói với ông ấy về những điều nghi ngờ của ông? – Vị Biện lý lên giọng hỏi lại.

— Không.

— Ông ấy cũng không đáng tin hay sao? Hay là ông không biết rõ ông ấy?

— Tôi không chắc chắn. Tôi cần thêm bằng chứng.

— Tôi hiểu. Ông cần thêm bằng chứng. Thế rồi ông đã làm gì sau đó?

— Tôi đi đến Paris. – Al Obaydi nói.

— Vào ngày hôm sau? – Vị Biện lý Chính phủ hỏi.

— Không, – Al Obaydi nói với vẻ do dự.

— Có lẽ vào ngày sau nữa? Hay là ngày sau đó nữa?

— Có lẽ vậy.

— Trong thời gian đó, chiếc tủ sắt đang trên đường tới Baghdad. Có đúng thế không?

— Vâng, nhưng...

— Và ông cũng không thông báo cho bất cứ một ai? Cũng đúng như thế phải không

Al Obaydi không trả lời.

— Cũng đúng như thế phải không? – Farrar lớn tiếng.

— Vâng, nhưng vẫn còn có đủ thời gian...

— Đủ thời gian để làm gì? – Vị Biện lý Chính phủ hỏi.

Đầu của Al Obaydi lại gục xuống.

— Để cho ông đến được nơi an toàn ở Toà Đại sứ của chúng ta tại Paris chứ gì?

— Không, – Al Obaydi nói. – Tôi đã tiếp tục đi đến...

— Thế à? – Farrar nói. – Ông tiếp tục đi đến đâu?

Al Obaydi chợt nhận thức rằng mình đã rơi vào bẫy.

— Có lẽ đến Thụy Điển?

— Vâng. – Al Obaydi nói. – Nhưng chỉ vì...

— Ông đã kiểm tra chiếc tủ trên đường đi phải không? Hay là, như ông đã nói với ông Thứ trưởng Ngoại giao, ông chỉ đi nghỉ phép?

— Không, nhưng... Vâng nhưng, không nhưng....

— Có phải ông đã đi nghỉ phép ở Thụy Điển? Hay là ông đại diện cho Chính phủ?

— Tôi đại diện cho Chính phủ.

— Thế thì tại sao ông đã đi bằng vé loại rẻ nhất và không tính vào chi phí do Chính phủ đài thọ?

Al Obaydi không trả lời được.

Vị Biện lý cúi người về phía trước.

— Có phải vì ông không muốn bất cứ một ai biết ông đã đến Thụy Điển, khi các cấp trên của ông tưởng ông ở Paris?

— Vâng, nhưng sớm hay muộn...

— Sau đó có lẽ đã quá muộn. Có phải ông định nói với chúng tôi như thế chứ gì?

— Không. Tôi không nói như thế.

— Thế thì tại sao ông không chịu nhấc một máy điện thoại lên và gọi ông Đại sứ của chúng ta ở Geneva. Ông ấy có thể giúp ông khỏi phải tốn kém mọi thứ và tránh được chuyện rắc rối. Có phải bởi vì ông cũng không tin tưởng ông ấy? Hay là có lẽ ông ấy không tin tưởng ông?

— Tất cả đều không phải. – Al Obaydi vừa lớn tiếng vừa đứng vụt lên, nhưng mấy vệ binh chộp lấy vai ông ta và xô ông ta trở xuống ghế.

— Bây giờ ông đã bớt nóng giận, vị Biện lý trầm tĩnh nói. – Có lẽ chúng ta có thể tiếp tục. Ông đã đến Thụy Điển, đúng hơn là đến Kalmar để đúng hẹn với ông Pedersson, người mà dường như ông đã vui lòng điện thoại.

Vị Biện lý lại xem các ghi chép trước khi nói tiếp:

— Và mục đích của cuộc viếng thăm này là gì, sau khi ông đã xác nhận không phải ông đi nghỉ phép.

— Tôi cố tìm xem ai là kẻ lấy trộm chiếc tủ sắt.

— Hay là để biết chắc chắn là tủ sắt đã lên đường theo kế hoạch của ông?

— Chắc chắn không phải, – Al Obaydi nói, giọng bắt đầu lớn. – Chính tôi là người đã khám phá ra kẻ mang tên Riffat đó là điệp viên Kratz của Mossad.

— Ông đã biết rằng Riffat là một điệp viên của Mossad? – Vị Biện lý chất vấn với vẻ hoài nghi pha giễu cợt.

— Vâng, tôi đã phát giác ra khi tôi đến Kalmar, – Al Obaydi nói.

— Nhưng ông lại nói với ông Pedersson rằng ông Riffat là một con người rất kỹ lưỡng, một con người có thể tin tưởng. Tôi nói có đúng không? Thế là giờ đây cuối cùng chúng tôi tìm được một người mà ông có thể tin tưởng.

— Đó chỉ là vì tôi không muốn ông Pedersson biết điều tôi đã khám phá ra.

— Tôi không nghĩ ông muốn bất cứ người nào biết điều ông đã khám phá

ra, như tôi sẽ tiếp tục trình bày. Ông đã làm gì sau đó?

— Tôi đã bay trở về Paris.

— Và ông đã qua đêm ở Toà Đại sứ?

— Vâng, nhưng tôi chỉ tạm ngừng trên đường đi Jordan.

— Tôi sẽ nói tới chuyến đi của ông đến Jordan một lát nữa, nếu tôi có thể. Nhưng điều tôi muốn biết lúc này là tại sao khi ông trở về Toà Đại sứ của chúng ta ở Paris, ông lại không gọi ngay cho ông Đại sứ của chúng ta ở Geneva để thông báo với ông ấy về điều ông đã khám phá ra? Chẳng những ông Đại sứ đang ở nhà, mà ông ấy còn nhận một cú điện thoại từ một người khác trong số nhân viên của Toà Đại sứ sau khi ông đã đi ngủ.

Al Obaydi đột nhiên nhận thức được Farrar biết nhiều như thế nào. Ông ta cố lấy lại bình tĩnh.

— Mỗi quan tâm duy nhất của tôi là trở về Baghdad để cho ông Bộ trưởng Ngoại giao biết mối nguy hiểm mà lãnh tụ của chúng ta đang gặp phải.

— Như vụ ném bom sắp xảy ra của Mỹ lên đại bản doanh Mukhbarat, – vị Biện lý Chính phủ gợi ý.

— Tôi không biết những gì bọn Mỹ đang dự tính. – Al Obaydi lớn tiếng.

— Tôi hiểu. – Farrar nói. – Quả thực không phải là một sự trùng phùng vui vẻ gì trong khi ông ngủ êm ấm trên giường ở Paris thì các tên lửa Tomahawk rơi như mưa lên Baghdad.

— Nhưng tôi đã trở về Baghdad ngay sau khi nghe tin về vụ oanh tạc, – Al Obaydi biện hộ.

— Có lẽ ông sẽ không quá vội vã trở về như thế nếu bọn Mỹ đã thành công trong việc ám sát vị lãnh tụ của chúng.

— Nhưng bản báo cáo của tôi đã chứng thực...

— Và bản báo cáo đó ở đâu?

— Tôi đã có ý định viết trên cuộc hành trình từ Jordan đến Baghdad.

— Thuận tiện quá. Và ông đã khuyên ông bạn Riffat đáng tin cậy của ông gọi điện thoại cho ông Bộ trưởng Công nghiệp để hỏi xem ông ta có được trông đợi hay không?

— Không, tôi không làm việc đó, – Al Obaydi nói. – Nếu bất cứ điểm nào trong điều này là đúng sự thực, thì tại sao tôi phải làm việc hết sức vất vả để biết rõ vị lãnh tụ vĩ đại của chúng ta đã giữ an toàn bản Tuyên ngôn?

— Tôi đã vui mừng vì ông đã nhắc tới bản Tuyên ngôn, – vị Biện lý Chính phủ dẹt dẹt nói, – bởi vì tôi cũng đang mù tịt về vai trò ông đóng trong công việc đặc biệt này. Nhưng trước hết hãy để tôi hỏi. Ông có tin cậy vị Đại sứ của chúng ta ở Geneva để đảm đương công việc chuyển giao bản Tuyên ngôn về Baghdad?

— Vâng, tôi tin.

— Và nó có đến Baghdad một cách an toàn hay không? – Vị Biện lý vừa hỏi vừa liếc mắt về tấm giấy da nhỏ, vẫn còn đóng bằng đinh vào bức tường phía sau Saddam.

— Vâng, an toàn.

— Thế thì tại sao ông lại không tin giao thông tin mà ông đã tìm hiểu được về chiếc tủ sắt cho cùng một người trong lúc ông vẫn nhớ rằng đó là trách nhiệm của ông ấy?

— Đây là vấn đề khác.

— Chắc chắn như vậy, và tôi sẽ trưng bày với Hội đồng nó khác như thế nào. Bản Tuyên ngôn đã được trả tiền như thế nào?

— Tôi không hiểu? – Al Obaydi nói.

— Thế thì hãy để cho tôi làm cho ông dễ hiểu hơn. Mỗi lần trả tiền được giải quyết như thế nào?

— Mười triệu đô la phải đưa ngay sau khi hợp đồng được thoả thuận, và chín mươi triệu đô la nữa khi bản Tuyên ngôn được chuyển giao.

— Và trong số tiền đó – tiền của quốc gia – Ông đã giữ riêng cho ông bao nhiêu?

— Không một xu.

— Tốt. Chúng ta sẽ xem đó có phải là hoàn toàn chính xác hay không. Nhưng cuộc gặp gỡ đã diễn ra ở đâu để trao đổi những số tiền quá lớn như thế?

— Lần trả đầu tiên được thực hiện trong một ngân hàng ở New Jersey, và lần thứ hai cho công ty Dummond, một trong những ngân hàng của chúng ta ở Thụy Sĩ.

— Và lần trả đầu tiên gồm mười triệu đô la, nếu tôi hiểu đúng, ông đã yêu cầu phải trả bằng tiền mặt.

— Điều đó không đúng, – Al Obaydi nói. – Phía bên kia đã yêu cầu phải trả bằng tiền mặt.

— Thuận tiện quá. Nhưng rồi, một lần nữa, chúng tôi chỉ có lời nói của ông làm bằng, bởi vì ông Đại sứ của chúng ta ở New York đã phát biểu chính ông ta yêu cầu lần trả đầu tiên phải bằng tiền mặt. Có lẽ ông ấy cũng đã hiểu lầm ông. Nhưng chúng ta hãy nói sang lần trả thứ hai. Và ông hãy đính chính nếu tôi đã hiểu lầm ông.

Vị Biện lý ngừng một lát rồi tiếp:

— Có phải tiền đã được chuyển thẳng vào công ty Franchard?

— Đúng thế, – Al Obaydi nói.

— Và ông đã nhận lại một số tiền ăn chia sau mỗi lần trả?

— Chắc chắn không.

— Tốt. Điều chắc chắn là, vì lần trả đầu tiên được thực hiện bằng tiền

mặt, bất cứ ai cũng khó chứng minh ngược lại. Nhưng về lần trả thứ hai...

Vị Biện lý ngừng lại để cho ý nghĩa lời nói của ông thấm sâu.

— Tôi không biết ông đang nói chuyện gì? – Al Obaydi rít lên.

— Thế thì trí nhớ của ông phải có một sai sót nữa, bởi vì trong thời gian ông đi vắng, khi ông vội vã trở về từ Paris để cảnh báo Tổng thống về mối nguy hiểm sắp xảy ra cho tính mạng của Ngài, ông đã nhận được một thông báo của công ty Franchard mà vì bức thư đề địa chỉ ông Đại sứ của chúng ta ở Paris cuối cùng nằm trên bàn của ông Thứ trưởng Ngoại giao.

— Tôi không có liên lạc với công ty Franchard...

— Tôi không có ý nói như vậy, – vị Biện lý nói trong lúc ông sai bước tới cách Al Obaydi chừng một mét. – Tôi chỉ có ý nói họ đã liên lạc với ông. Bởi vì họ đã gửi cho ông bản kê khai các khoản tiền gửi vào và rút ra gần đây nhất của ông với tên Hamid Al Obaydi, đề ngày 25 tháng 7 năm 1993, cho thấy tài khoản đã được trả vào một triệu đô la vào ngày 18 tháng 2 năm 1993.

— Không thể như thế được, – Al Obaydi nói với vẻ thách thức.

— Không thể như thế sao? – Vị Biện lý vừa nói vừa ném một bản sao của bản kê khai trước mặt Al Obaydi.

— Cái này rất dễ giải thích. Gia đình Cavalli đang cố trả thù vì chúng ta đã không chịu trả đủ số tiền một trăm triệu đô la như đã hứa hẹn ban đầu.

— Trả thù, đó chính là ông nói. Tiền không phải là thực hay sao? Chẳng lẽ nó không hiện hữu? Đây chỉ là một mảnh giấy à? Một ảo tưởng của chúng tôi?

— Vâng, – Al Obaydi nói. – Đó là sự thực.

— Như vậy có lẽ ông có thể giải thích tại sao một trăm nghìn đô la được rút ra khỏi tài khoản này một ngày sau khi ông đã viếng thăm công ty Franchard?

— Không thể như thế được.

— Lại một điều không thể nữa sao? Một ảo tưởng nữa của chúng tôi à? Thế thì ông giải thích ra sao khi lệnh rút một trăm nghìn đô la được gửi đến cho ông mấy ngày sau? Chữ ký trên đó rất giống chữ ký trên bản phúc trình về chế tài mà ông đã nhìn nhận là xác thực.

Vị Biện lý giơ hai bản tài liệu trước mặt Al Obaydi sát vào chóp mũi của ông ta. Ông ta nhìn vào hai chữ ký và nhận thức được những gì Cavalli đã làm.

Vị Biện lý tuyên án tử hình trước cả khi Al Obaydi được phép giải thích.

— Và bây giờ chắc là ông sắp sửa yêu cầu Hội đồng tin rằng cũng chính Cavalli đã giả mạo chữ ký của ông?

Những tiếng cười nhỏ từ từ chuyển quanh bàn và Al Obaydi tin chắc rằng vị Biện lý biết rõ ông ta đang nói sự thực.

— Tôi đã chán ngấy chuyện này, – người duy nhất trong phòng dám ngắt lời vị Biện lý lên tiếng.

Al Obaydi ngược lên với một cố gắng cuối cùng lôi cuốn sự chú ý của vị Tổng thống, nhưng ngoại trừ vị Biện lý Chính phủ. Cả Hội đồng đang nhìn về phía đầu bàn và gật đầu đồng ý.

— Hội đồng có những vấn đề cấp bách hơn cần phải xem xét. – Saddam vừa nói vừa vẫy một bàn tay như thể đang xua một con ruồi gây khó chịu.

Hai quân nhân liền bước tới và đưa Al Obaydi khỏi mắt ông ta

— Mọi việc dễ hơn nhiều so với những gì chúng ta chờ đợi. – Cohen nói, sau khi họ đã qua khỏi các trạm kiểm tra của Iraq.

— Có lẽ hơi quá dễ, – Kratz nói.

— Thật là thú vị khi chúng ta có một người lạc quan và một người bi quan trong chuyến đi này, – Scott nói.

Sau khi Cohen đã cho xe chạy trên xa lộ, anh ta vẫn thận trọng không vượt quá tám mươi cây số giờ. Những chiếc xe tải chạy theo hướng ngược lại về phía Jordan ít khi có hơn hai ngọn đèn pha cháy sáng, khiến cho một đôi lần ở từ xa trông giống như mô tô, vì vậy thật là nguy hiểm khi vượt qua. Nhưng mắt anh ta cần phải hết sức cảnh giác đối với các chiếc xe tải chạy phía trước, đối với chúng, một ngọn đèn đỏ phía sau đã là một sự xa xỉ.

Kratz vẫn luôn luôn nghĩ cuộc hành trình gần năm trăm cây số từ biên giới Baghdad quá dài và không thể chạy một mạch, vì thế ông đã quyết định họ sẽ nghỉ ngơi một lát khi còn cách thủ đô của Iraq khoảng năm mươi cây số.

Scott hỏi Cohen lúc nào theo ý anh ta sẽ đến nơi nghỉ.

— Giả sử tôi không đâm đầu vào một chiếc xe tải bị phế bỏ đậu ở giữa đường hoặc lọt thỏm xuống một lỗ nước xói, tôi nghĩ chúng ta sẽ đến đó vào khoảng bốn, năm giờ là chậm nhất.

— Tôi không thích thấy tất cả những chiếc xe nhà binh đó chạy trên đường. Anh nghĩ họ có thể làm gì? – Kratz hỏi, ông ta đã không chớp mắt kể từ khi họ qua biên giới.

— Một tiểu đoàn đang chuyển quân, tôi đoán thế, thưa ông. Đối với tôi, điều đó không có vẻ bất thường, và tôi nghĩ chúng ta không cần phải lo ngại họ trừ phi họ đi cùng hướng với chúng ta.

— Có lẽ anh nói đúng, – Kratz bảo.

— Nếu ông qua biên giới một cách hợp pháp, chắc là ông đã không suy nghĩ như thế.

— Có lẽ... Nhưng, Trung sĩ, – Kratz vừa nói vừa quay sự chú ý trở lại Cohen, – anh hãy cho tôi biết ngay lúc anh thấy bất cứ điều gì mà anh cho là

bất thường.

— Có phải ông muốn nói, như một người phụ nữ đang nhìn lại một lần thứ hai?

Kratz không bình luận. Ông quay sang hỏi Scott một câu và nhận thấy anh lại ngủ gật. Ông ganh tỵ tính dễ ngủ của Scott ở bất cứ nơi đâu và vào bất cứ lúc nào, đặc biệt khi đang lâm vào tình trạng căng thẳng như thế này.

Trung sĩ Cohen tiếp tục lái xe suốt đêm, không phải luôn luôn theo một đường thẳng, vì anh ta thỉnh thoảng phải tránh một chiếc xe tăng bị đốt cháy hoặc một hố bom lớn do chiến tranh để lại. Họ cứ liên tục di chuyển qua những thị trấn nhỏ và những thôn làng đang ngủ yên tựa hồ không có người ở, cho tới lúc bốn giờ mấy phút, khi Cohen tách khỏi xa lộ và đi vào một con đường mòn rất có thể chỉ được lưu thông một chiều. Anh ta lái xe trong hai mươi phút nữa, cuối cùng dừng lại khi con đường chấm dứt tại một ngọn đồi cao.

— Ngay cả một con chim kèn kèn cũng không tìm được chúng ta ở đây, – Cohen nói trong lúc anh ta tắt máy xe. – Đại tá có cho phép hút một điếu thuốc và chợp mắt một chút?

Kratz gật đầu và quan sát Cohen nhảy ra khỏi buồng lái và đưa cho Aziz một điếu thuốc trước khi biến dạng vào phía sau một cây cọ. Ông kiểm tra miền thôn dã chung quanh một cách cẩn thận, và quyết định Cohen nói đúng.

Khi ông trở lại xe, ông nhận thấy Aziz và viên trung sĩ đã ngủ, trong lúc Scott đang ngồi trên một ngọn đồi ngắm cảnh, mặt trời mọc về phía Baghdad.

— Thật là một cảnh tượng thanh bình. – Anh nói trong lúc Kratz ngồi xuống bên cạnh anh, hầu như anh đang nói với một người khác. – Chỉ có Chúa mới có thể tạo nên một cảnh mặt trời mọc đẹp như thế.

— Có điều gì đó không ổn, – Kratz khẽ nói.

CHƯƠNG 27

Saddam gật đầu nói với viên Biện lý:

— Bây giờ chúng ta đã giải quyết xong tên phản quốc, chúng ta hãy chuyển sang bọn khủng bố. Tình trạng gần đây nhất như thế nào, Đại tướng?

Đại tướng Hamil, biệt danh là “Thợ Cạo” của thành phố Baghdad liền mở tập hồ sơ trước mặt ông ta – có hồ sơ của từng người, kể cả những người đang ngồi xung quanh bàn.

Hamil đã học ở Sandhurst^[53] và trở về Iraq để tham gia Hội đồng Hoàng tộc, khi nhận thấy không còn vị vua nào để phục vụ ông ta chuyển lòng trung thành sang vị Tổng thống mới, Albul Karim Qasim. Rồi một viên Đại úy trẻ đổi phe trong cuộc đảo chính năm 1963 và đảng Baath nắm chính quyền. Một lần nữa, Hamil chuyển lòng trung thành, và được thưởng bằng một sự bổ nhiệm vào ban nhân viên của vị Phó Tổng thống mới, Saddam Hussein. Kể từ ngày hôm ấy, ông ta được thăng cấp một cách nhanh chóng. Hiện nay ông ta là viên Đại tướng được ưu ái của Saddam, Chỉ huy trưởng Đội quân Phòng vệ của Tổng thống. Ông ta có điểm độc đáo là người duy nhất, ngoại trừ các vệ sĩ của Tổng thống, được phép mang một vũ khí ở thắt lưng trước sự hiện diện của Saddam. Thú tiêu khiển thích thú nhất của ông ta là cạo đầu các nạn nhân trước khi họ bị treo cổ bằng một con dao cạo có cán mà ông ta không bao giờ nghĩ đến việc mài cho bén. Một vài người trong số họ đã khiến ông ta thất vọng vì phải chết trước khi có thể bị tròng dây thừng quanh cổ.

Hamil nghiên cứu hồ sơ một hồi trước khi phát biểu ý kiến:

— Bọn khủng bố đã qua biên giới lúc 21 giờ 26 phút đêm hôm qua. Bốn số hộ chiếu đã được xuất trình cho nhân viên di trú để đóng dấu. Ba cái có

xuất xứ từ Thụy Điển và một cái xuất xứ từ Iraq.

— Tôi sẽ đích thân lột da tên đó. – Saddam nói.

— Bốn tên đi trên một chiếc xe tải có vẻ cũ rích, nhưng vì chúng tôi không thể liêu lĩnh đến quá gần để nhìn, tôi không thể chắc chắn có phải chúng ta đang đối đầu với con ngựa thành Troy^[54] hay không? Chiếc tủ sắt mà Tổng thống đặt chế tạo nhất định ở trên phía sau của xe tải. Chiếc xe tải đã chạy không ngừng suốt đêm với một tốc độ đều đặn vào khoảng sáu mươi lăm cây số mỗi giờ về hướng Baghdad, nhưng vào lúc 4 giờ 9 phút sáng nay nó queo vào sa mạc, và chúng tôi không còn theo dõi được chuyển động của nó, vì con đường mòn đặc biệt đó không dẫn tới nơi nào nữa. Chúng tôi tin bọn chúng chỉ tách khỏi đường để nghỉ ngơi trước khi tiếp tục đi vào thủ đô trong buổi sáng hôm nay.

— Lúc này bọn chúng còn cách Baghdad bao nhiêu cây số? – Bộ trưởng Nội vụ hỏi.

— Sáu mươi lăm, hoặc tám mươi – một giờ tới một giờ rưỡi là tối đa.

— Thế thì, nếu lúc này bọn chúng đang bị kẹt trong sa mạc, tại sao Đại tướng không gửi binh lính vào ngăn chặn bọn chúng lại?

— Trong lúc bọn chúng đang chờ chiếc tủ sắt đến Baghdad hay sao? – Saddam nói. – Không. Như thế rất nguy hiểm cho chúng ta.

— Tôi không hiểu ý Tổng thống muốn nói gì? – Bộ trưởng Nội vụ vừa nói vừa quay về phía vị lãnh tụ.

— Thế thì tôi sẽ giải thích cho ông Bộ trưởng, – Saddam nói, nhấn mạnh mấy từ cuối một cách độc ác. – Nếu chúng ta chặn bắt bọn chúng trong sa mạc, ai sẽ tin chúng ta khi chúng ta nói với thế giới bọn chúng là những tên khủng bố. Báo chí phương Tây thậm chí sẽ phản bác rằng chúng ta đã đánh tráo hộ chiếu của chúng. Không, tôi muốn tóm bọn chúng ngay tại đây, trong phòng Hội đồng. Khi đó Mossad sẽ không thể nào phủ nhận sự dính líu của mình và quan trọng hơn nữa, chúng ta sẽ vạch trần âm mưu của bọn chúng và

biến bọn chúng thành một lũ ngu đần trong con mắt nhân dân Do Thái.

— Bây giờ tôi mới hiểu sự thông thái sâu sắc của Tổng thống.

Saddam vẫy tay và quay sự chú ý sang Bộ trưởng Công nghiệp:

— Các mệnh lệnh của tôi đã được thi hành rồi chứ?

— Từng chi tiết, thưa ngài. Khi bọn khủng bố đến Bộ, bọn chúng sẽ bị bắt phải chờ đợi, và sẽ được đối xử một cách cộc lốc cho đến khi bọn chúng xuất trình tài liệu chứng tỏ xuất phát từ văn phòng của ngài.

— Bọn chúng đã xuất trình một bức thư như thế ở biên giới. – Đại tướng Hamil nói, mắt vẫn còn nhìn xuống hồ sơ.

— Lúc một bức thư như thế được xuất trình cho văn phòng của tôi, – Bộ trưởng Công nghiệp nói tiếp. – Một cần cầu sẽ được cung cấp để cho chiếc tủ sắt có thể được chuyển vào trong toà nhà này. Tôi e rằng chúng ta sẽ phải phá bỏ mấy chiếc cửa trước toà nhà này, nhưng chỉ...

— Tôi không quan tâm đến mấy cánh cửa, – Saddam nói. – Ông dự đoán lúc nào thì chiếc tủ sắt sẽ đến bên ngoài toà nhà?

— Khoảng mười hai giờ trưa, – Đại tướng Hamil nói. – Tôi sẽ đích thân điều khiển toàn bộ hoạt động ngay sau khi chiếc tủ sắt đã ở bên trong toà nhà, thưa Tổng thống.

— Tốt. Và cố làm sao cho bọn khủng bố trông thấy được bản Tuyên ngôn trước khi bọn chúng bị bắt.

— Nếu bọn chúng tìm cách phá huỷ bản Tuyên ngôn thì sao, thưa ngài?

— Không bao giờ. – Saddam nói. – Bọn chúng đã đến Baghdad cốt để chỉ lấy trộm bản Tuyên ngôn, chứ không phải để phá huỷ tài liệu lịch sử thống thiết đó.

Hai ba người ngồi chung quanh bàn gập đầu đồng ý, trong lúc vị Tổng thống nói tiếp:

— Không một ai trong số các ông, ngoại trừ Đại tướng Hamil và nhân viên thân cận nhất của ông ấy, được đến bất cứ nơi nào gần toà nhà này trong hai mươi bốn giờ sắp tới. Càng có ít người biết chuyện đang thực sự xảy ra càng tốt; thậm chí không nói gì đến viên sĩ quan trực nhật. Tôi muốn các biện pháp an ninh bên ngoài có vẻ lỏng lẻo. Như thế bọn chúng sẽ rơi ngay vào bẫy của chúng ta.

Đại tướng Hamil gật đầu.

— Ông Biện lý, – Saddam vừa nói vừa quay sự chú ý về phía đầu bàn đăng kia, – cộng đồng quốc tế sẽ nói gì khi hay tin tôi tóm được lũ lợn Do Thái?

— Bọn chúng là những tên khủng bố, thưa ngài, và đối với bọn khủng bố, chỉ có thể có một bản án. Nhất là sau khi Mỹ phóng hoả tiễn lên đầu các thường dân vô tội mới cách đây mấy ngày.

Saddam mỉm cười.

— Còn vấn đề gì nữa không?

— Chỉ còn một vấn đề, thưa ngài, – Thứ trưởng Ngoại giao nói. – Ngài muốn làm gì đối với cô gái?

— À phải, – Saddam vừa nói vừa mỉm cười lần đầu tiên. – Bây giờ thì cô ta đã đạt mục đích, tôi phải nghĩ ra cách thích hợp nhất để chấm dứt tính mạng cô ta. Lúc này cô ta đang ở đâu?

Trong lúc chiếc xe tải bắt đầu cuộc hành trình chậm chạp trở lại theo con đường mòn nhỏ xíu vắng vẻ, tới phiên Aziz cầm lái và Cohen ở phía sau với bà Bertha, Scott cảm thấy lần này không khí trong buồng lái đã thay đổi. Khi

họ rời khỏi xa lộ để nghỉ ngơi, anh vẫn còn tin họ không đến nỗi lâm nguy. Nhưng sự im lặng ảm đạm của buổi sáng đã khiến anh bỗng nhận thức rõ công việc họ đang đảm trách cùng nhau.

Họ đã có Kratz để cảm ơn về ý nghĩ độc đáo, và đã phối hợp với sự pha trộn đặc biệt của trí tưởng tượng, tính kỷ luật, lòng can đảm cùng sự giả vờ không một ai biết gì về việc họ đang làm. Scott có cảm tưởng họ đã có khả năng thoát thân, nhất là giờ đây họ đã biết chính xác bản Tuyên ngôn đang ở đâu.

Khi họ ra tới đường cái, Aziz hỏi đùa:

— Phải hay trái?

Scott nói:

— Trái.

Nhưng Aziz lại quẹo phải.

Trong lúc họ chạy theo xa lộ về phía Baghdad, mặt trời chiếu sáng từ một bầu trời không mây chắc sẽ khiến bất cứ du khách nào cũng phải thích thú, mặc dù những chiếc xe tăng bị cháy rụi và những hố bom giữa đường không thể được xem như những hình ảnh hấp dẫn. Không một ai nói gì trong lúc nhiều cây số lướt qua.

Họ không cần phải rà soát lại các kế hoạch một lần nữa. Như thế chẳng khác gì một cuộc tập luyện vào buổi sáng thi đấu Thế vận hội – hoặc là quá muộn, hoặc là không còn có giá trị nữa.

Trong mười lăm cây số cuối cùng họ vào một xa lộ cao tốc giống hệt như ở Đức. Trong lúc họ chạy qua một cây cầu mới xây dựng trên sông Euphrates, Scott bắt đầu tự hỏi anh còn cách Hannah bao nhiêu, và anh có thể tự mình lọt vào Bộ Ngoại giao mà Kratz cũng như người Iraq chẳng biết gì hay không.

Khi họ tới vùng ngoại ô của Baghdad với những toà nhà chọc trời sáng

bóng và công trình kiến trúc hiện đại, cứ như họ đang đi vào bất cứ thành phố lớn nào trên thế giới – cho tới lúc họ trông thấy người dân. Có nhiều dãy xe hơi xếp hàng ở các trạm xăng trong một đất nước mà tài sản chính là dầu mỏ, nhưng hàng người chờ mua thực phẩm còn dài hơn gấp bội. Tất cả bốn người có thể trông thấy rõ các biện pháp chế tài thật là đau xót, tuy nhiên Saddam vẫn cực lực phủ nhận điều đó.

Họ chạy xe tới gần trung tâm thành phố, theo con đường qua phía dưới Al-Naser, vòng cầu đồ sộ với hai cây kiếm chéo nhau được nắm chặt trong bàn tay đúc kim loại của Saddam. Không cần phải chỉ đường cho Aziz đến Bộ Công nghiệp, anh ta ước mong vẫn còn sống ở Baghdad, nhưng anh ta đã không bước vào thành phố kể từ khi cha anh bị hành hình vì tội tham dự vào cuộc đảo chính bất thành năm 1987. Nhìn những người đồng hương qua khung cửa sổ, anh ta vẫn có thể ngửi thấy mùi vị của nỗi sợ hãi trong lỗ mũi.

Trong lúc họ chạy qua những tàn tích của đại bản doanh Mukhbarat bị dội bom, Scott để ý thấy chiếc xe cứu thương không có người đậu bên ngoài trung tâm tình báo Iraq. Nó được xếp đặt có lợi cho các máy quay phim của đài truyền hình CNN hơn bất cứ một mục đích thực tiễn nào khác, anh tin chắc như thế.

Khi Aziz trông thấy toà nhà Bộ Công nghiệp lù lù trước mặt, anh ta liền chỉ cho Scott. Scott còn nhớ mặt tiền trong tập ảnh do Kratz cung cấp. Nhưng mắt anh di chuyển lên các tháp súng trên nóc Bộ Ngoại giao, chỉ cách một khoảng ngắn.

Aziz thẳng xe lại khi qua khỏi cổng Bộ Công nghiệp chừng một trăm mét.

— Tôi sẽ làm càng nhanh càng tốt. – Scott vừa nói vừa nhảy ra khỏi buồng lái và đi trở lại về phía toà nhà.

Trong lúc anh trèo lên các bậc thềm, anh không trông thấy một người đàn ông trong một khung cửa sổ của toà nhà đối diện đang nói chuyện điện thoại với Đại tướng Hamil. Một tên tóc vàng cao lớn vừa đứng phía trước xe đang

bước vào toà nhà, nhưng ba tên còn lại, kể cả Kratz vẫn ở bên cạnh chiếc tủ sắt.

Scott đẩy cánh cửa xoay và đi qua hai người lính gác vẻ như họ không di chuyển quá vài mét mỗi ngày. Anh bước tới bàn chỉ dẫn và đứng vào hàng người ngăn nhất trong ba hàng. Chiếc đồng hồ một kim phía trên bàn cho biết lúc đó khoảng 9 giờ 30.

Phải mất thêm mười lăm phút nữa, Scott mới đến được quầy. Anh giải thích với cô gái rằng tên anh ta là Bernstrom và anh cần gặp ông Kajami.

— Ông có hẹn trước không? – Cô ta hỏi.

— Không, – Scott nói. – Chúng tôi đã gọi từ Jordan để báo trước cho ông ấy rằng một chiếc tủ sắt mà Chính phủ đã đặt mua đang trên đường đến Baghdad, ông ấy đã yêu cầu chúng tôi thông báo cho ông ấy lúc nó đến nơi.

— Tôi sẽ xem ông ấy có trong văn phòng không. – Cô tiếp tân nói.

Scott vừa chờ đợi vừa ngược mắt nhìn lên bức chân dung khổng lồ của Saddam Hussein mặc quân phục bao quát cả các bức tường màu xám một cách khác thường của khu tiếp tân.

Cô gái thận trọng lắng nghe một người nào đó ở đầu bên kia của đường dây trước khi nói:

— Một người sẽ xuống gặp ông trong vài phút nữa.

Rồi cô ta quay sự chú ý tới người kế tiếp trong hàng người đang xếp nối đuôi nhau.

Scott loanh quanh trong ba phút nữa trước khi một người đàn ông cao gầy mặc một bộ âu phục bước ra khỏi thang máy và đi về phía anh.

— Ông Bernstrom?

— Vâng. – Scott vừa nói vừa quay lại nhìn thẳng vào mặt người đàn ông.

— Chào ông, – anh ta nói một cách tự tin bằng tiếng Anh. – Tôi là

Ibrahim, trợ lý riêng của ông Kajami. Tôi có thể giúp gì cho ông?

— Tôi đã đưa một chiếc tủ sắt từ Thụy Điển, – Scott nói. – Nó được quý Bộ đặc mua cách đây mấy năm nhưng do các biện pháp chế tài của Liên Hiệp Quốc, cho nên không thể được giao sớm hơn. Chúng tôi đã được căn dặn khi chúng tôi đến Baghdad, chúng tôi phải báo cáo với ông Kajami.

— Ông có giấy tờ gì để chứng minh cho việc này?

Scott liền lấy tập hồ sơ ra khỏi túi xách và cho Ibrahim xem các giấy tờ trong đó.

Người đàn ông đọc qua mỗi tài liệu một cách chậm rãi cho đến khi ông ta xem tới bức thư do Tổng thống ký. Anh ta không đọc thêm nữa, ngược mắt lên và hỏi:

— Tôi có thể xem chiếc tủ sắt này chứ, ông Bernstrom?

— Tất nhiên, – Scott nói. – Xin ông theo tôi.

Scott dẫn người đàn ông ra đường và đưa đến chiếc xe tải.

Cohen chăm chú nhìn xuống họ. Khi Kratz ra lệnh, anh ta giật tấm vải dầu khỏi chiếc tủ sắt để cho viên chức Iraq có thể đích thân kiểm tra bà Bertha.

Scott hết sức lấy làm lạ vì những người qua lại trên phố không hề liếc mắt chiếc tủ sắt. Có điều họ bước nhanh hơn một chút. Nỗi sợ hãi trong dân chúng nơi đây tự biểu lộ bằng cách không hiểu kỳ.

— Xin đi theo tôi, ông Bernstrom. – Ibrahim nói.

Scott theo anh ta trở lại khu vực tiếp tân. Đến đây anh ta trở lên lầu không nói thêm tiếng nào.

Scott bị bỏ lại đó chờ đợi thêm ba mươi phút nữa Ibrahim mới trở lại.

— Ông phải đưa chiếc tủ sắt đến Quảng trường Chiến thắng, ở đó ông sẽ được trông thấy một hàng rào với một chiếc xe tăng đậu trước một toà nhà lớn màu trắng. Họ đang chờ ông.

Scott định hỏi Quảng trường Chiến thắng ở đâu thì Ibrahim đã quay người bước đi. Anh liền trở lại chiếc xe tải, gặp Kratz và Aziz ở phía trước rồi thông báo tin tức. Aziz bảo không cần chỉ đường.

— Tôi vui mừng thấy chúng ta được đối đãi không có gì đặc biệt, – Kratz nói.

Scott gật đầu công nhận trong lúc Aziz thận trọng cho xe chạy. Lúc này sự lưu thông đã dày đặc hơn nhiều. Những chiếc xe tải và xe du lịch nhốn cò liên tục, cố di chuyển từng tắc một.

— Chắc phải có một tai nạn. – Scott nói, cho tới khi họ queo qua góc đường và trông thấy ba thi thể treo toòng teng trên cái giá treo cổ theo kiểu dã chiến: một người đàn ông mặc một bộ com lê loại đắt tiền, một người đàn bà có lẽ hơi trẻ hơn và một người đàn bà khác già hơn nhiều. Khó mà chắc chắn được với những chiếc đầu đã bị cạo trọc lóc của họ.

Ông Kajami ngồi ở bàn làm việc, quay số vừa được đưa đến cho ông ta, về chờ đợi.

— Đây là văn phòng của Thứ trưởng Ngoại giao tôi tên Saib...

— Tôi là Bộ trưởng Công nghiệp. Có thể cho tôi nói chuyện với ông Thứ trưởng Ngoại giao?

— Tôi e lúc này ông ấy không có ở trong văn phòng, thưa ông Kajami. Tôi sẽ yêu cầu ông ấy gọi lại cho ông, hay là ông muốn nhắn lại?

— Tôi sẽ nhắn lại, nhưng có lẽ ông ấy cũng có thể gọi lại cho tôi khi ông ấy trở về.

— Chắc chắn, thưa ông Bộ trưởng.

— Nhờ cô nhắn lại cho ông ấy biết rằng chiếc tủ sắt từ Thụy Điển đã đến và như vậy đã được gạch tên khỏi danh sách chế tài.

Sau một hồi lâu im lặng, ông ta nói tiếp:

— Cô vẫn còn ở đó chứ, cô Saib?

— Vâng, Tôi chỉ đang ghi lại lời ông nói, thưa ông.

— Nếu ông ấy cần xem các tờ khai có liên quan, chúng tôi còn giữ ở Bộ Công nghiệp, nhưng nếu ông ấy muốn kiểm tra chiếc tủ sắt, thì nó đã trên đường đến đại bản doanh Baath.

— Tôi hiểu, thưa ông. Tôi sẽ lưu ý chuyển ngay cho ông ấy cái tin này khi ông ấy trở về.

— Cảm ơn, cô Saib.

Kajami đặt máy điện thoại trở lên giá, đưa mắt về phía Thứ trưởng Ngoại giao ở bên kia bàn làm việc và mỉm cười.

CHƯƠNG 28

Aziz dừng chiếc xe tải lại trước một chiếc xe tăng. Một quân nhân đang đi lại quanh đó, trông đang có vẻ hoạt động nhiều.

— Tôi cứ tưởng một cuộc biểu dương lực lượng lớn hơn này. – Kratz nói.
– Xét cho cùng, đúng là đại bản doanh Baghdad.

— Có lẽ Saddam đang ở trong dinh, hoặc thậm chí ra khỏi Baghdad, – Aziz gợi ý trong lúc hai quân nhân tiến về phía họ.

Người thứ nhất la lớn:

— Ra ngoài!

Và họ từ từ nghe lời. Ngay sau khi cả bốn người xuống đất gã quân nhân ra lệnh họ đứng cách xa chiếc xe tải mấy mét trong khi hai quân nhân khác nhảy lên phía sau và giở tấm vải dầu ra.

— Người này là một thiếu tá, – Aziz thì thào trong lúc một người đàn ông bệ vệ đầy huy chương chiến công với một máy điện thoại di động trên tay tiến về phía họ.

Ông ta ngừng lại và nhìn lên chiếc tủ sắt với vẻ nghi ngờ trước khi quay về phía Kratz và tự giới thiệu là thiếu tá Saeed.

— Mở ra, – anh ta chỉ nói thêm.

Kratz liền chỉ Scott và anh trèo lên phía sau chiếc xe tải trong khi mấy quân nhân khác nữa bao quanh chiếc xe giám sát anh trình diễn thao tác mở. Ngay sau khi Scott kéo cánh cửa ra, viên thiếu tá theo anh lên phía sau chiếc xe, nhưng chỉ đến lúc một quân nhân kéo ông ta lên. Ông ta đứng thụt lùi lại một bước và ra lệnh hai người dưới quyền vào bên trong. Thoạt tiên, họ có vẻ

lo lắng, nhưng ngay sau khi đã vào bên trong chiếc tủ sắt, họ bắt đầu sờ vào thành tủ và còn nhảy lên để cố chạm tới nóc. Một lúc sau, Saeed đi theo họ, và đập mạnh thành tủ với chiếc gậy chỉ huy của anh ta. Rồi ông ta bước trở ra ngoài, nhảy xuống xe một cách nặng nề và quay lại phía Scott:

— Bây giờ chúng ta đợi một cần cầu. – Ông ta nói, có vẻ thân thiện hơn một chút, rồi quay số trên máy điện thoại.

Cohen trèo lên buồng lái và ngồi sau tay lái, chìa khoá vẫn còn ở trong ổ công tắc, trong khi Aziz vẫn ở phía sau với chiếc tủ sắt. Scott và Kratz dựa người vào thành tủ, cố tỏ ra vẻ chán ngán, trong lúc nói chuyện về các khả năng họ đang đương đầu.

— Chúng ta phải tìm cách lọt vào toà nhà phía trước chiếc tủ sắt, – Kratz nói và Scott gật đầu đồng ý.

Chiếc đồng hồ trong Quảng trường Chiến thắng gõ 12 giờ 30 trước khi Aziz nhận thấy cấu trúc cao, mảnh từ từ tiến tới quanh bức tượng Saddam khổng lồ. Cả bốn người cùng quan sát trong lúc đám quân nhân chạy ra đường để ngăn chặn luồng lưu thông và cho phép chiếc cần cầu lớn tiếp tục tiến tới không bị cản trở.

Scott giải thích cho viên thiếu tá rằng lúc này chiếc xe tải cần phải di chuyển tới một vị trí đối diện với cửa trước. Ông ta đồng ý mà không điện thoại. Khi chiếc xe tải đậu đúng vào nơi Scott muốn, cuối cùng thiếu tá Saeed thừa nhận rằng các cánh cửa sẽ phải gỡ ra khỏi bản lề nếu họ định đưa chiếc tủ sắt và xe đẩy vào trong toà nhà. Lần này ông ta gọi điện thoại và khi nghe câu hỏi của Scott “Bao lâu?”, ông ta chỉ nhún vai và trả lời: “Phải chờ”.

Scott kiên quyết lợi dụng thời gian “phải chờ”, và giải thích với viên thiếu tá và anh ta cần biết trước lộ trình mà chiếc tủ sắt sẽ qua sau khi họ đã vào toà nhà.

Viên thiếu tá do dự, gọi một cú điện thoại nữa, chờ một lúc trước khi ông ta nhận được một câu trả lời, rồi chỉ vào Scott và nói:

— Chỉ một mình ông.

Scott bỏ Kratz lại để sắp đặt cần cầu trong lúc nó chuẩn bị nhấc chiếc tủ sắt ra khỏi xe tải, và đi theo viên thiếu tá vào trong toà nhà.

Điểm đầu tiên mà Scott nhận thấy trong lúc anh bước dọc theo hành lang trải thảm là bề rộng và cảm giác vững chắc của nó. Cứ cách vài bước lại có một quân nhân uể oải lưng tựa vào tường và tất cả đứng nghiêm lại lúc họ trông thấy thiếu tá Saeed.

Ở cuối hành lang là một thang máy. Viên thiếu tá dứt một chìa khoá vào một cái ổ trong tường. Hai cánh cửa thang máy từ từ mở. Điều khiến cho Scott phải suy nghĩ là kích thước của chiếc tủ sắt nhất định đã được xác định bởi bề rộng của thang máy. Anh không chắc còn thừa một vài phân để xoay sở hay không khi họ đã thành công trong việc đưa bà Bertha đến đây.

Viên thiếu tá bấm một cái nút ghi số “6” mà Scott để ý thấy ở dưới cùng. Thang máy từ từ tụt xuống. Khi cửa mở, Scott theo thiếu tá Saeed vào một hành lang dài. Lần này anh có cảm tưởng trong hành lang đã được xây dựng để thoát khỏi khi có động đất. Khi dừng bước bên ngoài hai cánh cửa nặng nề được gia cố, được canh gác bởi hai quân nhân mang súng trường. Saeed hỏi một câu và cả hai quân nhân đều lắc đầu.

— Phòng Hội đồng đang trống, cho nên chúng ta có thể vào thẳng bên trong. – Ông ta giải thích rồi mở khoá cửa.

Scott đi theo ông ta vào phòng Hội đồng. Đôi mắt của anh nhanh chóng lướt quanh căn phòng. Việc đầu tiên anh trông thấy trên bức tường trong cùng là bức chân dung khác của Saddam, lần này trong bộ com lê gài chéo màu sẫm. Rồi anh nhận thấy một cái nút báo động màu đỏ bên cạnh một công tắc đèn mà Kratz đã báo trước cho anh.

Viên thiếu tá hối hả đi qua phòng Hội đồng, gây ấn tượng một người không có quyền ở đó, trong khi Scott đi càng chậm càng tốt. Thế rồi anh trông thấy nó, chỉ trong chốc lát, và tìm anh đập yếu hấn đi: bản Tuyên ngôn

Độc lập được đóng đinh trên tường, một góc bị rách và một số chữ ký rõ ràng có vẻ bị mờ đi.

Viên thiếu tá mở khóa cánh cửa đằng xa và Scott miễn cưỡng theo anh ta đi ra hành lang nối liền. Họ tiếp tục đi mấy bước nữa trước khi dừng lại trước một cái hốc lớn lót gạch mà Scott không cần đo cũng biết đã được xây có chủ đích vì biết trước chiếc tủ sắt sẽ được mang đến.

Scott bỏ thời gian để đo khoảng trống, trong lúc anh cố nghĩ cách có thể nhìn bản Tuyên ngôn lâu hơn. Sau vài ba phút, thiếu tá Saeed gõ nhẹ lên vai anh với chiếc gậy chỉ huy của ông ta và báo hiệu đã đến lúc họ phải quay lại sân. Scott miễn cưỡng theo ông ta trở xuống hành lang ngắn và vào phòng Hội đồng mà viên thiếu tá bước nhanh như chạy qua trong khi Scott nán lại để đo các cánh cửa.

Anh thích thú khi khám phá ra rằng chúng phải được tháo ra khỏi bản lề. Anh đứng thụt lùi lại một bước như thể đang xem xét kỹ vấn đề. Viên thiếu tá quay lại và vỗ vào một bên chân của anh với chiếc gậy chỉ huy của ông ta, khẽ bảo một điều gì đó qua hơi thở mà Scott tin chắc hoàn toàn không hay ho gì.

Scott lén nhìn sang bên phải, và xác nhận nỗi sợ hãi tồi tệ nhất: cho dù anh có thể hoán đổi hai bản Tuyên ngôn, sẽ cần phải có một thiên tài còn vĩ đại hơn cả Dollar Bill để sửa lại những hư hỏng mà Saddam gây nên.

— Nào. Nào. Chúng ta phải đi. – Viên thiếu tá nói.

— Và các cánh cửa này phải tháo ra thôi, – Scott nói và quay người lại chỉ mấy cái cửa ở đầu kia của phòng Hội đồng, nói tiếp, – và mấy cái kia cũng vậy.

Nhưng Saeed đã sải bước theo hành lang dài về phía thang máy đang mở cửa sẵn.

Hannah đặt máy điện thoại xuống và cố ngăn chặn cơn run của mình. Họ đã báo trước với nàng nhiều lần ở Herzliyah rằng cho dù mình nghĩ mình cứng cỏi đến đâu chẳng nữa, cho dù mình đã được huấn luyện giỏi đến đâu chẳng nữa, mình vẫn sẽ còn run.

Nàng xem đồng hồ. Bữa ăn trưa của nàng dự định trong vòng hai mươi phút, và mặc dù suốt ngày nàng ít khi rời khỏi toà nhà trừ phi đi công tác. Nàng biết nàng không thể ngồi lâu hơn nữa trong văn phòng đó và chỉ chờ đợi các sự việc xảy đến chung quanh nàng.

Viên Thứ trưởng Ngoại giao đã đi đến dinh lúc tám giờ sáng hôm nay và đã bảo nàng đừng đợi ông ta trở về cho tới năm giờ chiều là sớm nhất. Cơ bắp trên má nàng chột co giật trong lúc nàng đánh máy lại bản nháp tin của Bộ trưởng Công nghiệp. Trong mười lăm phút, nàng ngồi ở bàn làm việc và đặt kế hoạch làm sao cho giờ đồng hồ này trôi qua một cách dễ chịu nhất. Lúc nàng đã nghĩ ra việc cần phải làm, nàng liền nhắc máy điện thoại lên và yêu cầu một cô gái ở tổng đài nghe giúp nàng trong giờ nghỉ ăn trưa.

Hannah mang kính, rời khỏi phòng và bước nhanh dọc theo hành lang, để cho những người đi qua không nhìn kỹ được nàng.

Nàng đi theo lối cầu thang thay vì thang máy, bước nhanh qua tiền sảnh, khu tiếp tân, cửa xoay và đi ra thềm Bộ Ngoại giao.

— *Saib vừa mới rời khỏi toà nhà, – một người từ phía bên kia đường nói vào máy điện thoại di động. – Cô ta đang đi về hướng Quảng trường Chiến thắng.*

Hannah tiếp tục bước về phía Quảng trường. Những đám đông rộng lớn và ồn ào đến nỗi nàng lo sợ một cuộc treo cổ công cộng nữa chắc hẳn đã xảy ra. Khi nàng tới đầu đường và quẹo góc, nàng quay mắt đi trong lúc vạch một lối

đi qua những người đang đứng nhìn, một vài kẻ thậm chí còn cất tiếng cười trước cảnh tượng này.

— Một công chức hết sức cao cấp đấy, – một người nói đùa.

Một giọng nói khác nghiêm nghị hơn bảo rằng anh ta đã nghe đó là một nhà ngoại giao vừa mới trở về từ Mỹ đã bị bắt vì tội tham nhũng. Một người thứ ba, một phụ nữ lớn tuổi khóc khi một ai đó gợi ý rằng hai người kia là bà mẹ và cô em vô tội của người đàn ông.

Ngay lúc Hannah có thể trông thấy hàng rào, nàng bước chậm lại. Nàng dừng chân và nhìn qua đường về phía đại bản doanh của Đảng Baath. Nàng thích thú vì được ẩn mình trong một đám đông rộng lớn như thế này, cho dù thỉnh thoảng nàng lại bị che mắt.

— *Cô ta đang đối diện với đại bản doanh của đảng Baath.* – Giọng nói qua điện thoại tiếp tục.

Mắt Hannah dừng lại trên chiếc xe tải có nhiều quân nhân bao quanh, rồi nàng chợt trông thấy chiếc tủ sắt đồ sộ nằm ngất nghiêng trên phía sau xe và hai thanh niên đang buộc những cuộn dây thép lớn vào đế tủ. Một người có vẻ là dân Trung Đông, người kia hơi giống dân châu Âu. Thế rồi nàng trong thấy Kratz – hay đó có phải là Kratz? Ai đó vừa mất dạng phía sau xe tải. Nàng chờ người đó xuất hiện lại. Một lát sau, khi người đó hiện ra, nàng không còn nghi ngờ gì nữa: đó chính là người lãnh đạo tổ chức Mossad.

Nàng chợt nhận thức được rằng nàng không thể chờ đợi quanh quẩn ở một nơi công cộng như thế này lâu hơn nữa, và quyết định trở về văn phòng để xem xét những gì cần phải làm sau đây. Nàng nhìn Kratz một lần cuối trong lúc toán công nhân vệ sinh đi ra khỏi toà nhà, bước qua nền nhựa và hàng rào mà không một quân nhân nào để mắt đến.

Hannah bắt đầu bước ra xa Quảng trường Chiến thắng ngay lúc thiếu tá Saeed và Scott từ trong toà nhà đi ra sân.

— *Cô ta lại di chuyển, nhưng cô ta dường như không trở về Bộ.* – Người

đàn ông mang máy điện thoại di động lắng nghe một lúc rồi tiếp. – *Tôi không biết, nhưng tôi sẽ theo dõi cô ta và tường trình lại.*

Khi Scott bước trở ra sân, anh vui mừng thấy Kratz đã cho cần cầu vào vị trí để nhấc chiếc tủ sắt khỏi xe tải. Aziz và Cohen đang buộc các vòng dây thép dài quanh thân hình bà Bertha trong lúc chiếc xe đẩy được chế tạo một cách đặc biệt, mà ông Pedersson rất lấy làm hãnh diện, đã được đặt lên mặt đất giữa cửa trước và hông xe tải.

Scott nhìn lên chiếc cần cầu cao hơn cả toà nhà và nhìn trở xuống người điều khiển đang ngồi trong buồng lái rộng bên cạnh chân cột. Ngay sau khi Cohen và Aziz nhảy xuống xe, Kratz giơ hai ngón tay cái lên ra hiệu cho người điều khiển cần trục.

Một lúc sau, anh nghe tiếng rạo rạo của một bánh răng di chuyển vào vị trí. Anh quan sát trong lúc sợi cáp thép căng thẳng, tiếp theo sau là một tiếng khởi động khàn khàn của động cơ. Nhưng bà Bertha không hề lay chuyển dù chỉ một phân. Tiếng động cơ trở nên lớn hơn lần thứ hai, nhưng bà Bertha vẫn không động đậy.

Người điều khiển cần cầu đẩy cần số về phía trước và thử một lần thứ ba. Cuối cùng bà Bertha mới nhích lên vài phân khỏi phía sau chiếc xe tải, lắc lư qua lại. Một số quân nhân bắt đầu hoan hô, nhưng họ ngừng ngay lập tức khi viên thiếu tá quay nhìn trừng trừng về hướng họ.

Kratz gạt đầu và Cohen chạy qua khoảng nền rải nhựa và hạ tấm bảng phía sau xuống, rồi nhảy lên buồng lái ngồi vào sau tay lái của chiếc xe tải. Anh ta nổ máy, đẩy cần số vào số một và cho xe từ từ di chuyển về phía trước cho tới khi chiếc tủ sắt lơ lửng trên không. Lúc bấy giờ Aziz và Kratz đưa chiếc xe đẩy qua ít mét trên nền nhựa ngay phía dưới chiếc tủ sắt. Kratz lại

đưa hai ngón tay cái lên một lần thứ hai, và người điều khiển cần trục bắt đầu từ từ hạ thấp khối thép năm tấn từng phân một, cho tới khi nó nằm yên trên chiếc xe đẩy khiến cho các bánh xe cao su xẹp xuống.

Chiếc tủ sắt giờ đây nằm yên trước cánh cửa đôi, chờ thợ mộc đến trước khi nó có thể tiếp tục cuộc hành trình vào bên trong. Viên thiếu tá nhún vai ngay cả trước khi Kratz mở miệng hỏi.

Trong lúc Cohen thụt lùi chiếc xe tải vào một chỗ được chỉ định bởi viên thiếu tá, Scott chỉ tay vào chiếc tủ sắt và ra hiệu cho Kratz đang bước tới, có vẻ bối rối. Anh nghĩ công việc đang tiến hành khá tốt.

— Chuyện gì thế? – Ông hỏi.

Scott vẫn tiếp tục chỉ chiếc tủ sắt, và với những cử động báo hiệu nó nên được di chuyển như thế nào, trong khi thì thầm với Kratz:

— Tôi đã trông thấy bản Tuyên ngôn.

Anh di chuyển sang phía bên của chiếc tủ sắt. Kratz đi theo, lúc này cũng làm bộ hết sức quan tâm đến chiếc tủ sắt

— Tin tức tốt. – Kratz nói. – Thế nó ở đâu?

— Tin tức không tốt lắm đâu, – Scott nói.

— Anh muốn nói gì vậy? – Kratz lo lắng hỏi.

— Nó hiện ở trong phòng Hội đồng, đúng nơi Hannah đã nói. Nhưng nó bị đóng đinh vào tường. – Scott trả lời.

— Đóng đinh vào tường? – Kratz hỏi qua hơi thở.

— Phải, và nó có vẻ dường như không thể sửa chữa lại được! – Scott nói trong lúc một người Iraq mặc một *dishdash* với một *keffiyeh* trắng-đỏ và mang một túi dụng cụ xuất hiện ở hàng rào.

Ngay sau khi các vệ binh kiểm tra kỹ lưỡng túi dụng cụ đổ tất cả ra trên mặt đất, họ mới cho phép anh ta qua.

Người thợ mộc gom lại các dụng cụ, đưa mắt nhìn qua chiếc tủ sắt, rồi tới cánh cửa đôi, và hiểu ngay tại sao sếp anh ta đã mô tả vấn đề là khẩn cấp. Scott đứng lùi lại và quan sát người thợ trong lúc anh ta bắt đầu tháo bản lề trên một trong hai cánh cửa.

— Thế thì bản giả của Dollar Bill hiện giờ ở đâu? – Kratz hỏi.

— Còn ở trong túi của tôi, – Scott nói. – Tôi sẽ phải làm biến đổi nó một chút, nếu không bọn họ sẽ nhận thấy điều khác biệt lúc tôi đã đổi lấy bản gốc.

— Đồng ý. – Kratz nói. – Anh nên làm việc đó trong khi người thợ mộc đang xử lý cánh cửa. Tôi sẽ cố giữ cho viên Thiếu tá luôn bận rộn.

Kratz liền lững thững tới bên người thợ mộc và khởi sự trò chuyện với anh ta trong lúc Scott mang cái túi của anh lên vào phía trước chiếc xe tải. Ngay lúc viên thiếu tá trông thấy việc Kratz đang làm, ông ta liền chạy tới gặp họ. Scott liếc mắt qua cửa sổ buồng lái trong lúc anh rút bản sao của Dollar Bill ra khỏi cái ống và cố nhớ lại nơi bản gốc bị hư hỏng nhiều nhất. Trước hết, anh xé một đường ở góc bên phải phía trên cùng, rồi anh phun nước miếng lên các tên John Adams và Robert Treat Pain. Sau khi anh đã xem xét kỹ công trình của mình, anh quyết định như thế là quá đủ và đặt bản sao trên sàn xe, anh chà gót giày một cách nhẹ nhàng lên bề mặt. Anh liếc lên để xem viên thiếu tá đang ra lệnh Kratz hãy để yên cho người thợ mộc làm việc. Kratz nhún vai trong lúc Scott cuộn bản Tuyên ngôn giả lại và bỏ trở vào cái ống trước khi luồn nó vào cái túi đã được may một cách đặc biệt bên trong ống quần của anh. Một cái túi vô cùng vừa vặn.

Một lát sau, người thợ mộc hết quỳ gối và mỉm cười bày tỏ anh ta đã hoàn tất công việc. Theo lệnh của viên thiếu tá, bốn quân nhân bước về phía trước và tháo các cánh cửa ra. Họ mang ra xa mấy bước và dựng chúng vào một bức tường ở bên ngoài.

Viên thiếu tá ra lệnh thêm vài ba quân nhân khác đến đây chiếc xe đẩy trong lúc Scott hướng dẫn bà Bertha qua khung cửa. Kratz và Aziz đi theo,

nhưng viên thiếu tá cương quyết vẫy tay để báo hiệu rằng chỉ có một mình Scott có thể vào trong toà nhà. Tới phiên Scott nhún vai.

Từng phân một, họ di chuyển chiếc xe đẩy dọc theo hành lang dài. Cửa thang máy đã mở sẵn, nhưng vẫn phải cần bốn chục bàn tay mới bẩy được năm tấn thép vào bên trong một cách an toàn. Scott biết nhờ nghiên cứu trước rằng phần này của toà nhà đã được xây cất để thoát một cuộc tấn công hạt nhân, nhưng anh tự hỏi thang máy có thể phục hồi hay không sau khi phải mang chiếc tủ sắt năm tấn xuống sáu tầng lầu. Anh thầm cảm ơn là bà Bertha đang đi xuống chứ không phải đi lên.

Cửa thang máy từ từ đóng và viên thiếu tá nhanh nhẹn dẫn Scott đi qua một cửa hông và xuống cầu thang phía sau, theo sau là cả một tá quân nhân. Khi họ tới tầng hầm, cửa thang máy đã mở và bà Bertha đứng đó, chờ đợi một cách uy nghi. Viên thiếu tá chỉ lên nền nhà với chiếc gậy chỉ huy của ông ta: mười quân nhân liền quỳ xuống và bắt đầu kéo chiếc xe đẩy từng phân một cho tới khi họ tìm được cách dụ được nó ra hành lang. Lúc đó, thang máy được gửi lên tầng 5, và sáu quân nhân chạy trở lên cầu thang, nhẩy vào thang máy trống và trở lại tầng hầm để họ có thể đẩy chiếc tủ sắt từ phía bên kia.

Người thợ mộc đã tháo được bộ cửa đầu tiên mà họ sẽ đối đầu khi chiếc tủ sắt vào phòng Hội đồng, nhưng vẫn còn loay hoay với bộ thứ hai khi chiếc xe đẩy tới lối vào. Sự trẻ nải đã giúp cho Scott có cơ hội giám sát việc chuyển động của cái bàn lớn đến sát bức tường bên hông và việc đặt những chiếc ghế trên bàn để cho chiếc tủ sắt có đường thông vào hành lang đằng xa.

Trong lúc anh bước tới bước lui, Scott có nhiều cơ hội nhìn kỹ bản Tuyên ngôn, thậm chí nghiên cứu cả lỗi chính tả từ “British”. Anh nhanh chóng nhận thấy tấm giấy da có tình trạng tồi hơn anh đã tưởng.

Ngay sau khi các cánh cửa đã được tháo ra, đám quân nhân bắt đầu đẩy chiếc tủ sắt ngang qua phòng Hội đồng và ra ngoài hành lang ngắn trên đoạn đường cuối cùng chỉ vài ba mét. Khi họ tới đầu hành lang đối diện với hốc

tường đã được chuẩn bị một cách đặc biệt, Scott giám sát chuyển động cuối cùng của chiếc tủ sắt cho đến lúc họ không thể đẩy năm tấn thép vào sâu hơn nữa. Bà Bertha cuối cùng đã vào tới nơi yên nghỉ sát bức tường trong cùng.

Scott mỉm cười, và thiếu tá Saeed lại gọi một cú điện thoại nữa.

Người phụ nữ cao tuổi giải thích với Hannah rằng phiên tới phải có mặt lúc ba giờ chiều hôm ấy, và họ có nhiệm vụ chuẩn bị phòng Hội đồng cho phiên họp sẽ diễn ra lúc sáu giờ ngày hôm sau. Họ đã không thể làm một công việc thích hợp trong phiên đầu sáng hôm ấy vì chiếc tủ sắt này.

Hannah đã đi theo các công nhân vệ sinh, quan sát trong lúc họ rời đội hình từng người một, mỗi người theo một ngã. Nàng chọn một người phụ nữ cao tuổi đang mang những cái giỏ nặng nhất, và đề nghị giúp đỡ bà ta băng qua đường. Họ bắt chuyện một cách nhanh chóng, và Hannah tiếp tục mang những cái giỏ suốt đường tới tận cửa nhà của bà ta, giải thích rằng nàng chỉ sống cách đó mấy đường phố.

— Vào trong đây đi, cưng, – người phụ nữ cao tuổi nói.

— Cảm ơn bà, – Hannah trả lời, cảm thấy giống con chó sói hơn là cô bé quàng khăn đỏ.

Pha một chút rượu mạnh vào cốc cà phê của người phụ nữ đã chứng tỏ vô hại, và chắc chắn sẽ khiến cho bà ta nói chuyện nhiều hơn. Hai viên valium bỏ vào cốc cà phê thứ hai bảo đảm rằng phải mấy giờ sau bà ta mới tỉnh dậy.

Mossad đã dạy cho Hannah năm cách khác nhau để đột nhập vào chiếc xe hơi, một phòng khách sạn, một cái cặp, ngay cả một chiếc tủ sắt nhỏ, vì vậy xách tay của một bà già bị đánh thuốc mê không phải là một thách thức lớn lao gì. Nàng lấy giấy thông hành đặc biệt và lên ra khỏi nhà.

— *Lúc này cô ta đang đi trở lại phía Bộ, – người đàn ông nói vào máy điện thoại di động. – Chúng tôi đã kiểm tra bà già. Bà ta đã ngủ mê và có lẽ ngày mai vào giờ này mới tỉnh lại được. Vật duy nhất bị lấy đi là giấy thông hành an ninh của bà.*

Khi Hannah trở về lại bàn làm việc của nàng vẫn không có dấu hiệu gì chứng tỏ viên Thứ trưởng Ngoại giao đã trở về, vì thế nàng kiểm soát lại với nhân viên tổng đài. Chỉ có ba người gọi điện thoại, hai người bảo họ sẽ gọi lại ngày mai, và người thứ ba không nhắn gì.

Hannah đặt ống nghe xuống và đánh máy một ghi chú giải thích rằng nàng đã về nhà vì nàng không biết chắc ông Thứ trưởng Ngoại giao có trở về ngày hôm nay hay không. Nếu nàng đã kiểm tra các bản nhắn tin của ông ta cho tới sau năm giờ, chắc sẽ không có lý do gì khiến ông ta nghi ngờ.

Trong căn phòng riêng bé nhỏ của nàng. Hannah thay đổi y phục làm việc bằng chiếc *abaya* màu đen truyền thống với mạng che mặt. Nàng soi gương trước khi rời khỏi toà nhà lần nữa, một cách lặng lẽ và vô danh.

— *Bây giờ ông hãy mở tủ sắt ra. – Thiếu tá Saeed nói.*

Scott xoay các mặt số theo mã số của chúng, và bóng đèn đầu tiên chuyển sang màu xanh. Viên thiếu tá hết sức chú ý. Rồi Scott đặt lòng bàn tay lên ô vuông màu trắng, và mấy giây sau, bóng đèn ở giữa chuyển sang màu xanh. Viên thiếu tá như bị mê hoặc. Scott cúi về phía trước và nói vào hộp giọng, và bóng đèn thứ ba chuyển sang màu xanh. Viên thiếu tá nghẹn họng.

Scott kéo cái quai và cánh cửa mở ra. Anh nhảy vào bên trong và lập tức lôi cái ống bằng bìa cứng ra khỏi bên trong ống quần của anh. Viên thiếu tá nhận thấy ngay điều đó và điên tiết lên.

Scott nhanh nhẹn bật nắp lấy ra bức tranh lớn của Saddam Hussein trải ra, để cho tờ giấy bọc rơi lên nền trước khi anh đi xăng xái về phía trong, xa chiếc tủ và gắn bức chân dung của Saddam lên vách. Một nụ cười trở lại trên mặt viên thiếu tá trong lúc Scott cúi xuống, cuộn tờ giấy bọc lại và đút vào trong cái ống.

— Bây giờ tôi chỉ dẫn cho ông, – Scott nói.

— Không, không, không phải tôi, – Thiếu tá Saeed vừa nói, vừa giữ máy điện thoại trong tay và tiếp. – Chúng ta phải trở lên thôi.

Scott chỉ muốn chửi thề một tiếng trong lúc anh bước ra khỏi chiếc tủ sắt, buông cái ống và cho nó lăn qua sàn tới góc tối nhất. Kế hoạch mà anh đã chuẩn bị hết sức kỹ lưỡng với Kratz sẽ không còn có khả năng để thực hiện được nữa. Anh miễn cưỡng để chiếc tủ sắt mở cửa và đi theo viên thiếu tá trong lúc ông ta bước nhanh về phía phòng Hội đồng, lần này không cho phép Scott có cơ hội giữ ông ta lại.

— Tôi gần như chắc chắn chính cô ta đang đi ra khỏi Bộ, – người đàn ông nói vào máy điện thoại di động, – nhưng cô ta đã thay bằng chiếc áo dài truyền thống và không còn mang kính nữa. Cô ta đang đi về phía Quảng trường Chiến thắng lần nữa. Tôi sẽ thường xuyên báo cáo cho ông.

Hannah chuyển sự chú ý của nàng sang một toà nhà mà nàng chưa bao giờ bước vào nhưng có cảm tưởng nàng biết hết sức rõ. Một hoạ đồ đúng kích cỡ của mỗi tầng dính trên một tấm bảng trong phòng hoạt vụ của đại bản doanh Mossad ở Herzliyah, và không ai có thể đậu bất cứ một kỳ thi nào về Iraq mà không thể nắm cặn kẽ mọi tầng lầu của toà nhà với đầy đủ chi tiết. Tin tức được bổ sung liên tục, từ những nguồn xa lạ nhất: các dân ty nạn trốn thoát, các nhà cựu ngoại giao, các cựu Bộ trưởng người Kurd hoặc Shilte, kể cả cựu

Thủ tướng Anh Edward Heath.

Công nhân vệ sinh đầu tiên đến lúc ba giờ kém vài phút, xuất trình giấy thông hành rồi vội vàng đi qua khu rải nhựa trước khi biến mất vào một cửa hông của toà nhà. Người thứ hai xuất hiện sau đó một lát và theo cùng một phương thức. Khi Hannah trông thấy người thứ ba đang đi từ phía xa của lề đường, nàng liền băng qua đường và sắp hàng vào phía sau người đó trong lúc bước về phía hàng rào.

— *Cô ta đã qua đường, tới hàng rào, và lúc này người lính gác đang kiểm tra giấy thông hành của cô ta, – người đàn ông nói vào máy điện thoại di động. – Như đã được chỉ thị, họ đã để cho cô ta vào. Lúc này cô ta đang bước qua khoảng sân nhựa và theo một người phụ nữ khác vào cửa hông. Cô ta đã vào bên trong, cửa đã đóng lại. Chúng ta đã tóm được cô ta.*

Hannah đi theo các công nhân vệ sinh khác vào bên trong toà nhà, và nói với họ mẹ nàng đã bị bệnh và nàng đã được gửi đến để thay thế cho bà ấy. Nàng cố trấn an họ rằng đây không phải là lần đầu tiên nàng làm như thế, và ngạc nhiên khi họ không hỏi han gì. Nàng đoán chừng họ sợ dính líu với một người lạ.

Hannah lấy một cái hộp dụng cụ vệ sinh và đi xuống theo một cầu thang phía sau. Tấm hoạ đồ trưng bày trên tường ở Herzliyah tỏ ra chính xác một cách đáng phục, cho dù không một ai tìm cách đếm được số nấc thang dẫn xuống tầng hầm. Khi nàng tới cánh cửa dẫn vào hành lang trong cùng, nàng có thể nghe nhiều giọng nói vang lại từ phòng Hội đồng. Chắc hẳn đang có ai đi về phía thang máy. Hannah liền thụt lùi sát tường để có thể trông thấy họ qua khung kính dày có gắn lưới sắt ở chính giữa cánh cửa.

Hai người đàn ông đi qua. Hannah không nhận ra viên thiếu tá, nhưng khi nàng trông thấy người ở bên cạnh ông ta, hai chân nàng chột khuỵu xuống và nàng gần như ngã gục lên mặt đất.

Ngay sau khi họ trở lại sân, viên thiếu tá quay một số điện thoại. Scott thả bộ đến gần Kratz đang đứng phía sau chiếc xe tải.

— Anh đã đổi được bản Tuyên ngôn rồi chứ? – Đó là câu nói đầu tiên của Kratz.

— Không, nó vẫn còn ở trên tường của phòng Hội đồng.

— Mẹ kiếp, còn bản sao?

— Tôi đã bỏ nó trong cái ống trên sàn tử sắt. Tôi không thể liều mạng mang nó ra.

— Thế thì anh sẽ trở vào toà nhà bằng cách nào? – Kratz vừa hỏi vừa nhìn về phía viên thiếu tá. – Anh đã có ý định lợi dụng thời gian...

— Tôi biết, nhưng hoá ra anh ta không phải là người sẽ phụ trách chiếc tử sắt. Anh ta đang liên lạc với người mà tôi sẽ phải chỉ dẫn.

— Không phải là điều chúng ta cần. Tôi tin chắc rằng với viên thiếu tá thì kế hoạch đầu tiên của chúng ta sẽ dễ hơn nhiều, – Kratz nói. – Tốt hơn tôi nên báo tin lại cho những người khác để chúng ta có thể chuyển qua một khả năng khác nếu mọi việc lại hỏng bét.

Scott gật đầu đồng ý và anh cùng vị lãnh đạo Mossad lững thững đi tới chiếc xe tải, nơi đây Cohen và Aziz đang ngồi hút thuốc lá trong buồng lái. Trong lúc vị Đại tá trèo lên phía trước, hai điếu thuốc nhanh chóng được dập tắt.

Kratz giải thích tại sao họ còn chờ đợi và báo trước cho họ rằng đây có thể là cơ hội cuối cùng của ông giáo sư trở vào phòng Hội đồng.

— Vì thế khi ông ấy thoát ra lần này, – ông giải thích, – chúng ta phải sẵn sàng chạy đi. Với một chút may mắn, chúng ta vẫn còn có thể vượt qua biên

giới lúc nửa đêm.

Anh ấy làm sao có thể còn sống, Hannah nghĩ... Nàng đã giết chết anh kia mà? Nàng đã trông thấy xác của anh đã được mang ra khỏi phòng. Nàng cố sắp xếp lại tư tưởng, từ hân hoan đến sợ hãi. Nàng chợt nhớ lại vị huấn luyện viên cao cấp đã bảo nàng: Khi cô đang ở tiền tuyến, đừng bao giờ ngạc nhiên vì bất cứ điều gì! Nàng cảm thấy giờ đây nàng có thể phủ nhận anh, nếu nàng đã từng được dịp.

Hannah đẩy cánh cửa và lặng lẽ bước ra hành lang vắng vẻ, ngoại trừ hai quân nhân đang tán gẫu ở lối vào phòng Hội đồng. Nàng hiểu ra nàng không thể hy vọng đi qua họ mà không bị chất vấn.

Còn một bước nữa thì nàng được lệnh ngừng lại và dừng chân giữa họ. Sau khi họ kiểm tra kỹ hộp dụng cụ vệ sinh, gã có hai vạch trên cánh tay nói:

— Cô biết chúng tôi có bốn phạm khám xét cô thật kỹ chứ?

Hannah không có ý kiến trong lúc gã cúi xuống, giở cái áo đen dài của nàng lên và đặt hai bàn tay trên mắt cá nàng. Gã thứ hai buông ra một tiếng cười khàn khàn trong lúc y đặt các ngón tay quanh phía trước cổ nàng và bắt đầu di chuyển hai bàn tay xuống phía dưới vai rồi ngang qua ngực nàng, trong khi gã đồng bọn của y di chuyển bàn tay từ dưới chân lên đùi nàng. Trong lúc gã thứ nhất lên tới trên cùng chân nàng, gã đồng bọn của y véo núm vú của nàng. Hannah xô cả hai gã ra và bước vào phòng Hội đồng. Bọn chúng không đi theo, mặc dù tiếng cười càng lúc càng lớn hơn.

Chiếc bàn đã được đưa trở lại chính giữa phòng và những chiếc ghế đã được sắp xếp lại một cách cầu thả quanh bàn. Nàng bắt đầu bằng cách xô dịch chiếc bàn cho ngay ngắn trước khi đặt những cái ghế cách đều nhau.

Nàng vẫn đang cố gắng nhận ra rằng Simon còn sống, và một phần của đội đang ở Baghdad. Nhưng tại sao CIA gọi anh đến đây. Trừ phi... Nàng nhìn chăm chăm lên bức chân dung khổng lồ của Saddam Hussein trong lúc nàng đặt ngay ngắn cái ghế của ông ta ở đầu bàn. Rồi mắt nàng dừng lại trên tấm giấy da được đóng bằng đinh bên cạnh bức hình.

Bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ được gắn vào tường, ngay chỗ viên Thứ trưởng Ngoại giao đã yêu cầu.

CHƯƠNG 29

Hai chiếc xe hơi lướt tới hàng rào và được cho qua không kiểm tra. Scott quan sát một cách cẩn thận trong lúc một đám nhiều quân nhân bao quanh hai chiếc xe.

Khi một người đàn ông cao lớn lực lưỡng bước ra khỏi chiếc xe thứ hai, Aziz khẽ nói:

— Đại tướng Hamil, tên “Thợ cạo” của Baghdad. Ông ta luôn mang theo một con dao cạo cùng với khoeo chìa khoá.

Kratz gật đầu nói:

— Tôi biết lịch sử toàn bộ cuộc đời của ông ta. Ngay cả cái tên của viên Trung sĩ trẻ tuổi mà ông ta hiện chung sống.

Thiếu tá Saeed lúc này đang đứng nghiêm chào vị Đại tướng, và Scott không cần ai cho biết cũng biết rằng người đàn ông này thuộc một đẳng cấp và tầm cỡ khác với người mà anh đang đương đầu cho tới nay. Anh nghiên cứu gương mặt của người đàn ông mặc bộ đồng phục may một cách hoàn hảo với nhiều hàng huy chương hơn viên thiếu tá, mang một đôi găng tay da màu đen và một cây gậy chỉ huy. Đó là một gương mặt độc ác. Đám lính vây chung quanh ông ta không thể che giấu nỗi sợ hãi.

Viên thiếu tá chỉ Scott và nói:

— Ông đến đây.

— Tôi có cảm tưởng hẳn muốn gọi anh đấy, – Kratz nói.

Scott gật đầu và lững thững đến gặp họ.

— Ông Bernstrom, – viên Đại tướng vừa nói vừa tháo găng tay khỏi bàn tay phải. – Tôi là Đại tướng Hamil.

Scott bắt tay ông ta trong lúc ông ta nói:

— Tôi xin lỗi đã bắt ông chờ đợi. Nhưng đừng để tôi giữ ông lại lâu hơn nữa. Xin chỉ cho tôi xem chiếc tủ sắt của ông, mà thiếu tá Saeed dường như hết sức thích thú.

Không nói thêm một tiếng nào nữa, viên Đại tướng quay người và bắt đầu bước về phía toà nhà, Scott không còn cách lựa chọn nào khác hơn là đi theo. Lần đầu tiên trong đời, Scott cảm thấy sợ hãi.

Hannah lấy một miếng giẻ và một chút dầu bóng rồi bắt đầu chà theo những vòng tròn trên mặt bàn trong khi thận trọng nhìn bản Tuyên ngôn Độc lập một lần nữa. Tấm giấy da lâm vào một tình trạng tồi tệ đến nỗi nàng nghi ngờ nó không thể nào sửa chữa được cho dù Simon có thể lấy trở lại Washington.

Nàng nhìn kỹ quanh cửa ra ngoài hành lang ngắn, và chợt nhận ra chiếc tủ sắt mà nàng đã trông thấy trên chiếc xe tải trước đó trong ngày hôm nay. Tủ đang mở và được canh gác bởi hai tên côn đồ khác, cũng đang tán gẫu như hai tên đứng ở phòng Hội đồng.

Hannah vừa từ từ lần theo hành lang, vừa lau chùi và đánh bóng chân tường bằng gỗ cho tới khi nàng đối diện với chiếc tủ sắt và nhìn rõ vào bên trong. Nàng tiến một bước về phía trước và nhìn kỹ hơn như thể nàng chưa bao giờ trông thấy bất cứ vật gì giống như thế trong đời nàng.

Một trong hai tên quân nhân đá nàng một cái và nàng ngã vào bên trong chiếc tủ. Nàng định quay người lại phản kháng thì nàng chợt trông thấy cái

ống dài bằng giấy bìa cứng trong một góc, gần như bị bóng tối che khuất. Nàng liền nghiêng người qua và nhanh nhẹn lăn cái ống giấy về phía nàng cho đến khi nó nằm an toàn bên dưới chiếc váy dài. Nàng tự hỏi nàng có thể dùng nó để nhắn tin cho Simon hay không. Hannah bỏ miếng giẻ lại và đánh bóng toàn tử, bước thụt lùi ra ngoài và chạy vụt theo hành lang như thể lần tránh bọn lính gác.

Ngay sau khi trở vào phòng Hội đồng, nàng lấy một miếng giẻ khác từ trong hộp dụng cụ vệ sinh và bắt đầu đánh bóng mặt bàn cho tới lúc nàng ở một vị trí không ai có thể trông thấy nàng từ ngoài hành lang. Lúc bấy giờ, nàng mới từ từ quỳ xuống cho tới lúc ở phía dưới gầm bàn, và lấy cái ống giấy ra đặt trên sàn trước mặt nàng. Nàng nhanh nhẹn mở nắp ra và nhận thấy cái ống không trống rỗng. Nàng kéo tấm giấy da ra, trải rộng và xem xét kỹ gần như không còn tin tưởng vào mắt mình: một bản sao bản Tuyên ngôn Độc lập rõ ràng được thực hiện bởi một người điêu luyện cho dù một kẻ nào đó đã cố làm cho nó xấu đi. Nàng nhận thấy được ngay rằng chắc hẳn Simon đang tìm cách hoán đổi bản sao để lấy lại bản chính.

Kratz quan sát Scott đi theo Đại tướng Hamil vào trong toà nhà, rồi chậm bước tới chiếc xe tải và trèo lên buồng lái. Ông chăm chú nhìn qua khung cửa sổ phía trước, không một ai đặc biệt chú ý đến những gì họ có thể làm.

— Việc này quá khó hiểu, – ông nói. – Quá sức khó hiểu.

Cohen và Aziz nhìn thẳng về phía trước, nhưng không bày tỏ ý kiến trong lúc Kratz nói tiếp:

— Nếu Hamil liên can, họ phải nghi ngờ một điều gì đó. Đã đến lúc chúng ta phải tìm xem đó là gì?

— Ông đang nghĩ gì thế? – Cohen hỏi.

— Tôi có cảm tưởng viên thiếu tá đó hoàn toàn không hay biết gì về sự việc đang diễn ra. Hoặc là họ đã không kể cho anh ta, hoặc là họ nghĩ anh ta không đáng được việc này.

— Hoặc là cả hai, – Aziz góp ý.

Kratz gật đầu:

— Hoặc là cả hai. Thế thì chúng ta hãy tìm hiểu. Aziz, tôi muốn anh và Cohen thông thả đi tới hàng rào. Bảo bọn lính gác rằng anh định tìm cái gì để ăn và anh sẽ quay lại sau ít phút. Nếu họ không chịu để cho các anh qua, thì chúng ta đã thực sự gặp rắc rối, bởi vì như thế có nghĩa là họ đã biết những gì chúng ta đang làm. Trong trường hợp đó, các anh hãy trở về buồng lái và tôi phải nghĩ xem chúng ta nên làm gì.

— Còn nếu họ để cho chúng tôi qua? – Cohen hỏi.

— Thì các anh hãy đi cho khuất mắt, – Kratz nói, – nhưng phải trông thấy chiếc xe tải. Công việc này không khó lắm đâu vì quanh đây có quá nhiều người đang trở mắt nhìn. Nếu giáo sư Bradley thoát ra được với cái ống giấy và tôi đặt cánh tay trên thành cửa sổ như tôi hiện đang làm, các anh hãy quay lại đây thật nhanh, bởi vì chúng ta không nên ở đây quá lâu. À này, Cohen: nếu tôi không ở đây vì bất cứ lý do nào, và ông giáo sư đề nghị queo qua Bộ Ngoại giao, thì anh hãy bác bỏ.

Cohen gật đầu, chẳng biết ất giáp gì về điều vị Đại tá đang nói, trong lúc ông vẫn tiếp:

— Nhưng nếu anh phát hiện chúng tôi đang gặp rắc rối, thì cứ lảng ra xa trong vòng một tiếng đồng hồ, rồi hãy cầu nguyện.

— Tôi hiểu, thưa ông. – Cohen nói.

— Anh hãy lấy chìa khoá theo, – Kratz nói. – Bây giờ thì đi đi.

Kratz bước lại khoảng sân tráng nhựa, lưng thừng tới nơi Thiếu tá Saeed đang nghe một trong những cú điện thoại bất tận, và đứng cách vài bước bên trái ông ta như thể muốn lôi kéo sự chú ý của ông ta. Đồng thời ông nhìn qua vai để quan sát Aziz và Cohen đang bước về phía hàng rào.

Kratz tiếp tục lôi kéo sự chú ý của viên thiếu tá trong lúc Aziz ngừng lại ở hàng rào và bắt đầu nói đùa với một tên lính gác.

Một lát sau, ông thấy cả hai nhân viên của ông bước ra khỏi hàng rào. Trong chốc lát họ đã mất dạng trong đám đông.

Thiếu tá Saeed ngừng nói điện thoại:

— Lần này có vấn đề gì vậy? – Ông ta hỏi.

Kratz liền lấy ra một điếu thuốc lá và hỏi mượn hộp quẹt:

— Không được hút thuốc, – ông ta bảo và xua Kratz ra xa.

Kratz bước từ từ trở về buồng lái và ngồi vào phía sau tay lái, mắt không hề rời khỏi cổng đại bản doanh của Đảng Baath.

Hannah chăm chú nhìn bản Tuyên ngôn treo trên tường. Nó chỉ cách nàng ít bước. Nàng đợi cho tới khi nghe một tiếng cười rộ khác của bọn lính gác trước khi bước tới bản tài liệu và nhanh nhẹn cố gắng nhổ đinh ra. Ba cái rời ra không một chút khó khăn, nhưng cái góc trên cùng bên phải không chịu nhúc nhích và bản Tuyên ngôn còn đơng đưa trên đó. Sau vài ba giây nữa, nàng cảm thấy không còn cách lựa chọn nào khác ngoại trừ cho bản tài liệu lọt qua cây đinh. Ngay sau khi tấm giấy da đã lọt vào tay, nàng đi trở về bàn, đặt bản gốc lên sàn và nhanh nhẹn gắn bản sao vào tường.

Nàng gần như không kịp liếc nhìn công trình của mình trước khi quay trở

lại bàn, quỳ trên mặt đất, và nhanh nhẹn cuộn tròn bản gốc, đặt lại vào trong cái ống. Một lần nữa, nàng nhét nó vào dưới váy. Đó là hai phút dài nhất của cuộc đời nàng. Nàng vẫn quỳ gối, cố suy nghĩ. Nàng biết nàng không thể mạo hiểm cố đưa cái ống này ra khỏi toà nhà, vì bọn lính gác có thể “lục soát” nàng. Nàng bước nhanh theo hành lang ngắn và vào trong chiếc tủ sắt ngay trước mặt hai gã quân nhân đang trò chuyện. Nàng thả cái ống lên sàn, rồi đẩy nó trở vào góc tối nhất, đúng nơi nàng đã trông thấy nó lần đầu. Nàng nhét miếng giẻ lau và dầu bóng mà nàng đã bỏ quên rồi bước trở ra khỏi chiếc tủ sắt, đưa tất cả cho bọn lính xem và chạy dọc theo về phía phòng Hội đồng.

Hannah biết nàng phải thoát khỏi toà nhà càng nhanh càng tốt, và bằng một cách nào đó nhắn tin cho Simon. Rồi nàng nghe những tiếng nói:

— Và chiếc tủ sắt này lớn như thế nào? – Viên Đại tướng hỏi Scott trong lúc họ đi qua hành lang.

— Cao hai mét bảy mươi lăm, rộng hai mét mười lăm và dài hai mét bốn mươi lăm, – Scott trả lời ngay tức khắc. – Ông Đại tướng có thể tổ chức một cuộc họp kín đáo trong đó nếu muốn.

— Thế sao? – Hamil nói trong lúc ông ta bước vào thang máy. – Nhưng tôi được biết chiếc tủ sắt chỉ được vận hành bởi một người mà thôi.

Ông ta bấm một cái nút ở dưới cùng bằng ngón tay mang găng và hỏi tiếp:

— Có thật thế không?

— Đúng thế, thưa Đại tướng. Chúng tôi đã thực hiện đúng những đặc tính kỹ thuật mà Chính phủ của ông yêu cầu.

Cửa thang máy mở ra ở tầng hầm. Viên Đại tướng bước ra hành lang và đi về phía phòng Hội đồng.

— Tôi cũng được biết rằng chiếc tủ sắt có thể chống lại một cuộc tấn công hạt nhân. Có phải như thế không?

— Vâng. – Scott đáp. – Chiếc tủ sắt có một lớp vỏ bọc dày một trăm năm mươi hai milimét và sẽ không bị ảnh hưởng bởi bất cứ một vụ nổ nào, ngoại trừ bị bắn thủng vào. Trong bất cứ tình huống nào khác, mọi thứ bên trong tủ vẫn sẽ được bảo toàn, cho dù cả toà nhà mà nó đang ở trong đó bị phá huỷ hoàn toàn.

— Tuyệt thật, – viên Đại tướng nói trong lúc bọn lính gác đứng nghiêm và ông ta đưa chiếc gậy chỉ huy chạm vào vành mũ bê rê.

Ông ta bước đều vào phòng Hội đồng và Scott đi theo, khó chịu khi phát hiện có một người phụ nữ đang chùi bàn. Chắc chắn anh không muốn cô ta lai vãng khi anh trở ra.

Viên Đại tướng thậm chí không nhìn Hannah trong lúc ông ta thông thả bước qua phòng Hội đồng.

Scott liếc qua tấm giấy da trước khi theo viên Đại tướng ra khỏi phòng.

— À? – Hannah nghe viên Đại tướng nói khi ông ta còn cách cuối hành lang mấy mét. – Mấy con số thống kê thuần tuý đâu có xứng đáng với ông, ông Bernstrom.

Hai quân nhân đứng nghiêm trong lúc viên Đại tướng nghiên cứu chiếc tủ sắt một hồi lâu trước khi bước vào bên trong. Khi ông ta trông thấy cái ống giấy trên sàn, ông ta nhặt lên.

— Chỉ để bảo vệ bức chân dung, – Scott vừa giải thích vừa bước vào theo ông ta và chỉ bức hình của Saddam Hussein.

— Ông đúng là một con người kỹ lưỡng, ông Bernstrom, – Hamil nói. – Nếu ông ở đây thì ông đã là một Đại tá xuất sắc trong một trung đoàn của tôi.

Ông ta cười và đưa cái ống giấy cho Scott.

Hannah hết sức chú ý lắng nghe từng từ một, và kết luận rằng nàng phải thoát ra khỏi toà nhà càng nhanh càng tốt và báo động cho Kratz những gì nàng đã làm.

— Ông có muốn tôi chỉ cho ông cách lập chương trình cho chiếc tủ sắt? –
nàng nghe Scott hỏi trong lúc nàng tới lối vào phòng Hội đồng.

— Không, không, không phải tôi, – Đại tướng Hamil nói. – Tổng thống sẽ
là người duy nhất được quyền vận hành chiếc tủ sắt.

Đó là những lời cuối cùng mà Hannah nghe được trong lúc nàng bước ra
khỏi phòng Hội đồng, đi qua bọn lính gác, và tiếp tục theo hành lang dài.

Khi nàng tới các cánh cửa dẫn đến cầu thang, nàng quay người lại và
trông thấy viên Đại tướng đang sải bước vào phòng Hội đồng và Scott theo
sau ông ta. Anh đang cầm cái ống giấy. Hannah muốn gào lên vì vui sướng.

Scott nhận thức được anh sẽ không bao giờ có cơ hội thực hiện việc hoán
đổi một khi Saddam đã ở trong toà nhà. Khi anh đã rời phòng Hội đồng, anh
để cho viên Đại tướng đi trước anh ít bước, anh liếc quanh phòng và nhẹ
nhõm khi thấy người phụ nữ lau chùi đã đi đâu mất dạng.

Mấy tên lính gác đứng nghiêm trang lúc viên Đại tướng sải bước khỏi
phòng Hội đồng ra ngoài hành lang vắng xa.

Scott chăm chú nhìn nút báo động trên tường phía trước anh. “Đừng nhìn
quanh,” anh thầm cầu xin trong lúc mắt không ngừng quan sát viên Đại
tướng.

Khi còn cách cửa một mét, Scott lao tới trước và chọc ngón tay cái lên cái
nút đỏ. Các cánh cửa ngay lập tức đóng sầm lại và vang lên một âm thanh
chát chúa.

Ngay lúc Hannah sắp sửa đẩy cánh cửa mở dẫn ra cầu thang phía sau thì
chuông báo động réo ầm ĩ và tất cả các lối ra đều được gài chốt ngay lập tức.
Nàng quay người lại để khám phá ra nàng chỉ còn lại một mình trong hành
lang với Đại tướng Hamil và bốn tên vệ binh cộng hoà của ông ta.

Viên Đại tướng mỉm cười với nàng:

— Xin chào cô Kopec. Tôi rất vui mừng được làm quen với cô. Tôi e phải

mất vài phút nữa giáo sư Bradley mới có thể đến gặp chúng ta.

Bốn vệ binh vây quanh Hannah trong lúc viên Đại tướng nhìn lên màn ảnh truyền hình phía trên cửa. Ông ta quan sát trong lúc Scott ở bên trong phòng Hội đồng ấn một cái nút bên hông chiếc đồng hồ đeo tay của anh. Rồi Scott chạy tới bức tường, nhanh nhẹn rút ra bản sao tài liệu khỏi cái ống và kiểm tra lại với bản gốc. Anh cảm thấy anh làm một việc khá tốt trong buồng lái của chiếc xe tải, nhưng anh vẫn phun thêm nước bọt lên các chữ ký của Lewis Morris và John Witherspoon, rồi bỏ ít giầy chà tấm giấy da lên nền đá trước khi so sánh nó một lần nữa với bản trên tường. Anh xem đồng hồ: bốn mươi lăm giầy. Anh bắt đầu nhổ mấy cây đinh ra khỏi tường, nhưng không thể nào lay chuyển cái ở trên cùng bên mặt, vì thế anh đã gỡ bản Tuyên ngôn qua đầu đinh. Sáu mươi giầy.

Hannah nhìn chăm chăm lên màn ảnh truyền hình trong nỗi kinh hoàng, quan sát Scott phá hoại tất cả công trình của nàng, trong lúc viên Đại tướng gọi một cú điện thoại.

Ngay sau khi Scott đã tháo được bản tài liệu khỏi bức tường, anh đặt nó lên bàn. Rồi anh nấn lại bản gốc mà anh đã lấy ra khỏi cái ống giấy trở lên bức tường, cho tấm giấy da lọt vào đầu cây đinh ở góc trên cùng bên phải vẫn bướng bỉnh không chịu động đậy. Chín mươi giầy. Anh lấy bản sao của Dollar Bill lên bàn, cuộn tròn nó lại và thả vào trong cái ống. Một trăm mười giầy. Anh bước tới cửa dẫn đến thang máy và đứng thờ thật sâu trong một lúc trước khi chuông báo động ngừng và các cánh cửa mở tung ra.

Scott biết rằng phải mất thêm ít phút nữa mới có thể kiểm tra được nguồn gốc của cuộc báo động, vì thế khi trông thấy viên Đại tướng, anh chỉ nhún vai và mỉm cười.

Kratz ngồi trên ghế trước của chiếc xe tải, không rời mắt khỏi thiếu tá Saeed. Có tiếng chuông reo, Saeed liền bấm một cái nút vào đặt máy điện thoại sát tai. Bỗng nhiên, không hề báo trước, ông ta quay người, rút súng lục ra và lo lắng nhìn về phía buồng lái. Ông ta sẵn giọng ra lệnh, và trong vòng mấy giây, bọn lính vây quanh chiếc xe tải chĩa thẳng súng trường vào Kratz.

Viên thiếu tá hồi hả chạy tới.

— Hai người kia ở đâu? – Ông ta hỏi.

Kratz nhún vai. Saeed quay lại và vừa chạy vào trong toà nhà vừa lớn tiếng ra một lệnh khác.

Kratz đặt bàn tay phải lên cổ tay trái của ông và bắt đầu từ từ lột lớp thạch cao như một lớp da thứ hai giấu bên dưới chiếc đồng hồ. Ông khéo léo lấy viên thuốc màu xanh lá cây chèn trong lớp thạch cao và chuyển nó sang lòng bàn tay phải. Sáu bảy mươi con mắt đang chăm chăm nhìn vào ông. Ông bắt đầu ho và từ từ đặt bàn tay lên miệng, cúi đầu xuống và nuốt viên thuốc.

Saeed chạy hồi hả trở ra khỏi toà nhà và bắt đầu sẵn giọng ra các lệnh mới. Trong vòng mấy giây, một chiếc xe hơi dừng lại bên cạnh chiếc xe tải.

— Ra ngoài! – Viên thiếu tá la lớn với Kratz.

Kratz bước xuống trên khoảng đất rải nhựa và bị mười hai lưỡi lê dẫn ra phía cửa sau của chiếc xe hơi. Ông bị đẩy lên ghế, và hai người đàn ông mặc com lê màu sẫm ngồi hai bên ông. Một người nhanh nhẹn quàng sang ông và trói hai tay sau lưng, trong lúc người kia bịt mắt ông.

Cohen và Aziz quan sát từ phía bên kia Quảng trường trong lúc chiếc xe hơi chạy qua họ rồi mất dạng.

CHƯƠNG 30

Viên Đại tướng mỉm cười nói với Scott:

— Tôi sẽ không giới thiệu ông với cô Saib, – ông ta nói, – bởi vì tôi tin ông đã gặp rồi.

Scott có vẻ ngỡ ngàng trong lúc anh chăm chú nhìn người phụ nữ mặc một chiếc *abaya* màu đen và mang một tấm *pushi* che kín mặt. Nàng bị bao vây bởi bốn quân nhân với lưỡi lê chĩa ra ngoài.

— Chúng tôi phải cảm ơn cô Saib rất nhiều, bởi vì trước hết chính cô ta đã đưa chúng tôi đến gặp ông, chưa kể tấm bưu thiếp của cô ta gửi cho ông Rabin đã giúp ông tìm thấy bản Tuyên ngôn một cách nhanh chóng. Chúng tôi đã cố gắng để cho mọi việc hết sức dễ dàng đối với ông.

— Tôi không biết cô Saib. – Scott nói.

— Ôi, nào, giáo sư, hay là tôi phải gọi ông là điệp viên Bradley? Tôi khâm phục lòng dũng cảm của ông, nhưng trong khi ông có thể quả quyết không biết cô Saib, chắc chắn ông biết Hannah Kopec. – Viên Đại tướng vừa nói vừa giật tấm mạng của Hannah ra.

Scott nhìn Hannah nhưng vẫn không nói gì.

— A! Tôi thấy ông còn nhớ cô ta. Hơn nữa, thật hết sức khó quên người đã cố giết ông, phải không?

Đôi mắt của Hannah có vẻ van xin Scott.

— Thật là đau lòng, vì ông ta đã quên cô. Nhưng tôi e rằng tôi không có bản tính khoan dung như ông ta.

Viên Đại tướng chột quay lại nhìn thiếu tá Saeed đang chạy về phía ông ta. Ông ta thận trọng lắng nghe những lời viên thiếu tá thì thào vào tai, rồi bắt đầu đập lia lịa chiếc gậy chỉ huy vào đôi ủng cao bằng da.

— Anh là một thằng ngốc – Ông ta la lớn và đột nhiên phang chiếc gậy chỉ huy vào mặt viên thiếu tá.

Ông ta quay lại và nhìn thẳng vào mặt Scott và nói:

— Dường như cuộc xum họp mà tôi đã sắp xếp cho ông và những người bạn của ông phải chờ đợi một lúc nữa, bởi vì mặc dù chúng tôi đã bắt nốt Đại tá Kratz, tên Do Thái và tên phản bội người Kurd đã tẩu thoát. Nhưng chỉ là một vấn đề thời gian trước khi chúng tôi tóm cổ bọn chúng.

— Ông đã biết bao lâu rồi? – Hannah trầm tĩnh hỏi.

— Cô Kopec, cô đã phạm phải sai lầm mà quá nhiều kẻ thù của chúng tôi đã phạm, – viên Đại tướng trả lời, – vì đánh giá thấp vị Tổng thống vĩ đại của chúng tôi. Ông ấy chi phối mọi việc ở Trung Đông giỏi hơn nhiều so với Gorbachev ở Nga, Thatcher ở Anh hoặc Bush ở Mỹ. Tôi tự hỏi có bao nhiêu công dân ở phương Tây còn tin các nước Đồng minh đã thắng cuộc chiến tranh vùng Vịnh? Ngoài ra, cô cũng khá khờ khạo mới xem thường người em họ của ông ấy, Abdul Kanuk, vị Đại sứ mới được bổ nhiệm của chúng tôi ở Paris. Có lẽ anh ta không hoàn toàn khờ khạo như thế khi anh ta theo dõi cô suốt quãng đường tới nhà người yêu của cô và đứng trong hốc cửa trong phần còn lại của đêm hôm ấy trước khi theo cô trở về Toà Đại sứ, chính anh ta là người đã thông báo cho Đại sứ của chúng tôi ở Geneva về những gì “Cô Saib” có thể làm. Lẽ tất nhiên, chúng tôi cần chắc chắn, nhất là vì Thứ trưởng Ngoại giao của chúng tôi đã nhận thấy hết sức khó chấp nhận một câu chuyện như thế về một trong những nhân viên trung thành nhất của mình. Quả thực là một con người ngây thơ. Vì vậy, khi cô đến Baghdad, bà vợ của Đại sứ đã mời người em trai của cô Saib đến ăn tối. Nhưng buồn thay, anh ta đã không nhận ra cô. Căn cước giả của cô như các tờ báo lá cải của người Mỹ vẫn

thường mô tả, thế là tiêu tan. Cũng các tờ báo đó cứ đặt câu hỏi một cách hết sức tội nghiệp: “*Tại sao Mossad không ám sát Tổng thống Saddam*”. Giá như họ biết được bao nhiêu lần Mossad đã cố gắng và thất bại. Điều mà Kratz không kể cho cô nghe tại trường huấn luyện của cô ở Herzliyah, là cô là điệp viên Mossad thứ mười bảy đã cố thâm nhập vào hàng ngũ của chúng tôi trong năm năm vừa qua, và tất cả bọn họ đều đã trải qua một kết thúc bi thảm như viên đại tá của cô sắp sửa nếm. Và trước hết cái đẹp thực sự của toàn bộ vụ việc này là chúng tôi không cần phải thừa nhận là đã giết chết bất cứ ai trong bọn cô. Cô cũng biết người dân Do Thái không muốn chấp nhận, sau Entebbe và Eichmann, rằng một chuyện như thế vẫn có thể xảy ra. Tôi có cảm tưởng chắc chắn ông sẽ hiểu rõ lập luận về chuyện đó, ông giáo sư?

— Tôi sẽ thương lượng với ông, – Scott nói.

— Tôi mến ông vì đạo đức kiểu phương Tây của ông, ông giáo sư, nhưng tôi e rằng ông không có gì để mà thương lượng.

— Chúng tôi sẽ trao trả cô Saib nếu ông thả Hannah.

Viên Đại tướng cười phá lên.

— Ông giáo sư, ông có một khả năng sắc sảo về những chuyện lỗ bịch, nhưng tôi không muốn xúc phạm ông với ý nghĩ ông không hiểu tâm trí của người Ả Rập. Xin cho phép tôi giải thích. Ông sẽ bị giết và sẽ không có một ai bình luận, bởi vì, như tôi đã giải thích, người phương Tây quá tự cao tự đại, cho nên thậm chí không thừa nhận rằng ông hiện hữu. Trong khi chúng tôi ở phương Đông sẽ giơ tay lên trời và hỏi tại sao Mossad đã bắt cóc một cô thư ký hiền lành vô tội đang trên đường đến Paris, và hiện giờ đang giam giữ cô ta ở Tel Aviv trái với ý muốn của cô ta. Chúng tôi thậm chí biết cả nơi cô ta bị giam cầm. Chúng tôi đã chuẩn bị nhiều tấm hình hết sức tình cảm để phân phát cho từng tờ báo trong thế giới phương Tây, và một bà mẹ quần trí cùng cậu con trai đã được huấn luyện kỹ bởi những công ty có mối quan hệ với quần chúng của chính các ông để đương đầu với giới báo chí phương Tây. Thậm chí, chúng tôi sẽ nhờ tổ chức ân xá Quốc tế phản đối bên ngoài

các Toà Đại sứ của Do Thái trên toàn thế giới nhân danh cô ta.

Scott sững nhìn viên Đại tướng.

— Cô Saib đáng thương sẽ được thả ra trong vòng vài ngày. Còn cả hai người, ông giáo sư và cô Kopec, sẽ kết liễu bằng một cái chết không được thông báo, không được báo trước và không được để tang. Để ngấm nghĩ rằng cả hai người đã hy sinh tính mạng của mình để đổi lấy một mảnh giấy vụn. Và trong khi chúng tôi sắp xếp vấn đề đó: tôi sẽ lấy lại bản Tuyên ngôn.

Bốn quân nhân bước tới trước và chìa lưỡi lê vào cổ họng Scott, trong lúc viên Đại tướng giật cái ống giấy ra khỏi tay anh.

— Ông giáo sư thật là giỏi vì đã đổi được bản tài liệu trong hai phút, – viên Đại tướng vừa nói vừa liếc lên màn ảnh truyền hình. – Nhưng ông có thể tin tưởng rằng chúng tôi vẫn còn giữ ý định đốt bản gốc cho công chúng xem vào ngày 4 tháng 7, và tôi chắc chắn rằng chúng tôi sẽ huỷ hoại danh tiếng mong manh của Tổng thống Clinton cùng với nó.

Viên Đại tướng cười vang rồi nói tiếp:

— Ông giáo sư đã biết suốt nhiều năm nay tôi thích thú với trò giết người, nhưng tôi sẽ được một niềm khoái lạc đặc biệt từ cái chết của hai người, vì các cách thích hợp mà các người sẽ theo để từ giã thế giới này.

Bọn quân nhân vây quanh Hannah và Scott, ép buộc họ trở vào phòng Hội đồng rồi tiếp tục về phía hành lang ngăn. Viên Đại tướng đi theo họ trong hành lang. Tất cả mọi người dừng lại trước chiếc tủ sắt đang mở cửa.

— Cho phép tôi, – Đại tướng Hamil nói, – thông báo cho ông giáo sư một con số thống kê mà ông đã không nhắc đến, khi ông tường thuật với tôi về kỳ công thiết kế lạ lùng này. Có lẽ chỉ vì ông không biết, mặc dù tôi buộc lòng phải thừa nhận rằng ông đã chuẩn bị mọi việc hết sức kỹ lưỡng. Nhưng ông có hiểu được rằng một người bị chết trong một chiếc tủ sắt có kích thước như thế này, với một thể tích chứa đầy 47 mét khối, chỉ có thể hy vọng sống sót trong sáu giờ? Tôi chưa biết khoảng thời gian chính xác mà hai người có thể

hy vọng sống sót khi cùng nhau san sẻ số lượng dưỡng khí đó. Nhưng tôi sẽ biết ngay thôi.

Ông ta lấy đồng hồ bấm giờ ra khỏi túi, vẫy chiếc gậy chỉ huy của ông ta, và bọn quân nhân xô mạnh đầu tiên là Hannah và kế đó là Scott vào trong chiếc tủ sắt. Nụ cười vẫn còn ở trên gương mặt của viên Đại tướng, trong lúc hai quân nhân đẩy cánh cửa đồ sộ đóng lại. Tất cả các bóng đèn bắt đầu nháy sang màu đỏ.

Viên Đại tướng liền ấn nút đồng hồ bấm giờ.

Khi chiếc xe hơi ngừng lại, Kratz nghĩ rằng quãng đường họ vừa đi chưa đầy hai cây số. Ông nghe tiếng cửa mở và cảm thấy bị xô đẩy vào cánh tay chứng tỏ ông phải ra khỏi xe. Ông bị đẩy lên ba bậc thềm đá trước khi bước vào một toà nhà và đi dọc theo một hành lang dài. Tiếng bước chân của ông vang dội trên sàn gỗ. Rồi ông được dẫn vào một phòng bên trái, nơi đây ông bị đẩy xuống trên một chiếc ghế, bị trói bằng dây thừng và bịt miệng. Giày và vớ ông được cởi ra. Khi ông nghe tiếng cửa đóng, ông cảm thấy chỉ còn lại một mình.

Một thời gian dài trôi qua – ông không rõ là bao lâu – trước khi cửa lại mở. Giọng nói đầu tiên ông nghe được là của Đại tướng Hamil.

— Gỡ tấm vải bịt miệng ra, – ông ta chỉ nói có thế.

Kratz có thể nghe tiếng ông ta bước quanh chiếc ghế, nhưng thoát tiên viên Đại tướng không nói gì. Kratz bắt đầu tập trung tư tưởng. Ông biết viên thuốc có hiệu lực trong hai tiếng đồng hồ, không hơn, và ông tin chắc rằng đã bốn mươi hoặc bốn mươi lăm phút trôi qua, kể từ khi bọn họ lôi ông ra khỏi đại bản doanh của Đảng Baath.

— Đại tá Kratz, tôi đã chờ đợi một thời gian mới được cái đặc ân làm quen với ông. Tôi đã từ lâu khâm phục việc làm của ông. Ông đúng là một con người cầu toàn.

— Đẹp trò dơ dáy đó đi, – Kratz nói, – vì tôi không khâm phục ông hoặc việc làm của ông đâu.

Ông chờ đợi cái tát đầu tiên hoặc một quả đấm vào hàm, nhưng viên Đại tướng chỉ tiếp tục đi vòng quanh chiếc ghế.

— Ông sẽ không quá thất vọng, – viên Đại tướng nói. – Tôi có cảm tưởng chắc chắn, sau tất cả những gì ông đã nghe về chúng tôi, rằng ông đã tưởng tối thiểu lúc này là điện giựt, có lẽ trấn nước theo kiểu Trung Quốc, thậm chí có thể tra tấn bằng trăm, nhưng tôi e rằng – không giống như Mossad đâu, Đại tá – khi đối phó với hạng người cao cấp như ông, đã từ lâu chúng tôi không dùng tới những phương pháp đơn sơ như thế. Chúng tôi nhận thấy chúng đã lỗi thời, một kiểu cách của quá khứ. Tệ hơn nữa, chúng không đem lại hiệu quả. Người Do Thái các ông rất cứng cỏi và được huấn luyện kỹ càng. Các ông ít khi chịu nói, rất ít. Vì vậy chúng tôi phải áp dụng các phương pháp khoa học hơn để đạt được thông tin chúng tôi cần.

“Vẫn còn trong vòng một giờ,” Kratz nghĩ, ông đã đánh giá viên thuốc vẫn còn hiệu lực.

— Chỉ cần chích một ống PPX, chúng tôi sẽ biết được mọi điều chúng tôi muốn biết, – viên Đại tướng nói tiếp, – và một khi chúng tôi có thông tin mà chúng tôi cần, chúng tôi chỉ việc giết ông. Như thế có hiệu quả hơn nhiều trong quá khứ, và với tất cả những lời kêu ca về môi trường hiện nay, như thế gọn gàng hơn nhiều. Dù sao đi nữa, tôi phải thú thực, tôi đã quên những phương pháp cũ. Vì vậy ông sẽ hiểu tại sao tôi không thể chống lại việc nhốt cô Kopec và giáo sư Bradley trong chiếc tủ sắt, đặc biệt vì họ đã không gặp nhau quá lâu.

Bàn tay của Kratz bị ép ra phía sau, sát vào tay ghế. Ông cảm thấy nhiều

ngón tay đang tìm một mạch máu và khi cây kim đâm, ông nao núng. Ông bắt đầu đếm: *một, hai, ba, bốn, năm, sáu...*

Ông sắp sửa khám phá ra có phải chẳng một trong những nhà hoá học hàng đầu của châu Âu đã tìm được, như bà ta đã bảo, loại thuốc giải đối với thuốc nói thật mới nhất của Iraq, Mossad đã sẵn tìm nhà cung cấp ở Áo. Kỳ lạ thay, nhiều người vẫn nghĩ không còn có người Do Thái ở Áo.

Ba mươi bảy, ba mươi tám, ba mươi chín...

Loại thuốc này vẫn còn ở trong giai đoạn thử nghiệm và cần được chứng minh trong những điều kiện không phải tại phòng thí nghiệm. Nếu một người có thể hoàn toàn kiểm soát được trí óc của mình trong khi có vẻ như đang bị thôi miên, thì họ biết loại thuốc giải của họ đã thành công.

Một phút, một phút một, một phút hai, một phút ba...

Cuộc thí nghiệm xảy đến khi họ chích mũi kim thứ hai ở bất cứ nơi nào. Rồi mánh khoe tỏ ra không có phản ứng gì, như không viên Đại tướng sẽ nhận thấy ngay tức khắc rằng lần chích ban đầu đã không có được hiệu quả cần thiết. Chương trình đào tạo cho “kinh nghiệm hiện thực” đặc biệt này không phổ biến cho toàn thể các điệp viên, và mặc dù Kratz đã trải qua cuộc thử nghiệm mỗi tháng một lần trong chín tháng vừa rồi, ta chỉ có một cơ hội duy nhất không phải tại phòng thí nghiệm để khám phá ra ta có qua được cuộc thử nghiệm hay không.

... một phút ba mươi bảy, một phút ba mươi tám, một phút ba mươi chín...

Mũi tiêm cốt để có tác dụng sau hai phút, và mỗi điệp viên đều đã được dạy bảo trông đợi mũi thứ hai vào một lúc nào đó giữa hai và ba phút. Như vậy cần phải đếm.

... một phút năm mươi sáu, một phút năm mươi bảy...

Bỗng nhiên mũi kim thọc vào và rút ra khỏi ngón cái trên bàn chân trái của ông. Kratz ngừng nghiêng răng, ngay cả hơi thở của ông vẫn đều đặn. Ông

đã thắng giải thưởng Pincushion^[55] của Do Thái. Mossad vẫn thường chiêm chọc mọi thứ.

CHƯƠNG 31

— Và trong suốt thời gian đó em thực sự nghĩ anh đã chết.

— Bọn anh không có cách nào cho em hay. – Scott nói.

— Dù sao, lúc này điều đó không còn quan trọng, Simon, – Hannah nói. – Xin lỗi, chắc phải mất một thời gian ngắn em mới quen với cái tên “Scott”. Có lẽ em không thể xoay trở được trong thời gian chúng ta bị bỏ rơi.

Scott tiếp tục ôm chặt nàng, cho tới khi Hannah nói:

— Em biết chắc là em phải cuồng loạn, hoặc tối thiểu phải khóc lên, nhưng không được. Có lẽ tất cả những việc đó sẽ đến sau.

— Hoặc không có gì hết, – Scott nói, không để cho nàng dang ra.

— Sao anh có thể nói như thế?

— Một trong những kế hoạch đề phòng khi bất trắc mà Kratz và anh đã nghĩ ra là nếu bất cứ ai trong chúng ta bị bắt và bị tra tấn trong lúc một người nào khác vẫn còn tự do, thì chúng ta phải cố chịu đựng trong một tiếng đồng hồ trước khi cho họ biết trò bịa đặt.

Hannah biết chính xác Mossad ngụ ý gì với “trò bịa đặt” cho dù vào lần này nàng không biết các chi tiết.

— Mặc dù anh phải nhìn nhận đây là một kịch bản mà bọn các anh chưa hề nghĩ tới, – Scott nói. – Đúng là hoàn toàn trái ngược. Bọn anh tưởng rằng nếu bọn anh có thể thuyết phục họ, bọn anh có một lý do khác để mang chiếc tù sắt đến Baghdad, họ sẽ ngay lập tức sơ tán toà nhà và dọn sạch khu vực chung quanh.

— Và như thế sẽ đạt được những gì?

— Bọn anh hy vọng rằng với toà nhà trống, cho dù bọn anh có bị bắt, những nhân viên khác đã qua biên giới trước bọn anh một ngày có thể có trọn một giờ để lọt vào phòng Hội đồng và lấy bản Tuyên ngôn.

— Nhưng người Iraq sẽ mang tài liệu đó theo họ.

— Không cần thiết. Kế hoạch của bọn anh là bọn anh sẽ cho họ hay một cách chính xác chuyện gì sẽ xảy ra nếu chiếc tủ sắt được đóng lại bởi bất cứ một người nào khác ngoài anh. Bọn anh đã có cảm nghĩ điều đó sẽ gây hoảng sợ và rất có thể họ sẽ bỏ lại mọi thứ.

— Thế rồi Kratz đã rút phải cọng rơm ngăn?

— Phải. – Scott trầm tĩnh nói. – Dù kế hoạch ban đầu của ông ấy giờ đây không tiến hành được, sau khi anh đã ngu ngốc đến nỗi giao bản Tuyên ngôn cho Hamil thế là chúng ta sẽ phải tận dụng thời gian để thoát ra thay vì đã lấy lại được.

— Nhưng anh đâu có trao nó cho ai, – Hannah nói. – Bản Tuyên ngôn vẫn còn ở trên bức tường của phòng Hội đồng.

— Anh e là không phải, – Scott nói. – Hamil đã có lý. Anh đã đổi hai bản Tuyên ngôn sau khi anh bắt đầu gây báo động. Thế là cuối cùng anh đã trả lại bản chính cho Hamil.

— Không, anh không trả lại, – Hannah nói. – Đó là anh tin tưởng anh đã đổi được bản chính. Thực ra anh đã đánh lừa Hamil mà anh không hay biết.

— Em nói gì vậy? – Scott hỏi.

— Tất cả là do em, – Hannah nói. – Em đã tìm thấy cái ống giấy trong tủ sắt và đã hoán đổi hai bản tài liệu, nghĩ rằng em có thể ra khỏi toà nhà và sau đó gửi một bản tin để cho Kratz biết việc em đã làm. Chuyện rắc rối là anh và Đại tướng Hamil đã đến ngay lúc em sắp sửa rời khỏi. Thế rồi, khi anh tự nhốt mình trong phòng Hội đồng, anh lại để bản chính trở lên tường, và sau

đó anh giao bản sao cho Hamil.

Scott lại ôm nàng vào lòng.

— Em đúng là một thiên tài, – anh nói.

— Không dám đâu, – Hannah nói. – Tốt hơn anh nên cho em biết điều bí mật mà anh đã sắp xếp cho kịch bản đặc biệt này. Bắt đầu là chúng ta làm sao ra khỏi một chiếc tủ sắt đã được khoá lại?

— Đó là nét đặc trưng của nó. – Scott nói. – Nó không được khoá lại. Nó đã được đặt chương trình sao cho chỉ có mình anh có thể mở ra hoặc đóng lại.

— Ai đã nghĩ ra cái trò đó?

— Một người Thụy Điển sẽ rất vui mừng thay thế chúng ta, nhưng anh ta đã bị giữ lại ở Kalmar. Điều đầu tiên anh phải làm là khám phá ra bức tường nào là cánh cửa.

— Việc đó dễ thôi, – Hannah nói. – Nó đối diện với em bởi vì em đang ngồi phía dưới bức hình của Saddam, anh nhớ chứ.

Scott và Hannah bắt đầu bò một quãng ngắn bằng tay và đầu gối tới phía bên kia của chiếc tủ sắt.

— Bây giờ chúng ta đi qua bên góc phải, – anh nói, – để cho khi chúng ta đẩy, cửa sẽ dễ mở hơn.

Hannah gạt đầu, rồi sực nhớ họ không trông thấy nhau, liền nói:

— Vâng.

Scott xem mặt số phát quang của đồng hồ:

— Nhưng chưa được đâu, – anh nói. – Chúng ta phải cho Kratz thêm một chút thời gian.

— Đã đủ thời gian để cho em biết trò bịa đặt là gì chưa? – Hannah hỏi.

— Tốt, – viên Đại tướng nói khi Kratz không phản ứng lại mũi kim đã chích vào ngón chân cái.

— Bây giờ chúng tôi có thể tìm hiểu tất cả những gì chúng tôi cần. Nhưng để bắt đầu, chỉ có những câu hỏi đơn giản thôi. Cấp bậc của ông trong Mossad?

— Đại tá, – Kratz nói.

Bí quyết chỉ cho họ biết những điều mà ta cảm thấy chắc chắn họ đã biết.

— Số hiệu của ông?

— 78216, – ông nói.

Nếu không chắc, giả sử họ biết, ta sẽ bị lật tẩy.

— Và chức vụ chính thức của ông?

— Ủy viên Hội đồng Văn hoá thuộc Cung điện Hoàng gia Anh ở London.

Ta được phép nói dối ba lần, bịa đặt một lần, không được nhiều hơn.

— Tên ba người đồng nghiệp của ông cùng tham gia với ông trong nhiệm vụ này là gì?

— Giáo sư Bradley, một chuyên gia các loại văn tự cổ – Điều nói dối đầu tiên. – Ben Cohen, và Aziz Zeebari, – đều nói thật.

— Còn cô gái, Hannah Kopec, cấp bậc của cô ta trong Mossad là gì?

— Cô ta vẫn còn là một học viên.

— Cô ta đã làm việc cho Mossad bao lâu?

— Chỉ mới trên hai năm.

— Và vai trò của cô ta?

— Được đưa vào Baghdad để khám phá ra bản tuyên ngôn Độc lập đặt tại đâu? – Điều nói dối thứ hai.

— Ông hành động giỏi đấy, ông Đại tá, – viên Đại tướng vừa nói vừa nhìn vào cái ống giấy dài nhỏ mà ông ta đang cầm trong bàn tay phải.

— Và có phải đây là trách nhiệm toàn bộ của ông với tư cách sĩ quan chỉ huy của cô ta?

— Không phải, Tôi chỉ hộ tống chiếc tủ sắt từ Kalmar. – Điều nói dối thứ ba.

— Nhưng chắc chắn đó chỉ là một viên cớ để xác định vị trí của bản Tuyên ngôn Độc lập.

Kratz chột do dự. Các chuyên gia vẫn còn có thể chứng tỏ rằng ngay trong lúc đang chịu ảnh hưởng của một thứ thuốc nói thật, một điệp viên đã được huấn luyện kỹ vẫn sẽ do dự khi được hỏi về một sự bí mật mà anh ta chưa bao giờ tiết lộ trong quá khứ.

— Mục đích thực sự của ông về việc ông mang chiếc tủ sắt đến Baghdad là gì, ông Đại tá?

Kratz vẫn im lặng.

— Đại tá Kratz, – viên Đại tướng nói, cất cao giọng theo từng từ một. – Lý do thực về việc ông mang chiếc tủ sắt đến Baghdad là gì?

Kratz đếm tới ba trước khi ông nói:

— Để làm nổ tung đại bản doanh của Đảng Baath bằng một thiết bị hạt nhân cất giấu trong chiếc tủ sắt, với hy vọng giết chết Tổng thống cùng tất cả các thành viên của Hội đồng Lãnh đạo Cách mạng. – Điều bịa đặt.

Kratz hết sức ước ao có thể trông thấy gương mặt của viên Đại tướng. Bây giờ thì chính Hamil do dự.

— Quả bom được cho nổ bằng cách nào?

Một lần nữa, Kratz không trả lời.

— Tôi sẽ hỏi ông một lần nữa, ông Đại tá. – Quả bom được kích nổ bằng cách nào?

Kratz vẫn không nói gì.

— Khi nào nó nổ? – Viên Đại tướng la lớn.

— Hai giờ sau khi chiếc tủ sắt được đóng lại bởi bất cứ ai khác ngoài ông giáo sư.

Viên đại tướng liền xem đồng hồ tay, phóng tới chiếc máy điện thoại độc nhất trong phòng và lớn tiếng đòi nối đường dây với Tổng thống ngay lập tức. Ông ta đợi cho đến khi nghe giọng của Saddam. Ông ta không nhận thấy Kratz đã bất tỉnh và té nhào từ ghế xuống sàn.

Scott thư giãn trong góc trước khi xem các chấm nhỏ phát quang trên chiếc đồng hồ của anh một lần nữa. Lúc này là 5 giờ 19. Anh và Hannah đã ở trong chiếc tủ sắt đúng một giờ mười bảy phút.

— Bây giờ anh sẽ đây. Nếu em nghe thấy gì, em hãy xô mạnh càng tốt. Nếu vẫn còn một người nào ở ngoài thì hy vọng duy nhất của chúng ta là bất ngờ chộp được họ.

Scott bắt đầu sử dụng sức ép tối thiểu lên góc cửa với các đầu ngón tay, và cánh cửa mở hé ra độ hai phân. Anh liền dừng lại và lắng tai, nhưng không thể nghe thấy gì.

Anh nhìn qua khe hở và không trông thấy một ai. Anh đẩy thêm vài phân nữa. Vẫn không có một tiếng động. Lúc này cả hai người đã nhìn thấy rõ hành lang. Scott liếc sang Hannah và gật đầu, rồi họ cùng nhau ráng hết sức

xô mạnh. Cả tấn thép mở bật ra. Hai người chạy ra hành lang, nhưng không có bóng dáng một ai. Chỉ có một sự im lặng đáng sợ.

Scott và Hannah bước chậm chậm dọc theo hành lang ngắn, luôn luôn sát hai bên cho tới họ đến phòng Hội đồng.

Vẫn không có một tiếng động. Scott đặt một chân vào trong phòng Hội đồng và liếc sang bên trái. Bản Tuyên ngôn Độc lập vẫn còn treo trên tường, bên cạnh bức hình của Saddam.

Hannah di chuyển về phía xa của phòng và kiểm tra hành lang, đoạn nàng ngoảnh lại nhìn Scott và gật đầu.

Scott xem lại lỗi chính tả của chữ “Brittish” trước khi thầm hát bài ca ngợi Chúa. Anh nhổ ba cây đinh và cho bản Tuyên ngôn lọt qua đầu cây đinh còn lại ở góc trên cùng bên phải, cố quên rằng anh đã nhổ nước bọt lên một vật báu quốc gia. Anh nhìn hình Saddam một lần cuối trước khi cuộn tấm giấy da lại và ra gặp Hannah ngoài hành lang.

Hannah lướt nhẹ theo tường, rồi chỉ tay về phía thang máy. Nàng kéo một ngón tay qua cuống họng để ra dấu cho Scott biết nàng muốn tránh dùng thang máy và sẽ theo cầu thang phía sau. Anh gật đầu đồng ý và theo nàng ra khỏi cửa hông.

Họ di chuyển một cách nhanh nhẹn nhưng im lặng lên sáu dãy cầu thang cho tới khi họ đến tầng trệt. Hannah vẫy tay ra hiệu cho Scott vào căn phòng phụ, nơi các công nhân vệ sinh đã đến lấy các thùng dụng cụ. Nàng đã đến khung cửa sổ ở phía xa của các căn phòng và quỳ gối trước cả khi Scott đóng cửa. Anh tới gặp nàng và họ chăm chú nhìn ra Quảng trường Chiến thắng. Tất cả mọi phía đều không có bóng dáng một ai.

— Cầu xin Chúa ban phước cho Kratz, – Scott nói.

Hannah gật đầu và ra hiệu cho anh lại đi theo nàng.

Nàng dẫn anh trở ra hành lang và nhanh nhẹn đưa anh tới cửa hông. Scott

mở cửa thăm dò và lướt nhẹ ra phía trước nàng. Một lát sau nàng theo kịp anh trên khoảng đất trải nhựa.

Anh chỉ tay về phía một nhóm cây cọ ở giữa sân, và nàng gật đầu một lần nữa. Họ vượt qua đoạn đường hai chục mét tới nơi tương đối an toàn chưa đầy ba giây. Scott quay lại nhìn toà nhà và chợt trông thấy chiếc xe tải đậu sát vào tường. Anh phỏng đoán rằng, trong cơn hoảng sợ, đó chỉ là một vật khác đã bị bỏ rơi.

Anh vỗ nhẹ lên vai Hannah và nói vắn tắt rằng anh muốn trở lại toà nhà. Họ vượt qua khoảng sân với cùng tốc độ như ban nãy, lên trở vào bên trong cửa. Scott dẫn Hannah tới hành lang chính, tại đây họ nhận thấy cửa trước đang lắc lư trên bản lề. Anh nhìn qua khe cửa và chỉ tay về phía xe tải, ra dấu về phía anh sẽ đi và chạm nhẹ lên vai nàng. Một lần nữa, họ chạy nhanh qua khoảng đất rải nhựa.

Scott nhảy lên phía sau tay lái trong lúc Hannah leo lên phía bên kia.

— Đâu rồi... – đó là phản ứng đầu tiên của Scott khi anh phát hiện ra chìa khoá công tắc không ở trong ổ khoá.

Họ bắt đầu cuống cuồng lục soát hộp đựng đồ, dưới chỗ ngồi trên bảng điều khiển.

— Bọn chó đẻ chắc đã lấy chìa khoá theo.

— Simon, nhìn kìa! – Hannah gào lên.

Scott liền quay ra và trông thấy một dáng người đang nhảy lên trên bọc xe.

Hannah nhanh nhẹn chuyển động vào vị trí tấn công kẻ xâm nhập, nhưng Scott ngăn chặn nàng.

— Xin chào cô, – người lạ nói. – Cho tôi xin lỗi vì chúng ta đã không giới thiệu một cách đàng hoàng.

Rồi anh ta quay sang Scott.

— Ông giáo sư, – anh ta vừa nói vừa cắm chìa khoá vào ổ công tắc, – nếu ông nhớ lại, mọi người đã đồng ý để tôi làm công việc lái xe.

— Anh làm cái quái gì ở đây thế, trung sĩ? – Scott hỏi.

— Bây giờ tôi mới biết kiểu chào đón thực sự của một người Mỹ, – Cohen trả lời. – Nhưng để trả lời câu hỏi của ông, tôi chỉ đang chấp hành mệnh lệnh. Tôi đã được căn dặn nếu ông ra khỏi cánh cửa đó mang theo một cái ống giấy, thì tôi phải tìm cách trở lại đây và thoát khỏi nơi này, nhưng trong mọi tình huống không được để cho ông quẹo tới Bộ Ngoại giao. À, cái ống đâu rồi?

— Nhìn kìa! – Hannah lại la lớn trong lúc nàng quay ra và chợt trông thấy một người Ả Rập chạy như đang rượt đuổi ai về phía họ từ phía bên kia.

— Tên đó sẽ không làm hại cô đâu, – Cohen nói, – hoàn toàn vô dụng, thậm chí không biết sự khác biệt giữa một lon Diet Coke và một lon Pepsi.

Aziz chợt nhảy lên bậc thang và nói với Scott:

— Ông giáo sư, tôi nghĩ chúng ta còn khoảng hai mươi phút nữa, trước khi bọn họ hiểu ra rằng không có một quả bom nào trong chiếc tủ sắt.

— Thế thì chúng ta hãy thoát ra khỏi đây, – Scott nói.

— Nhưng đi đâu? – Hannah hỏi.

— Aziz và tôi đã thực hiện một cuộc trinh sát. Ngay lúc tiếng còi vang lên, chúng tôi đã biết rằng Kratz đã nói với bọn họ điều bịa đặt, bởi vì nếu không, họ đã không bỏ chạy một cách mất tinh thần đến thế. Quân nhân và cảnh sát hình như đã tẩu thoát trước ra khỏi đây. Aziz và tôi đã chạy một vòng ở trung tâm thành phố trong giờ vừa qua. Quả thật người duy nhất chúng tôi đã đụng đầu chính là một nhân viên của chúng tôi, Dave Fieldman. Anh ta đã tìm ra con đường tốt nhất để cho chúng ta một khả năng tránh được bọn quân nhân.

— Tốt lắm, Cohen, – Scott nói.

Cohen bỗng quay lại và nhìn chăm chăm vào vị giáo sư:

— Tôi làm việc đó không phải vì ông, mà vì Kratz. Ông ấy đã đưa tôi ra khỏi tù một lần nữa, và ông ấy là vị sĩ quan duy nhất đã đối xử với tôi như với một con người. Vì vậy, bất kỳ ông giáo sư đang cầm gì trong tay, chắc là nó giá trị hơn tính mạng của ông ấy rất nhiều.

— Hàng nghìn người đã hy sinh tính mạng của mình cho nó trong nhiều năm qua, – Scott trầm tĩnh nói. – Nó là bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ.

— Lạy Chúa, – Cohen nói – Làm sao bọn chó đẻ chiếm đoạt được?

Anh ta ngừng một lát rồi hỏi tiếp:

— Tôi có nên tin ông không?

Scott liền gạt đầu và trải tấm giấy da ra. Cohen và Aziz sững sờ nhìn trong nhiều giây.

— Ngay sau đây, chúng tôi nên đưa ông về, phải không ông giáo sư? – Cohen nói. – Aziz sẽ dẫn đường trong lúc chúng ta ở trong vùng này.

Anh ta nhảy ra khỏi buồng lái và anh chàng người Kurd chạy quanh để ngồi vào sau tay lái. Ngay sau khi Cohen đã leo qua tấm bửng, anh ta đâm vào mũi và Aziz nỗ máy.

Họ tăng tốc quanh sân, lái thẳng qua hàng rào và ra Quảng trường Chiến thắng. Những chiếc xe duy nhất còn được trông thấy đã bị bỏ lại từ lâu, và không có bóng dáng một ai trên các đường phố.

— Khu vực này đã được sơ tán trong vòng năm cây số theo mỗi hướng, vì thế một lúc sau chúng ta mới qua nơi có người, – Aziz nói trong lúc anh ta quẹo trái vào đường Kindi.

Anh ta phóng nhanh chiếc xe tải tới gần một trăm cây số giờ, một tốc độ mà trước đây chỉ có Saddam mới trải qua trên con đường đặc biệt này.

— Tôi sẽ theo đường Baquba ra khỏi thành phố, chạy qua những khu vực gần như không có dấu vết quân sự, – Aziz giải thích trong lúc anh đi qua vò nước đã được Ali Baba làm cho nổi tiếng. – Tôi vẫn còn hy vọng đến được xa lộ ra khỏi Baghdad trong vòng hai tiếng đồng hồ tuyệt diệu.

Aziz bất thần quẹo phải, đổi số nhưng hầu như không giảm tốc độ, trong lúc anh tiếp tục chạy qua nơi có vẻ như một thành phố ma. Scott nhìn lên mặt trời trong lúc họ qua một cây cầu trên sông Tigris, trong khoảng một tiếng đồng hồ nó biến mất phía sau những toà nhà cao nhất, và họ càng có hy vọng không bị phát hiện.

Aziz quẹo qua trường đại học Karmel Junlat rồi vào đường Jamila. Vẫn không có người trên lòng đường hoặc lề đường, và Scott có cảm tưởng rằng nếu lúc này có ai trông thấy họ, người ta sẽ phỏng đoán họ thuộc một đội quân đang đi tuần.

Chính Hannah đã phát hiện người đầu tiên; một ông già khòm lưng đang ngồi trên bờ lề đường tựa hồ như không có chuyện gì đặc biệt đã xảy ra. Họ chạy xe qua ông ta với tốc độ một trăm cây số giờ, thế mà ông ta vẫn không ngẩng nhìn lên.

Aziz quẹo vào đường kế tiếp và chạm trán với một nhóm cướp trẻ đang mang theo những máy truyền hình và thiết bị điện tử. Bọn chúng tản ra khi trông thấy chiếc xe tải. Qua góc đường kế tiếp lại có bọn cướp khác, nhưng vẫn không thấy bóng dáng cảnh sát hoặc quân nhân.

Khi Aziz phát hiện bóng người mặc đồng phục xanh đen đầu tiên, anh ta bẻ ngoặt ngay sang bên phải theo một đường phụ mà vào bất cứ ngày thứ tư nào khác sẽ đầy những người mua sắm mà một chiếc xe hơi may mắn lắm cũng chỉ có thể chạy qua với một tốc độ bảy tám cây số giờ. Nhưng hôm nay, Aziz cố giữ tốc độ trên tám mươi. Anh ta lại quẹo phải, và họ đã trông thấy một vài người dân địa phương đầu tiên liều mạng quay trở về. Ngay sau khi họ đến cuối đường, Aziz có thể chạy vào con đường phố lớn ra khỏi

Baghdad. Xe cộ lưu thông vẫn còn thừa thớt.

Aziz thận trọng cho xe ra làn đường bên ngoài, chốc lát lại xem kính chiếu hậu và cố giữ tốc độ giới hạn tám mươi cây số giờ. “Đừng bao giờ để bị chùn lại vì các lý do sai trái”, Kratz đã cảnh báo anh ta cả nghìn lần.

Khi Aziz bật đèn trước, những hy vọng của Scott bắt đầu dấy lên. Mặc dù hai tiếng đồng hồ đã trôi qua, anh nghĩ rằng vẫn chưa có ai truy tìm họ, và cũng hết sức dễ hiểu rằng càng ra xa Baghdad, người dân càng ít trung thành với Saddam.

Ngay sau khi Aziz bỏ lại sau lưng bảng hiệu ranh giới của Baghdad, anh ta đẩy tốc độ lên chín mươi lăm.

— Xin thánh Allah hãy cho con hai mươi phút nữa, – anh ta nói. – Hãy cho con hai mươi phút nữa và con sẽ đưa họ đến Castle Post.

— Castle Post? – Scott nói. – Chúng ta đâu phải đang làm nhiệm vụ trinh sát của dân Da Đỏ.

Aziz bật cười.

— Không đâu. Ông giáo sư. Đó là một cái đồn của quân đội Anh trong Thế chiến thứ I. Tại đó chúng ta có thể trốn tránh qua đêm. Nếu tôi có thể đến đó trước...

Cả ba người chợt phát hiện chiếc quân xa đầu tiên hướng về phía họ. Aziz liền ngoặt sang bên trái, chạy vào một đường phụ, và lập tức phải giảm tốc độ.

— Thế thì bây giờ chúng ta chạy đi đâu? – Scott hỏi.

— Khan Beng Saad, – Aziz nói, – làng nơi tôi sinh ra. Chúng ta chỉ có thể ở lại đó một đêm, nhưng sẽ không có ai nghĩ đến việc tìm chúng ta ở đây. Ngày mai ông giáo sư phải quyết định chúng ta sẽ vượt qua biên giới nào trong số sáu biên giới^[56].

Đại tướng Hamil đã đi tới đi lui quanh văn phòng của ông ta suốt tiếng đồng hồ vừa qua. Hai tiếng đồng hồ đã trôi qua dài dằng dặc, và ông ta đang bắt đầu tự hỏi Kratz có thể thắng thế hay không. Nhưng ông ta không thể hiểu như thế nào.

Thậm chí ông ta đang bắt đầu hối tiếc vì đã giết chết người đàn ông đó. Nếu Kratz vẫn còn sống, tối thiểu ông ta có thể sử dụng phương pháp tra tấn đáng tin cậy. Giờ đây Kratz sẽ không bao giờ được hưởng thụ kỹ thuật cạo đầu đặc biệt như thế nào.

Hamil đã ra lệnh cho một viên trung úy tân binh và trung đội của anh ta trở xuống tầng hầm của đại bản doanh Đảng Baath. Viên trung úy đã trở lại ngay sau đó và báo cáo rằng cửa tủ sắt mở toang và chiếc xe tải đã biến mất, cũng như bản tài liệu treo trên tường. Viên Đại tướng mỉm cười ông ta vẫn tin tưởng rằng mình đang giữ bản Tuyên ngôn gốc, nhưng ông ta rút tấm giấy da ra khỏi cái ống và đặt lên bàn để kiểm tra lại. Khi ông ta xem tới từ “British”, mặt ông ta thoát tiên tái mét, rồi dần dần đỏ bừng.

Ông ta ngay lập tức ra lệnh huỷ bỏ toàn bộ việc nghi phép của quân nhân, rồi điều động năm sư đoàn Vệ binh ưu tú để tổ chức một cuộc truy nã những kẻ khủng bố. Nhưng ông ta không có cách nào biết được bọn họ đã xuất phát trước ông ta bao lâu, họ đã có thể đi được bao xa, và theo hướng nào.

Tuy nhiên, ông ta cũng biết chắc rằng bọn họ không thể cứ theo các con đường cái trong chiếc xe tải đó mà không bị phát hiện. Khi trời tối, có thể họ sẽ rút vào sa mạc để nghỉ qua đêm. Nhưng họ sẽ phải ra khỏi sáng hôm sau, khi họ phải cố gắng vượt qua một trong sáu biên giới. Viên Đại tướng đã ban bố một mệnh lệnh rằng cho dù một tên trong bọn khủng bố thoát qua khỏi bất cứ biên giới nào, các nhân viên hải quan ở tất cả các trạm sẽ bị bắt và tống vào nhà giam, bất kể họ đang ở phiên trực hay không. Hai quân nhân có

nhệm vụ đóng chiếc tủ sắt đã bị xử bản vì tội không thi hành mệnh lệnh của ông ta, và viên thiếu tá được phân công giám sát việc di chuyển chiếc tủ sắt đã bị bắt ngay lập tức. Tối thiểu quyết định tự kết liễu tính mạng của thiếu tá Saeed đã giúp Hamil thoát khỏi một toà án quân sự: trong vòng một tiếng đồng hồ, viên thiếu tá đã được phát hiện treo cổ trong phòng giam. Rõ ràng việc bỏ lại một cuộn dây thừng ở giữa sàn bên dưới một cái móc ở trên trần đã tỏ ra là một sự gợi ý đầy thuyết phục. Riêng về hai anh chàng sinh viên y khoa đã phụ trách việc tiêm thuốc và đã chứng kiến cuộc trò chuyện của ông ta với Kratz, họ đã lên đường đến biên giới phía nam để thi hành nghĩa vụ quân sự trong một trung đoàn không lấy gì làm ưu tú. Họ đúng là những chàng trai có vẻ dễ mến, viên Đại tướng nghĩ, ông ta cho họ một tuần lễ là tối đa.

Hamil nhắc máy điện thoại lên và quay một số riêng giúp ông ta liên lạc với dinh Tổng thống. Ông ta cần chắc chắn rằng ông ta là người đầu tiên giải thích cho Tổng thống sự việc đã xảy ra chiều hôm nay.

CHƯƠNG 32

Scott vẫn luôn luôn xem các người đồng hành của anh là một dân tộc hiếu khách, nhưng anh chưa bao giờ chứng kiến một sự đón tiếp như của gia đình Aziz đối với ba người khách lạ.

Khan Beng Saad, làng mà Aziz đã chào đời, như lời anh ta nói, chỉ trên 250 cư dân theo lần tổng kết sau cùng, và chỉ tồn tại nhờ thu nhập từ việc bán cam, quýt và chà là với số lượng nhỏ cho các bà nội trợ của Kirkuk và Arbil.

Vị trưởng bộ tộc, hoá ra là một người chú của Aziz, lập tức mở cửa ngôi nhà đá nhỏ bé của ông cho họ vào để cho họ có thể sử dụng phòng tắm duy nhất trong làng. Những người phụ nữ trong nhà – dường như khá nhiều – liên tục nấu nước cho tới khi tất cả người khách đều sạch bong.

Cuối cùng khi ra khỏi ngôi nhà của vị tộc trưởng, anh thấy một chiếc bàn đã được đặt phía dưới một bụi chanh trong đồng bằng Huwaidar. Nó chất đầy cá lạ, thịt, trái cây và rau quả. Anh e chắc chắn họ đã gom góp lại từ mọi nhà trong làng.

Trong một đêm sáng trăng, họ ăn ngẫu nhiên thức ăn tươi và uống nước suối mà nếu đóng chai một người California sẽ vui lòng trả một đồng tiền.

Nhưng tư tưởng của Scott vẫn liên tục trở về với sự việc ngày mai họ sẽ phải rời khỏi môi trường bình dị này, và anh sẽ phải bằng một cách nào đó đưa tất cả bọn họ qua một trong sáu biên giới.

Sau khi cà phê được dọn ra trong nhiều tách và ca có kích cỡ khác nhau, vị tộc trưởng đứng lên khỏi chỗ ngồi ở đầu bàn để bày tỏ mấy lời chào mừng và Aziz thông dịch. Sau đó Scott đáp lại mấy lời và Aziz lại thông dịch lời nói của anh.

— Đó là điểm duy nhất họ giống chúng ta, – Hannah vừa nói vừa nắm bàn tay của Scott. – Họ rất thích sự vắng tắt.

Vị tộc trưởng chấm dứt buổi tối với một đề nghị mà Scott rất cảm ơn nhưng cảm thấy không thể chấp thuận: Ông muốn ra lệnh tất cả gia đình ông ra khỏi ngôi nhà nhỏ để các vị khách của ông có thể ngủ bên trong.

Scott cứ từ chối mãi cho đến khi Aziz giải thích:

— Ông phải chấp thuận, nếu không tức là coi thường ngôi nhà của ông ấy bằng cách nghĩ nó không đủ tiện nghi cho ông nghỉ ngơi trong đó. Và nhân đây, tôi xin nói thêm lời khen ngợi tốt đẹp nhất mà ông muốn tặng cho một người Ả Rập là khiến cho vợ ông mang thai trong lúc ngủ dưới mái nhà đó.

Nói đoạn, Aziz khẽ nhún vai.

Scott nằm thao thức gần trọn đêm, nhìn qua khung cửa sổ không kính, trong lúc Hannah hầu như không cựa quậy trong vòng tay của anh. Sau khi đã cố hết sức tặng cho vị tộc trưởng lời khen ngợi tốt đẹp nhất, tâm trí Scott trở lại với vấn đề đưa toàn đội vượt qua một trong các biên giới đồng thời đảm bảo bản Tuyên ngôn Độc lập an toàn trở về Washington.

Khi tia nắng đầu tiên bò qua tấm chăn phủ trên giường của họ, Scott buông Hannah ra và hôn lên trán nàng. Anh luôn người khỏi chăn để nhận thấy chậu rửa mặt bằng thiếc đã đầy nước ấm và những người phụ nữ đã bắt đầu nấu thêm nước trên bếp lửa.

Sau khi Scott mặc xong áo quần, anh bỏ ra một tiếng đồng hồ nghiên cứu nhiều tấm bản đồ của Iraq, tìm tòi những con đường có thể đi qua sáu biên giới. Anh nhanh chóng loại bỏ Syria và Iran, bởi vì các đạo quân của cả hai nước này đang đóng đóng đầy ở biên giới với Iraq. Anh cũng cảm thấy rằng trở về qua biên giới Jordan sẽ vừa xa lại vừa quá mạo hiểm. Lúc Hannah đã đến bên anh, anh cũng loại bỏ Saudi Arabia vì nơi này được canh phòng quá cẩn mật, và giờ đây chỉ còn lại năm con đường và hai biên giới. Trong lúc những người chủ nhà chuẩn bị bữa điểm tâm, Scott và Hannah thông thả đi

vào làng tay nắm tay như bao cặp tình nhân khác trong một buổi sáng mùa hạ.

Những người dân địa phương mỉm cười, và một vài người cúi chào. Mặc dù không một ai có thể trò chuyện với họ, nhưng tất cả mọi người đã nói với nhau một cách hùng biện qua những đôi mắt hiểu biết lẫn nhau.

Khi đã đến cuối làng, họ quay lại và thả bộ lên con đường mòn hướng về ngôi nhà của vị tộc trưởng. Cohen đang chiên trứng trên một bếp lửa và Hannah dùng chân để quan sát những người phụ nữ nướng những miếng bánh mì mỏng tròn bao phủ mật ong, cứ như đang chuẩn bị một bữa tiệc lớn. Vị tộc trưởng, một lần nữa ngồi vào đầu bàn, ra hiệu cho Scott ngồi xuống bên cạnh ông. Cohen đã ngồi lên một chiếc ghế đầu và sắp sửa bắt đầu bữa điểm tâm khi một con dê bước vào và lôi mấy quả trứng ra khỏi đĩa. Hannah bật cười và đập một quả trứng khác cho Cohen trước khi anh ta kịp phát biểu ý kiến.

Scott trải mật ong trên một miếng bánh mì nóng, và một người phụ nữ đặt một ca sữa trước mặt anh.

— Ông giáo sư đã nghĩ ra những gì chúng ta sắp làm rồi chứ? – Cohen hỏi trong lúc Hannah thả một quả trứng chiên thứ hai trên đĩa anh ta.

Chỉ bằng một câu, anh ta đã đưa tất cả mọi người trở lại thực tế.

Một dân làng tiến tới bàn, quỳ xuống bên cạnh vị tộc trưởng và thì thầm vào tai ông. Bản tin được chuyển sang Aziz.

— Tin xấu, – Aziz nói với họ. – Có nhiều quân nhân đang chặn tất cả các con đường trở ra xa lộ chính.

— Thế thì chúng ta sẽ phải đi qua sa mạc, – Scott nói.

Anh lần trải tấm bản đồ ra trên mặt bàn. Nhiều con đường đã được tô đậm bởi mười hai làn bút nỉ màu xanh. Anh chỉ vào một lối mòn dẫn đến một con đường có thể đưa họ tới thành phố Khalis.

— Đó không phải là một con đường mòn, – Aziz nói. – Xưa kia đó là một con sông nhưng đã khô cạn từ nhiều năm nay. Chúng ta có thể đi bộ dọc theo đó, nhưng chúng ta sẽ phải bỏ chiếc xe tải lại.

— Bỏ chiếc xe tải lại vẫn chưa đủ. – Scott nói. – Chúng ta sẽ phải phá huỷ nó đi. Nếu đám quân nhân của Saddam phát hiện được nó, bọn chúng sẽ san bằng cả làng thành bình địa và tàn sát đồng bào của anh.

Vị tộc trưởng có vẻ hoang mang trong lúc Aziz thông dịch lại tất cả những lời Scott đã nói. Ông già vuốt chòm râu lồm chồm cứng như rơm trên cằm mà sáng hôm ấy ông chưa kịp cạo và mỉm cười; trong lúc Scott và Hannah lắng nghe ý kiến của ông, không thể hiểu nổi một từ.

— Chú tôi nói ông phải lấy chiếc xe của ông ấy, – Aziz thông dịch lại. – Nó đã cũ nhưng ông ấy hy vọng nó vẫn còn chạy tốt.

— Ông ấy quá tử tế, – Scott nói. – Nhưng nếu chúng ta không thể lái một chiếc xe tải băng qua sa mạc, thì làm sao chúng ta có thể đi bằng xe hơi?

— Ông ấy hiểu vấn đề của ông, – Aziz nói. – Ông ấy bảo phải tháo chiếc xe của ông ấy ra từng mảnh và những dân làng sẽ mang tất cả băng qua hai mươi cây số sa mạc cho tới khi ông đến con đường dẫn tới Khalis. Rồi ông sẽ ráp lại như cũ.

— Chúng tôi không thể chấp thuận một hành vi như thế. – Scott nói. – Ông ấy quá hào hiệp. Chúng ta sẽ đi bộ và tìm ra một phương tiện giao thông nào đó khi chúng ta đến Huwaider.

Anh chỉ vào hàng đầu tiên dọc theo con đường.

Aziz thông dịch lại một lần nữa, ông chú của anh ta có vẻ u buồn và khẽ nói mấy lời:

— Ông ấy bảo thật ra nó không phải là chiếc xe của ông ấy mà là của người anh trai. Bây giờ thì nó thuộc về tôi.

Lần đầu tiên, Scott nhận thức được rằng cha của Aziz vốn là một vị thôn

trường, và lý do tại sao ông chú của anh ta lại tha thiết cứu họ khỏi bị quân đội của Saddam bắt.

— Nhưng cho dù chúng ta có thể tháo ra rồi lắp lại chiếc xe, còn có các đội quân tuần tra một khi chúng ta đến được con đường cái thì sao? – Anh hỏi. – Lúc này hàng nghìn nhân viên của Hamil chắc chắn được điều động ra chỗ đó để tìm kiếm chúng ta.

— Nhưng không phải trên những con đường này đâu. – Aziz đáp lại. – Quân đội sẽ bám chặt xa lộ. Họ nhận thức rằng hy vọng duy nhất của chúng ta là vượt qua biên giới.

— Không, vấn đề đầu tiên của chúng ta sẽ đến khi chúng ta tới được trạm kiểm tra bên lề đường ở Khalis.

Anh ta di chuyển ngón tay mấy phen qua tấm bản đồ và nói tiếp:

— Chắc chắn có tối thiểu hai quân nhân canh chừng ở đó.

Scott nghiên cứu các con đường một lần nữa trong lúc Aziz lắng nghe ông cậu của anh ta.

— Và chúng ta có thể đến tận Tuz Khurmatoo mà không cần phải sử dụng xa lộ hay không? – Scott hỏi, mắt vẫn không rời tấm bản đồ.

— Vâng, có một con đường dài hơn, xuyên qua những ngọn đồi mà quân đội sẽ không bao giờ nghĩ tới, bởi vì bọn chúng sẽ có nguy cơ bị tấn công bởi quân du kích Peshmerga hết sức gần biên giới với người Kurd. Nhưng một khi ông đã đi qua Tuz Khurmatoo thì chỉ còn ba cây số nữa là tới xa lộ chính, mặc dù vẫn còn phải thêm bảy mươi cây số và không có cách nào khác hơn là vượt biên giới.

Scott ôm đầu trong hai bàn tay và không nói gì trong hồi lâu. Cuối cùng anh mới nói:

— Như vậy nếu chúng ta theo con đường đó, chúng ta sẽ buộc phải vượt biên giới ở Kirkuk, nơi đây cả hai bên đều có thể tỏ ra không mấy thân thiện.

Vị tộc trưởng bắt đầu gõ nhẹ ngón tay lên Kirkuk trên tấm bản đồ trong lúc nói chuyện một cách khẩn trương với anh cháu.

— Chú tôi bảo Kirkuk là cơ may tốt nhất của chúng ta. Hầu hết cư dân là người Kurd và họ thù ghét Saddam Hussein. Nghe nói có một số quân nhân Iraq cũng đã đào ngũ và trở thành du kích Peshmerga của người Kurd.

— Nhưng họ làm sao biết được chúng ta ở về phe nào? – Scott hỏi.

— Chú tôi sẽ gửi một bức thư cho quân Peshmerga, để cho khi ông đến biên giới họ sẽ làm mọi việc để có thể giúp ông vượt qua. Đó không phải là một biên giới chính thức, nhưng một khi ông đã ở trên đất của người Kurd, ông sẽ được an toàn.

— Người Kurd có vẻ là cứu cánh tốt nhất của chúng ta, – Hannah nói trong lúc vẫn chăm chú lắng nghe. – Nhất là nếu họ tin tưởng nhiệm vụ ban đầu của chúng ta là giết chết Saddam.

— Nghe có lý đấy, ông giáo sư, – Cohen nói. – Tức là nếu chiếc xe có thể dùng được.

— Anh là thợ máy kia mà, Cohen. Như vậy anh có thể cho chúng tôi biết anh có thể làm được việc đó hay không.

Sau khi Aziz đã thông dịch lại lời nói của Scott, vị tộc trưởng đứng lên và dẫn họ ra phía sau nhà. Ông dừng lại bên cạnh một vật dài hình chữ nhật được bao phủ bởi một tấm vải đen. Ông và Aziz giở tấm vải lên. Scott không thể tin vào mắt mình.

— Một chiếc Caddy^[57] màu hồng! – Anh thốt lên.

— Nói cho đúng, đó là một chiếc Seden de Ville đời 1956, – Cohen vừa nói vừa xoa tay với vẻ thích thú.

Anh ta mở cánh cửa dài, nặng và trèo lên phía sau tay lái rộng lớn. Anh ta kéo một cây cần bên dưới bảng điều khiển và capô bật lên. Anh ta bước ra, dờ capô và xem xét kỹ máy xe trong mấy phút.

— Không tệ, – anh ta nói. – Nếu tôi có thể chôn một ít chi tiết của chiếc xe tải tôi có thể cho ông một chiếc xe đua trong vòng hai tiếng đồng hồ.

Scott xem đồng hồ tay.

— Tôi chỉ có thể dành cho anh một tiếng đồng hồ, nếu chúng ta có hy vọng vượt biên giới đêm nay.

Scott và Hannah trở vào nhà và một lần nữa nghiên cứu tấm bản đồ. Con đường Aziz đã đề nghị dài khoảng hai mươi cây số, nhưng ngang qua một địa hình rất khó đi cho dù họ không mang theo bất cứ món gì.

— Phải mất nhiều giờ đồng hồ, – Scott nói.

— Nếu chúng ta không thể sử dụng xa lộ thì tính sao? – Hannah hỏi.

Trong lúc nàng và Scott tiếp tục xem xét con đường và Cohen xoay sở với chiếc xe hơi, Aziz tập hợp ba mươi người trong số đàn ông mạnh khỏe nhất làng. Quá một tiếng đồng hồ sau, Cohen xuất hiện trong nhà, hai bàn tay, cánh tay, mặt và tóc đầy dầu mỡ.

— Nó đã sẵn sàng được tháo ra, ông giáo sư.

— Anh làm tốt lắm, nhưng trước hết chúng ta phải giải quyết được chiếc xe tải, liệu có thể đem giấu nó đi ở đâu được không?

— Việc đó không thể được, ông giáo sư, – Cohen nói. – Nhất là lúc này tôi đã lấy bớt một vài chi tiết đặc biệt của động cơ. Chiếc Cadillac sẽ có thể phóng nhanh trên một trăm sáu mươi cây số giờ ở số ba.

Vẻ kiêu hãnh hiện rõ trên gương mặt của anh ta. Scott bật cười và cùng với Aziz đi tìm vị tộc trưởng.

Một lần nữa, anh giải thích vấn đề...

Lần này, gương mặt của vị tộc trưởng không hề có vẻ lo lắng. Aziz liền giải thích ý nghĩ của ông:

— Xin đừng sợ, ông bạn. Trong lúc ông bước được qua sa mạc, chúng tôi

sẽ rã chiếc xe tải và chôn mỗi món một nơi mà bọn quân nhân của Saddam sẽ không bao giờ hy vọng khám phá trong một nghìn năm.

Scott vẫn có vẻ bất an, nhưng Aziz đã gạt đầu đồng ý.

Không để cho Scott có thời giờ phát biểu ý kiến, vị tộc trưởng dẫn anh cháu ra phía sau nhà, nơi đây họ trông thấy Cohen đang giám sát việc rã chiếc Cadillac và phân phát các bộ phận cho ba mươi người đã được lựa chọn.

— Bốn người sẽ mang động cơ trên một chiếc băng ca tạm thời, và sáu người khác sẽ vác thân xe mạ kền trên vai như những người hội tang. Bốn người nữa mang một bánh xe kể cả các vỏ viền trắng, trong lúc bốn người khác vận chuyển sườn xe. Hai người phụ trách ghế trước bọc da đỏ và trắng, hai người khác phụ trách ghế sau, và một người phụ trách bảng điều khiển. Cohen tiếp tục phân phát những bộ phận còn lại của chiếc Cadillac cho đến khi anh ta đến cuối hàng người, nơi đây ba em bé có vẻ không lớn hơn mười hoặc mười một tuổi được giao trách nhiệm về hai thùng xăng loại hai mươi lít và một túi dụng cụ. Chỉ còn lại mui xe.

Ông chú của Aziz dẫn mọi người tới ngôi nhà cuối cùng và từ nơi đó họ sẽ bắt đầu cuộc hành trình về phía chân trời.

Scott bắt tay vị tộc trưởng, nhưng không sao tìm được lời thích đáng để cảm ơn ông.

— Xin ông hãy gọi điện thoại cho tôi sau khi ông đã tới New Haven.^[58] — Đó là lời ông đã nói với một người bạn Mỹ.

— Tôi sẽ trở lại lúc thuận tiện hơn, – anh nói với ông già và Aziz dịch lại.

— Dân tộc tôi chờ đợi ngày hôm ấy.

Scott quay sang quan sát Cohen tay cầm la bàn dẫn trung đội bất đắc dĩ của anh ta có vẻ như đang bắt đầu một cuộc hành trình vô tận. Anh lấy một thùng xăng khỏi tay cậu bé nhỏ nhất trong đám, và chỉ trở về phía làng,

nhưng cậu bé lắc đầu và nhanh nhẹn vồ lấy cái túi bằng vải bạt của Scott.

Biết bao giờ lịch sử mới tiết lộ cách vận chuyển bản Tuyên ngôn Độc lập đặc biệt như thế này. Scott tự hỏi trong lúc Cohen la lớn:

— Tiến lên!

Đại tướng Hamil tiếp tục bước quanh văn phòng trong lúc ông ta chờ tiếng chuông điện thoại.

Khi Saddam đã hay biết tin tức về việc thiếu tá Saeed kém năng lực đã để cho bọn khủng bố tẩu thoát cùng với bản Tuyên ngôn, ông ta chỉ tức giận vì mình đã không đích thân chấm dứt tính mạng của viên thiếu tá. Mệnh lệnh duy nhất ông đã ban cho viên Đại tướng là một bản tin phải được loan báo trên các đài phát thanh và truyền hình quốc gia từng giờ một, cho mọi người biết rằng đã có một âm mưu sát hại ông vừa bị thất bại, nhưng bọn khủng bố Do Thái vẫn còn tại đây. Nhiều bản mô tả của bọn được xem là sát nhân đã được công bố và ông ta yêu cầu nhân dân yêu mến hãy giúp ông trong việc săn lùng bọn ngoại đạo.

Nếu vấn đề ít khẩn cấp hơn, viên Đại tướng chắc hẳn đã đề nghị không loan báo thông tin đó, trên những vùng mà hầu hết dân chúng có thể giúp đỡ bọn khủng bố đi qua hoặc tối thiểu là nhắm mắt làm ngơ. Lời khuyên duy nhất mà ông ta đã nói với nhà lãnh tụ là đề xướng một số tiền thưởng lớn cho ai bắt được bọn chúng. Ông ta đã nhận thấy tư lợi vào thời buổi này vẫn thường vượt qua hầu hết mọi đắn đo.

Viên Đại tướng dừng lại trước một tấm bản đồ gắn trên bức tường phía sau bàn làm việc tạm thời được bao phủ lên một bức chân dung của Saddam. Mắt ông ta di chuyển xuống nhiều làn đỏ chạy ngoằn ngoèo giữa Baghdad và

các biên giới của Iraq. Có tới hàng trăm làng ở cả hai bên của mỗi con đường, và viên Đại tướng đau đớn biết rằng hầu hết bọn họ sẽ hết sức sung sướng bao che những kẻ đào tẩu.

Thế rồi ông ta chợt nhớ lại một trong những cái tên mà Kratz đã nói với ông ta:

Aziz Zeebari... Aziz Zeebari... Aziz Zeebari... – Ông ta nhắc đi nhắc lại.

Và ông ta đã nhớ rõ. Ông ta đã hành hình một người đàn ông có cái họ đó vì tội tham dự vào một âm mưu đảo chính bảy năm trước đây. Rất có thể đó là cha của tên phản quốc?

Những người khiêng đồ cứ mười lăm phút lại dừng chân để nghỉ ngơi, thay đổi công việc và đặt sự căng thẳng trên các cơ bắp còn chưa bị chịu đựng thử thách.

— Hãy ngừng lại để đi tiểu tiện, – Cohen gọi họ.

Họ đã đi được ba cây số trong giờ đầu tiên và uống nước nhiều hơn bất cứ một chiếc xe hơi nào.

Khi Scott xem đồng hồ lúc giữa ngày, anh ước lượng rằng họ chỉ mới qua được hai phần ba khoảng cách tới con đường: đã từ lâu họ không còn trông thấy làng nhưng vẫn chưa có một dấu hiệu nào của cuộc sống ở chân trời. Vàng thái dương đã lặn trong lúc họ tiếp tục cuộc hành trình, cứ mỗi cây số lại bước chậm hơn một chút.

Chính cặp mắt của cậu bé mười tuổi đã trông thấy sự chuyển động trước tiên. Cậu chạy tới trước và chỉ tay. Scott vẫn không thể trông thấy gì trong lúc cậu bé chạy về phía trước, và phải bốn mươi phút sau họ mới có thể trông thấy rõ một con đường đầy bụi bặm. Cảnh tượng đó khiến mọi người bước

nhanh hơn.

Ngay sau khi họ đã đến được một bên đường, Aziz ra lệnh các bộ phận của chiếc xe hơi phải được nhẹ nhàng đặt xuống đất, và một cô bé, mà trước giờ Scott đã không để ý thấy, đưa cho từng người bánh mì, phô mai dê và nước trong lúc họ nghỉ ngơi.

Cohen là người đầu tiên đứng lên và bước quanh trung đội của anh ta, bắt đầu kiểm tra mọi bộ phận. Lúc anh ta trở lại sườn xe, tất cả mọi người đều nóng lòng lắp lại toàn bộ chiếc xe.

Scott ngồi trên mặt đất và quan sát trong lúc ba mươi người thợ máy không hề được qua trường lớp nào, dưới sự chỉ đạo của trung sĩ Cohen, từ từ bắt từng con vít của chiếc Cadillac cũ rích. Khi các bánh cuối cùng đã được vặn ốc lại, Scott phải công nhận nó có vẻ giống như một chiếc xe hơi, nhưng bản khoăn chẳng biết chiếc xe cũ mèm này có thể khởi động được hay không.

Tất cả dân làng bao quanh chiếc xe đồ sộ màu hồng trong lúc Cohen ngồi vào ghế tài xế.

Aziz chờ đợi cho đến khi bọn trẻ đổ hết giọt xăng cuối cùng vào thùng. Đoạn anh ta vặn cái nắp lớn bằng thép lại và nói lớn:

— Chạy đi nào!

Cohen liền quay chìa khoá ở trong công tắc.

Động cơ quay chậm chậm, nhưng không nổ máy. Cohen nhảy ra, nâng capô lên và yêu cầu Aziz thế chỗ anh ta phía sau tay lái. Anh ta điều chỉnh một chút sợi dây cua-roa quạt, kiểm tra bình xăng và lau chùi cái bugi cho sạch mấy hạt cát còn dính trước khi vặn chặt lại. Anh ta ló đầu ra khỏi capô:

— Đề đi, anh bạn Kurd.

Aziz xoay chìa khoá và đạp cần ga. Động cơ quay nhanh hơn một chút nhưng vẫn chưa chịu khởi động. Sáu chục con mắt bên dưới mũ bê rê chăm chú nhìn, nhưng không có ý kiến gì trong lúc Cohen bỏ ra mấy phút nữa vào

việc xem xét bình xăng.

— Một lần nữa, và đạp mạnh ga đi, – anh ta nói lớn.

Aziz lại bật công tắc. Tiếng máy xình xịch trở nên mạnh hơn, thế thì đột nhiên biến thành một tiếng gầm rú trong lúc Aziz nhấn ga. Âm thanh đó lại càng vang động bởi những tiếng hò reo của dân làng.

Cohen thế chỗ của Aziz ở phía trước và nhắc cần số lên để gài vào số một. Nhưng chiếc xe không chịu động đậy, trong lúc nó cứ lún sâu hơn xuống cát. Cohen tắt máy và nhảy ra ngoài. Sáu chục bàn tay áp vào chiếc xe trong lúc nó được lắc tới lắc lui; thế rồi với một cái xô đẩy mạnh nó được đưa lên khỏi khe lõm. Những dân làng đẩy nó thêm hai mươi mét nữa rồi chờ đợi mệnh lệnh kế tiếp của viên Trung sĩ.

Cohen chỉ cô bé đã phân phát thực phẩm. Cô rụt rè tiến tới và anh ta nhắc cô ta vào phía trước của chiếc xe. Với ngôn ngữ bằng dấu hiệu, Cohen chỉ dẫn cho cô quỳ xuống bên cạnh cần ga và ấn xuống. Vẫn không leo lên xe, Cohen nghiêng mình qua, kiểm tra cần số ở số không và cho máy nổ. Cô bé tiếp tục đẩy cần ga bằng cả hai bàn tay và động cơ bắt đầu nổ máy. Ngay lập tức cô ta bật khóc trong lúc dân làng lại reo hò lớn hơn nữa. Cohen nhanh nhẹn nhắc cô bé ra đặt lên cát rồi gạt đầu ra hiệu cho Aziz.

— Anh bạn chỉ nặng một nửa tôi, vì vậy anh hãy vào đây, sang số một và xem thử xem anh có thể cho xe chạy trong khoảng một trăm mét hay không. Nếu anh có thể tất cả chúng ta sẽ nhảy lên xe. Nếu anh không thể, chúng ta sẽ phải đẩy cái đồ chết tiệt này cho tới tận biên giới.

Aziz cẩn thận leo vào chiếc Cadillac. Ngồi trên mép ghế da, anh ta nhè nhẹ gài cần số vào số một và đạp lên cần ga. Chiếc xe nhích tới trước và các dân làng lại bắt đầu hò reo trong lúc Scott, Hannah và Cohen chạy theo bên hông.

Hannah mở cửa xe đối diện với tài xế, đẩy chiếc ghế về phía trước và nhảy vào phía sau; trong lúc chiếc xe vẫn tiếp tục chạy với một tốc độ chậm.

Cohen nhảy lên theo sau nàng và nói lớn:

— Số hai.

Aziz kéo cần số xuống, ngang và lên. Chiếc xe tròng trành về phía trước. Anh ta quay lại và trông thấy Scott đang chạy gần như kiệt sức. Cohen vươn tay ra để giữ cho cửa mở trong lúc Scott liệng chiếc túi xách vào phía sau. Scott nhảy vào và Cohen quàng quanh vai anh. Đầu Scott chúi xuống về Aziz, nhưng mặc dù anh chàng người Kurd bẻ ngoặt tay lái, chiếc xe vẫn tiếp tục chạy trên mặt cát chặt hơn.

— Tôi có thể hiểu tại sao hầu như không có đội tuần tra nào trên con đường này. – Đó là lời bình luận duy nhất của Cohen.

Aziz tiếp tục lách chiếc xe từ bên này sang bên kia để tránh những đụn cát bị gió thổi lên mặt đường. Scott quay người lại để trông thấy các dân làng vẫy tay lia lịa. Vẫy tay lại với họ dường như không thoả đáng với tất cả những gì họ đã làm. Anh đã không cảm ơn họ một cách đàng hoàng hoặc ngay cả một lời giã biệt.

Cả dân làng không hề cử động cho tới khi chiếc xe mất dạng.

Đại tướng Hamil xoay người tức giận vì bất cứ ai dám bước vào phòng của ông ta mà không chịu gõ cửa. Viên sĩ quan phụ tá của ông. Anh ta run rẩy, quá hiểu về sai lầm của mình đã phạm phải. Viên Đại tướng hất cây gậy chỉ huy lên và định quật vào mặt viên sĩ quan trẻ thì anh ta lắp bắp lên tiếng:

— Chúng ta đã khám phá ra làng mà tên phản quốc Aziz Zeebari đã bỏ đi, thưa Đại tướng.

Hamil từ từ hạ cánh tay xuống cho đến khi cây gậy chỉ huy đặt nhẹ lên vai phải của viên sĩ quan. Đầu gậy đẩy về phía trước cho tới khi chỉ còn cách con

mắt bên phải của anh ta chừng hai phân:

— Ở đâu?

— Khan Beni Saad, – gã thanh niên nói trong cơn lo sợ khủng khiếp.

— Chỉ cho tôi xem.

Viên trung úy liền chạy tới gần tấm bản đồ, nghiên cứu trong một lúc rồi đặt một ngón tay lên một làng ở cách Baghdad hơn mười lăm cây số về phía Đông Bắc.

Đại tướng Hamil chăm chú nhìn vào vị trí đó và mỉm cười lần đầu tiên trong ngày hôm ấy. Ông ta trở về bàn, nhắc máy điện thoại lên và la hét một mệnh lệnh.

Trong vòng một giờ hàng trăm đội quân sẽ đổ xô đến khắp cái làng nhỏ.

Mặc dù Khan Beni Sadd chỉ có 250 cư dân, viên Đại tướng cảm thấy tin chắc một người nào đó sẽ khai ra, cho dù trễ đến mấy đi nữa.

Aziz có thể giữ một tốc độ đều đặn năm mươi cây số giờ trong lúc Scott cố gắng tìm xem họ đang ở nơi nào trên bản đồ. Anh không thể chỉ ra vị trí chính xác của họ cho đến lúc họ chạy xe trong gần một tiếng đồng hồ, khi họ đi qua một cột mốc chỉ đường được sơn bằng tay một cách thô sơ trên mặt có mấy chữ “KHALIS 25M”.

— Bây giờ cứ tiếp tục chạy đi. – Scott nói. – Nhưng chúng ta sẽ phải dừng lại ở ngoài thành phố chừng vài ba cây số để cho tôi có thể hình dung ra chúng ta lọt qua trạm kiểm soát bằng cách nào.

Niềm tin tưởng của Scott vào lời phán đoán của vị tộc trưởng già là sẽ không có quân xa trên con đường đó đang tăng dần theo từng cây số của con

đường bằng phẳng và vắng vẻ mà họ vừa chạy qua. Anh tiếp tục nghiên cứu tấm bản đồ một cách cẩn thận, giờ đây đã chắc chắn về lộ trình mà họ sẽ trải qua nếu họ hy vọng vượt biên giới trong ngày hôm ấy.

— Thế thì chúng ta phải làm gì khi chúng ta đến trạm kiểm soát? – Cohen hỏi.

— Có lẽ sự việc sẽ dễ dàng hơn chúng ta suy nghĩ, – Scott nói. – Các anh chớ quên, họ đang tìm hiểu bốn người trong một chiếc xe tải nhà binh đồ sộ.

— Nhưng chúng ta cũng bốn người.

— Chúng ta sẽ không phải như vậy trong thời gian chúng ta đến trạm kiểm soát. – Scott giải thích, – bởi vì lúc đó tôi và anh sẽ ở trong khoang hành lý.

Cohen chột có vẻ cau có.

— Cái này đúng là một Caddy, – Aziz vừa nói vừa nhe răng cười, trong lúc anh ta vẫn giữ đều tốc độ.

— Có lẽ bây giờ tôi phải cầm tay lái, – Cohen bỗng nói.

— Ở đây không được đâu, – Scott nói. – Trong lúc chúng ta đang ở trên những con đường này, Aziz vẫn ở nguyên.

Chính Hannah là người đầu tiên trông thấy cô ta.

— Cô ta nghĩ mình có thể làm cái trò gì thế? – Nàng vừa nói vừa chỉ vào một người phụ nữ đã nhảy ra giữa đường và vẫy tay một cách sôi nổi.

Scott siết chặt bệ cửa sổ trong lúc Cohen nghiêng mình về phía trước để nhìn cho rõ hơn.

— Đừng ngừng lại, – Scott nói. – Cứ quẹo sang một bên để tránh cô ta nếu cần.

Bỗng Aziz lên tiếng cười.

— Có gì vui thế, anh bạn Kurd? – Cohen vừa hỏi vừa tiếp tục chăm chú nhìn vào người phụ nữ vẫn nhất quyết đứng giữa đường.

— Đó là cô em họ Jasmin của tôi.

— Lại một người bà con khác? – Hannah hỏi.

— Tất cả chúng tôi đều bà con trong bộ tộc, – Aziz giả thích trong lúc anh ta cho chiếc Cadillac dừng lại ở trước người phụ nữ.

Anh ta nhảy ra khỏi xe và dang tay ôm lấy người phụ nữ còn trẻ trong lúc những người khác đến gặp họ.

— Khá lắm, – cuối cùng Cohen nói khi anh ta được giới thiệu với Jasmin trong lúc cô ta vẫn không ngừng nói chuyện ngay cả khi cô ta bắt tay với Scott và Hannah.

— Thế nào, cô ấy đang thọc mạch chuyện gì vậy? – Cohen hỏi trước khi Aziz kịp thông dịch lại những lời của cô em họ.

— Ông giáo sư đã có lý. Bọn quân nhân đã được thông báo cố tìm cho kỳ được một chiếc xe tải nhà binh chở bốn tên khủng bố. Nhưng ông chú của cô ấy đã liên lạc sáng hôm nay để báo cho cô ấy chúng ta đi bằng chiếc Cadillac.

— Thế thì chắc phải nguy hiểm lắm mới cố hết sức chạy trước bọn chúng, – Hannah nói.

— Nguy hiểm, – Aziz nhìn nhận, – nhưng không quá nguy hiểm đâu. Jasmin vẫn đi qua trạm kiểm soát này hai lần mỗi ngày, hôm nào cũng vậy, để bán cam, quýt và chà là từ trong làng. Do đó bọn lính gác đều nhận mặt cô ấy và cả chiếc xe hơi của chú tôi nữa. Chú tôi bảo cô ấy cần phải ngồi trên chiếc Cadillac khi chúng ta chạy qua trạm kiểm soát. Theo cách đó, bọn chúng sẽ không nghi ngờ.

— Nhưng nếu chúng nhất định lục soát khoang hành lý thì sao? – Hannah hỏi.

— Thì chúng sẽ không được phần thuốc lá hoặc trái cây hàng ngày cho gia đình của họ chứ sao? Cô nên biết tất cả bọn họ cứ tưởng như chúng ta đang buôn lậu một thứ gì đó.

Jasmin lại bắt đầu nói huyền thuyên và Aziz lại răm rắp lắng nghe.

— Cô ấy bảo tất cả ba người phải chui vào khoang hành lý trước khi có một ai đi ngang qua nhận thấy chúng ta.

— Như thế vẫn hết sức nguy hiểm, ông giáo sư, – Cohen nói.

— Chỉ rất nguy hiểm cho Jasmin, – Scott nói, – và tôi không còn con đường thối lui nào.

Anh xếp tãm bản đồ lại, bước ra phía sau xe, mở khoang và trèo vào. Hannah và Cohen nổi gót không nói thêm lời nào.

— Không thoải mái như chiếc tủ sắt, – Hannah nhận xét trong lúc nàng chòang hai cánh tay quanh mình Scott.

Aziz chèn cái túi xách giữa nàng và Cohen. Hannah bật cười.

— Khi tôi đập mạnh lên hông cửa. – Aziz nói, – tức là tôi sẽ ngừng lại ở trạm kiểm soát.

Anh ta đóng sầm khoang. Jasmin tóm lấy cái túi xách của cô lên khỏi lề đường và nhảy lên bên cạnh người anh. Ba người trong khoang hành lý nghe động cơ lọc cọc chạy và bắt đầu đoạn đường quý báu mấy cây số cuối cùng về phía Khalis. Jasmin lợi dụng thời gian này để kể vắn tắt cho Aziz về cách cô xử sự mỗi lần cô qua trạm kiểm soát.

CHƯƠNG 33

Vị tộc trưởng bị treo cổ trước tiên, rồi các người em trai của ông, lần lượt từng người một, trước mặt những người còn lại trong làng, nhưng không một ai trong họ hé răng. Rồi bọn chúng chuyển sang những người bà con, cho tới khi một cô gái mười hai tuổi vì hy vọng cứu tính mạng của cha cô nên đã kể cho bọn chúng về những người lạ ở trong nhà vị tộc trưởng đêm hôm trước.

Bọn chúng hứa với cô bé rằng cha của cô sẽ thoát chết nếu cô kể cho chúng tất cả những gì cô biết. Cô liền chỉ vào sa mạc để cho chúng biết nơi chôn giấu chiếc xe tải. Đám quân nhân chỉ cần đào bới hai mươi phút có thể xác nhận rằng cô bé đã nói thật.

Bọn chúng liên lạc với Đại tướng Hamil bằng điện thoại dã chiến. Ông ta nhận thấy khó tin được rằng ba mươi người thuộc bộ tộc Zeebari đã tháo tung chiếc xe Cadillac của vị tộc trưởng ra từng mảnh và mang tất cả qua sa mạc mênh mông.

— Được mà, – cô bé cam đoan với chúng. – Cháu biết chuyện đó là thực bởi vì anh cháu đã khiêng một cái bánh xe tới tận con đường qua bên kia sa mạc. – Cô bé vừa quả quyết vừa kiêu hãnh chỉ tay về phía chân trời.

Đại tướng Hamil cẩn thận lắng nghe cái tin đó qua máy điện thoại trước khi ra lệnh cha và anh của cô bé cũng phải bị treo cổ.

Ông ta quay lại với tấm bản đồ trên tường và nhanh chóng xác định vị trí con đường duy nhất mà bọn khủng bố có thể đi qua. Đôi mắt của ông ta di chuyển dọc theo con đường mòn băng qua một giải sa mạc cho tới lúc nó nối vào một con đường quanh co khác, rồi ông ta chợt biết bọn chúng sẽ phải qua thành phố nào.

Ông ta nhìn đồng hồ trên bàn: 4 giờ 59 phút.

— Gọi cho tôi trạm kiểm soát Khalis. – Ông ta ra lệnh cho viên trung úy trẻ.

Aziz chợt trông thấy một chiếc xe tải đậu đằng xa đang được kiểm tra bởi một quân nhân. Jasmin liền báo cho anh ta đó là trạm kiểm soát và xô các thứ đựng trong những túi xách lên mặt ghế giữa họ.

Aziz đập mạnh lên hông cửa, nhẹ người khi trông thấy chỉ có hai quân nhân, và một tên trong bọn họ đang ngủ trên một chiếc ghế tựa êm ái ở phía bên kia con đường.

Khi chiếc xe dừng lại. Scott có thể nghe tiếng cười từ một phía nào đó. Aziz đưa một gói Rothmans cho tên anh gác.

Gã quân nhân vừa sắp sửa vẫy tay cho họ qua thì khi tên lính gác kia cựa quậy trong giấc ngủ lơ mơ như một con mèo đang nằm lim dim hàng giờ trên một máy sưởi. Gã chống tay đứng lên, di chuyển từ từ về phía chiếc xe, và nhìn qua với vẻ ngưỡng mộ, như gã đã từng làm nhiều lần trước đó. Gã bắt đầu lững thững vòng quanh xe. Trong lúc đi qua khoang hành lý, gã vỗ lên một cách yêu mến bằng lòng bàn tay của mình. Cứ chỉ đó khiến nó hé mở ra vài phân. Scott liền nhẹ nhàng khép kín lại trong lúc Jasmin đánh rơi một hộp hai trăm liều thuốc Rothman lên mặt đất bên hông xe về phía nàng.

Tên lính chuyển động nhanh chóng lần đầu tiên trong ngày hôm ấy. Jasmin mỉm cười với gã trong lúc gã nhặt lại những liều thuốc, và cô thì thầm một điều gì đó trong tai gã. Tên quân nhân nhìn Aziz và bắt đầu cười trong lúc một chiếc xe tải lớn chất đầy những thùng bia ngừng lại phía sau họ.

— Tới đi, tới đi, – tên quân nhân thứ nhất nói lớn khi trông thấy mỗi lợi lớn hơn.

Aziz liền vâng lệnh và phóng xe về phía trước với số hai, gần như ném Cohen và cái túi du lịch ra phía sau.

— Cô đã nói gì với tên lính kia thế? – Aziz hỏi sau khi họ đã ra khỏi tầm nhìn.

— Em đã kể cho hẳn ta nghe anh là một tên pê-đê, nên em sẽ trở lại một mình.

— Cô không có tự ái gia đình hay sao? – Aziz hỏi.

— Có chứ. – Jasmin nói. – Nhưng hẳn cũng là một người bà con.

Theo lời khuyên của Jasmin, Aziz theo con đường dài hơn ở phía Nam vòng qua thành phố. Anh ta không thể tránh tất cả các ổ gà, và thỉnh thoảng anh ta lại nghe những tiếng rên rỉ trong khoang hành lý. Jasmin chỉ một giao lộ phía trước họ, và nói với Aziz rằng đó là nơi anh ta phải ngừng. Cô gom các túi đồ, để lại một số trái cây trên ghế giữa. Aziz dừng lại bên cạnh một con đường dẫn trở lại trung tâm thành phố. Jasmin nhảy ra, mỉm cười và vẫy tay. Aziz vẫy tay lại, và tự hỏi bao giờ anh ta mới có thể gặp lại cô em họ của mình.

Anh ta tiếp tục lái xe một mình về phía xa của thành phố, vẫn còn không dám mạo hiểm để cho các bạn đồng nghiệp ra khỏi khoang hành lý trong khi vài dân địa phương quanh đây có thể quan sát mọi việc đang diễn ra.

Sau khi đã bỏ lại Khalis ba cây số phía sau, Aziz mới ngừng xe ở một giao lộ có hai tấm bảng chỉ đường. Một tấm là “TUZ KHURMATOO 120 km”, và một tấm kia là “TUZ KHURMATOO 170 km”. Anh ta kiểm tra mọi phương hướng trước khi trèo ra khỏi xe, mở khoang hành lý và để cho ba người lão đảo bước ra trên mặt đường. Trong khi họ duỗi thẳng tứ chi và hít những hơi dài, Aziz chỉ các tấm bảng chỉ đường. Scott không cần nhìn lên bản đồ cũng

biết họ phải theo con đường nào.

— Chúng ta phải theo con đường dài hơn, – anh nói, – và hy vọng bọn họ vẫn còn tưởng chúng ta đang đi trong chiếc xe tải.

Hannah đóng mạnh khoang hành lý xuống với vẻ xúc động, trước khi tất cả mọi người cùng nhảy lên phía sau xe.

Aziz chạy trung bình sáu mươi lăm cây số giờ trên con đường quanh co, ba người còn lại nhìn lảng sang chỗ khác mỗi lần một chiếc xe khác hiện ra ở chân trời.

Cả bốn người, cùng thưởng thức số trái cây tươi mà Jasmin đã để lại trên ghế phía trước.

Khi họ chạy qua một bảng chỉ đường cho biết còn cách Tuz Khurmatoo hai mươi cây số, Scott nói với Aziz:

— Tôi muốn anh dừng lại ở một con đường nhỏ bên ngoài làng và đi vào đó một mình trước khi chúng ta quyết định lái xe qua thẳng có an toàn hay không. Anh chớ quên chỉ qua khỏi làng chừng năm cây số là xa lộ, vì vậy rất có thể nơi đây có bọn lính.

— Còn tới biên giới người Kurd? – Hannah hỏi.

— Khoảng bảy cây số, – Scott nói trong lúc anh tiếp tục nghiên cứu tấm bản đồ.

Aziz chạy xe thêm hai phút nữa trước khi anh ta đến bờ dốc của một ngọn đồi và có thể trông thấy hình dáng một ngôi làng nép mình vào thung lũng. Một lát sau, anh ta cho xe dừng lại bên đường dưới một cây chanh che nắng cho họ và tránh khỏi con mắt tò mò trong các chiếc xe chạy qua. Aziz thận trọng lắng nghe những chỉ dẫn của Scott rồi ra khỏi xe và cuốc bộ về hướng Tuz Khurmatoo.

Đại tướng Hamil tức giận đến nghẹn lời khi viên trung úy trẻ thông báo với ông ta chiếc Cadillac đã chạy qua trạm kiểm soát Khalis gần một giờ trước, và không một ai trong số quân nhân trực quan tâm đến việc khám xét khoang hành lý. Sau một cuộc tra tấn không đáng kể, một gã trong số đó đã thú nhận rằng bọn khủng bố chắc đã được giúp đỡ bởi một cô gái vẫn thường qua lại trạm kiểm soát.

— Cô ta sẽ không bao giờ đi qua đó nữa, – viên Đại tướng nhận xét.

Mẫu thông tin duy nhất khác mà họ có thể thu được từ đám lính gác là tên lái xe là một người anh họ của cô gái và là một tên pê-đê. Hamil tự hỏi làm sao chúng có thể biết được điều đó.

Một lần nữa, viên Đại tướng quay lại với tấm bản đồ trên bức tường phía sau bàn làm việc. Ông ta đã ra lệnh cho cả một đội quân gồm phi cơ trực thăng, xe tải, xe tăng, mô tô để càn quét từng tấc đường giữa Khalis và biên giới, nhưng vẫn chưa có ai báo cáo trông thấy một chiếc Cadillac trên xa lộ. Ông ta trở nên hoang mang, biết rằng bọn chúng không thể quay trở lại hoặc chạy thẳng vào các đội quân.

Mắt ông ta tìm kiếm mọi con đường giữa trạm kiểm soát và biên giới một lần nữa, và cuối cùng ông ta thốt lên:

— A, nhất định bọn chúng đã theo con đường băng qua các ngọn đồi.

Viên Đại tướng lướt ngón tay dọc theo một lần đở ngoằn ngoèo cho tới khi tiếp giáp xa lộ.

— Thì ra chúng mày ở đây, – ông ta nói trước khi rống lên một mệnh lệnh mới.

Gần một giờ sau, Cohen chợt thông báo:

— Một người Kurd đang đi về phía chúng ta, ông giáo sư!

Trong lúc Aziz chạy lên dốc, nụ cười không rời khỏi gương mặt anh ta. Anh ta đã từng ở Tuz Khurmatoo và anh ta có thể trấn an họ rằng người trong làng chỉ quan tâm đến việc của riêng mình. Nhưng đài phát thanh của Chính phủ đang ra rả một bản thông báo liên quan đến việc truy nã bốn tên khủng bố đã âm mưu ám sát vị Đại lãnh tụ, vì thế mọi con đường giờ đây lúc nhúc những tên lính.

— Họ đã có bản mô tả rất đúng về bốn người chúng ta, nhưng bản tin trên đài phát thanh một giờ trước đây vẫn còn nói chúng ta đang đi bằng xe tải.

— Đúng, Aziz, – Scott nói, – anh cứ lái xe qua làng.

— Hannah, em hãy ngồi ở phía trước với Aziz. Cohen và tôi sẽ nằm xuống ở phía sau. Khi đã qua phía bên kia của Tuz rồi, chúng ta sẽ tránh được sự dòm ngó của mọi người và chỉ việc tiếp tục chạy tới biên giới sau lúc trời tối.

Aziz liền ngồi vào phía sau tay lái và chiếc Cadillac bắt đầu cuộc hành trình từ từ vào Tuz.

Con đường cái xuyên qua làng chắc phải dài khoảng ba trăm mét và chỉ đủ rộng cho hai chiếc xe. Hannah nhìn vào các cửa hàng nhỏ bằng gỗ và những người đàn ông luống tuổi ngồi trên các bậc thềm hoặc tựa lưng vào tường.

Một chiếc Cadillac cũ dơ bẩn chạy từ từ qua làng, Hannah nghĩ, rất có thể sẽ là một pha gay cấn nhất trong ngày đối với họ, cho tới lúc nàng chợt trông thấy một chiếc xe ở đằng kia của con đường.

Có một chiếc xe jeep đang chạy về phía chúng ta, – nàng trầm tĩnh nói. – Bốn người đàn ông, một người trong bọn ngồi phía sau một vật gì có vẻ giống như một khẩu súng chống máy bay gắn ở phía sau.

— Cứ lái chậm chậm đi, Aziz, – Scott nói. – Còn Hannah vẫn tiếp tục

quan sát kỹ.

— Lúc này chúng đang ở cách ta khoảng một trăm mét và bắt đầu tỏ vẻ chú ý.

Cohen chỉ túi dụng cụ và chộp lấy một cái mỏ lết. Scott cũng chọn một cờ lê trong lúc cả hai từ từ quay mặt lại và quỳ gối.

— Chiếc Jeep đã lách qua phía trước chúng ta, – Hannah nói. – Chúng ta bắt buộc phải ngừng lại trong vòng mười giây nữa.

— Nó vẫn có vẻ chỉ có bốn tên thôi chứ? – Scott hỏi.

— Vâng, – Hannah nói. – Em không thể thấy gì hơn.

Chiếc Cadillac dừng lại.

— Chiếc xe Jeep đã ngừng chỉ cách ta mấy mét. Một tên trong bọn lính đã bước ra và một tên khác đi theo. Hai tên kia vẫn ở lại trong chiếc xe Jeep. Một tên ở phía sau khẩu súng và tên còn lại vẫn ngồi ở tay lái.

— Chúng em sẽ hạ hai tên đầu tiên, – Hannah nói. – Các anh sẽ giải quyết hai tên trong chiếc xe Jeep.

— Hiểu rồi, – Scott nói.

Tên lính thứ nhất đến phía tài xế và tên thứ hai qua thanh cán phía tay phải của Hannah. Cả Aziz và Hannah đã đặt bàn tay tên chỗ dựa, cửa hé mở vài phân.

Đúng lúc Aziz trông thấy tên lính thứ nhất liếc mắt vào phía sau và định lấy súng, anh ta mở tung cửa hết sức nhanh đến mức tiếng đập vào đầu gối tên lính nghe như một phát đạn, trong lúc gã ngã quy xuống đất. Aziz ra khỏi xe và chồm lên mình gã trước khi gã kịp hồi tỉnh. Tên lính thứ hai chạy về phía Hannah, trong lúc Scott nhảy vọt ra khỏi xe. Hannah tung một quả dấm vào động mạch chủ của gã và một quả khác vào đầu xương sống trong lúc gã cố rút súng ra. Một phát đạn chắc cũng không thể giết chết gã nhanh hơn

được. Tên lính thứ ba bắt đầu bắn từ phía sau chiếc xe Jeep. Cohen lao ra đường và tên lính thứ tư chồm ra khỏi phía sau tay lái vừa chạy về phía Cohen vừa bắn súng lục. Cohen ném mỏ lết vào gã, khiến gã phải bước sang một bên và đứng ngay làn đạn của khẩu súng máy. Đạn ngừng nổ ngay lập tức, nhưng Cohen đã ném đúng vào cuống họng gã. Tên lính gục xuống như thể đụng phải cả tấm gạch, và khẩu súng của gã bay qua đường. Cohen liền tống cho gã một cú vào tĩnh mạch cổ của gã và một cú khác vào phía sau gáy. Gã lên cơn co giật và quẫn quại trên mặt đất. Cohen nhanh chóng chuyển sự chú ý sang tên lính ngồi phía sau khẩu súng máy đang nhắm vào phía anh.

Ở khoảng cách mười mét. Cohen không có hy vọng vươn tới gã, vì vậy anh ta phóng qua hông xe trong lúc những viên đạn phun vào khung cửa mở và hai viên đạn xuyên vào chân trái của anh ta. Lúc này Scott đang chạy về phía chiếc xe Jeep từ phía bên kia. Trong lúc tên lính xoay khẩu súng để đối đầu với anh, Scott phóng người lên không trên nóc chiếc xe Jeep.

Đạn bay khắp nơi trong lúc hai người quờ quạng. Scott vẫn còn nắm chặt chiếc cờ lê. Cả hai cùng nhanh chóng đứng lên và Scott phang chiếc cờ lê vào gáy gã xạ thủ – tên lính đưa một cánh tay lên để đỡ đòn, nhưng đầu gối trái của Scott đã thúc mạnh vào háng gã. Tên xạ thủ gục xuống đất trong lúc chiếc cờ lê lại phang thêm một cú khiến cho cổ tên lính gãy gọn. Gã nằm dang tay trên mặt đường, trông như một vận động viên môn bơi ếch đang có một động tác nửa chừng. Scott quan sát gã như bị thôi miên cho tới lúc Aziz lao vào chân anh và hất anh ngã xuống đất.

Scott không hề ngừng run rẩy.

— Lần đầu tiên bao giờ cũng là khó khăn nhất, – đó là lời bình luận duy nhất của anh chàng người Kurd.

Cả bốn người giờ đây cùng hướng ra phía ngoài, bao trùm mọi góc, trong lúc họ chờ đợi dân địa phương phản ứng. Cohen loạng choạng trèo lên chiếc xe Jeep, máu đang chảy khỏi chân, và ngồi vào phía sau khẩu súng máy.

— Đừng bắn trừ phi tôi nói, – Scott la lên trong lúc anh kiểm tra cả hai ngã đường. – Không có một người nào ở cả hai phía.

— Bên trái của anh! – Hannah chọt nói.

Scott liền quay người và trông thấy một ông già mặc một chiếc *dishdash* dài màu trắng và đội một cái *keffiyeh* lốm đốm đen trắng, với một thắt lưng dày lông lẻo. Ông ta đang bước chậm về phía họ, hai bàn tay giơ lên trời.

Mắt Scott không hề rời khỏi ông già cho tới lúc ông ta dừng chân cách chiếc Cadillac vài mét.

— Tôi được các vị bô lão trong làng cử đến đây vì tôi là người duy nhất nói được tiếng Anh. – Ông ta vừa run rẩy vừa nói từng từ một. – Chúng tôi tin các ông là những kẻ khủng bố đã đến đây để giết Saddam.

Scott không nói gì.

— Xin các ông đi đi. Hãy rời khỏi làng và đi nhanh lên. Các ông cứ lấy chiếc xe Jeep và chúng tôi sẽ chôn những người lính. Thế là sẽ không ai biết các ông đã từng đến đây. Nếu không, Saddam sẽ giết tất cả chúng tôi. Từng người một.

— Ông hãy nói với dân làng chúng tôi ước mong họ không bị hề hấn gì, – Scott nói.

— Tôi tin ông, – ông già nói, – nhưng xin hãy đi đi.

Scott liền chạy tới trước và cởi bộ quân phục của tên quân nhân cao lớn nhất, trong lúc Cohen vẫn chĩa súng vào ông già. Aziz cởi quần áo của ba tên trong lúc Hannah túm lấy chiếc túi của Scott ra khỏi chiếc Cadillac trước khi nhảy lên phía sau chiếc xe Jeep.

Aziz liệng mấy bộ quân phục vào chiếc xe Jeep rồi nhảy lên ghế tài xế. Động cơ vẫn đang chạy. Anh ta cho xe thụt lùi và quay nửa vòng tròn trong lúc Scott ngồi vào phía trước. Aziz bắt đầu di chuyển chậm chậm ra khỏi Tuz Khurmatoo. Cohen quay súng về phía làng, đồng thời dậm lên chân trái anh

ta bằng nắm tay siết chặt.

Scott tiếp tục nhìn về phía sau trong lúc vài ba dân làng dò dẫm ra đường và bắt đầu kéo mấy tên lính ra xa một cách sỗ sàng. Một người khác trèo lên chiếc Cadillac và bắt đầu cho chạy thụt lùi xuống một con đường phụ. Một lát sau không còn thấy bóng dáng tất cả bọn họ. Scott quay lại nhìn thẳng về phía trước.

— Còn khoảng năm cây số nữa là tới xa lộ, – Aziz nói. – Ông muốn tôi làm gì?

— Chúng ta chỉ có một cơ may vượt qua biên giới, – Scott nói, – vì vậy lúc này hãy lái xe vào lùm cây đó. Chúng ta không thể liều lĩnh chạy ra xa lộ cho đến khi trời thật tối.

Anh xem đồng hồ. Bây giờ là 7 giờ 35.

Hannah có cảm giác như máu đang chảy trên mặt nàng. Nàng ngước lên và trông thấy những vết thương sâu hoắm trên chân của Cohen. Nàng lập tức xé góc chiếc *yashmak* của nàng và cố ngăn cho máu ngừng chảy.

— Anh khỏe chứ, Cohen? – Scott lo lắng hỏi.

— Không tệ hơn khi tôi bị một người phụ nữ cắn ở Tangerang, – anh ta trả lời.

Aziz bỗng bật cười.

— Sao anh có thể cười được? – Hannah vừa nói vừa tiếp tục lau sạch vết thương.

— Bởi vì anh ta chính là lý do khiến cho cô ấy cắn tôi, – Cohen nói.

Sau khi Hannah hoàn tất việc băng bó, bốn người thay đổi quân phục Iraq. Trong một giờ, họ không rời mắt khỏi con đường, tìm mọi dấu hiệu của bọn quân nhân. Vài ba dân làng cười lừa, và nhiều người khác đi bộ vượt qua họ theo cả hai hướng, nhưng chiếc xe duy nhất mà họ trông thấy là chiếc máy

kéo cũ đang xinh xịch trên đường trở về làng sau một ngày làm việc.

Trong những phút trôi qua, càng thêm rõ ràng rằng dân làng đã giữ lời hứa của họ và không liên lạc với bất cứ một đội quân nào.

Khi Scott không thể trông thấy con đường trước mặt họ được nữa, anh rà soát lại kế hoạch lần cuối. Tất cả bọn họ đồng ý rằng sự lựa chọn của họ rất hạn chế.

Biên giới gần nhất ở cách đây bảy mươi cây số, nhưng bây giờ Scott chấp nhận mỗi hiểm nguy mà họ có thể mang đến cho bất cứ làng nào chỉ bằng cách chạy ngang qua đó. Anh không cảm thấy kế hoạch của mình là đáng tin cậy, khó tin cậy nữa là đằng khác, nhưng họ không thể chờ đợi trên các ngọn đồi này lâu hơn nữa. Chỉ một thời gian ngắn sau bọn quân nhân Iraq sẽ đổ xô khắp vùng này.

Scott kiểm tra các bộ quân phục. Chừng nào họ còn tiếp tục di động, bất cứ ai cũng sẽ khó nhận diện được họ trong bóng tối như bất cứ một bộ phận nào khác của một đội quân tuần tra. Nhưng một khi họ đã đến xa lộ, anh chỉ biết ít giây sau là họ không còn yên tĩnh. Mọi việc tùy thuộc vào vấn đề làm sao họ có thể đến gần biên giới mà không bị phát hiện.

Khi Scott ra lệnh, Aziz quẹo chiếc xe Jeep lên con đường quanh co để bắt đầu năm cây số đến xa lộ. Họ vượt qua khoảng cách này trong năm phút, và trong suốt thời gian đó họ không gặp chiếc xe nào khác. Nhưng ngay sau khi đến xa lộ, họ nhận thấy con đường đầy những xe tải, xe Jeep, cả xe tăng, chạy theo cả hai chiều.

Không một ai trong bọn họ trông thấy hai chiếc mô tô, chiếc xe tăng và ba chiếc xe tải tách khỏi xa lộ và giảm tốc độ chạy theo đường nhỏ về ngã Tuz Khurmatoo.

Aziz chạy hết tốc lực trong khi Cohen vẫn ngồi ở phía sau khẩu súng. Scott quan sát con đường trước mặt anh, mũ bê rê kẹp thấp xuống. Hannah ngồi ở dưới Cohen, bất động với một khẩu súng trong tay. Bảng chỉ đường

đầu tiên cho biết còn cách biên giới sáu mươi cây số. Trong một lát, Scott lơ đãng nhìn một giếng dầu vẫn tiếp tục bơm ở về phía xa của con đường. Không một ai nói gì trong lúc khoảng cách đến Kirkuk giảm từ năm mươi lăm xuống bốn mươi sáu, rồi ba mươi hai, nhưng tới mỗi tấm bảng và mỗi giếng dầu mới, sự lưu thông lại càng nhộn nhịp hơn và tốc độ của họ bắt đầu hạ thấp xuống một cách nhanh chóng.

Điều nhẹ nhõm duy nhất là không một chiếc xe tuần tra nào chạy qua tỏ vẻ quan tâm đến chiếc xe Jeep.

Trong vòng mấy phút, ngôi làng nhỏ đã nhung nhúc quân nhân thuộc đội Vệ binh ưu tú của Saddam. Ngay cả trong bóng tối, bọn chúng chỉ cần mười viên đạn, và chừng đó phút để tìm ra nơi giấu chiếc Cadillac, và ba mươi viên đạn khác để khám phá ra những năm mộ lấp chừa kín của bốn quân nhân đã chết.

Đại tướng Hamil lắng nghe viên sĩ quan cao cấp khi anh ta gọi điện thoại về báo cáo mọi chi tiết. Tất cả những gì ông ta cần là tần số sóng vô tuyến của chiếc xe Jeep đã đến Tuz Khurmatoo chiều hôm ấy. Viên Đại tướng đặt mạnh máy điện thoại xuống, xem đồng hồ, và điều chỉnh tần số.

Âm thanh duy nhất tiếp tục trong một thời gian.

— Nhất định bọn chúng vẫn đang tìm kiếm một chiếc xe tải hoặc một chiếc Cadillac màu hồng, – Scott đang nói khi máy điện thoại rung chuông.

Cả bốn người cùng sợ chết điếng.

— Trả lời đi, Aziz, – Scott nói. – Anh hãy nghe một cách cẩn thận và cố tìm xem đó là ai.

Aziz nhắc máy lên, lắng nghe một bản tin ngắn, rồi nói bằng tiếng Ả Rập:

— Vâng, thưa ông.

Và anh đặt máy xuống.

— Bọn chúng đã tìm ra chiếc Cadillac và đang ra lệnh cho tất cả các xe Jeep báo cáo với đồn binh gần nhất, – anh ta nói.

— Chẳng bao lâu bọn chúng sẽ nhận ra không phải là người của chúng đang lái chiếc xe Jeep này, – Hannah nói.

— May ra chúng ta có thể còn được hai mươi phút nữa, – Scott nói. – Bao nhiêu cây số nữa mới tới biên giới?

— Gần mười lăm cây số. – Aziz nói.

Viên Đại tướng biết chắc đó là Zeebari, nếu không anh ta đã trả lời với mã số của đội vệ binh ưu tú. Giờ đây ông ta biết bọn chúng đang đi trên chiếc xe gì và hướng về biên giới nào. Ông ta nhắc máy điện thoại lên và lớn tiếng ban một mệnh lệnh khác. Hai viên sĩ quan hộ tống ông ta trong lúc ông ta chạy ra khỏi phòng và vào một khoảng sân rộng phía sau toà nhà.

Những cánh chong chóng của chiếc phi cơ trực thăng riêng của ông ta đang từ từ quay tròn.

Chính Aziz là người đầu tiên phát hiện phần cuối của một hàng xe đầu đang chờ đợi để qua biên giới không chính thức. Scott kiểm tra làn đường bên trong và hỏi Aziz có thể lái xuống một rãnh hẹp như thế hay không.

— Không thể được đâu, ông giáo sư, – anh chàng người Kurd nói với anh.
– Chúng ta sẽ lọt xuống mương mất thôi.

— Thế thì chúng ta không có cách nào khác ngoại trừ chạy thẳng tới giữa đường.

Aziz liền lách chiếc xe Jeep ra giữa đường và cố liều mạng giữ tốc độ. Thoạt tiên anh ta có thể tránh các chiếc xe tải và dòng lưu thông ngược chiều. Điều rắc rối thực sự đầu tiên xảy đến lúc còn cách biên giới hơn sáu cây số khi một chiếc xe tải nhà binh chạy ngược về phía họ không chịu lách qua.

— Tôi sẽ bắn dẹp đường nhỉ? – Cohen hỏi.

— Không, – Scott đáp. – Aziz, anh cứ tiếp tục chạy tới, nhưng chuẩn bị nhảy và trú ẩn giữa đám xe tăng, rồi chúng ta sẽ tụ họp lại.

Ngay lúc Scott sắp sửa nhảy, chiếc xe tải chột lạng qua đường và lọt xuống mương ở về phía bên kia.

— Bây giờ tất cả bọn chúng đều biết chúng ta đang đi đâu. – Scott nói. – Còn bao nhiêu cây số nữa mới đến trạm hải quan, Aziz?

— Từ năm đến năm cây số rưỡi là tối đa.

— Thế thì chúng ta hãy đi bộ tới đó, – Scott nói, mặc dù anh biết Aziz sẵn sàng chạy hết sức nhanh.

Họ đã qua được hơn một cây số rưỡi trong vòng một phút, khi một chiếc phi cơ trực thăng liệng phía trên đầu họ, chiếc đèn chiếu xuống làm sáng trưng cả con đường. Chuông điện thoại vô tuyến lại bắt đầu reo.

— Đừng để ý tới nó, – Scott la lớn trong lúc Aziz tiếp tục lái chiếc xe Jeep ở giữa đường và giữ nguyên tốc độ.

Họ qua được ba cây số trong lúc chiếc phi cơ trực thăng liệng trở lại, chắc hẳn nó đã phát hiện con mồi và bắt đầu chiếu đèn pha vào họ.

— Có một chiếc Jeep đang đuổi theo chúng ta ở phía sau, – Cohen nói trong lúc anh ta quay người lại để nhìn thẳng vào nó.

— Thanh toán nó đi, – Scott nói.

Cohen chấp hành, bắn một loạt đầu tiên vào tấm kính chắn gió và loạt thứ hai vào bánh xe, nhờ ánh sáng chiếu từ trên cao xuống. Chiếc Jeep truy đuổi lạng qua đường và đâm đầu vào một chiếc xe tải đang chạy theo hướng ngược lại. Một chiếc khác nhanh chóng thế chỗ. Hannah nạp đạn lại cho khẩu súng với băng đạn nằm sẵn trên sàn trong khi Cohen tập trung vào con đường phía sau họ.

— Còn hai cây số rưỡi nữa, – Aziz la lớn, suýt đâm vào những chiếc xe tải ở cả hai bên con đường. Chiếc phi cơ trực thăng bay lượn phía trên và bắt đầu bắn một cách bừa bãi, trúng phải nhiều loại xe cộ đang lưu thông theo cả hai chiều.

— Đừng quên rằng hầu hết bọn chúng đều không biết đang săn đuổi cái gì! – Scott nói.

— Xin cảm ơn ông giáo sư cùng chia sẻ lý luận đó với tôi. – Cohen nói. – Nhưng tôi có một cảm giác rằng chiếc phi cơ trực thăng biết chính xác nó đang săn đuổi những ai.

Cohen bắt đầu bắn tới tấp vào chiếc Jeep kế tiếp lúc nó đang vào đúng tầm đạn. Lần này nó chỉ chạy chậm rồi dừng lại khiến cho chiếc xe phía sau đâm thẳng vào nó và tạo nên một chuỗi va chạm trong lúc những chiếc xe phía sau đó cứ tuần tự húc vào đuôi xe trước. Con đường ở phía sau đột nhiên trống hẳn, tựa hồ Aziz là chiếc xe cuối cùng qua được một ngọn đèn xanh.

— Chỉ còn một cây số rưỡi nữa, – Aziz la lớn trong lúc Cohen quay người lại để tập trung vào những gì đang diễn ra ở phía trước anh ta, và Hannah lại

lắp đạn vào khẩu súng máy với băng đạn cuối cùng.

Scott có thể trông thấy những ngọn đèn của chiếc cầu lò mờ hiện ra trước mặt anh: pháo đài Kirkuk bên cạnh ngọn đồi mà Aziz đã kể cho họ nghe, báo hiệu hải quan chỉ còn cách khoảng tám trăm mét. Trong lúc chiếc phi cơ vòng lại và một lần nữa xả đạn như mưa lên con đường.

Aziz cảm thấy bánh xe trước phía tay lái đột nhiên nổ trong lúc anh ta chạy xe trên cầu.

Lúc này Scott có thể trông thấy trạm kiểm soát của người Kurd ở phía trước anh trong lúc chiếc phi cơ trực thăng lượn xuống thấp hơn nữa với cố gắng cuối cùng ngăn chặn họ. Một cơn mưa đạn trúng vào capô của chiếc Jeep, nẩy khỏi cầu và bay vào tấm kính chắn gió. Trong lúc chiếc phi cơ trực thăng lượn ra xa. Scott nhìn lên và trong một giây đồng hồ nhìn thẳng vào mắt của Đại tướng Hamil.

Scott nhìn trở xuống và đâm một lỗ trên tấm kính chắn gió đã vỡ nát, chỉ để khám phá ra anh đang đối diện với hai hàng quân nhân sắp ngay ngắn trước mặt anh, với những khẩu súng trường chĩa thẳng vào chiếc Jeep.

Phía sau hàng quân nhân là hai lối ra nhỏ dành riêng cho những người muốn vào vùng đất của người Kurd^[59] và hai lối vào ở phía bên kia con đường dành riêng cho những người ra khỏi Kirkuk. Hai lối ra đầy nghẹt những xe cộ không sao di chuyển nổi, trong khi hai lối vào thì lại trống trơn – Đúng vậy, vào lúc này không một ai tỏ ý muốn vào nước Iraq của Saddam.

Aziz quyết định rằng anh ta sẽ phải lách qua bên kia đường và liều mạng lái chiếc Jeep vào một trong hai lối vào nhỏ, tới đây rất có thể anh ta gặp phải một chiếc xe chạy ngược lại – trong trường hợp đó họ sẽ bị bắt. Anh ta đang giảm tốc độ, và có thể cảm thấy rằng vành bánh xe trước bên trái đang chạm đất.

Ngay lúc họ ở vào tầm đạn, Cohen khai hoả vào hàng quân nhân trước mặt anh ta. Một số bắn trả, nhưng anh ta đã hạ được vài ba tên trước khi

những tên còn lại chạy tán loạn.

Sau khi giảm tốc độ và chạy được khoảng một trăm mét, Aziz bất thành linh lách chiếc xe Jeep qua bên kia đường và cố lái về phía lối thứ hai. Chiếc Jeep đụng vào bức tường bên phải, phóng thục mạng vào trong đoạn đường hầm ngắn tối đen và va vào bức tường bên trái trước khi thoát ra vào vùng đất không người ở, giữa hai trạm hải quan.

— Cứ chạy tiếp, cứ chạy tiếp. – Scott hét lớn trong lúc họ ló ra khỏi đoạn đường hầm nhỏ.

Đột nhiên có mấy chục quân nhân đuổi theo họ từ phía Iraq

Aziz vẫn tiếp tục giảm tốc độ trong lúc anh ta lái chiếc Jeep trở lại bên trái và hướng về biên giới với Kurdistan chỉ cách khoảng ba trăm mét. Anh ta đạp hết cần ga nhưng đồng hồ tốc độ vẫn không lên nổi quá ba cây số giờ.

Lại một hàng quân nhân nữa – lần này từ biên giới của người Kurd – đang đối đầu với họ, với những khẩu súng trường chĩa vào chiếc Jeep. Nhưng không một ai bắn.

Cohen quay người trong lúc một loạt đạn trúng vào phía sau của chiếc Jeep và một loạt khác bay qua vai anh ta. Một lần nữa, anh ta bắn một loạt về phía biên giới Iraq, và những tên có thể nhanh chân rút lui vào phía sau trạm kiểm soát. Chiếc Jeep tiếp tục lăn bánh thêm mấy mét rồi cuối cùng thút thít ngừng lại ở lưng chừng đường giữa hai hàng rào không chính thức mà Liên Hiệp Quốc không chịu công nhận.

Scott nhìn về phía biên giới người Kurd. Cả trăm quân Peshmerga sắp thành hàng, các khẩu súng trường của họ lúc này mới nhả đạn, – nhưng không phải về phía chiếc xe Jeep. Scott quay lại và trông thấy một hàng quân nhân khác đang dò dẫm tiến lên từ phía Iraq. Anh và Hannah bắt đầu bắn các khẩu súng lục của họ trong lúc Cohen nã một loạt đạn nữa về phía trước rồi đột ngột ngừng lại. Bọn quân nhân Iraq lại bắt đầu rút lui, nhưng cảm thấy ngay rằng kẻ thù của chúng cuối cùng đã hết đạn dược.

Cohen nhảy xuống khỏi chiếc Jeep và nhanh nhẹn rút khẩu súng lục ra.

— Đi nào, Aziz, – anh nói lớn trong lúc phóng về phía trước và khom người lại bên cạnh cửa tài xế. – Chúng ta sẽ phải yểm trợ họ để ông giáo sư có thể đưa bản Tuyên ngôn hệ trọng của ông ấy qua biên giới.

Aziz không trả lời. Thân hình anh ta nằm im lìm tận tay lái, còi xe kêu vang liên tục. Chuông điện thoại vô tuyến vẫn còn reng.

— Bọn chó đẻ đã giết chết anh bạn người Kurd của tôi. – Cohen gào lên.

Hannah chộp lấy cái túi bằng vải bạt trong lúc Scott nhắc Aziz ra khỏi phía trước của chiếc Jeep. Họ cùng nhau kéo lê anh ta trên đoạn đường một trăm mét cuối cùng về phía biên giới với Kurdistan.

Một hàng quân nhân khác của Iraq bắt đầu tiến về phía chiếc Jeep trong lúc Scott và Hannah đưa xác của Aziz mỗi lúc một gần quê hương dân tộc Kurd của anh ta.

Họ nghe nhiều làn đạn khác rít qua họ, và quay người để trông thấy Cohen đang vừa chạy về phía Iraq vừa gào:

— Chúng mày đã giết chết anh bạn người Kurd của tao. Đồ chó đẻ! Chúng mày đã giết chết anh bạn người Kurd của tao...

Một tên trong bọn Iraq ngã, một tên khác ngã, một tên thụt lùi lại trong lúc Cohen tiếp tục tiến về bọn chúng.

Đột nhiên anh ta té quỵ xuống, nhưng không biết bằng cách nào, anh ta vẫn tiếp tục bò về phía trước, cho tới lúc một loạt đạn cuối cùng réo lên. Viên trung sĩ ngã gục trong một vũng máu chỉ cách biên giới Iraq vài ba mét.

Trong khi Scott và Hannah đưa anh chàng người Kurd đã chết vào vùng đất của dân tộc anh ta, bọn quân nhân của Saddam kéo lê tử thi của viên trung sĩ Do Thái trở vào Iraq.

— Tại sao các mệnh lệnh của tôi không được chấp hành? – Saddam hét lớn.

Trong một hồi lâu không một ai chung quanh bàn lên tiếng. Họ biết khả năng tất cả bọn họ được trở về nhà toàn mạng đêm nay quả thực vô cùng mỏng manh.

Đại tướng Hamil lật bìa một tập hồ sơ dày, và nhìn xuống ghi chú viết bằng tay trước mặt ông ta.

— Thiếu tá Saeed là người chịu trách nhiệm, thưa Tổng thống, – viên Đại tướng trình bày. – Chính anh ta đã để cho bọn ngoại đạo tẩu thoát cùng với bản Tuyên ngôn, và vì sao lúc này xác anh ta vẫn đang treo ở Quảng trường Tobrir để cho nhân dân chứng kiến.

Viên Đại tướng chăm chú lắng nghe câu hỏi kế tiếp của Tổng thống.

— Vâng, thưa Sayedi, – ông ta trấn an cấp lãnh đạo. – Hai tên trong bọn khủng bố đã bị giết chết bởi các vệ binh thuộc trung đoàn của tôi. Chúng là hai tên quan trọng nhất trong đội. Chúng đã thoát khỏi sự kiềm chế của Thiếu tá Saeed trước khi tôi đến. Hai tên kia là giáo sư người Mỹ và cô gái.

Tổng thống hỏi một câu khác.

— Không, thưa Tổng thống. Kratz là viên sĩ quan chỉ huy, và đích thân tôi đã bắt được tên lãnh đạo Do Thái khét tiếng này trước khi chất vấn hẳn ta một cách chi li. Chính trong cuộc thẩm vấn đó, tôi đã khám phá ra rằng kế hoạch ban đầu là ám sát ngài, thưa Sayedi, và tôi bảo đảm rằng hẳn ta, cũng như những kẻ trước đây, đã thất bại.

Viên Đại tướng đã không có được câu trả lời đã tập dượt kỹ từ trước cho câu hỏi tiếp theo của Tổng thống, và ông ta nhẹ nhõm khi viên Biện lý Chính phủ can thiệp.

— Có lẽ chúng ta có thể biến đổi toàn bộ vụ này thành lợi thế cho chúng ta, thưa Sayedi.

— Làm sao có thể được, – vị Tổng thống la lớn, – khi hai tên trong bọn đã tẩu thoát cùng với bản Tuyên ngôn và bỏ lại cho chúng ta một bản sao vô dụng mà bất cứ ai có thể đánh vần từ “British” cũng sẽ nhận thấy ngay là một bản giả? Không, chính tôi đã bị biến thành một kho trò cười cho cả thế giới, chứ không phải Clinton.

Mọi cặp mắt giờ đây đều đổ dồn về phía viên Biện lý.

— Không nhất thiết phải như thế, thưa Tổng thống. Tôi tin chắc rằng khi người Mỹ trông thấy báu vật yêu quý của họ, họ sẽ không vội vã trưng bày lại ở viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.

Lần này Tổng thống không ngắt lời, vì thế viên Biện lý nói tiếp:

— Thưa Tổng thống. Chúng ta cũng biết rằng, do thiên tài của ngài, tấm giấy da hiện trưng bày ở Washington cho công chúng Mỹ không hề hoài nghi là, theo đúng lời ngài vừa nói, “một bản sao vô dụng mà bất cứ một ai có thể đánh vần từ “British” cũng sẽ nhận thấy ngay là một bản giả”.

Sắc mặt của Tổng thống lúc này chợt có vẻ tập trung.

— Thưa Sayedi, có lẽ đã đến lúc thông báo cho các hãng thông tấn trên thế giới về chiến thắng của ngài.

— Chiến thắng của tôi? – Tổng thống hỏi lại với vẻ không tin.

— Thưa Sayedi. Chiến thắng của ngài, chưa kể tấm lòng độ lượng của ngài. Xét cho cùng, chính ngài đã ra lệnh trao bản Tuyên ngôn tả tơi đó cho giáo sư Bradley sau khi tên gangster Cavalli đã cố tìm cách bán cho ngài.

Sắc mặt Tổng thống biến sang vẻ trầm tư.

— Ở phương Tây có một ngạn ngữ, – viên Biện lý nói thêm, – về việc giết hai con chim bằng một viên đá.

Một sự im lặng kéo dài theo sau, trong thời gian đó không một ai bày tỏ ý kiến cho tới khi Tổng thống mỉm cười.

CHƯƠNG 34

Bản tường trình chính thức do Chính phủ Iraq công bố vào ngày 2 tháng 7 là không có sự thực trong đó, bản báo cáo nói rằng đã xảy ra một vụ chạm súng ở cửa đồn biên giới tại Kirkuk, trong đó mấy quân nhân Iraq đã chết và nhiều người khác bị thương.

Các nhà lãnh đạo người Kurd không bày tỏ bất cứ ý kiến nào về vấn đề này, trong lúc hai máy điện thoại vệ tinh duy nhất trong phần đất Kurdistan thuộc Iraq thường xuyên bận với những yêu cầu giúp đỡ từ Bộ Ngoại giao Mỹ ở Istanbul.

Khi Charles Streater, vị Đại sứ Mỹ ở Istanbul nghe viên Trưởng phòng của *Reuters* ở Trung Đông điện thoại hỏi tại sao một chiếc phi cơ phản lực của không lực Mỹ đã đáp xuống căn cứ Mỹ ở Silope trên biên giới Thổ Nhĩ Kỳ, rồi trở về Washington với hai hành khách không ai biết danh tánh, vị Đại sứ đã nói với ông bạn cũ rằng ông hoàn toàn không hay biết gì về điều ông ta nói. Viên Trưởng phòng vẫn xem vị Đại sứ là một con người chân thật, mặc dù ông ta nhìn nhận rằng một phần công việc của ông ấy là nói dối vì lợi ích của đất nước mình.

Thực ra, vị Đại sứ đã thức suốt đêm tiếp theo sau một cú điện thoại của vị ngoại trưởng yêu cầu một chiếc trong số phi cơ trực thăng của họ sẽ được phái đến vùng phụ cận của Kirkuk để đón năm người, một Mỹ, một Ả Rập và ba Do Thái rồi đưa họ về căn cứ ở Silope.

Vị Đại sứ đã gọi Washington sau đó vào sáng hôm ấy để báo tin cho Warren Christopher rằng đáng tiếc chỉ có hai người qua được biên giới mà còn sống: một người Mỹ có tên là Scott Bradley và một phụ nữ Do Thái tên Hannah Kopec. Ông không có tin tức nào về ba người kia.

Vị Đại sứ Mỹ hoàn toàn bối rối trước câu hỏi cuối cùng của vị Ngoại trưởng: giáo sư Bradley có mang theo một cái ống giấy hay không? Vị Đại sứ chỉ thất vọng vì viên Trưởng phòng *Reuters* đã không hỏi ông câu đó, để cho ông có thể nói thật với ông ta khi trả lời: “Tôi hoàn toàn không hay biết gì về điều anh nói”.

Scott và Hannah ngủ trong phần lớn chuyến bay trở về Mỹ. Khi họ bước ra khỏi máy bay ở căn cứ không quân Andrews, họ nhận thấy Dexter Hutchins ở cuối cầu thang đang chờ đợi để chào đón họ. Không một ai trong bọn họ ngạc nhiên khi hải quan tỏ ra không mấy quan tâm đến cái túi bằng vải bạt của Scott. Một chiếc xe hơi của CIA nhanh chóng chở họ về hướng Washington.

Trong cuộc hành trình vào thủ đô, Dexter thông báo với họ rằng họ sẽ đi thẳng tới Nhà Trắng để tham dự một phiên họp tối cao, và tường trình mọi việc cho nhiều người khác sẽ hiện diện tại đó.

Họ được đón tiếp ở khu tiếp tân Cánh Tây bởi viên Chánh văn phòng của Tổng thống, ông này dẫn họ tới Văn phòng Bầu dục. Scott không thể không có cảm nghĩ rằng, bởi vì đây là cuộc gặp gỡ đầu tiên của anh với Tổng thống, đáng lẽ anh nên cạo râu vào một lúc nào đó trong hai ngày vừa qua, và không nên mặc nguyên bộ áo quần mà anh đã dùng suốt ba ngày vừa rồi.

Warren Christopher có mặt ở đó để chào đón họ tại cửa văn phòng Bầu dục, và ông giới thiệu Scott với Tổng thống Clinton tựa hồ họ là những người bạn cũ. Bill Clinton chúc mừng Scott trở về nhà, và cảm ơn Hannah về vai trò mà nàng đã đóng trong việc bảo đảm cuộc trở về an toàn của bản Tuyên ngôn.

Scott thích thú gặp Calder Marshall lần đầu tiên. Ông Mendelssohn lần thứ hai và tái ngộ với Dollar Bill.

Dollar Bill cúi đầu chào Hannah.

— Bây giờ tôi mới biết tại sao ông giáo sư sẵn lòng băng qua trái đất để mang cô về, – đó là tất cả những gì ông già Ireland nói.

Sau một lúc bắt tay nhau, không một người nào có thể che giấu sự nóng lòng trông thấy bản Tuyên ngôn. Scott liền mở dây kéo túi xách và cẩn thận lấy ra một cái khăn tắm từ đó anh rút bản tài liệu trước khi trao lại cho người chịu trách nhiệm chính thức là vị Ngoại trưởng. Christopher từ từ trải tấm giấy da. Không một ai trong phòng có thể che giấu vẻ chán ngán trước tình trạng của bản Tuyên ngôn.

Vị Ngoại trưởng chuyển bản tài liệu cho Viện trưởng Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia lúc bấy giờ đang cùng với viên chuyên gia bảo vệ và Dollar Bill bước tới khung cửa sổ rộng lớn trông ra bãi cỏ phía Nam. Từ đầu tiên họ kiểm tra là “Brittish”, và vị Viện trưởng mỉm cười.

Nhưng chỉ một lát sau đó, Calder Marshall thông báo nhận xét kết hợp của họ:

— Đây là một bản giả.

— Làm sao ông có thể chắc chắn như thế? – Vị Tổng thống hỏi.

— *Mea culpa!*^[60] – Dollar Bill nói, có vẻ ngượng ngùng.

— Như thế có nghĩa là Saddam còn đang giữ bản gốc? – Vị ngoại trưởng hỏi với vẻ không tin.

— Không thưa ông. Ông ta chỉ có bản sao mà Scott đã đưa tới Baghdad, – Dollar Bill nói. – Như thế rõ ràng là ông ta đã giữ một bản sao trước khi Scott hoán đổi.

— Vậy thì ai giữ bản gốc? – Bốn người còn lại cùng hỏi.

— Tôi đoán là Antonio Cavalli, – Dollar Bill đáp.

— Hẳn ta là ai? – Vị Tổng thống hỏi, vẫn chưa biết gì hơn.

— Người đã trả tiền cho tôi để làm bản sao hiện ở trong viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia. – Dollar Bill nói, – và đó là người tôi đã giao bản sao thứ hai duy nhất mà tôi hiện đang giữ trong tay.

— Nhưng với từ “Brittish” đã được viết lại với hai chữ “t” thì ông làm sao có thể quả quyết đây là một bản giả. – Dexter Hutchins hỏi.

— Bởi vì, trong năm mươi sáu chữ ký trên bản Tuyên ngôn gốc, sáu chữ có tên thánh là George... Năm người trong số đó ký “Geo”, là theo kiểu thông dụng vào thời ấy. Chỉ có George Wythe ở Washington ký trọn tên. Trên bản sao mà tôi đưa cho Cavalli, tôi đã phạm một sai lầm là viết luôn “Geo” cho Nghị sĩ Wythe, và sau đó phải thêm vào mấy chữ “rge”. Mặc dù nét chữ vẫn hoàn hảo, tôi đã sử dụng một ánh mực đã nhạt hơn. Một sai lầm nhỏ, chỉ có con mắt chuyên nghiệp mới có thể thấy rõ.

— Và ngay cả lúc bấy giờ, chỉ khi bọn chúng biết chúng ta đang tìm cái gì, – Mendelssohn nói thêm.

— Tôi không hề nói cho Cavalli biết, – Dollar Bill tiếp lời, – bởi vì ngay sau khi kiểm tra từ “Brittish”, hẳn ta đã hoàn toàn mãn nguyện.

— Thế là, vào một lúc nào đó chắc chắn Cavalli đã đổi bản sao của hẳn ta với bản gốc, rồi đưa bản sao cho Al Obaydi? – Dexter Hutchins nói.

— Tốt đấy. Ông Phó giám đốc, – Dollar Bill nói.

— Và Al Obaydi lại đưa bản sao cho viên Đại sứ Iraq ở Geneva, rồi ông này lại giao cho Saddam ở Iraq. Và, trong lúc Al Obaydi đến xem bản sao của Dollar Bill trưng bày ở Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia với từ “Brittish” đúng chính tả, hẳn ta đã tin chắc rằng mình đang nắm bản gốc. – Dexter Hutchins nói.

— Cuối cùng ông đã hiểu trọn vấn đề, – Dollar Bill nói.

— Thật ra đáng lẽ tôi phải biết Cavalli có khả năng làm việc đó khi tôi nói với ông cách đây một tháng: “Không còn có danh dự kẻ cướp nữa hay sao?”

— Thế hiện giờ bản gốc ở đâu? – Vị Tổng thống hỏi.

— Tôi tin chắc nó đang treo trên một bức tường trong một ngôi nhà bằng sa thạch ở Manhattan, – Dollar Bill nói, – chắc nó đã ở đấy suốt mười tuần nay.

Bóng đèn trên giá để máy điện thoại bên tay phải Tổng thống chợt bắt đầu lóe sáng. Viên Chánh văn phòng của Tổng thống liền nhắc máy lên và lắng nghe. Con người thường ngày không bao giờ bối rối bỗng tái mét. Ông ta vội nhấn nút đợi.

— Thưa Tổng thống, Bernie Shaw ở *CNN* vừa gọi cho tôi. Anh ta nói Saddam đang tuyên bố rằng vụ oanh tạc Baghdad cuối tuần vừa qua không có gì khác hơn là một bình phong được dựng lên để cho một nhóm khủng bố Mỹ có cơ hội thu hồi bản Tuyên ngôn Độc lập mà một băng Mafia đã cố bán cho ông ta và ông ta đã đích thân hoàn trả lại cho một người tên là Bradley. Bề ngoài Saddam có vẻ gần như hối tiếc về tình trạng của bản Tuyên ngôn, nhưng ông ta đã cho lên truyền hình nhiều tấm ảnh của Bradley đang nhổ nước bọt và giẫm chân lên bản Tuyên ngôn rồi đóng đinh nó vào bức tường. Nếu Tổng thống không tin Saddam, anh ta có thể nói ngài kiểm tra bản sao của bản Tuyên ngôn đang trưng bày ở Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, bởi vì bất cứ một ai có thể đánh vần từ “Brittish” đều sẽ nhận thấy đó là một bản giả. Shaw hỏi Tổng thống có lời bình luận gì hay không, trong lúc Saddam dự định tổ chức một cuộc họp báo vào sáng ngày mai cho cả thế giới biết sự thật.

Vị Tổng thống chum môi.

— Tôi dám cá Saddam đã cho *CNN* một độc quyền về câu chuyện này, nhưng có lẽ chỉ cho tới ngày mai, – viên Chánh văn phòng nói thêm.

— Bất kể là gì, – Dexter Hutchins nói, – hãy cố ngăn chặn đừng cho lan truyền tin này trong đêm nay.

Viên Chánh vẫn phòng ngần ngại một lúc cho tới lúc ông ta trông thấy vị Tổng thống gật đầu đồng ý. Ông ta liền nhấn nút nối tiếp cuộc điện đàm.

— Nếu anh muốn lan truyền một câu chuyện như thế, Bernie, sẽ rất nguy hiểm cho tiếng tăm của anh, chứ không phải của tôi.

Viên Chánh vẫn phòng thận trọng lắng nghe câu trả lời của Shaw trong khi mọi người khác trong phòng đợi chờ trong im lặng.

— Xin cứ tự nhiên, – đó là lời nói cuối cùng của viên Chánh vẫn phòng trước khi ông ta đặt máy điện thoại xuống.

Ông ta quay sang vị Tổng thống và nói:

— Shaw nói anh ta sẽ phái một nhóm người đến bên ngoài Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia lúc mở cửa vào sáng ngày mai, và tôi xin kể lại nguyên văn: Nếu từ “British” viết đúng chính tả, anh ta sẽ lên án ngài.

Vị Tổng thống ngược lên nhìn chiếc đồng hồ xe ngựa đặt trên bệ lò sưởi phía dưới bức chân dung của Abraham Lincoln. Lúc này là bảy giờ quá mấy phút. Ông quay tròn chiếc ghế ông đang ngồi để đối diện với vị Phó giám đốc cơ quan CIA.

— Ông Hutchins, – ông nói, – ông có mười lăm tiếng đồng hồ để ngăn chặn tôi bị lên án. Nếu ông thất bại tôi có thể bảo đảm với ông rằng tôi sẽ không dám đến đây lần thứ hai trong ba năm, chứ đừng nói là ba ngày.

CHƯƠNG 35

Sự rò rỉ khí ga bắt đầu vào lúc sáng sớm ngày Chủ nhật 4 tháng 7, trong tầng hầm số nhà 21, của gia đình Preston đang đi nghỉ mát ở Malibu.

Khi người quản gia Mehico của họ mở cửa lúc quá nửa đêm chừng vài phút, bà ta nghĩ tới chuyện tồi tệ nhất. Một dân di cư bất hợp pháp không có “Thẻ xanh”^[61] sống trong nỗi sợ hãi một ngày nào đó sẽ có một viên chức Chính phủ đến hỏi thăm.

Bà quản gia nhẹ nhõm khi phát hiện những viên chức đặc biệt này chỉ là người của công ty khí đốt đến. Không cần phải nói nhiều lời, bà ta đồng ý đi theo họ xuống tầng hầm của ngôi nhà bằng sa thạch và chỉ cho họ nơi lắp đặt đồng hồ khí đốt.

Ngay sau khi họ vào được nơi này chỉ cần miếng giấy và làm xong công việc. Việc nối lỏng hai van khí đốt bảo đảm một sự rò rỉ nhỏ gây ra một mùi có thể báo động bất cứ một người không chuyên môn nào. Chuyên gia chất nổ đã cam đoan với cấp trên rằng sẽ không có ai quản ngại về một nguyên nhân thực sự nào, miễn là Sở Cứu hoả New York đến nơi trong vòng hai mươi phút.

Viên chức lớn tuổi yêu cầu bà quản gia gọi điện thoại cho Sở Cứu hoả và báo cho họ hay rằng ở nhà số 21 có một vụ rò rỉ khí đốt, nếu không giải quyết nhanh sẽ gây nên một vụ nổ. Ông ta cho biết đúng số điện thoại cần gọi.

Bà quản gia liền quay số 911 và cuối cùng khi đường dây đã được chuyển tới Sở Cứu hoả, bà ta lắp bắp trình bày vấn đề nói thêm rằng số 21 đường 75 ở giữa Park và Madison.

— Hãy đưa mọi người trong toà nhà ra ngoài, – viên trưởng Sở Cứu hoả

hướng dẫn, – và chúng tôi sẽ đến ngay.

— Vâng thưa ông, – bà quản gia nói, không ngừng lấy một giây trước khi bỏ chạy ra đường.

Viên chuyên gia nhanh chóng sửa chữa lại thiết bị anh ta đã gây nên, nhưng mùi khí đốt vẫn còn.

Thật đáng khen là bảy phút sau, một chiếc xe của Sở Cứu hoả New York được trang bị sẵn câu móc và thang hù còi inh ỏi phóng tới đường 75. Ngay sau khi viên trưởng Sở Cứu hoả kiểm soát kỹ tầng hầm của nhà số 21, ông ta đồng ý với viên chức công ty khí đốt – người mà trước kia ông ta chưa hề gặp, rằng cần phải kiểm tra an toàn các nhà số 17, 19, 23 và 25, nhất là vì ống khí đốt chạy song song với hệ thống thoát nước của thành phố.

Lúc bảy giờ vị Phó giám đốc của cơ quan CIA mới rút lui về phía xa của con đường để quan sát viên trưởng Sở Cứu hoả làm công việc của ông ta. Vì tiếng còi đã đánh thức hầu hết mọi người trong khu phố, việc thuyết phục những người ở trong nhà ra ngoài đường tỏ ra không mấy khó khăn.

Dexter Hutchins đốt một điếu xì gà và chờ đợi. Ngay lúc rời khỏi Nhà Trắng, ông đã bắt đầu tập hợp một đội nhân viên chọn lọc, hẹn gặp nhau trong một khách sạn ở New York hai giờ sau đó để nghe phổ biến phương án tác chiến, hay nói cho đúng hơn, chỉ nghe phổ biến một nửa. Bởi vì ngay sau khi vị Phó giám đốc giải thích với họ rằng đây là một cuộc điều tra cấp 7, các nhân viên kỳ cựu nhận thức được họ sẽ chỉ được cho biết một nửa câu chuyện, và chắc chắn rằng không phải là nửa hay hơn.

Phải mất hai giờ nữa họ mới được nghỉ giải lao lần đầu, khi một người trong số nhân viên khám phá ra rằng gia đình Preston ở nhà số 21 đang đi nghỉ mát. Dexter Hutchins và chuyên gia về chất nổ của ông đã đến thăm nhà số 21 ngay sau nửa đêm. Người phụ nữ di cư Mehico không có Thẻ xanh hoá ra là một món quà.

Vị Phó giám đốc đốt lại điếu xì gà, mắt không rời một khung cửa đặc biệt.

Ông thở ra một hơi dài khi Tony Cavalli và ông bố của y ló người ra trong chiếc áo khoác, theo sau là một viên quản gia. Ông quyết định tốt hơn là nên chờ thêm vài phút nữa trước khi yêu cầu viên trưởng Sở Cứu hoả cho phép ông kiểm tra căn nhà số 23.

Toàn bộ công việc lẽ ra đã được triển khai sớm hơn nhiều nếu Calder Marshall không cản trở ý kiến lấy bản Tuyên ngôn ra khỏi tầng hầm ngầm của Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia và giao việc đó cho Dexter Hutchins sắp xếp. Viên trưởng Viện Bảo tàng đặt hai điều kiện trước khi ông chấp thuận yêu cầu của vị Phó giám đốc: nếu CIA thất bại trong việc thay thế bản giả bằng bản gốc trước mười giờ sáng hôm sau, đơn từ chức của Marshall đề ngày 25 tháng 5 sẽ được thông báo một giờ trước khi Tổng thống hoặc Ngoại trưởng lên tiếng tường trình sự việc.

— Còn điều kiện thứ hai của ông, ông Marshall? – Tổng thống hỏi.

— Là ông Mendelssohn sẽ được phép hành động với tư cách một người trông nom bản sao còn lại với ông Phó Giám đốc bất cứ lúc nào, như thế ông ấy sẽ có mặt nếu người ta tìm ra vị trí bản gốc.

Dexter Hutchins nhận thấy ông không thể lựa chọn gì khác ngoại trừ theo các điều kiện của Marshall. Vị Phó Giám đốc nhìn qua viên chuyên gia bảo vệ đang đứng giữa Scott và chuyên gia về chất nổ trên lề đường đối diện với nhà số 23. Dexter Hutchins phải thừa nhận rằng Mendelssohn trong vai một viên chức của công ty khí đốt còn dễ tin hơn bất cứ ai khác trong đội ông.

Ngay lúc Hutchins trông thấy hai người trong số nhân viên của ông ló dạng ra khỏi nhà số 19, ông dụi tắt điếu xì gà và lững thững đi về phía viên trưởng Sở Cứu hoả. Ba người đồng nghiệp của ông theo sau ông chừng vài bước.

— Lúc này chúng tôi có thể kiểm tra nhà số 23 được chưa? – Ông hỏi một cách lơ là.

— Được rồi. – Viên trưởng Sở Cứu hoả nói. – Nhưng chủ nhà đòi phải có

viên quản gia theo sát các ông.

Hutchins gật đầu đồng ý. Viên quản gia liền dẫn bốn người vào tiền sảnh, xuống tầng hầm và thẳng tới chiếc tủ đặt hệ thống cung cấp khí đốt. Anh ta bảo đảm với họ không hề có chút mùi khí đốt nào trước khi anh ta lên giường, một lúc sau khi chủ nhà đi ngủ.

Viên chuyên gia chất nổ làm công việc của mình một cách khéo léo, và trong chốc lát căn hầm sặc mùi khí đốt. Hutchins liền khuyên viên quản gia vì một sự an toàn bản thân anh ta nên trở ra đường. Với một cái khăn tay bịt mũi và miệng, Martin miễn cưỡng đồng ý, bỏ mặc họ cố xác định chỗ rò rỉ.

Trong khi viên chuyên gia sửa chữa hư hỏng, Scott và Dexter bắt đầu kiểm tra từng căn phòng ở tầng hầm. Scott là người đầu tiên bước vào văn phòng của Cavalli và phát hiện tấm giấy da treo trên tường, đúng nơi Dollar Bill đã cam đoan sẽ tìm thấy nó. Trong vòng mấy giây, hai người kia tới gặp anh. Mendelssohn khoái chí nhìn bản tài liệu.

Ông ta kiểm tra từ “brittish” trước khi nhẹ nhàng dỡ khung kính ra khỏi tường và đặt lên bàn phòng họp. Scott mở dây kéo túi dụng cụ lớn mà một nhân viên đã bỏ vào mọi thứ hồi tối, gồm các tuốc nơ vít đủ cỡ, các con dao từ ngắn đến dài, các cây đục từ hẹp đến rộng và có cả một cần khoan nhỏ, quả thực đủ mọi thứ cần thiết cho một thợ làm khung ảnh chuyên nghiệp.

Viên chuyên gia bảo vệ kiểm tra mặt sau của khung kính và yêu cầu một tuốc nơ vít cỡ trung. Scott chọn một cái và đưa qua cho ông ta. Một cách chậm rãi và có phương pháp, Mendelssohn tháo tất cả tám đinh vít giữ hai cái kẹp lớn bằng thép dính vào mặt sau của khung kính. Rồi ông ta lật tấm kính ở phía trước. Dexter Hutchins không thể không có ý nghĩ đáng lẽ ông ta phải khẩn trương hơn một chút.

Viên chuyên gia bảo vệ chẳng để ý tới sự nôn nóng của vị Phó giám đốc, lục lọi trong túi xách cho tới lúc ông ta chọn được một cái đục thích hợp. Ông ta chèn nó vào nửa hai tấm kính ép sát nhau ở góc phải trên cùng của cái

khung. Trong thời gian đó, Scott rút ra khỏi ống bản sao Tuyên ngôn do Mendelssohn cung cấp mà họ đã lấy khỏi Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.

Khi viên chuyên gia bảo vệ nâng tấm kính phía trên lên và tựa vào bàn phòng họp. Scott có thể trông thấy qua nụ cười của ông ta rằng ông ta tin tưởng mình đang nhìn xuống bản gốc.

— Nhanh lên, – Dexter nói, – nếu không bọn họ sẽ bắt đầu nghi ngờ đấy.

Mendelssohn dường như không nghe lời hối thúc của vị Phó giám đốc. Một lần nữa, ông ta kiểm tra lỗi chính tả của từ “Brittish” và mãn nguyện chuyển sự chú ý sang năm từ “Geo” và một từ “George” trước khi liếc qua, thoát tiên nhanh và từ từ trên phần còn lại của tấm giấy da. Nụ cười không hề rời khỏi khuôn mặt ông ta.

Không nói một tiếng nào, viên chuyên gia bảo vệ từ từ cuốn bản gốc lại, và Scott thay thế nó bằng bản sao lấy từ Viện Bảo tàng. Ngay sau khi Scott đặt hai tấm kính trở lại vị trí, anh bắt vít hai cái kẹp thép vào chỗ cũ.

Mendelssohn đặt cái ống vào trong túi dụng cụ, trong lúc Scott treo bản sao lên tường. Cả hai người đều nghe tiếng thở dài nhẹ nhõm của Dexter Hutchins.

— Bây giờ chúng ta hãy ra khỏi đây, – vị Phó giám đốc nói trong lúc sáu cảnh sát viên súng cầm tay hối hả chạy vào phòng và vây quanh họ.

— Đứng yên! – một người trong bọn họ nói lớn.

Mendelssohn ngất xỉu.

CHƯƠNG 36

Tất cả bốn người bị bắt, tay bị còng tay và nghe đọc to các quyền của họ. Rồi họ được đưa lên xe chở tới khu vực Cảnh sát 19.

Khi họ bị thẩm vấn, ba người từ chối nếu không có sự hiện diện của một luật sư. Người thứ tư giải thích với viên trung sĩ tiếp tân rằng nếu cái túi xách mà ông vừa bị tước đoạt được mở ra bất cứ lúc nào mà chưa có sự hiện diện luật sư của ông, một cái trát sẽ được ban hành và sẽ có một vụ kiện riêng đối với Sở Cảnh sát New York.

Viên trung sĩ tiếp tân nhìn người đàn ông ăn mặc chỉnh tề có vẻ khác thường và quyết định không nên mạo hiểm. Anh ta gắn một cái nhãn đỏ vào cái túi và liệng nó vào chiếc tủ sắt.

Cũng chính người đàn ông đó yêu cầu gọi một cú điện thoại theo quyền hợp pháp của ông. Lời yêu cầu được chấp thuận, nhưng phải sau khi một mẫu giấy được điền vào và ký tên, Dexter Hutchins liền gọi cho vị Giám đốc của cơ quan CIA lúc 2 giờ 27 phút sáng.

Vị Giám đốc thú thực với cấp dưới rằng ông đã không thể nào ngủ được. Ông chăm chú lắng nghe bản báo cáo của Hutchins và khen ông đã không tiết lộ danh sách hoặc bất cứ chi tiết nào về nhiệm vụ bí mật cho cảnh sát biết.

— Chúng ta không cần bất cứ người nào biết các anh là những ai. — Ông ta nói thêm. — Chúng ta phải chắc chắn trong mọi lúc không làm bận tâm Tổng thống.

Ông dừng lại một lát rồi tiếp:

— Hoặc quan trọng hơn nữa, cho CIA.

Khi Phó giám đốc đặt điện thoại xuống, ông và ba đồng nghiệp của ông bị xô đẩy vào những phòng giam riêng.

Vị Giám đốc của cơ quan CIA mặc chiếc áo khoác và đi xuống phòng làm việc. Sau khi ông chép lại tóm tắt cuộc nói chuyện với viên phó của mình, ông kiểm tra một số trong máy vi tính trên bàn. Ông chậm rãi quay mã số vùng 212.

Vị Giám đốc Sở Cảnh sát New York thốt lên những lời nói chọn lọc kỹ khi ông trả lời điện thoại, cho tới lúc ông đủ cảnh giác để hiểu rõ người đang hết sức tỉnh táo ở đầu kia đường dây. Rồi ông bật sáng ngọn đèn bên cạnh giường và bắt đầu ghi chép lên một tập giấy. Vợ ông trở mình, và cũng nói mấy lời chọn lọc kỹ riêng phần bà.

Vị Giám đốc CIA chấm dứt câu chuyện với lời bình luận:

— Tôi mang ơn ông một việc.

— Hai chứ, – vị Giám đốc Sở Cảnh sát nói. – Việc thứ nhất là tôi được cố gắng giải quyết vấn đề của ông.

— Còn việc thứ hai? – Vị Giám đốc CIA hỏi.

— Đánh thức vợ tôi vào lúc ba giờ sáng.

Vị Giám đốc Sở Cảnh sát còn ngồi trên mép giường, trong khi ông tìm số điện thoại nhà riêng của viên Đại úy phụ trách khu vực cảnh sát đặc biệt kia.

Viên Đại úy nhận được giọng nói của cấp trên ngay lúc ông ta nhắc máy điện thoại lên, và chỉ nói như đây là một cú điện thoại trong đêm bình thường.

— Chào ông Giám đốc.

Vị Giám đốc tóm tắt mọi việc cho viên Đại úy nghe mà không hề nhắc tới cú điện thoại của vị Giám đốc CIA hoặc cho biết bất cứ manh mối nào về bốn người đang mò mẫm chờ đợi trong phòng giam ban đêm là những ai – mặc dù bản thân ông biết rất rõ. Vị Đại úy hí hoáy viết các sự kiện chính yếu lên mặt sau tạp chí *Good Housekeeping* của bà vợ ông ta, rồi cũng không nghĩ tới chuyện tắm hoặc cạo râu, nhanh chóng mặc lại bộ quần áo đã dùng ngày hôm trước. Ông ta rời khỏi nhà ở Queens lúc 3 giờ 21 và đích thân lái xe vào Manhattan, bỏ lại xe hơi bên ngoài trụ sở Cảnh sát khu vực lúc gần bốn giờ.

Các viên cảnh sát vẫn còn thức đầy đủ vào giờ giấc sáng sớm đó đều ngạc nhiên khi trông thấy cấp trên chạy lên mấy bậc thềm vào tiền sảnh, nhất là vì ông ta có vẻ nhếch nhác, không cạo râu, và kẹp thêm một cuốn *Good Housekeeping* dưới nách.

Ông ta sai bước vào phòng của viên trung úy trực ban khiến anh ta vội rút hai chân khỏi mặt bàn. Viên trung úy có vẻ hoang mang khi được hỏi về bốn người vừa bị bắt trước đó, vì ông ta chỉ mới lấy khẩu cung một tên buôn lậu ma túy.

Viên Trung sĩ tiếp tân được gọi vào gặp viên Đại úy trong văn phòng viên trung úy trực ban. Viên cảnh sát dày dạn từng trải, luôn luôn nghĩ mình đã chứng kiến nhiều chuyện nhất trong ngành, nhìn nhận đang giam giữ bốn người nhưng vẫn còn lúng túng vì toàn bộ sự việc, bởi vì anh ta không sao nghĩ ra bất cứ điều gì để buộc tội họ – cho dù sự thật là một trong số gia chủ – một người tên Antonio Cavalli, đã gọi điện thoại cách đây mấy phút để hỏi bốn người có còn bị tạm giam hay không, vì một chuyện rắc rối đã nảy sinh. Không một ai trong số cư dân báo cáo có vật gì bị lấy mất, như vậy không thể kết tội ăn trộm. Không thể buộc tội vào nhà bất hợp pháp, vì trong mỗi lần họ đều được mời vào. Chắc chắn không thể khép họ vào tội dính líu tới chuyện tấn công và xâm phạm, vì họ rời khỏi nhà ngay lúc họ được yêu cầu. Tội trạng duy nhất viên Trung sĩ có thể nghĩ tới là giả dạng các viên chức của thành phố.

Viên Đại úy tỏ ra không hề quan tâm đến việc viên Trung sĩ tiếp tân có thể tìm ra lý do nào để buộc tội họ hay không. Tất cả những gì ông ta muốn biết là:

— Cái túi đã được mở ra chưa?

— Chưa thưa Đại úy. – Viên Trung sĩ vừa nói vừa cố nghĩ anh ta đã để nó ở đâu.

— Thế thì Trung sĩ hãy thả họ ra sau khi đóng tiền bảo lãnh, chờ luận tội sau, – viên Đại úy chỉ thị. – Tôi sẽ giải quyết công việc giấy tờ.

Công việc giấy tờ khiến viên Đại úy mất một thời gian đáng kể, và mãi tới sáu giờ quá mấy phút, họ mới được thả ra.

Khi họ cùng nhau bước xuống thềm trụ sở Sở Cảnh sát khu vực, người nhỏ nhắn mang kính trắng nắm chặt cái túi vẫn chưa được mở ra.

Antonio Cavalli giật mình thức dậy. Y đã nằm mơ thấy mình bị lôi ra khỏi giường vút ra ngoài đường phố vào giữa đêm khuya.

Y bật ngọn đèn bên cạnh giường và chụp lấy chiếc đồng hồ. Lúc bấy giờ là 0 giờ 47. Y bắt đầu nhớ lại chuyện đã xảy ra vài giờ trước đó.

Ngay sau khi họ ra ngoài đường, Martin đã đi theo bốn người đàn ông trở vào trong nhà. Quá nhiều đối với một vụ rò rỉ khí đốt đơn giản, Cavalli nghĩ. Và viên chức của công ty khí đốt nào mà lại hút xì gà và có đủ tiền mua một bộ com lê ở cửa hàng Saks trên Đại lộ 5. Sau khi họ đã ở bên trong khoảng mười lăm phút, Cavalli lại càng nghi ngờ hơn nữa. Y liền hỏi viên trưởng Sở Cứu hoả là ông ta có quen biết với bốn người kia không. Viên Trưởng Sở nhìn nhận rằng, mặc dù họ đã có thể cho ông ta biết đúng mã số qua điện

thoại, ông ta chưa từng gặp họ bao giờ. Ông ta cho rằng Cavalli có lý khi y gợi ý rằng có lẽ đã đến lúc kiểm tra lại với Consolidated Edison. Nhân viên phụ trách tổng đài của nơi này cho biết rằng họ không có các kỹ sư nào ra ngoài vì được gọi điện thoại đêm hôm ấy để xuống Đường 75. Viên trưởng Sở Cứu hoả chuyển ngay tin tức này cho Sở Cảnh sát. Vài phút sau, sáu cảnh sát viên đã tiến vào nhà số 23 và bắt cả bốn người đàn ông.

Sau khi bọn họ được đưa về Sở Cảnh sát, bố y và Martin đã giúp Tony kiểm tra từng phòng trong nhà, nhưng theo họ trông thấy thì không thiếu món gì. Họ đi ngủ lại lúc 1 giờ 45.

Giờ đây, Cavalli hoàn toàn tỉnh táo, mặc dù y có ý nghĩ mình vừa nghe một tiếng động từ tầng trệt. Có phải đó cũng chính là tiếng động đã đánh thức y? Tony xem đồng hồ một lần nữa. Bố y và Martin vẫn thường dậy sớm, nhưng ít khi vào khoảng giữa ba và bốn giờ sáng.

Cavalli xoay mình ra khỏi giường và đặt chân lên nền nhà. Y vẫn còn có cảm tưởng rằng chắc chắn y đã nghe được nhiều tiếng nói.

Y choàng một chiếc áo khoác và bước tới cửa phòng ngủ. Y từ từ mở cửa, đi ra ngoài tới đầu cầu thang và liếc qua dây lan can. Y có thể trông thấy một làn ánh sáng chiếu ra từ phía dưới cửa phòng làm việc của bố y.

Y liền di chuyển nhanh qua dây cầu thang độc nhất và lạng lẽ băng qua hành lang lót thảm cho đến khi dừng lại bên ngoài phòng làm việc. Y cố nhớ lại khẩu súng gần nhất ở nơi nào.

Y thận trọng lắng nghe, nhưng không sao nghe được một tiếng chuyển động nào từ bên trong. Rồi đột nhiên, một giọng nói bắt đầu lớn tiếng nguyên rủa! Tony liền mở tung cửa và thấy bố y, cũng đang mặc một chiếc áo khoác, đứng phía trước bản Tuyên ngôn Độc lập và cầm một cái kính lúp trong bàn tay phải. Ông ta đang nghiên cứu từ “British”

— Bố cảm thấy ổn cả chứ? – Tony hỏi bố y.

— Lẽ ra con phải giết chết Dollar Bill khi bố đã bảo con. – Đó là lời bình

luận duy nhất của bố y.

— Nhưng tại sao? – Tony hỏi.

— Bởi vì bọn chúng đã lấy trộm bản Tuyên ngôn độc lập!

— Nhưng bố đang đứng phía trước nó kia mà, – Tony nói.

— Không, không phải thế, – bố y nói. – Con vẫn chưa hiểu bọn chúng đã làm gì hay sao?

— Không, con không biết, – Tony nhìn nhận.

— Bọn chúng đã đổi bản gốc bằng bản sao vô giá trị mà con đã đặt vào trong Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.

— Nhưng bản sao trên tường chính là một bản khác do Dollar Bill tạo ra, – Tony nói. – Con đã trông thấy ông ta trao cho bố.

— Không, – bố y nói. – Bản của bố là bản gốc, chứ không phải bản sao.

— Con không hiểu, – Tony nói, lúc này hoàn toàn rối tinh rối mù.

Ông già liền quay lại và nhìn thẳng vào mặt con trai ông lần đầu tiên.

— Nick Vicente và bố đã hoán đổi chúng khi con mang bản Tuyên ngôn trở ra khỏi Washington.

Tony nhìn chăm chăm vào bố y trong lúc ông ta nói tiếp:

— Con không nghĩ bố có thể cho phép một phần di sản của đất nước chúng ta rơi vào tay của Saddam Hussein đấy chứ?

— Nhưng tại sao bố đã không cho con hay? – Tony hỏi.

— Và để cho con đi Geneva, mặc dù bố biết con đang giữ một bản giả, trong khi hợp đồng vẫn còn chưa kết thúc hay sao? Không, một phần kế hoạch của bố vẫn là con sẽ tin tưởng bản gốc đã được gửi đến công ty Franchard, bởi vì nếu con tin tưởng như thế, Al Obaydi cũng sẽ tin tưởng như con.

Tony không nói gì.

— Và chắc chắn con sẽ không cãi vã kịch liệt như vậy khi bị mất năm mươi triệu nếu con biết tồng tồng trong tài liệu con đang có ở Geneva chỉ là một bản giả.

— Thế thì bản gốc hiện giờ ở đâu? – Tony hỏi.

— Một nơi nào đó trong văn phòng của khu vực Cảnh sát 19, bố dám cá là như vậy, – bố y trả lời. – Và đó là điều bố định tìm hiểu ngay bây giờ.

Nói đoạn. Ông ta bước tới bàn làm việc và nhắc cuốn niên giám điện thoại lên. Ông chủ tịch quay bảy con số và yêu cầu nói chuyện với sĩ quan trực ban. Ông xem đồng hồ trong khi chờ nối đường dây. Lúc đó là 4 giờ 22.

Khi viên Trung sĩ tiếp tân đến nghe, Cavalli giải thích ông là ai, và hỏi hai câu. Ông ta cẩn thận lắng nghe hai câu trả lời rồi đặt máy điện thoại lên móc.

Tony khẽ nhếch mày.

— Bọn chúng vẫn còn bị nhốt trong phòng giam và cái túi được cất trong tủ sắt. Chúng ta có trả lương cho một người nào ở khu vực Cảnh sát 19 hay không? – Bố y hỏi.

— Có một Trung úy đã làm việc rất ít cho chúng ta trong thời gian gần đây.

— Thế thì đã đến lúc anh ta thi hành nghĩa vụ để đền đáp lại cho chúng ta, – bố y nói trong lúc ông ta bước về phía cửa.

Tony vượt qua ông. Lên cầu thang từng ba nấc một để trở về phòng ngủ của y. Y mặc y phục trong vòng mấy phút và bước trở xuống cầu thang, tưởng sẽ phải chờ một lúc bố y mới xuất hiện, nhưng ông ta đứng sẵn ở cửa trước.

Bố y mở khoá cửa và Tony đi theo ông ra ngoài lề đường, vượt qua y để nhìn ngược đường tìm một chiếc taxi vùn. Nhưng không có một chiếc nào

chịu queo phải vào đường 75 vào giờ giấc này trong buổi sáng.

— Chúng ta sẽ phải đi xe của mình, – bố y lớn tiếng nói trong lúc đã bắt đầu băng qua đường về phía nhà để xe. – Chúng ta không thể lãng phí một phút nào nữa.

Tony phóng trở vào nhà và lấy chùm chìa khoá xe trong hộc bàn ở tiền sảnh. Y bắt kịp bố y trước khi ông tới nơi đậu xe của họ.

Trong lúc Tony buộc dây an toàn, y quay người và hỏi bố y:

— Nếu chúng ta tìm được cách lấy lại bản Tuyên ngôn, lúc đó bố định làm gì?

— Để bắt đầu, bố sẽ đích thân hạ sát Dollar Bill, như thế bố mới chắc chắn rằng hẳn ta sẽ không bao giờ tạo ra một bản sao nào nữa. Rồi sau đó...

Tony xoay chìa khoá công tắc.

Tiếng nổ kế tiếp đánh thức tất cả mọi người trong vùng lân cận lần thứ hai trong sáng hôm ấy.

Bốn người chạy xuống thêm trụ sở Cảnh sát khu vực. Người nhỏ nhắn nhất trong bọn nắm chặt cái túi xách. Một chiếc xe hơi mà động cơ đã nổ sần sàng trong suốt giờ qua liền queo qua đường và ngừng lại bên cạnh họ. Một trong bốn người chậm bước lại trong ánh sáng lờ mờ của ban mai, vẫn còn chưa chắc tại sao kiến thức chuyên môn của mình đã được đòi hỏi ngay từ đầu.

Dexter Hutchins ngồi vào ghế bên cạnh tài xế, trong khi Scott và chuyên gia bảo vệ trèo nhanh lên băng sau.

— La Guardia, – Dexter nói rồi cảm ơn người nhân viên vì đã phải thức

nửa đêm.

Scott nhìn qua khoảng giữa hai chiếc ghế phía trước trong lúc đồng hồ điện tử chuyển từ 6:11 sang 6:12.

Viên tài xế lạng ra làn đường bên ngoài.

— Đừng vượt quá tốc độ giới hạn, – Dexter ra lệnh. – Chúng ta không được trễ nải vì bất cứ lý do nào trong giai đoạn này.

Viên tài xế liền thận trọng di chuyển trở vào làn giữa.

— Chuyển bay thường xuyên kế tiếp vào lúc nào? – Scott hỏi.

— Delta, bảy giờ ba mươi. – Viên tài xế trả lời.

Dexter nhắc máy điện thoại lên và bấm mười số. Một giọng nói ở đầu dây bên kia lên tiếng:

— Tôi đây.

Vị Phó giám đốc chỉ trả lời.

— Chúng tôi đang trên đường đi, thưa ngài. Tất cả sẽ có mặt đúng lúc.

Dexter đặt máy điện thoại và xoay quanh để an tâm rằng viên chuyên gia bảo vệ im lặng vẫn còn ở bên họ. Ông ta ôm chặt cái túi lúc này đang nằm yên trên chân ông.

— Tốt hơn nên lấy tất cả mọi thứ ra khỏi cái túi, ngoại trừ ống giấy. – Dexter nói. – Nếu không chúng ta sẽ không bao giờ có thể qua khỏi lực lượng an ninh.

Mendelssohn liền mở dây kéo của cái túi và cho phép Scott lấy ra những cây tuốc nơ vít, dao, đục và cuối cùng là cần khoan rời để tất cả lên sàn xe khoảng giữa họ. Sau đó ông ta đóng ngay dây kéo lại.

Lúc 6 giờ 43, viên tài xế tách ra khỏi xa lộ và chạy theo các bảng hiệu tới La Guardia. Không một ai nói gì cho đến khi xe hơi dừng lại ở lề đường lót

đá đối diện với lối vào phòng đợi Không lực của Thủy quân Lục chiến.

Trong lúc Dexter bước ra khỏi xe hơi, ba người đàn ông nhảy ra khỏi chiếc xe, lách vào lề đường ngay phía sau họ, và dẫn vị Phó giám đốc vào phòng đợi của sân bay. Một người đàn ông khác mặc một com lê chỉnh tề màu xám than, với một chiếc áo mưa trên cánh tay, đưa ra một phong bì trong lúc Dexter đi qua ông ta. Vị Phó giám đốc lấy gói đồ như một vận động viên chạy tiếp sức mà không chậm bước, trong lúc ông tiếp tục về phía phòng đợi lên máy bay: nơi đây ba nhân viên nữa đang chờ đợi ông.

Sau khi đã đăng ký, Dexter Hutchins chỉ muốn bước tới bước lui trong lúc chờ lên máy bay, nhưng ông cứ phải đứng bần chồn bên cạnh bản Tuyên ngôn Độc lập, vây quanh bởi một vòng nhân viên.

“*Chuyến bay đi Washington sắp khởi hành ở cổng số 4.*” – Một tiếng nói thông báo trên loa.

Chín người chờ đợi cho tới lúc những người khác đã lên máy bay. Khi nhân viên đứng bên cạnh gập đầu, Dexter dẫn cả đội qua người thu vé, lên cầu thang và vào trong máy bay. Họ ngồi vào các ghế 1A–F và 2A–F. Ghế 2E chỉ dành riêng cho cái túi, còn ghế 2D và F cho hai người đàn ông trong bọn nặng trên hai trăm ký.

Viên phi công chào mừng họ lên máy bay và báo cho họ biết có thể trễ một chút. Dexter xem đồng hồ: 7 giờ 27. Ông bắt đầu nhíp ngón tay tên chỗ tựa tay phân chia ông với Scott. Tiếp viên chuyển bay đưa cho mỗi người trong số chín người ở hàng ghế thứ nhất một tờ *USA Today*. Chỉ có Mendelssohn nhận tờ báo.

Lúc 7 giờ 59, chiếc máy bay chạy ra phi đạo để chuẩn bị cất cánh. Khi nó chợt dừng lại, Dexter hỏi cô tiếp viên chuyện gì đang gây chậm trễ.

— Sáng sớm nào cũng thế, – cô ta trả lời. – Ông Đại úy vừa cho tôi hay chúng ta là số bảy trong hàng, vì thế chúng ta sẽ cất cánh vào khoảng mười hoặc mười lăm phút nữa.

Dexter tiếp tục nhíp ngón tay lên chỗ tựa tay, trong khi Scott không thể rời mắt khỏi cái túi. Mendelssohn giở một trang khác của tờ *USA Today*.

Chiếc máy bay quay tròn trên phi đạo, cất cánh lúc 7 giờ 51. Các động cơ phản lực rú mạnh ga trước khi di chuyển từ từ về phía trước, rồi tăng tốc độ. Các bánh xe rời khỏi mặt đất lúc 7 giờ 53.

Trong chốc lát, cô tiếp viên trở lại, dọn điểm tâm cho tất cả mọi người. Cô ta không trả lời một câu rõ ràng cho tới lúc tới hàng ghế thứ bảy. Sau đó cô ta đưa cà phê như thường lệ mỗi sáng cho ba nhân viên phi hành đoàn, cô ta hỏi vị Đại úy tại sao các dãy ghế từ ba tới sáu đều không có người ngồi, nhất là vì hôm nay là ngày lễ Độc lập.

Viên Đại úy không sao nghĩ ra lý do và chỉ nói:

— Cô hãy để mắt tới các hành khách ngồi ở hàng ghế một và hai.

Ông ta lại càng thêm tò mò về chín người ở phía trước máy bay khi ông ta được phép hạ cánh ngay lúc ông ta vừa thông báo cho ban kiểm soát không lưu rằng ông ta còn cách Washington một trăm mười cây số.

Ông ta bắt đầu hạ cánh lúc 8 giờ 33 và đến cổng đúng thời biểu lần đầu tiên từ nhiều tháng nay. Khi ông ta tắt động cơ, ba người lập tức chặn lối đi giữa hai hàng ghế và vẫn đứng đó cho tới lúc vị Phó giám đốc và đoàn người của ông đã vào hết trong phòng đợi của phi trường. Khi Dexter Hutchins ló mặt trong khu vực cổng hãng hàng không Delta, một nhân viên đóng vai John the Baptist^[62], trong khi ba người khác ủng hộ phía sau, trong vai môn đồ của ông.

Vị Giám đốc rõ ràng đã xem việc bảo vệ và lôi cuốn sự chú ý là quan trọng. Dexter phát hiện bốn nhân viên khác trong lúc ông đi qua phòng đợi, và tin chắc tối thiểu còn có hai mươi người khác ẩn nấp tại các điểm chiến lược trên đoạn đường ông đi tới chiếc xe hơi.

Trong lúc Dexter đi qua phía dưới đồng hồ điện tử, mấy chữ số màu đỏ chớp sáng 9:01. Hai cánh cửa trượt mở và ông bước ra lề đường. Ba chiếc xe

sắp hàng chờ đợi với tài xế bên cạnh cửa.

Ngay lúc họ trông thấy vị Phó giám đốc, tài xế của xe đầu và thứ ba nhảy vào sau tay lái và cho máy nổ, trong khi tài xế xe thứ hai vẫn giữ cửa sau mở để Scott và Mendelssohn bước lên. Vị Phó giám đốc theo nhân viên ở phía trước.

Chiếc xe hơi dẫn đầu hướng về phía Đại lộ George Washington, và trong mấy phút đoàn xe qua cầu đường 14.

Lúc đài kỷ niệm Jefferson hiện ra, Dexter xem đồng hồ một lần nữa. Lúc này là 9 giờ 12.

— Đủ thì giờ chán, – ông nhận xét.

Chưa đầy một phút sau, họ đã bị kẹt xe.

— Khi thật! – Dexter nói. – Tôi đã quên các đường phố sẽ bị ngăn chặn để diễu hành ngày Độc lập.

Ngay khi họ chỉ di chuyển được thêm tám trăm mét trong ba phút kế tiếp, Dexter liền bảo tài xế họ không còn cách lựa chọn nào khác.

— Hú còi đi! – Ông nói.

Viên tài xế bật đèn chớp, cho còi hú tối đa và quan sát trong lúc chiếc xe dẫn đầu đổi hướng vào làn đường trong và cố giữ một tốc độ đều sáu mươi lăm cây số cho tới khi họ đến xa lộ cao tốc.

Đến đây, Dexter xem đồng hồ từng ba mươi giây một trong lúc ba chiếc xe hơi cố khéo léo đổi làn đường, nhưng một vài ba công dân Washington chẳng thềm xê dịch vì tiếng còi và đèn chớp, vẫn không chịu để cho họ chạy qua.

Chiếc xe dẫn đầu ngoặt vào giữa hai rào cản của cảnh sát và quẹo vào đại lộ Constitution lúc 9 giờ 37. Khi Dexter trông thấy những chiếc xe diễu hành đang sắp hàng chờ xuất phát. Ông ra lệnh tắt còi. Điểm cuối cùng ông cần là

tránh những con mắt tọc mạch khi rớt cuộc họ dừng lại bên ngoài Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.

Chính Scott là người đầu tiên trông thấy họ. Anh vỗ nhẹ lên vai Dexter và chỉ tay về phía trước. Một đội quay phim của đài truyền hình đang đứng ở đầu một hàng người bên ngoài cổng của Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.

— Chúng ta sẽ không bao giờ qua mặt được họ, – Dexter nói, rồi quay sang Mendelssohn hỏi tiếp. – Có đường nào khác vào trong toà nhà không?

— Có một cửa giao hàng ở đường 7, – Mendelssohn trả lời.

— Tốt quá, – Dexter Hutchins nói.

— Hãy chạy xe qua cổng trước rồi thả tôi xuống ở góc đường. – Viên chuyên gia bảo vệ nói. – Tôi sẽ băng ngang đại lộ Constitution và vào theo cửa giao hàng.

— Thả ông xuống ở góc đường à? – Dexter nói với vẻ hoài nghi.

— Nếu tôi bị các nhân viên của ông vây quanh, mọi người sẽ... – Mendelssohn cố gắng giải thích.

— Phải, phải, phải, – vị Phó giám đốc vừa nói vừa cố suy nghĩ.

Ông nhắc máy điện thoại lên và chỉ thị cho hai chiếc xe kia chạy đi chỗ khác.

— Chúng tôi sẽ phải mạo hiểm thôi, – Scott nói.

— Tôi biết, – Dexter nói. – Nhưng tối thiểu anh có thể đi với ông ấy. Xét cho cùng, anh không bao giờ trông có vẻ như một điệp viên.

Scott không biết chắc chắn anh có nên xem nhận xét đó có phải là lời khen ngợi hay không.

Trong lúc họ chạy xe từ từ qua Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Dexter mới rời mắt khỏi đội quay phim đang nôn nóng.

— Họ gồm bao nhiêu người? – Ông hỏi.

— Khoảng sáu người. – Scott nói. – Và tôi nghĩ chắc là Shaw đang quay lưng về phía chúng ta.

— Ông hãy chỉ cho tôi chính xác nơi ông muốn ngừng lại, – vị Phó giám đốc vừa nói vừa quay lại nhìn thẳng vào mặt Mendelssohn.

— Thêm năm chục mét nữa, – ông ta đáp.

— Anh lấy cái túi đi, Scott.

— Nhưng... – Mendelssohn lên tiếng.

Khi ông ta trông thấy sắc mặt của Dexter Hutchins. Ông ta không dám nói thêm một tiếng nào.

Chiếc xe hơi chạy chậm lại trên đoạn đường dốc rồi ngừng lại. Scott nắm chặt cái túi, nhảy ra và giữ cửa mở cho Mendelssohn. Tám nhân viên đang bước tới bước lui trên đường cố làm ra vẻ ngây thơ, không một ai trong bọn họ nhìn về phía thềm Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia. Hai người có vẻ không giống bọn đồng hành băng nhanh qua đại lộ Constitution và bắt đầu chạy tới đường 7.

Khi họ đến cửa giao hàng, Scott đối mặt với một người mà anh mới biết ngày hôm trước, là Calder Marshall. Ông ra đang lo lắng bước qua lại này giờ ở cuối đoạn đường dốc.

— Tạ ơn Chúa, – vị Viện trưởng chỉ nói có thể khi ông trông thấy Scott và viên chuyên gia bảo vệ chạy xuống đoạn đường dốc.

Ông lặng lẽ dẫn họ vào thang máy đã mở cửa sẵn. Họ lên hai tầng lầu rồi chạy dọc theo hành lang cho tới lúc họ tới cầu thang dẫn xuống tầng hầm ngầm. Marshall quay lại để xem hai người còn ở bên cạnh ông hay không, trước khi bắt đầu chạy xuống các bậc thang, điều mà không một nhân viên nào từng trông thấy trước đây. Scott đuổi theo vị Viện trưởng, theo sau là Mendelssohn. Không một ai ngừng lại cho tới lúc họ đến một bộ cửa thép đồ

sộ.

Marshall gật đầu và viên chuyên gia bảo vệ nín thở cúi người về phía trước, bấm một mã số vào cái hộp nhỏ bên cạnh cửa. Tấm lưới bằng thép từ từ mở ra để cho ba người bước vào tầng hầm ngầm. Ngay sau khi họ đã ở bên trong, viên chuyên gia bảo vệ bấm một nút khác, và cánh cửa trượt trở lại vị trí.

Họ dừng lại trước khối bê tông lớn đã được xây dựng để cất giữ bản Tuyên ngôn Độc lập. Y hết một linh mục trước một bàn thờ, Scott xem đồng hồ. Lúc này đã là 9 giờ 51.

Mendelssohn bấm một nút đỏ và tiếng loảng xoảng cùng tiếng quay tròn quen thuộc bắt đầu khi khối bê tông tách ra rồi các khung trống đồ sộ từ từ hiện rõ. Ông ta lại sờ cái nút khi khung kính tới ngang ngực.

Vị Viện trưởng và viên chuyên gia bảo vệ bước về phía trước trong khi Scott mở dây kéo của cái túi. Vị Viện trưởng lấy hai chìa khoá ra khỏi túi áo vét và đưa một chiếc cho người đồng nghiệp của ông. Họ lập tức bắt vào việc tháo mười hai bù loong cách đều nhau quanh vành đồng dày. Ngay sau khi họ hoàn tất công việc, họ cúi xuống và nhấc cái khung lên cho tới lúc trông nó giống như một cuốn sách mở.

Scott liền lấy cái ống giấy ra và đưa cho vị Viện trưởng Marshall mở nắp ống, để cho Mendelssohn thận trọng kéo vật để từ bên trong ra.

Scott quan sát trong lúc vị Viện trưởng và viên chuyên gia bảo vệ từ từ trải bản Tuyên ngôn Độc lập ra, từng phân một trên mặt kính đang chờ đợi, cho tới lúc tấm giấy da nguyên bản cuối cùng trở về với vị trí chính đáng của nó.

Scott cúi xuống và nhìn một lần cuối từ sai chính tả trước khi hai người đặt cái khung bằng đồng trở lại như cũ.

— Lạy Chúa, người Anh còn phải chịu trách nhiệm dài dài, – đó là tất cả những gì viên Viện trưởng nói.

Calder Marshall và viên chuyên gia nhanh chóng siết lại mười hai bù loong chung quanh khung và thụt lùi một bước trước bàn Tuyên ngôn. Họ chỉ ngừng một giây trong khi Scott lại xem đồng hồ tay, 9 giờ 57. Anh nhìn lên và nhận thấy Marshall và Mendelssohn ôm chặt nhau và nhảy nhót như những cậu bé vừa nhận được một món quà bất ngờ.

Scott khẽ ho một tiếng rồi nói:

— 9 giờ 58 rồi đấy! Quý ngài!

Hai người lập tức trở lại với cá tính của mình.

Vị Viện trưởng bước trở lại khối bê tông. Ông ngừng một lát rồi bấm nút đỏ. Cái khung đồ sộ dâng cao tiếp tục cuộc hành trình lên phía trên tới phòng triển lãm để cho công chúng đang chờ đợi được xem.

Calder Marshall quay người lại nhìn thẳng vào mặt Scott. Một nụ cười thoáng qua bộc lộ sự nhẹ nhõm của ông. Ông cúi chào như một chiến sĩ Nhật Bản để ngụ ý rằng ông cảm thấy danh dự đã được mãn nguyện. Viên chuyên gia bảo vệ bắt tay Scott rồi bước tới cửa, ấn một mã số vào cái hộp nhỏ và quan sát chiếc lưới mở ra.

Marshall đi theo Scott ra ngoài hành lang, lên cầu thang và trở xuống tầng hầm bằng thang máy để ra cửa giao hàng.

— Cảm ơn giáo sư! – Ông nói trong lúc bắt tay nhau trên cầu lên hàng.

Scott phóng lên đoạn đường dốc và quay lại nhìn ngay sau khi đã tới lề đường. Không thấy bóng dáng vị Viện trưởng.

Anh bước nhanh qua đường 7 và đến gặp Dexter trong chiếc xe đang chờ.

— Có vấn đề gì không, giáo sư? – Phó giám đốc CIA hỏi.

— Không, không có gì, loại trừ ông tính đến hai con người đứng đắn có vẻ như họ đã già thêm mười tuổi trong hai tháng vừa qua.

Tiếng chuông thứ mười đổ trên chiếc đồng hồ tháp Bưu điện cũ. Những

cánh cửa của Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia mở toang và một đội quay phim chạy ào vào.

Chiếc xe hơi của vị Phó giám đốc chạy ra giữa đại lộ Constitution, nơi đây nó bị kẹt vào giữa hai chiếc xe điều hành của Tennessee và Texas. Một sĩ quan cảnh sát chạy qua và ra lệnh cho tài xế rẽ vào đường 7.

Khi xe dừng lại. Dexter cho kính cửa chạy xuống, mỉm cười với viên sĩ quan và nói:

— Tôi là Phó giám đốc của cơ quan CIA.

— Còn tôi là Chú Sam^[63]. – Viên sĩ quan đáp lại và bắt đầu viết giấy phạt.

CHƯƠNG 37

Vị Phó giám đốc của cơ quan CIA gọi điện thoại cho vị Giám đốc tại nhà riêng để nói cho ông hay rằng mọi việc vẫn bình thường ở Viện Bảo tàng Lịch sử Quốc gia. Ông không nhắc tới tấm giấy phạt vi phạm luật giao thông.

Viên chuyên gia bảo vệ gọi điện thoại cho bà vợ và cố giải thích tại sao ông đã không về nhà đêm hôm trước.

Một người phụ nữ cầm một cái túi đựng đồ có quai bằng dây thừng tiếp xúc với vị Đại sứ Iraq tại Liên Hiệp Quốc qua máy điện thoại di động và cho ông ta hay cô đã giết hai con chim với một viên đá. Cô ta cho vị Đại sứ số tài khoản tại một ngân hàng ở Bahamas.

Vị Giám đốc của cơ quan CIA gọi điện thoại cho Ngoại trưởng và cam đoan với ông ta rằng bản tài liệu đã ở đúng vị trí. Ông tránh nói “trở về vị trí”.

Susan Anderson điện thoại cho Scott để chúc mừng phần việc anh đã đóng góp vào việc thu hồi bản tài liệu vào nơi chính đáng. Cô ta cũng nhân dịp này nhắc tới tin buồn là cô đã quyết định từ hôn.

Vị Đại sứ Iraq tại Liên Hiệp Quốc thông báo cho ông Dummond để chuyển số tiền chín trăm nghìn đô la tới ngân hàng Hoàng gia Canada ở Bahamas và đồng thời đóng tài khoản của Al Obaydi.

Vị Ngoại trưởng điện thoại cho Tổng thống ở Nhà Trắng để báo tin rằng cuộc họp báo được hoạch định lúc mười một giờ sáng hôm ấy đã bị huỷ bỏ.

Một phóng viên săn tin hình sự cho tờ *New York Daily News* xếp vào hồ sơ ấn bản đầu tiên anh ta vừa mua ở quầy điện thoại trong một nhà để xe dưới

đất trên đường 75. Đầu đề của bài báo là: “Mafia tàn sát ở Manhattan”.

Máy điện thoại của Lloyd Adams không ngừng rung chuông, trong lúc ông ta vẫn liên tục được đề nghị tham gia vào mọi việc từ xác nhận chất lượng để quảng cáo cho đến làm một cuốn phim đặc biệt.

Vị Viện trưởng viện Bảo tàng không gọi lại sau một cú điện thoại từ một trong những trợ lý đặc biệt của Tổng thống ở Nhà Trắng mời ông dùng bữa trưa.

Một nhà sản xuất phim của *CNN* ghé thăm phòng tin tức để cho họ biết rằng tất cả chỉ là trò lừa bịp. Phải, ông ta đã xác minh từ “Brittish” và chỉ Dan Quayle có thể nghĩ là nó có hai chữ “t”.

Scott điện thoại cho Hannah và nói với nàng anh muốn trải qua ngày Độc lập như thế nào.

HẾT

• Chú Thích •

[1] Worry bead: một loại hạt nhỏ dùng để mân mê trong tay có tác dụng làm dịu sự lo lắng hoặc nôn nóng, đặc biệt ở miền Cận Đông

[2] Tức các nước: Litva, Lithuania và Estonia.

[3] Tức London School of Economics: trường đại học kinh tế London.

[4] Tức Frank Sinatra ca sĩ và tài tử điện ảnh nổi tiếng của Mỹ.

[5] Jan Vermeere (1632-1675): họa sĩ Hà Lan.

[6] Elvis Presley, ca sĩ nhạc rock lừng danh tại Mỹ, sinh ngày 8-1-1935 và qua đời vì bệnh ngày 16-8-1977, hôm đó tổng thống Mỹ đã cho phép cả nước để tang một ngày.

[7] Virginia, thành phố thuộc bang Nevada.

[8] Saladin (1137-1193): quốc vương Ai Cập và Siria (1174-1193).

[9] Lacrosse: môn thể thao ở Mỹ, tương tự môn hockey, mỗi đội 10 cầu thủ, dùng vợt dẫn bóng, bắt bóng và ném bóng.

[10] IRA: Irish Republican Army: đạo quân Cộng hoà Ireland.

[11] Bill: tên gọi tắt của William.

[12] Câu lưu: giam giữ

[13] Pin: đơn vị dung tích của Mỹ bằng 0,478 lít

[14] Mona Lisa: bức họa nổi tiếng của Leonardo da Vinci, họa sĩ điêu khắc gia, kiến trúc sư, kỹ sư người Ý (1452-1599) còn được gọi là La Gioconda, vẽ chân dung một người đàn bà với nụ cười người bí ẩn.

[15] Maglla Casts: bản Đại Hiến chương mà vua nước Anh là John đã bị

các Nam tước ép phải chấp thuận vào ngày 15-06-1215.

[16] Tức là cuốn “A Time to love and a Time to Die” (Một thời để yêu và một thời để chết) của nhà văn Mỹ ra đời ở Đức Erich Maria Remarque (1898 -1970)

[17] Library of Congress: thư viện quốc gia ở Washington D.C được thành lập năm 1800 bởi Quốc hội Mỹ trước kia được dành riêng cho các nghị sĩ, nay là một trong những thư viện cho công chúng lớn nhất thế giới.

[18] National Archives.

[19] NCAA: National Collegiate Athletic Association: Hội Vận động viên Đại học Quốc gia.

[20] Entebe: thành phố ở Nam Uganda, thủ đô của Uganda thời còn là một nước bảo hộ thuộc Anh (1894 - 1962).

[21] Button Gwinnett (1735-1777) nhà ái quốc Mỹ ra đời tại Anh, một trong những người ký tên vào bản Tuyên ngôn độc lập của Mỹ.

[22] Alexander Calder (1898 - 1976): nhà điêu khắc trừu tượng Mỹ.

[23] Representative: đại diện.

[24] COD (Collect on delivery): thu tiền khi rao hàng.

[25] Leavenworth: nhà tù của liên bang ở tại thành phố cùng tên phía Đông Bắc bang Kansas trên sông Missisipi.

[26] Theodore Rosevelt trên lưng ngựa (Roosevelt là tổng thống thứ 26 của Mỹ từ 1901 đến 1909).

[27] Lincolns Inn: một trong bốn toà nhà Inns of Court (Grays Inn, Lincolns Inn, Inner Temple và Middle Temple) của bốn công ty luật ở London có đặc quyền nhận các luật sư tập sự.

[28] DCPD: District of Columbia Police Department: Sở Cảnh sát quận Columbia.

[29] AT&T: American Telephone and Telegraph: Công ty điện thoại và điện tín Mỹ.

[30] Tức Franklin Delano Roosevelt (1882-1945), Tổng thống thứ 32 của Mỹ (1933 - 1945)

[31] John Adams (1735-1826): Tổng thống thứ hai của Mỹ (1797-1801). Thomas Jefferson (1743-1826) Tổng thống thứ ba của Mỹ (1801-1809).

[32] Pullman carriage: toa xe lửa có giường nằm, lấy theo tên nhà phát minh Mỹ, G.M. Pullman (1831-1897).

[33] Bưu điện phát nhanh Liên bang.

[34] George Washington (1732-1799), Tổng thống đầu tiên của Mỹ (1789-1797).

[35] John Hancock (1737-1793): Chủ tịch Quốc hội Mỹ (1775-1777), người ký tên đầu tiên trong bản Tuyên ngôn Độc lập.

[36] George III (1738-1820): vua nước Anh và Ireland (1760-1820).

[37] Genesis: cuốn sách đầu tiên của Kinh Thánh, kể lại sự hình thành của thế giới và lịch sử của Giáo hội Công giáo.

[38] Exodus: cuốn sách thứ hai của Kinh Thánh mô tả cuộc ra đi khỏi Ả Rập của người Do Thái.

[39] Henri Matisse (1869-1954): Hoạ sĩ Pháp.

[40] Pièce de résistance (tiếng Pháp): món ăn đặc biệt nhất, công trình quan trọng nhất.

[41] Deribrillator: loại máy chặn đứng các cơn co thắt hỗn loạn của cơ tim khiến nhịp tim không đều và đôi khi không bơm được máu (fibrillation).

[42] William Butler Yeats (1865-1939): nhà thơ, kịch, phê bình. George Bernard Shaw (1858-1950): nhà soạn kịch, phê bình. Oscar Wilde (1854-1900): nhà thơ, soạn kịch, tiểu thuyết gia. Sam O'Casey (1880-1964): nhà

soạn kịch. James Joyce (1882-1941): tiểu thuyết gia.

[43] Cung điện của vua Anh.

[44] Karmal: hải cảng ở Đông nam Thụy Điển.

[45] Amman: thủ đô của Jordan, thành phố Rabbah trong kinh Thánh.

[46] Gurkha: một dân tộc sống trong vùng núi của Nepal, nổi tiếng là những chiến sĩ giỏi.

[47] Whitehall: đường phố ở Westminster (California), nơi có nhiều cơ quan của chính phủ.

[48] Alexander Fleming (1881-1955) nhà vi khuẩn học người Anh đã khám phá ra Penicilline cùng với Howard Walter Florey (1898-1968). James Joyce (1882-1941) tiểu thuyết gia Ireland. Plato (427-347 trước CN) triết gia Hy Lạp. Aristote (384-322 trước CN) triết gia Hy Lạp, môn đồ của Plato.

[49] Julius II (1443-1513) Đức Giáo hoàng thứ hai của Tòa thánh Vatican.

[50] Sistine Chapel: Nhà nguyện chính ở Vatican tại Rome nổi tiếng với các bức tranh màu nước, vẽ trên tường và trần nhà của Michelangelo và một số nghệ sĩ khác.

[51] George Bernard Shaw (1856-1950): nhà soạn kịch, phê bình Ireland.

[52] Tương đương với 35 độ C.

[53] Sandhurst: Một làng thuộc quận Berkshira ở Anh, gần Học viện Quân sự Hoàng gia Anh (Royal Military Academy).

[54] Theo thần thoại Hy Lạp, binh lính Hy Lạp trốn trong một con ngựa gỗ lớn được kéo đến bỏ ở cổng thành Troy. Khi người thành Troy mang con ngựa vào trong thành, binh lính Hy Lạp ào ra mở cổng cho phần còn lại ở bên ngoài tràn vào tiêu diệt thành.

[55] Pincushion: tấm đệm nhỏ để ghim kim may.

[56] Iraq ở giữa sáu quốc gia Trung Đông: Thổ Nhĩ Kỳ (Bắc), Iran (Đông), Kuwait (Nam), Saudi Arabia (Tây Nam), Jordan (Tây) và Syria (Tây Bắc).

[57] Tiếng lóng, có nghĩa là Cadillac, dùng để diễn một vật gì sang trọng và cao cấp nhất.

[58] New Haven: Thành phố ở miền Nam Connecticut, thuộc tiểu bang New England của Mỹ.

[59] Kurdistan: vùng đất ở tây nam châu Á với cư dân đa số thuộc dân tộc Kurd, chiếm cứ phía Đông Nam Thổ Nhĩ Kỳ, Bắc Iraq và Tây Bắc Iran.

[60] Tiếng Latin có nghĩa là: do lỗi của tôi, tôi chịu trách nhiệm.

[61] Green Card: thẻ đăng ký, lúc đầu có màu xanh lá cây, cho phép một người nước ngoài được sống và làm việc trong nước Mỹ.

[62] John the Baptist: theo Thánh kinh, là người mở đường và rửa tội cho Jesus.

[63] Chú Sam (tiếng lóng): nước Mỹ.